

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2016 -2020)

HÀ NỘI, tháng 06-2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	v
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vi
Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI.....	1
1.1. Khái quát về Trường Đại học Giao thông Vận tải	1
1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải	1
1.1.2. Các thành tích đã đạt được	2
1.1.3. Cơ cấu tổ chức	2
1.2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Giao thông Vận tải....	3
1.2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD	3
1.2.2. Mô tả những thách thức chính mà CSGD gặp phải và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó	4
1.2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của CSGD và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	5
1.2.3.1. Mô tả những điểm mạnh	5
1.2.3.2. Mô tả những cơ hội	6
1.3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng về Trường Đại học Giao thông Vận tải (xem Phụ lục 01)	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	9
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	9
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	24
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý.....	33
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	41
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	58
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực.....	68
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	80
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	110
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	119

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	128
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống BDCL bên trong.....	136
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	145
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	159
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	167
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	175
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	184
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học	195
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	210
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	220
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	229
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	238
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	253
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	260
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	272
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	284
DANH MỤC MINH CHỨNG	292
1. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn sứ mạng và văn hóa.....	292
2. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 2: Quản trị	299
3. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 3: lãnh đạo và quản lý	306
4. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	340
5. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	345
6. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 6: quản lý nguồn nhân lực.....	353
7. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	401
8. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	422
9. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	432
10. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	436
11. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	440
12. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	446
13. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	469

14. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	474
15. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	479
16. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học.....	485
17. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 17: các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học	489
18. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	496
19. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ.....	502
20. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.	505
22. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	514
23. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	518
24. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	526
25. Danh mục Minh chứng Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường.....	534
PHỤ LỤC	537
Phụ lục 01. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD	537
Phụ lục 02. Các quyết định, kế hoạch TĐG	594

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 7.1.1. Các chỉ số tài chính	84
Bảng 7.1.2. Cấu trúc nguồn thu của nhà trường.....	84
Bảng 7.1.3. Cấu trúc chi của nhà trường	84
Bảng 15.3.1 Kết quả khảo sát phản hồi của SV về hoạt động dạy - học.....	178
Bảng 17.2.1. Các loại học bổng hỗ trợ SV	198
Bảng 17.2.2 Bảng thống kê số lượng SV tham gia chương trình trao đổi SV	200
Bảng 17.3.2 Thống kê số lượng SV được miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội	206
Bảng 17.3.3 Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV vay vốn.....	206
Bảng 21.2.1. Các loại học bổng hỗ trợ SV	244
Bảng 22.1.1. Thời gian đào tạo các bậc, hệ của Trường Đại học GTVT	253
Bảng 24.1.1 Hợp tác với các đối tác trong đào tạo, nghiên cứu.....	274
Bảng 24.1.2 Đề tài, dự án NCKH.....	274
Bảng 24.1.3 Phát minh, sáng chế phục vụ cộng đồng.....	274
Bảng 24.1.4 Các hội thảo khoa học	275
Bảng 24.2.1 Số tiền quyên góp ủng hộ đồng bào (triệu đồng).....	277
Bảng 24.2.2 Các công trình, phần việc qua các chiến dịch Thanh niên tình nguyện Mùa hè xanh (triệu VNĐ).....	278
Bảng 24.2.3 Các hoạt động, phần việc qua các chiến dịch Tình nguyện Mùa đông (triệu VNĐ).....	279
Bảng 24.2.4. Số đơn vị máu thu được hàng năm	279
Bảng 24.3.2 Sự hài lòng của SV đối với các mặt hoạt động của Nhà trường	280
Bảng 24.3.3 Sự hài lòng của CB, GV về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ...	280
Bảng 24.3.4 Sự hài lòng của SV về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	280
Bảng 24.3.5 Tổng kết “Mùa hè xanh”	280
Bảng 24.3.6 Các phong trào tình nguyện khác.....	280
Bảng 24.4.1 Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	281
Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu của trường trong 5 năm 2016 - 2020	284
Bảng 25.1.2. Thống kê tổng chi cho đào tạo, NCKH, con người và đầu tư giai đoạn 2016-2020	285
<i>DVT: Triệu đồng</i>	285

Bảng 25.1.3. Tỷ lệ Chi học bổng hàng năm	286
Bảng 25.1.4. Đối sánh các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020.....	286

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT	3
Hình 4.1. Quy trình triển khai thực hiện chiến lược.....	45
Hình 5.1. Hệ thống thiết kế và ban hành quy chế đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng	58
Hình 7.1.1. Cơ cấu các nguồn thu giai đoạn 2016 – 2020	85
Hình 7.1.2. Cơ cấu các nguồn chi giai đoạn 2016 - 2020	85
Hình 16.1.1. Mô tả các nội dung đánh giá người học tại trường ĐH GTVT	184
Hình 16.1.2 Quy trình đánh giá người học và trách nhiệm các bên liên quan	186
Hình 16.1.3. Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học và trách nhiệm các bên liên quan	187
Hình 17.1.1. Sơ đồ các hoạt động phục vụ hỗ trợ SV	195

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết đầy đủ	Viết tắt
1	ASEAN University Network - Quality Assurance	AUN-QA
2	Ban chấp hành	BCH
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GDĐT
4	Bảo vệ môi trường	BVMT
5	Cán bộ coi thi	CBCT
6	Cán bộ, giảng viên	CB-GV
7	Cán bộ, viên chức	CBVC
8	Conceive - Design - Implement – Operate	CDIO
9	Chuẩn đầu ra	CĐR
10	Chuyển giao công nghệ	CGCN
11	Câu lạc bộ	CLB
12	Chất lượng cao	CLC
13	Chất lượng giáo dục	CLGD
14	Chất lượng phát triển	CLPT
15	Chương trình tiên tiến	CTTT
16	Công nghệ thông tin	CNTT
17	Cơ sở dữ liệu	CSDL
18	Cơ sở giáo dục	CSGD
19	Cựu sinh viên	CSV
20	Cơ sở vật chất	CSVC
21	Công tác chính trị và sinh viên	CTCTSV
22	Chương trình đào tạo	CTĐT
23	Công văn	CV
24	Dự án	DA
25	Bảo đảm chất lượng	BĐCL
26	Đại học	ĐH
27	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Trường ĐH GTVT
28	Doanh nghiệp	DN
29	Đào tạo	ĐT

STT	Viết đầy đủ	Viết tắt
30	Đào tạo đại học	ĐTĐH
31	Đoàn Thanh niên	ĐTN
32	Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ	ĐTTHCGCN
33	Giáo dục đại học	GDĐH
34	Giáo sư	GS
35	Giao thông vận tải	GTVT
36	Giảng viên	GV
37	Hành chính	HC
38	Hiện đại hóa	HDH
39	Hợp tác quốc tế	HTQT
40	Khoa học công nghệ	KHCN
41	Kế toán	KT
42	Ký túc xá	KTX
43	Kiểm định chất lượng giáo dục	KĐCLGD
44	Lao động sản xuất	LĐSX
45	Nghiên cứu khoa học	NCKH
46	Nghiên cứu phát triển	NCPT
47	Ngân sách nhà nước	NSNN
48	Nhân viên	NV
49	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Phòng KTBĐCLĐT
50	Phát triển	PT
51	Phòng thí nghiệm	PTN
52	Phục vụ cộng đồng	PVCĐ
53	Quyết định	QĐ
54	Sở hữu trí tuệ	SHTT
55	Sở hữu trí tuệ	SHTT
56	Sinh viên	SV
57	Sinh viên tình nguyện	SVTN
58	Thông báo	TB
59	Tài chính	TC

STT	Viết đầy đủ	Viết tắt
60	Tổ chức cán bộ	TCCB
61	Tài chính kế toán	TCKT
62	Tự đánh giá	TĐG
63	Thể dục thể thao	TDTT
64	Trung học phổ thông	THPT
65	Thạc sĩ	ThS
66	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
67	Thành phố	TP
68	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.HCM
69	Tiến sĩ khoa học	TSKH
70	Trung tâm	TT
71	Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin	TTUDCNTT
72	Ứng dụng	ƯD
73	Vừa học vừa làm	VHVL
74	Văn phòng điện tử	VPĐT

Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

1.1. Khái quát về Trường Đại học Giao thông Vận tải

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải

Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) có tiền thân là trường Cao đẳng Công chính Việt Nam được khai giảng lại dưới chính quyền Cách mạng vào ngày 15 tháng 11 năm 1945 theo Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường là một trong những trường có truyền thống trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

Ngày 24/3/1962, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã có nghị định 42/CP về việc thành lập trường ĐH GTVT nhằm đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 27/4/1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định về việc thành lập cơ sở 2 của Trường tại Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học về giao thông vận tải của các tỉnh phía Nam. Ngày 15/7/2016, thành lập Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2419/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên nền Cơ sở II.

+ Sứ mạng

Trường Đại học Giao thông vận tải có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

+ Tầm nhìn đến năm 2030

Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

+ Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng

Tiên phong: Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội,

Chất lượng: Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín,

Trách nhiệm: Đối với cán bộ, giảng viên, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế,

Thích ứng: Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

+ Triết lý giáo dục

Trường Đại học GTVT hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện cả về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo. Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng

1.1.2. Các thành tích đã đạt được

Nhà trường là một trong những đơn vị đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của trường ĐH GTVT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và nhà nước đã trao tặng Nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như:

* Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (2011)

* Danh hiệu Anh hùng Lao động (2007)

* Huân chương Hồ Chí Minh (2005)

* 03 Huân chương Độc lập Hạng Nhất (2000, 2015 và 2020)

* Huân chương Độc lập Hạng Nhì (1995)

* Huân chương Độc lập Hạng Ba (1986)

* 02 Huân chương Lao động Hạng Nhất (1982 và 1990)

* 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì (1977 và 2004)

* 02 Huân chương Lao động Hạng Ba (1966 và 1999)

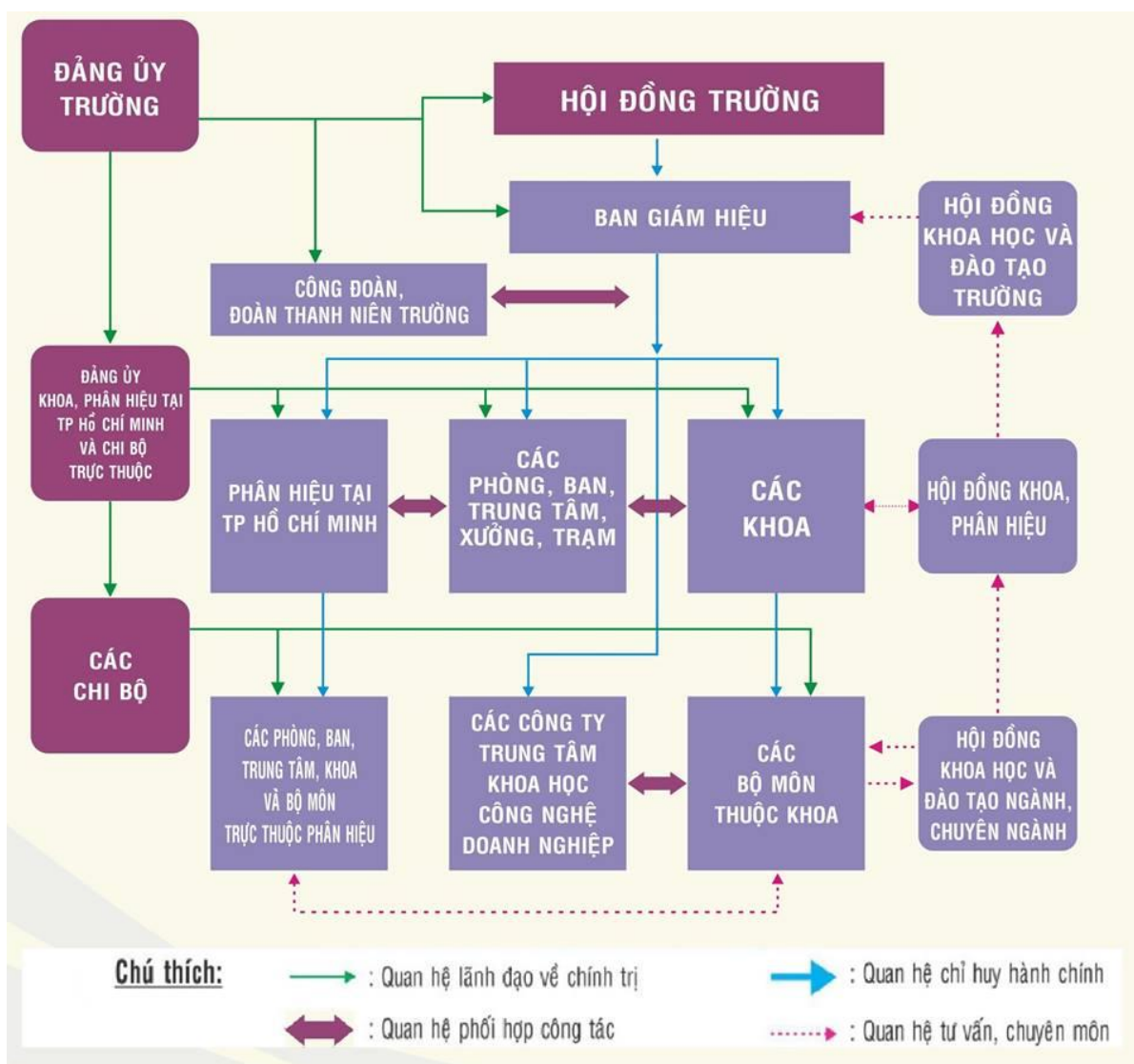
* Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì (1973)

1.1.3. Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào Luật giáo dục 2005 và Điều lệ trường đại học Việt Nam, trường ĐH GTVT là trường đại học công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nước CHXHCN Việt Nam. Trường có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, nghiên cứu khoa học về các ngành kỹ thuật, công nghệ cũng như kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong ngành giao thông vận tải và các lĩnh vực có liên quan.

Bộ máy tổ chức của trường ĐH GTVT hiện nay bao gồm Đảng uỷ, Hội đồng

trường, Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, như sơ đồ dưới đây:



Hình 1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT

Trường ĐH GTVT có các đơn vị trực thuộc, bao gồm:

- 12 khoa: Khoa Công trình, Khoa Cơ khí, Khoa Vận tải - Kinh tế, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Giáo dục quốc phòng, Khoa Môi trường & An toàn giao thông, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Đào tạo quốc tế, Khoa Quản lý xây dựng.

Tại phân hiệu TP.HCM có 14 phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc: phòng Tổ chức hành chính, phòng KHCN & Đối ngoại, phòng Đào tạo đại học, phòng CTCT & SV, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Thiết bị quản trị, phòng Khảo thí và BDCL, trung tâm ĐTTH & CGCN GTVT, trung tâm Thông tin thư viện, Ban Quản lý Ký túc xá, ban Thanh tra, Khoa Công trình, Khoa Vận tải – Kinh tế, Khoa Khoa học cơ bản.

1.2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Giao thông Vận tải

1.2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD

Trường Đại học Giao thông Vận tải là trường đại học công lập, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Giao thông Vận tải luôn thực hiện theo những quy định, hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên. Các quy định pháp lý cốt lõi, bao gồm:

- 1) Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo;
- 2) Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;
- 3) Nghị quyết số 21-NQ/TU Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”;
- 4) Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- 5) Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- 6) Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Điều lệ trường đại học”;
- 7) Nghị định số 73/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học;
- 8) Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học;
- 9) Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

1.2.2. Mô tả những thách thức chính mà CSGD gặp phải và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó

Sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa các trường đào tạo có cùng ngành/chuyên ngành đào tạo: Trong xu thế tăng cường tự chủ đại học, thị trường đào tạo nhân lực ngày càng có nhiều sự tham gia tích cực của các cơ sở giáo dục đại học trong nước cũng như nước ngoài. Các trường đại học trẻ tuổi thường có mô hình gọn, linh hoạt và đặc điểm năng động, dễ chấp nhận cái mới, đưa những trường thành lập lâu đời vào một vị trí bất lợi nếu không vận động và kịp thời thay đổi.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục, khoảng cách về địa lý, văn hóa đang ngày càng bị thu hẹp. Cuộc cạnh tranh để giành những sinh viên nhiều triển vọng nhất và những giảng viên, những nhà khoa học xuất sắc nhất đang diễn ra không chỉ trong từng nước mà ở phạm vi toàn cầu. Xu thế đi du học của các

sinh viên, đặc biệt là những sinh viên xuất sắc tạo ra sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng sinh viên có chất lượng tại các trường ĐH ở Việt Nam trong đó có trường ĐH GTVT. Nguồn nhân lực chất lượng cao có thể sẽ có xu hướng làm việc tại các nước công nghiệp phát triển thay vì ở Việt Nam hoặc nếu ở trong nước sẽ là xu hướng dịch chuyển từ các trường đại học công lập sang các trường tư thục, doanh nghiệp - là những nơi có lợi thế hơn về mặt tài chính hay điều kiện làm việc.

Với việc nước ta mở cửa nền kinh tế khi tham gia vào các hiệp định đối tác quốc tế, cơ hội việc làm trình độ cao sẽ dễ bị mất vào lao động của các nước phát triển hơn do trình độ, kinh nghiệm và đặc biệt là khả năng ngoại ngữ của người lao động trong nước không bằng một số nước trong khu vực cũng như trên thế giới như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines.

Thách thức của việc đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và nền kinh tế đối với nguồn nhân lực trình độ cao. Xã hội và người học sẽ nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội và người học. Chất lượng giáo dục ngày càng được lượng hóa thông qua các chứng nhận kiểm định và xếp hạng các trường đại học.

Nhu cầu về đào tạo đại chúng trở nên bão hòa nhưng nhu cầu về đào tạo chất lượng cao, đào tạo tinh hoa lại tăng. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm giảm nhu cầu sử dụng lao động đại trà trong các công trường, nhà máy và các ngành kinh tế khác, đặc biệt là trong nhóm ngành kỹ thuật như ngành GTVT. Sự thay đổi nhanh chóng của tri thức và công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn đến khả năng dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động ngày càng khó khăn, danh mục nghề đào tạo và chương trình đào tạo sẽ phải điều chỉnh, cập nhật liên tục. Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đòi hỏi sự chuẩn bị nguồn lực mạnh mẽ về giảng viên và không gian học tập để có thể ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật số vào việc thay đổi phương thức và phương pháp đào tạo.

Các lĩnh vực đặc biệt mà cách mạng công nghiệp 4.0 đang hướng tới đã được thảo luận và làm rõ tại các diễn đàn công nghiệp thế giới bao gồm công nghệ thông tin, quản lý mạng, khai thác dữ liệu, bảo mật, vật liệu, y sinh học, rô-bốt v.v. Như vậy một số ngành nghề đào tạo đang là thế mạnh của trường không còn thuộc các nhóm ngành ưu tiên.

1.2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của CSGD và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

1.2.3.1. Mô tả những điểm mạnh

Đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; trong đó có nhiều chuyên ngành truyền thống được hình thành từ rất sớm (hơn 50 năm), mang tính đặc thù và có uy tín trong

xã hội. Nhà trường luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo để hướng tới mô hình đào tạo tiên tiến; các CTĐT được rà soát, điều chỉnh định kỳ; là một trong những trường đầu tiên hoàn thành kiểm định trường và 05 CTĐT.

Quy mô các ngành đào tạo được điều chỉnh hợp lý, đã mở thêm các khối ngành mới để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trường đã xây dựng được đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực GTVT, thành lập được các nhóm chuyên nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn, nhiều chương trình NCKH cấp bộ như thiết kế, xây dựng và sửa chữa công trình giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững...

Nhà trường đã đầu tư xây dựng được Trung tâm KHCN với các PTN được trang bị những thiết bị tiên tiến, hiện đại đáp ứng được các nhiệm vụ nghiên cứu phức tạp và khó khăn của ngành.

Hoạt động KHCN đa dạng của Nhà trường đã có nhiều đóng góp mới có giá trị ứng dụng thực tiễn cho ngành GTVT và đất nước. Nhà trường đã có sự hợp tác với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và có một số hợp đồng CGCN và dịch vụ KHCN ký kết và thực hiện theo đặt hàng của các doanh nghiệp và các địa phương.

Nhà trường có đội ngũ mạnh với nhiều GS, PGS và chuyên gia uy tín hàng đầu trong các lĩnh vực truyền thống, đặc thù.

Số lượng giảng viên có trình độ tiến sỹ tăng hàng năm trong đó phần lớn được đào tạo ở nước ngoài, độ tuổi trẻ, có khả năng đáp ứng yêu cầu về cơ cấu đội ngũ của cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu.

Có hệ thống cơ sở vật chất tương đối tốt đáp ứng cơ bản quy mô đào tạo và các hoạt động KHCN và được quan tâm đầu tư, hoàn thiện. Có hệ thống phòng thí nghiệm với nhiều trang thiết bị hiện đại. Đã xây dựng Trung tâm thư viện, đang phát triển hạ tầng mạng, xây dựng hệ thống phòng học thông minh.

1.2.3.2. Mô tả những cơ hội

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cùng Luật giáo dục đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho các trường đại học. Tự chủ được xem như là một phương thức để thúc đẩy sự xuất sắc trong học thuật, quản lý tài chính và quản trị của các cơ sở giáo dục đại học. Việt Nam đang trong độ tuổi vàng về cơ cấu dân số, với tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 - 64 tuổi) tăng từ 53% lên 68,4%, do vậy, nhu cầu được đào tạo (chính quy và các khóa học ngắn hạn) cũng như đào tạo có chất lượng ở bối cảnh hội nhập trong cộng đồng ngày càng gia tăng.

Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đã xác định các mục tiêu chiến lược, trong đó có mục tiêu nâng cao năng lực, phẩm chất và quy mô đội ngũ

giảng viên và đội ngũ cán bộ quản lý, phần đầu năm 2020 có ít nhất 35% giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ, 60% giảng viên đạt trình độ Thạc sĩ, tỷ lệ giảng viên/ sinh viên không quá 1/20. Đây là cơ hội để trường ĐH GTVT nâng cao năng lực của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý Nhà trường.

Quốc tế hóa giáo dục đại học đang là xu thế phát triển của các trường đại học trên thế giới. Nhiều trường đại học quốc tế mong muốn mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác Việt Nam, trong đó có trường ĐH GTVT. Điều này tạo cơ hội thuận lợi cho trường ĐH GTVT tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại.

Giao thông vận tải hiện đang được Đảng và Nhà nước coi là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, một trong ba khâu đột phá, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Do vậy Nhà trường tiếp tục được nhà nước và xã hội đầu tư, quan tâm.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế khu vực, điển hình là hội nhập kinh tế ASEAN, ASEAN+ (với Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc...) và hội nhập Tiểu vùng Sông Mekong mở ra cơ hội cho ngành GTVT thông qua yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng đường bộ, đường hàng không, hàng hải và đường sắt. Nhiều dự án giao thông quan trọng đã và sẽ được triển khai như mạng lưới đường bộ ASEAN, mạng lưới đường xuyên Á hay hành lang vận tải Đông – Tây, đem lại cơ hội cho trường ĐH GTVT trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn, chuyển giao công nghệ.

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng thâm nhập nhiều hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua việc gia nhập WTO, qua việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN kể từ năm 2016 mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn cho nền kinh tế và cũng mở rộng ra cơ hội việc làm nhiều hơn cho sinh viên khi ra trường. Lực lượng lao động trẻ ngành GTVT của Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận việc làm trong các dự án giao thông trong khu vực ASEAN khi mà bằng cấp chứng chỉ nghề GTVT được công nhận tại các nước ASEAN thông qua việc Việt Nam tham gia vào các thoả thuận công nhận lẫn nhau.

Tốc độ phát triển kinh tế cao, quá trình đô thị hóa và cơ giới hóa nhanh đã phát sinh nhiều vấn đề gây khó khăn không nhỏ cho các thành phố lớn. Đây là cơ hội để Nhà trường thể hiện vai trò tiên phong, vị thế hàng đầu Việt Nam về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề nóng bỏng của ngành GTVT nói riêng và xã hội nói chung. Cùng với đó, nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ thuật và

quản lý có trình độ cao ngành GTVT còn rất lớn, tạo nên thị trường cho các ngành và chuyên ngành đào tạo mũi nhọn của Trường ĐH GTVT trong thời gian tới.

Cách mạng Công nghiệp 4.0 hứa hẹn những bước đột phá mới trong hoạt động đào tạo hay tổ chức quản lý Nhà trường. Sự phát triển công nghệ thông tin, công cụ kỹ thuật số, hệ thống mạng kết nối và siêu dữ liệu sẽ là những công cụ và phương tiện tốt để thay đổi cách thức tổ chức và phương pháp giảng dạy, thay đổi cách thức tổ chức và quản lý Nhà trường một cách tối ưu, hiệu quả.

Cách mạng công nghiệp 4.0 trong thời kỳ đầu đang dẫn đến sự chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động giữa các lĩnh vực và dẫn đến sự định hình lại các ngành nghề công nghiệp, dịch vụ. Điều này mở ra cơ hội xây dựng các ngành nghề đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đưa đến nhu cầu đào tạo lại nguồn nhân lực của tất cả các ngành nghề của nền kinh tế trong đó có ngành GTVT khi lực lượng lao động chưa thích ứng với điều kiện mới của công nghiệp, qua đó mở ra cơ hội đào tạo cho trường ĐH GTVT. Thiết kế các khóa đào tạo ngắn hạn hay các chương trình bổ sung kiến thức cho từng đối tượng khác nhau tại các doanh nghiệp là thực sự cần thiết trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

1.3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng về Trường Đại học Giao thông Vận tải (xem Phụ lục 01)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường ĐHGTVT đã ban hành “Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030” với sứ mạng *“trở thành trường đại học đầu ngành, đào tạo nguồn lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành giao thông vận tải đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín về GTVT và một số lĩnh vực khác, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế”* và tầm nhìn *“trở thành trường đại học đa ngành về khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh tế với nhiều cấp, loại hình đào tạo khác nhau, duy trì vị trí đầu ngành trong lĩnh vực GTVT và trở thành trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Hội nhập với các trường tiên tiến trong khối ASEAN và một số nước châu Á, có uy tín về đào tạo, NCKH và đăng cấp về lĩnh vực GTVT”* [H1.01.01.01]. Tầm nhìn, sứ mạng duy trì vai trò tiên phong trong lĩnh vực giao thông vận tải của Trường ĐHGTVT là phù hợp với nhiệm vụ của Trường do Hội đồng chính phủ ban hành khi ban hành quyết định thành lập trường số 42-CP ngày 24/3/1962 [H1.01.01.02] và xu hướng nguồn nhân lực trong bối cảnh mà ngày càng nhiều ngành nghề mới xuất hiện.

Hàng năm, Trường ĐHGTVT xây dựng báo cáo tổng kết năm học và đề ra phương hướng, kế hoạch của năm học tới phù hợp với định hướng của Nhà trường [H1.01.01.03]. Bên cạnh báo cáo và phương hướng năm học, Nhà trường cũng tiến hành tổng kết giai đoạn để xem xét mức độ đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn đã công bố, từ đó xây dựng các kế hoạch giai đoạn phù hợp để đạt được chiến lược đã đề ra [H1.01.01.04] Các báo cáo và phương hướng này đều được thông báo và xin ý kiến rộng rãi từ mọi thành viên trong Trường [H1.01.01.05].

Năm 2015-2016, Trường đã thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đã trở thành Trường ĐH đầu tiên của VN nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng trong hệ thống giáo dục ĐH của VN. Sau đợt kiểm định, Trường đã nhận được các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đồng thời thực hiện các quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và yêu cầu của giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh xã hội bước vào cuộc CMCN 4.0, Trường ĐHGTVT đã quyết định thành lập ban rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai

đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 vào năm 2017 cho phù hợp hơn với thực tiễn. **[H1.01.01.06,H1.01.01.07,H1.01.01.08].**

Quá trình tổ chức xây dựng Dự thảo Chiến lược giai đoạn mới được triển khai xây dựng theo 06 bước: Chuẩn bị; Rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chung, Giá trị cốt lõi và xây dựng Triết lý giáo dục; Đánh giá thực trạng; Phân tích tác động chéo; Thiết lập các nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu cụ thể; Xây dựng giải pháp & Lập kế hoạch hành động. **[H1.01.01.09]**

Ban xây dựng chiến lược đã đánh giá, phân tích thực trạng Nhà trường giai đoạn 2008-2020 theo 7 mũi chiến lược đã công bố năm 2008 bao gồm: đào tạo; KHCN; tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ; cơ sở vật chất; nguồn lực tài chính; thương hiệu và hội nhập quốc tế; người học. Việc phân tích thực trạng ở các mũi chiến lược theo 5 nội dung: quan điểm chung; tổng kết các nội dung đã đạt được - chưa đạt được theo các chỉ tiêu chiến lược; phân tích so sánh; phân tích điểm mạnh, điểm yếu giúp lãnh đạo Nhà trường có cái nhìn tổng thể về thực trạng nhà trường. **[H1.01.01.10]**

Đồng thời với việc phân tích thực trạng, Nhà trường tiến hành phân tích bối cảnh quốc tế; các nghị quyết của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo; các luật, nghị định mới của ngành GDĐT; chiến lược phát triển ngành Giao thông vận tải, Khoa học công nghệ. **[H1.01.01.11,H1.01.01.12]** Từ đó, phân tích các cơ hội, thách thức cho Trường ĐHGTVT trong giai đoạn kế tiếp. Trên cơ sở sử dụng các kết quả đầu ra của phân tích tác động chéo, Nhà trường đã xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu cụ thể; xây dựng kế hoạch giảm thiểu và hạn chế các điểm yếu; tận dụng cơ hội để phát huy tối đa điểm mạnh của Trường. **[H1.01.01.10]**

Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của đơn vị **[H1.01.01.13]**. Trong quá trình triển khai đã tổ chức nhiều cuộc họp để soạn thảo và thống nhất sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, mục tiêu chung, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp **[H1.01.01.10,H1.01.01.14]**. Triết lý giáo dục được xây dựng dựa theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 bao gồm tập hợp quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục **[H1.01.01.07]**. Trường ĐHGTVT đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, người lao động về dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường và đều nhận được sự nhất trí cao của các bên liên quan **[H1.01.01.15]**.

Tuy nhiên, trước việc Quốc hội ban hành Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 với nhiều thay đổi lớn, Nhà trường chưa ban hành ngay chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 đồng thời tiếp tục nghiên cứu, thực thi các văn bản mới của Nhà nước, Bộ GD&ĐT như Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học sửa đổi (Luật số 34); Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD, v.v. và rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chung, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục, Nhiệm vụ trọng tâm cho phù hợp [H1.01.01.09, H1.01.01.14, H1.01.01.16, H1.01.01.17, H1.01.01.18].

Sau rà soát, Sứ mạng, Tầm nhìn đến năm 2030 vẫn được giữ nguyên, không thay đổi nội dung đã được thống nhất trước đó với sự đồng thuận cao của toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Trường cũng như của các doanh nghiệp, cựu sinh viên [H1.01.01.15, H1.01.01.24]. Có được sự đồng thuận từ các bên liên quan, sự nhất trí của Đảng ủy và đang trình Hội đồng trường xem xét ban hành bản chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.08]. Nội dung cụ thể của sứ mạng, tầm nhìn sau rà soát:

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Giao thông vận tải có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.
- **Tầm nhìn:** Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

Sứ mạng của Trường tuy chưa được ban hành chính thức nhưng đã phổ biến, xin ý kiến rộng rãi từ năm 2017 và trở thành kim chỉ nam cho nhiều hoạt động của nhà trường. Chương trình đào tạo được rà soát điều chỉnh định kỳ vào năm 2016, 2018. Đến năm 2020, Trường bắt đầu triển khai áp dụng phương thức đào tạo mới theo chuẩn CDIO, triển khai xây dựng chuẩn chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. [H1.01.01.19] Theo kết luận của đoàn đánh giá ngoài năm 2016, nhà tuyển dụng hài lòng về năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của người học tốt nghiệp CTĐT. [H1.01.01.06] Cùng với phát triển đào tạo, phát triển

KHCN là chiến lược quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển chung của Trường ĐHGTVT. Nhà trường đã xây dựng cơ chế khuyến khích GV đăng bài báo quốc tế [H1.01.01.20]; tăng kinh phí cho hoạt động KHCN: tổ chức xét chọn đề tài KHCN cấp trường trọng điểm [H1.01.01.21]; tiến hành nâng cao chất lượng tạp chí khoa học [H1.01.01.22]; nhiều trung tâm hợp tác quốc tế được thành lập để đẩy mạnh NCKH và CGCN [H1.01.01.23]; ...

Trong khảo sát cán bộ, giảng viên của trường hàng năm của Trường về câu hỏi “Sứ mạng/ Mục tiêu giáo dục của Trường được thực hiện đầy đủ ở tất cả các hoạt động của Trường và phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động”, hơn 76% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 79,38% vào năm học 2019-2020 Còn đối với câu hỏi “Sứ mạng/ Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi cho toàn Trường”, hơn 85% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 86,32% vào năm học 2019-2020 [H1.01.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Truyền thống 75 năm xây dựng và phát triển của Nhà trường hình thành giá trị văn hoá mang đầy đủ những giá trị cốt lõi “Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng”, tạo nên thương hiệu của Trường ĐHGTVT. Được sự góp ý của Đoàn đánh giá ngoài năm 2016, từ khi tiến hành rà soát, điều chỉnh chiến lược đến nay, giá trị cốt lõi của nhà trường đã được xác lập, không hề thay đổi [H1.01.01.6,H1.01.01.10]. Cùng với sứ mạng, tầm nhìn, Nhà trường cũng gửi giá trị cốt lõi xin ý kiến đóng góp của người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhận được sự nhất trí cao của các bên liên quan [H1.01.01.15]. Trong khảo sát cán bộ, giảng viên của trường về câu hỏi “Ông/Bà được tham gia đóng góp ý kiến về sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường”, hơn 73% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 76% vào năm học 2019-2020 [H1.01.01.24].

Để đảm bảo người lao động, sinh viên nắm bắt để giữ gìn và phát triển giá trị cốt lõi, Nhà trường đã triển khai xây dựng kế hoạch hành động để truyền thông, phổ biến về giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.02.01]. Tuyên bố về giá trị

văn hóa của Trường ĐHGTVT được nhà trường công bố rộng rãi trên trang web của trường cũng như tại quyền giới thiệu Trường, tờ thông tin giới thiệu, quảng bá về nhà trường [H1.01.02.02,H1.01.02.03,H1.01.02.04]. Giá trị cốt lõi của Trường còn được thể hiện trên các tờ rơi thông tin tuyển sinh, trên sổ tay dành cho tân sinh viên. [H1.01.02.05,H1.01.02.06]

Tiên phong: Là nơi quy tụ nguồn nhân lực đầu ngành của ngành GTVT, Trường ĐH GTVT luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội. Nhà trường đã thể hiện trách nhiệm xã hội như đã tuyên bố, vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực GTVT tại sứ mạng, tầm nhìn bằng việc tham gia vào nhiều hoạt động khoa học công nghệ của ngành Giao thông vận tải, giải quyết những bài toán khó như: nghiên cứu chế tạo phụ gia cho các trạm trộn bê tông nhựa nóng tại VN [H1.01.02.07]; nghiên cứu giải pháp công nghệ nhằm sửa chữa mặt cầu Thăng Long [H1.01.02.08].

Chất lượng: Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín. Đây là lời cam kết của Trường ĐHGTVT với xã hội trong việc xây dựng văn hoá chất lượng như đã tuyên bố trong sứ mạng. Nhà trường đã và đang thay đổi chương trình đào tạo trình độ đại học theo cách tiếp cận CDIO [H1.01.01.19]; xây dựng và triển khai nhiều ngành mới, chương trình mới đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội [H1.01.02.09]; có kế hoạch Đảm bảo chất lượng đào tạo hằng năm [H1.01.02.10]; tăng kinh phí cho hoạt động KHCN nhằm thúc đẩy công bố khoa học trên các danh mục xuất bản uy tín [H1.01.01.20]; tổ chức xét chọn đề tài KHCN cấp trường trọng điểm [H1.01.01.21].

Trách nhiệm: Đối với viên chức, người lao động, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế. Hơn 70% nguồn thu của Trường đều dành chi lương, phúc lợi cho viên chức, người lao động [H1.01.02.11]. Nhà trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phòng học, phòng làm việc, thư viện; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức, giảng viên, sinh viên [H1.01.02.12, H1.01.02.13]. Trường còn luôn quan tâm tìm kiếm nguồn học bổng, việc làm cho sinh viên trong nhà trường [H1.01.02.14,H1.01.02.15]. Đối với cộng đồng, Trường ĐHGTVT luôn tích cực tham gia giải quyết các vấn đề của xã hội [H1.01.02.07, H1.01.02.08], tham gia các hoạt động tương thân tương ái [H1.01.02.13]. Đối với quốc tế, Trường ĐHGTVT chủ động hỗ trợ đào tạo sinh viên Lào, Campuchia thúc

đẩy tình đoàn kết truyền thống **[H1.01.02.16]**; đồng thời cam kết đào tạo ra các kỹ sư, cử nhân có năng lực, phẩm chất trở thành công dân toàn cầu.

Thích ứng: Đổi mới phù hợp với điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển. Thích ứng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế cũng như sự phát triển không ngừng của xã hội số. Trường ĐH GTVT đã xây dựng hạ tầng CNTT và phòng học thông minh tại Trường với giá trị lên tới 53 tỷ VNĐ; đầu tư thiết bị chuyển lõi mạch và hệ thống cáp quang trong trường trị giá gần 10 tỷ đồng **[H1.01.02.17]**; thành lập Trung tâm Đào tạo trực tuyến bước đầu thay đổi phương pháp dạy và học truyền thống **[H1.01.02.18]**...

Các giá trị văn hoá “Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng” chính là kim chỉ nan quan trọng để nhà trường xây dựng phương hướng năm học, phương hướng giai đoạn, thúc đẩy thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu của Trường. Trong báo cáo tổng kết giai đoạn 2013-2018 và phương hướng giai đoạn 2018-2023, Trường ĐHGTVT đã xin ý kiến của người lao động về phương hướng và đều nhận sự nhất trí cao **[H1.01.01.05]**; phương hướng này thể hiện được mục tiêu giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá của Nhà trường, cụ thể:

- Nhà trường xác định việc đẩy mạnh truyền thông, phát triển và định vị thương hiệu, giá trị cốt lõi của Nhà trường thông qua các lĩnh vực KHCN, đào tạo **[H1.01.01.04]**.

- Giá trị “Tiên phong” được thể hiện trong phương hướng trong chỉ tiêu xây dựng KHCN phát triển theo chiều sâu, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh **[H1.01.01.04]**. Để hiện thực hoá điều này, Trường ĐH GTVT đang triển khai nghiên cứu xây dựng nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh **[H1.01.02.19]**.

- Xây dựng nhà trường “chất lượng” thì điều kiện tiên quyết là phải có đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực, đặc biệt là ngoại ngữ khi mà bối cảnh hợp tác quốc tế sâu rộng. Vì vậy Trường ĐHGTVT đã đề ra chỉ tiêu 90% cán bộ giảng viên sử dụng tốt ngoại ngữ trong công việc **[H1.01.01.04]**. Trường đã tổ chức các lớp ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên trong trường tham gia để nâng cao trình độ **[H1.01.02.20]**.

- “Trách nhiệm” của nhà trường trong định hướng phát triển giai đoạn 2018-2023 thể hiện ở việc coi người học là khách hàng, là trung tâm của quá trình đào tạo và phục vụ **[H1.01.01.04]**. Để hiện thực hoá điều này, nhà trường đã thay đổi các phòng ban chức năng truyền thống sang mô hình một cửa, đầu tư trang thiết bị phòng học hiện đại

theo hướng thông minh [H1.01.02.12].

- Xây dựng chỉ tiêu số hoá hệ thống cơ sở, xây dựng nhà trường điện tử để “thích ứng” với bối cảnh xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 [H1.01.01.04]. Chỉ tiêu đó đã được hiện thực vào ngày 21/1/2021, Nhà trường điện tử của Trường ĐHGTVT đã được khai trương và đưa vào vận hành [H1.01.02.21].

Như vậy có thể nói, giá trị cốt lõi của Trường ĐHGTVT đã và đang đi vào đời sống của từng hoạt động trong Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3 Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Khi triển khai xây dựng chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của nhà trường đã được trao đổi, thảo luận tại nhiều cuộc họp với sự tham dự của Bí thư Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Chủ tịch hội đồng trường, Chủ tịch công đoàn trường [H1.01.01.14]. Đồng thời, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường cũng được phổ biến rộng rãi và nhận được sự nhất trí cao qua lần lấy ý kiến lãnh đạo các đơn vị trong toàn trường, viên chức, người lao động, cựu sinh viên, doanh nghiệp và người học [H1.01.01.15].

Phòng CTCT&SV là đơn vị có chức năng nhiệm vụ về công tác thông tin, tuyên truyền của nhà trường là đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hoá đã xây dựng kế hoạch truyền thông, phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đến các bên liên quan [H1.01.02.01]. Tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá với bốn trụ cột giá trị đã được công bố rộng rãi tại các hội nghị trong trường, trên trang chủ, Fanpage Trường ĐHGTVT cũng như tại các biển, biểu ngữ trong khuôn viên trường [H1.01.02.02,H1.01.03.01]. Đối tác, doanh nghiệp làm việc với nhà trường ngoài việc tra cứu trên website còn có thể hiểu về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hoá của Trường ĐHGTVT thông qua quyển giới thiệu về Trường và các ấn phẩm giới thiệu khác của nhà trường [H1.01.02.03,H1.01.02.04]. Phụ huynh, học sinh khi tìm hiểu về Trường ĐHGTVT được tiếp cận sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hoá của Trường thông qua website, tại tờ thông tin giới thiệu, quảng bá về nhà trường, phát hành trong các đợt tuyển sinh [H1.01.02.05]. Sinh viên ngay khi nhập học đã được phổ biến các tuyên bố thông qua cuốn sổ tay sinh viên [H1.01.02.06].

Để hiện thực hoá sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá, Trường ĐHGTVT đã tập trung

đầu tư nguồn lực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, KHCN, chương trình đào tạo. Từ năm 2017 – 2019, nhà trường đã đầu tư 90 tỷ để xây dựng hệ thống phòng học thông minh, đầu tư 40 tỷ đồng để nâng cấp hệ thống hạ tầng thông tin. Trong giai đoạn 2015 – 2020, nếu như năm 2015 cả trường chỉ có 25 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus thì với chính sách khuyến khích khen thưởng từ Nhà trường đến năm 2019, con số này đã tăng lên 111 bài (tăng hơn 4 lần). Cũng trong giai đoạn này, Số lượng đề tài cấp quốc gia là 20, 2 chương trình cấp Bộ, 43 đề tài cấp Bộ và tương đương, 607 đề tài cấp cơ sở với tổng kinh phí là 91 tỷ đồng; số lượng đề tài tăng 2,5 lần, kinh phí cấp mới tăng hơn 6 lần **[H1.01.02.09]**. Nhà trường đã bắt đầu triển khai áp dụng phương thức đào tạo mới theo chuẩn CDIO **[H1.01.01.19]**. Trong bối cảnh hợp tác quốc tế sâu rộng, Trường đã tổ chức các lớp ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên của nhà trường để nâng cao trình độ **[H1.01.02.20]**. Khoa học công nghệ phát triển, đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn và ngoại ngữ, chương trình đào tạo chất lượng cùng với trang thiết bị học tập hiện đại chính là những tiền đề quan trọng để có thể tiên phong đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành GTVT và đất nước; đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao; hội nhập chất lượng với các trường đại học châu Á như sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá đã đề ra.

Trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Trường ĐHGTVT lần thứ XXX, nhiệm kỳ 2020-2025, mục tiêu tổng quát và phương hướng công tác nhiệm kỳ đều nêu bật lên các nhiệm vụ để thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa của Trường **[H1.01.02.09]**. Tháng 11/2020, trong “Báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách nhiệm vụ Hiệu trưởng, giai đoạn 2018-2020 và chương trình công tác nhiệm kỳ 2020-2025” Hiệu trưởng nhà trường đã báo cáo chương trình công tác nhiệm kỳ 2020-2025, cam kết thực hiện các mục tiêu nhằm hiện thực hóa sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa của Nhà trường. **[H1.01.03.02]**. Trong khảo sát cán bộ, giảng viên của Trường về câu hỏi “Sứ mạng/ Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi cho toàn Trường”, hơn 85% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 86,32% vào năm học 2019-2020 **[H1.01.01.24]**.

Sứ mạng, tầm nhìn giá trị văn hoá với bốn yếu tố cốt lõi đã được giải thích, lan toả rộng rãi tới viên chức, GV và SV trong trường để thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Năm 2017, Trường ĐHGTVT thành lập phòng Nghiên cứu phát triển (nay là phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển) với một trong những nhiệm vụ chính là rà soát và xây dựng chiến lược của nhà trường phù hợp với tình hình mới của xã hội **[H1.01.04.01]**. Bản chiến lược mới tổng kết những nội dung Nhà trường đã đạt được và chưa đạt được theo “Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2008 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và ý kiến của đoàn đánh giá ngoài qua đợt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2016; đồng thời có sự phân tích so sánh số liệu với một số trường đại học có thứ hạng ở Việt Nam tương đồng trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học; đối chiếu số liệu theo những yêu cầu cơ bản của trường đại học định hướng nghiên cứu. **[H1.01.01.10]**.

Trường ĐHGTVT đã xây dựng kế hoạch để việc rà soát điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của Nhà trường **[H1.01.01.13]**. Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2030 (QĐ số 2011/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/10/2017), với 7 Thành viên bao gồm: Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn trường và Trưởng phòng HTQT&NCPT **[H1.01.01.08]**. Nhằm xây dựng chiến lược một cách bài bản, có hiệu quả, Trường đã cử cán bộ phụ trách đi học tập xây dựng chiến lược tại “Hội thảo quốc tế Chiến lược và kế hoạch giáo dục trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức; tham dự khoá tập huấn về xây dựng chiến lược do AUF tổ chức ... **[H1.01.04.02]**. Nhà trường đã phối hợp với Viện Khoa học giáo dục Việt Nam tổ chức tọa đàm trao đổi và học hỏi kinh nghiệm về phương thức, lộ trình thực hiện việc rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển của các trường đại học trong nước nói chung và của Trường ĐHGTVT nói riêng **[H1.01.04.03]**.

Ban xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá đã làm việc nghiêm túc, phối hợp với nhiều cộng tác viên để đưa ra được định hướng của nhà trường.

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường cũng được tổ chức xin ý kiến của các bên liên quan, chuyên gia xây dựng chiến lược và nhận được sự đồng thuận, nhất trí của lãnh đạo các đơn vị, viên chức, người lao động, người học trong Nhà Trường; cựu sinh viên, doanh nghiệp và Viện Khoa học giáo dục Việt Nam là đơn vị nghiên cứu về hoạt động xây dựng chiến lược **[H1.01.01.14, H1.01.01.15]**.

Sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá của Trường ĐHGTVT đã được Đảng uỷ Nhà trường thông qua vào tháng 3/2021 **[H1.01.04.04]**.

Sau khi rà soát, điểm khác biệt tại Sứ mạng mới đó là đề cao trách nhiệm xã hội của nhà trường; không chỉ chú trọng ngành Giao thông vận tải như trước đây mà còn phát triển theo hướng đa ngành để đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước. Còn tại tầm nhìn, Trường ĐHGTVT phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín và chất lượng *ngang tầm châu Á* thay vì *trong khối ASEAN* và *một số nước châu Á* như trước đây **[H1.01.01.01] [H1.01.01.10]**.

Đại hội đại biểu Trường ĐHGTVT lần thứ XXX, nhiệm kỳ 2020-2025, đã xây dựng mục tiêu tổng quát, phương hướng công tác nhiệm kỳ, chỉ tiêu chủ yếu gắn chặt với các nội dung chiến lược phát triển Nhà trường, bao gồm sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa **[H1.01.02.09]**.

Trong khảo sát cán bộ, giảng viên của trường về câu hỏi “Ông/Bà được tham gia đóng góp ý kiến về sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường”, hơn 73% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 76% vào năm học 2019-2020 **[H1.01.01.24]**.

Sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa của Nhà trường đã được rà soát và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kế hoạch chiến lược, sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị văn hoá được Trường giao cho đơn vị thường trực là phòng Nghiên cứu phát triển (nay là phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển) **[H1.01.04.01]**. Nếu như trong quá trình xây dựng chiến lược năm 2008, Nhà trường chỉ có ban xây dựng chiến lược thì nay đã thành lập riêng một đơn vị chức năng trong Trường với những cán bộ được đi học tập bài bản để tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Nhà trường về việc xây dựng chiến lược **[H1.01.04.02]**. Điều này cho thấy Trường Đại học GTVT đã đề cao vai trò của chiến lược trong công cuộc phát triển Nhà trường.

Phòng Nghiên cứu phát triển chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường rà soát kết quả thực hiện chiến lược đối chiếu với mục tiêu chiến lược

công bố năm 2008 **[H1.01.01.10]**. Quá trình tổ chức xây dựng Chiến lược giai đoạn mới được triển khai xây dựng theo 06 bước: Chuẩn bị; Rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chung, Giá trị cốt lõi và xây dựng Triết lý giáo dục; Đánh giá thực trạng; Phân tích tác động chéo; Thiết lập các nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu cụ thể; Xây dựng giải pháp & Lập kế hoạch hành động. **[H1.01.01.09]**.

Dựa trên báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển, kết hợp với phân tích các yếu tố cơ hội và thách thức, nhóm rà soát đề xuất những điều chỉnh phù hợp về sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị văn hoá. Quá trình phát triển sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá luôn đảm bảo nguyên tắc đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Các ý kiến khảo sát thu được cho thấy sự nhất trí cao về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và mục tiêu của các bên liên quan **[H1.01.01.15]**. Tất cả các ý kiến góp ý, điều chỉnh đều được bộ phận thường trực tổng hợp, phân tích, báo cáo Ban Giám hiệu, Ban chỉ đạo trình Đảng ủy, Hội đồng trường phê duyệt **[H1.01.01.14]**.

Sứ mạng đã được thay đổi từ *“Trường ĐHGTVT phấn đấu trở thành trường đại học đầu ngành, đào tạo nguồn lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành giao thông vận tải đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín về GTVT và một số lĩnh vực khác, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế”* **[H1.01.01.01]** thành *“Trường ĐHGTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.”* **[H1.01.01.10]**

Tầm nhìn 2030 *“Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á”* **[H1.01.01.10]** cũng thay đổi so với tầm nhìn trước đó: *“Trở thành trường đại học đa ngành về khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh tế với nhiều cấp, loại hình đào tạo khác nhau, duy trì vị trí đầu ngành trong lĩnh vực GTVT và trở thành trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Hội nhập với các trường tiên tiến trong khối ASEAN và một số nước châu Á, có uy tín về đào tạo, NCKH và đẳng cấp về lĩnh vực GTVT”* **[H1.01.01.01]**.

Sự cải tiến trong sứ mạng, tầm nhìn đã cho thấy sự phù hợp với thời đại. Sứ mạng mới đó là đề cao trách nhiệm xã hội của nhà trường; không chỉ chú trọng ngành

Giao thông vận tải như trước đây mà còn phát triển theo hướng đa ngành để đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước. Bên cạnh phát triển các ngành thế mạnh, Nhà trường đã thành lập nhiều ngành, chuyên ngành mới: mở mới 10 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo liên thông cao đẳng lên đại học, 03 ngành đào tạo sau đại học **[H1.01.02.09]** đáp ứng xu hướng sự phát triển của xã hội. Cùng với đó là sự cam kết về chất lượng đào tạo, phục vụ cộng đồng thông qua việc đề cao trách nhiệm xã hội hướng đến trở thành trường đại học tự chủ trong tương lai gần theo chủ trương của Bộ Giáo dục & Đào tạo **[H1.01.01.16, H1.01.01.17]**.

Còn tại tầm nhìn, Trường ĐHGTVT phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín và chất lượng *ngang tầm châu Á* thay vì *trong khối ASEAN và một số nước châu Á* như trước đây **[H1.01.01.01] [H1.01.01.10]**. Bên cạnh việc đăng kí kiểm định quốc tế AUN thuộc tổ chức bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á **[H1.01.05.01]**, Trường ĐHGTVT đang dần hiện thực hoá tầm nhìn khi bắt đầu triển khai việc xếp hạng QS by Subject (Bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới theo lĩnh vực) **[H1.01.05.02]**. Với việc tiệm cận với xu hướng giáo dục của khu vực và thế giới, Trường ĐHGTVT không chỉ tạo niềm tin cho sinh viên trong nước mà còn thu hút sinh viên quốc tế đến học tập, đây cũng là bài học kinh nghiệm mà các nền giáo dục lớn trên thế giới đã thực hiện và thành công.

Giá trị văn hoá truyền thống lâu đời với bốn giá trị cốt lõi được xác định cụ thể và tuyên bố trong chiến lược của nhà trường: “Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng”. Sự tiên phong đi trước đón đầu, văn hóa chất lượng, cam kết trách nhiệm và sự chủ động thích ứng trong giai đoạn mới luôn được nhấn mạnh và đề cao trong mọi hoạt động của Nhà trường **[H1.01.01.10]**.

Sự điều chỉnh, cải tiến tầm nhìn, sứ mạng là một tất yếu do sự phát triển nội lực cũng như để đáp ứng yêu cầu của xã hội và các bên liên quan. Trong khảo sát cán bộ, giảng viên của trường về câu hỏi “Sứ mạng/ Mục tiêu giáo dục của Trường được thực hiện đầy đủ ở tất cả các hoạt động của Trường và phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động”, hơn 76% cán bộ, giảng viên được hỏi trả lời đồng ý/ hoàn toàn đồng ý (năm học 2018-2019) và tăng lên 79,38% vào năm học 2019-2020 **[H1.01.01.24]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trước cuộc cách mạng số hoá khiến cho bối cảnh xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế thay đổi nhanh và đặt ra nhiều thách thức mà trước đây không có, Nhà trường đã chủ động tiến hành rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá để phù hợp và thích ứng với xu thế phát triển.

- Chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn được xây dựng bài bản, có sự tham gia khá rộng rãi của các bên liên quan, phù hợp với các điều kiện hiện trạng và dự báo sát thực các yếu tố chi phối trong tương lai, bởi vậy có tính khả thi cao trong khi vẫn thể hiện được tham vọng và quyết tâm vươn lên của Nhà trường.

- Các thể hệ lãnh đạo đã có những giải pháp và các việc làm cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống Trường ĐHGTVT trên nền tảng các giá trị cốt lõi góp phần tạo nên thương hiệu Trường ĐHGTVT ngày nay. Giá trị văn hoá truyền thống với 4 nền tảng giá trị cốt lõi được hầu hết cán bộ, GV và các thể hệ SV đồng lòng xây dựng và gìn giữ.

- Sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá Trường ĐHGTVT đã được phổ biến, truyền thông tương đối hiệu quả qua nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau đến cán bộ, GV và các thể hệ SV, cũng như đến các bên liên quan. Sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá với 4 giá trị cốt lõi đã được giải thích rõ ràng.

- Tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển đã được rà soát, đánh giá bài bản, điều chỉnh hợp lý để đảm bảo Nhà trường phát triển vững mạnh, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước nói chung và người học nói riêng. Văn hoá truyền thống dựa trên 4 trụ cột giá trị luôn được củng cố và lan toả để thực sự thấm đậm đến mỗi cán bộ, GV và SV.

- Nhà trường có bộ phận thường trực chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổng hợp, giám sát, điều chỉnh việc thực hiện chiến lược, tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị văn hoá.

- Phương thức tham vấn các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa đã được cải tiến có hiệu quả nhờ triển khai các ứng dụng trên Internet.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Mặc dù đã phổ biến rộng rãi tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đến viên chức, GV và SV để nhận được những góp ý phản hồi, tuy nhiên số ý kiến góp ý, đặc biệt từ

viên chức, giảng viên còn khiêm tốn.

- Vẫn còn một số ít viên chức, GV và một bộ phận SV chưa thực sự trân trọng và gìn giữ những giá trị văn hoá, giá trị cốt lõi của Nhà trường.

- Việc rà soát, đánh giá tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá chưa thu hút được nhiều ý kiến của các bên liên quan.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường và nâng cao hiệu quả truyền thông để nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình phổ biến, xây dựng/điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.	P.CTCT&SV; Công đoàn; Đoàn TN;	5/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thiết lập hệ thống đánh giá thực trạng cũng như dự báo các yếu tố chi phối hoạt động của Nhà trường nói riêng và giáo dục đại học nói chung để nâng cao hơn tính khả thi của chiến lược.	Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển	9/2021
3	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông có hiệu quả để lan toả các giá trị văn hoá và giá trị cốt lõi nhằm thực thi sứ mạng và đạt được tầm nhìn đến năm 2030. Nêu những hoạt động, những tấm gương tốt góp phần củng cố và phát triển các giá trị văn hoá của Trường.	P.CTCT&SV; Công đoàn; Đoàn TN;	4/2021
4	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc đánh giá, rà soát định kỳ tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá như hiện nay với sự tham gia và phản hồi rộng rãi hơn từ các bên liên quan	BGH và các phòng tham mưu	Định kỳ

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	5.8
Tiêu chí 1.1	6
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	6
Tiêu chí 1.4	6
Tiêu chí 1.5	6

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quản trị của cơ sở giáo dục.

Hệ thống quản trị của Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) bao gồm: Hội đồng trường, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh, Hội sinh viên và các hội đồng tư vấn như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng,...

Hội đồng trường Trường ĐH GTVT đã được thành lập và hoạt động từ năm 2005 [H2.2.1.1], đến nay đã được 3 khoá. Hiện nay, Hội đồng trường hoạt động theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH-14) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Hội đồng trường hoạt động theo Quy chế làm việc của Hội đồng trường [H2.2.1.2] và có chương trình công tác toàn khoá, chương trình công tác từng năm [H2.2.1.3]. Hội đồng trường lãnh đạo thông qua các nghị quyết, quyết nghị các chủ trương và các vấn đề lớn của Trường [H2.2.1.4].

Đảng ủy trường Trường ĐH GTVT là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy khối các trường ĐH, CĐ Hà Nội, được thành lập đến nay đã là khóa XXX [H2.2.1.5]. Đảng ủy Trường hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ủy lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường thông qua Quy chế làm việc bằng các Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng cấp trên và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường [H2.2.1.6]. Ngay sau Đại hội, BCH Đảng bộ đã ban hành chương trình công tác toàn khóa nhằm định hướng chiến lược cho các mảng công tác chính [H2.2.1.7]. Căn cứ Chương trình công tác toàn khóa và yêu cầu công tác từng năm, Đảng ủy đều xây dựng và triển khai chương trình công tác năm và các chương trình công tác chuyên đề [H2.2.1.8].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh của Nhà trường đều được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan quản lý ngành dọc của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thành phố Hà Nội [H2.2.1.9]. Các tổ chức này đều có chương trình

công tác toàn khoá và kế hoạch công tác hàng năm **[H2.2.1.10]**.

Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn khác của Nhà trường (Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng lương, ...) được thành lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học, theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng **[H2.2.1.11]**. Các hội đồng tư vấn này được thường xuyên rà soát, kiện toàn **[H2.2.1.12]** nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường.

Hội đồng trường, Đảng ủy trường thiết lập định hướng chiến lược thông qua các nghị quyết về việc ban hành các văn bản thể chế (Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế dân chủ cơ sở; các quy chế, quy định chuyên đề), kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự trong Nhà trường (**[H2.2.1.4]**, **[H2.2.1.13]**). Hệ thống các văn bản thể chế thể hiện hiện trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý ngành dọc của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương nơi Trường trú đóng theo quy định của pháp luật **[H2.2.1.14]**.

Hội đồng trường và Đảng ủy đã ban hành những nghị quyết để phát triển bền vững Nhà trường, giảm thiểu rủi ro về sự lạc hậu của tổ chức bộ máy, sự bất cập giữa tổ chức bộ máy với chức năng, nhiệm vụ **[H2.2.1.15]**; sử dụng hiệu quả nhân lực, giảm thiểu rủi ro về sự bất cập giữa chức năng, nhiệm vụ và nhân sự, sự mất cân đối trong đội ngũ giáo viên các ngành truyền thống và các ngành mới **[H2.2.1.16]**; nâng cao thương hiệu và vị thế Nhà trường, phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của các nhà giáo, nhà khoa học, giảm thiểu rủi ro về chảy máu chất xám **[H2.2.1.17]**; tăng khả năng cạnh tranh trong công tác tuyển sinh, giảm thiểu rủi ro về giảm quy mô tuyển sinh **[H2.2.1.18]**.

Trong thời gian lập báo cáo tự đánh giá phục vụ công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Hệ thống quản trị của Trường đã và đang kiện toàn lại theo đúng quy định của Luật số 34/2018/QH-14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, **[H2.2.1.19]**.

Hệ thống quản trị của Nhà trường đã có vai trò quan trọng và đóng góp lớn trong sự phát triển của Trường qua từng giai đoạn. Đảng ủy, Hội đồng trường đã quyết định những vấn đề liên quan đến Chiến lược phát triển Trường và định hướng để Trường phát triển theo đúng Chiến lược đã được phê duyệt.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2 Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Hệ thống quản trị Nhà trường lãnh đạo Trường thông qua các Nghị quyết và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể:

Hội đồng trường họp định kỳ 6 tháng một lần và họp đột xuất khi có yêu cầu [H2.2.2.1], ban hành nghị quyết về các vấn đề đã thảo luận [H2.2.1.4]. Bên cạnh đó, Hội đồng trường đã ban hành nghị quyết và chương trình hành động cho cả nhiệm kỳ và cho từng năm [H2.2.1.3].

Đảng ủy trường họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất khi có yêu cầu [H2.2.2.2], ban hành các nghị quyết [H2.2.1.12] và các kế hoạch [H2.2.2.3] để lãnh đạo, chỉ đạo các công tác của chính quyền. Ngoài ra, Đảng ủy thông qua các đề án về các nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền xuyên suốt trong nhiệm kỳ hoặc một giai đoạn [H2.2.2.4].

Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên đều có chương trình công tác theo nhiệm kỳ và ban hành các kế hoạch công năm, công tác chuyên đề, các hướng dẫn triển khai công tác chuyên môn [H2.2.2.5].

Các hội đồng tư vấn như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, ..., họp định kỳ và họp đột xuất khi có nhu cầu. Các cuộc họp đều được ghi biên bản và các kết luận được kiến nghị Hiệu trưởng triển khai thực hiện [H2.2.2.6].

Chiến lược phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn và các chủ trương chính sách lớn của Trường đều được Đảng ủy, Hội đồng trường thảo luận và quyết nghị thông qua làm cơ sở để BGH triển khai thực hiện [H2.2.2.7].

Đặc biệt, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Đảng ủy và Hội đồng trường đã kịp thời ban hành các nghị quyết để triển khai thực hiện các Nghị quyết trên [H2.2.2.8].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3 Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Hội đồng Trường Trường ĐH GTVT khóa III, nhiệm kỳ 2015-2020 được kiện toàn lại theo đúng Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg vào năm 2016 thành nhiệm kỳ 2013-2018 theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Cơ cấu, thành phần và nhân sự tham gia Hội đồng trường được rà soát, bổ sung khi có biến động về nhân sự **[H2.2.3.1]**. Hàng năm, định kỳ 6 tháng 1 lần, Hội đồng trường đều có các báo cáo giám sát hoạt động của Trường, đánh giá những vấn đề còn hạn chế, cơ hội và thách thức mới để làm căn cứ đưa ra các quyết nghị phù hợp **[H2.2.3.2]**. Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường được đánh giá theo nhiệm kỳ và định kỳ hàng năm theo quy định của Quy chế làm việc của Hội đồng trường.

Đảng ủy Trường khóa 29 (nhiệm kỳ 2015-2020) và khóa 30 (nhiệm kỳ 2020 -2025) đã ban hành Quy chế làm việc **[H2.2.1.6]**, phân công nhiệm vụ các đảng ủy viên và thành lập các ban giúp việc **[H2.2.3.3]**. Trong nhiệm kỳ, nhân sự đảng ủy viên, ủy viên Ban thường vụ được rà soát ngay sau khi có đảng ủy viên nghỉ hưu, chuyển công tác; việc phân công nhiệm vụ cũng được thường xuyên rà soát, cập nhật để phù hợp với yêu cầu công tác thực tế và biến động về nhân sự đảng ủy viên **[H2.2.3.4]**. Định kỳ hàng năm, Đảng ủy Trường đều có báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể và phân loại, đánh giá đối với các đảng ủy viên **[H2.2.3.5]**. Đây cũng là dịp để Đảng ủy rà soát lại các công tác mà mỗi đảng ủy viên và toàn Đảng ủy đã chỉ đạo triển khai trong một năm.

Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản HCM và Hội sinh viên có quy chế làm việc và được rà soát, cập nhật, bổ sung khi có văn bản hướng dẫn của ngành dọc cấp trên và tình hình thực tế **[H2.2.3.6]**. Ban chấp hành các các tổ chức trên được điều chỉnh, bổ sung nhân sự kịp thời để đảm bảo yêu cầu triển khai công tác **[H2.2.3.7]**. Các chương trình, kế hoạch công tác của Đoàn thanh niên cộng sản HCM, Công đoàn, Hội sinh viên cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với các cuộc phát động từ cấp trên và phong trào hoạt động thực tế của Trường **[H2.2.3.8]**.

Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Trường đều được các đơn vị cấp trên đánh giá cao và đã nhận được các các phần thưởng, danh hiệu tương xứng **[H2.2.3.9]**.

Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, ..., thường xuyên được rà soát, kiện toàn

theo yêu cầu phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn và biến động nhân sự đại diện được cử tham gia [H2.2.3.10].

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các đợt kiểm tra chuyên đề các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học như: kiểm tra công tác đào tạo tại các điểm liên kết đào tạo vừa làm vừa học, kiểm tra hoạt động của các đơn vị KHCN, ... [H2.2.3.11]. Qua đó, rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định đối với từng lĩnh vực, từng địa bàn sao cho phù hợp với tính đặc thù đơn vị và nhu cầu của địa phương.

Trường Trường ĐH GTVT đã tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường theo cơ cấu tổ chức mới của Trường theo đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý CSGD đại học, phù hợp với quy mô và tốc độ phát triển hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H2.2.3.12].

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý CSGD đại học và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, Nhà trường thường xuyên rà soát hệ thống văn bản thể chế và các quy định, quy chế quản lý chuyên đề để đảm bảo tính hợp pháp và khả thi cao [H2.2.3.13].

Các đơn vị đào tạo và KHCN trực thuộc Trường (Phân hiệu, các Khoa,) đều thành lập các Hội đồng khoa, Hội đồng Phân hiệu để tư vấn cho Trường khoa, Giám đốc Phân hiệu trong hoạt động quản lý và điều hành. Các hội đồng này được thường xuyên rà soát, kiện toàn về cơ cấu và nhân sự để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác quản lý, điều hành Phân hiệu và các khoa [H2.2.3.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

Là một trong những trường đại học đầu tiên thành lập Hội đồng trường, đến nay, Trường Trường ĐH GTVT đã hoàn thiện các thủ tục thành lập Hội đồng trường Khóa III với cơ cấu nhân sự được điều chỉnh theo hướng tăng cường thành viên đại diện nhà tuyển dụng là Doanh nghiệp (chiếm 30%) và điều chỉnh tỉ trọng thành viên thuộc các cơ cấu khác phù hợp đảm bảo tính truyền thống, hội nhập và phát triển bền vững để đảm bảo phát triển bền vững các ngành này [H2.2.4.1].

Đảng ủy Trường khóa 30 đã có sự cải tiến về cơ cấu và nhân sự các ban giúp việc so với Đảng ủy Trường khóa 29. Việc trẻ hóa độ tuổi đảng ủy viên đã góp phần

không nhỏ nâng cao tính năng động, hội nhập, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và bồi dưỡng cán bộ của Đảng ủy **[H2.2.4.2]**.

Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên cũng có những điều chỉnh, cải tiến trong cơ cấu tổ chức và cơ cấu nhân sự (điều chỉnh tăng số thành viên ban chấp hành để phù hợp với sự phát triển quy mô đào tạo của Trường) để phát huy tốt hơn vai trò và hiệu quả hoạt động của tổ chức mình **[H2.2.4.3]**.

Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được kiện toàn theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo quyền lợi, sự phát triển của các ngành mới và các bên liên quan **[H2.2.4.4]**.

Hội đồng trường ĐH GTVT khóa IV, nhiệm kỳ 2018-2023 đã ban hành Quy chế hoạt động, trong đó có rất nhiều nội dung được cập nhật, bổ sung theo đúng Điều lệ trường đại học hiện hành và tiếp cận với Luật Giáo dục đại học mới nhằm nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường trong quản trị Nhà trường. Quy chế hoạt động của Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể đã được bổ sung, cập nhật và cải tiến đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác quản trị Nhà trường, tiếp cận theo định hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm **[H2.2.4.5]**.

Để nâng cao năng lực quản trị Nhà trường, các thành viên của Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên đã thường xuyên tham dự các đợt bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của các đơn vị quản lý ngành dọc. Ngoài ra, Trường còn tổ chức để các thành viên này đi tham quan thực tế, học tập kinh nghiệm ở một số cơ quan, đơn vị. Nhờ rút kinh nghiệm từ các đợt học tập, bồi dưỡng trên, hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản trị của Nhà trường được nâng cao rõ rệt **[H2.2.4.6]**.

Thực hiện: Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2019 về một số giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 2163/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2016-2020, Trường ĐH GTVT đã chủ động kiện toàn Hệ thống quản trị Nhà trường theo mô hình quản trị đại học hiện đại, áp dụng mô hình quản trị theo mô hình Nhà trường điện tử. **[H2.2.4.7]**.

Thực hiện Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần

thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp cao với mô hình tổ chức của một trường đại học đa ngành, tạo điều kiện để các ngành, các lĩnh vực đều có điều kiện phát triển tương xứng với tiềm năng; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; đổi mới cơ chế hoạt động để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong mọi hoạt động, hướng tới tự chủ hoàn toàn, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng hội nhập quốc tế; phấn đấu trở thành Trường Đại học hàng đầu Việt Nam, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm trong toàn Trường và cho từng đơn vị thuộc Trường **[H2.2.4.8]**.

Việc nâng cấp CS2 - Trường ĐH GTVT thành Phân hiệu của Trường ĐH GTVT tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định của Luật giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh phía Nam, quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020 của Thủ tướng Chính Phủ, nâng cao vị thế và sự hiện diện của Trường tại các tỉnh phía Nam **[H2.2.4.9]**.

Công tác rà soát, điều chỉnh thể chế hoạt động và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc đặc biệt đối với các đơn vị KHCN đã làm tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị, sử dụng hiệu quả nhân lực, giảm thiểu rủi ro trong việc hoàn chỉnh hồ sơ năng lực khi tham gia các đề tài, dự án lớn **[H2.2.4.10]**.

Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát thường xuyên, cập nhật các quy định, các định mức chi tiêu mới nên đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tế, giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình thực thi. Đặc biệt, Nhà trường xây dựng Quỹ nghiên cứu KHCN cho các đề tài cấp trường trọng điểm với yêu cầu sản phẩm đầu ra là các công bố quốc tế; thưởng cho các công bố khoa học của các nhà khoa học, các nhà giáo của Trường có bài đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới thuộc danh mục Scopus và ISI... Vì thế năm 2019, Trường ĐH GTVT vinh dự được xếp thứ 19 trong bảng xếp hạng các trường đại học Việt Nam có nhiều công bố quốc tế tốt nhất. Quỹ ổn định thu nhập giúp quản lý tốt các rủi ro về ngân sách cấp giảm theo lộ trình tự chủ đại học **[H2.2.4.11]**.

Sau mỗi đợt kiểm tra chuyên đề tại các đơn vị, các vấn đề bất cập phát sinh đều

được đoàn kiểm tra kiến nghị Nhà trường chấn chỉnh, tháo gỡ và được thông báo đến các đơn vị để rút kinh nghiệm [H2.2.4.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

✓ Trường ĐH GTVT có hệ thống quản trị hoàn chỉnh theo quy định của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH-14) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Hệ thống văn bản quản trị, điều hành của Nhà trường được rà soát, cập nhật thường xuyên theo sự thay đổi của hệ thống văn bản pháp luật và các quy định mới của Bộ GD&ĐT. Điều này đã giúp Nhà trường thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008-2020; xây dựng chiến lược 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

✓ Đảng ủy, Hội đồng trường đã xây dựng kế hoạch nhiệm kỳ, kế hoạch năm, từ đó chỉ đạo chính quyền thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học, giai đoạn và cả nhiệm kỳ thông qua các nghị quyết. Trên cơ sở các nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động để cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng trường.

✓ Cơ cấu tổ chức, nhân sự và các văn bản thuộc hệ thống quản trị được rà soát, cập nhật kịp thời theo các quy định mới của pháp luật và của ngành dọc đáp ứng tốt các yêu cầu của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của Trường.

✓ Hầu hết các rủi ro trong quá trình phát triển của Nhà trường đều được nhận diện và có giải pháp quản lý kịp thời; hệ thống quản đã cải tiến cả về cơ cấu và mô hình quản trị (theo mô hình Nhà trường điện tử: xây dựng và đưa vào vận hành khung kiến trúc Nhà trường điện tử với mô hình quản lý hành chính điện tử, sử dụng chữ ký số và áp dụng mô hình hành chính một cửa- một cửa liên thông điện tử) đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của một trường đại học đa ngành.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

✓ Trường ĐH GTVT là một trong số ít các trường đại học thành lập Hội đồng trường từ rất sớm. Tuy nhiên, Hội đồng trường chưa phát huy hết được vai trò của mình. Nguyên nhân chính là do hệ thống văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường còn chưa đồng bộ và tính khả thi còn hạn chế.

✓ Kế hoạch và hoạt động giám sát của Hội đồng trường còn hạn chế.

✓ Sau khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII và Luật số 34/2018/QH-14; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ban hành, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường bộc lộ một số hạn chế nhất định cần phải sớm điều chỉnh, bổ sung.

✓ Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng sau khi xây dựng xong thì số nhân sự dôi dư ở các đơn vị chưa biết xử lý ra sao do vướng Luật viên chức.

3. Kế hoạch cải tiến

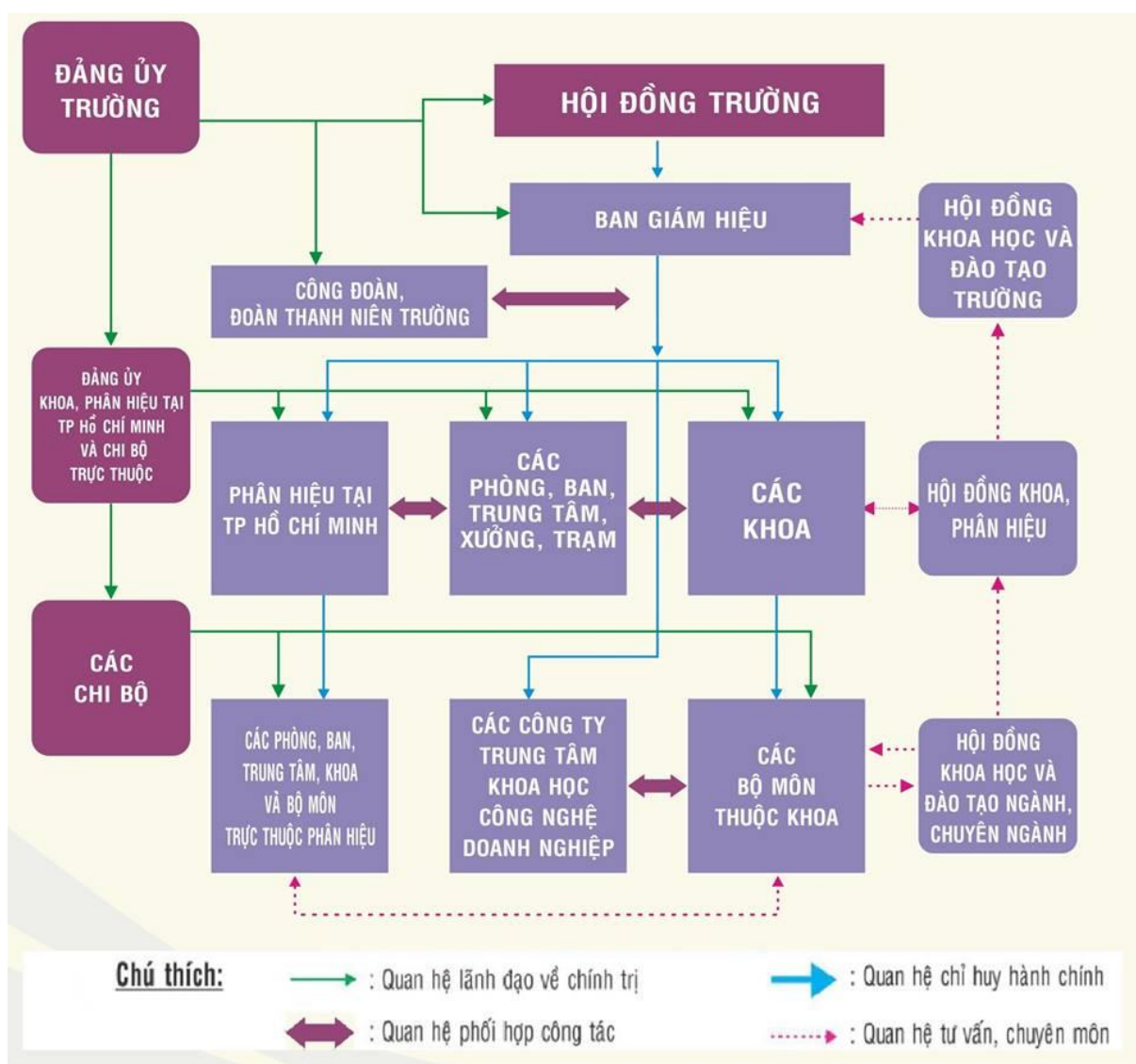
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Trên cơ sở Luật số 34/2018/QH-14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nhà trường cần sớm hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Trong đó cần quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Trường. Qua đó Hội đồng Trường sẽ phát huy tốt hơn chức năng quyết nghị những chủ trương lớn của Trường và giám sát việc thực hiện các chủ trương đó.	Hội đồng trường	4/2021
2		Nhà trường cần xây dựng kế hoạch bố trí nhân sự dôi dư sau khi hoàn thiện Đề án vị trí việc làm nhằm phát huy tối đa năng lực của viên chức, người lao động và nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhà trường	Hội đồng trường	5/2021

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Sau hơn 75 năm hình thành, xây dựng và phát triển, từ những ngày đầu mới khai giảng lại Trường Cao đẳng công chính theo sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến nay tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động của Trường luôn thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Trường đại học. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý Trường Đại học Giao thông Vận tải gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị thuộc Trường, như hình dưới đây:



Hình 3.1. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học GTVT

Trụ sở chính của Trường tại Hà Nội có 23 phòng, ban, xưởng, trạm, trung tâm, 12 khoa và 01 bộ môn thuộc; Phân hiệu của Trường tại TP.Hồ Chí Minh có 11 phòng, ban, trung tâm và 03 khoa, 03 bộ môn thuộc Phân hiệu. Theo mô hình trên, chức năng,

nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường được đề cập trong quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường. Để đáp ứng nhiệm vụ, nhu cầu hội nhập và phù hợp với điều kiện thực tế, một số đơn vị được thành lập hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức giúp hoạt động hiệu quả về tổ chức, cụ thể như thành lập mới Trung tâm Dịch vụ (năm 2017), Phòng Phát triển dự án (năm 2019), Trung tâm Đào tạo trực tuyến (2019); thành lập Phân hiệu tại TP Hồ Chí Minh từ Cơ sở II; sáp nhập Khoa Đại học tại chức và Phòng Đào tạo đại học (2018); sáp nhập phòng Đối ngoại và phòng Nghiên cứu phát triển để thành lập phòng HTQT&NCPT (2019). Thành lập các trung tâm khoa học và công nghệ với mục tiêu xúc tiến hợp tác quốc tế giữa Trường Đại học Giao thông vận tải và các đối tác quốc tế như: Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ xây dựng (năm 2015), Trung tâm nghiên cứu và phát triển Việt-Nhật (năm 2017); Trung tâm Hợp tác Việt-Đức (năm 2018), Trung tâm Hợp tác cơ sở hạ tầng giao thông Việt-Hàn (năm 2018) **[H3.03.01.01]**. Cơ cấu tổ chức của Trường đã từng bước kiện toàn, các đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng đáp ứng nhiệm vụ, tăng tính chủ động, tự chủ, về cơ bản phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học, định hướng, chiến lược phát triển đã được phê duyệt **[H3.03.01.02]**. Với cơ cấu tổ chức như hiện nay thì vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các thành tố trên được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, được quy định trong Quy chế làm việc của Đảng ủy, Hội đồng trường **[H3.03.01.03]** và đề cập trong phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu nói riêng **[H3.03.01.04]**.

Các đảng ủy viên được Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường bầu đại diện cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc, kết quả bầu cử được Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội chuẩn y. Các thành viên của Hội đồng trường gồm thành viên đương nhiên là Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn và đại diện Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là người học của Trường. Thành viên được bầu đại diện cho từng khối công tác chuyên môn thông qua Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động của Trường gồm đại diện giảng viên, viên chức, người lao động và thành viên ngoài Trường (đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại diện của cộng đồng xã hội do hội nghị đại biểu của trường bầu bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động) **[H3.03.01.05]**.

Các thành viên Ban Giám hiệu và cán bộ được quy hoạch vào các chức vụ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có nhiều kinh nghiệm về quản lý, đa dạng về ngành nghề và có học vị tiến sĩ thuộc những lĩnh vực chuyên môn chính của Trường như Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Vận tải kinh tế, Cơ khí, Công nghệ thông tin và Điện - Điện tử **[H3.03.01.06]**. Về cơ cấu và trình độ đào tạo của cán bộ quản lý hành chính và chuyên môn như sau: Ban Giám hiệu 100% thành viên là PGS-TS, 100% cán bộ quản

lý khối hành chính có trình độ đại học và trên đại học, tiến sĩ 67,5%, thạc sĩ 30%; 100% lãnh đạo các khoa chuyên môn là tiến sĩ, trong đó 51,72% Phó giáo sư.

Đảng ủy và Ban Giám hiệu thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ theo tháng [H3.03.01.07]. Hội đồng trường họp thường kỳ 06 tháng một lần và họp bất thường khi có đề nghị bằng văn bản của trên 30% tổng số thành viên Hội đồng trường hoặc khi có đề nghị của Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch Hội đồng trường. Trong mỗi phiên họp, các nhiệm vụ công tác trọng tâm của tháng, quý, năm và kế hoạch chi tiết thực hiện Chiến lược phát triển Trường trong từng giai đoạn đều được bàn bạc, trao đổi và thống nhất thực hiện [H3.03.01.08].

Để triển khai thực hiện Chiến lược, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo gồm lãnh đạo trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trong đó lãnh đạo các đơn vị trực tiếp phụ trách các tiểu ban giúp việc [H3.03.01.09].

Tùy theo tình hình thực tế, yêu cầu, nhiệm vụ của Trường trong từng giai đoạn, mục tiêu, chiến lược phát triển Trường được rà soát và điều chỉnh [H3.03.01.10], [H3.03.01.11].

Để đạt được sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo rà soát có sự tham gia của Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường và Ban Giám hiệu [H3.03.01.12]. Dự thảo các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi được gửi xin ý kiến đóng góp của các đơn vị thuộc Trường. Sau khi có ý kiến đề nghị của Ban chỉ đạo rà soát, Đảng ủy, Hội đồng trường tổ chức họp để trao đổi, thống nhất ban hành nghị quyết về việc điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi [H3.03.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Ngay từ năm 2008, Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải đã phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đến năm 2016, với mong muốn xây dựng định hướng phát triển bền vững của Trường trong giai đoạn mới, Hiệu trưởng đã giao cho phòng Nghiên cứu phát triển xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở Chiến lược cũ. Trường đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn 2030 gồm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H3.03.02.01]. Ban chỉ đạo đã giao nhiệm vụ cho đơn vị thường trực là phòng Nghiên cứu phát triển cùng với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự

thảo. Sau khi có bản dự thảo, Hiệu trưởng đã chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến góp ý về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường vào năm 2017, 2018 và 2020 [H3.03.02.02]. Các ý kiến góp ý hay kiến nghị điều chỉnh về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của các đơn vị đều được thông tin, thảo luận trong Đảng ủy, Hội đồng trường. Từ kết quả trao đổi, thảo luận, Đảng ủy, Hội đồng trường thống nhất ban hành nghị quyết; trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ra quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi. Các mục tiêu chiến lược cũng được rà soát điều chỉnh qua từng giai đoạn [H3.03.02.03].

Sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược được phổ biến đến toàn thể cán bộ viên chức và sinh viên cũng như các bên liên quan thông qua website của Trường [H3.03.02.04]. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược còn được in thành các poster và các bảng treo ở một số vị trí dễ thấy trong Trường và Phân hiệu của Trường tại TP HCM để cán bộ viên chức và sinh viên tiện theo dõi [H3.03.02.05]. Từ những năm 2010, trong các cuốn sổ tay sinh viên ở ngay trang đầu để sinh viên biết và hiểu về sứ mạng cũng như giá trị cốt lõi của Trường [H3.03.02.06].

Ngoài ra, trong các cuộc họp, hội nghị tổng kết, hội thảo hè, lãnh đạo Trường cũng phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các thành phần tham dự. Dựa vào kết quả của 3 lần lấy ý kiến góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của Trường từ các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường vào năm 2017, 2018 và 2020. Phần lớn cán bộ, viên chức trong trường đã biết về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Giao thông Vận tải [H3.03.02.07]; [H3.03.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Cơ cấu và nhân sự Hội đồng trường thường xuyên được rà soát khi có biến động về nhân sự. Định kỳ 6 tháng 1 lần, Hội đồng trường đều có họp, xem xét báo cáo giám sát hoạt động của Trường, cho ý kiến về những vấn đề thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Hội đồng trường; đánh giá những vấn đề còn hạn chế, cơ hội, thách thức mới làm căn cứ ban hành các nghị quyết [H3.03.03.01].

Đảng ủy trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 đã ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ trường, phân công các đảng ủy viên trường và thành lập các ban giúp việc cho Đảng ủy. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy trường đã thực hiện việc kiện toàn, bầu bổ sung 02 đồng chí tham gia Ban chấp hành Đảng bộ,

02 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Đảng ủy trường nhằm thay thế 01 đồng chí đến tuổi nghỉ hưu và 01 đồng chí chuyển công tác; việc phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí đảng ủy viên cũng được thường xuyên rà soát, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tế và biến động về nhân sự lãnh đạo quản lý **[H3.03.03.02]**.

Các thành viên trong Ban Giám hiệu cũng thường xuyên được rà soát nhằm hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo quản lý, thay thế kịp thời cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu. Trong nhiệm kỳ 2013-2018, Trường đã thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng **[H3.03.03.03]**.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý được rà soát thông qua các kênh đánh giá: Phản hồi từ nội hoạt động của các đơn vị thuộc Trường (đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển, kế hoạch công tác hằng năm), từ thực tiễn của các bên liên quan hay phát sinh thêm các yêu cầu nhiệm vụ mới. Ngoài ra, Trường còn tiến hành tổ chức Hội nghị CBVC các cấp nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và chỉ tiêu phát triển trong năm học **[H3.03.03.04]**. Thông qua hội nghị tổng kết công tác năm học và hội nghị CBVC, các ý kiến đóng góp, xây dựng của CBVC và đại diện sinh viên được ghi lại bằng biên bản, được thông qua bằng nghị quyết, là cơ sở để Trường có những điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế **[H3.03.03.05]; [H3.03.03.06]**. Hằng năm, Trường tiến hành đánh giá, xếp loại viên chức quản lý, viên chức, người lao động; Đảng ủy trường cũng tổ chức thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại đối với tập thể lãnh đạo, quản lý và đánh giá, xếp loại đảng viên. Đây cũng là dịp để Đảng ủy rà soát lại các công tác mà mỗi đảng ủy viên trường và Đảng ủy đã chỉ đạo, triển khai thực hiện trong năm. Ngoài ra, cơ cấu lãnh đạo và quản lý còn được rà soát thông qua hội nghị tổng kết nhiệm kỳ, đánh giá khi thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch, khi thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Bên cạnh đó, việc rà soát còn được thực hiện thông qua các văn bản báo cáo định kỳ của cơ quan chủ quản về các hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ **[H3.03.03.07]**.

Để đảm bảo các đơn vị trong Trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Trường có cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ **[H3.03.03.08]**. Phòng Thanh tra - Pháp chế là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý của Trường để kiến nghị biện pháp khắc phục, phòng ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Trường theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Phòng Thanh tra - Pháp chế còn tham mưu giúp Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường, bảo đảm Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật. Thanh tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch thanh tra do Hiệu trưởng phê duyệt và được thông báo trước cho đối tượng thanh tra, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thanh tra

đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được Hiệu trưởng quyết định **[H3.03.03.09]**;

Trường còn có Ban Thanh tra nhân dân, hoạt động về các lĩnh vực chủ yếu sau: Một số dự án mua sắm, xây dựng và sửa chữa; Quản lý và khai thác cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ sản xuất của các phòng thí nghiệm; Hiệu quả đầu tư CSVC so với lợi ích thực của các đơn vị sản xuất kinh doanh; Việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, từ các dự án quốc tế, sử dụng các quỹ; Một số việc liên quan đến khiếu nại tố cáo theo qui định của Luật Thanh tra; Tham gia trong các đoàn thanh tra chống tham nhũng khi có yêu cầu của lãnh đạo **[H3.03.03.10]**.

Khi Luật Giáo dục đại học có hiệu lực thi hành từ 01/7/2020, Trường đã tiến hành rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các thành phần trong cơ cấu lãnh đạo, thành lập Ban soạn thảo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, tổ chức biên soạn. Bản dự thảo Quy chế sẽ được gửi xin ý kiến của các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động trong toàn Trường, được Đảng ủy xem xét, cho ý kiến, được Hội đồng trường thông qua **[H3.03.03.11]**;

Năm 2020, Trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm khối hành chính; Ban chỉ đạo đề án làm việc trực tiếp với lãnh đạo các đơn vị, thực hiện việc đánh giá từng vị trí việc làm, xem xét các bản mô tả công việc, thống nhất số lượng vị trí việc làm cần thiết. Nội dung được cập nhật về danh mục vị trí việc làm, số lượng vị trí lãnh đạo quản lý, yêu cầu theo vị trí việc làm **[H3.03.03.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Trường đã sáp nhập, đổi tên và thành lập mới một số khoa để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tiết kiệm nhân lực như thành lập mới Khoa Quản lý xây dựng trên cơ sở hai bộ môn Quản lý dự án thuộc Khoa Công trình và bộ môn Kinh tế xây dựng thuộc khoa Kinh tế Vận tải **[H3.03.04.01]**; thành lập một số bộ môn mới như bộ môn Kế toán - Kiểm toán thuộc Khoa Vận tải Kinh tế để phụ trách các ngành mới mở và yêu cầu đào tạo của Trường **[H3.03.04.02]**.

Trường đã hoàn thành chuyển Công ty Tư vấn thành Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học GTVT **[H3.03.04.03]**; Thành lập mới Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Đào tạo trực tuyến, Trung tâm Việt - Nhật, Trung tâm Việt - Trung và Trung tâm Việt - Pháp **[H3.03.04.04]**. Ngoài ra, Trường còn thực hiện rà soát, kiện toàn tổ chức

bộ máy và thể chế hoạt động của các đơn vị KHCN trực thuộc Trường **[H3.03.04.05]**.

Trường đã hoàn tất thủ tục duy trì và phát triển Khoa Giáo dục Quốc phòng, tự chủ đào tạo nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Trường **[H3.03.04.06]**.

Trường đã sáp nhập, kiện toàn, đổi tên một số phòng như: Sáp nhập phòng Nghiên cứu phát triển với phòng Đối ngoại thành phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển. Tách phòng Thiết bị quản trị thành phòng Phát triển dự án và phòng Thiết bị quản trị. Đồng thời giao thêm chức năng cho một số phòng để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực nhưng đảm bảo bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ của Trường và các đơn vị **[H3.03.04.07]**.

Đã thực hiện việc chuyển đổi Cơ sở II thành Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận và ký quyết định thành lập **[H3.03.04.08]**.

Cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp được rà soát, bổ sung kịp thời khi có người nghỉ quản lý, chuyển công tác **[H3.03.04.09]**. Một số trường hợp cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp do sức khỏe yếu hoặc không phù hợp với công tác quản lý đã được Trường cho thôi chức vụ, thay thế bởi các cán bộ khác phù hợp, phát huy được năng lực và hiệu quả quản lý đơn vị **[H3.03.04.10]; [H3.03.04.11]; [H3.03.04.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường có cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác. Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được thực hiện định kỳ và theo yêu cầu công tác nên đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành Trường và các đơn vị.

Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được thực hiện định kỳ và theo yêu cầu công tác nên đáp ứng tương đối tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành Trường và các đơn vị.

Việc rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý được nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện bài bản đúng quy trình, công khai và khách quan nên tạo được sự đồng thuận của CBVC.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Công tác luân chuyển cán bộ để bồi dưỡng năng lực thực tiễn còn hạn chế.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc đã được bổ sung, cập nhật khi có biến động về tổ chức bộ máy và phân công lại nhiệm vụ các đơn vị. Tuy nhiên, chưa có rà soát cập nhật, kiện toàn một cách tổng thể.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Trường sẽ rà soát về cơ cấu, xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ, viên chức quản lý giữa các đơn vị theo quy định.	BGH; P.TCCB và các phòng tham mưu	6/2021
2	Khắc phục tồn tại	Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức hiện nay, Trường sẽ tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc một cách tổng thể nhằm khắc phục hiện tượng chồng chéo, trùng lắp (nếu có).	P.TCCB	3/2021

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030 và phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế, kinh nghiệm của quá trình phát triển và dự báo nhu cầu phát triển trong tương lai; nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng các Nghị quyết của Đảng các cấp; tài liệu liên quan đến thể chế, Quy định của Chính phủ Việt Nam về giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục đại học, Chiến lược phát triển giao thông vận tải giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của các bộ ngành liên quan khác, Nhà trường đã lập kế hoạch theo năm học nhằm thực hiện tốt kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 theo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008-2020[H4.4.1.01].

Việc theo dõi, tổng hợp đồng thời giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường từ tháng 4 năm 2017 trở về trước thuộc về Phòng Hành chính – Tổng hợp. Năm 2017, nhận thấy sự ảnh hưởng của internet kết nối vạn vật, cách mạng công nghiệp 4.0 đến đời sống kinh tế-xã hội của thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng và đặc biệt là lĩnh vực giáo dục đại học, Nhà trường đã thành lập Phòng Nghiên cứu phát triển, một trong những nhiệm vụ quan trọng của phòng là rà soát, xây dựng, theo dõi, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển Trường; đồng thời Nhà trường cũng ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030[H4.4.1.02]. Đến năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII , nhằm tinh gọn bộ máy, Nhà trường đã thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển trên cơ sở sáp nhập Phòng Đối ngoại với Phòng Nghiên cứu phát triển [H4.4.1.03].

Năm 2016, trên cơ sở kết luận của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài trong công tác kiểm định chất lượng Trường năm 2015, Nhà trường đã triển khai công tác cải tiến, nâng cao chất lượng Trường theo các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài sau kiểm định chất lượng giáo dục Trường năm 2015, đầu mỗi theo dõi công tác cải tiến, rút kinh nghiệm là Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo [H4.4.1.04]. Từ năm 2017 đến nay, Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển là

đơn vị phụ trách xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H4.4.1.05].

Chiến lược phát triển của Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020 đã tuyên bố sứ mạng của Nhà trường như sau: *“Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển ngành GTVT và kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước”*. Năm 2018, trên cơ sở góp ý của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và kết quả rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT 2018-2025, tầm nhìn 2030, Nhà trường điều chỉnh sứ mạng như sau: *“Trường Đại học Giao thông vận tải có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước”*. Tầm nhìn được xác định trong Chiến lược 2018-2025: *“Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á”*.

Với sứ mạng, tầm nhìn như trên, Nhà trường xác định 05 mục tiêu cụ thể của Chiến lược đó là: (1) Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu; (2) Xây dựng, phát triển các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh, có uy tín và năng lực xuất khẩu tri thức, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông vận tải; (3) Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế; (4) Kiến tạo môi trường giáo dục chủ động và sáng tạo, hình thành ý thức học tập suốt đời, thích ứng với mọi điều kiện hoàn cảnh; (5) Có trách nhiệm với cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Để đạt được các mục tiêu trên, Trường ĐH GTVT đã đề ra 08 giải pháp thực hiện gồm: (1) Xây dựng trường đại học tự chủ với mô hình quản trị tiên tiến, hệ thống và phương thức quản lý chuyên nghiệp đạt tới mô hình của trường đại học thông minh; (2) Đa dạng hóa ngành, phương thức và loại hình đào tạo phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ; (3) Khẳng định vai trò tiên phong, vị thế hàng đầu Việt Nam về khoa học công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải nhằm phục vụ công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước; (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức theo yêu cầu hội nhập quốc tế; (5) Tăng cường và hiện đại hoá cơ sở vật chất; (6) Phát triển nguồn lực tài chính theo hướng đa dạng hoá và bền vững; (7) Kiến tạo môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ, sáng tạo và trách nhiệm cho viên chức, người lao động, người học; phát huy niềm tự hào, bản sắc riêng và uy tín thương hiệu của Trường Đại học Giao thông vận tải thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng;

(8) Tăng cường mở rộng các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế, xây dựng các quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu thực chất, hiệu quả nhằm nâng cao vị thế của Trường Đại học Giao thông vận tải **[H4.4.1.06]**. Để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược đúng theo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và văn hóa, với mỗi năm, mỗi giai đoạn, Nhà trường đều xin ý kiến rộng rãi trong toàn trường, các chuyên gia, các cơ quan đơn vị liên quan. Kết thúc mỗi năm học, thông qua các hội nghị tổng kết năm học từ cấp các đơn vị thuộc Trường đến hội nghị tổng kết năm học và đối thoại giữa lãnh đạo Trường với cán bộ, viên chức, người lao động và người học. Trên cơ sở đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, những mặt tồn tại, hạn chế, Nhà trường có những điều chỉnh kịp thời cho năm học tiếp theo để đạt được mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển Trường theo năm học, theo gian đoạn **[H4.4.1.07]**.

Với mục tiêu chiến lược phát triển trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học như đã tuyên bố trong Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008 – 2020, tầm nhìn 2030 và bản điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Bằng sự quyết tâm cao, trên cơ sở căn cứ khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài trong kết luận kiểm định chất lượng Trường ĐH GTVT năm 2015, Trường ĐH GTVT đã cơ bản thực hiện tốt kế hoạch chiến lược đề ra. Kết quả bước đầu của giai đoạn 2015-2020 chứng minh điều đó, cụ thể:

Trong lĩnh vực đào tạo, đến nay Nhà trường đã trở thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực với 25 ngành với 73 chuyên ngành đào tạo bậc đại học (trong đó có 01 chương trình tiên tiến, 09 chương trình chất lượng cao, 02 chương trình liên kết quốc tế), 15 ngành đào tạo Thạc sĩ và 17 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ với gần 24.000 sinh viên và học viên các hệ **[H4.4.1.08]**;

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ: Công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ có nhiều đổi mới theo hướng phân cấp và giao quyền tự chủ cao cho các đơn vị; Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động KHCN; rà soát và thực hiện các biện pháp thống nhất liên quan đến các cơ sở dữ liệu học thuật; quy chế khen thưởng KHCN. Các cán bộ khoa học của Trường đã thực hiện nhiều nhiệm vụ KHCN các cấp, công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí khoa học ở trong nước và quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus; tạp chí khoa học của Trường đã có sự phát triển vượt bậc tiếp cận với tiêu chuẩn ACI; phong

trào nghiên cứu khoa học sinh viên ngày càng phát triển; hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, các hoạt động lao động sản xuất có bước tiến mới. Năm 2019, Trường Đại học GTVT được xếp hạng thứ 19 trong các cơ sở giáo dục đại học có công bố tốt nhất Việt Nam [H4.4.1.09].

Về đội ngũ, hiện nay Nhà trường có gần 1200 cán bộ, viên chức. Trong đó có 829 viên chức khối giảng dạy gồm: 90 GS, PGS; 225 TSKH, TS và gần 500 ThS (tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 38%). Cơ sở vật chất của Nhà trường được đầu tư tập trung nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Nhà trường hiện có 02 phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia và nhiều phòng thí nghiệm chuyên ngành; 100% các phòng học đạt chuẩn phòng học cấp khu vực; hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư mạnh mẽ, nhà trường đã xây dựng thành công khung kiến trúc Nhà trường điện tử với phần mềm quản trị trường vận hành theo mô hình “Nhà trường điện tử” [H4.4.1.10].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã thực hiện thành công chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, theo đúng lộ trình mà sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn, kế hoạch đặt ra. Đó một phần là kết quả của việc phát huy truyền thống đoàn kết với ý chí quyết tâm thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường và một phần là do Nhà trường luôn chú trọng công tác tổng kết, rà soát, đánh giá để rút kinh nghiệm theo từng năm, từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Mỗi giai đoạn thực hiện chiến lược, Nhà trường đều rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo, tiểu ban thực hiện và xây dựng Chiến lược [H4.4.1.11]; lập quy trình hướng dẫn tổng kết đánh giá của năm học, giai đoạn trước và rà soát bản Chiến lược tổng thể, dựa trên tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch chiến lược chi tiết cho năm học, giai đoạn tiếp theo theo từng lĩnh vực cụ thể [H4.4.1.12]. Với những cố gắng đó, năm 2019, Nhà trường vinh dự nhận được đánh giá 4 sao trên mức tối đa 5 sao về tổng thể các mặt hoạt động của Nhà trường theo bảng xếp hạng đối sánh chất lượng – UPM [H4.4.1.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

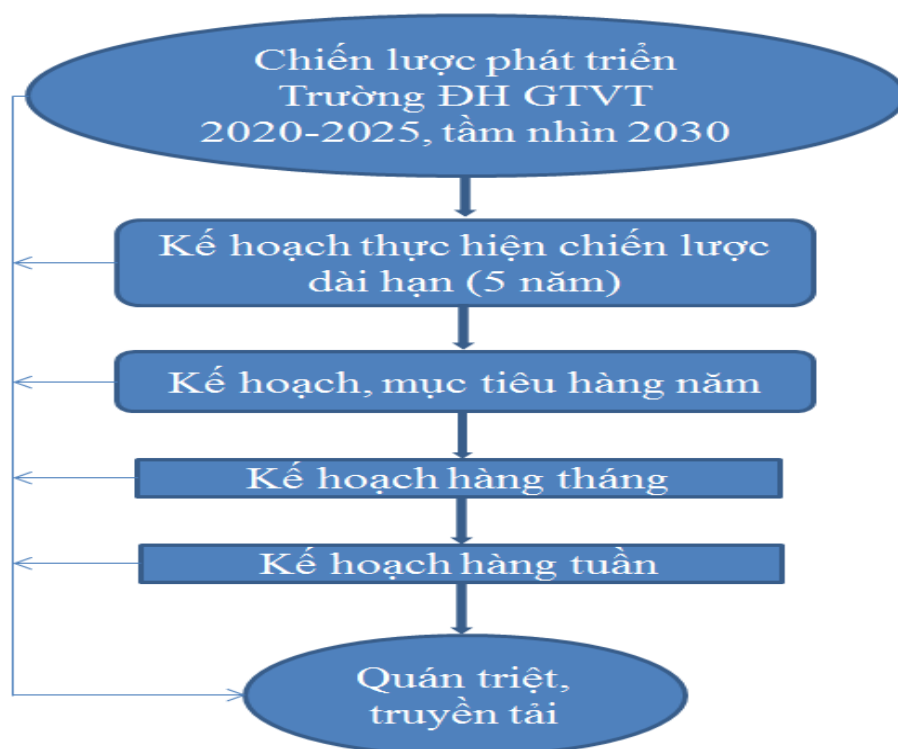
Trên cơ sở kế hoạch chiến lược đã được ban hành [H4.4.2.1], Nhà trường quán triệt đến các cá nhân, đơn vị trong Trường [H4.4.2.2], từ đó xây dựng thành các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn thuộc các lĩnh vực công tác và xây dựng kế hoạch từng năm

học để các đơn vị chủ động thực hiện. Đối với các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, đơn vị thường trực (Phòng HCTH) gửi thông báo hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo tổng kết, lập kế hoạch, phương hướng thực hiện giai đoạn tiếp theo. Dựa vào phương hướng, nghị quyết đã đề ra các đơn vị rà soát kết quả thực hiện, đánh giá và nêu rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, điểm mạnh điểm yếu dẫn đến kết quả thực hiện.

➤ Đối với kế hoạch ngắn hạn:

Hàng tuần, Ban Giám hiệu giao ban đầu tuần và làm việc với lãnh đạo các đơn vị để kiểm tra tiến độ, tình hình thực hiện nhiệm vụ; Các Khoa, Phòng, Ban, Xưởng, Trạm, Trung tâm họp giao ban tại đơn vị **[H4.4.2. 3]**.

Hàng tháng, Nhà trường tổ chức giao ban công tác tháng (thành phần: Chủ tịch Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu; Trưởng phó các đơn vị thuộc Trường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn Trường; Bí thư Đoàn thanh niên; Trưởng ban Thanh tra nhân dân) để đánh giá, kiểm điểm các kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác tháng trước và xây dựng, đề xuất nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo. Bên cạnh đó, Đảng ủy cũng họp thường xuyên hàng tháng để triển khai các công tác của Đảng và nghe báo cáo kết quả công tác chính quyền **[H4.4.2.4]**.



Hình 4.1. Quy trình triển khai thực hiện chiến lược

• Mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức giao ban công tác đào tạo, giao ban khoa học công nghệ, lao động sản xuất [H4.4.2.5]

• Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch tổng kết năm học từ cấp bộ môn, cấp khoa, cấp các đơn vị phòng, ban và cấp Trường. Các đơn vị dựa vào nghị quyết thực hiện năm học đánh giá kết quả thực hiện các công tác và đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo [H4.4.2.6], [H4.4.2.7], [H4.4.2.8]. Các đơn vị gửi ý kiến góp ý, các kiến nghị lên Nhà trường về các mảng công tác cụ thể, Lãnh đạo Nhà trường giải trình các kiến nghị bằng văn bản và trực tiếp tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm [H4.4.2.9].

➤ Đối với kế hoạch dài hạn: Chiến lược phát triển 2008-2020, tầm nhìn 2030 được cụ thể hoá bằng các kế hoạch chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn 5 năm (2008-2013, 2013-2018, 2018-2023). Hiện nay, để phù hợp với tình hình mới, Nhà trường tiến hành rà soát điều chỉnh chiến lược 2020-2025, tầm nhìn 2030 [H4.4.2.10]. Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược các giai đoạn, các mục tiêu chiến lược và các hoạt động luôn được rà soát, đánh giá về mức độ phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng [H4.4.2.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trong Chiến lược 2008-2020, tầm nhìn 2030 của Trường ĐH GTVT đặt mục tiêu, chỉ số cụ thể cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường [H4.4.3.1]. Các mục tiêu, chỉ số này được định kỳ đánh giá hàng năm về mức độ thực hiện thông qua các hội nghị giao ban đào tạo, khoa học công nghệ và hội nghị tổng kết năm học. Thông qua các hội nghị tổng kết để đề ra những điều chỉnh phù hợp cho kế hoạch các năm tiếp theo, nhằm mục tiêu bám sát thực tiễn [H4.4.3.2].

TT	Chiến lược/ Hành động	Chỉ số thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Chiến lược đào tạo		
1.1	- Nâng cao chất lượng đào tạo - Xây dựng chương trình đào tạo theo ngành rộng	- Xây dựng tất cả các chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, có chuẩn đầu ra rõ ràng theo hướng phát triển năng lực tư duy và kỹ năng mềm	2009-2020

		- Xây dựng các chương trình đào tạo 4 năm và 4,5 năm - Xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao - Xây dựng các chương trình đào tạo theo ngành rộng	
1.2	Nâng cao quy mô đào tạo hệ chính quy, mở thêm ngành học	- Mở thêm: - Quy mô tuyển sinh: + Năm 2010: + Năm 2015: + Năm 2020: + Năm 2030:	2009-2020
1.3	Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá đào tạo	- Đổi mới phương pháp đào tạo ở tất cả các ngành, chuyên ngành. - Triển khai kiểm định chất lượng đào tạo ngành - Xây dựng ngân hàng đề thi theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm. - Xây dựng Quy chế đánh giá, kiểm tra học phần. - Tổ chức thi chung một số môn học	2008-2020
2	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ		
2.1	Thực hiện các đề tài nghiên cứu mang tầm chiến lược, các lĩnh vực mũi nhọn; có sản phẩm thương mại; xuất bản tạp chí tiếng anh; số lượng các bài báo quốc tế tăng từ 10-15 bài/ năm	- Các nhà khoa học của Trường đã tiến hành nghiên cứu, thực hiện nhiều công trình trong lĩnh vực GTVT nhằm giảm ùn tắc, hỗ trợ dân sinh, phát triển kinh tế, giáo dục đất nước - Nhà trường đã ra quyết định thành lập các hướng nghiên cứu	2008-2020

		mũi nhọn	
2.2	Tăng cường thu hút đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu và nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu	+ Năm 2020: Đạt tỷ lệ ?? GV/1 đề tài/1 năm + Năm 2020: ??% đề tài nghiên cứu được ứng dụng thực tế và đưa vào giảng dạy. + Năm 2020: Số lượng bài báo đạt tỷ lệ ??GV/1 bài/1 năm (???% đăng ở tạp chí nước ngoài).	2008-2020
2.3	Liên kết với các cơ sở SX, các doanh nghiệp tham gia đấu thầu các dự án, đề tài khoa học, sản xuất trong nước và quốc tế	+ Năm 2010: + Năm 2015: + Năm 2020:	2008-2020
3	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực		
3.1	Kiến tạo lại cơ cấu tổ chức của Trường, phân cấp và tăng quyền tự chủ cho các đơn vị	- Thành lập Phân hiệu Trường tại thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp từ Cơ sở II (07/2016); - Thành lập mới: Trung tâm dịch vụ; Phòng Nghiên cứu phát triển; Trung tâm đào tạo trực tuyến; - Sáp nhập chia tách: Sáp nhập Phòng NCPT với Phòng Đối ngoại thành Phòng HTQT&NCPT. Tách phòng TBQT thành Phòng TBQT và Phòng Phát triển Dự án; - Sửa đổi Quy chế tổ chức hoạt động của Trường; - Rà soát, điều chỉnh Quy định về chức năng và nhiệm vụ	2008-2020

		của các đơn vị; - Xây dựng đề án vị trí việc làm.	
3.2	Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên	- Nhà trường có chính sách thu hút các giảng viên có trình độ cao; - Đến năm 2020: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên: 1/20 - Đến năm 2020: 10,86% GV có học hàm GS, PGS; 40% GV có trình độ Tiến sĩ; 57,57% GV đạt trình độ ThS; tất cả các giảng viên có khả năng giảng dạy, giao tiếp và đọc tài liệu bằng tiếng Anh. - Có cơ chế lượng hóa việc đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV qua mỗi năm học.	2008-2020
3.3	Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý đủ về số lượng và có trình độ cao	- Có cơ chế đồng bộ nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi - Đến năm 2020: Cán bộ quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng; có lương tâm nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn cao, có phong cách quản lý tiên tiến, hiện đại, thành thạo tin học văn phòng và giao tiếp được bằng tiếng Anh.	2008-2020
3.4	Tăng cường đội ngũ cán bộ nghiên cứu đủ về số lượng và trình độ cao	- Có chính sách đồng bộ nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu giỏi từ nhiều nguồn trong và ngoài nước	2008-2020

		- Đến năm 2020: Đội ngũ cán bộ nghiên cứu trung thực, có khả năng nghiên cứu, điều tra khảo sát, đo đạc, phân tích tổng hợp, thành thạo thực hành, thực nghiệm, gắn khoa học với thực tiễn sản xuất.	
4	Chiến lược phát triển nguồn tài chính và tiền lương		
4.1	Tăng nguồn thu của Trường thông qua việc thực hiện đa dạng hóa nguồn thu, trong đó tăng tỷ lệ thu từ hoạt động NCKH-CGCN-LĐSX và các hoạt động dịch vụ	- Từng bước xây dựng cơ chế tự lập kế hoạch tài chính của các đơn vị (các Khoa). - Tăng cường các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ	2008-2020
4.2	Nâng cao thu nhập của cán bộ, giảng viên thông qua cải tiến tiền lương	- Nhà trường rà soát, điều chỉnh lại quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên - Nhà trường xây dựng cách tính lương 2 mới theo phương pháp 3P - Thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức hàng năm đều tăng	2008-2020
5	Chiến lược phát triển cơ sở vật chất		
5.1	Đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam về các tỷ lệ về diện tích trường, lớp	- Nhà trường đã xây dựng thêm các giảng đường tại khu ký túc xá và nâng tầng tăng số lượng phòng học tại trụ sở chính - 100% các giảng đường được đầu tư trang bị bàn ghế, bảng thông minh, điều hòa đạt chuẩn khu vực	2008-2020

		- Hệ thống thư viện điện tử được đầu tư, các phần mềm phục vụ số hóa thư viện được trang bị, hệ thống thư viện được liên thông với các thư viện trong nước	
5.2	Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, thiết thực, từng bước	- 100% các giảng đường được đầu tư trang bị bàn ghế, bảng thông minh, điều hòa đạt chuẩn khu vực - Nhà trường nâng cấp một số phòng hội thảo, giảng đường lớn đạt chuẩn khu vực	2008-2020
6	Chiến lược hợp tác quốc tế		
6.1	Đa phương hóa, đa dạng hóa loại hình hợp tác	- Nhà trường duy trì mối quan hệ với hơn 60 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế đến từ các nước: Đức, Mỹ, Anh, Pháp, Bỉ, Trung Quốc, Nga, Nhật bản, Lào.... - Duy trì và phát triển hợp tác thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án liên kết với các đối tác từ Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Nga...	2008-2020
6.2	Triển khai giảng dạy một số môn bằng tiếng Anh, tiếng Pháp cho một số môn, ngành trong Trường	- Các chương trình liên kết của Khoa Đào tạo quốc tế, - Chương trình dự bị du học Pháp	2008-2020
6.3	Thực hiện trao đổi sinh viên, học viên	- Trong khuôn khổ liên kết trực tiếp giữa nhà trường với các	2010-2020

		đối tác từ châu Âu, Mỹ, Nhật Bản hoặc các dự án: mỗi năm 15-20 sinh viên, học viên cao học	
7	Chiến lược công nghệ thông tin		
7.1	Tạo cơ chế phù hợp và tạo điều kiện cho mọi người hưởng ứng tham gia tích cực đẩy nhanh chiến lược nghiên cứu và sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, nghiên cứu, sản xuất và quản lý.	- Năm 2010: Cơ chế và điều kiện được đảm bảo - Xây dựng lộ trình triển khai Dự án Công nghệ dạy học trực tuyến và trường học điện tử. - Nghiên cứu làm chủ công nghệ Elearning. - Triển khai tập huấn giảng viên các BM đã có kế hoạch đưa bài giảng môn học lên mạng những hiểu biết về công nghệ Elearning. - Đưa việc dạy và học qua mạng từ chỗ khuyến khích SV tự học dẫn đến bắt buộc học và trả một phần các bài tập, bài thi trắc nghiệm môn học dưới sự giám sát của GV theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT	2010-2020
7.2	Phát triển nhanh công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sản xuất và hiện đại hóa công tác quản lý nhà trường đáp ứng yêu cầu của một Trường đại học tiên tiến	- Hoàn thiện đầu tư về hạ tầng CNTT(máy chủ, đường truyền..) - Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến - Xây dựng khung kiến trúc Nhà trường điện tử	2010-2020
7.3	Thực hiện chuyển đổi số và số hóa dữ liệu	- Thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số - Thực hiện số hóa cơ sở dữ	2010-2020

		liệu và học liệu	
8	Chiến lược công tác sinh viên		
8.1	Xây dựng và hoàn thiện quy chế về công tác sinh viên	- Sửa đổi và điều chỉnh quy chế công tác sinh viên cho phù hợp với các quy định mới của Pháp luật - Xây dựng quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học đối với các hoạt động của Trường và hoạt động giảng dạy của giảng viên	2010-2020
8.2	Thành lập các tổ chức mới của sinh viên	- Thành lập Văn phòng hỗ trợ sinh viên thuộc Phòng CTCT&SV - Lập Quỹ học bổng truyền thống sinh viên GTVT Việt Nam - Xác lập hình thức các công ty, danh nghiệp hỗ trợ cho SV giỏi trong quá trình học tập và tiếp nhận sau khi ra trường. - Tạo cơ chế để SV tham gia đóng góp vào công tác nghiên cứu, đào tạo, tham gia làm đồ án tốt nghiệp, tham gia đề tài sản xuất. - Xây dựng quy chế ưu tiên tuyển chọn SV giỏi ở lại Trường làm công tác giảng dạy và quản lý. - Tạo điều kiện thuận lợi để SV tự tổ chức, tự quản các CLB chuyên môn, tiếng Anh, TDTT, các hoạt động và rèn luyện nhằm nâng cao tính chủ động, tự tin vào khả năng bản thân của sinh viên.	
9	Chiến lược kiểm định chất lượng		

9.1	Triển khai kiểm định chất lượng đào tạo của trường theo quy trình kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và đào tạo	- Năm 2015: Hoàn thành kiểm định cơ sở giáo dục lần 2 - Năm 2017: Hoàn thành kiểm định chương trình của 05 ngành - Năm 2018: Đăng ký kiểm định 03 ngành theo chuẩn AUN	2015-2020
9.2	Kiểm định theo điều tra đánh giá của thị trường	- Tiến hành phiếu thăm dò - Tổ chức hội nghị khách hàng	2015-2020

Để công tác đánh giá các chỉ số thực hiện chiến lược được hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng hệ thống quy trình thực hiện chiến lược phát triển **[H4.4.3.3]**, và cơ chế giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển **[H4.4.3.4]**.

+ Quy trình Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT được xây dựng nhằm thống nhất cách thức, trình tự và tổ chức thực hiện các bước của công tác lập kế hoạch, thống nhất đề cương bản kế hoạch chiến lược phát triển qua các giai đoạn.

+ Công tác giám: Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị theo dõi việc thực hiện Chiến lược, các đơn vị chức năng, bộ phận giám sát thông qua khảo sát thực tế xem xét công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; Đo lường kết quả thực hiện; So sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Phân tích, làm rõ những kết quả đạt được cần phát huy, những tồn tại, hạn chế cần khắc phục; xác định rõ nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của những tồn tại, hạn chế để có cơ sở đề xuất giải pháp thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Cũng như các nội dung khác của chiến lược, các chỉ số thực hiện, các chỉ tiêu phấn đấu chính liên tục được theo dõi, rà soát và đánh giá theo định kỳ hàng năm và cuối các giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển (2008-2013, 2013-2018, 2018-2023) **[H4.4.4.1]**. Mặc dù chiến lược phát triển 2008-2020 vẫn còn hiệu lực, tuy nhiên đợt đánh giá tổng kết giai đoạn 2013-2018 cho thấy Nhà trường cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu chiến lược đến năm 2020 **[H4.4.4.2]**, bởi vậy Nhà trường rà soát, điều chỉnh lại chiến lược với tầm nhìn dài hơn cho giai đoạn mới **[H4.4.4.3]**.

Các hội nghị cán bộ công nhân viên chức cấp Khoa, phòng ban, và sau đó là cấp trường luôn bám sát các chỉ tiêu của chiến lược để đánh giá và phân tích **[H4.4.4.4]**. Nhà trường cũng luôn theo dõi sát quan hệ giữa các chỉ tiêu và các mục tiêu chiến lược của nhà trường để có những điều chỉnh thích hợp **[H4.4.4.5]**.

Trong chiến lược giai đoạn 2018-2023 tầm nhìn 2030 nhiều chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính đã được thêm vào và điều chỉnh để phản ánh tốt hơn thực tế hoạt động của nhà trường và bám sát mục tiêu chiến lược của nhà trường có đối sánh với các Trường bạn và quốc tế **[H4.4.4.6]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã công bố sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, văn hóa trên trang thông tin điện tử và tại bảng tin trong Nhà trường. Sứ mệnh của Nhà trường phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.
- Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; Triển khai đúng tiến độ, đúng sứ mệnh tầm nhìn và giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển, hàng năm có tổng kết, rà soát, đánh giá và cập nhật.
- Từ kế hoạch lớn chuyển tải thành các kế hoạch nhỏ, Nhà trường thực hiện sát sao thường xuyên, có rà soát, thay đổi phù hợp với tình hình thực tế.
- Các chỉ số thực hiện chính được xây dựng phù hợp với các điều kiện hiện trạng và dự báo sát thực các yếu tố chi phối trong tương lai, bởi vậy có tính khả thi cao trong khi vẫn thể hiện được tham vọng và quyết tâm vươn lên của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số kế hoạch đã được xây dựng chi tiết, nhưng có lúc phải điều chỉnh do các tác động khách quan, nhằm thích hợp với bối cảnh và nhu cầu phát triển theo thời gian.
- Kế hoạch thực hiện đã được quán triệt trong toàn Trường, hầu hết lãnh đạo chủ chốt các đơn vị nhận thức rõ nhưng còn bộ phận nhỏ CBGV và SV còn chưa nắm rõ.
- Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp cũng như hệ thống chính sách, bởi vậy không tránh được những thay đổi có tác động trực tiếp đến một số chỉ số thực hiện của Nhà trường.
- Công tác giám sát tuy đã được chú trọng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường công tác quảng bá, truyền tải sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu khác của nhà trường tới các bên liên quan. - Đồng thời, hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá chiến lược đã đạt được, đề xuất bổ sung vào chiến lược năm tiếp theo.	Phòng HTQT&NCPT; Phòng CTCT&SV; Phòng HCTH	6/2021
2		Tăng cường và nâng cao hiệu quả truyền thông để nâng cao nhận thức sâu rộng đến từng CBGV và sinh viên	Phòng HTQT&NCPT; Phòng CTCT&SV;	6/2021
3		Nhà trường sẽ tăng cường giám sát việc thực hiện chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện cụ thể để thay đổi phù hợp với thực tế của đất nước và Nhà trường	Phòng HTQT&NCPT;	6/2021
4	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục chỉ đạo sát sao việc thực hiện nghiêm kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; Triển khai đúng tiến độ, đúng sứ mệnh tầm nhìn và giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển, hàng năm có tổng kết, rà soát, đánh giá và cập nhật	Phòng HTQT&NCPT; Phòng HCTH	6/2021

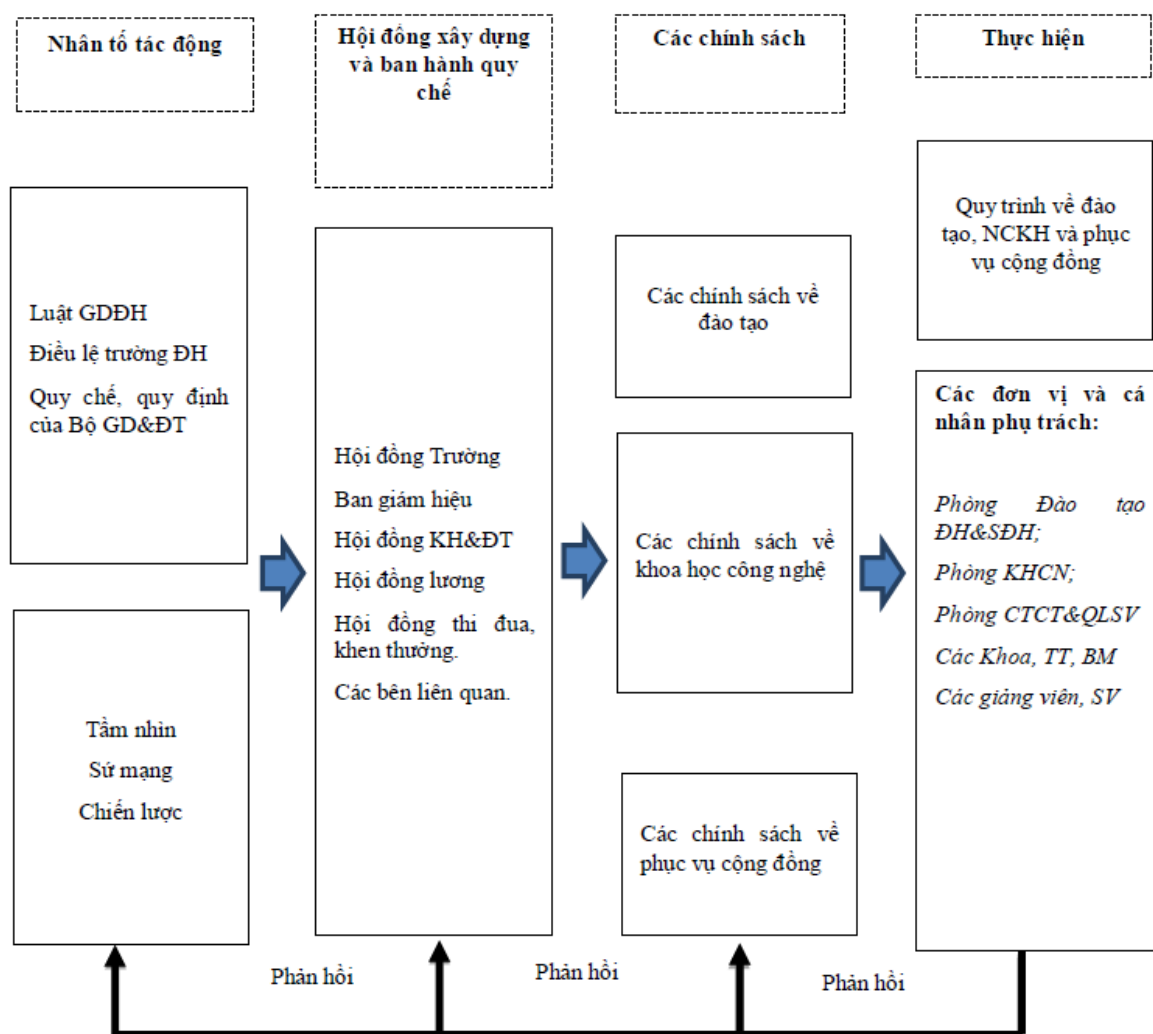
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
5		Nhà trường tiếp tục chỉ đạo sát sao việc truyền thông chiến lược phát triển tổng thể và chi tiết qua nhiều kênh, tiếp tục nghiên cứu các biện pháp kiểm tra, đánh giá nhận thức của các CBGV và sinh viên	Phòng HTQT&NCPT; Phòng CTCT&SV; Phòng KTBĐCLĐTĐH	6/2021
6		Phòng HTQT và NCPT của Nhà trường tiếp tục nghiên cứu xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để công tác giám sát chiến lược phát triển được thực hiện có hiệu quả	Phòng HTQT&NCPT;	6/2021

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4.5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng



Hình 5.1. Hệ thống thiết kế và ban hành quy chế đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng

Hình 5.1.1 mô tả hệ thống ban hành các chính sách, quy chế, quy định về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Theo đó các chính sách, quy chế, quy định, hướng dẫn có đầu vào là các quy định của Pháp luật (Luật GD&ĐT, Điều lệ trường đại học...), các quy chế của Bộ GD&ĐT cùng với tham chiếu tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược của Nhà trường [H5.5.1.1] và các Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường về chính sách đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng [H5.5.1.2].

Đơn vị chỉ đạo xây dựng và quyết định ban hành các quy định, quy chế trong nội bộ Trường là BGH với sự tư vấn của các Hội đồng quan trọng như: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua, khen thưởng. Các đơn vị trực tiếp dự thảo các quy chế, quy định là các Phòng chức năng: Phòng ĐTDH, Phòng ĐTSĐH

phụ trách các quy định về đào tạo; Phòng Khoa học công nghệ phụ trách các quy định về NCKH, CGCN và phục vụ sản xuất; Phòng Tổ chức cán bộ phụ trách các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, GV; Phòng Công tác chính trị và quản lý SV phụ trách các quy định đối với SV, Công đoàn và Đoàn thanh niên phụ trách các quy định, chính sách Phục vụ cộng đồng **[H5.5.1.3]**.

Trong những năm vừa qua, Nhà trường đã ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng với những định hướng chính như sau: **[H5.5.1.4]**

✓ **Về Đào tạo:**

- Mở thêm một số ngành và chuyên ngành đào tạo mới mà xã hội đang có nhu cầu lao động cao;
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chương trình, nội dung đào tạo ở các bậc, hệ đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cơ quan tuyển dụng lao động và phù hợp xu thế hội nhập quốc tế;
- Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý đào tạo và nghiên cứu cải tiến phương án tổ chức đào tạo cho các bậc, hệ;
- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện giáo trình, tài liệu học tập;
- Cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm.

✓ **Về NCKH:**

- Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý khoa học công nghệ và tài chính, phát huy sức mạnh nội lực để đẩy mạnh công tác nghiên cứu.
- Ưu tiên việc lựa chọn, bồi dưỡng các cán bộ trẻ, có năng lực khoa học, có nhiệt tình kế thừa cho các cán bộ đầu đàn đã nhiều tuổi, để nắm bắt và phát triển các thành tựu khoa học to lớn đã đạt được trong thời gian qua, tiếp quản các công việc, các địa bàn đã có để không ngừng xây dựng các vấn đề nghiên cứu, tiếp cận các vấn đề thực tế bức xúc và các vấn đề chiến lược.
- Chấn chỉnh đội ngũ cán bộ nghiên cứu, tăng cường sự hợp tác trong nội bộ và với bên ngoài vì những mục tiêu công việc to lớn và chân chính.
- Có cơ chế khuyến khích và bắt buộc cán bộ giảng dạy tham gia công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ mới.
- Lựa chọn và tổ chức thực hiện một số nội dung nghiên cứu mang tầm chiến lược, lĩnh vực mũi nhọn, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

- Tổ chức các Trung tâm, Công ty thuộc Trường để có đủ năng lực đảm nhận việc nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chiến lược, các lĩnh vực mũi nhọn, các vấn đề sản xuất quy mô lớn.

- Liên doanh, liên kết Nhà trường với các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

- Có cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sớm được tham gia vào công tác nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Có cơ chế thành lập quỹ đặc biệt để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, tìm kiếm các hợp đồng, đề tài, dự án.

✓ **Về Phục vụ cộng đồng:**

- Tăng cường công tác phục vụ vì sinh viên, quan tâm, chăm lo cho sinh viên từ khi bước vào trường, thực hiện công bằng trong việc đánh giá học tập và rèn luyện của sinh viên, từng bước giải quyết chỗ ở trong ký túc xá cho sinh viên. Thành lập văn phòng hỗ trợ sinh viên và các câu lạc bộ tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập, nghề nghiệp, giới thiệu, tư vấn việc làm và các vấn đề xã hội khác.

- Lập Quỹ học bổng truyền thống sinh viên GTVT Việt Nam nhằm khuyến khích động viên sinh viên giỏi, đặc biệt quan tâm và có chế độ ưu đãi đối với những sinh viên nghèo vượt khó, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát huy tài năng.

- Tạo cơ chế để sinh viên tham gia đóng góp vào công tác đào tạo, tự tổ chức, tự quản các câu lạc bộ chuyên môn, tiếng Anh, thể dục thể thao, các hoạt động học tập và rèn luyện nhằm nâng cao tính chủ động, tự tin vào khả năng bản thân của sinh viên.

- Cán bộ, giảng viên và sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai bão, lũ lụt; các gia đình thương binh, liệt sĩ, người bị ảnh hưởng của chất độc da cam,... do Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phát động hàng năm.

- Đoàn viên, sinh viên tích cực tham gia hoạt động sinh viên tình nguyện, hiến máu nhân đạo,.

Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan như: các cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Trường; các cựu sinh viên, chuyên gia giáo dục và các doanh nghiệp thông qua tổ chức các buổi Hội thảo xin ý kiến góp ý vào Chiến lược, định hướng phát triển Nhà trường và qua nhiều lần gặp gỡ trao đổi nhân các sự kiện lớn trong Trường hoặc

của các Khoa **[H5.5.1.5]**.

Để cụ thể hóa các chính sách nêu trên, Nhà trường đã ban hành các văn bản sau: Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng Trường về kế hoạch mở mới các ngành đào tạo đến năm 2020; Quyết định của Hiệu trưởng ban hành các quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định của Hiệu trưởng ban hành các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (được rà soát định kỳ) và mở mới; Quyết định của Hiệu trưởng ban hành các quy định về quản lý hoạt động KHCN, PVSX; Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy định về quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đăng báo quốc tế,...**[H5.5.1.6]**,... **[H5.5.3.10]**.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng của Nhà trường đã được xây dựng đều dựa trên: các chủ trương của Đảng như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/06/2014 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Luật giáo dục đại học; Điều lệ trường đại học; Các thông tư về quy chế đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, các chính sách này đều phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Chiến lược phát triển Trường đã được nêu trong các Tiêu chuẩn trên.

Sau khi ban hành, các chính sách này được các Phòng ban chức năng và các Khoa, Trung tâm, triển khai cụ thể thành các quy định, quy trình, dịch vụ, hay các hoạt động **[H5.5.1.11]**.

Các quy định, quy trình này thường xuyên được lấy ý kiến phản hồi từ các Phòng, Khoa, Trung tâm, Viện, Bộ môn, GV và SV để hiệu chỉnh và cập nhật **[H5.5.1.12]**.

Các văn bản này thường xuyên cập nhật, hiệu chỉnh cho phù hợp với thực tế vận hành của Nhà trường cũng như các quy chế, quy định được ban hành bởi cơ quan chủ quản (Bộ GD&ĐT) và cơ quan Nhà nước (Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KHCN, Bộ Tài chính.).

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2 Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản hóa, phổ biến và thực hiện

Nhà trường có các văn bản trong đó quy định về thực hiện giám sát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các văn bản đó là: Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường; Quy chế tổ chức hoạt động của Trường; Quy chế dân chủ cơ sở [H5.5.2.1], trong đó quy định Hội đồng trường có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các chính sách của Nhà trường bao gồm chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Thanh tra [H5.5.2.2] trong đó quy định Phòng Thanh tra có nhiệm vụ thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định, chính sách của Nhà trường bao gồm các quy định liên quan đến đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Các văn bản này được gửi đến tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan trong Trường.

Trong mỗi cuộc họp của Hội đồng trường (06 tháng/lần), Hiệu trưởng có báo cáo về kết quả triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng,...; Chủ tịch Hội đồng trường có báo cáo kết quả thực hiện giám sát các hoạt động của Nhà trường trong đó có việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.5.2.3].

Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân của Công Đoàn trường có báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường [H5.5.2.4].

Nhà trường có truyền thông, phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng thông qua việc đưa lên Website của Trường các quy định về chức năng nhiệm vụ của Hội đồng trường, của Phòng Thanh tra [H5.5.2.5] đồng thời đã gửi nội dung các quy chế hoạt động của Hội đồng trường qua Email tới tất cả cán bộ, giảng viên trong Trường. Hàng năm, Nhà trường cũng đã công bố các kết quả giám sát của Hội đồng trường tới các cán bộ, giảng viên tại Hội nghị cán bộ viên chức và thông qua hệ thống Email.

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3 Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Trường có quy định về rà soát các chính sách định kỳ hàng năm [H5.5.3.1], theo đó các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Phòng Đào tạo ĐH&SĐH có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và trình Hiệu trưởng ban hành các quy định mới. Trong những năm qua, đối với trình độ đại học, Trường đã ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ [H5.5.3.2] ; Trường đã ban hành quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, [H5.5.3.3] nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo thạc sĩ của người học và phù hợp với Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT.

Phòng Khoa học công nghệ có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định về hoạt động khoa học công nghệ, phục vụ sản xuất và trình Hiệu trưởng ban hành quy định mới. Trong thời gian qua, Trường đã ban hành Quy định hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ sản xuất [H5.5.3.4]; ban hành quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H5.5.3.5]. Trường đã tổ chức hội thảo khoa học thường niên và có quy định cho việc tổ chức hội thảo [H5.5.3.6]. Để quản trị thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động KHCN, Trường đã thực hiện Thông tư hướng dẫn quản lý tài sản hình thành từ đề tài NCKH, Quy trình quản lý đề tài [H5.5.3.7] và Quy định quản lý của Phòng Thiết bị quản trị về quản lý thiết bị thí nghiệm, tài sản [H5.5.3.8]. Trường đã ban hành quy định quy định về sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế [H5.5.3.9]. Các văn bản này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh.

Công đoàn Trường rà soát các quy định về hoạt động Công đoàn ủng hộ cộng đồng; Đoàn thanh niên, Hội sinh viên rà soát, cập nhật quy định, kế hoạch hoạt động sinh viên tình nguyện, hiến máu nhân đạo phục vụ cộng đồng.

Trong quá trình triển khai, khi có những khó khăn, vướng mắc sẽ có sự phản hồi từ các đơn vị vận hành các chính sách như Phòng Đào tạo ĐH&SĐH, Phòng KHCN, các Khoa, Viện, Bộ môn, giảng viên và sinh viên để có sự điều chỉnh thích hợp.

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.4 Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường có khảo sát và nhận được phản hồi của các bên liên quan về chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Đối với các chính sách liên quan đến đào tạo, trước khi ban hành, Nhà trường đều có thông báo về xin ý kiến của các bên liên quan [H5.5.4.1]. Hàng năm Nhà

trường tổ chức đối thoại với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh để lấy ý kiến phản hồi từ người học để điều chỉnh các chính sách về đào tạo cho phù hợp hơn **[H5.5.4.2]**.

Trường định kỳ (1lần/năm) tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức kết hợp lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên về các chính sách liên quan để tiến hành điều chỉnh các chính sách đó nhằm đáp ứng yêu cầu và sự hài lòng của họ, đồng thời để cho phù hợp với Chiến lược phát triển Trường **[H5.5.4.3]**. Các chính sách về đào tạo được cải tiến hàng năm điển hình như:

- Về mục tiêu, chương trình đào tạo (CTĐT): Tiếp thu ý kiến của nhiều giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và của các đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường đã thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu, CTĐT, nội dung đào tạo theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tập, làm đồ án môn học, tăng số môn học tự chọn,...

- Về tổ chức đào tạo: Nhà trường cũng thường xuyên điều chỉnh phương án tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn cho người học, ví dụ như bố trí thêm kỳ song song, kỳ hè để cho sinh viên có thể học vượt hoặc học lại; điều chỉnh thời gian ôn thi cho sinh viên phù hợp hơn; xây dựng thời khóa biểu hợp lý đảm bảo tạo thuận lợi cho sinh viên và giảng viên; điều chỉnh quy mô lớp học phù hợp hơn với điều kiện thực tế.

- Về quản lý đào tạo: Qua phản hồi của người học, Nhà trường cũng thường xuyên rà soát quy trình quản lý đào tạo nhằm tạo thuận lợi cho sinh viên, điển hình như Phòng Đào tạo ĐH&SĐH liên tục cải tiến phần mềm quản lý đào tạo để giúp cho sinh viên có thể đăng ký học, đăng ký thi, xem kết quả điểm thi dễ dàng, tiện lợi hơn. Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên rà soát các quy định liên quan đến việc tính điểm học tập, rèn luyện, điểm tốt nghiệp của sinh viên đảm bảo chính xác, công bằng hơn.

- Về phương pháp giảng dạy: Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của người học về phương pháp giảng dạy của các giảng viên từ đó cung cấp thông tin cho giảng viên và đề nghị các giảng viên điều chỉnh phương pháp cho phù hợp hơn đáp ứng yêu cầu của sinh viên, học viên.

Đối với các chính sách về nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã có điều chỉnh dựa trên kết quả rà soát theo định kỳ và phản hồi của các bên liên quan. Điển hình như, Nhà trường đã điều chỉnh chính sách khuyến khích các GV, các nhà khoa học công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước, Trường đã tăng mức hỗ trợ kinh

phí cho bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài danh mục SCIE lên đến 35.000.000 triệu/ 1 bài, danh mục SCOPUS từ 3.000.000 đ/bài (hội nghị) lên 10.000.000 đ/bài (tạp chí) **[H5.5.4.4]**. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng định mức tính giờ NCKH/bài báo trong nước và quốc tế trong Quy chế chi tiêu nội bộ để khuyến khích các hoạt động viết và đăng báo trên các tạp chí **[H5.5.4.5]**. Để khuyến khích các GV, các nhà khoa học tích cực tham gia NCKH, nhà Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài cơ sở sử dụng quỹ KHCN của Trường **[H5.5.4.6]**.

Về chính sách phục vụ cộng đồng, Công đoàn Trường hàng năm đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào vùng ảnh hưởng của bão, lụt; ủng hộ xây dựng biển đảo; ủng hộ xây dựng Cột cờ tại đảo Cô Tô – Quảng Ninh; ủng hộ các nạn nhân chất độc màu da cam; ủng hộ quỹ khuyến học, Hội người cao tuổi của khu dân cư; tổ chức và tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa **[H5.5.4.7]**. Đoàn TN Trường đã tích cực tổ chức một số chiến dịch tình nguyện quy mô lớn như "Mùa hè xanh", "Tình nguyện mùa đông", "Tiếp sức mùa thi", "Tiếp sức đến trường", "Hiến máu nhân đạo", góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương **[H5.5.4.8]**. Ngoài ra, Trường đã triển khai nhiều hoạt động NCKH, CGCN phục vụ cộng đồng khác như thực hiện các dự án quy hoạch, thiết kế các công trình giao thông, điển hình như: Nhiệm vụ cấp nhà nước về thiết kế cầu dân sinh thay cầu tạm, cầu khỉ cho các huyện miền núi giúp trẻ em và người dân đi học, tham gia giao thông thuận lợi,...**[H5.5.4.9]**.

Các chính sách về Phục vụ cộng đồng cũng được Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn của các bên liên quan và xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các quy định phục vụ cho quản lý điều hành các hoạt động đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng trong Nhà trường.
- Các quy chế, quy định của nhà trường thường xuyên được cập nhật để phù hợp với nhu cầu quản lý vận hành và các văn bản pháp quy của cấp trên.
- Các chính sách được rà soát thường xuyên nhằm phù hợp với các quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- Các đơn vị liên quan thường xuyên chủ động trong việc điều chỉnh quy chế, quy định và thu nhận các ý kiến các bên liên quan (GV và người học)

về kế hoạch đào tạo.

- Nhà trường có các văn bản quy định và có tổ chức, đơn vị thực hiện giám sát việc triển khai các chính sách về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng.
- Nhà trường có thăm dò, lấy ý kiến của các bên liên quan về các chính sách liên quan đến đào tạo, NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Bộ phận rà soát các văn bản pháp quy hoạt động còn chưa thực sự hiệu quả.
- Việc tham gia của các đơn vị sử dụng lao động vào quá trình xây dựng, rà soát các văn bản liên quan đến đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng của Trường còn rất hạn chế do đối tượng học đa dạng, khó đáp ứng được tất cả người học; do phải tuân thủ Quy định của Nhà nước.
- Vai trò giám sát của Hội đồng trường về việc thực hiện một số chính sách còn hạn chế.
- Các kết quả thực hiện giám sát chưa được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan như SV, cơ quan sử dụng lao động.
- Việc tham gia của các đơn vị sử dụng lao động, Cựu sinh viên vào quá trình xây dựng, rà soát các văn bản liên quan đến đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng của Trường còn rất hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần nâng cao trách nhiệm của bộ phận chuyên trách về pháp chế để rà soát các văn bản ban hành trong Nhà trường và các văn bản chuẩn bị ban hành.	Phòng Thanh tra – Pháp chế;	6/2021
2		Phát huy hơn nữa vai trò của Cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động vào việc tham gia xây dựng và rà soát các văn bản của Trường.	Phòng HCTH	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3		Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng trường bằng các biện pháp như: rà soát quy chế hoạt động của Hội đồng trường, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các Tổ giám sát của Hội đồng trường; Xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể; Xây dựng quy chế báo cáo, giải trình của BGH đối với Hội đồng trường.		
4		Tăng cường truyền thông tới các bên liên quan nhất là SV về thực hiện giám sát các chính sách của Nhà trường.	Phòng CTCT&SV	
5	Phát huy điểm mạnh	Cần nâng cao trách nhiệm của bộ phận chuyên trách về pháp chế để rà soát các văn bản ban hành trong Nhà trường và các văn bản chuẩn bị ban hành..	Phòng Thanh tra – Pháp chế	
6		Phát huy hơn nữa vai trò của Cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động vào việc tham gia xây dựng và rà soát các văn bản của Trường	Phòng CTCTC&SV	
7		Phát huy hơn nữa vai trò của Cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động vào việc tham gia xây dựng và rà soát các văn bản của Trường.		

4. Mức đánh giá

<i>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</i>	<i>Tự đánh giá</i>
Tiêu chuẩn 5	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường, vì vậy nguồn nhân lực được quy hoạch, rà soát, điều chỉnh theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

Tổ chức bộ máy làm công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực được phân 3 cấp: Cấp lãnh đạo gồm Đảng ủy, Hội đồng trường **[H6.06.01.01]**; cấp chỉ đạo là Ban Giám hiệu, trong đó Hiệu trưởng phụ trách trực tiếp **[H6.06.01.02]**; cấp thực hiện là phòng Tổ chức cán bộ **[H6.06.01.03]**. Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng trong công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực gồm: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Hội đồng lương, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng đánh giá viên chức,...**[H6.06.01.04]**.

Trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2008 - 2020 và trong dự thảo chiến lược giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, Trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn về quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực **[H6.06.01.05]**. Khi triển khai thực hiện, để đáp ứng được yêu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, chiến lược phát triển nguồn nhân lực này được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật và cụ thể hóa cho từng giai đoạn 2008-2015, 2016-2020 và 2020-2030. Đây là các bản kế hoạch trung hạn về quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực **[H6.06.01.06]**. Công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tại Trường được thực hiện đồng bộ ở tất cả các nhóm đối tượng và các khía cạnh khác nhau. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện không chỉ về chiều rộng mà còn cả chiều sâu như nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực **[H6.06.01.07]**; Về chiều rộng bao gồm giảng viên, viên chức hành chính, cán bộ khoa học công nghệ, cán bộ quản lý và trên tất cả các khâu, từ khâu tuyển dụng **[H6.06.01.08]**; đào tạo, bồi dưỡng **[H6.06.01.09]**; sử dụng **[H6.06.01.10]**; đánh giá **[H6.06.01.11]**, đề bạt **[H6.06.01.12]** đến giải quyết chế độ chính sách **[H6.06.01.13]**. Với thực hiện mục tiêu phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2020 tầm nhìn năm 2030 đặt ra trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Trường đã ban hành những văn bản cụ thể để triển khai công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên như: Quy định tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên của Trường **[H6.06.01.14]**, Kế hoạch hoạch đánh giá viên chức hàng năm của Trường **[H6.06.01.15]**.

Bảng 3.2. Dữ liệu nguồn nhân lực

Năm	Tổng số	Viên chức giảng dạy		GS+PGS+TS +TSKH		Thạc sỹ		Viên chức hành chính	
		Tổng	Tỷ lệ (%)	Tổng	Tỷ lệ (%)	Tổng	Tỷ lệ (%)	Tổng	Tỷ lệ (%)
2016	1184	888	75.00	263	22.21	556	46.96	296	25.00
2017	1184	875	73.90	281	23.73	571	48.23	309	26.10
2018	1174	876	74.62	309	26.32	502	42.76	298	25.38
5/2019	1154	859	74.44	299	25.91	473	40.99	295	25.56

Tổng số viên chức, người lao động của Trường tính đến tháng 5/2019 là 1.154 người, trong đó nhân viên phục vụ và hành chính là 299 người (chiếm 25,9%) đạt mục tiêu của chiến lược 2008 - 2020 (20 ÷ 30); giảng viên là 859 người (GS: 10, PGS: 91, tiến sĩ: 198, ThS-CN: 473), tỷ lệ GS, PGS và TS chiếm 34,8% đội ngũ giảng viên, tỷ lệ GS, PGS so với tổng số GV-TS là 33,78%. Hiện nay, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có 94 GS, PGS, 224 tiến sĩ (đạt 38% so với tổng số giảng viên), phần lớn trong số đó được đào tạo ở nước ngoài sẽ đáp ứng tốt tiêu chuẩn về cơ cấu đội ngũ đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ tiếp tục tăng trong thời gian tới khi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2019-2023 được thực hiện theo Đề án 89 của Chính phủ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước, được đề cập trong Đề án vị trí việc làm của Trường **[H6.06.02.01]**. Theo 10 bước của quy trình thực hiện trong Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường, các tiêu chí về khung năng lực vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm cũng như bản mô tả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm đều được xác định và được phổ biến công khai **[H6.06.02.02]**.

Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trường xác định rõ các tiêu chuẩn chung, các tiêu chí cụ thể yêu cầu năng lực chuyên môn của mỗi vị trí tuyển dụng **[H6.06.02.03]** theo quy định của Nhà nước, phù hợp với thực tế của Trường, đáp ứng được yêu cầu của đơn vị. Yêu cầu về năng lực chuyên môn của vị trí tuyển dụng đảm

bảo tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức của Trường Đại học Giao thông Vận tải **[H6.06.02.04]**. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng dựa theo nhu cầu thực tế của các đơn vị thông qua việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng. Đối với khối giảng dạy, Trưởng bộ môn căn cứ khối lượng đào tạo được giao, thực trạng đội ngũ giảng viên hiện có để đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng; đối với khối hành chính, Trưởng đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, theo khả năng đáp ứng của đơn vị, viết đề xuất tuyển dụng và gửi về phòng Tổ chức cán bộ. Kế hoạch tuyển dụng này đều được thông báo công khai đến toàn thể CBVC thông qua Hệ thống văn phòng điện tử và website của Trường **[H6.06.02.05]**. Ngoài ra, Trường còn gửi đăng thông tin tuyển dụng công khai trên báo và gửi văn bản đến các cơ sở giáo dục đại học khác để có thể thu nhận được nhiều hồ sơ ứng viên có chất lượng **[H6.06.02.06]**. Cán bộ, viên chức, ứng viên nắm bắt được thông tin nhanh và chính xác đã tạo thuận lợi cho Trường tổ chức các nội dung theo quy trình tuyển dụng nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, tạo được sự hài lòng của các bên có liên quan. Năm 2015, Trường thực hiện đợt tuyển dụng với 39 chỉ tiêu, trong đó 29 chỉ tiêu dành cho khối giảng dạy và 10 chỉ tiêu khối hành chính. Từ năm 2016 đến nay, Trường không tổ chức tuyển dụng mới do đội ngũ giảng viên hiện có đáp ứng cơ bản được khối lượng đào tạo.

Hàng năm, Trường đều ban hành và triển khai kế hoạch đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.02.07]**, đối với khối giảng viên thì việc đánh giá thực hiện ở 3 cấp (Bộ môn, Khoa và Trường); đối với khối hành chính thì việc đánh giá thực hiện tại đơn vị và cấp Trường. Các tiêu chí đánh giá viên chức theo quy định của Đảng, Nhà nước, được thông báo công khai **[H6.06.02.08]** và quá trình đánh giá có sự tham gia của tất cả các viên chức, lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo Trường.

Công tác đánh giá, lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm tại Trường không những phải tuân thủ theo các quy định chung về công tác bổ nhiệm cán bộ của Đảng và Nhà nước, của Bộ GDĐT mà còn phải thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị của Trường **[H6.06.02.09]**. Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường được xây dựng theo các quy định của Đảng và Nhà nước, hướng dẫn của Bộ GDĐT; được xây dựng, ban hành, phổ biến rộng rãi và triển khai **[H6.06.02.10]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Trường nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn

nhân lực và căn cứ để xây dựng chính sách trả lương cán bộ, viên chức theo hình thức 3P. Từ năm 2015, Trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm; thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch công đoàn trường, Trưởng phòng TCCB và Trưởng một số đơn vị trực thuộc. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung tiêu chuẩn và tiêu chuẩn năng lực cụ thể của mỗi vị trí việc làm là rất cần thiết. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, từng vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý và điều hành được xác định cụ thể. Ngoài ra, vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp như giảng viên, giảng viên hướng dẫn thực hành, thí nghiệm và vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ tại các phòng, ban chức năng trong toàn trường cũng được xác định rõ ràng. Tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khối hành chính được đề cập hết sức chi tiết trong bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm nói riêng và trong Đề án vị trí việc làm nói chung [H6.06.03.01]. Năm 2017, Trường thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính được thành lập để phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh môi trường mới. Đề án vị trí việc làm được xem như là nền tảng vững chắc để xây dựng và triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức; cũng như công tác quy hoạch, lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong Trường [H6.06.03.02].

Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường, ngoài các tiêu chuẩn năng lực theo quy định đối với chức danh lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, còn được cụ thể hóa trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị [H6.06.03.03].

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, Trường đã xây dựng khung năng lực cho từng vị trí việc làm, tuy nhiên tiêu chuẩn năng lực chưa được đánh giá, điều chỉnh, cập nhật. Tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, viên chức được nêu rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H6.06.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Trong những năm qua, Trường đã có sự chuyển mình và phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập và trước những yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn để tồn tại và phát triển, cùng với sự cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các trường đại học không chỉ trong khối công lập mà còn bao gồm cả tư thục, Trường phải đổi mới hoạt

động một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất, trong đó công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đóng vai trò quan trọng. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường được xác định trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Đến năm 2023, 15% giảng viên có học hàm GS-PGS, hơn 50% giảng viên có bằng tiến sĩ; trên 90% cán bộ giảng viên, trên 60% cán bộ chuyên viên sử dụng tốt một ngoại ngữ (tối thiểu đạt trình độ B2 chuẩn khung năng lực châu Âu hoặc tương đương) và thành thạo tin học trong công việc **[H6.06.04.01]**.

Chiến lược cũng đề ra giải pháp thực hiện như xây dựng quy định đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; có cơ chế chính sách khuyến khích và bắt buộc cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng. Theo đó, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường cũng được điều chỉnh theo các giai đoạn 2008-2015, 2016-2020, 2020- 2030 **[H6.06.04.02]**.

Để quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC, Trường đã ban hành Quy định về quyền và nghĩa vụ của cán bộ, viên chức và cán bộ quản lý **[H6.06.04.03]**. Theo văn bản trên, giảng viên sau được bổ nhiệm vào ngạch sẽ được xem xét, cử đi đào tạo; đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, sau 5 năm công tác mới được xem xét, cử đi đào tạo. Tiêu chuẩn của giảng viên phải đảm bảo đủ theo quy định của Nhà nước về chuyên môn, ngoại ngữ và đáp ứng yêu cầu về giảng dạy, NCKH; đối với khối hành chính phục vụ là nhu cầu bồi dưỡng về nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp **[H6.06.04.04]**.

Bảng 3.1. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng viên chức từ 2015-2020

Năm	Đi học trong nước		Đi học nước ngoài		Tổng cộng
	Thạc sỹ	Tiến sĩ	Thạc sỹ	Tiến sĩ	
2015	4	5	2	6	17
2016	9	19	2	11	41
2017	11	13	0	19	43
2018	11	19	3	11	44
2019	3	7	0	11	21

Hàng năm, Trường triển khai Kế hoạch đánh giá, phân loại viên chức, người lao động **[H6.06.04.05]**. từ các đơn vị đến cấp Trường. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại và kiến nghị của Hội đồng, Trường xây dựng lộ trình cần đạt được các tiêu chuẩn năng lực theo quy định và thông báo đến các đơn vị, cá nhân biết để thực hiện **[H6.06.04.06]**.

Phòng Tổ chức cán bộ làm đầu mối triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức, từ xây dựng các văn bản hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký, hỗ trợ thủ tục, quản lý đến triển khai thực hiện.

Công tác xét cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện hằng năm theo nhu cầu của đơn vị, phù hợp với năng lực cá nhân, khả năng và cơ hội học bổng. Các giảng viên của Trường được cử đi đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài thông qua các chương trình học bổng 322, 911, 165 và các học bổng khác [H6.06.04.07].

Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức pháp luật, kỹ năng quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác cho CBVC được thực hiện khi có nhu cầu từ cá nhân hoặc nhu cầu công tác của mỗi đơn vị. Từ năm 2015 đến nay, Trường đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên trẻ (năm 2015 và 2016), 03 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II (năm 2016, 2017 và 2019) [H6.06.04.08]. Trường cũng đã cử 04 cán bộ lãnh đạo tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 2; tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, giảng viên thuộc diện đối tượng 3 và đối tượng 4 [H6.06.04.09].

Trường đã xây dựng và triển khai có hiệu quả một số chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên như: CBGV đi đào tạo SĐH được miễn giảm định mức giảng dạy, hỗ trợ học phí và kinh phí mua trang thiết bị đối với các nghiên cứu thực nghiệm, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12]. Trường có khá nhiều giảng viên đang đi đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước [H6.06.04.13]; [H6.06.04.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ bao gồm cả chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng được triển khai hoàn toàn trên Văn phòng điện tử. Hiện nay, phân hệ quản lý đào tạo đang hoạt động rất tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho cả người học và giảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thì hệ thống tích hợp Văn phòng điện tử của Trường đang phát huy hiệu quả cao. Từ việc đăng ký thi đua khen thưởng đến khai báo thành tích đều được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống quản lý Văn phòng điện tử của Trường. Sự tích hợp giữa hệ thống Văn phòng điện tử với Website của Trường đã

đưa toàn bộ thông tin về năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên đến với xã hội. Những thông tin này rất hữu ích không chỉ đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu **[H6.06.05.01]**.

Trường có hệ thống quản lý việc thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng CBVC được phân thành 3 cấp (bộ môn, khoa và Trường). Công tác đánh giá và kế hoạch bồi dưỡng CBVC được giao cho phòng Tổ chức cán bộ làm đầu mối thực hiện **[H6.06.05.02]**.

Hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận gồm Quy chế thi đua khen thưởng **[H6.06.05.03]**, Quy chế nâng lương trước thời hạn **[H6.06.05.04]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.05.05]** đều được công bố công khai trên hệ thống Văn phòng điện tử.

Các giảng viên có thành tích xuất sắc trong đào tạo (luyện thi olympic, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đạt giải), NCKH (hướng dẫn SV NCKH đạt giải, công bố trong nước và quốc tế có chất lượng), phục vụ cộng đồng (tham gia dự án lớn mang tính chất quốc gia, bồi dưỡng nâng cao năng lực cộng đồng và các hoạt động vì cộng đồng khác) đều được Trường ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng và tặng thưởng danh hiệu từ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên **[H6.06.05.06]**.

Để khen thưởng và ghi nhận các đóng góp của giảng viên trong lĩnh vực KHCN, Trường đã ban hành chế độ hỗ trợ đăng công bố quốc tế và đề xuất các ý tưởng nghiên cứu thông qua Quỹ KHCN **[H6.06.05.07]**. Hiện nay, việc khai báo thành tích bài báo quốc tế đều được thực hiện hoàn toàn trên văn phòng điện tử.

Các giảng viên có kết quả đào tạo, bồi dưỡng tốt, hoàn thành trước thời hạn, đảm bảo các tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ theo quy định đều được Trường khen thưởng và đưa vào diện xét nâng lương trước thời hạn **[H6.06.05.08]**.

Công tác bồi dưỡng CBVC và giải quyết chế độ đối với CBVC được Trường cử đi bồi dưỡng thực hiện theo Quy định về quyền và nghĩa vụ của cán bộ, viên chức và cán bộ quản lý, Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.05.09]**.

Để khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ, đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, Trường đã sử dụng kinh phí chương trình tiên tiến và một số dự án để tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên **[H6.06.05.10]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Với mục đích tạo quyền chủ động, sự công bằng cho cán bộ, viên chức, khuyến

khích mọi thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như đảm bảo sử dụng nguồn tài chính hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Trường thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, bổ sung và xây dựng các chế độ, chính sách mới. Các văn bản về thực hiện chế độ chính sách trong Trường thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Quy chế Chi tiêu nội bộ được ban hành năm 2015, được thay thế bằng Quy chế năm 2017, đến năm 2020 tiếp tục được rà soát, bổ sung, điều chỉnh (đã hoàn thành việc xin ý kiến đóng góp của viên chức, người lao động) **[H6.06.06.01]**. Quy chế nâng lương trước thời hạn ban hành kèm theo Quyết định số 358/ QĐ-ĐHGTVT được thay thế bằng Quy chế ban hành Quyết định số 956/ QĐ-ĐHGTVT năm 2017 **[H6.06.06.02]**. Quy định công tác thi đua, khen thưởng được thay thế bằng Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2227/ QĐ-ĐH GTVT **[H6.06.06.03]**.

Tiêu chuẩn quy trình đánh giá và xét thi đua khen thưởng đối với CBVC cũng được rà soát, điều chỉnh thường xuyên. Trường đã điều chỉnh Kế hoạch đánh giá, xếp loại viên chức theo năm học để phù hợp với Kế hoạch xét thi đua khen thưởng **[H6.06.06.04]**.

Trường chưa ban hành bổ sung, cập nhật Quy định về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng viên chức nhưng trong quá trình triển khai đánh giá giảng viên, các tiêu chuẩn, tiêu chí và quy trình cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế **[H6.06.06.05]**.

Chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn của các giảng viên có chức danh GS, PGS và có trình độ TS cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng **[H6.06.06.06]**.

Để nâng cao thương hiệu và chất lượng đào tạo, NCKH, Trường đã rà soát, điều chỉnh các chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, NCKH đối với giảng viên **[H6.06.06.07]**.

Từ năm 2008, Trường đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong đó đã quy hoạch nguồn nhân lực đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 **[H6.06.06.08]**.

Trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nhân lực với yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Trường thường xuyên rà soát, cụ thể hóa quy hoạch nguồn nhân lực đến năm 2020 thành kế hoạch phát triển nhân lực các giai đoạn 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020 **[H6.06.06.09]**.

Trường cũng đã xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo từng giai đoạn và thực hiện rà soát định kỳ hàng năm **[H6.06.06.10]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trong suốt 75 năm qua, Trường Đại học GTVT luôn đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục và Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của Trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và Nhà nước đã trao tặng Trường nhiều phần thưởng cao quý như: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất,... Hiện nay, mặc dù có sự cạnh tranh gay gắt giữa các trường đại học trong lĩnh vực đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học, Trường đã đặt ra mục tiêu trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á trong chiến lược phát triển của Trường đến năm 2023 và tầm nhìn 2030. Để hướng tới mục tiêu đó, Trường đã tiến hành rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để đáp ứng bối cảnh mới nhằm tạo động lực mới cho quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H6.06.07.01]**.

Trong 5 năm gần đây, Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung vào năm 2019, năm 2020. Trong Quy chế này, các định mức chi, nâng mức chi cho các hoạt động đào tạo và NCKH được điều chỉnh lại cho phù hợp, đặc biệt có sự thay đổi chế độ làm việc của giảng viên và quy định hỗ trợ NCKH và công bố quốc tế **[H6.06.07.01]**. Quy chế nâng lương trước thời hạn cũng được cập nhật để khách quan hơn. Về tiêu chí xét, ngoài các thành tích được các cấp khen thưởng bằng các phần thưởng, danh hiệu, Quy chế còn bổ sung các thành tích mang tính thực tế trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H6.06.07.02]**. Trường cũng bổ sung cập nhật Quy chế thi đua, khen thưởng theo hướng cụ thể và thực tế hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí xét cho phù hợp với điều kiện và đặc thù công tác; lấy kết quả đánh giá công chức viên chức làm cơ sở xét thi đua. Qua đó, công tác bình xét thi đua khen thưởng mang tính thiết thực, có tác dụng tốt trong việc khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H6.06.07.03]**, **[H6.06.07.04]**.

Các tiêu chí đánh giá giảng viên được rà soát, bổ sung, cụ thể hóa phù hợp với năng lực, tính chất công việc của từng nhóm đối tượng giảng viên và tình hình thực tế của Trường **[H6.06.07.05]**.

Chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn của các GV có chức danh GS, PGS và có trình độ TS cũng được rà soát, điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng của các giảng viên được kéo dài

[H6.06.07.06], [H6.06.07.07].

Để nâng cao thương hiệu, Trường đã rà soát, điều chỉnh chế độ hỗ trợ công bố quốc tế, đây là động lực rất lớn để đẩy nhanh số lượng và chất lượng công bố quốc tế của các giảng viên trong Trường **[H6.06.07.08].**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường Đại học GTVT có đã quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm viên chức; công tác đánh giá, lựa chọn cán bộ, viên chức đáp ứng tốt yêu cầu chiến lược phát triển Trường.

Công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí giảng viên và lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở Trường với các tiêu chí rõ ràng, được công khai, minh bạch, đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, môi trường học thuật trung thực và thẳng thắn.

Hệ thống tiêu chuẩn năng lực chức danh nghề nghiệp giảng viên và các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được xây dựng bài bản, đúng quy trình và được ban hành, phổ biến đến toàn thể cán bộ viên chức nên tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên của Trường được quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện nên chất lượng đội ngũ giảng viên trong thời gian qua đã được cải thiện rõ rệt. Nhờ xây dựng được chế độ, chính sách phù hợp nên đã động viên được nhiều giảng viên tham gia, góp phần nâng cao được chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ của Trường.

Trường đã có chính sách khen thưởng ghi nhận tích cực. Chế độ khen thưởng và ghi nhận được thực hiện kịp thời và khách quan đã tạo động lực làm việc cho các CBVC, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực tốt từ các cơ quan, đơn vị khác.

Trường đã chủ động, tích cực cải tiến các chế độ chính sách đối với giảng viên, đặc biệt là đã có chính sách rất mạnh trong việc hỗ trợ đề xuất đề tài NCKH và công bố quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, sự dịch chuyển mạnh mẽ về cơ cấu ngành nghề tuyển sinh dẫn đến đã có sự phát triển chưa thực sự đồng đều về cơ cấu giảng viên giữa các khối ngành. Đội ngũ giảng viên khối các ngành kỹ thuật truyền thống của Trường có số lượng và chất lượng rất tốt nhưng nhu cầu nhân lực của xã hội về khối ngành này lại không cao. Trong khi đó, đội ngũ giảng viên các ngành mới có nhu cầu nhân lực

cao, tuyển sinh tốt đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Trường chưa xây dựng được Quy định riêng về việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức khác.

Đội ngũ cán bộ KHCN của Trường ngày càng gia tăng về số lượng. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng văn bản riêng quy định tiêu chuẩn năng lực đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức KHCN.

Tuy nhu cầu đào tạo bồi dưỡng viên chức khối quản lý, phục vụ đã được xác định trong từng giai đoạn và từng năm nhưng vẫn xảy ra việc một số viên chức khối quản lý, phục vụ đi đào tạo, bồi dưỡng không theo quy hoạch làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

Việc quản lý chế độ khen thưởng và ghi nhận bị phân tán do bị chia nhỏ và giao cho 2 đơn vị (Phòng TCCB, phòng Công tác Chính trị và Sinh viên) thực hiện. Điều này dẫn đến chưa tạo được sự thống nhất trong triển khai thực hiện và hạn chế trong sử dụng nhân lực của các đơn vị.

Chế độ lương của Trường còn mang tính bình quân, chưa thực sự khuyến khích được cá nhân có năng lực và cống hiến tốt.

Trường đang thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định chung, chưa xét đến tính đặc thù của ngành và khối ngành có sự biến động về nhu cầu nhân lực của xã hội nên chưa thực sự phát huy hết năng lực sở trường của mỗi giảng viên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Trường sẽ xây dựng các chính sách như hỗ trợ đăng công bố quốc tế, đổi mới sáng tạo để hướng giảng viên có trình độ cao trong các khối ngành có nhu cầu nhân lực xã hội tập trung vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; tạo điều kiện xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng, thu nhập,...đối với ngành mới có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt nhưng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ còn chưa cao.	BGH; P.TCCB và các phòng tham mưu	6/2021
2	Khắc phục tồn tại	Trường cần xây dựng Quy định về việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng đối với các chức danh nghề nghiệp khối quản lý phục vụ và NCKH trong thời gian tới.	P.TCCB	6/2021
3	Khắc phục	Căn cứ khung năng lực chức danh nghề nghiệp viên chức KHCN đã được ban	P.TCCB; P. KHCN	

	tồn tại	hành, Trường sẽ xây dựng văn bản xác định, cụ thể hóa các tiêu chuẩn năng lực cán bộ KHCN cho phù hợp với nhiệm vụ và yêu cầu công tác KHCN hiện nay.		6/2021
4	Khắc phục tồn tại	Trường sẽ xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ viên chức khối quản lý, phục vụ, xây dựng bản quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức khối quản lý, phục vụ.	P.TCCB	6/2021
5	Khắc phục tồn tại	Trường kiện toàn chức năng, nhiệm vụ để thống nhất trong quản lý chế độ khen thưởng và ghi nhận.	P.CTCT&SV; P.TCCB	6/2021
6	Khắc phục tồn tại	Trường xây dựng quy định về chế độ làm việc của giảng viên cho từng ngành. Cụ thể là tùy theo năng lực và yêu cầu công tác của các bộ môn, các giảng viên có thể đăng ký nhiệm vụ năm học theo hướng điều chỉnh linh hoạt giữa nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.	P.TCCB; P. KHCN; P. Đào tạo	6/2021
7	Khắc phục tồn tại	Trường xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí làm việc và của mỗi đơn vị để làm căn cứ xây dựng chế độ lương.	BGH; P.TCCB và các phòng tham mưu	6/2021

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Giao thông Vận tải (ĐH GTVT) là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính (TC theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Nhà trường được Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo các Quyết định số 1094/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2013 [H7.07.01.01] và Quyết định số 2466/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2020. Nhà trường thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật trong đó bao gồm luật GDDH và Điều lệ trường đại học. Công tác TC và Quản lý TC của Nhà trường luôn được quan tâm chú trọng từ việc tạo lập nguồn thu hợp pháp đáp ứng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) đến việc chủ động lập kế hoạch TC dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với thực tế và phân bổ sử dụng ngân sách một cách hợp lý. Quản lý về TC tại Trường ĐH GTVT được thực hiện bởi chủ tài khoản là Hiệu trưởng và Phòng Tài chính Kế toán (TC-KT) phụ trách công tác tài chính của Nhà trường. Phòng TC-KT có nhiệm vụ xây dựng báo cáo hoạt động và quyết toán TC hàng năm của Nhà trường và trình Ban Giám hiệu phê duyệt, đồng thời kiểm tra sự hợp lý, hợp pháp của sổ kế toán; Thẩm định báo cáo TC hàng năm của Nhà trường [H7.07.01.02]. Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-ĐH GTVT ngày 22/7/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH GTVT ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H1.07.02.02], phòng TC-KT là đơn vị thuộc Trường ĐH GTVT, có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng trong công tác TC của Nhà trường; tổ chức thực hiện và đề xuất quy chế, quy định quản lý các nguồn TC; thực hiện công tác kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước. Phòng TC-KT là đơn vị thường trực xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn của nhà trường; chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát đánh giá việc phát triển của các nguồn lực TC phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng TC-KT có đủ nhân lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý TC để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các nguồn TC của Nhà trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích

phục vụ cho các hoạt động đào tạo và NCKH và các hoạt động chung của Nhà trường. Các nguồn TC của Nhà trường được liệt kê trong quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.01.03]** bao gồm nguồn NSNN được cấp hàng năm thông qua Quyết định giao dự toán **[H7.07.01.04]** và các nguồn thu sự nghiệp khác từ học phí, lệ phí, tài trợ, NCKH ... Hướng tới lộ trình tự chủ TC năm 2023, việc tăng cường các nguồn thu và phương thức quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn thu là một trong những nội dung quan trọng được Nhà trường đặt ra hiện nay.

Về thu học phí, lệ phí: Các khoản thu học phí các hệ được thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021. Mức học phí không vượt quá quy định của Nhà nước **[H7.07.01.05]**. Ngoài ra, còn các nguồn thu từ tài trợ, viện trợ, NCKH, CGCN & LĐSX và khai thác CSVN. Các nguồn thu này được thực hiện đúng theo các quy định về TC và được cập nhật vào tài khoản theo đúng quy định. Hệ thống KT của Nhà trường áp dụng theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 Hướng dẫn chế độ KT HC sự nghiệp. Các nguồn thu TC của Nhà trường hoàn toàn minh bạch, đúng quy định và được phân bổ sử dụng hợp lý phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chung của Nhà trường.

Nhà trường luôn xây dựng các chiến lược dài hạn và trung hạn phát triển nguồn lực TC để khai thác hiệu quả các nguồn TC khác nhau phục vụ các hoạt động chung của Nhà trường. Chiến lược phát triển nguồn TC đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển Trường ĐH GTVT. Chiến lược phát triển nguồn lực TC là một phần quan trọng trong Chiến lược phát triển của Nhà trường trong mỗi giai đoạn cụ thể **[H7.07.01.05]**. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm soát, tăng cường các nguồn lực TC của Nhà trường nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Lập kế hoạch TC được thực hiện định kỳ hàng năm **[H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.01.07]**. Căn cứ để lập kế hoạch TC được dựa trên: chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ hàng năm **[H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.01.07]**; quy mô sinh viên; định mức học phí **[H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.01.07]**; chiến lược phát triển của Nhà trường, số lượng người lao động của Nhà

trường; kết quả thực hiện các công tác đào tạo, KHCN, các hoạt động khác ... của năm trước và yêu cầu của năm kế hoạch. Các số liệu được các đơn vị chức năng trực tiếp cung cấp. Công tác lập kế hoạch và theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được triển khai qua hệ thống các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm xây dựng kế toán, phần mềm quản lý học phí ... giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý TC.

Các đơn vị chủ động đề xuất kế hoạch dự trù kinh phí cho các hoạt động năm học **[H7.07.01.07]**. Căn cứ tổng nguồn thu dự kiến và các quy định hiện hành, phòng TC–KT tổng hợp, phân tích, tính toán và cân đối chặt chẽ để lập dự toán chi tiết kinh phí năm học, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và phân bổ các hoạt động cho các Khoa. Ngoài chi cho hoạt động đào tạo và NCKH, khoản chi cho phát triển CSVN thường chiếm một tỷ trọng lớn, có kế hoạch trước, có dự án khả thi và dự toán đầy đủ **[H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.01.07]**. Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm soát, tăng cường các nguồn lực TC nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược về ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. **[H7.07.01.02]**. Căn cứ vào các quy định của Luật NSNN, văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản, Nhà trường giao cho phòng TC–KT xây dựng kế hoạch TC của Nhà trường báo cáo cơ quan chủ quản. Kế hoạch TC của Nhà trường được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động TC năm trước và dự báo thông tin của năm kế hoạch. Sau khi được thống nhất giữa Nhà trường và cơ quan chủ quản, dự toán ngân sách năm học được phê duyệt để triển khai thực hiện **[H7.07.01.04]**. Kế hoạch trung hạn và ngắn hạn được thực hiện và kết quả được thể hiện qua bảng thống kê TC hàng năm. Kế hoạch TC dài hạn được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường; chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược của Nhà trường **[H7.07.01.08]**. Căn cứ vào kế hoạch TC đã được phê duyệt, Nhà trường phân bổ kinh phí cho từng đơn vị để triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt đối với từng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H7.07.01.08]**. Căn cứ các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn đã được ban hành, các đơn vị chức năng bao gồm: Phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học, phòng Khoa học công nghệ, phòng Thiết bị quản trị, phòng Phát triển dự án, phòng TC–KT, ... cùng các đơn vị chức năng liên quan triển khai các nhiệm vụ để thực hiện phát triển các nguồn lực TC của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các kế hoạch tăng cường nguồn lực TC được xây

dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi.

Các quy chế, quy định được Nhà trường xây dựng, ban hành và thống nhất áp dụng để triển khai thực hiện và điều hành hoạt động TC như Quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.01.03]**, Quy định hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán TC thuộc quy trình giải quyết công việc của Trường ĐH GTVT **[H7.07.01.09]**. Căn cứ vào kết quả thực hiện hoạt động TC năm học, phòng TC-KT xây dựng các báo cáo quyết toán TC cuối năm **[H7.07.01.10]**, báo cáo TC được thông qua tại các hội nghị tổng kết năm học **[H7.07.01.11]**, hội nghị cán bộ viên chức (CBVC) **[H7.07.01.12]**.

Công tác kiểm tra, kiểm toán công tác tài chính được kiểm tra bởi Vụ kế hoạch tài chính và cơ quan kiểm toán nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền thông qua báo cáo quyết toán TC năm của Nhà trường **[H7.07.01.13]**. Công tác quản lý TC là minh bạch, theo đúng quy định, được đánh giá không vi phạm các quy định về quản lý TC.

Công tác TC của Nhà trường liên tục được rà soát hàng năm về các chính sách và hệ thống công cụ điều hành TC thông qua các ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, kết quả đánh giá nội bộ, biên bản hội nghị CBVC **[H7.07.01.14]** để cải tiến và áp dụng phù hợp và hiệu quả.

Nhà trường đã xây dựng các chiến lược và giải pháp cụ thể để tìm kiếm khai thác tất cả các nguồn TC khác nhau nhằm mục tiêu phát triển của Nhà trường thông qua các dự án đầu tư của các cơ quan chủ quản, các bộ ngành như: Bộ GTVT, Bộ GD&ĐT, Bộ KHCN, hoặc từ các hợp đồng CGCN và tài trợ trong và ngoài nước.

Một số chiến lược khai thác các nguồn TC giai đoạn từ 2016 đến 2020 đã được triển khai, cụ thể như:

- Chủ động đẩy mạnh công tác NCKH và CGCN, nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng quy mô các lớp thuộc các chương trình tiên tiến và chất lượng cao;
- Thành lập mới một số công ty, trung tâm; chuyển đổi mô hình hoạt động của các công ty theo Nghị định 115 để thực hiện nhiệm vụ triển khai các dự án hợp tác trong và ngoài nước thực hiện các đề tài NCKH, các dự án sản xuất thử nghiệm;
- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo và NCKH để tìm kiếm các nguồn tài trợ, học bổng.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo khoa học nhằm tổng kết, đánh giá và nâng cao năng lực quản trị TC, hội thảo chuyên đề về “các giải pháp tăng cường nguồn lực tài chính của trường ĐHGTVT” [MC – kỷ yếu hội thảo]**[H7.07.01.15]**

Qua 5 năm thực hiện các giải pháp công tác tài chính, Nhà trường đã khai thác đa dạng hóa các nguồn thu và cơ cấu thu nhằm đảm bảo sự ổn định TC và duy trì sự phát triển bền vững của Nhà trường. Đề án khai thác CSVC đã được lập và trình Bộ GD&ĐT phê duyệt nhằm mục tiêu tự chủ TC của Nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chú trọng nguồn chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, bổ sung và nâng cấp CSVC tăng dần theo năm học:

Bảng 7.1.1. Các chỉ số tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ số tài chính	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thu	300.785	315.188	320.739	359.648	375.910
Tổng chi	311.040	314.033	322.995	355.827	375.000
Chênh lệch thu chi	(10.255)	1.155	(2.256)	3.821	910
Thu nhập trung bình của CBGV	13,578	14,691	15,804	16,834	17,200

Bảng 7.1.2. Cấu trúc nguồn thu của nhà trường

Đơn vị: triệu đồng

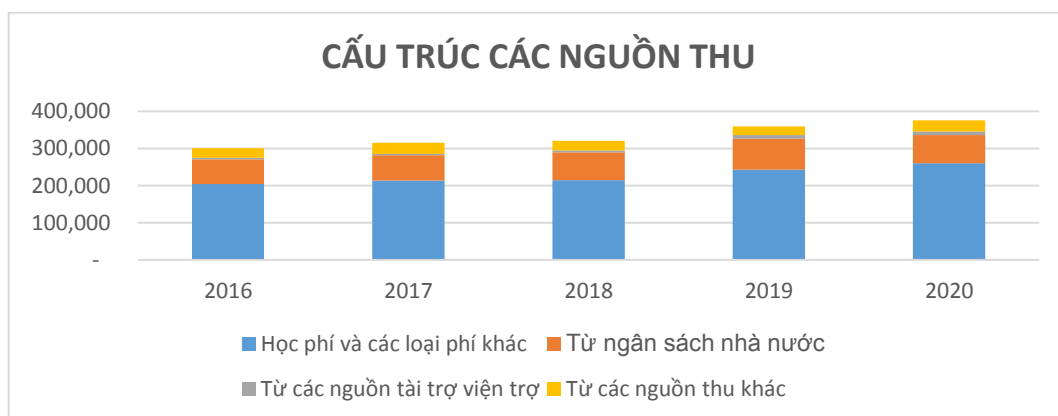
Cấu trúc nguồn thu	2016	2017	2018	2019	2020
Học phí và các loại phí khác	204.676	213.749	214.463	243.526	260.000
Từ ngân sách nhà nước	65.672	67.924	74.975	83.507	75.910
Từ các nguồn tài trợ viện trợ	4.326	3.819	5.473	9.174	10.000
Từ các nguồn thu khác	26.111	29.696	25.828	23.441	30.000

Bảng 7.1.3. Cấu trúc chi của nhà trường

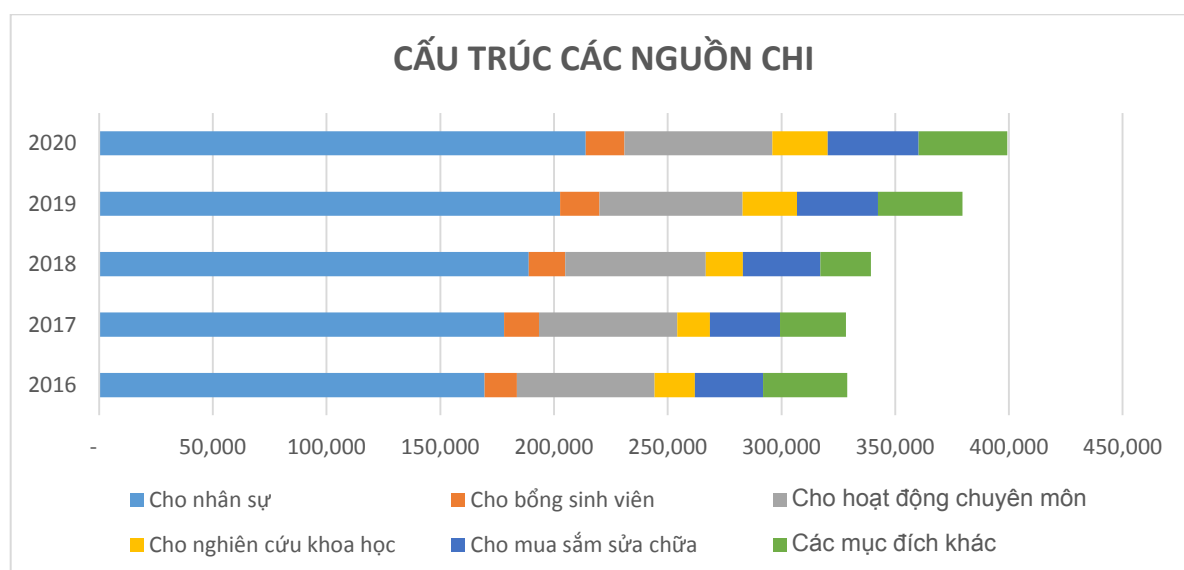
Đơn vị: triệu đồng

Cấu trúc nguồn chi	2016	2017	2018	2019	2020
Cho nhân sự	169.539	178.071	188.936	202.714	214.000
Cho bổng sinh viên	14.109	15.376	16.011	17.269	17.000
Cho hoạt động chuyên môn	60.511	60.687	61.728	62.957	65.000

Cấu trúc nguồn chi	2016	2017	2018	2019	2020
Cho nghiên cứu khoa học	17.806	14.359	16.327	23.814	24.304
Cho mua sắm sửa chữa	29.960	30.846	34.154	35.704	40.000
Các mục đích khác	36.921	29.053	22.166	37.183	39.000



Hình 7.1.1. Cơ cấu các nguồn thu giai đoạn 2016 – 2020



Hình 7.1.2. Cơ cấu các nguồn chi giai đoạn 2016 - 2020

Sự phân bổ TC hợp lý còn được thể hiện trong việc mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc tiếp cận được với công nghệ hiện đại. Các phòng học, giảng đường đều được nâng cấp, cải tạo sửa chữa khang trang và sạch đẹp, đảm bảo môi trường học tập tốt cho người học.

Hội nghị CBVC toàn trường và hội nghị CBVC chức phòng TC-KT đều được tổ chức hàng năm. Báo cáo TC đầy đủ và được công khai tại các hội nghị này chỉ ra được tổng thể và toàn diện bức tranh TC của Nhà trường trong năm học. Các ý kiến góp ý

của các CBVC toàn trường và các đơn vị chức năng tại các hội nghị đã đánh giá và ghi nhận thành tích xuất sắc của đơn vị chức năng trong công tác TC [H7.07.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường có diện tích khuôn viên đất 21,69 ha bao gồm cả Hà Nội (5,54 ha) và Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Tp.HCM (16,15 ha). Tổng diện tích khuôn viên Ký túc xá là 9,87 ha (Hà Nội 1,15 ha và Phân hiệu tại Tp.HCM 8,72 ha) [H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]. Toàn bộ diện tích khuôn viên đất của Nhà trường đều phục vụ hoạt động giáo dục, có biên bản giao đất để quản lý và sử dụng làm cơ sở đào tạo [H7.07.02.04], được các cơ quan quản lý là Ban chỉ đạo 09, đại diện Sở Tài chính và các cơ quan quản lý liên quan lập biên bản kiểm tra hiện trạng, bản đồ hiện trạng nhà đất được lập bởi Công ty địa chính Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và chính quyền xác nhận việc quản lý sử dụng [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Giảng đường, phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm được đầu tư xây dựng, sửa chữa và hiện đại hóa các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Phòng học được phân loại theo diện tích có khả năng đáp ứng nhu cầu tổ chức đào tạo đối với lớp học phần, quy mô sinh viên từ 30 SV đến trên 200 SV, giảng dạy các môn học từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. 100% phòng học tại Hà Nội đã được trang bị máy chiếu, bảng tương tác, điều hòa không khí, hệ thống âm thanh, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo [H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06].

Hội trường lớn có khả năng đáp ứng trên 700 chỗ ngồi, cho phép tổ chức các sự kiện lớn và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa. Các khu thể thao (*sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, tennis*) được trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và rèn luyện sức khỏe cho người học và cán bộ, giảng viên của Nhà trường.

Để đảm bảo các hoạt động quản lý, hoạt động đào tạo và NCKH, Nhà trường đã đầu tư, cải tạo/bổ sung và hiện đại hóa: (i) các phòng ban chức năng phục vụ hoạt

động quản lý chung của nhà trường (*phòng điều hành camera giám sát, phòng làm việc, khu vệ sinh, phòng KHCN, phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển, nhà xe, ...*); (ii) hệ thống các phòng học giảng đường (*các phòng học nhà A3B, trung tâm thông tin thư viện, các phòng học nhà A7, phòng học nhà A8*); (iii) bổ sung, cung cấp thiết bị, vật tư phục vụ các hoạt động thực hành/thí nghiệm tại các PTN bằng nguồn ngân sách nhà nước được trích từ quỹ phát triển sự nghiệp của Nhà trường đảm bảo kế hoạch được phê duyệt theo quy định **[H7.07.04.01; H7.07.04.02; H7.07.04.03; H7.07.04.04; H7.07.04.05]**.

Đánh giá và bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, cơ sở vật chất như bảo dưỡng/bảo trì thang máy các tòa nhà làm việc và giảng đường, bảo dưỡng hệ thống máy phát điện dự phòng, bảo dưỡng hệ thống cấp/thoát nước được thực hiện định kỳ, tuân thủ các quy định và kế hoạch được duyệt **[H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]**.

Dự án tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy và học (*phòng học thông minh, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị âm thanh phòng học*) đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt và hoàn thành trong năm học 2019 – 2020 **[H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]**.

Công tác cải tạo, cải tiến, sửa chữa CSVC các đơn vị, nhà làm việc đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH được thực hiện trong năm học 2019 – 2020 đáp ứng tốt mục tiêu chiến lược của Nhà trường năm 2020 – 2025 và tầm nhìn 2030 **[H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]**.

Ngoài ra, Nhà trường liên tục cung cấp nguồn học liệu, phần mềm quản lý thư viện điện tử, cải tạo nội thất thư viện, cung cấp thiết bị cho thư viện đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường về phát triển CSVC, hiện đại hóa thư viện, tạo không gian thư viện hiện đại và linh hoạt **[H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]**.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phòng Thiết bị quản trị (TBQT) và phòng Phát triển dự án (PTDA) là các đơn vị chủ trì trong việc xây dựng, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, cải tạo và nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm/thực hành phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng PTDA có nhiệm vụ chủ yếu: (i) *Lập và thực hiện kế hoạch*

xây dựng, bổ sung CSVC bằng nguồn đầu tư phát triển; (ii) Tổ chức xây dựng, quản lý các dự án đầu tư phát triển (theo phân cấp và theo hình thức xã hội hóa). Nhiệm vụ của phòng TBQT bao gồm: (i) Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC bằng nguồn thường xuyên; (ii) Tổ chức thực hiện mua sắm thường xuyên; (iii) Thực hiện các dự án đầu tư tăng cường CSVC; (iv) Xây dựng và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, khai thác CSVC [H7.07.02.02].

Các kế hoạch đầu tư, kế hoạch mua sắm và cải tạo CSVC được các đơn vị phòng TBQT và PTDA xây dựng kế hoạch theo năm học. Trên cơ sở báo cáo của phòng Tài chính – Kế toán (TC–KT) về kế hoạch nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển năm học, Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt kế hoạch được đề xuất từ các phòng TBQT và PTDA để triển khai thực hiện [H7.07.02.02].

Các đơn vị chức năng liên quan khác được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác CSVC; phối hợp đề xuất kế hoạch đánh giá, bảo trì và nâng cấp CSVC, cụ thể như: Ban quản lý giảng đường và Phòng Đào tạo đại học (*CVC giảng đường, phòng học*); phòng Công tác chính trị và sinh viên (*CVC hội trường*); phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học và phòng KHCN (*CVC phòng hội thảo*); phòng đào tạo Đại học, phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm KHCN GTVT, các Khoa và các bộ môn trực thuộc các Khoa (*CVC phòng thí nghiệm/thực hành*); phòng Đào tạo đại học, Trung tâm thông tin thư viện, Trung tâm đào tạo trực tuyến, Trung tâm Ứng dụng CNTT và Xưởng in (*CVC hệ thống phòng đọc sách và phòng máy tính*); ban Quản lý Ký túc xá, phòng Công tác chính trị và sinh viên (*CVC phục vụ cộng đồng người học khu nội trú*). Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tham gia nghiệm thu và bàn giao CSVC đưa vào quản lý, khai thác và sử dụng; thực hiện các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng CSVC đảm bảo an toàn, hiệu quả. Sau khi được bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác và sử dụng, lãnh đạo đơn vị phân công CBVC chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng CSVC theo quy định của Nhà trường [H7.07.02.02]. Ngoài các kế hoạch thường xuyên năm học được Ban giám hiệu phê duyệt; trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng, CBVC/lãnh đạo đơn vị có thể trực tiếp gửi đề xuất khi có nhu cầu đến phòng TBQT tiếp nhận, xử lý, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và thực hiện theo chức năng nhiệm vụ và quy trình công việc.

Đối với các hoạt động thường xuyên: Căn cứ kế hoạch về CSVC được đề xuất từ các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác CSVC (*bộ môn, khoa; các phòng,*

ban; ...), căn cứ số liệu thống kê các năm trước, nhu cầu về quy mô đào tạo và NCKH năm tiếp theo và khả năng nguồn tài chính, Nhà trường xem xét thông qua kế hoạch năm học về đầu tư, bảo trì, nâng cấp và đánh giá CSVC bao gồm: phòng học giảng đường, hội trường, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng máy tính và các trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH.

Đối với các dự án đầu tư phát triển, kế hoạch trung hạn và dài hạn về CSVC: Căn cứ chiến lược phát triển của nhà trường về CSVC, phòng PTDA phối hợp với phòng TBQT và TC-KT lập các dự án trình Ban giám hiệu, sau khi được thông qua tại nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng trường, dự án được gửi trình Bộ GD&ĐT xem xét phê duyệt.

Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, ban hành các văn bản, quy định về đầu tư, quản lý khai thác CSVC và hạ tầng, quản lý tài sản công đảm bảo có hiệu quả và đúng quy định đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được kiểm tra bởi đơn vị kiểm toán của Bộ GD&ĐT và các đơn vị kiểm toán độc lập. Báo cáo kiểm toán là cơ sở để Nhà trường khắc phục các tồn tại và hoàn thiện quá trình thực hiện các quy định về đầu tư, quản lý khai thác CSVC [**H7.07.01.01; H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05, H7.07.01.06; H7.07.02.02**].

Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/5/2013 trong đó quy định về cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản; trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong việc quản lý tài sản; các quy định về mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tài sản, kiểm kê và thanh lý tài sản. Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị được ban hành kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/5/2016 trong đó quy định nguyên tắc quản lý, khai thác và sử dụng đúng quy định và hiệu quả CSVC, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị và cá nhân được giao quản lý trực tiếp CSVC. Quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 1892/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/11/2020 trong đó quy định rõ tiêu chuẩn, định mức cho các lãnh đạo; các chức danh; CBVC; phòng làm việc các bộ môn, phòng họp, ... [**H7.07.02.02**].

Các thủ tục và quy trình về đầu tư, quản lý khai thác CSVC và hạ tầng đảm bảo

các quy định về đầu tư, điều này được ghi nhận bởi các đơn vị kiểm toán Vụ Kế hoạch – Tài chính, Kiểm toán độc lập thông qua các báo cáo: (i) *Báo cáo kiểm toán độc lập về quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện bởi các đơn vị kiểm toán độc lập*; (ii) *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*. Sau khi kiểm tra công tác mua sắm, quản lý tài sản công (*tình hình hoạt động đấu thầu, báo cáo đánh giá, giám sát đầu tư*); kiểm tra công tác mua sắm trang thiết bị, CSVC; công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản đơn vị chức năng kết luận về hồ sơ pháp lý, hồ sơ các gói thầu cơ bản đầy đủ theo quy định **[H7.07.02.07]**.

Quy trình thực hiện công việc đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ–ĐHGTVT ngày 08/8/2011 làm căn cứ để Nhà trường thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, mua sắm, nâng cấp và bảo trì CSVC đảm bảo đúng quy định. Phòng TBQT là đơn vị chức năng tiếp nhận, xử lý các kiến nghị/đề xuất hoặc chủ động kế hoạch trình Ban Giám hiệu phê duyệt và thực hiện theo quy trình.

Các chỉ tiêu phân đầu chính của các kế hoạch trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 được tổng kết và đánh giá hàng năm thông qua các báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị CBVC toàn trường và trước đó tại Hội nghị CBVC đơn vị, cụ thể như sau: Nguồn chi đầu tư CSVC tăng từ 9,63% năm 2016 lên đến 10,67% năm 2020, trung bình chiếm 10,15% tổng chi trong 5 năm học từ 2016 đến 2020. Tỷ lệ nguồn chi nêu trên chưa bao gồm các nguồn được đóng góp từ tập thể, cá nhân và cựu sinh viên; nguồn được phân cấp đầu tư; nguồn trung hạn để đầu tư CSVC giai đoạn 2016 – 2020 (*để đầu tư các công trình: công trình giảng đường truyền thống; bãi đỗ xe; hội trường lớn; ký túc xá; giảng đường đa năng 5 tầng tại phân hiệu; 53 tỷ đầu tư hạ tầng CNTT và phòng học thông minh; dự án hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm; 10 tỷ đồng đầu tư hệ thống máy chủ và hạ tầng cáp quang; hệ thống đường dây trung thế 22 kV và trạm biến áp 1500 kVA; trang bị hệ thống điều hòa các phòng học; 15 tỷ đầu tư hệ thống máy trạm ảo, hệ thống lưu trữ dữ liệu, hệ thống camera giám sát, khung kiến trúc trường đại học điện tử; trung tâm thông tin thư viện*) **[H7.07.01.01; H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05, H7.07.01.06]**.

Kết quả thống kê nhu cầu đầu tư cho CSVC và cơ sở hạ tầng, phương tiện dạy học, các phòng thực hành/thí nghiệm, trang thiết bị hàng năm đáp ứng quy mô và nhu cầu đào tạo, NCKH làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư CSVC và lập đề án tuyển sinh năm học tiếp theo. Đề án tuyển sinh hàng năm được công bố theo quy định của

Bộ GD&ĐT và được công khai các điều kiện về CSVC của Nhà trường đáp ứng yêu cầu về quy mô tuyển sinh [H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06].

Hoạt động đầu tư, phát triển CSVC và hạ tầng được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. Phòng TBQT gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (*bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị*) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học.

Hoạt động đầu tư, phát triển CSVC và hạ tầng được tổng kết và đánh giá tại các báo cáo tổng kết tại Hội nghị CBVC năm học; báo cáo tổng kết tại Hội nghị CBVC của các đơn vị phòng TBQT, PTDA và TC-KT; và báo cáo thi đua nhiệm vụ 5 “*Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục*” và nhiệm vụ 8 “*Tăng cường CSVC đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo*” gửi Cục CSVC Bộ GD&ĐT. Hiệu quả đầu tư được đánh giá cao và ghi nhận qua các báo cáo tổng kết tại các Hội nghị CBVC năm học về các thành tích đã đạt được, các sáng kiến/giải pháp hữu hiệu; và được ghi nhận qua báo cáo thẩm tra tính hiệu quả của dự án [H7.07.01.01; H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu

khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin (TTUD CNTT), được thành lập theo Quyết định số 794/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/4/2011, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về xây dựng kế hoạch; quản lý; khai thác; quản trị thiết bị CNTT (*phần cứng, phần mềm, an ninh và an toàn hệ thống*) và cơ sở hạ tầng CNTT; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa và khắc phục sự cố kỹ thuật an toàn hệ thống mạng, máy tính và các thiết bị CNTT; xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, phát triển và nâng cấp các phần mềm ứng dụng CNTT **[H7.07.02.02]**. Các hoạt động về đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thực hiện bởi các phòng TBQT (*đối với các nguồn thường xuyên*), phòng PTDA (*đối với nguồn đầu tư phát triển*). Quá trình thực hiện, phòng TBQT/PTDA có chức năng quản lý dự án về thủ tục pháp lý về lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ dự án; trình phê duyệt/thẩm định dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công; giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng, TTUD CNTT đóng vai trò phối hợp giám sát kỹ thuật của dự án CNTT. Kết thúc dự án, TTUD CNTT là đơn vị được bàn giao để quản lý, khai thác, vận hành, quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT; giải quyết các vấn đề kỹ thuật về CNTT trong quá trình khai thác, vận hành. Các đề xuất liên quan đến đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bảo trì thiết bị CNTT được xuất phát từ các đơn vị và được gửi đến phòng TBQT; TTUD CNTT là đơn vị phối hợp để đánh giá, kiểm tra hiện trạng kỹ thuật, tham mưu và đề xuất phương án; phòng TBQT sau khi nhận được phương án đề xuất của TTUD CNTT, căn cứ các điều kiện về đầu tư (*tiêu chuẩn, định mức; quy định về quản lý tài sản công; nguồn đầu tư*) để trình Ban Giám hiệu phê duyệt phương án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

Các kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được TTUD CNTT chủ động lập kế hoạch năm học. Trên cơ sở báo cáo của phòng TC-KT về kế hoạch chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển CNTT năm học, Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt kế hoạch được đề xuất từ TTUD CNTT, các phòng TBQT/PTDA sau đó tổ chức thực hiện các hoạt động về đầu tư theo nguồn vốn được phê duyệt **[H7.07.02.08]**.

Các đơn vị chức năng liên quan được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác thiết bị CNTT phối hợp đề xuất kế hoạch đầu tư, bảo trì và nâng cấp thiết bị CNTT bao gồm: Ban quản lý giảng đường và Phòng Đào tạo đại học (*thiết bị CNTT giảng*

đường, phòng học); phòng Công tác chính trị và sinh viên (*thiết bị CNTT hội trường*); phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học và phòng KHCN (*thiết bị CNTT phòng hội thảo*); phòng đào tạo Đại học, phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm KHCN GTVT, các Khoa và các bộ môn trực thuộc các Khoa (*thiết bị CNTT phòng thí nghiệm/thực hành*); phòng Đào tạo đại học, Trung tâm thông tin thư viện, Trung tâm đào tạo trực tuyến, Trung tâm Ứng dụng CNTT và Xưởng in (*thiết bị CNTT hệ thống phòng đọc sách và phòng máy tính*); ban Quản lý Ký túc xá, phòng Công tác chính trị và sinh viên (*thiết bị CNTT phục vụ cộng đồng người học khu nội trú*). Lãnh đạo các đơn vị tham gia nghiệm thu và bàn giao thiết bị CNTT đưa vào khai thác và sử dụng; thực hiện các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT đảm bảo an toàn, hiệu quả. Sau khi được bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác và sử dụng, lãnh đạo đơn vị phân công CBVC chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT theo quy định của Nhà trường **[H7.07.02.02]**. Ngoài các kế hoạch năm học được Ban giám hiệu phê duyệt; trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT, CBVC/lãnh đạo đơn vị có thể trực tiếp gửi đề xuất đến các đơn vị chức năng là phòng TBQT tiếp nhận, xử lý và thực hiện quy trình công việc và trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, ban hành các văn bản, quy định về đầu tư, quản lý khai thác thiết bị CNTT, quản lý tài sản công đảm bảo có hiệu quả và đúng quy định đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được kiểm tra bởi đơn vị kiểm toán của Bộ GD&ĐT và các đơn vị kiểm toán độc lập. Báo cáo kiểm toán là cơ sở để Nhà trường khắc phục các tồn tại và hoàn thiện quá trình thực hiện các quy định về đầu tư, quản lý khai thác CSVC **[H7.07.01.01; H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05, H7.07.01.06; H7.07.02.02]**.

Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công được ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ–ĐHGTVT ngày 20/5/2013, trong đó quy định về cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị CNTT; trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong việc quản lý tài sản; các quy định về mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tài sản, kiểm kê và thanh lý tài sản. Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị được ban hành kèm theo Quyết định số 1001/QĐ–ĐHGTVT ngày 10/5/2016 trong đó quy định nguyên tắc

quản lý, khai thác và sử dụng đúng quy định và hiệu quả trang thiết bị thí nghiệm/thực hành CNTT, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị và cá nhân được giao quản lý trực tiếp trang thiết bị CNTT. Quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 1892/QĐ–ĐHGTVT ngày 13/11/2020 trong đó quy định rõ tiêu chuẩn, định mức cho các lãnh đạo; các chức danh; CBVC; phòng làm việc các bộ môn, phòng họp, ... **[H7.07.02.02].**

Các thủ tục và quy trình về đầu tư, quản lý khai thác thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo các quy định về đầu tư, điều này được ghi nhận về hồ sơ pháp lý, hồ sơ các gói thầu cơ bản đầy đủ theo quy quy định thông qua kết luận tại: (i) Báo cáo kiểm toán độc lập về quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện bởi các đơn vị kiểm toán độc lập đối với dự án CNTT; (ii) Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm được thực hiện bởi bộ phận kiểm toán nội bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ GD&ĐT. Sau khi kiểm tra công tác mua sắm, quản lý tài sản công (*tình hình hoạt động đấu thầu, báo cáo đánh giá, giám sát đầu tư*); kiểm tra công tác mua sắm trang thiết bị CNTT **[H7.07.02.07].**

Quy trình thực hiện công việc đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ–ĐHGTVT ngày 08/8/2011 làm căn cứ để Nhà trường thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, mua sắm, nâng cấp và bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo đúng quy định. Phòng TBQT là đơn vị chức năng tiếp nhận, xử lý các kiến nghị/đề xuất hoặc chủ động kế hoạch trình Ban Giám hiệu phê duyệt và thực hiện theo quy trình **[H7.07.02.02].**

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó xác định nhiệm vụ, kế hoạch và giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng CNTT, điển hình như: (i) Trở thành trường đại học tự chủ với mô hình quản trị tiên tiến, hệ thống và phương thức quản lý chuyên nghiệp hướng tới mô hình trường đại học thông minh; (ii) Tăng cường và hiện đại hóa CSVC ngang tầm Châu Á. Báo cáo tổng kết về triển khai nhiệm vụ CNTT được thực hiện và gửi Bộ DG&ĐT để đánh giá kết quả của hoạt động của CNTT hàng năm **[H7.07.02.08].**

Các chỉ tiêu phân đầu chính của các kế hoạch trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 được tổng kết và đánh giá hàng năm thông qua các báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị CBVC toàn trường và trước đó tại Hội nghị CBVC đơn vị **[H7.07.01.01;**

H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05, H7.07.01.06], cụ thể như sau:

(i) Ứng dụng CNTT trong quản lý thông qua hệ thống các phần mềm đã đưa vào sử dụng (*bao gồm hệ thống các phần mềm: quản lý đào tạo các hệ chính quy và phi chính quy; quản trị thư viện; quản lý KHCN; quản lý công văn; quản lý nhân sự; quản lý bảng thông tin điện tử; quản trị cổng thông tin điện tử; khảo sát GV và SV; khảo sát cố vấn học tập và cựu SV; quản lý SV và thi đua khen thưởng; quản lý bảo hiểm y tế; quản lý đảng viên; bảo hiểm xã hội; quản lý giáo dục quốc phòng; tài chính – kế toán; đào tạo trực tuyến e-learning; khung kiến trúc trường đại học điện tử*); (ii) Các dịch vụ ứng dụng CNTT (*đăng ký học tín chỉ, thời khóa biểu, tra cứu lịch thi, điểm thi; tra cứu học phí, nộp học phí trực tuyến qua cổng thanh toán/ViettelPay; đăng ký xét duyệt đề tài NCKH các cấp, bài báo, tổ chức hội nghị – hội thảo; tra cứu thư viện điện tử, đọc sách điện tử, tạp chí chuyên ngành; cấp các giấy tờ thủ tục hành chính; trên 40 website các đơn vị thuộc trường được xây dựng; cập nhật đầy đủ theo năm học 3 công khai của cơ sở Giáo dục đại học*); (iii) Ứng dụng CNTT hỗ trợ hoạt động dạy – học, đánh giá, NCKH (*quản lý và điều hành hoạt động của thư viện điện tử, CSDL số hóa liên tục được cập nhật và kết nối được với các thư viện bên ngoài; phần mềm quản lý thư viện điện tử; đào tạo trực tuyến ứng dụng nền tảng công nghệ của Microsoft Office 365 được cấp phát đến từng GV, SV với tên miền @st.utc.edu.vn; cấp phát mới trên 5200 e-mail riêng cho SV khóa 60 đáp ứng không gian học tập trực tuyến; áp dụng công nghệ Microsoft Teams trong tổ chức đào tạo dạy – học trực tuyến, đáp ứng yêu cầu về giãn cách và phòng chống dịch Covid-19 và đảm bảo kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020*); (iv) Internet không dây (Wifi) đã được cung cấp đến CBVC và người học từ năm học 2015 – 2016; (v) Hệ thống phòng IT Lab phục vụ giảng dạy và thực hành CNTT từ cơ bản đến nâng cao các hệ đào tạo, quy mô 600 máy tính/15 phòng (*chưa bao gồm các phòng Lab mô phỏng/giả lập được quản lý trực tiếp bởi các khoa Công trình, Cơ khí, Điện tử – Tự động hóa, CNTT*); (vi) 100% phòng học đa chức năng có ứng dụng CNTT đã được hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ năm học 2019 – 2020; (vii) Hạ tầng truyền dẫn nội bộ được đầu tư và đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018 đáp ứng mục tiêu về cấu trúc hệ thống, năng lực chuyển mạch tốc độ cao, tiên tiến, hiện đại, mô hình lớp mạng, kết nối chia sẻ tài nguyên chung ở băng thông truyền dẫn lớn, đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và thế giới, hoạt động thông suốt, ổn định và có tính dự phòng rủi ro và sẵn sàng cao đối với các dịch vụ, ứng dụng

CNTT cho phép triển khai ứng dụng CNTT (*bao gồm các dự án: thiết bị chuyển mạch lõi; hạ tầng cáp quang và thiết bị chuyển mạch kết nối trực tiếp với trung tâm dữ liệu của Nhà trường*); (viii) Tăng cường năng lực hạ tầng CNTT và CSVC phục vụ công tác quản lý và đào tạo tại Trường Đại học Giao thông Vận tải” được triển khai từ cuối năm học 2018 – 2019 nhằm mục tiêu đầu tư hệ thống mạng Internet không dây theo mô hình quản lý tập trung; trang thiết bị hiện đại; đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, công suất phục vụ và tốc độ truy cập nhanh (*hạng mục đầu tư tập trung vào: tăng cường năng lực hệ thống mạng, bảo mật; hệ thống máy chủ, lưu trữ; thiết bị CNTT*); (ix) Tăng cường CSVC phòng học thông minh cho các giảng đường” được triển khai tiếp trong năm học 2019 – 2020 nhằm mục tiêu đầu tư 100% phòng học thông minh, phòng học đa chức năng có sử dụng CNTT; (x) Đầu tư trang bị hệ thống cấp phát máy trạm ảo phục vụ thực hành CNTT và các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH tại Trường ĐH GTVT” nhằm mục tiêu trang bị hệ thống cấp phát máy trạm theo công nghệ ảo hóa nhằm nâng cao tính sẵn sàng, linh hoạt khi cấp phát, giảm thiểu công tác duy tu bảo trì, phục vụ thực hành CNTT và các hoạt động quản lý, đào tạo, NCKH của Nhà trường; (xi) Khung kiến trúc tổng thể của trường Đại học điện tử” với nền tảng là phần mềm lõi cùng các phân hệ chức năng phục vụ công tác quản lý. Mô hình triển khai phải đảm bảo “Tính tổng thể, tính thống nhất, tính kế thừa, tính mở rộng, kế hoạch phát triển hợp lý và tính kinh tế” hướng tới mô hình Đại học thông minh đã được thực hiện và bước đầu đưa vào vận hành, khai thác và sử dụng từ năm học 2020 – 2021 **[H7.07.03.01; H7.07.03.02; H7.07.03.03; H7.07.03.04; H7.07.03.05]**.

Kết quả thống kê nhu cầu đầu tư cho trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT hàng năm đáp ứng quy mô và nhu cầu đào tạo, NCKH làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư CSVC và lập đề án tuyển sinh năm học tiếp theo. Đề án tuyển sinh hàng năm được công khai các điều kiện về trang thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT phù hợp với quy mô tuyển sinh đăng ký **[H7.07.02.01; H7.07.02.02; H7.07.02.03; H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.02.06]**.

Ngoài chức năng tham mưu cho Nhà trường về hoạt động của CNTT, TTUD CNTT còn trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ: (i) Quản trị hệ thống mạng (*về cơ sở hạ tầng CNTT; máy trạm ảo; cài đặt và nâng cấp hệ điều hành; cài đặt, cấu hình và vận hành hệ thống phần mềm bảo vệ CSDL; hệ thống đường truyền dẫn Internet, mạng LAN, Wifi; hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các dịch vụ trên máy chủ, giám sát, phát hiện kịp*

thời, cảnh báo và xử lý sự cố 24/24h nhanh chóng); (ii) Bố trí điều độ và hỗ trợ kỹ thuật tại phòng máy tính thực hành (3000 – 3500 tiết thực hành/năm học; 20000 – 23 000 sinh viên/năm học); (iii) Quản lý và phát triển các phần mềm ứng dụng (xây dựng mới website các đơn vị; phối hợp với phòng TCCB cập nhật CSDL nhân sự; hệ thống chấm công; phối hợp với phòng HCTH xây dựng hệ thống quản lý công việc; tích hợp chữ ký số vào văn phòng điện tử; phối hợp với phòng KHCN xây dựng các module quản lý đề tài KHCN các cấp, quản lý báo, tạp chí; phối hợp với phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo xây dựng phần mềm lấy ý kiến người học về hoạt động của GV (trên 10 000 – 12 000 người học các khóa đã tham gia lấy ý kiến hàng năm); xây dựng phiếu khảo sát về người học, về CBVC, về chương trình đào tạo và các mặt hoạt động của Nhà trường; phần mềm đăng ký và xét tuyển học bạ trực tuyến; phối hợp với phòng CTCT&SV xây dựng phiếu khảo sát đánh giá cố vấn học tập, đánh giá rèn luyện sinh viên, bài thu hoạch trực tuyến, cập nhật thông tin hồ sơ người học, quản lý thi đua khen thưởng; phối hợp với phòng ĐTDH trong việc giám sát quá trình xây dựng phần mềm quản lý đào tạo; phối hợp với Trung tâm thông tin thư viện xây dựng module tra cứu CSDL thư viện số; phối hợp với Trạm Y tế xây dựng module quản lý hồ sơ kết quả khám sức khỏe định kỳ cho CBVC); (iv) Hỗ trợ các dịch vụ kỹ thuật CNTT liên quan đến máy tính, mạng máy tính, phần mềm ứng dụng, hỗ trợ hoạt động tuyển sinh (500 – 800 lượt hỗ trợ kỹ thuật/năm học); đào tạo các khóa phần mềm ứng dụng cho SV các ngành (12 lớp/năm học); cung cấp kết quả học tập của người học qua hệ thống tin nhắn SMS đến điện thoại của phụ huynh mỗi học kỳ (gần 3500 phụ huynh đăng ký sử dụng dịch vụ năm học 2018 – 2019, chiếm trên 99% tổng số phụ huynh; thông qua dịch vụ, gia đình người học có được các thông tin kịp thời về tình hình học tập và kết quả đóng nộp học phí); 80% người học nội trú được truy cập dịch vụ internet với tốc độ kết nối ổn định, truy cập nhanh, chi phí thấp.

Tồn tại và hạn chế cũng được đơn vị chức năng là TTUD CNTT chỉ ra trong các báo cáo tổng kết năm học của đơn vị để có giải pháp khắc phục và kế hoạch hành động cho năm học tiếp theo. Kế hoạch cải tiến sau đó được phối hợp với các phòng TBQT, PTDA và TC-KT đề xuất kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, trình Ban Giám hiệu phê duyệt để thực hiện. Hiệu quả đầu tư được phân tích trong các hồ sơ dự án từ bước chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi kết thúc dự án, và được Nhà trường lập báo cáo đánh giá hiệu quả dự án sau đầu tư trình Bộ

GD&ĐT. Mức độ đáp ứng được đánh giá thông qua các ý kiến của CBVC và SV tại các Hội nghị CBVC toàn trường và Hội nghị đối thoại sinh viên hàng năm. Một số tồn tại, hạn chế về hoạt động CNTT được Ban Giám hiệu ghi nhận, chỉ đạo các đơn vị chức năng (*TTUD CNTT, phòng TBQT, PTDA và TC-KT*) đề xuất kế hoạch hành động trong năm học tiếp theo **[H7.07.02.09]**.

Hoạt động đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. TTUDCNTT, các phòng TBQT/PTDA gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (*bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị*) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học.

Hoạt động đầu tư, phát triển trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được tổng kết và đánh giá tại các báo cáo tổng kết tại Hội nghị CBVC năm học; báo cáo tổng kết tại Hội nghị CBVC của các đơn vị TTUD CNTT, phòng TBQT, PTDA, TC-KT; và báo cáo thi đua nhiệm vụ 5 “*Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong trong dạy, học và quản lý giáo dục*” gửi Cục CNTT Bộ GD&ĐT. Hiệu quả đầu tư được đánh giá cao và ghi nhận qua các báo cáo tổng kết tại các Hội nghị CBVC năm học về các thành tích đã đạt được, các sáng kiến/giải pháp hữu hiệu; và được ghi nhận qua báo cáo thẩm tra tính hiệu quả của dự án **[H7.07.01.01; H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.05; H7.07.01.06; H7.07.02.02]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ

liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trung tâm thông tin thư viện (TTTTTV), được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ–BGD&ĐT–TCCB ngày 21/2/2002, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về tổ chức, quản lý thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin phục vụ đào tạo và NCKH và CGCN (*cụ thể bao gồm: xây dựng vốn tài liệu; xử lý tài liệu; bộ máy tra cứu; tổ chức tài liệu; bảo quản tài liệu; kiểm kê thanh lọc tài liệu; dịch vụ thư viện; hoạt động truyền thông*) [H7.07.02.02].

Công tác bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn học liệu thư viện được TTTTTV chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện quy trình bổ sung tài liệu theo học kỳ (02 lần/năm học). Cuối mỗi học kỳ, các tài liệu (*giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, đề tài NCKH, tài liệu tham khảo, đồ án tốt nghiệp, tạp chí*) được thông kê, rà soát về số lượng, căn cứ nhu cầu của người học/bạn đọc, TTTTTV chủ động đề xuất kế hoạch tăng cường nguồn tài liệu in, tài liệu điện tử; nói bản, tái bản/viết mới trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Các đơn vị phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học triển khai các thủ tục về đầu tư, bổ sung nguồn tài liệu (*trình duyệt; thực hiện các thủ tục về hợp đồng xuất bản với các cá nhân/tác giả; tổ chức thẩm định tài liệu; tổ chức hội đồng nghiệm thu tài liệu có sự tham gia của lãnh đạo bộ môn và khoa chuyên môn; thanh quyết toán hợp đồng*). Sau khi đăng ký xuất bản và quyết định xuất bản, xưởng in thực hiện công tác chế bản và in ấn, in và nộp lưu chiểu. Tài liệu sau khi được nghiệm thu được chuyển về các phòng đọc, phòng mượn và bàn giao cho TTTTTV trực tiếp quản lý và lưu trữ theo chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác số hóa tài liệu, cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ người học và bạn đọc tra cứu thư viện số online được đã được TTTTTV trực tiếp thực hiện, TTUD CNTT phối hợp hoàn thiện CSDL và đưa vào khai thác sử dụng từ năm học 2018 – 2019, bao gồm: 4517 luận văn, 124 luận án, 180 đề tài NCKH (năm học 2018 – 2019); 4000 luận văn; 200 luận án; 800 đề tài NCKH; 3000 bài báo khoa học (năm học 2019 – 2020). Phần mềm tra cứu online nâng cao Libol 6.0 đã được hoàn thiện, CSDL số hóa được tích hợp vào phần mềm Libol 6.0 cho phép người học và bạn đọc thực hiện các tra cứu online nâng cao, tra cứu lịch sử mượn/trả tài liệu. TTTTTV là đơn vị được giao quản lý sử dụng, trực tiếp đề xuất chủ trương trình Ban Giám hiệu phê duyệt, các đơn vị TTUDCNTT phối hợp giám sát kỹ thuật, chất lượng dự án CNTT (*về các tính năng*

của phần mềm, cài đặt phần mềm, kiểm thử, chuyển đổi dữ liệu, đào tạo chuyển giao, bản quyền phần mềm), phòng TBQT thực hiện các thủ tục đầu tư giám sát việc thực hiện hợp đồng (về nội dung, khối lượng và tiến độ), phòng TC-KT phối hợp các thủ tục tài chính và thanh quyết toán. CSDL bài giảng trực tuyến, bài giảng mẫu được thực hiện bởi Trung tâm đào tạo trực tuyến **[H7.07.02.09]**.

Được thành lập theo Quyết định số 105/QĐ-TCCB ngày 17/01/2001, Ban Quản lý giảng đường (QLGD) có chức năng: *(i) xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức điều độ giảng đường; (ii) quản lý trang thiết bị giảng đường; (iii) lập kế hoạch sửa chữa, thay thế thiết bị giảng đường theo phân cấp*. Đối với kế hoạch sửa chữa nhỏ, thay thế kịp thời các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, Ban QLGD chủ động lập kế hoạch và thực hiện theo phân cấp sau khi được Ban Giám hiệu phê duyệt. Đối với kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phòng TBQT/PTDA là đơn vị tiếp nhận đề xuất hoặc chủ kế hoạch đề xuất thường xuyên/dự án đầu tư, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và thực hiện. Quá trình thực hiện, phòng TBQT/PTDA có chức năng quản lý dự án về thủ tục pháp lý về lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ dự án; trình phê duyệt/thẩm định dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công; giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng. Ban QLGD đóng vai trò phối hợp giám sát yêu cầu của dự án thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Kết thúc dự án, Ban QLGD là đơn vị được bàn giao để quản lý, khai thác, vận hành thiết bị hỗ trợ giảng dạy; và chủ động xử lý các vấn đề kỹ thuật được phân công và phân cấp khi có yêu cầu từ CBGV trong quá trình sử dụng **[H7.07.02.02]**.

Ngoài các đề xuất chủ yếu của Ban QLGD (*đối với các thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các giảng đường A2, A3, A5, A7 và A8*) về việc đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bảo trì thiết bị hỗ trợ giảng dạy, các đơn vị khác được giao quản lý có thể tham gia đề xuất khi có yêu cầu, cụ thể như: Khoa Đào tạo quốc tế (*đối với các thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại một số phòng học của khoa tại các giảng đường A2, A3 và A8*); TTUD CNTT và Khoa CNTT (*đối với các thiết bị hỗ trợ giảng dạy/thực hành tại giảng đường A4*); Trung tâm KHCN GTVT (*đối với các thiết bị hỗ trợ thực hành/thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm/thực hành giảng đường A4*); Trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT (*đối với các trang thiết bị hỗ trợ thực hành xưởng giảng đường A8*); Trung tâm đào tạo trực tuyến (*đối với các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo trực tuyến*); TTTTTV (*đối với các trang thiết bị máy tính trạm*

áo, máy tra cứu, internet, wifi hỗ trợ người học đến thư viện tự học); Ban Quản lý Ký túc xá (*đối với các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại giảng đường A5 Ký túc xá*); các Khoa và các bộ môn (*đối với các trang thiết bị phòng thực hành/phòng thí nghiệm được giao quản lý*). Phòng TBQT tiếp nhận đề xuất từ các đơn vị, căn cứ các điều kiện về đầu tư (*tiêu chuẩn, định mức; quy định về quản lý tài sản công; nguồn đầu tư*) để trình Ban Giám hiệu phê duyệt phương án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về việc triển khai, chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn, đề án tăng cường CSVC giai đoạn 2017 – 2025 được Nhà trường đã triển khai đến các đơn vị liên quan (*phòng TBQT, TCCB, TC-KT, KHCN, và phân hiệu tại Tp. HCM*) phối hợp báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư CSVC, tăng cường nguồn lực học tập, hiệu quả đầu tư; lập dự án đề xuất và trình Bộ GD&ĐT xem xét, thẩm định và phê duyệt. Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt các đề án, dự án, kế hoạch trung hạn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có trách nhiệm tổ chức các đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện [H7.07.03.01].

Đối với các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập định kỳ/thường xuyên được các đơn vị chức năng phòng TBQT/PTDA dự kiến trong phương hướng của năm học tiếp theo tại các báo cáo tổng kết năm học và được thông qua tại hội nghị tổng kết năm học của đơn vị. Chi tiết kế hoạch đầu tư CSVC thường xuyên năm học (*về nội dung/hạng mục, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện và các đơn vị phối hợp*) sau đó được phòng TBQT/PTDA trình Ban Giám hiệu và phòng TC-KT phối hợp bố trí nguồn để triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Ngoài các kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch định kỳ/thường xuyên năm học, trong quá trình sử dụng, các đơn vị chức năng được giao quản lý CSVC trực tiếp xử lý kỹ thuật theo phân cấp hoặc gửi đề xuất đến phòng TBQT để xây dựng kế hoạch, trình duyệt và triển khai thực hiện. Dự án hoàn thành được bàn giao cho các đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng.

Để đảm bảo sự ổn định nguồn thu tài chính đáp ứng mục tiêu tự chủ tài chính, đề án sử dụng tài sản công, CSVC vào mục đích liên doanh, liên kết, cho thuê được lập và trình Bộ GD&ĐT xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định **H7.07.02.02**]. Việc đa dạng hóa nguồn thu và cơ cấu thu; nguồn chi cho đầu tư, bổ sung CSVC tăng dần trong 5 năm gần đây nhằm duy trì ổn định và phát triển của Nhà trường, hướng tới mục tiêu tự chủ tài chính, cụ thể: nguồn chi cho đầu tư, bổ sung CSVC (*trong đó bao gồm: nguồn liệu của thư*

viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy/thí nghiệm/thực hành, CSDL trực tuyến) tăng từ 29,960 tỷ (năm học 2016 – 2017) đến 40,000 tỷ (năm học 2020 – 2021) **[H7.07.03.01]**.

Hàng năm, các đơn vị chủ động đề xuất/thống kê kinh phí cho các hoạt động năm học (*trang thiết bị, nguồn học liệu thư viện, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSVC, CSDL trực tuyến, ...*). Căn cứ hoạt động tài chính của năm học trước, tổng nguồn thu dự kiến của năm kế hoạch, quy định hiện hành, phòng TC-KT được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, tính toán và cân đối để lập dự toán chi tiết trình Ban Giám hiệu và báo cáo Bộ GD&ĐT thống nhất và phê duyệt phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện. Chi tính riêng cho kinh phí đầu tư cho các nguồn học liệu thay đổi theo năm học, dao động từ 50.000.000 đồng đến trên 650.000.000 đồng, được thống kê hàng năm trong 5 năm gần đây **[H7.07.03.01]**.

Công tác thống kê số lượng bạn đọc đến thư viện, tại các phòng đọc sách thư viện, phòng đọc sách nhân viên, phòng đọc điện tử, phòng mượn giáo trình (83 983 lượt năm học 2017 – 2018; 39 204 năm học 2018 – 2019; 56 293 lượt năm học 2019 – 2020); giáo trình bán cho người học (10 491 năm học 2017 – 2018; 9 735 năm học 2018 – 2019; 7283 lượt năm học 2019 – 2020) được TTTTTV thống kê tại các báo cáo tổng kết năm học để theo dõi, đánh giá nhu cầu của bạn đọc làm cơ sở để nâng cấp/cải tạo TTTTTV về quy mô; tăng cường nguồn học liệu phục vụ bạn đọc và tăng cường chất lượng dịch vụ tại thư viện; đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng, khai thác nguồn lực học tập tại thư viện **[H7.07.03.01]**.

Công tác truyền thông giữa TTTTTV với bạn đọc được thực hiện qua website, fanpage của thư viện, được công bố chính thức 02/2019, trung bình 900 lượt truy cập/ngày. Câu lạc bộ bạn yêu sách UTC được TTTTTV phối hợp với Đoàn thanh niên, tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày sách Việt Nam 21/4, ngày sách chú trọng và thường xuyên tham gia nhằm mục tiêu truyền thông, quảng bá và xây dựng hình ảnh của Nhà trường.

Kế hoạch bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập, nguồn học liệu thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. TTTTTV, TTUDCNTT, Ban QLGD, các phòng TBQT/PTDA gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết.

Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (*bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị*) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học.

Các báo cáo tổng kết công tác năm học của TTTTTV, các phòng TBQT, PTDA và TC-KT thông tin về các kết quả công tác năm học về đầu tư cho các nguồn lực học tập, nguồn học liệu của thư viện, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các phòng thí nghiệm/giảng đường, các vấn đề còn tồn tại được ghi nhận tại các báo cáo và được trao đổi/thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức toàn trường đối thoại giữa nhà trường, các đơn vị chức năng và CBVC làm cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, rà soát và kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về hiệu quả đầu tư, khai thác nguồn lực về học tập [H7.07.02.09; H7.07.03.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Trạm Y tế được thành lập theo Quyết định số 4198/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 17/9/2002, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về quản lý, giáo dục chăm sóc sức khỏe; thực hiện các giải pháp chăm sóc sức khỏe cho người học, CBVC bao gồm các nhiệm vụ cụ thể: *(i) xây dựng kế hoạch và kinh phí hoạt động năm học; (ii) tổ chức kế hoạch, phối hợp khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBVC, người học tại các thời điểm nhập học và tốt nghiệp; (iii) quản lý hồ sơ sức khỏe; (iv) tổ chức thực hiện vệ sinh môi trường, giảng đường, an toàn vệ sinh thực phẩm; (v) tổng kết và báo cáo kết quả triển khai công tác y tế* [H7.07.02.02; H7.07.03.01].

Được thành lập theo Quyết định số 105/QĐ-TCCB ngày 17/01/2001, Ban Quản lý giảng đường có chức năng *đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường khu giảng đường*. Ban Quản lý Ký túc xá được thành lập theo Quyết định số 390/QĐ-TC ngày 24/10/1981 có chức năng *đảm bảo an toàn, vệ sinh cảnh quan khu vực giảng đường A5 và khu ký túc xá* [H7.07.02.02].

Người học được khám sức khỏe tuyển sinh tại thời điểm nhập học, phân loại sức khỏe, quản lý và tư vấn kịp thời cho SV. 100% SV được tham gia khám sức khỏe khi nhập học. Trạm Y tế là đơn vị chức năng, trực tiếp liên hệ với các bệnh viện, căn cứ quy mô sinh viên và khả năng của đơn vị y tế phối hợp thực hiện, trạm Y tế trình Ban Giám hiệu phê duyệt kế hoạch và đơn vị phối hợp thực hiện khám sức khỏe cho sinh viên đầu vào. Các đơn vị chức năng như phòng Đào tạo đại học, phòng Bảo vệ, Đoàn thanh niên và Ban QLGD phối hợp trong việc cung cấp quy mô sinh viên, thời gian nhập học, bảo vệ và giữ gìn an ninh trật tự; sinh viên tình nguyện tư vấn, hướng dẫn ghi hồ sơ và công tác trật tự; cung cấp nước và tăng cường vệ sinh giảng đường. Bên cạnh việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt, trạm Y tế thực hiện khám sức khỏe và khám chữa bệnh cho các SV của Nhà trường mỗi khi có nhu cầu. Ngoài ra, trạm Y tế trực tiếp được giao nhiệm vụ lập kế hoạch về BHYT sinh viên, gửi thông báo đến các lớp SV toàn trường triển khai hoạt động BHYT (*đối tượng tham gia, mức đóng BHYT, hình thức và thời gian nộp tiền BHYT, quy trình thực hiện*), bao gồm cả SV thuộc nhóm đối tượng chính sách, SV đang tham gia BHYT tại địa phương **[H7.07.02.09; H7.07.03.01]**.

Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ năm học cho CBVC toàn trường; theo dõi, quản lý hồ sơ sức khỏe của CBVC; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được trạm Y tế lập, tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm (*vào các tháng 6 và tháng 11*) cho CBVC toàn trường trình Ban Giám hiệu. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, trạm Y tế có trách nhiệm thông báo kế hoạch khám sức khỏe định kỳ đến toàn thể CBVC chi tiết về lịch khám theo đơn vị, nội dung khám, đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán và báo cáo Nhà trường theo quy định. Nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho CBVC được trích từ phúc lợi của Nhà trường theo quy định **[H7.07.03.01]**.

Đối với xử lý vệ sinh môi trường; diệt và kiểm soát chuột; phun thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng có hại; thu gom và xử lý chất thải y tế, trạm Y tế là đơn vị xây dựng kế hoạch phun khử khuẩn vệ sinh môi trường định kỳ/đợt xuất khi có yêu cầu tại các khu nhà làm việc, các giảng đường và ký túc xá (*trong đó số liệu diện tích xử lý được thống kê chi tiết theo địa điểm, số tầng, diện tích, tổng diện tích*) **[H7.07.03.01]**.

Phòng CTCT&SV phối hợp với trạm Y tế và phòng Bảo vệ trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá cải thiện môi trường giảng đường, sức khỏe và sự an toàn

đối với người học **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**.

Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX của trường có chức năng đảm bảo an toàn tại các khu giảng đường và khu ký túc xá. Tại thư viện, các xưởng thực tập, phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính của nhà trường đều xây dựng các nội quy nhằm đảm bảo an toàn cho người học **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**.

100% phòng học của Nhà trường đều được trang bị hệ thống điều hòa không khí, đã hoàn thành trong năm học 2019 – 2020 tạo môi trường học tập thuận lợi, đảm bảo môi trường sức khỏe cho người học và giảng viên tại các khu giảng đường trong điều kiện thời tiết mùa hè. Hội trường lớn với hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp được sử dụng cho việc tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ miễn phí cho người học và cho CBVC toàn trường **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**. Sân vận động, khu vui chơi trong khuôn viên trường phục vụ miễn phí cho người học **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**.

Các câu lạc bộ văn hóa thể thao SV được hoạt động thường xuyên, ổn định theo kế hoạch của Quỹ văn thể do phòng CTCT&SV quản lý. Thông qua kế hoạch đã được xây dựng, trường đã tổ chức cho người học tham gia rất nhiều hoạt động vui chơi giải trí, các cuộc thi, tìm hiểu kiến thức, các hoạt động TDTT, rèn luyện sức khỏe. Các khu vực sân bóng đá; sân bóng chuyền; các nhà luyện tập cầu lông, bóng bàn, bóng rổ; sân thể thao ngoài trời cả khu vực giảng đường và khu ký túc xá được Nhà trường đầu tư, nâng cấp và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng phục vụ các hoạt động thể thao của SV ngoài giờ học/kể cả buổi tối nhằm tăng cường sức khỏe cho người học **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**.

Những hoạt động hỗ trợ người học về chế độ chính sách, khám sức khỏe và các hoạt động khác mang đến cho người học chất lượng cuộc sống tốt. Điều này được ghi nhận tại hội nghị đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với Nhà trường và các đơn vị chức năng được tổ chức đầu năm học **[H7.07.05.01; H7.07.05.02; H7.07.05.03; H7.07.05.04]**.

Đối với các kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe định kỳ/thường xuyên được các đơn vị chức năng trạm Y tế, Ban QLGD, Ban QLKTX, phòng CTCT&SV dự kiến trong phương hướng của năm học tiếp theo tại các báo cáo tổng kết năm học và được thông qua tại hội nghị tổng kết năm học của đơn vị. Chi tiết kế hoạch đầu tư CSVC thường xuyên năm

học (về nội dung/hạng mục, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện và các đơn vị phối hợp) sau đó được trạm Y tế/phòng TBQT trình Ban Giám hiệu và phòng TC–KT phối hợp bố trí nguồn để triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, các đơn vị liên quan đến môi trường, sức khỏe có thể gửi đề xuất đến trạm Y tế/phòng TBQT để xây dựng kế hoạch, trình duyệt và triển khai thực hiện.

Hàng năm, trạm Y tế, Ban QLGD, Ban QLKTX, phòng CTCT&SV/TBQT chủ động đề xuất/thống kê kinh phí cho các hoạt động năm học (*môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận cho người có nhu cầu đặc biệt*). Căn cứ hoạt động tài chính của năm học trước, nguồn thu dự kiến của năm kế hoạch, các quy định hiện hành, phòng TC–KT tổng hợp, phân tích và cân đối để lập dự toán chi tiết trình Ban Giám hiệu và báo cáo Bộ GD&ĐT thống nhất và phê duyệt phân bổ kinh phí cho năm học. Tổng kinh phí đầu tư cho chăm sóc sức khỏe ban đầu trong 5 năm từ 2016 đến 10/2020 gần 1,88 tỷ, dao động từ 330 – 460 triệu/năm học, trung bình gần 376 triệu/năm học **[H7.07.03.01]**.

Kế hoạch thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường sức khỏe cho SV, CBVC, hoạt động khám chữa bệnh được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. Trạm Y tế; các ban QLGD/QLKTX; các phòng CTCT&SV/TBQT gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (*bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị*) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học.

Công tác thống kê số lượng thẻ khám, chữa bệnh được trạm Y tế thống kê tại các báo cáo tổng kết năm học (*trung bình trên 11 000 thẻ khám chữa bệnh/năm học*) để theo dõi, đánh giá nhu cầu của SV, CBVC toàn trường làm cơ sở để nâng cao chuyên môn, đạo đức

nghề nghiệp phục vụ tốt hơn đối với hoạt động ý tế, cải tiến môi trường và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trạm **[H7.07.03.01]**.

Các báo cáo tổng kết công tác năm học của Trạm Y tế, Ban QLGD, các phòng CTCT&SV/TBQT thông tin về các kết quả công tác năm học về cải tiến môi trường, chăm sóc sức khỏe, sự an toàn đối với người học, các vấn đề còn tồn tại được ghi nhận tại các báo cáo và được trao đổi/thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức toàn trường đối thoại giữa nhà trường, các đơn vị chức năng và CBVC làm cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, rà soát và kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, , cải thiện môi trường, sức khỏe, sự an toàn đối với người học, người có nhu cầu đặc biệt **[H7.07.03.01]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch tài chính năm học rõ ràng, minh bạch, thống nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng mục tiêu chiến lược và mục tiêu tự chủ tài chính;
- Công tác lấy ý kiến của CB, GV và người học được kịp thời để hoàn thiện hơn công tác tài chính của Nhà trường;
- Nguồn tài chính 5 năm trở lại đây ổn định, nguồn thu tăng dần theo năm học, và thường xuyên được đánh giá và cải tiến về quy chế và quy trình sử dụng tài chính;
- Hoạch định kế hoạch và quản lý tài chính được tổ chức chặt chẽ đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về: quy định của pháp luật về kế toán, tài chính, kiểm toán; hiệu quả của công tác tài chính; minh bạch và công khai;
- Chủ động lập kế hoạch nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm hiện tại đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và phục vụ người học;
- Thực hiện các kế hoạch đánh giá, quy định về bảo dưỡng, cải tiến cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị dạy và học, thiết bị đào tạo, thí nghiệm/thực hành, thiết bị công nghệ thông tin và nguồn học liệu phục vụ người học;
- Hạ tầng CNTT, mạng lưới công nghệ thông tin hiện đại và đồng bộ, thư viện số hiện đại, có khả năng kết nối và chia sẻ thông tin;
- Kiến trúc tổng thể của trường Đại học điện tử đã được vận hành từ năm 2021

đảm bảo tính tổng thể, thống nhất, kế thừa và mở rộng phục vụ công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Nhà trường và phục vụ người học;

- Chủ động lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng nhu cầu của người học;
- Các chế độ chính sách xã hội liên quan đến người học được thực hiện theo kế hoạch và có hiệu quả; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao thu hút được đông đảo người học tham gia;
- Người học được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường; được quan tâm chăm sóc về sức khỏe khám chữa bệnh; công tác tuyên truyền về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe cho người học luôn được chú trọng; quy chế học tập, quy chế rèn luyện và phòng chống các tệ nạn xã hội được triển khai đến người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài tại thư viện chưa thực sự phong phú về chủng loại; công tác khảo sát chất lượng phục vụ thư viện chưa được đều đặn;
- Văn bản phổ biến quy định, quy chế an toàn, an ninh cho toàn thể cán bộ và SV trong trường còn hạn chế; hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được đầu tư nhưng chưa được cấp chứng chỉ an toàn của đơn vị chức năng có thẩm quyền;
- Chưa đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đất được giao đối với cơ sở giáo dục đại học về: diện tích KTX trên 25% tổng số SV đào tạo tập trung với mục tiêu 6m²/SV; diện tích phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên tối thiểu 15m²/người;
- Trang thiết bị thực hành, thí nghiệm được đầu tư chưa đồng bộ và hiện đại.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Tăng cường nguồn lực đầu tư hệ thống thư viện số và tăng cường cơ sở dữ liệu, nguồn học liệu phục vụ bạn đọc và các tài liệu giảng dạy online và dạy học trực tuyến. Lập kế hoạch ngắn hạn và trung hạn quy hoạch tổng thể hệ thống an toàn phòng	P.TBQT; P.TC-KT	2020

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		cháy chữa cháy toàn trường để có kế hoạch thực hiện, bố trí nguồn/tìm kiếm nguồn đầu tư theo giai đoạn. Mở rộng cơ sở đào tạo của trường để đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đối với cơ sở giáo dục đại học và diện tích đất đáp ứng cho nhu cầu SV nội trú. Thúc đẩy dự án trung hạn đầu tư và xây dựng tòa nhà điều hành đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đối với cơ sở giáo dục đại học. Tìm kiếm các nguồn lực trung hạn và dài hạn đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại và đồng bộ.		

Đánh giá chung

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>5.4</i>
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	6
Tiêu chí 7.3	6
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và ngành giáo dục đào tạo nói riêng, hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ chiến lược được Nhà trường xác định từ sớm và được thể hiện rõ trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và tiếp tục được khẳng định trong dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 **[H8.08.01.01; H8.08.01.02]**. Để triển khai các hoạt động đối ngoại, ngay từ giữa những năm 90, Nhà trường đã thành lập Phòng Đối ngoại như một đơn vị tham mưu chuyên trách về công tác đối ngoại của Trường **[H8.08.01.03]**. Sau hơn 25 năm hoạt động, quan hệ của Trường với các đối tác trong nước và quốc tế ngày càng mở rộng. Do yêu cầu phải nâng tầm hoạt động đối ngoại cả về chiều rộng và chiều sâu để đáp ứng yêu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng, giữa năm 2019 Trường quyết định thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển (HTQT&NCPT) trên cơ sở sáp nhập Phòng Đối ngoại và Phòng Nghiên cứu phát triển (được thành lập năm 2017), với chức năng chính là tham mưu, đề xuất cho Lãnh đạo trường chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn; xây dựng, phát triển quan hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế để phối hợp, triển khai có hiệu quả các đề án, dự án, chương trình hợp tác tiềm năng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H8.08.01.04; H8.08.01.05]**.

Để cụ thể hóa các hoạt động trong công tác đối ngoại, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, trong đó có các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường. Các kế hoạch này được thể hiện trong Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại nhiệm kỳ 2013-2018 và kế hoạch hoạt động cho nhiệm kỳ 2018-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động giai đoạn 2018-2020 và phương hướng, kế hoạch giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&NCPT; các báo cáo tổng kết và phương hướng, kế hoạch hàng năm của Phòng HTQT&NCPT; các Báo cáo công tác HTQT/hội nhập quốc tế của Trường Đại học GTVT nộp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H8.08.01.06; H8.08.01.07; H8.08.01.08; H8.08.01.09]**.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển quan hệ đối ngoại, Nhà trường hàng năm xây

dựng kế hoạch đi công tác nước ngoài và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định **[H8.08.01.10]**. Trường cũng thành lập nhiều trung tâm hợp tác để tăng cường hoạt động đối ngoại, phát triển mạng lưới đối tác như: Trung tâm Hợp tác cơ sở hạ tầng giao thông Việt - Hàn, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt - Nhật, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt - Trung, Trung tâm nghiên cứu giao thông Việt - Đức **[H8.08.01.11; H8.08.01.12; H8.08.01.13; H8.08.01.14]**. Đặc biệt, Trường đã thành lập Trung tâm HTQT về Đào tạo và Nghiên cứu vào năm 2010, đến năm 2013 đổi tên thành Trung tâm Đào tạo quốc tế và năm 2016 đổi thành Khoa Đào tạo quốc tế với chức năng, nhiệm vụ xây dựng, triển khai, quản lý các chương trình đào tạo quốc tế; và quản lý sinh viên tham gia chương trình **[H8.08.01.15; H8.08.01.16]**.

Trường đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, trong đó quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và đặc biệt có sự phân công phân cấp cho các đơn vị trong toàn trường **[H8.08.01.17]**. Trước đó, Trường cũng đã ban hành Quy định về việc quản lý và sử dụng hộ chiếu công vụ, Quy chế quản lý người nước ngoài đến trường học tập, Thông báo về việc báo cáo kết quả công tác nước ngoài của cán bộ, giảng viên **[H8.08.01.18; H8.08.01.19; H8.08.01.20]**.

Việc thành lập Khoa Đào tạo quốc tế và các trung tâm hợp tác; ban hành Quy chế quản lý hoạt động HTQT và các quy định liên quan đều được thực hiện theo đúng Chương trình phát triển hợp tác quốc tế trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008-2020 **[H8.08.01.01]**.

Các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nói riêng cũng như các thông tin về hoạt động hợp tác đối ngoại nói chung được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, sinh viên qua nhiều hình thức: Báo cáo tổng kết công tác năm học của Trường tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm, qua hệ thống văn phòng điện tử, trang thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh của Trường, trang thông tin điện tử của Phòng HTQT&NCPT, trong cuốn giới thiệu về Trường và qua thư điện tử **[H8.08.01.21; H8.08.01.22; H8.08.01.23; H8.08.01.24; H8.08.01.25; H8.08.01.26; H8.08.01.27]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Với sự quan tâm và định hướng sát sao trong chủ trương, chiến lược phát triển

của Ban Giám hiệu Nhà trường, Trường Đại học GTVT đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong nước và ngoài nước.

Căn cứ các kế hoạch dài hạn, trung hạn, kế hoạch nhiệm vụ hàng năm về công tác đối ngoại [**H8.08.01.06; H8.08.01.07; H8.08.01.08; H8.08.01.09**], từ năm 2016 đến 2020, Trường đã ký kết văn bản hợp tác với gần 70 đối tác nước ngoài và 29 đối tác trong nước nhằm triển khai hoạt động hợp tác trên nhiều lĩnh vực như: hợp tác đào tạo; trao đổi giảng viên và sinh viên; trao đổi học thuật; tổ chức hội thảo khoa học; phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ [**H8.08.02.01; H8.08.02.02**]. Trường cũng tăng cường tham gia nhiều tổ chức và mạng lưới quốc tế như Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF); Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á-châu Âu (ASEA-UNINET); Hiệp hội nghiên cứu giao thông Đông Á (EASTS), Hiệp hội các trường đại học châu Á-Thái Bình Dương UMAP, Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN), Hiệp hội các trường đại học trong tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng GMS, Hiệp hội Quốc tế các trường Đại học giao thông Châu Á-Thái Bình Dương - IATU APC [**H8.08.02.03**].

Các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Trường với các đối tác trong và ngoài nước đã được triển khai hiệu quả, mang lại lợi ích cho Nhà trường trên nhiều lĩnh vực hợp tác, cụ thể như sau:

Về hợp tác đào tạo: Hiện nay, Trường có 05 chương trình liên kết bậc đại học và thạc sĩ phối hợp với các trường đại học uy tín đến từ Đức, Pháp, Anh bao gồm Chương trình thạc sĩ ngành Kỹ thuật hệ thống đường sắt (liên kết với trường Đại học THKT Dresden, CHLB Đức do Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức (DAAD) tài trợ; Chương trình dự bị thạc sĩ ngành xây dựng – vật liệu – cơ học (liên kết với trường INSA Rennes hoặc Đại học Toulon – Pháp); Chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng với Trường ĐH Bedfordshire – VQ Anh; Chương trình tiên tiến – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (phối hợp với trường Đại học Leeds, VQ Anh); Chương trình Liên kết Quốc tế ngành Quản trị kinh doanh với Trường Đại học EM Normandie (CH.Pháp) [**H8.08.02.04**].

Ngoài ra, Nhà trường cũng phối hợp với các trường đại học, tổ chức quốc tế tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo ngoại ngữ, chuyên môn và kỹ năng làm việc trong môi trường nước ngoài cho sinh viên, mỗi năm thu hút đông đảo sinh viên tham dự [**H8.08.02.05**].

Nhà trường cũng thực hiện tốt việc đào tạo cho nước bạn Lào và Campuchia: từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, số lượng sinh viên Lào và Campuchia đến Trường học đại học, cao học và nghiên cứu sinh tăng dần **[H8.08.02.06]**. Hiện tại đang có hơn 80 sinh viên học tập tại Trường **[H8.08.02.07]**.

Về trao đổi giảng viên, sinh viên và các chương trình tham quan khảo sát: Thông qua các thỏa thuận hợp tác và mạng lưới HTQT của Trường, hàng năm, nhiều lượt cán bộ, giảng viên đã được cử đi tham quan, thỉnh giảng, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, các viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến **[H8.08.02.08]**. Nhiều giảng viên được cấp học bổng toàn phần để theo học các khóa học thạc sĩ và tiến sĩ tại các trường đại học đối tác **[H8.08.02.09]**.

Nhiều giảng viên, chuyên gia nước ngoài cũng đã đến trường giảng dạy cho các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ hoặc tổ chức bài giảng, hội thảo trao đổi chuyên môn với các GV của Trường **[H8.08.02.10]**.

Hoạt động trao đổi sinh viên có nhiều bước tiến vượt bậc trong những năm qua. Số lượng sinh viên đi/đến dù còn khiêm tốn nhưng cũng tăng đáng kể so với thời gian trước. Nhiều đoàn sinh viên quốc tế đã đến tham quan và tham gia trao đổi sinh viên với sinh viên của Trường **[H8.08.02.11; H8.08.02.12]**. Hoạt động trao đổi sinh viên đã nhận được nhiều ý kiến phản hồi tích cực từ các sinh viên tham gia chương trình **[H8.08.02.13]**.

Về tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật: Trường Đại học GTVT đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị,...với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Từ năm 2016 đến tháng 12/2020, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác trong nước và nước ngoài tổ chức hơn 50 hội nghị, hội thảo **[H8.08.02.14]**.

Về hợp tác thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu: Trong 5 năm vừa qua, nhiều dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu đã và đang được triển khai thực hiện, góp phần đẩy mạnh công tác phục vụ cộng đồng và nâng cao nguồn lực cho Trường **[H8.08.02.15]**.

Các thành quả nói trên được nêu rõ trong các báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại hàng năm, báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại theo giai đoạn, trong đó có nêu rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại để có phương hướng, kế hoạch hoạt động cho giai đoạn tiếp theo **[H8.08.01.06; H8.08.01.07; H8.08.01.08; H8.08.01.09]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Xác định tầm quan trọng của công tác rà soát, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác đối ngoại đối với việc lập kế hoạch hoạt động và mở rộng mạng lưới hợp tác phù hợp với từng giai đoạn; trước khi ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế vào tháng 9 năm 2020 trong đó chính thức quy định việc rà soát, đánh giá hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, đưa ra các tiêu chí đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế; việc rà soát, đánh giá vẫn thường xuyên được thực hiện thông qua nhiều hình thức như các Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại do Phòng HTQT&NCPT chuẩn bị và báo cáo tổng kết năm học của Trường; thống kê các văn bản hợp tác ký kết với các đối tác trong và ngoài nước; lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, người học và các bên liên quan khác để hoạt động hợp tác không mang tính hình thức mà đi vào hoạt động cụ thể [**H8.08.01.17; H8.08.01.08; H8.08.01.21; H8.08.02.01; H8.08.02.02; H8.08.03.01**]. Đặc biệt, Trường thường xuyên lấy ý kiến của các sinh viên tham gia các chương trình trao đổi để điều chỉnh hình thức/nội dung, quy trình, thủ tục,... nhằm nâng cao chất lượng chương trình, góp phần phát triển quan hệ hợp tác giữa Trường với các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế [H8.08.02.13]. Trường cũng yêu cầu các đoàn/cá nhân đi công tác, học tập, thực tập, trao đổi ở nước ngoài nộp báo cáo kết quả công tác, trong đó nêu rõ các nội dung đã thực hiện và đề xuất hợp tác (nếu có) [**H8.08.03.02**]. Các báo cáo này là một trong những căn cứ để Trường rà soát hoạt động hợp tác, xem xét điều chỉnh hình thức hợp tác phù hợp và xây dựng kế hoạch hợp tác cho giai đoạn tiếp theo. Ngoài ra, định kỳ hàng tháng, hoạt động đối ngoại của Trường cũng được báo cáo và được góp ý tại các hội nghị công tác tháng [**H8.08.03.03**].

Kết quả rà soát, đánh giá được phân tích, nhận diện các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để cải thiện, đổi mới hoạt động hợp tác. Chẳng hạn như trong tổng kết năm học 2015-2016, nhận thấy xu thế đầu tư mạnh mẽ của các đối tác Nhật Bản vào thị trường Việt Nam, phòng Đối ngoại đã tham mưu cho Nhà trường cần tăng cường hợp tác với các trường đại học, cơ quan, doanh nghiệp Nhật Bản về tổ chức hội thảo, tổ chức khóa đào tạo quốc tế, phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học,... trong năm học 2016-2017 [**H8.08.01.08**]. Kết quả là Trường đã ký kết mới 08 văn bản hợp tác với các đối tác Nhật Bản, phối hợp tổ chức được 03 hội thảo quốc tế lớn, 03 khóa đào tạo ngắn hạn, thu hút nhiều nhà quản lý, nhà khoa học trong và ngoài nước

tham dự; tiếp nhận 01 đoàn gồm gần 40 sinh viên Nhật Bản đến trường trao đổi; trao học bổng cho sinh viên,...

Trong quá trình thực hiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác đối ngoại như Quy định về việc quản lý và sử dụng hộ chiếu công vụ, Quy chế quản lý người nước ngoài đến trường học tập, Thông báo về việc báo cáo kết quả công tác nước ngoài của cán bộ, giảng viên; Nhà trường thường xuyên cập nhật các quy định của Nhà nước về hoạt động đối ngoại và tính đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động quan hệ đối ngoại, cũng như lắng nghe ý kiến tham mưu của các cá nhân, đơn vị trong trường để có thay đổi phù hợp [H8.08.01.18; H8.08.01.19; H8.08.01.20]. Chẳng hạn như việc xây dựng và ban hành Quy chế quản lý hoạt động HTQT của Trường được xây dựng căn cứ vào quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động đối ngoại và trên cơ sở yêu cầu thực tế của Trường là vừa thúc đẩy hoạt động HTQT được thực hiện ngày càng chuyên nghiệp vừa đảm bảo hoạt động HTQT được triển khai thực hiện theo đúng quy định [H8.08.01.17; H8.08.03.04]. Sau khi ban hành, các văn bản được phổ biến đến toàn bộ cán bộ, viên chức thông qua văn phòng điện tử của Trường] và qua email [H8.08.03.05; H8.08.01.27].

Nhà trường cũng định kỳ nộp báo cáo công tác hội nhập quốc tế của Trường đến Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo công văn yêu cầu để kịp thời nhận chỉ đạo cấp trên đối với công tác HTQT [H8.08.01.09].

Nhờ vậy, trong vòng 5 năm qua, hoạt động đối ngoại của Trường không ngừng được củng cố và phát triển, không vi phạm các qui định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Theo chiến lược phát triển Trường đã được ban hành, để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã thực hiện cải thiện các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H8.08.01.01]. Qua thống kê kết quả hoạt động từng năm học trong giai đoạn 2016-2020, có thể nhận thấy, các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường được phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu. Nhiều hình thức và nội dung hợp tác mới được xây dựng và triển khai đáp ứng tình hình thực tế, đặc biệt ứng phó linh hoạt với ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

Với sự quan tâm của Nhà trường, nhiều hoạt động đối ngoại đã được cải thiện đáng kể: Số lượng các văn bản hợp tác tăng dần qua các năm (Bảng 8.4.1) [H8.08.02.01; H8.08.02.02]; nhiều hội thảo đã được tổ chức [H8.08.02.14]; số lượng các bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế cũng tăng lên nhiều (Bảng 8.4.2); một số chương trình đào tạo liên kết mới được xây dựng, đặc biệt là các chương trình đào tạo trong lĩnh vực kinh tế góp phần thực hiện mục tiêu trở thành trường đại học đa ngành của Trường [H8.08.04.01]; nhiều đoàn cán bộ Lãnh đạo Trường đi thăm và làm việc với các đối tác nước ngoài được tổ chức để học tập kinh nghiệm quản lý và quản trị trường đại học theo xu hướng tự chủ cũng như tăng cường hoạt động hợp tác [H8.08.04.02]; số lượng các đoàn công tác tới làm việc với Trường duy trì ở mức cao [H8.08.04.03]; đặc biệt số lượng sinh viên trao đổi tăng lên đáng kể cho đến thời điểm bắt đầu xuất hiện dịch Covid-19 [H8.08.02.11; H8.08.02.12]. Các thống kê cho thấy ngoài sinh viên Lào và Campuchia đến Trường học tập dài hạn theo diện hiệp định thì nhiều sinh viên quốc tế đến từ các nước khác (Đức, Pháp, Nhật Bản, ...) đã đến Trường học tập, thực tập ngắn hạn thông qua các chương trình trao đổi ký kết giữa Trường với đối tác nước ngoài; góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường và thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn cũng như mục tiêu phát triển của Trường.

**Bảng 8.4.1. Số lượng Thỏa thuận hợp tác được ký kết từ
năm học 2015-2016 đến tháng 10/2020**

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020 (tính đến T10/2020)
Số lượng	6	18	28	34	19

**Bảng 8.4.2. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Trường được đăng
trên các tạp chí quốc tế trong 5 năm gần đây**

Tạp chí khoa học quốc tế	Số lượng				
	2016	2017	2018	2019	2020
Danh mục ISI	28	45	43	59	79
Danh mục Scopus	7	24	18	79	79
Khác	14	37	44	88	80
Tổng số	49	106	105	226	238

Bên cạnh đó, trong 5 năm vừa qua, việc tăng cường tham gia các tổ chức và mạng lưới quốc tế giúp Trường mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác mới ở các nước châu Âu, tạo cơ hội cho Trường xây dựng và phối hợp xây dựng thành công nhiều chương trình, dự án quốc tế (điển hình là các dự án Erasmus+) **[H8.08.02.03; H8.08.04.04]**. Các chương trình, dự án quốc tế này mang lại nhiều lợi ích cho cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường nói riêng và cho sự phát triển của Trường nói chung. Đồng thời, Nhà trường khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động xây dựng mối quan hệ hợp tác với các đối tác thông qua các chuyến công tác hoặc học tập ở nước ngoài. Sau mỗi chuyến công tác, cán bộ báo cáo kết quả công tác và đề xuất hướng hợp tác mới **[H8.08.03.02]**.

Căn cứ vào các thay đổi theo xu hướng của xã hội, với mỗi giai đoạn cụ thể, Nhà trường có chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Trong những năm gần đây, khi các doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam, Trường có chính sách đẩy mạnh hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm phát triển các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội học tập, thực hành và việc làm sau khi ra trường **[H8.08.04.05; H8.08.04.06]**. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, việc triển khai các hoạt động hợp tác với các đối tác ở nước ngoài gặp khó khăn, Trường đẩy mạnh hoạt động hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đối tác trong nước, trong đó có các công ty nước ngoài ở Việt Nam **[H8.08.04.07]**. Các hoạt động đối ngoại của Trường đều được đăng trên trang thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh của Trường một cách đầy đủ và cập nhật **[H8.08. 01.23; H8.08.01.24]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Công tác đối ngoại luôn được Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện tập trung phát triển và được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược.

Nhà trường có văn bản để quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hiệu quả công tác đối ngoại trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa cao.

Số lượng các biên bản hợp tác được cụ thể hóa bằng các chương trình, hành động cụ thể còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chính sách cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân liên kết với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao, hợp tác công bố các ấn phẩm quốc tế	Phòng KHCN	Từ tháng 01/2021 đến tháng 06/2021
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác đã ký văn bản hợp tác	Phòng HTQT&NCPT	Tháng 02/2021
		Xây dựng và triển khai các biện pháp để cải thiện quan hệ với các đối tác, đưa các biên bản đã ký kết vào triển khai thực tiễn	Phòng HTQT&NCPT	Từ tháng 01/2021 đến tháng 06/2021

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5.5
Tiêu chuẩn 8.1	6.0
Tiêu chuẩn 8.2	6.0
Tiêu chuẩn 8.3	5.0
Tiêu chuẩn 8.4	5.0

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm giải trình của hệ thống BDCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BDCL của CSGD.

Sau khi kiểm định chất lượng giáo dục Trường lần 1 vào năm 2009, nhận thức được tầm vai trò của công tác BDCL bên trong, Nhà trường đã thành lập Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo vào năm 2012 với 5 cán bộ (1 trưởng phòng và 4 chuyên viên) được luân chuyển từ các đơn vị trong trường, cho đến năm 2020 Phòng đã phát triển về đội ngũ là 10 CB(bao gồm cả lãnh đạo và chuyên viên, trong đó có 2PGS, 1TS, 7Ths) **[H9.9.1.1]**, với chức năng tham mưu cho BGH các công tác liên quan đến Khảo thí và công tác BDCL một cách hiệu quả và liên tục đáp ứng Sứ mạng và Mục tiêu của Nhà trường đã đề ra. Sau khi được thành lập Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng KT&BDCLĐT là đơn vị đầu mối chủ trì các công tác liên quan BDCL **[H9.9.1.2]**, ngay sau khi thành lập để triển khai công tác BDCL đạt hiệu quả Nhà trường đã cử 3 cán bộ tham gia lớp tập huấn công tác về đảm bảo và KĐCKGD tại ĐHQG HN **[H9.9.1.3]**, các cán bộ tham gia đều được cấp chứng chỉ kiểm định viên **[H9.9.1.4]**. Trong mỗi đầu năm học phòng KT&BDCLĐT đều xây dựng kế hoạch BDCL hàng năm báo cáo lãnh đạo Nhà trường để triển khai trong toàn trường **[H9.9.1.5 Kế hoạch BDCL hàng năm]**, kết quả của công tác BDCL đó chính là báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, thông qua kết quả này Nhà trường nhận thấy được các điểm mạnh, điểm tồn tại và từ đó xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại **[H9.9.1.6 báo cáo giao ban cuộc họp]**. Hệ thống BDCL bên trong của Nhà trường được xây dựng thành một hệ thống xuyên suốt, đảm bảo phù hợp với Sứ mạng Nhà trường đã đề ra, trong đó Phòng KT&BDCL là đơn vị tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường, phòng KT&BDCLĐT đã ban hành Quy trình tự đánh giá các CTĐT của Trường ĐHGTVT **[H9.9.1.7 số 2267 ngày 30/3/2019]** sau khi có quyết định đã triển khai các hoạt động về công tác BDCL từ Lãnh đạo trường tới các Khoa, phòng ban chức năng. Để hoạt động BDCL được triển khai một cách nhanh chóng thì mỗi đơn vị từ cấp Khoa/ phòng ban chức năng đã triển khai xây dựng bảng khảo sát hệ thống BDCL CTĐT **[H9.9.1.8 Bảng khảo sát hệ thống BDCL CTĐT]** và cử lãnh đạo, cán bộ của đơn vị tham gia mạng lưới BDCL **[H9.9.1.8 QĐ thành lập mạng lưới BDCL]**

- Lãnh đạo Nhà trường: Có 1 Phó hiệu trưởng phụ trách
- Các Khoa/ Phòng ban chức năng: có 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên

- Phòng KT&BDCLĐT là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động

Sơ đồ vận hành hệ thống BDCL bên trong



Toàn thể thành viên của mạng lưới BDCL đều được tham gia công tác tập huấn công tác BDCL do Nhà trường tổ chức mà đầu mối tập huấn là Phòng Khảo thí và BDCLĐT [H9.9.1.9 kế hoạch tập huấn BDCL], qua công tác tập huấn Phòng KT&BDCLĐT đã truyền tải các bộ tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá để từ đó giúp các đơn vị có cái nhìn tổng quan về công tác BDCL của từng đơn vị. Thông qua công tác tập huấn đã giúp cho các đơn vị triển khai công tác tự đánh giá CLGD Trường/ CLDG với các CTĐT do từng đơn vị/ Khoa phụ trách.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về BDCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác BDCL và tập huấn nâng cao năng lực để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BDCL của CSGD

Để BDCL một cách có hệ thống và toàn diện, Nhà trường đã đề ra 6 mục tiêu với các chỉ tiêu/ nội dung công việc cụ thể trong việc triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường [H9.9.2.1 TB 193 ngày 4/3/2019] đó là:

- *Mục tiêu 1: Trở thành trường đại học tự chủ với mô hình quản trị tiên tiến, hệ thống và phương thức quản lý chuyên nghiệp đạt tới mô hình đại học thông minh.*

- Mục tiêu 2: Chuẩn hóa hoạt động đào tạo theo chuẩn quốc gia và quốc tế. Đa dạng hóa ngành nghề, phương thức và loại hình đào tạo đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đảm bảo cung cấp năng lực và phẩm chất cần thiết cho người học để thích ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường lao động.

- Mục tiêu 3: Khẳng định vai trò tiên phong, vị thế hàng đầu Việt Nam về khoa học công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải nhằm phục vụ công cuộc công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước. Phát triển các trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh, uy tín trong khu vực và trên thế giới: có năng lực thương mại hóa tri thức và chuyển giao công nghệ, có khả năng thu hút hợp tác tài trợ, đầu tư của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng đội ngũ, viên chức theo yêu cầu hội nhập quốc tế. Tăng cường và hiện đại hóa cơ sở vật chất ngang tầm Châu Á. Phát triển các nguồn lực tài chính theo hướng đa dạng hóa và bền vững.

- Mục tiêu 5: Kiến tạo môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ, sáng tạo; đem lại sự hài lòng cho người lao động, người học cũng như các bên liên quan; chú trọng hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo nên niềm tự hào, bản sắc riêng và uy tín thương hiệu của trường ĐH GTVT.

- Mục tiêu 6: Coi trọng thúc đẩy hợp tác, hội nhập là chìa khóa quan trọng trong chiến lược phát triển của Nhà trường; Chủ động tích cực tham gia các mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế; khai thác hiệu quả cơ hội hợp tác với các đối tác, tổ chức uy tín nhằm nâng cao vị thế của Nhà trường.

Phòng KT& BDCLĐT là đơn vị đầu mối trong công tác BDCL, các kế hoạch hàng năm được phòng đề ra theo kế hoạch năm học **[H9.9.2.3 kế hoạch BDCL hàng năm]**, Năm 2019 Nhà trường triển khai xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn đến năm 2025 có nói rõ vấn đề BDCL

- Tiến hành công tác tự đánh giá đối với tất cả các CTĐT
- Tiến hành đánh giá CTĐT theo AUN, Nhà trường đã đăng ký thành công là thành viên của AUN, trong giai đoạn 2020- 2025 sẽ tiến hành đánh giá tối thiểu 03 CTĐT theo AUN **[H9.9.2.4 đăng ký thành viên AUN]**
- Thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường. **[H9.9.2.5 thông báo và kết quả lấy ý kiến các bên liên quan]**
- Xây dựng và ban hành quy trình về công tác khảo thí

- Xây dựng chính sách, Quy trình về công tác BDCL

Phòng khảo thí và BDCLĐT chủ động đề xuất với Nhà trường tăng cường công tác cử CB đi tập huấn các khóa về BDCL ở ngoài nước và trong nước do ĐHQG và Bộ GDĐT tổ chức như:

- Nâng cao năng lực quản trị Đại học đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 23/3/2019 đối với các cá nhân thực hiện nhiệm vụ BDCL **[H9.9.2.6 cử CB đi công tác] [H9.9.2.7 chứng chỉ tập huấn]**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về BDCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Kế hoạch về BDCL của Nhà trường được giao trực tiếp cho đơn vị đầu mối là Phòng KT& BDCLĐT thông qua các kế hoạch năm học, vào đầu mỗi năm học P. KT&BDCLĐT xây dựng kế hoạch BDCL và báo cáo lãnh đạo Nhà trường phê duyệt để triển khai **[H9.9.3.1 kế hoạch BDCL hàng năm]**, bản kế hoạch chú trọng bám vào mục tiêu của Nhà trường đã đề ra và đáp ứng toàn bộ các hoạt động về BDCL, mỗi đơn vị trong toàn trường đều có nhiệm vụ được phân công cụ thể, vào từng thời điểm cụ thể sẽ triển khai theo các nội dung đã xây dựng và thông qua công tác họp giao ban hàng tháng Nhà trường sẽ phổ biến quán triệt đến từng đơn vị có liên quan **[H9.9.3.2 KL họp giao ban tháng]**, định kỳ hàng tháng Phòng KT&BDCLĐT sẽ báo cáo với Nhà trường về các công tác thực hiện thông qua báo cáo tháng **[H9.9.3.3 báo cáo tháng của Phòng]** thông qua báo cáo tháng những vướng mắc tồn tại chưa giải quyết được sẽ được tập thể lãnh đạo Nhà trường cho ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Với nhiệm vụ đầu mối của mình Phòng KT&BDCLĐT đã tập hợp các văn bản liên quan đến công tác BDCL để đăng tải trên website để toàn thể CB, GV trong toàn trường được tham khảo, xây dựng bảng khảo sát hệ thống BDCL đối với CTĐT, bảng khảo sát được chuyển đến từng đơn vị chức năng trong toàn trường để tổng hợp, phân tích các minh chứng của mỗi đơn vị, bảng khảo sát này được coi là sổ tay về công tác BDCL đối với mỗi đơn vị thực hiện các hoạt động của mình một cách bài bản và thống nhất nhằm nâng cao chất lượng toàn trường **[H9.9.3.4 bảng khảo sát MC]**.

Xác định công tác BDCL là phải liên tục, đơn vị đầu mối là Phòng KT&BDCLĐT luôn tham mưu cho Nhà trường công tác rà soát, kiểm tra cải tiến các hoạt động thông

qua công tác lấy ý kiến phản hồi về các mặt hoạt động của Nhà trường **[H9.9.3.5 TB, kết quả khảo sát về các mặt hoạt động của Nhà trường]** đây được coi là cơ sở để Nhà trường làm căn cứ triển khai. Ngoài ra Phòng KT&BDCLĐT còn phối hợp với TTKĐGD- ĐHQGHN tổ chức triển khai khóa tập huấn về công tác TĐG CLGD Trường theo bộ tiêu chuẩn đã được ban hành **[H9.9.3.6 kế hoạch tập huấn TĐG Trường 2020]**.

Nhờ có kế hoạch BDCL được xây dựng mà trong giai đoạn 2016-2020 Nhà trường đã có những kết quả:

- Có 05 CB phụ trách về BDCL của Nhà trường được cấp chứng chỉ
- Tiến hành kiểm định thành công 05 CTĐT của Nhà trường
- Đăng ký thành công là thành viên mạng lưới AUN
- Triển khai thành công công tác TĐG CLGD Trường lần 2 năm 2020, tiến hành ĐGN vào năm 2021.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Với nhiệm vụ là đơn vị đầu mối trong công tác BDCL, các thông tin và văn bản liên quan đến công tác BDCL đều được đăng tải trên website của phòng: <http://khaothi.utc.edu.vn>:

- Các thông báo về lấy ý kiến các bên liên quan **[H9.9.4.1 các TB về khảo sát]**
- Các văn bản về công tác TĐG, ĐGN **[H9.9.4.2 các văn bản về BDCL]**
- Các kết quả về công tác BDCL, hội nghị tập huấn công tác BDCL **[H9.9.4.3 văn bản đăng trên website phòng]**

Đây là nguồn cung cấp thông tin về BDCL của Nhà trường một cách có hiệu quả giúp cho các đội ngũ thực hiện công tác BDCL của các đơn vị dễ dàng tiếp cận và thực hiện.

Mặt khác công tác BDCL của Nhà trường hàng năm đều được thể hiện trong công tác báo cáo 3 công khai để gửi Bộ GDĐT và đăng tải trên website: utc.edu.vn **[H9.9.4.4 BC 3 công khai và bản chụp màn hình]**. Toàn bộ các văn bản của Nhà trường đều được lưu trữ trên hệ thống vanphongdientu.utc.edu.vn. **[H9.9.4.5 QĐ sử dụng VPĐT]**. Hệ thống CSDL về CB, GV cũng được lưu trữ tại đây.

Công tác quản lý CSDL về NCKH cũng được xây dựng trên website **[H9.9.4.6 CSDL của Phòng KH trên VPĐT]**

CSDL về người học được quản lý trên phần mềm quản lý đào tạo: qltd.utc.edu.vn và cổng thông tin đào tạo isu.utc.edu.vn **[H9.9.4.7 ảnh chụp trang web]**, nhằm phục vụ công tác thông tin tới người học một cách nhanh chóng và đảm bảo.

Tháng 12/2020 Nhà trường triển khai công tác tập huấn cho toàn thể CB, GV trong toàn trường về công tác quản lý hành chính quản trị điều hành bằng hệ thống <http://usmart.utc.edu.vn> nhằm hướng tới năm 2021 toàn bộ các công tác quản lý của Nhà trường sẽ triển khai trên phần mềm quản trị thông minh, đáp ứng công tác nâng cao chất lượng toàn trường **[H9.9.4.8 tập huấn công tác quản lý hành chính 11/2020]**. Trong công tác quản lý lưu trữ của Nhà trường hàng năm đều được lấy ý kiến các bên liên quan và đều được đánh giá tốt **[H9.9.4.9 KQ lấy ý kiến]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác BDCL của CSGD.

Để công tác BDCL trong mọi hoạt động của Nhà trường được luôn được tiến hành một cách bài bản và thống nhất, Nhà trường đã chỉ đạo toàn thể các đơn vị thông qua các cuộc họp giao ban tháng, các hội nghị tổng kết của Nhà trường **[H9.9.5.1 KL họp giao ban, tổng kết năm học]**. Thông qua ý kiến chỉ đạo của Nhà trường các đơn vị xây dựng ra các văn bản đối với từng công tác nhiệm vụ cụ thể theo từng tháng và báo cáo với lãnh đạo Nhà trường **[H9.9.5.2 báo cáo công tác tháng của các đơn vị]**, đối với các Phòng NCPT, TCCB, KHCN, TCKT, CTCTSV, KT&BDCLĐT đều phải xây dựng các văn bản chỉ đạo các nhiệm vụ đối với toàn thể CB, GV trong toàn trường như sau:

- Phòng NCPT xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường **[H9.9.5.3]**
- Phòng KHCN xây dựng Quy định về giờ chuẩn, giờ NCKH của GV, **[H9.9.5.4]**
- Phòng TCCB xây dựng Quy định về mức độ hoàn thành nhiệm vụ **[H9.9.5.5]**
- Phòng CTCTSV xây dựng Quy định về công tác khen thưởng/ Kỷ luật **[H9.9.5.6]**
- Phòng TCKT xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ **[H9.9.5.7]**

- Phòng KT&BDCLĐT xây dựng quy định về công tác Khảo thí, công tác BDCL **[H9.9.5.8]**

Đối với mỗi văn bản chỉ đạo, Quy định trên đều mang tinh chất BDCL và phục vụ cho sự phát triển liên tục của Nhà trường đều có sự tham gia góp ý thông qua việc khảo sát các bên liên quan đối với mọi mặt hoạt động của Nhà trường **[H9.9.5.9 kết quả khảo sát]**.

Đối với mỗi năm học Nhà trường đều có xây dựng các quy định, tiêu chí đánh giá về thi đua khen thưởng của năm học, căn cứ vào đó Nhà trường tổ chức đánh giá toàn thể CB, GV, CNV trong toàn trường **[H9.9.5.10 danh sách khen thưởng CB, GV hàng năm]**

Tự đánh giá mức đạt tiêu chí: 4

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chiến lược của cơ sở giáo dục.

Kể từ khi TT04/2016 và TT 12/2017 ra đời, kế hoạch xây dựng một hệ thống BDCL trong Trường ĐHGVT đã có những thay đổi đáng kể, song song với công tác hoàn thành TĐG và đánh giá ngoài thành công đối với 05 CTĐT của Nhà trường, phòng KT&BDCLĐT đã xây dựng kế hoạch về công tác BDCL trong giai đoạn tiếp theo 2018- 2023 **[H9.9.6.1 báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của phòng KT&BDCLĐT]**, trong kế hoạch đó có xây dựng trong giai đoạn 2018- 2023 Nhà trường sẽ tiến hành kiểm định CLGD Trường Lần 2 vào năm 2021, đánh giá CTĐT theo chuẩn AUN, các CTĐT của Nhà trường đều được tự đánh giá **[H9.9.6.2 các biên bản họp về BDCL]**, **[H9.9.6.3 biên bản cuộc họp về lựa chọn CTĐT đánh giá AUN]**, để hoàn thành được mục tiêu đã đề ra một kế hoạch đã được xây dựng đó là thành lập mạng lưới BDCL trong toàn trường mà thành viên là các lãnh đạo đơn vị và chuyên viên **[H9.9.6.4 thành lập mạng lưới BDCL]**, toàn bộ công tác BDCL được rà soát và thực hiện điều chỉnh tới toàn thể các đơn vị trong toàn trường thông qua công tác khảo sát hệ thống BDCL CTĐT **[H9.9.6.5 Bảng khảo sát hệ thống BDCL]** đây được coi như sổ tay BDCL giúp các đơn vị hoàn thiện hơn các hoạt động của mình nhằm ngày một nâng cao chất lượng. Thông qua công tác thực tiễn nhận thấy rằng công tác BDCL có hoàn thiện thì chất lượng mới được nâng cao Nhà trường đã xây dựng một bảng tổng hợp các giải pháp và kế hoạch triển khai ra soát điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà

trường chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018- 2025 tầm nhìn 2030 với tám mục tiêu cụ thể và từng giải pháp cụ thể [H9.9.6.6 **bảng tổng hợp giải pháp của UPM**]. Bảng kế hoạch này là kim chỉ nam cho toàn thể hoạt động của Nhà trường và được toàn thể CB, GV nhà trường đánh giá cao thông qua kết quả lấy ý kiến các bên liên quan [H9.9.6.7 **kết quả lấy ý kiến**]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung tiêu chuẩn 9

1. Các điểm mạnh:

- Nhà trường có hệ thống BĐCL được kết nối chặt chẽ từ tập thể Lãnh đạo Nhà trường tới trực tiếp các đơn vị.
- Có kế hoạch về chiến lược phát triển công tác BĐCL và được cụ thể bằng hành động.
- Có hệ thống quản lý, lưu trữ thông tin rõ ràng dễ truy cập đảm bảo có đầy đủ thông tin.
- Các chỉ số về công tác BĐCL được thiết lập, triển khai hợp lý, các chỉ số được công khai và xây dựng dựa trên phân tích năng lực của Nhà trường cả có tính khả thi.
- Quy trình lập kế hoạch luôn được cải tiến, xây dựng dựa trên các nhiệm vụ cụ thể.

2. Các điểm tồn tại

- Chưa có nhiều thành viên của mạng lưới được đào tạo bài bản và được cấp thẻ kiểm định viên.
- Chưa xây dựng được chiến lược phát triển riêng cho công tác BĐCL
- Chưa có cơ chế chính sách cho đội ngũ thực hiện công tác BĐCL
- Chưa ban hành được quy trình cho công tác TĐG, công tác BĐCL

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Nội dung	Đơn vị	Thời gian	Kết quả
	Có kế hoạch phát triển bồi dưỡng nâng cao về nhân sự và cơ chế chính sách cho đối tượng tham gia công tác BĐCL	P. TCCB, TCKT	2019	Mạng lưới BĐCL hoạt động một cách hiệu quả

	Xây dựng chiến lược và quy định cụ thể về công tác BĐCL			
	Ban hành quy trình cho công tác TĐG, công tác BĐCL			
	Xây dựng được chính sách cho đội ngũ thực hiện công tác BĐCL			

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 9	4.8
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Năm 2019 Nhà trường triển khai xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn đến năm 2025 có nói rõ vấn đề BDCL

- Tiến hành công tác tự đánh giá đối với tất cả các CTĐT
- Tiến hành đánh giá CTĐT theo AUN, Nhà trường đã đăng ký thành công là thành viên của AUN, trong giai đoạn 2020- 2025 sẽ tiến hành đánh giá tối thiểu 03 CTĐT theo AUN. Phòng Khảo thi và Đảm bảo chất lượng đào tạo là đơn vị đầu mối xây dựng các kế hoạch cho công tác Khảo thí, công tác đảm bảo chất lượng, các kế hoạch hàng năm về công tác BDCL đã được phòng xây dựng vào đầu mỗi năm học và được sự phê duyệt của BGH để triển khai tới các đơn vị liên quan trong toàn trường [H10.10.1.02]. Phòng KT&BDCLĐT là đã triển khai các kế hoạch, tập huấn các nội dung liên quan đến công tác BDCL tới các đơn vị liên quan, đồng thời cũng phân công cán bộ trong phòng làm nhiệm vụ hỗ trợ các đơn vị trong toàn trường giải đáp hướng dẫn về công tác BDCL [H10.10.1.03]. Sau khi hoàn thành đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục, căn cứ vào các khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác BDCL với 07 nhóm giải pháp với các thành viên và nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm [H10.10.1.05]. Song song với việc triển khai các hoạt động sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục tại cuộc họp giao ban tháng 4/2016 một trong các nhiệm vụ trọng tâm là triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng đối với 05 CTĐT [H10.10.1.06], từ đó Nhà trường triển khai công tác tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo theo thông tư 04/2016/TT-GDDT ngày 14/3/2016 [H10.10.1.07]. Xây dựng kế hoạch cho công tác tự đánh giá CTĐT được tiến hành ngay sau đó với việc thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác giúp việc cho hội đồng [H10.10.1.08], và đăng ký kế hoạch kiểm định đối với 05 CTĐT của Nhà trường: Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Kinh tế xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng chuyên sâu xây dựng công trình giao thông với trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia Hà nội, tháng 10-2016 Nhà trường đã gửi công văn tới trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- ĐHQGHN về việc nộp báo cáo đăng ký kiểm định chất lượng đối với 05 CTĐT [H10.10.1.09] Năm

học 2018- 2019 căn cứ vào kế hoạch BDCL năm học Nhà trường tiến hành thành lập mạng lưới BDCL [H10.10.1.10] và tiến hành tập huấn cho mạng lưới về công tác BDCL [H10.10.1.11], công tác đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN- QA cũng được nhà trường quan tâm và tiến hành thông báo xây dựng kế hoạch tự đánh giá và thành lập hội đồng tự đánh giá đối với 03 ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật ô tô, kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H10.10.1.12], vào tháng 2/2020 Nhà trường đã đăng ký thành công 03 CTĐT với tổ chức AUN [H10.10.1.13].

Do thay đổi về bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD và chuẩn bị cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục Trường lần thứ 2 vào năm 2021. Nhà Trường tiến hành cử cán bộ của phòng KT&BDCLĐT tham gia công tác tập huấn tại ĐH QGHN [H10.10.1.14 **cử Tuyến đi học về BDCL**], sau đó tiến hành công tác thành lập hội đồng, các nhóm công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, xây dựng kế hoạch tự đánh giá Trường ĐHGTVT giai đoạn 2016- 2020 và mời trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- ĐHQGHN tổ chức tập huấn công tác tự đánh giá theo TT12/2007/TT-BGDĐT [H10.10.1.15], [H10.10.1.16]. Nhà trường đã chọn Trung tâm kiểm định CLGD- ĐHQG HN là đơn vị thẩm định và đánh giá chất lượng giáo dục Trường, chất lượng các CTĐT của Nhà trường [H10.10.1.17], [H10.10.1.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 10.2 Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Trong báo cáo tổng kết năm học 2014- 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2015-2016 mục tiêu của Nhà trường đặt ra là hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục Trường [H10.10.2.01]

Năm học 2015- 2016 để chuẩn bị cho công tác đánh giá chất lượng giáo dục Trường, Nhà trường đã cử 04 cán bộ của Trường tham gia công tác tập huấn đào tạo kiểm định viên tại Trung tâm kiểm định CLGD ĐHQGHN trong đó có 02 lãnh đạo Nhà trường được cấp thẻ kiểm định viên do Bộ GDĐT cấp [H10.10.2.02], từ 2018- 2020 nhà trường tiếp tục cử cán bộ của Phòng KT&BDCLĐT tham gia lớp nghiệp vụ đào tạo kiểm định viên tại ĐHQGHN [H10.10.2.03], các hội thảo về nâng cao năng lực quản trị đại học và tất cả đều được cấp giấy chứng nhận do trung tâm kiểm định ĐHQG HN cấp [H10.10.2.04], sau khi hoàn thành khóa học những cán bộ này được phân công nhiệm vụ thực hiện các công việc có liên quan đến công tác BDCL, hỗ trợ

các đơn vị trong toàn trường giải đáp các thắc mắc có liên quan đến công tác BDCL, cán bộ được tập huấn đã triển khai xây dựng bảng khảo sát hệ thống BDCL CTĐT [H10.10.2.5], triển khai công tác tập huấn cho các thành thành viên của mạng lưới BDCL trong nhà trường [H10.10.2.6 **kế hoạch tập huấn mạng lưới**], tư vấn cho lãnh đạo Nhà trường ban hành quy trình tự đánh giá CTĐT của Nhà trường [H10.10.2.7 **số 2267 ngày 30/10/2019**] để từ đó các Khoa/ Ngành triển khai công tác TĐG chất lượng CTĐT do đơn vị mình quản lý.

Giai đoạn 2015- 2020 Nhà trường triển khai mạnh mẽ công tác BDCL, là cơ sở giáo dục đầu tiên trong cả nước hoàn thành đánh giá ngoài và được cấp giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục vào tháng 3-2016 do trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục ĐH QGHN cấp [H10.10.2.07] [H10.10.2.08].

Ngay sau khi Nhà trường được cấp giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục, nâng cao được ý thức về BDCL năm học 2016- 2017 Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá Chương trình đào tạo đối với 05 Chương trình đào tạo (Tương đương 30% số lượng Chương trình đào tạo của Nhà trường tại thời điểm đó) [H10.10.2.09], các thành viên hội đồng TĐG là Lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Khoa/Phòng ban và các cán bộ đã được đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục. Vào tháng 1- 2017 Nhà trường đã tiến hành đánh giá ngoài đối với 05 CTĐT bởi trung tâm kiểm định CLGD ĐHQGHN và cả 05 CTĐT của Nhà trường đều được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT [H10.10.2.010], [H10.10.2.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 10.3 Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Năm 2015 nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo CV462/KĐCLGD ngày 9/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H10.10.3.1], báo cáo TĐG chất lượng CTĐT theo TT04/2016 ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H10.10.3.2] thông qua công tác tự đánh giá đã giúp Trường ĐHGTVT rà soát một cách toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường, dựa trên các kết quả tự đánh giá và các khuyến cáo của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đối với kiểm định chất lượng giáo dục Trường và kiểm định chất lượng các CTĐT [H10.10.3.03], [H10.10.3.04] Nhà trường tập trung phân tích các điểm mạnh, điểm còn tồn tại của từng hoạt động từ đó có kế hoạch triển khai các nhóm giải pháp thực hiện cải tiến các điểm tồn tại

[H10.10.3.5], [H10.10.3.6]. Các điểm tồn tại được triển khai một các toàn diện:

Tiến hành khẩn trương rà soát và ban hành CDR của CTĐT [H10.10.3.7], thành lập ban chỉ đạo xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO [H10.10.3.8] và tiến hành tổ chức tập huấn, rà soát và triển khai xây dựng CTĐT theo hướng tiệm cận CDIO và mở thêm CTĐT mới [H10.10.3.9].

Bên cạnh điểm mạnh về KHCN đã ban hành được kế hoạch hoạt động về KHCN giai đoạn 2016- 2020 thì các điểm tồn tại cũng được tiến hành rà soát điều chỉnh thông qua báo cáo tổng kết về KHCN và phương hướng nhiệm vụ hàng năm, cùng với việc ban hành quy chế quản lý KHCN của Trường ĐHGTVT [H10.10.3.10] và qui đổi giờ chuẩn đổi với các hoạt động KHCN, sửa đổi bổ sung giờ chuẩn về NCKH [H10.10.3.11].

Hoạt động nâng cao cơ sở vật chất được tiến hành rà soát, nâng cấp và thay thế nhằm BDCL phục vụ công tác giảng dạy và NCKH với việc xây dựng khung kiến trúc ĐH thông minh đối với Trường ĐHGTVT [H10.10.3.12], nâng cấp phòng học trở thành phòng học thông minh [H10.10.3.13], nâng cấp trang thiết bị phòng học, nâng cấp hiện đại hóa thư viện cũng được chú trọng, xây dựng thư viện hiện đại, không gian mở rộng , nâng cấp khai thác nhằm phục vụ tốt hơn cho người học [H10.10.3.14]

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cũng được chú trọng đảm bảo sự phát triển của đội ngũ nhân viên và GV trong toàn trường: năm 2021 Nhà trường đã thực hiện công tác đóng góp ý kiến cho dự thảo quy chế dân chủ trong Nhà trường [H10.10.3.15 TB176 ngày 16/4/2021], tăng cường đào tạo bồi dưỡng viên chức của Nhà trường giai đoạn 2018- 2023 [H10.10.3.16 TB51B ngày 28/1/19], điều chỉnh các vị trí việc làm, triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm đảm bảo về cơ cấu, về tăng thêm các nguồn thu cho Nhà trường [H10.10.3.15], [H10.10.3.16].

Tất cả mọi hoạt động của Nhà trường đều được tham khảo ý kiến khảo sát các bên liên quan đặc biệt đối với Người học và CB, GV, NV đang học tập và làm việc tại Trường, đây là kênh thông tin quan trọng để giúp Nhà trường làm căn cứ để nâng cao chất lượng, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến người học tốt nghiệp và ý kiến của CB, GV, NV về mọi mặt hoạt động của Nhà trường [H10.10.3.17] thông qua hệ thống phiếu điện tử vanphongdientu.utc.edu.vn. Công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên được duy trì một cách thường xuyên theo từng học kỳ thông qua website: sis.utc.edu.vn [H10.10.3.18]. Tất cả các khảo sát đều được

trên 80% đối tượng tham gia trả lời và kết quả mức độ hài lòng của các đối tượng đối với mọi mặt hoạt động của Nhà trường đều năm sau cao hơn năm trước, các kết quả được báo cáo với BGH Nhà trường để làm căn cứ cải tiến chất lượng thông qua báo cáo tổng kết năm học của Phòng KT& BĐCLĐT [H10.10.3.19].

Năm 2019 Nhà trường đã xây dựng bảng tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát và điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 trong đó nêu rõ 8 mục tiêu quan trọng và các giải pháp của từng mục tiêu có thể hiện rõ các đơn vị/ cá nhân tham gia thực hiện [H10.10.3.20]

Các điểm tồn tại thông qua quá trình đánh giá ngoài đã được đoàn chuyên gia đánh giá ngoài nêu rõ đối với kiểm định CLGD Trường và kiểm định chất lượng các CTĐT của Nhà trường, căn cứ vào đó Nhà trường đã có những hành động cụ thể để cải tiến chất lượng: Triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường [H10.10.3.21 TB 193 ngày 04/3/19], xây dựng và ban hành quy trình tự đánh giá các CTĐT của Nhà trường [H10.10.3.22], thực hiện các công tác rà soát, cập nhật CTĐT, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH của Nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế [H10.10.3.23 TB 602 ngày 25/9/17, TB 78/2018, TB 362/2018]. Để đảm bảo hoàn thiện hệ thống BĐCL và khắc phục các điểm tồn tại thông qua các kỳ đánh giá ngoài của đoàn chuyên gia: Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập mạng lưới BĐCL [H10.10.3.24 QĐ mạng lưới BĐCL]. Để công tác BĐCL của Nhà trường ngày càng trở thành văn hóa, phòng KT&BĐCL đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác BĐCL, trong đó công tác tự đánh giá được xây dựng thành hoạt động cụ thể đó là mời chuyên gia về BĐCL tập huấn cho toàn thể mạng lưới BĐCL và sau nửa chu kỳ đánh giá các điểm tồn tại đã đa phần được khắc phục, các tiêu chí chưa đạt của đoàn chuyên gia ĐGN đã chỉ ra đều được khắc phục để đạt, sau nửa chu kỳ đánh giá trong báo cáo đánh giá gửi Bộ GDĐT, Trung tâm Kiểm định CLGD- ĐHQG HN đều được Nhà trường nghiêm túc triển khai đánh giá đạt [H10.10.3.25] [H10.10.3.26].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng mục tiêu chiến lược của CSGD.

Đối với công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường, Nhà trường thực hiện theo Công văn số 1668/ QLCL- KĐCLGD ngày 31/12/2019 kèm theo bảng hướng dẫn

đánh giá để thay thế cho bảng hướng dẫn đánh giá kèm theo công văn số 768/ QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018. Để tập trung cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường lần 2 vào năm 2021 và nhằm tuyên truyền, nâng cao văn hóa BDCL, nhằm xây dựng một hệ thống BDCL không chỉ nhằm phục vụ công tác kiểm định mà còn hướng tới sự liên tục tự rà soát, cải tiến chất lượng của Nhà trường: đó là thành lập mạng lưới BDCL bên trong mà nòng cốt là các lãnh đạo và chuyên viên từng bộ phận của Nhà trường **[H10.10.4.1]**, sau khi có quyết định thành lập mạng lưới BDCL, Phòng KT&BDCLĐT đã tiến hành tham mưu cho BGH tổ chức tập huấn cho toàn thể thành viên của mạng lưới **[H10.10.4.2]**.

Quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với các CTĐT của Nhà trường thực hiện theo TT 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT, sau khi được kiểm định thành công Nhà trường và Khoa đã tiến rà soát lại toàn bộ hệ thống BDCL bên trong nhằm đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng các CTĐT **[H10.10.4.03]**.

Tập trung cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục Trường lần 2 vào năm 2021, tại cuộc họp ngày 27/8/2020 lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị rà soát lại toàn bộ các hoạt động của đơn vị để chuẩn bị cho công tác tự đánh giá, quyết định thành lập hội đồng TĐG và các nhóm công tác giúp việc cho hội đồng, giao cho phòng KT&BDCLĐT mời trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- ĐHQGHN đến tập huấn về công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn mới do BGDĐT ban hành **[H10.10.4.04]**. Ngay sau khi tập huấn các nhóm triển khai công tác tự đánh giá theo các nhiệm vụ được phân công và tổ chức báo cáo với BGH Nhà trường 2 tuần / lần **[H10.10.4.05]**.

So với lần tự đánh giá vào năm 2015 thì công tác tự đánh giá lần 2 năm 2020 có nhiều thay đổi tích cực giúp cho công tác tự đánh giá của Nhà trường đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu chiến lược của CSGD đó là đã xây dựng được kế hoạch chi tiết theo từng năm do phòng KT&BDCLĐT tham mưu **[H10.10.4.6]**, xây dựng và khảo sát được hệ thống mạng lưới BDCL, thông qua công tác khảo sát hệ thống BDCL các đơn vị đã có các thay đổi tích cực trên đã góp phần cải tiến một cách có hiệu quả công tác BDCL trong toàn trường. Nhà trường thực hiện kế hoạch cải tiến công tác BDCL thông qua các chính sách, hệ thống, quy trình nghiệp vụ và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động về đào tạo, NCKH thông qua việc xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường **[H10.10.4.7 TB 193 ngày 4/3/2019]**, tiếp

theo đó là định kỳ rà soát ý kiến để hoàn thiện nâng cao các hoạt động trong Nhà trường thông qua việc khảo sát đối với CB, GV trong toàn thể Nhà trường đối với các mặt hoạt động của Nhà trường **[H10.10.4.8 kết quả khảo sát]**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10

1. Các điểm mạnh

- Có kế hoạch về công tác BDCL theo từng năm học với từng nhiệm vụ các bên liên quan được cụ thể.
- Công tác bồi dưỡng, tập huấn về BDCL được chú trọng và lan tỏa trong toàn trường.
- Công tác rà soát quy trình TĐG, ĐGN đã được triển khai tới các đơn vị trong toàn trường.
- Nhà trường tạo điều kiện và sẵn sàng phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường để hành động nhằm đáp ứng và nâng cao mục tiêu chiến lược của Nhà trường

2. Điểm còn tồn tại

- Chưa xây dựng được chính sách cụ thể cho công tác BDCL
- Sự phối hợp chéo giữa các đơn vị còn hạn chế
- Chưa xây dựng được văn hóa BDCL trong CSGD
- Mức độ chủ động trong công tác TĐG đối với cấp CTĐT còn hạn chế

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Nội dung	Đơn vị	Thời gian	Kết quả
	Có kế hoạch phát triển bồi dưỡng nâng cao về nhân sự và cơ chế chính sách cho đối tượng tham gia công tác BDCL	P. TCCB, TCKT	2019	Mạng lưới BDCL hoạt động một cách hiệu quả
	Tăng cường công tác giao lưu với các đơn vị trong và ngoài trường về công tác BDCL	NCPT	2020	
	Triển khai công tác TĐG một cách toàn diện tới các CTĐT, thực hiện công tác đánh giá nội bộ	P. KT&BDCLĐT	2020- 2025	100% các CTĐT được kiểm định
	Xây dựng chiến lược về BDCL			

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 10	5
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống BDCL bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của hoạt động đảm bảo chất lượng với sự phát triển của Nhà trường nên công tác BDCL là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng mang tính chiến lược của nhà trường [H11.11.1.1] và được cụ thể hóa trong các kế hoạch hoạt động của các đơn vị chức năng, các khoa chuyên môn [H11.11.1.2]. Nhà trường thiết lập kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống BDCL. Ngày 1 tháng 6 năm 2018, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động [H11.11.1.3], theo đó, toàn bộ các thông tin liên quan được thu thập, xử lý và báo cáo kết quả theo phân công, phân cấp quản lý từ cấp cao (BGH) đến cấp thấp (bộ môn, người lao động) theo định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học. Thông qua công tác giao ban hàng tháng của BGH, BGH với lãnh đạo các đơn vị để thu thập các thông tin, phản hồi các thông tin liên quan đến mọi mặt hoạt động của Nhà trường. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được Nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin: Các cuộc họp giao ban hàng tháng [H11.11.1.3], Hệ thống văn bản hành chính [H11.11.1.4]; hệ thống văn phòng điện tử [thêm MC về VPĐT], Hệ thống hộp thư điện tử của các đơn vị; Hệ thống email cá nhân. Với việc triển khai áp dụng phần mềm quản lý công việc trên văn phòng điện tử, việc quản lý thông tin nói chung, thông tin BDCL bên trong của nhà trường luôn được thông suốt, chính xác và kịp thời. Thông qua việc quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và sự phối kết hợp giữa các đơn vị trong toàn trường [H11.11.1.5], thông tin BDCL bên trong luôn có sự hỗ trợ tốt nhất cho mọi hoạt động của nhà trường.

Nhà trường có phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin BDCL bên trong tại quy định cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị [H11.11.1.5] và thông qua mạng lưới đảm bảo chất lượng [H11.11.1.6]. Nhà trường đã giao cho Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin có nhiệm vụ quản lý, khai thác và Ứng dụng CNTT trong các mặt công tác của Trường [H11.11.1.7] phối kết hợp với các đơn vị.

Trong Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin BDCL bên trong được ban hành, Bộ phận BDCL là đơn vị đầu mối về xây dựng hệ thống thông tin BDCL bên trong hàng năm, các đơn vị trực thuộc được phân công nhiệm vụ cung cấp, cập nhật thông tin theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị **[H11.11.01.8]**. Đồng thời, trong Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin BDCL bên trong của Nhà trường nêu rõ phương thức phối hợp thực hiện cũng như chế độ báo cáo giữa các đơn vị trực thuộc nhằm xây dựng hệ thống thông tin BDCL bên trong hiệu quả **[H11.11.1.5]**.

Trên cơ sở đó, hàng năm nhà trường đều xây dựng và ban hành kế hoạch BDCL **[H11.11.1.9]**. Để thu thập được những thông tin chính xác phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã ban hành quy định về khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan **[H11.11.1.10]**. Từ đó, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát, bao gồm: Khảo sát, lấy ý kiến của CB, GV và CNV về mọi mặt hoạt động của nhà trường **[H11.11.1.111]**; Khảo sát ý kiến của người học về GV, về CVHT **[H11.11.1.12]**; Khảo sát ý kiến của người học về CTĐT **[H11.11.1.13]**; Khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp **[H11.11.1.14]**; Khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng **[H11.11.1.15]**. Các đơn vị chức năng như Phòng Công tác CT và SV, Phòng đào tạo đại học và Phòng đào tạo sau đại học, cùng với các Khoa quản lý sinh viên **[H11.11.1.11]** được giao nhiệm vụ hỗ trợ, phối hợp trong thực hiện các kế hoạch của các khảo sát các bên liên quan **[H11.11.1.6]**. Trung tâm UDCNTT là đơn vị được giao phối hợp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các kế hoạch khảo sát, thu thập và xử lý thông tin liên quan **[H11.11.1.10, H11.11.1.11, H11.11.1.12, H11.11.1.13, H11.11.1.14]**.

Thông qua quy định họp giao ban hàng tháng **[H11.11.1.3]**, các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, KHCN và các hoạt động khác được cập nhật, trao đổi và được Hiệu trưởng quyết định, thông báo đến toàn trường cũng như ra bên ngoài thông qua kết luận giao ban hàng tháng **[H11.11.1.3]**.

Ngoài ra, để góp phần quản lý thông tin về BDCL, Phòng HCTH là đơn vị đầu mối nhận và gửi các thông tin đi và đến liên quan đến mọi hoạt động của Nhà trường **[H11.11.1.5]**. Nhà trường đã có quy định về quản lý thông tin với các quy định về soạn thảo văn bản **[H11.11.1.15]**. Thông qua việc triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến **[H11.11.1.17]** việc xử lý, phát hành văn bản đi; văn bản đến; Trình ký văn bản; Chế độ thông tin nội bộ; Chế độ báo cáo định kỳ được thực hiện thông suốt và chính

xác. Việc ứng dụng CNTT trong kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong được Nhà trường chú trọng đầu tư và hoàn thiện trong mọi hoạt động: trong xây dựng kế hoạch đào tạo [H11.11.1.18], kế hoạch KHCN của giảng viên [H11.11.1.19] và của sinh viên hàng năm [H11.11.1.20]. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn thông tin BDCL, nhà trường đã xây dựng kế hoạch [H11.11.1.21] triển khai cài đặt phần mềm phòng chống và diệt Virus bản quyền cho máy tính của các đơn vị trong toàn trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định, đồng thời đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hướng đến đạt được mục tiêu, sứ mạng Nhà trường đã đặt ra, việc ứng dụng CNTT đã được quan tâm và được thực hiện trong hầu hết các hoạt động của Trường và được định hướng kết nối với các đơn vị. Với định hướng chiến lược là nhà trường điện tử như trong dự thảo chiến lược phát triển của Trường [H11.11.02.01], Trường ĐHGTVT đã ứng dụng rộng rãi CNTT trong quản trị, điều hành và hỗ trợ công tác ra quyết định của các cấp lãnh đạo [H11.11.02.02; H11.11.02.03; H11.11.02.04]. Hiện tại hệ thống các ứng dụng CNTT được triển khai và thực hiện tại Trường như sau: Cổng thông tin điện tử Nhà trường utc.edu.vn: cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan về: chiến lược phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn; cơ cấu tổ chức và nhân lực; cơ sở vật chất; cam kết đảm bảo chất lượng; tin tức; thông tin đào tạo; thông tin tuyển sinh các bậc đào tạo, hệ đào tạo; thông tin sinh viên; các quy chế, quy định; hợp tác đào tạo quốc tế.

Trong quản lý, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin về đào tạo, Trường ĐHGTVT đã xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo quản lý chặt chẽ các hoạt động đào tạo như triển khai kế hoạch đào tạo, quản lý điểm, quản lý khối lượng của giảng viên, quản lý việc đăng ký học của người học [H11.11.02.05]. Người học có thể dễ dàng truy cập tại địa chỉ <https://qldt.utc.edu.vn/>.

Về hoạt động khoa học công nghệ, các hoạt động đều được tiến hành trên phần mềm quản lý tại hệ thống văn phòng điện tử nội bộ của Trường [H11.11.02.03], thông qua đó, cán bộ, giảng viên và người lao động có thể tiến hành các hoạt động như đăng

ký đề tài nghiên cứu, đăng ký nghiệm thu đề tài, dự án, phản biện khoa học.

Các thông tin BDCL liên quan công tác quản lý nhân sự, công tác KHCN, quản lý tài chính, CSVN, quản lý hành chính tổng hợp, Trường ĐHGTVT đã xây dựng và tích hợp phần mềm quản lý nhân sự trong hệ thống công nghệ thông tin chung của toàn trường theo Quyết định về việc Xây dựng khung kiến trúc Trường đại học điện tử hướng đến mô hình đại học thông minh và một số phần mềm quản trị điều hành công việc của Nhà trường để nâng cao sự bảo mật và thông suốt của thông tin **[H11.11.02.06]**

Để thu thập những ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến mọi hoạt động của nhà trường, Trường ĐHGTVT đã ứng dụng các phần mềm khảo sát thông qua hệ thống văn phòng điện tử, phần mềm quản lý đào tạo, công thông tin sinh viên tại địa chỉ <http://sinhvienhientai.utc.edu.vn/>.

Để đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống BDCL bên trong, Trường ĐHGTVT đã không ngừng tăng cường các biện pháp an ninh thông tin nội bộ thông qua hệ thống văn phòng điện tử **[H11.11.02.04]** và tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chế độ bảo mật thông qua ứng dụng chữ ký số điện tử **[H11.11.02.07]**, cũng như quy định cụ thể về chế độ lưu trữ thông tin theo quy định **[H11.11.02.06]**. Với việc ứng dụng CNTT trong quản lý thông tin về mọi hoạt động của Trường, các thông tin được thu thập và phân tích, đánh giá trong các báo cáo tổng kết theo từng học kỳ tại các đơn vị **[H11.11.02.08; H11.11.02.09; H11.11.02.10; H11.11.02.11; H11.11.02.12]**.

Để đảm bảo tính chính xác của hệ thống thông tin BDCL, phục vụ và hỗ trợ tốt nhất cho quá trình ra các quyết định quản lý, Trường ĐHGTVT quy định và thống kê, báo cáo các số liệu liên quan **[H11.11.02.13]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin BDCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống quản lý thông tin BDCL bên trong, trong đó đặc biệt là hệ thống đó cần được hoàn thiện và thích ứng với yêu cầu quản lý. Hệ thống quản lý thông tin của Trường ĐHGTVT luôn được rà soát, lấy ý kiến và điều chỉnh cho phù hợp. Trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh công tác quản lý thông tin để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý. Hệ thống quản lý thông tin BDCL của Trường Đại học GTVT là một hệ thống thống nhất từ cấp lãnh đạo cấp cao đến

từng cán bộ công nhân viên và sinh viên trong toàn trường. Thông qua website của Trường tại đại chỉ www.utc.edu.vn, các thông tin liên quan đều được cập nhật thường xuyên và liên tục, đảm bảo tính chính xác và kịp thời và an toàn của hệ thống thông tin nói chung, thông tin về BĐCL nói riêng đến các bên liên quan trong và ngoài Trường. Để đảm bảo tính chính xác của thông tin đưa ra, hàng năm Nhà trường đã tiến hành cập nhật thông tin về các đơn vị trong toàn trường **[H11.11.03.01]**. Ngoài ra, Trường ĐHGTVT còn xây dựng và duy trì website riêng về công tác BĐCL để cung cấp và là công cụ hỗ trợ cho hoạt động BĐCL tại địa chỉ <http://khaothi.utc.edu.vn/>.

Thông qua việc ứng dụng các phần mềm được tích hợp vào hệ thống văn phòng điện tử **[H11.11.03.02]**, các thông tin của hệ thống BĐCL được cập nhật liên tục đến giảng viên trong toàn trường và với người học tại địa chỉ <http://sinhvienhientai.utc.edu.vn/>. và <http://sis.utc.edu.vn/>. Với mỗi cán bộ, giảng viên, công nhân viên và người học đều được cấp 01 tài khoản. Thông qua đó, các thông tin liên quan được các đơn vị chức năng cập nhật thường xuyên và đảm bảo tính cập nhật, tính chính xác của các thông tin liên quan. Ngoài ra, để quản lý thông tin thông suốt và thuận lợi, từ năm 2018 Trường ĐHGTVT thực hiện kê khai công việc trên văn phòng điện tử **[H11.11.03.03]**. Để không ngừng ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động và trong công tác BĐCL, từ năm 2018, Trường ĐHGTVT đã thực hiện dự án đầu tư Xây dựng khung kiến trúc Trường đại học điện tử hướng đến mô hình đại học thông minh và một số phần mềm quản trị điều hành công việc của Nhà trường **[H11.11.03.04]**, thông qua đó hệ thống thông tin của nhà trường ngày càng hoàn thiện và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Hàng năm, trong các báo cáo tổng kết **[H11.11.03.05]**, báo cáo tổng kết của đơn vị thường trực **[H11.11.03.06]** luôn đề cập đến việc rà soát hệ thống quản lý thông tin bên trong. Để đảm bảo hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong vận hành liên tục và ổn định, Nhà trường giao cho Phòng KT và BĐCLĐT **[H11.11.03.07]** thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong theo định kỳ hàng năm thông qua mạng lưới BĐCL nội bộ từ năm 2019. Năm 2020, Trường ĐHGTVT đã tiến hành kiện toàn mạng lưới **[H11.11.03.08]**, hỗ trợ tốt cho việc thu thập và quản lý thông tin BĐCL bên trong của nhà trường.

Thông qua việc rà soát chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị thuộc trường **[H11.11.03.09]**, hệ thống thông tin về BĐCL bên trong của Trường được kiện

toàn, đảm bảo hệ thống thông tin nội bộ được thông suốt giữa các đơn vị.

Hàng năm, theo chức năng và nhiệm vụ được giao [**H11.11.03.07**], Phòng KT và BDCLĐT tiến hành rà soát hệ thống các câu hỏi khảo sát về mọi mặt hoạt động của nhà trường đến các bên liên quan. Các ý kiến về hệ thống BDCL bên trong được tổng hợp, phân tích trong các báo cáo hàng năm của Phòng [**H11.11.03.06**], từ đó đề xuất lên lãnh đạo nhà trường để điều chỉnh cho phù hợp. Thông qua rà soát, các câu hỏi khảo sát của các nội dung được điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp theo hướng đầy đủ nội dung, tinh giảm số lượng câu hỏi [**H11.11.03.10**].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin BDCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình, kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Cải tiến liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và người học về chất lượng đào tạo và nghiên cứu là một trong những mục tiêu của hệ thống BDCL bên trong của trường ĐHGTVT, được khẳng định trong chiến lược phát triển của trường qua các thời kỳ [**H11.11.04.01**] trong đó sự thích ứng, cải tiến liên tục của cả hệ thống, trong đó có hệ thống thông tin BDCL. Thông qua kế hoạch năm học hàng năm của toàn trường [**H11.11.04.02**], kế hoạch của các khoa, đơn vị chức năng, hệ thống quản thông tin BDCL được tiến hành rà soát từ đó có các giải pháp cải tiến liên tục thông qua việc đánh giá, đối sánh kết quả hoạt động hàng năm của các đơn vị và toàn trường.

Trong những năm qua, hệ thống các website của Trường ĐHGTVT luôn được điều chỉnh, cải tiến để hoàn thiện hơn trong việc cung cấp thông tin rộng rãi và thông tin nội bộ của Trường, phục vụ công tác quản lý [**H11.11.04.03;H11.11.04.04**]. Đối với website riêng của Phòng KT & BDCLĐT, cũng được phòng thường trực thường xuyên cập nhật những hoạt động, thông tin mới để phục vụ việc cung cấp thông tin và hướng dẫn các đơn vị trong toàn trường về hoạt động BDCL bên trong tại địa chỉ <http://khaothi.utc.edu.vn/>.

Trong giai đoạn 2016 -2020 Trường ĐHGTVT đặc biệt chú trọng trong đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị về CNTT để phục vụ mục tiêu nhà trường điện tử [**H11.11.04.05**] do đó hệ thống CNTT của nhà trường thường xuyên được cải tiến, nâng cấp để đảm bảo là công cụ cốt lõi trong việc quản lý hệ thống thông tin chung

toàn trường, hệ thống thông tin BDCL nói riêng **[H11.11.04.06]**

Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, được quy định tại điều 42 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHGTVT **[H11.11.04.07]** dưới sự chỉ đạo trực tiếp của BGH, Hiệu trưởng, toàn bộ các thông tin liên quan về mọi mặt hoạt động của Trường đều được cập nhật và giúp cho các đơn vị không ngừng cải tiến hoạt động và thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong các cuộc họp giao ban, luôn có sự đánh giá, tổng kết những kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân các công việc chưa hoàn thành, hoàn thành chưa tốt. Thông qua đó, các quy trình thực hiện công việc, sự phối hợp, kết hợp giữa các đơn vị đều được cải tiến thường xuyên liên tục.

Một trong những nội dung quan trọng của hệ thống thông tin BDCL bên trong đó là ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao **[H11.11.04.08]**, hàng năm Phòng KT và BDCLĐT luôn sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh các phiếu khảo sát về nội dung, phương pháp khảo sát, báo cáo thống kê.. được thể hiện trong báo cáo tổng kết tháng, báo cáo tổng kết học kỳ và năm học **[H11.11.04.09]**. Ngoài ra, các báo cáo khảo sát các bên liên quan **[H11.11.04.10]** là một trong những kênh thông tin về BDCL để toàn bộ hệ thống BDCL của trường cải tiến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 11

1.Tóm tắt các điểm mạnh

Kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong của Nhà trường được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống với sự phân công rõ ràng về chức năng của các đơn vị.

Các kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến được xây dựng chi tiết, cụ thể.

Kế hoạch quản lý thông tin BDCL bên trong được sự hỗ trợ tốt của hệ thống phần mềm CNTT.

Trường đã đầu tư, xây dựng và vận hành hệ thống CNTT hoàn chỉnh, hỗ trợ và tạo thuận lợi cho việc thu thập thông tin về BDCL. Các quy định về thu thập, xử lý và báo cáo thông tin liên quan về BDCL được cụ thể hóa. An ninh thông tin được đảm bảo.

Quy trình quản lý thông tin BDCL bên trong được cải tiến thường xuyên thông qua các cuộc họp hàng tháng, tổng kết học kỳ và năm học;

Nhà trường không ngừng cải tiến hệ thống CNTT phục vụ quản lý hệ thống thông tin về BDCL.

Hệ thống CNTT hỗ trợ, công cụ trong quản lý thông tin, hệ thống thông tin về HBĐCL của Trường ĐHGTVT luôn đảm bảo tính chính xác, kịp thời, thông suốt và thường xuyên cập nhật.

Việc rà soát được các đơn vị trong toàn trường tiến hành định kỳ và phục vụ tốt cho quá trình ra quyết định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc phối kết hợp giữa các đơn vị chức năng trong việc xây dựng các kế hoạch liên quan còn chưa chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ.

- Một số đơn vị vẫn chưa thường xuyên thực hiện rà soát và cập nhật các thông tin liên quan BDCL, chỉ thực hiện khi có yêu cầu.

- Quản lý hệ thống thông tin BDCL chưa thống nhất giữa các đơn vị;

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường phối hợp ngang giữa các đơn vị trong xây dựng kế hoạch	BGH	Năm 2021	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường chia sẻ thông tin quản lý	BGH	Năm 2021	
3	Khắc phục tồn tại 3	Quy định thời hạn phân tích và cung cấp thông tin về BDCL	Phòng KT và BDCLĐT	Năm 2021	
4	Khắc phục tồn tại 4	Quy định việc thực hiện rà soát, báo cáo thông tin liên quan BDCL	Phòng KT và BDCLĐT	Năm 2021	
5	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng và ban hành quy định về quản lý thông tin BDCL	Phòng KT và BDCLĐT	Năm 2021	
6	Khắc phục tồn tại 6	Đề xuất quy định sử dụng kết quả khảo sát	Phòng KT và BDCLĐT	Năm 2021	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	4,4
Tiêu chí 11.1	5/7
Tiêu chí 11.2	4/7
Tiêu chí 11.3	4/7
Tiêu chí 11.4	4/7

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng.

Nâng cao chất lượng là một phần quan trọng trong hoạt động quản lý chất lượng giáo dục của trường ĐH GTVT, luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm và thực hiện thường xuyên. Ngoài thực hiện công tác quản lý chất lượng giáo dục theo quy định đang hiện hành của nhà nước [H12.12.01.01]. Nhà trường từ lúc bắt đầu thành lập trường cho đến nay không ngừng phát triển theo triết lý giáo dục, mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn và được công khai trên website chính của Nhà trường [H12.12.01.02].

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030 [H12.12.01.03]. Năm 2018, sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trường chu kỳ 2010-2015, theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, nhà trường đã cho ra bản Dự thảo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 [H12.12.01.04] và đang cho lấy ý kiến góp ý dự thảo chiến lược phát triển của Nhà Trường [H12.12.01.05]. Bản dự thảo chiến lược này ngoài các giải pháp, kế hoạch, tổ chức thực hiện, chính sách, kế hoạch hành động có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng đã đề cập đến mục tiêu phát triển BĐCLĐT theo chuẩn mực quốc tế, nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng đầu ra đối với các ngành học trọng điểm. Mục tiêu đặt ra của nhà trường là đến năm 2025, tất cả các ngành học, CTĐT đều được kiểm định chất lượng trong nước hoặc quốc tế [H12.12.01.03].

Nhà trường thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng thông qua các chính sách, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nhà Trường [H12.12.01.05].

Theo đó, định kỳ rà soát lấy ý kiến để hoàn thiện để nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó thể hiện các Quy trình, hướng dẫn để thực hiện và được giao cho đơn vị đầu mối là phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo có chức năng nhiệm vụ thực thi nhiệm vụ để đảm bảo chất lượng đào tạo bên trong của Nhà trường [H12.12.01.06].

Chính sách: Nhằm đạt các mục tiêu trong chiến lược BĐCL của Nhà trường giai đoạn 2018 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, xác định chính sách chất lượng là không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên. Năm 2016, Nhà trường đã ban hành Đề án xây dựng đội ngũ

đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế **[H12.12.01.07]**.

Từ năm 2016 đến nay, song song với việc phát triển đội ngũ thì nhà trường cũng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tốt quá trình tổ chức dạy, học và NCKH tại trường Nhà trường đã thành lập phòng Phát triển dự án, là đơn vị lập kế hoạch, nghiên cứu triển khai các dự án để phát triển Nhà trường **[H12.12.01.08]**.

Từ thực hiện các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo theo năm học cũng được triển khai theo định kỳ của năm học và các phương hướng của năm học tiếp theo **[H12.12.01.09]**. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế **[H12.12.01.10]**.

Nhà trường đã ban hành Quy trình TĐG các CTĐT của Trường ĐH GTVT **[H12.12.01.11]** và đang triển khai quy định TĐG CLGD Trường. Thực hiện công tác TĐG theo chu kỳ và KĐCL CSGD và CTĐT theo tiêu chuẩn của quốc gia **[H12.12.01.12]**.

Không ngừng nâng cao chất lượng, Nhà trường tiếp tục đổi mới và hội nhập trong khu vực và quốc tế. Năm 2019, trường ĐH GTVT đã đăng ký là thành viên của mạng lưới các trường đại học hàng đầu của Đông Nam Á (AUN-QA). Năm 2020, nhà trường đã đăng ký TĐG 3 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN đó là: Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông thuộc 3 khoa Cơ khí, Điện-Điện tử và Công trình **[H12.12.01.13]**.

Xây dựng và dần hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong, hướng đến việc phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường đã ban hành mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục **[H12.12.01.14]**. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát hằng năm, sau đó được cải tiến cho năm học mới **[H12.12.01.10]**, **[H12.12.01.15]**.

Nhà trường ban hành hệ thống các quy định, quy chế theo quy chuẩn để đảm bảo nâng cao công tác quản lý và đào tạo như: Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ; Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ liên thông chính quy chuyên ngành Công nghệ chế tạo cơ khí, chuyên ngành Cơ điện tử theo hệ thống tín chỉ; Quy định kết cấu tín chỉ và mã của các học phần ngoại ngữ, Quy chế đào tạo hệ VLVH trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ **[H12.12.01.16]**. Những quy định về quản lý và hỗ trợ sinh viên cũng được nhà trường ban hành như: Quy định về đánh giá rèn luyện sinh viên, Quy định về kỷ luật sinh viên, Quy định về học bổng, Quy định về chế độ chính sách, Quy định về vay vốn tín dụng, Quy định quản lý sinh viên ngoại trú; Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ **[H12.12.01.17]**.

Nguồn lực tài chính cũng được Nhà trường giám sát kiểm tra thường xuyên, mọi thu chi đều áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ, các chính sách tài chính ngày càng tăng cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.18]. Quy định học phí các hệ đào tạo trong Nhà trường cho từng năm học, khóa học [H12.12.01.19]. Nhà trường đã ban hành Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động KHCN. Quy định mẫu và nội dung ghi trên văn bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng [H12.12.01.20].

Thư viện điện tử của Nhà trường được mở rộng quy mô và có những Quy định sử dụng thư viện, Quy định thời gian mượn trả và xử lý mượn quá hạn, đền sách mất tại Thư viện [H12.12.01.21]; Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ đào tạo của Trường ĐH GTVT; Quy định Quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số của Trường ĐH GTVT [H12.12.01.22]; Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ đào tạo [H12.12.01.23].

Việc quản lý công việc của nhân viên được thực hiện theo quy định mới về công tác chấm công bằng máy quét vân tay [H12.12.01.24]; Quy định về mức học phí năm học, Quy định học phí các hệ đào tạo năm học [H12.12.01.25];

Không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, nhà trường luôn hỗ trợ ban hành sổ tay sinh viên dùng cho hệ chính quy của các khóa học được giới thiệu chi tiết về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nhà trường, đội ngũ, cơ cấu tổ chức, các kênh thông tin online dành cho sinh viên, địa chỉ, số điện thoại của các đơn vị thực hiện công tác sinh viên. Các quy chế, quy định, hướng dẫn thực hiện, lịch tiếp sinh viên của các đơn vị cũng được nhà trường nêu chi tiết trong sổ tay sinh viên [H12.12.01.17]

Hệ thống: Hệ thống quản lý của Nhà trường đã được rà soát, cải tiến sau những đợt công tác TĐG và ĐGN, nhà trường đã triển khai lên kế hoạch công tác BDCL sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia ĐGN sau khi kiểm định Trường và kiểm định 05 CTĐT [H12.12.01.26]. Từ đó Hội đồng BDCL đã được kiện toàn cùng với việc thành lập mạng lưới BDCL bên trong để từ đó có biện pháp khắc phục, cải tiến nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược đề ra [H12.12.01.14]

Quy trình và thủ tục: Nhằm quản lý các hoạt động một cách có hiệu quả Nhà trường đã ban hành một hệ thống các văn bản trong đó có quy định các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc kèm các hướng dẫn và biểu mẫu rõ ràng như là: Quy định về đánh giá học phần; Quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần; Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho sinh viên đại học hệ chính quy [H12.12.01.27]; Quy chế quản lý KHCN, Quy định sở hữu trí tuệ, Quy định về công tác thi đua khen thưởng [H12.12.01.28].

Nguồn lực: Hệ thống đào tạo cũng như thương hiệu của Nhà trường ngày càng tăng. Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, Nhà trường đã mở thêm 08 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ mới đó là: ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Mã Ngành 7.51.06.05), ngành Kiến trúc, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ điện tử, toán ứng dụng, đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H12.12.01.29].

Giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã hoàn thành nâng cấp cơ sở vật chất, cải tạo môi trường xung quanh các khu giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường cụ thể là: đã tiến hành cải tạo phòng học thông minh cho toàn bộ các khu Giảng đường và phòng học hiện đại cho các lớp CTTT và CLC của khoa ĐTQT, quy hoạch lại cảnh quan và cải tạo lại hệ thống cung cấp nước sạch ở khu KTX [H12.12.01.30].

Số lượng người học ngày càng tăng nên kế hoạch nâng cấp chất lượng CSVC, nguồn nhân lực, nguồn tài chính luôn là vấn đề được Nhà trường quan tâm, luôn đề cập trong nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và trong các cuộc họp giao ban hàng tháng. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định đóng góp kinh phí sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, [H12.12.01.31]. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo năm tài chính và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 liên tục từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT [H12.12.01.32]. Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm [H12.12.01.33], Ban hành kế hoạch hoạt động KHCN của Trường ĐH GTVT giai đoạn 2016-2020 [H12.12.01.34]. Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030, CB-GV trong nhà trường đã không ngừng học tập và bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H12.12.01.35]. Nhà trường đã ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với CC-VC-NLĐ [H12.12.01.36]; Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB-VC và CBQL để hưởng thu nhập tăng thêm [H12.12.01.37] để khuyến khích động viên và công bằng trong công tác quản lý nhân sự.

Tài chính: Kế hoạch tăng các nguồn thu hợp pháp về tài chính, đa dạng hóa nguồn thu cũng được đề cập đến trong Nghị quyết của Đảng ủy về chiến lược gia tăng các nguồn lực tài chính [H12.12.01.31]; Chiến lược phát triển các nguồn thu của Trường; Kế hoạch tài chính hằng năm và được thể hiện thông qua cơ cấu thu của Nhà trường [H12.12.01.32].

Để đảm bảo chất lượng các hoạt động chung của Nhà trường, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo đã xây dựng, lập kế hoạch triển khai công tác BDCL,

trong đó có công tác TĐG, TĐG giữa kỳ của CTĐT và CSGD được phân công nhiệm vụ thực hiện từng nội dung công việc cụ thể; tổ chức các buổi tập huấn nội bộ, mời chuyên gia về tập huấn cho các đơn vị trong toàn trường và mạng lưới BDCLĐT [H12.12.01.38], [H12.12.01.39].

Tự đánh giá tiêu chí 12.1: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động cũng đã được Nhà trường trú trọng và thực hiện qua các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và do Phòng NCPT và HTQT là đầu mối thực hiện.

Nhà trường lựa chọn các đơn vị theo các tiêu chí lựa chọn đối tác, trong khu vực để đối sánh chuẩn là các trường đại học, cao đẳng có uy tín và bề dày lịch sử, có quy mô lớn và phạm vi đào tạo ngành và chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực của Nhà trường hiện đang đào tạo bằng các văn bản thỏa thuận hợp tác như với Trường Cao đẳng Đường sắt năm 2018, Trường ĐH Thủy Lợi năm 2018, Trường Cao đẳng cơ điện và XD Bắc Ninh năm 2020, Trường Cao đẳng nghề công nghiệp HN, Trường CĐ Giao thông TƯ 1, Trường CĐ nghề CNC HN, Trường Đại học Đà Lạt.

- Thực hiện ký kết các ghi nhớ hợp tác phát triển như: Biên bản ghi nhớ với TTNC và ĐT TK vi mạch-2016, Biên bản Ghi nhớ hợp tác với CT CP Đầu tư thương mại G9 VN-2017, Biên bản ghi nhớ hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp Dịch vụ Logistics VN-2017, Biên bản ghi nhớ với công ty SIKA hữu hạn Việt Nam-2020, Biên bản ghi nhớ với công ty CoAsia Semi Vietnam-2020, Biên bản ghi nhớ hợp tác với Sở KHCN HN-2019

Ngoài các biên bản ghi nhớ ra thì thỏa thuận hợp tác cũng được nhà trường lựa chọn đối tác như thỏa thuận hợp tác với Trường như thỏa thuận hợp tác với Công ty Shineray VN-2020, Thỏa thuận hợp tác hỗ trợ hoạt động đào tạo với CT TNHH Mitsubishi VN-2017, Thỏa thuận hợp tác hướng nghiệp đào tạo với Cty TNHH phần mềm FPT-2017, Thỏa thuận hợp tác phối hợp đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với Công ty cổ phần FPT-2017, Thỏa thuận hợp tác và phối hợp đào tạo, NCKH, CGCN với Công ty TNHH nhựa đường Puma Energy VN-2017, Thỏa thuận hợp tác với Ban Quản lý đường sắt đô thị HN-2017, Thỏa thuận hợp tác với Sở GTVT tỉnh Quảng Ninh-2018, Biên bản thỏa thuận với trường CDGT vận tải TƯ 1-2018, Thỏa thuận hợp tác với Công ty TNHH phần mềm Baezeni-2018, Thỏa thuận tài trợ với

công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex-2018, Thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Hà Nội – 2019.

Nhà trường chưa có quy trình cũng đã thiết lập các quy định và tiêu chí lựa chọn đối tác hợp tác rõ ràng và nhờ đó các khoa đào tạo luôn sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh để đưa ra các biện pháp, kế hoạch và cải tiến mọi hoạt động của từng ngành đào tạo. Các tiêu chí lựa chọn này được xác định một cách khoa học dựa trên tầm nhìn chiến lược, sứ mạng, và năng lực thực tế của Nhà trường **[H12.12.02.01]**

Các thông tin để thực hiện so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường đề ra đảm bảo đúng mục đích, nội dung và đảm bảo quyền lợi cho người học, người dạy và cán bộ quản lý giáo dục đó là việc lựa chọn đối tác được thực hiện theo các tiêu chí đưa để đạt tới thỏa thuận về tiếp cận nội dung hợp tác **[H12.12.02.02]**

Nhà trường đã Thành lập phòng Nghiên cứu phát triển và sát nhập với Phòng Đối ngoại thành Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tìm các định hướng mới, hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển **[H12.12.02.03]**. Các trung tâm hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế cũng được thành lập để đáp ứng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ,...như: Trung Tâm Hợp tác cơ sở hạ tầng giao thông Việt-Hàn, Trung tâm Hợp tác Việt-Đức trường ĐH GTVT **[H12.12.02.04]**.

Đối với các trường đại học trong nước: là trường đại học công lập và ngoài công lập có thể mạnh đào tạo các ngành mà Trường đang đào tạo, có CTĐT tương ứng.

Đối với các trường Đại học ở ngoài nước: là các trường có CTĐT tương ứng để có thể trao đổi sinh viên và công nhận bằng cấp lẫn nhau; đảm bảo tính pháp lý của văn bằng được cấp; sẵn sàng chia sẻ, hợp tác với Nhà trường.

Đối với các doanh nghiệp: chọn các đối tác đáng tin cậy, có nguồn tài chính vững chắc, tạo ra được các sản phẩm mang được thương hiệu cho Nhà trường, sử dụng lao động kỹ thuật có chất lượng cao được đào tạo trong nhà trường.

Từ năm 2018, thực hiện báo cáo quy chế công khai năm học và kế hoạch thực hiện quy chế công khai của Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường đã có các tiêu chí để xác định nội dung so chuẩn, đối sánh cho 5 lĩnh vực về: Đào tạo, Đội ngũ giảng viên, NCKH, CSVN, Phục vụ cộng đồng qua các báo cáo hàng năm **[H12.12.02.05]**, **[H12.12.02.06]**.

Về đào tạo: Khi thực hiện đối sánh về CTĐT, Nhà trường đã căn cứ vào các tiêu chí như: các CTĐT, CDR của CTĐT, đề cương môn học, số tín chỉ, số học phần, số tín chỉ dành cho lý thuyết và thực hành, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu học

liệu phục vụ cho CTĐT... Tỉ lệ GV/SV, tỉ lệ sinh viên thôi học, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp. Kết quả đầu ra của SV, tỉ lệ Giỏi/Khá, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp khi ra trường 1 năm có việc làm và mức độ thu nhập của cựu sinh viên... ngoài ra các khoa/ngành có thể bổ sung thêm một số tiêu chí khác theo đặc thù chuyên ngành để so sánh [H12.12.02.07], [H12.12.02.08].

Về đội ngũ giảng viên: Số lượng giảng viên có trình độ học vấn chuyên môn cao, học hàm học vị GS/PGS/TS...và các chính sách thu hút giảng viên [H12.12.02.07], [H12.12.02.08]

Về NCKH: lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao và tiếp nhận công nghệ mới, thực hiện các dự án được các cấp các ngành tài trợ, số lượng bài báo và công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế. Đề tài NCKH của CB-GV, sinh viên có kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tế, sản phẩm KHCN được thương mại hóa và phục vụ cộng đồng [H12.12.02.07], [H12.12.02.08]

Về CSVC: môi trường xung quanh để phục vụ học tập và làm việc như diện tích, số lượng giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành, thư viện, y tế, căng tin... hệ thống các công trình hỗ trợ trong công tác quản lý và đào tạo, các thiết bị phục vụ giảng dạy, tài liệu học thuật,...[H12.12.02.07], [H12.12.02.08]

Phục vụ cộng đồng: Nhà trường đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp như là ở các tỉnh: Bắc Cạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hòa Bình, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Quân khu 4, Quảng Nam, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Yên Bái ... Năm học 2018-2019, Nhà trường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế được đông đủ các nhà khoa học trong và ngoài trường, quốc tế đến tham dự và chia sẻ như “Cải thiện ảnh hưởng của hệ thống GTVT đến sức khỏe cộng đồng”, “Xây dựng thành phố thông minh ở Việt Nam”, “Giảm thiểu ùn tắc giao thông đô thị, kinh nghiệm từ Nhật Bản”, “Ứng dụng công nghệ thép tiên tiến để phát triển đường sắt Việt Nam” ... Các đề tài, dự án được áp dụng vào thực tế để phục vụ cộng đồng ... [H12.12.02.07], [H12.12.02.08].

Để hỗ trợ trong công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản trị đại học, nhà trường đã cho triển khai hoạt động so chuẩn, đối sánh cho từng lĩnh vực được thể hiện trong các quy định, quy chế được trong nhà trường. Nhà trường đã tham gia triển khai dự án Đổi mới quản trị đại học Đông Nam Á (PURSEA) [H12.12.02.08] trong đó có Quản trị và chiến lược, hợp tác, nguồn nhân lực, tài chính, đào tạo trình độ đại học, đào tạo tiến sĩ, nghiên cứu, truyền thông, phục vụ cộng đồng và hệ thống thông tin. Dự án này được thực hiện trong 3 năm (2020-2023) với mục đích tăng cường năng lực quản trị đại học cho lãnh đạo, cán bộ quản lý [H12.12.02.09]. Điều này đã được Nhà trường

chú trọng để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập cho tương lai phát triển của nhà trường để hội nhập [H12.12.02.10]

Tự đánh giá tiêu chí 12.2: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Nhằm tăng cường các hoạt động BĐCL, hàng năm nhà trường luôn rà soát theo hướng dẫn, thông báo và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Cục Khảo thí và BĐCLĐT, Nhà trường đã thống kê lại số liệu để báo cáo. Qua các báo cáo của từng năm học cũng đã thể hiện so chuẩn và đối sánh với các hoạt động của Nhà trường.

Đối sánh về tuyển sinh: trong báo cáo tổng kết hằng năm của bộ phận Tuyển sinh thuộc Phòng Khảo thí và BĐCL đào tạo đã thực hiện đối sánh và phân tích kết quả tuyển sinh đạt được của năm sau so với năm trước về điểm tuyển sinh đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh [H12.12.03.01], [H12.12.03.02]. Trên cơ sở kết quả đối sánh bộ phận Tuyển sinh đã điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm cho phù hợp nhằm duy trì số lượng đầu vào năm sau cao hơn năm trước [H12.12.03.03], [H12.12.03.04]. Đối sánh với trường đại học khác cùng khối ngành thì trường ĐH GTVT dựa vào báo cáo 3 công khai của các trường được công khai trên trang web của mỗi trường đại học [H12.12.03.05].

Khi thực hiện đối sánh so chuẩn về số lượng sinh viên nhập học năm 2016 với năm 2017 cho thấy năm 2017 số thí sinh trúng tuyển nhập học ở những ngành học đang được xã hội quan tâm như: CNTT, Cơ khí ô tô, Quản trị Logistic và chuỗi cung ứng ... [H12.12.03.01], [H12.12.03.02], [H12.12.03.03], [H12.12.03.04].

Đối sánh về CTĐT: Giai đoạn từ 2016 - 2020, Nhà trường đã triển khai rà soát CTĐT và so chuẩn CTĐT trình độ đại học theo hướng tiếp cận CDIO; Xây dựng chương trình đào tạo theo nghị định 99/2019/NĐ-CP [H12.12.03.06]. Rà soát mã số, tên ngành, chuyên ngành đúng (phù hợp), gần, khác; Chương trình học bổ sung kiến thức; Đề cương các môn thi trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ [H12.12.03.07]. Việc áp dụng chương trình đào tạo đại học chính quy sau khi rà soát điều chỉnh năm 2016 cho đến nay, nhà trường đã không ngừng hợp tác và phát triển bằng nhiều hình thức như trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo, NCKH và CGCN ... với một số trường đại học ở trong nước và nước ngoài [H12.12.03.08].

Nhà trường đã thường xuyên triển khai rà soát và điều chỉnh CTĐT đến nay cơ bản đã đáp ứng mục tiêu hội nhập, phát triển và phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Trong niên giám đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ của các năm học đã nêu ra được khung chương trình đào tạo theo bậc đại học gồm có 25 ngành với 77 chuyên ngành đào tạo hệ Chính quy và bậc Sau đại học gồm có 13 ngành đào tạo Thạc

sỹ, 18 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ **[H12.12.03.09]**. Các học phần chung và học phần riêng của ngành đã được chi tiết các môn học, số tín chỉ lý thuyết và thực hành phù hợp với các khung CTĐT mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn CSGD triển khai cũng như đối sánh với các trường Đại học kỹ thuật có khối ngành đào tạo tương ứng **[H12.12.03.10]**.

Qua mỗi đợt rà soát, mở thêm chuyên ngành đào tạo mới, các khoa chuyên ngành, hội đồng khoa học Khoa, hội đồng khoa học Trường đã có các cuộc họp đã ban hành Khung chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong đó nhà trường cũng đã thực hiện so chuẩn 25 ngành đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ với các trường đại học ở trong nước và nước ngoài có đào tạo ngành nghề giống nhau **[H12.12.03.08][H12.12.03.10]**. Nhà trường cũng đã thực hiện so chuẩn CTĐT trình độ liên thông, Bằng 2, Thạc sĩ, Tiến sĩ với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, có cùng khối ngành đào tạo để đào tạo liên kết, hợp tác đào tạo **[H12.12.03.11]**

Kết quả đối sánh là cơ sở để Nhà trường tiến hành rà soát và công bố CTĐT sau rà soát. Đến năm 2020, Nhà trường đã rà soát và công bố 25 ngành đào tạo với 77 chuyên ngành, trong đó có 5 CTĐT đã được ĐGN, báo cáo TĐG giữa kỳ giai đoạn 2016-2018; Báo cáo TĐG giữa kỳ CLGD Trường **[H12.12.03.12]**.

Nhà trường đang triển khai công tác TĐG các CTĐT còn lại và sẽ chọn ra những CTĐT mạnh để tiếp tục kiểm định chất lượng. Không ngừng phát triển ở trong nước, nhà trường tiến tới hội nhập khu vực và quốc tế nên đã chọn 3 ngành có thời gian đào tạo lâu để kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA **[H12.12.03.13]**.

Đối sánh về kết quả đào tạo: Hằng năm, Phòng Đào tạo tiến hành lập bảng tổng hợp, phân tích đối sánh tỷ lệ lên lớp/thời học, tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp năm sau so với năm trước **[H12.12.03.14]**. Đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm với các trường kỹ thuật có khối ngành đào tạo giống nhà trường để từ đó có cái nhìn tổng thể về kết quả đào tạo của Nhà trường để kịp thời điều chỉnh **[H12.12.03.05]**. Ngoài ra, để đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ, khách quan và thống nhất Nhà trường đã Ban hành đề án Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập **[H12.12.03.15]**; triển khai công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo **[H12.12.03.16]**. Nhà trường đã ban hành các quy định đào tạo: Quy định đánh giá học phần **[H12.12.03.17]** trong đó thể hiện rõ trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị liên quan; Quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần **[H12.12.03.18]**; Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho SV đại học hệ chính quy **[H12.12.03.19]**. Để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên và giảng dạy của giảng viên, Nhà trường đã Ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về

hoạt động giảng dạy của giảng dạy của giảng viên Trường ĐH GTVT [H12.12.03.20]. Định kỳ theo học kỳ của năm học, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các mặt hoạt động của nhà trường, về tình hình giảng dạy của giảng viên bằng hình thức online trong đó có đề cập đến nội dung môn học/học phần ... [H12.12.03.21].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp đối thoại với sinh viên để trao đổi, lắng nghe, đối sánh, rút kinh nghiệm và cải thiện chất lượng thể hiện qua các buổi đối thoại sinh viên [H12.12.03.14] cùng với các cố vấn học tập luôn đồng hành với sinh viên [H12.12.03.15].

Chất lượng học tập của sinh viên còn thể hiện ở việc sinh viên có việc làm sau khi ra trường. Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên sau 1 năm ra trường [H12.12.03.24], các báo cáo về kết quả khảo sát được phòng Khảo thí và BDCLĐT tập hợp và báo cáo cho lãnh đạo Khoa và Nhà trường [H12.12.03.25]. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường rất tốt trên 90%. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm so với các thông tin công khai của Trường Đại học Thủy Lợi, Trường Đại học Mỏ Địa chất thì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của Trường ĐH GTVT có việc làm sau 1 năm là khá tốt và tương đối ổn định.

Đối sánh về NCKH: trong giai đoạn từ năm 2016 – 2020 cán bộ giảng viên Nhà trường đã thực hiện 14 đề tài cấp Nhà nước, 89 đề tài cấp Bộ và 523 đề tài cấp trường. Nhà trường đã được công nhận trong top 50 cơ sở giáo dục đại học có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam năm 2019. Giai đoạn 2018-2020, Trường Đại học Giao thông vận tải đạt nhiều kết quả tích cực trong công tác NCKH và CGCN. Nhà trường được giao chủ trì thực hiện hơn 10 nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp quốc gia, hơn 50 nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp bộ, tỉnh và tương đương. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường tăng đáng kể. Mỗi năm, sinh viên của trường đều giành từ 3 đến 4 giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” do Bộ GDĐT tổ chức [H12.12.03.26]; [H12.12.03.27].

Để nâng cao chất lượng NCKH, Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ giảng viên công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước. Nhà trường có chế độ hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, báo chuyên ngành trong nước và áp dụng định mức NCKH [H12.12.03.28]. Nhà trường ban hành Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động KHCN; Quy định đổi giờ viết báo khoa học sang giờ giảng dạy [H12.12.03.29].

Việc so chuẩn, đối sánh giúp Nhà trường tăng cường các hoạt động BDCL còn giúp các đơn vị xác định những điểm mạnh của mình và điểm yếu từ đó điều chỉnh phù hợp với nhu cầu ngày một phát triển của xã hội. Nhà trường luôn đổi mới sáng tạo trong quản lý cũng như trong đào tạo để bắt kịp với thị trường lao động ngày một

khắc khe và cạnh tranh. Giai đoạn 2020-2025, nhà trường phấn đấu trở thành trường đại học nghiên cứu theo chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và khu vực [H12.12.01.03], [H12.12.01.04]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng đã được Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá cụ thể: các thông tin về tuyển sinh, CTĐT, BĐCL, Tài chính, Nhân sự được thể hiện qua báo cáo cơ sở dữ liệu trong giai đoạn 2016-2020 [H12.12.03.27].

Đào tạo: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đã họp đề rà soát quy trình lựa chọn và sử dụng thông tin so chuẩn về quy định phát triển CTĐT [H12.12.03.07], [H12.12.03.10][H12.12.04.01][H12.12.04.02][H12.12.04.03]. Theo đó, định kỳ 2 năm, Nhà trường thực hiện rà soát CTĐT theo đúng các quy định phát triển CTĐT, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan từ đó đưa ra các nhận xét, căn cứ để rà soát CTĐT [H12.12.03.20][H12.12.03.21].

Theo lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, trong giai đoạn từ năm 2016 – 2020 tất cả các khoa đều triển khai rà soát, cải tiến CTĐT. Qua mỗi đợt rà soát, cập nhật CTĐT, với vai trò là đơn vị đầu mối Phòng Đào tạo đã rà soát và có những điều chỉnh quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT, những thay đổi đó là: đã ban hành quy định phát triển CTĐT với các quy trình xây dựng CTĐT mới theo hướng tiếp cận CDIO, xây dựng CTĐT theo nghị định 99/2019/NĐ-CP [H12.12.03.06]

Trong quá trình xây dựng, cập nhật, đối sánh CTĐT, Nhà trường đã tham khảo để thực hiện so chuẩn, đối sánh CTĐT của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Thủy Lợi, Trường Đại học Mở địa chất, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Kiến trúc[H12.12.04.04][H12.12.04.05]

Nhà trường đã tham khảo và thực hiện so chuẩn, đối sánh CTĐT của các trường đại học ở nước ngoài khi thực hiện xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT cụ thể: trường đại học Leeds của Vương Quốc Anh, trường đại học Bedfordshire của Vương Quốc Anh, trường Đại học THKT Dresden của CHLB Đức ...[H12.12.04.06]. Kết quả so chuẩn, đối sánh được Nhà trường tổng hợp làm căn cứ khi xây dựng mới cũng như rà soát CTĐT trong thời gian vừa qua [H12.12.04.07].

Về việc lựa chọn các trường đại học đối tác trong nước và quốc tế để hợp tác nghiên cứu và đào tạo, nhà trường đã áp dụng thủ tục rà soát từ năm 2016, theo đó khi ký thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước, hiện tại Phòng NCPT&HTQT làm đầu mối trao đổi [H12.12.04.08].

Khoa quản lý sinh viên và Phòng Công tác chính trị và sinh viên chịu trách nhiệm khai thác các mối quan hệ với Doanh nghiệp và cựu người học nhằm hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, các khoa quản lý sinh viên triển khai và quản lý sinh viên thực tập tại các Doanh nghiệp và các đối tác hợp tác [H12.12.04.09].

Các hoạt động HTQT được triển khai dựa theo Quy định quản lý hoạt động HTQT [H12.12.04.10], trong đó quy định rõ các quy định hoạt động, quy trình về hợp tác quốc tế: theo đó, việc theo dõi các hoạt động cụ thể do Phòng NCPT&HTQT chịu trách nhiệm trực tiếp, phối hợp và phân quyền cho các đơn vị trong Nhà trường khi triển khai các công tác HTQT mà họ làm đầu mối. Phòng sẽ xem xét các hồ sơ đối tác nếu đạt các tiêu chuẩn hợp tác của Nhà trường sẽ tiến hành ký kết và báo cáo Bộ GD&ĐT cho phép cùng các đơn vị bắt đầu thỏa thuận thêm với các đối tác. Nhà trường tăng cường mở rộng hợp tác với các cơ sở giáo dục và các doanh nghiệp trong nước có uy tín và tiềm lực về kinh tế [H12.12.02.02]. Tuy nhiên, hiện nay nhà trường chưa tham chiếu đa dạng các tiêu chí đối sánh của các CSGD khác khi lựa chọn các thông tin so chuẩn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trên cơ sở tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về mục tiêu của CTĐT trong nhà trường với các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy; Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành; đề cương chi tiết các môn học thuộc ngành đào tạo [H12.12.05.01]. Nhà trường luôn cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm tiến hành rà soát CDR theo kế hoạch trong đó có các năng lực tổ hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, mở rộng thêm ngành và liên kết đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ Đại học CTTT và CLC; Ban hành CTĐT chương trình CLC, CTTT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần CTĐT trình độ Đại học CTTT và CLC của Trường ĐH GTVT [H12.12.05.02]. Nhà trường đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận CDIO, triển khai chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, rà soát CDR theo hướng tiếp cận CDIO [H12.12.05.03]. Công tác lấy ý kiến người học của các bên liên quan cũng được nhà trường chú trọng và hàng năm tiến hành khảo sát định kỳ để lấy ý kiến của các bên liên quan về các mặt hoạt động của nhà trường, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên bằng hình thức online [H12.12.05.04].

Để đối sánh CDR, CTĐT, nhà trường đã tập hợp các tiêu chí chọn đối tác, tiêu chí so chuẩn CTĐT, định kỳ 02 năm/lần Hội đồng khoa học của khoa và Nhà trường

hợp để rà soát quá trình thực hiện các bước lựa chọn đối tác, sử dụng tiêu chí so chuẩn theo hướng dẫn đã thực sự phù hợp chưa, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí để nhà trường mở rộng mối quan hệ hợp tác [H12.12.05.05].

Sau khi rà soát các quy chế, quy định, quy chế, quyết định và các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về công tác tổ chức thi KTHP trong đó có nêu rõ chức năng nhiệm vụ của đơn vị Khảo thí & BDCLĐT [H12.12.01.06]; Hoàn thiện công tác tổ chức thi kết thúc học phần đối với SV đại học hệ chính quy; Sổ tay sinh viên trong đó giới thiệu về nhà trường và có các quy chế, quy định cần biết trong quá trình học tập, rèn luyện trong nhà trường và hướng dẫn thực hiện các bước theo quy định, quy chế [H12.12.05.06].

Trên cơ sở kết quả so chuẩn, đối sánh Nhà trường đã rà soát, cập nhật CTĐT cụ thể: CTĐT đã bổ sung một số học phần nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, thực tiễn đào tạo hoặc lược bớt một số học phần; hoặc tăng, giảm số tín chỉ học phần. Nhà trường bổ sung các đầu sách báo, tạp chí, giáo trình điện tử, bài giảng E-Learning giúp nâng cao chất lượng giảng dạy trong Nhà trường. Phát triển hình thức đào tạo trực tuyến E-Learning để sinh viên có thể được học với các chuyên gia trong nước thông qua Internet, giảm chi phí đào tạo [H12.12.05.07]. Nhà trường tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội; Hướng các hoạt động của cán bộ, giảng viên đến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội như các hoạt động ngoại khóa, văn thể mỹ và các câu lạc bộ sinh viên [H12.12.05.08]. Tăng cường hợp tác, trao đổi với các trường trong và ngoài nước có cùng CTĐT [H12.12.04.04][H12.12.04.05][H12.12.04.06], các doanh nghiệp [H12.12.02.02]. Dựa trên thực tế triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để các hoạt động này luôn được nâng cao chất lượng và được cải tiến xuyên suốt, Nhà trường đã định kỳ xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác BDCL định kỳ hàng năm [H12.12.05.09]; trong các báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của các đơn vị [H12.12.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện công tác TĐG theo hướng dẫn thông tư được ban hành của Bộ GD&ĐT, từng bước điều chỉnh và có những bước lựa chọn đối tác và các tiêu chí chọn đối tác, các tiêu chí lựa chọn nội dung so chuẩn, đối sánh.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa tham chiếu đa dạng các tiêu chí đối sánh của các CSGD khác

khi lựa chọn các thông tin so chuẩn.

Nhà trường chưa ban hành Quy trình lựa chọn đơn vị đối sánh, Tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh và so chuẩn

3. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiến hành tham khảo các tiêu chí đối sánh của CSGD trong nước, khu vực và quốc tế. Từ đó để tham chiếu đối với các tiêu chí đối sánh của Nhà trường ngay trong năm học 2020-2021.

Nhà trường Lập kế hoạch công tác BDCL dài hạn, ban hành các quy định, quy chế cụ thể như: công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, kế hoạch nâng cao nguồn thu của nhà trường, so chuẩn, đối sánh nguồn lực tài chính.

Nhà trường sẽ ban hành Quy trình lựa chọn đơn vị đối sánh, Tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh và so chuẩn vào năm học tới.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng tiêu chí lựa chọn đối sánh cải tiến chất lượng mọi mặt	P.KT&BDCLĐT	Năm học 2021-2022	
		Lập kế hoạch công tác BDCL dài hạn	P.KT&BDCLĐT	Theo năm học	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	5,0
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.4	5

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1 Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, Nhà trường đã thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng yêu cầu của Bộ giáo dục và đào tạo. Để thực hiện công tác tuyển sinh, hàng năm Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng, trong đó Phòng KT&BDCLĐT là đơn vị thường trực **[H13.13.01.01]**. Dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT **[H13.13.01.02]** và kết quả tuyển sinh của trường trong các năm trước, Hội đồng tuyển sinh xây dựng các văn bản hướng dẫn, đề án tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh riêng hàng năm, phân công trách nhiệm và xác định thời gian cụ thể cho các bộ phận/cá nhân liên quan **[H13.13.01.03, H13.13.01.04]**. Kế hoạch và chính sách tuyển sinh của Trường đã bám sát chiến lược phát triển trường **[H13.13.01.05]**, từ việc giữ vững và phát triển quy mô theo từng giai đoạn. Nắm bắt xu thế phát triển ngành nghề của xã hội để xây dựng và phát triển một số ngành học mới đáp ứng nhu cầu cao của xã hội và phát huy hết nguồn lực của Nhà trường **[H13.13.01.06]**.

Là một trường đại học công lập, tuyển sinh và đào tạo đa dạng các ngành. Hiện nay, Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo 25 ngành trình độ trình độ đại học, 12 ngành thạc sĩ và 8 hướng chuyên sâu trong đào tạo tiến sĩ. Theo đặc thù của mỗi bậc đào tạo, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và chính sách tuyển sinh khác nhau, phù hợp với từng chương trình đào tạo, với từng bậc, từng hệ đào tạo. Tất cả các điều này được thể hiện thông qua các thông báo tuyển sinh, đề án tuyển sinh hàng năm **[H13.13.01, H13.13.01.04]**. Với mỗi bậc đào tạo và tuyển sinh, Nhà trường đều thành lập các Hội đồng tuyển sinh và giao trách nhiệm xây dựng, điều hành các hoạt động trong quá trình tuyển sinh **[H13.13.01.01]**. Nhà trường luôn chú trọng việc xây dựng các chính sách nhằm thu hút người học chất lượng cao đến với các ngành học tất cả các bậc học từ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ. Các chính sách đó thể hiện rõ trong các thông báo tuyển sinh, các đề án tuyển sinh hàng năm **[H13.13.01.04, 13.13.01.07]**. Chính sách tuyển sinh luôn được cập nhật và điều chỉnh: Đối với bậc đại học: Nhà trường áp dụng chủ trương mở rộng nguồn tuyển thông qua mở rộng tổ hợp môn xét tuyển cho từng ngành (các năm trước 2016, trường chỉ tuyển duy nhất khối A00 cho tất cả các ngành, năm 2016 có bổ sung thêm khối A01, năm 2018 tiếp tục bổ sung thêm khối D01 cho một số ngành khối kinh tế, đến nay, hầu hết các ngành đều tuyển bằng 4 tổ hợp môn xét tuyển). Phương thức tuyển sinh cũng được điều chỉnh theo hướng tăng phương thức tuyển sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thu hút đông người học đến với trường: trước năm 2019, trường chỉ tuyển qua kết quả thi THPTQG và tuyển thẳng học sinh giỏi QG. Năm 2019, Trường đã bổ sung thêm phương thức xét

tuyển từ học bạ THPT cho một số ngành, năm 2020 đã mở rộng tuyển Học bạ với tất cả các ngành và thêm phương thức xét tuyển kết hợp với các CTTT và CLC [H13.13.01.04]. Đối với bậc sau đại học, Nhà trường đã điều chỉnh và mở rộng nguồn tuyển thông qua việc bổ sung các ngành được học bổ sung kiến thức để được quyền dự thi vào các ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Trường [H13.13.01.07, H13.13.01.08]. Các chính sách ưu tiên được thể hiện qua việc ưu tiên về điểm số đầu vào cho các thí sinh thuộc diện ưu tiên, thuộc các khu vực ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng các chính sách tuyển sinh riêng và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm như: quy định các đối tượng được tuyển thẳng; chính sách ưu tiên về chỗ ở nội trú trong khu KTX của Trường đối với SV thuộc diện chế độ chính sách và hộ nghèo; ưu tiên về học bổng đối với các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và có điểm thi đầu vào cao,... [H13.13.01.09].

Với mục tiêu cung cấp đầy đủ thông tin về đào tạo và tuyển sinh của Trường tới toàn thể người học, đồng thời giúp cho quá trình tuyển sinh đảm bảo tính minh bạch, công bằng cho mọi thí sinh và thu hút được nguồn thí sinh có chất lượng, bên cạnh các chính sách về tuyển sinh, các kế hoạch truyền thông phục vụ công tác tuyển sinh cũng được chú trọng xây dựng và thực hiện [H13.13.01.10]. Nhà trường giao cho Phòng CTCTSV chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông nói chung và công tác truyền thông trong tuyển sinh nói riêng. Đơn vị KT&BDCLĐT được giao nhiệm vụ thường trực trong công tác tuyển sinh nên chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với phòng CTCTSV để đảm bảo tất cả các thông tin về tuyển sinh đều được truyền tải đến người học bằng rất nhiều nguồn, nhiều kênh thông tin: Tổ chức tư vấn trực tiếp tại các trường THPT, ngày hội tư vấn hướng nghiệp do báo tuổi trẻ kết hợp với Bộ GD&ĐT tổ chức, trả lời qua trang tư vấn trực tuyến, đăng tải thông tin tuyển sinh trên cổng thông tin tuyển sinh <http://ts.utc.edu.vn> và trang fanpage của Trường [H13.13.01.11].

Việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh hiện đã trở thành công tác thường xuyên, hàng năm, ngay sau khi kết thúc công tác tuyển sinh của năm nay, Nhà trường đã triển khai công tác xây dựng đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo. Theo đó, các chính sách về tuyển sinh và kế hoạch truyền thông về tuyển sinh đã được cập nhật theo hướng: đúng quy chế, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tối đa quyền lợi của người học và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Trong giai đoạn 2016 – 2020 Nhà trường đã tiến hành rà soát và điều chỉnh

chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới và không ngừng nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo **[H13.13.02.01]**, thông qua đó, mỗi CTĐT đều được điều chỉnh cho phù hợp và là một trong những căn cứ để lựa chọn đối tượng tuyển sinh phù hợp. Hàng năm, theo kế hoạch tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh các bậc, các hệ theo quy định **[H13.13.01.01]**. Hội đồng tuyển sinh Nhà trường tiến hành họp bàn theo quy định hiện hành và xác định những tiêu chí để tuyển sinh với từng ngành và từng bậc đào tạo cụ thể cho từng năm căn cứ trên đề xuất của các Khoa chuyên môn. Kết luận của hội đồng tuyển sinh làm căn cứ để xây dựng và thông qua đề án tuyển sinh chung của toàn trường **[H13.13.01.03]**. Cụ thể:

Đối với tuyển sinh hệ đại học, Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu và tổ hợp môn xét tuyển cho từng ngành, thời gian và cách thức tuyển sinh **[H13.13.01.04, H13.13.01.07]**. Từ năm 2016 đến nay, đối với tuyển sinh đại học chính quy, Nhà trường tuyển chọn thí sinh bằng phương thức xét tuyển:

- Năm 2016, 2017, 2018: Nhà trường tuyển sinh theo 02 phương thức: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT và tuyển thẳng các học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế **[H13.13.01.04]**.
- Năm 2019: Nhà trường tuyển sinh theo 03 phương thức: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ đối với 1 số ngành và xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế **[H13.13.01.04]**.
- Năm 2020: Nhà trường tuyển sinh theo 04 phương thức: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ với tất cả các ngành; xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế, cuộc thi KHTK và xét tuyển kết hợp **[H13.13.01.04]**.

Ngoài ra, với các ngành đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo của Khoa Đào tạo Quốc tế **[H13.13.02.02]**. Hàng năm, căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Trường **[H13.13.01.03]**, các đơn vị cùng phối hợp để xây dựng và lựa chọn các tiêu chí tuyển sinh phù hợp với từng ngành và đối tượng tuyển sinh **[H13.13.02.03]**, đặc biệt là các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, Nhà trường lựa chọn những thí sinh luôn phải đạt ngưỡng đầu vào đảm bảo chất lượng cao như có các chứng chỉ quốc tế tiếng Anh/tiếng Pháp. Hơn nữa, nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo, Nhà trường tiến hành tuyển sinh và mở lớp kỹ sư tài năng cho khoa Cơ khí, Khoa Công trình với yêu cầu rất cao của thí sinh ứng tuyển **[H13.13.02.04]**.

Căn cứ vào quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ đã được ban hành, Nhà trường đã có

quy định rõ ràng về việc xét tuyển đối với nghiên cứu sinh, trong đó có yêu cầu về kiến thức, trình độ, bằng cấp, trình độ ngoại ngữ,... đối với các ứng viên **[H13.13.02.05]**.

Với tuyển sinh hệ thạc sĩ, các tiêu chí để tuyển chọn ứng viên cho bậc này được ban hành rõ ràng. Nhà trường công bố rõ ràng các quy định về học chuyển đổi với thí sinh thi tuyển bậc thạc sĩ đối với ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp **[H13.13.01.07]**. Ứng viên hệ đào tạo thạc sĩ được tuyển chọn qua hình thức thi tuyển. Thí sinh làm bài thi 3 môn: cơ bản, cơ sở và ngoại ngữ. Riêng môn ngoại ngữ, thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận thì sẽ được miễn thi. Thí sinh phải đạt tối thiểu 5/10 điểm trong mỗi môn thi thì mới được xem xét trúng tuyển.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dữ liệu tuyển sinh được thống kê đầy đủ **[H13.13.02.06]**, được sử dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý. Những thông tin về xu hướng chọn ngành học, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường PTTH có uy tín. Các bất cập khác trong quy trình, phương thức tuyển sinh cũng được thảo luận và rút kinh nghiệm **[H13.13.02.07]**.

Hàng năm, hội đồng tuyển sinh tiến hành được điều chỉnh các tiêu chí tuyển sinh cho các ngành, các bậc theo tình hình thực tế nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia thông qua việc phân tích dữ liệu tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh đưa ra các tiêu chí và phương thức tuyển sinh cho đợt tuyển sinh tiếp theo. Thông qua buổi họp, hội đồng tuyển sinh cũng xác định tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi, xét tuyển cho từng chương trình đào tạo **[H13.13.02.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.3 Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện

Từ năm 2016 đến nay, Bộ GD&ĐT đã triển khai quy định mới nên thí sinh hoàn toàn đăng ký dự thi, xét tuyển trực tuyến một cách thuận lợi và minh bạch dựa trên Hệ thống quản lý thi và tuyển sinh chung của cả nước. Hội đồng tuyển sinh quốc gia đảm bảo khách quan, minh bạch mọi khâu trong công tác tuyển sinh như tổ chức thi, chấm thi, thanh tra, giám sát. Công tác tuyển sinh của Nhà trường cũng như công tác chấm thi đều tuân thủ theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, có sự giám sát thanh tra của Bộ và được lưu vào biên bản **[H13.3.3.1, H13.3.3.2, H13.3.3.3, H13.3.3.7]**.

Hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch nhập học cho tân sinh viên, trong kế hoạch, Nhà trường có cụ thể hóa các nội dung: Thời gian nhập học **[H13.13.3.4]**, Phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trong những ngày tổ chức nhập học **[H13.13.3.5]**.

Quy trình giám sát công tác nhập học được Nhà trường thực hiện như sau: căn cứ số lượng sinh viên trúng tuyển, sau mỗi buổi nhập học, phòng Đào tạo đại học đều

báo cáo Ban Giám hiệu số lượng sinh viên đến nhập học. Phòng Đào tạo đại học có phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với từng bộ phận trong việc tiếp đón và kiểm tra hồ sơ nhập học của sinh viên (đối chiếu các giấy tờ với văn bản gốc)[H13.13.3.5].

Phòng Đào tạo đại học và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo là hai đơn vị phụ trách công tác tuyển sinh và nhập học của Trường. Bộ phận tuyển sinh của Nhà trường thường xuyên cập nhật, theo dõi thông tin tuyển sinh, cập nhật số liệu thí sinh trúng tuyển, và lập bảng thống kê phân tích số liệu[H13.13.1.17].

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích dữ liệu tuyển sinh [H13.13.1.17].

Sau quá trình nhập học và công tác tổ chức đào tạo đi vào ổn định, Nhà trường sẽ thành lập Ban kiểm tra sau tuyển sinh. Thành phần của Ban kiểm tra gồm các bộ phận chính như: Bộ phận thường trực giữ nhiệm vụ chỉ đạo chung; Bộ phận kiểm tra hồ sơ trúng tuyển xác nhận nhập học, đối tượng ưu tiên; Bộ phận kiểm tra hồ sơ nhập học. Sau quá trình kiểm tra lại toàn bộ quá trình sinh viên nhập học vào trường, Nhà trường sẽ ra thông báo về kết quả của công tác kiểm tra sau tuyển sinh và công bố công khai. Tất cả những sai sót hay những vấn đề cần khắc phục của các đơn vị chức năng được lập báo cáo kết quả khắc phục và báo cáo Nhà trường thông qua đơn vị chuyên trách là phòng Thanh tra - Pháp chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.4 Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Hàng năm, Nhà trường định kỳ giám sát công tác tuyển sinh, trong các buổi họp về công tác tuyển sinh đều có phân tích đánh giá so sánh với năm trước[H13.13.1.17].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch thanh tra các nội dung tuyển sinh và được cụ thể hóa thành văn bản giao cho Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện và giám sát nhằm đảm bảo khách quan[H13.13.4.1].

Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm chính trong việc thực thi và giám sát công tác tuyển sinh, ngoài ra có sự thanh tra của Phòng Thanh tra - Pháp chế.

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch về công tác thanh tra, kiểm tra các mặt hoạt động trong đó có nội dung thanh tra giám sát việc tuyển sinh, nhập học[H13.13.4.1].

Các quy định về quá trình tổ chức thi tuyển được ban hành nhằm việc tổ chức kỳ thi được diễn ra đúng quy định[H13.13.3.1, H13.13.3.2].

Sau kỳ tuyển sinh, Nhà trường thông qua phân tích để đánh giá các công tác thanh tra, giám sát nhằm rút kinh nghiệm cho công tác giám sát tuyển sinh năm tiếp theo [H13.13.3.3]. Việc kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình tuyển sinh và nhập học của nhà

trường được thực hiện nghiêm túc thông qua việc thành lập Ban kiểm tra sau tuyển sinh và nhập học. Kết quả của công tác thanh tra sẽ được phân tích làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và được Nhà trường ra thông báo công khai toàn trường. Những sai sót hoặc những vấn đề cần khắc phục được các đơn vị chức năng báo cáo cụ thể với Ban giám hiệu thông qua đơn vị chuyên trách là phòng Thanh tra - Pháp chế.

Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh, nhập học hàng năm, Nhà trường xem xét lại các mốc thời gian tuyển sinh, nhập học cho tân sinh viên, thảo luận và xem xét điều chỉnh mốc thời gian nếu chưa hợp lý.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Công tác tuyển sinh được Nhà trường quan tâm và thường xuyên có các giải pháp cải tiến từ khâu truyền thông tuyển sinh (tham gia các đợt tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp do các Báo tổ chức tại các địa phương, chủ động tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh tới các trường THPT, chủ động đưa các thông tin về tuyển sinh lên các phương tiện thông tin đại chúng, biên tập và công bố những câu hỏi thường gặp giúp thí sinh hiểu rõ hơn về quy trình tuyển sinh cũng như những thông tin về ngành nghề, chỉ tiêu và cơ hội việc làm của từng ngành). Những giải pháp đưa ra giúp đem lại hiệu quả và đảm bảo tính hợp lý [H13.3.1.14, H13.3.1.15, H13.3.1.16]. Nhà trường có những điều chỉnh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H13.13.1.3, H13.13.1.4, H13.3.1.5].

Năm 2016 trở lại đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hợp nhất hai kỳ thi tuyển sinh và kỳ thi tốt nghiệp THPT thành kỳ thi THPT Quốc gia nên công tác tổ chức thi tuyển chỉ thực hiện đối với các trình độ cao học, trình độ đại học được Nhà trường chuyển sang hình thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách tuyển thẳng các học sinh đoạt giải Học sinh giỏi Quốc gia [H13.13.1.7],[H13.13.1.8].

Nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh của SV và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tiếng Anh, từ năm 2016 trở lại đây, Nhà trường đã xét tuyển các thí sinh các ngành với tổ hợp môn thi Toán, Lý và tiếng Anh, bên cạnh tổ hợp môn thi Toán, Lý và Hóa [H13.13.1.3].

Nhà trường đã cải tiến công tác nhập học như tăng số lượng bàn tiếp đón sinh viên, tăng số ngày nhập học để giảm quá tải do số lượng thí sinh trúng tuyển đông. Nhà trường đã đưa ra nhiều cải tiến trong công tác nhập học đầu năm:

- Nhà trường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác nhập học. Sử dụng mã vạch để quản lý sinh viên nhập học; Tạo kênh thông tin cho tân sinh viên tiếp cận

quy trình nhập học từ địa phương, đưa các thủ tục có thể đăng ký, khai báo lên hệ thống đăng ký online [H13.13.3.4].

- Thông qua trang Thông tin tuyển sinh, Nhà trường tạo các fanpage để trả lời thắc mắc trực tiếp cho sinh viên về công tác tuyển sinh, lấy ý kiến phản hồi qua mạng [H13.13.1.15]. Có đường dây nóng để thí sinh phản ánh về công tác tuyển sinh 0243.7606352. Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ tiếp đón tân sinh viên [H13.13.5.1]. Nhà trường có 1 tuần sinh hoạt công dân cho tân sinh viên [H13.13.5.2].

- Mọi ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác tuyển sinh qua các kênh thông tin sẽ được tiếp thu và điều chỉnh kịp thời nếu chưa hợp lý [H13.13.5.3].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Công tác lập kế hoạch tuyển sinh được thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công cụ thể, các thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng. Đồng thời Nhà trường có sử dụng nhiều phương tiện, phương pháp để tăng hiệu quả công tác truyền thông tuyển sinh.

- Các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai, minh bạch.
- Việc giám sát tuyển sinh, quy trình nhập học, đón tiếp tân sinh viên được chú trọng, áp dụng công nghệ thông tin, phân công rõ ràng, cụ thể.

- Nhà trường có các biện pháp giám sát tuyển sinh cụ thể, phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phòng Thanh tra - Pháp chế có bộ phận chuyên trách về công tác giám sát các kỳ thi, nâng cao tính minh bạch, khách quan trong công tác giám sát các công tác tổ chức thi, chấm thi và các công tác khác.

- Nhà trường luôn quan tâm, tiếp thu ý kiến của các sinh viên để nâng cao, điều chỉnh công tác tuyển sinh, đón tiếp tân sinh viên với tinh thần phục vụ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Công tác phục vụ cộng đồng chưa thực sự gắn kết tốt với công tác truyền thông tuyển sinh.

- Việc xin ý kiến góp ý về công tác tuyển sinh từ các bên liên quan chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa các phòng ban liên quan bao gồm : Phòng Khảo thí và BDCLĐT, Phòng CTCT & QLSV, Phòng ĐTĐH để tăng cường hiệu quả của công tác tuyển sinh.	Phòng ĐTĐH	
2		Có cơ chế tài chính cụ thể, phát huy quỹ học bổng và quỹ hỗ trợ phát triển tài năng cho những thí sinh có học lực giỏi.	Phòng Tài chính kế toán	
3		Đề cao trách nhiệm của các cán bộ tuyển sinh, CB, GV thực hiện công tác tuyển sinh	Khoa và Phòng ban	
4	Tăng cường điểm mạnh	Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, các hội thảo tuyển sinh, công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên.	Phòng Khảo thí và BDCLĐT	
5		Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường với địa phương, tổ chức, các trường PTTH.		
6		Tăng cường truyền thông về vai trò, vị trí và uy tín của Trường thông qua các dự án trọng điểm của thành phố, quốc gia.		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>6/7</i>
Tiêu chí 13.1	<i>6/7</i>
Tiêu chí 13.2	<i>6/7</i>
Tiêu chí 13.3	<i>6/7</i>
Tiêu chí 13.4	<i>6/7</i>
Tiêu chí 13.5	<i>6/7</i>

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển đào tạo giai đoạn 2008-2020 và giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H14.14.1.1], trong đó có kế hoạch mở mới các ngành đào tạo trong từng giai đoạn và có phân công các đơn vị liên quan đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển đào tạo này. Để triển khai xây dựng CTĐT các ngành mở mới và rà soát CTĐT các ngành đã có, căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành kế hoạch về xây dựng, rà soát CTĐT [H14.14.1.2] và kế hoạch rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện Đề cương chi tiết các học phần [H14.14.1.3].

Quy trình xây dựng mới áp dụng khi các đơn vị cần mở một CTĐT mới. Quy trình rà soát quy định việc định kỳ rà soát tổng thể CTĐT, đề cương các học phần. Nhà trường ban hành quyết định cho các đơn vị thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT), các đơn vị chủ động nghiên cứu TT 07/2015 trong quá trình triển khai phù hợp với đặc thù riêng của từng CTĐT. Hồ sơ xin mở ngành đào tạo được Nhà trường thực hiện theo thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT). Quy trình xây dựng CTĐT được Khoa và các Phòng ban chức năng thực hiện như sau:

Đầu tiên, Khoa sẽ triển khai thu thập thông tin từ các bên liên quan để xác định nhu cầu nhân lực của xã hội và yêu cầu của nhà sử dụng lao động thông qua các hình thức như gửi email, gửi phiếu thăm dò hoặc gửi đường link điền trên hệ thống trang web của Khoa [H14.14.1.8];

Khoa phân công cho bộ môn phụ trách ngành xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT [H15.15.1.5]; xác định cấu trúc và nội dung của CTĐT (xác định được các môn học liên quan đáp ứng chuẩn đầu ra) [H15.15.1.6];

Bộ môn phân công giảng viên thực hiện đối sánh cấu trúc và nội dung của CTĐT đang xây dựng với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để điều chỉnh; Giảng viên thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định trong đó có thiết lập chuẩn đầu ra của môn học, phương pháp giảng dạy, học tập cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên [H15.15.1.7];

Bộ môn phụ trách ngành đào tạo phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT. Các bên liên quan bao gồm: Doanh nghiệp có liên quan đến ngành

ngành đang xây dựng CTĐT và các cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành gần đến góp ý cho Bộ môn về chuẩn đầu ra và nội dung môn học trong CTĐT;

Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa sẽ thông qua và sau đó trình phê duyệt bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa và sau đó bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường **[H14.14.1.5]**, trước khi thực hiện thẩm định CTĐT.

Hội đồng thẩm định CTĐT và đề cương môn học bao gồm các chuyên gia giáo dục đến từ các Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các nhà sử dụng lao động **[H14.14.1.6]**. Nhà trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của hội đồng tuân theo các Quy định của Bộ GD&ĐT. Các Khoa, Bộ môn phụ trách ngành sẽ tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT, đề cương môn học căn cứ trên biên bản họp của Hội đồng thẩm định. Sau khi CTĐT được hoàn thiện và được Hội đồng thẩm định xác nhận, căn cứ đề nghị của Trưởng Khoa và Trưởng Phòng Đào tạo đại học, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định chính thức ban hành CTĐT, đề cương môn học.

Trong quá trình triển khai áp dụng CTĐT, Nhà trường sẽ định kỳ ít nhất 2 năm/lần tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT các ngành. Quy trình rà soát CTĐT được các Khoa thực hiện hàng năm nhằm đánh giá CTĐT để từ đó có thể điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT, nội dung, phương pháp dạy và học cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá các môn học trong CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT **[H14.14.1.7]**.

Nhà trường ban hành Thông báo về Kế hoạch xây dựng và rà soát Đề cương các học phần, trong đó có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị chức năng thực hiện theo các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H14.14.1.2]**, **[H14.14.1.3]**.

Từ tháng 01 năm 2019, nhằm nỗ lực đổi mới chất lượng đào tạo, Nhà trường đã cùng với 04 trường đại học khối kỹ thuật khu vực Hà Nội tham gia ký kết Dự án hợp tác với.

Trường Đại học Bách khoa Singapore, triển khai mô hình đào tạo theo phương pháp CDIO do Quỹ Temasek Quốc tế tài trợ. Theo cách tiếp cận CDIO, khi xây dựng và nâng cấp các chương trình đào tạo phải tuân thủ các quy trình chặt chẽ, từ khâu xây dựng CDR, thiết kế khung chương trình, chuyển tải khung chương trình vào thực tiễn và đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng như đánh giá toàn bộ Chương trình.

Quy trình xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO được Khoa và các Phòng ban chức năng thực hiện như sau:

1. Đề xuất khung chương trình đào tạo;
2. Xác định mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra;
3. Thiết kế CTĐT tích hợp. Để thiết kế, cần dựa trên các nguyên tắc thiết kế

CTĐT, cấu trúc CTĐT, trình tự giảng dạy, kiến thức và kỹ năng và đưa ra bảng phân bố kỹ năng cho các học phần;

4. Thiết kế đề cương chi tiết các học phần[H14.14.1.3].

Đào tạo theo cách tiếp cận CDIO giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực thực tiễn và có ý thức trách nhiệm với xã hội[H14.14.1.2], [H14.14.1.3].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã có kế hoạch hướng dẫn, phân công cho các đơn vị liên quan để triển khai xây dựng, rà soát chuẩn đầu ra của các CTĐT và chuẩn đầu ra của các môn học [H14.14.2.1].

Trong quy trình xây dựng và rà soát CTĐT, các Khoa phải thu thập thông tin, xin ý kiến để xác định nhu cầu các bên liên quan (Giảng viên, sinh viên và nhà tuyển dụng), từ đó các Khoa sẽ xác định hoặc điều chỉnh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT sao cho đáp ứng các nhu cầu này [H14.14.1.4].

Chuẩn đầu ra CTĐT được cụ thể hoá thành nhiều mức nhận thức, chi tiết hoá và định lượng hoá thành các CDR chi tiết. Các chuẩn đầu ra chi tiết này sau đó được bố trí vào các môn học để trở thành các chuẩn đầu ra của môn học. Khi phân bổ các chuẩn đầu ra chi tiết vào các môn học, các đơn vị khi xây dựng hoặc rà soát CTĐT phải đảm bảo nguyên tắc: lặp lại và tăng dần, nghĩa là các chuẩn đầu ra này phải được lặp lại và tăng dần lên ở nhiều môn học để người học có thể rèn luyện và học tập cùng một kiến thức hoặc kỹ năng nhiều lần trong quá trình học. Tùy theo mức độ nhận thức hoặc kỹ năng của chuẩn đầu ra cao hoặc thấp theo thang cấp độ tư duy giáo dục (Bloom) mà chuẩn đầu ra cần lặp lại nhiều hoặc ít. Nếu chuẩn đầu ra chỉ ở mức “biết” hoặc “hiểu” thì có thể chỉ 1 hoặc 2 lần nhưng nếu chuẩn đầu ra ở mức “vận dụng” thì phải lặp nhiều lần.

Chuẩn đầu ra của các CTĐT và chuẩn đầu ra các môn học đã được rà soát điều chỉnh vào năm học 2016-2017 theo Thông báo số 803/TB-ĐHGTVT ngày 28/10/2016 và ban hành rộng rãi trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường [H14.14.2.5]; được rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H14.14.2.2], [H14.14.2.3]. Theo đúng kế hoạch, vào tháng 9 năm 2018, Nhà trường đã ban hành CTĐT sau rà soát điều chỉnh và áp dụng bắt đầu từ K59 [H14.14.2.5].

Hiện nay theo kế hoạch xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, Nhà trường đã hoàn thiện kế hoạch xây dựng chuẩn đầu ra và ma trận tích hợp cấp độ 3 cho các ngành và

chuyên ngành trong toàn trường. Trong quá trình các khoa xây dựng chuẩn đầu ra, việc lấy ý kiến của các bên liên quan là công tác rất quan trọng và được thực hiện bài bản [H14.14.2.3]. Nhà trường đang trong giai đoạn xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo phương pháp CDIO [H14.14.2.3]. Trên nền tảng phương pháp CDIO, Nhà trường với mục tiêu tiếp cận phương pháp giáo dục mới, mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và học tập trong một môi trường mở và thân thiện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3 Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học /học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Tất cả các học phần trong các CTĐT đều có đề cương theo mẫu thống nhất của Nhà trường [H14.14.3.1], trong đề cương ghi đầy đủ các nội dung:

- Tên môn học;
- Mã môn học;
- Số tín chỉ;
- Thời lượng giảng dạy, lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập;
- Thuộc chương trình đào tạo;
- Điều kiện ràng buộc môn học;
- Nội dung tóm tắt môn học;
- Các giảng viên tham gia giảng dạy;
- Các tài liệu sử dụng giảng dạy;
- Nội dung chi tiết giảng dạy;
- Chuẩn đầu ra môn học;
- Phương pháp giảng dạy để đạt chuẩn đầu ra.
- Phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra;

Các đề cương môn học được GV biên soạn dựa trên chuẩn đầu ra của môn học, Bộ môn tổ chức hội thảo góp ý, thông qua sau đó trình Hội đồng Khoa học đào tạo Khoa phê duyệt [H14.14.3.2]. Khi soạn thảo đề cương môn học, các GV xuất phát từ chuẩn đầu ra của môn học được lấy từ chuẩn đầu ra của CTĐT mà môn học đó cần phải có, để định ra nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá phù hợp. Các đề cương môn học đều được công bố công khai [H14.14.3.3] và được GV giới thiệu cho người học buổi đầu tiên, trên cơ sở đó người học sẽ nắm rõ nội dung chương trình học của học phần đó để chuẩn bị cho kế hoạch học tập của bản thân.

Đối với đề cương theo phương pháp CDIO, ngoài giới thiệu chi tiết về nội dung, chuẩn đầu ra môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá,...Nhà trường rất chú trọng đến hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên. Với mỗi chương, hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động học tập của sinh viên được thể hiện rất chi tiết và cụ thể [H14.14.3.2].

Khi thiết kế CTĐT, các khoa đồng thời xây dựng tiến độ đào tạo dự kiến [H14.14.3.4], theo đó người học có thể đăng ký học theo tiến độ này có thể hoàn thành CTĐT đúng hạn. Nhà trường luôn mở đăng ký các học phần đào tạo theo tiến độ dự kiến này [H14.14.3.5]. Khi xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, Nhà trường đảm bảo bố trí các môn học một cách khoa học [H14.14.3.6]. Chương trình đào tạo được công bố cho người học, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua website của Trường, niên giám chương trình đào tạo,...theo đúng quy định của Nhà trường.

Người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được chuẩn đầu ra, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H14.14.3.7].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4 Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được nhà trường thực hiện theo kế hoạch. Cụ thể, đối với đợt rà soát năm 2017, Nhà trường ban hành Thông báo hướng dẫn số 609/HD-ĐHGTVT ngày 20/7/2017. Chương trình đào tạo sau rà soát được ban hành vào tháng 9 năm 2018. [H14.14.5.2]. Khi xây dựng chương trình dạy học, sau khi xác định mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, các Khoa thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình [H14.14.4.1].

Dựa trên các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Hội đồng KH&ĐT Khoa có thể điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra cho phù hợp [H14.14.4.2]. Sau khi xác định danh sách các học phần, đề cương các học phần, tiến độ đào tạo dự kiến, các khoa thực hiện đối sánh một số CTĐT tương ứng của một số trường đại học trong và ngoài nước [H14.14.4.3]. Trong quá trình vận hành CTĐT, các khoa phải thực hiện đánh giá mức độ tích lũy các chuẩn đầu ra của người học qua các môn học từ đó xem xét điều chỉnh thiết kế CTĐT. Nhà trường hiện đang thực hiện xây dựng chương trình

đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc thay đổi phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá theo phương pháp CDIO được nhà trường đặc biệt chú trọng **[H14.14.4.4]**:

Tiến độ đào tạo dự kiến: Điều chỉnh mở môn học sớm, hay muộn;

Chuẩn đầu ra môn học: Tăng hoặc giảm chuẩn đầu ra môn học;

Phương pháp giảng dạy: Điều chỉnh phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra;

Phương pháp đánh giá: thay đổi phương pháp đánh giá để đảm bảo tính tin cậy và giá trị.

Định kỳ rà soát tổng thể chương trình đào tạo, Hội đồng KH&ĐT các khoa thực hiện: Đối sánh với các CTĐT cùng lĩnh vực của các trường đại học trong và ngoài nước. Ví dụ như đối với khoa Công trình, khi cần đối sánh chương trình đào tạo thì Khoa tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo của Trường đại học Alabama của Hoa Kỳ và Trường đại học kỹ thuật Nanyang của Singapore **[H14.14.4.3]**. Việc lựa chọn CTĐT để tham gia đối sánh được giao cho các giáo viên được đào tạo tại nước ngoài, có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa, bộ môn trực tiếp lựa chọn từ các CTĐT trong và ngoài nước của các trường mà chính các giảng viên đó có điều kiện hợp tác trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Thu thập dữ liệu về sự hài lòng của sinh viên đang theo học tại Trường **[H14.14.4.5]**; Thu thập dữ liệu của doanh nghiệp về sự đáp ứng của người học đối với yêu cầu thị trường lao động tương ứng **[H14.14.4.6]**; Thu thập dữ liệu về sự hài lòng của cựu sinh viên đối với CTĐT **[H14.14.4.7]**; Biên bản họp có ý kiến của các chuyên gia trong cùng lĩnh vực của từng Chuẩn đầu ra CTĐT **[H14.14.4.4]**.

Dựa vào phân tích dữ liệu điều tra của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, các khoa sẽ xem xét điều chỉnh tổng thể toàn bộ CTĐT: Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, danh sách các môn học, chuẩn đầu ra môn học, đề cương, tiến độ đào tạo dự kiến. Năm 2018, Nhà trường đã ban hành CTĐT sau rà soát, điều chỉnh cho tất cả các ngành và chuyên ngành **[H14.14.4.02]**, trong đó nhấn mạnh việc bổ sung các môn học tự chọn được xây dựng nội dung từ các ý kiến góp ý của các bên liên quan (doanh nghiệp, chuyên gia giáo dục, cựu sinh viên) để sản phẩm đào tạo tiếp cận gần với nhu cầu thực tiễn về năng lực, phẩm chất, chuyên môn mà doanh nghiệp và xã hội yêu cầu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Trong 5 năm trở lại đây, Nhà trường đã có 02 lần tổng thể rà soát lại CTĐT vào năm 2016, 2018: Toàn bộ CTĐT của hệ chính quy được rà soát và điều chỉnh lại theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H14.14.5.1]**; Các bên liên quan được mở rộng so với

trước đây; Các Khoa tăng cường hợp tác với các Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng SV tốt nghiệp từ các CTĐT của nhà trường, để thu thập các nhu cầu đào tạo của Doanh nghiệp được thuận lợi [H14.14.5.2].

Nhu cầu các bên liên quan trở thành thông tin quan trọng trong quá trình xây dựng CTĐT [H14.14.5.3]. Từ phía doanh nghiệp: chất lượng sinh viên có đáp ứng được nhu cầu công việc, sinh viên cần những kỹ năng nào? Từ phía sinh viên và cựu sinh viên: thời gian đào tạo, phương pháp giảng dạy, nội dung môn học... [H14.14.5.8]; Đợt rà soát CTĐT năm 2018 có các điểm cải tiến so với năm 2016 như sau:

Các mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra xuất phát từ nhu cầu các bên liên quan [H14.14.5.6], các CTĐT của phiên bản 2018 được tăng thêm thời lượng các học phần thực hành, thực tập,... sát với thực tế công việc mà doanh nghiệp và xã hội yêu cầu;

Nội dung của một số môn học được thay đổi, bổ sung các kiến thức mới. Nhiều kỹ năng nghề nghiệp được tích hợp vào CTĐT [H14.14.5.7], [H14.14.5.4];

Bổ sung các môn học tự chọn vào CTĐT để tăng khả năng lựa chọn của SV [H14.14.5.5], các môn tự chọn trong CTĐT phiên bản 2018 được xây dựng dựa trên nội dung góp ý về lĩnh vực chuyên môn của các chuyên gia giáo dục, các nhà tuyển dụng với các tiêu chí, yêu cầu về chuẩn đầu ra môn học được xác định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Chương trình đào tạo, đề cương các học phần được xây dựng và rà soát theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới. Công tác này được thực hiện theo một phương pháp khoa học, chặt chẽ, hệ thống. Quá trình này được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng từ Nhà trường. Quy trình được áp dụng thống nhất, nghiêm túc trên quy mô toàn trường;

Mẫu đề cương được thiết kế khoa học, rõ ràng, chi tiết các đầu mục giúp cho SV dễ dàng trong tiếp cận môn học, đặc biệt là đề cương theo phương pháp CDIO.

Nhà trường đã ban hành chính thức bản mô tả CTĐT, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết các học phần và công bố công khai cho người học, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua website của Trường, niên giám chương trình đào tạo để phát cho sinh viên nhập học đầu khóa.

Các hoạt động dạy và học được triển khai theo kế hoạch hướng tới đạt chuẩn đầu ra: Thông qua đề cương chi tiết được cụ thể hóa thành các bài giảng môn học, qua hoạt động giảng dạy và học của giảng viên và sinh viên, kiểm tra- đánh giá trong quá trình học tập giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy học được nhà trường giám sát đảm bảo theo đúng kế hoạch.

Các quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được nhà trường

thường xuyên cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi của các bên liên quan. Đặc biệt, Nhà trường đã nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc tham gia Dự án hỗ trợ xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO do Quỹ Temasek Quốc tế tài trợ;

Chương trình đào tạo được thiết kế là một CTĐT tích hợp có các khoa học kiến thức chuyên ngành hỗ trợ lẫn nhau, có một kế hoạch rõ ràng, trong tích hợp các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống;

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức nghề nghiệp vào xây dựng đề cương của Nhà trường còn hạn chế. Đôi khi có những nội dung giảng dạy còn chưa theo kịp với phát triển ngoài xã hội.

Việc cải tiến đôi khi vẫn còn mang tính chủ quan, sự góp ý của các bên liên quan chưa nhiều; chưa có cơ sở khoa học để xác định độ tin cậy của các ý kiến góp ý.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tích cực mở rộng hợp tác và mời các bên liên quan tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra các CTĐT.	Các Khoa	
2		Xây dựng cơ sở khoa học để kiểm soát các thông tin thu được từ các bên liên quan đảm bảo tính xác thực.	Phòng KT và BĐCLĐT	
3	Tăng cường điểm mạnh	Hoàn thiện xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, đưa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá vào áp dụng.	Phòng ĐTĐH	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	5.2
Tiêu chí 14.1	6
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1 Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Cách tiếp cận dạy và học của Nhà trường được nêu rõ qua Triết lý giáo dục của Nhà trường [H15.15.1.1] và được thể hiện trong “Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030” [H15.15.1.2], được cập nhật, bổ sung trong “Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn 2030” [H15.15.1.2]. Cụ thể, trong chiến lược phát triển đào tạo có đề ra mục tiêu “*Chuẩn hoá hoạt động đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đa dạng hóa ngành nghề, phương thức và loại hình đào tạo đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đảm bảo cung cấp năng lực và phẩm chất cần thiết cho người học để thích ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường lao động toàn cầu.*”. Các mục tiêu đào tạo đã được hiện thực hóa thông qua hệ thống các Chuẩn đầu ra [H15.15.1.5] của các Chương trình đào tạo [H15.15.1.4].

Để đạt được mục tiêu đó, nội dung CTĐT và phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng Ngành, cho từng trình độ phải được phân tích, đánh giá và đổi mới không ngừng [H15.15.1.3].

Chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành [H15.15.1.4] được thiết kế tăng cường bài tập, thực hành và số các môn tự chọn để nâng cao tính chủ động của SV, do đó trong quá trình dạy/học SV phải tự tìm hiểu và thực hiện chứ không đơn thuần là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp.

Các ngành đều xây dựng chuẩn đầu ra [H15.15.1.5] và ma trận tích hợp chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình đào tạo [H15.15.1.6]. Bộ môn phụ trách môn học và các GV dựa trên các ma trận tích hợp chuẩn đầu ra để thiết kế hoạt động dạy và học cho các môn học [H15.15.1.7].

Các phương pháp cơ bản cho hoạt động dạy và học của môn học sau khi được thống nhất giữa Bộ môn và các GV giảng dạy môn học sẽ được thể hiện trên đề cương môn học và được Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa xem xét trước khi gửi Phòng Đào tạo đại học và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua để triển khai thực hiện.

Để tạo thuận lợi cho các Bộ môn và GV lựa chọn và thực hiện được các phương pháp giảng dạy phù hợp với các chuẩn đầu ra, hàng năm Nhà trường đều tổ chức các đợt tập huấn về nghiệp vụ sư phạm [H15.15.1.10] cho các giảng viên.

Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, các GV trực tiếp giảng dạy cũng đồng thời thực hiện các phương pháp đánh giá mức độ tích lũy chuẩn đầu ra của người học, qua đó, tự đánh giá sự phù hợp của nội dung và phương pháp dạy và học đang áp

dụng để tự điều chỉnh các hoạt động dạy và học chi tiết của từng buổi học hoặc đề xuất các điều chỉnh cần thiết về nội dung và phương pháp dạy và học.

Với việc tiếp cận xây dựng CTĐT theo CDIO, thay đổi phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá người học theo phương pháp CDIO, sinh viên được giảng dạy đầy đủ các kỹ năng cá nhân, kỹ năng nhóm, các kỹ năng CDIO và được đánh giá đầy đủ, toàn diện. Nhà trường với mục tiêu tiếp cận phương pháp giáo dục mới, nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và học tập trong một môi trường mở và thân thiện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập, thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0. Điều này cho thấy Nhà trường đã lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục của mình: *“Áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo”*.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2 Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Nhà trường đã xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018 -2025, tầm nhìn đến năm 2030” [H15.15.1.2], trong đó có chiến lược về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ [H15.15.2.1] nhằm thu hút đội ngũ GV có trình độ cao, có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm giảng dạy. Chiến lược này đã được cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân lực để phát triển đội ngũ GV năm 2016 và các năm về sau [H15.15.2.2] tại Quy định về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên của Nhà trường ban hành từ năm 2006 [H15.15.2.3].

Theo Kế hoạch phát triển nhân lực để phát triển đội ngũ giảng viên [H15.15.2.2], Nhà trường định hướng phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực ở mọi lĩnh vực, đảm bảo đủ số lượng và có cơ cấu hợp lý về trình độ đào tạo, chuyên môn, có chất lượng ngang tầm các trường đại học hàng đầu của khối ngành kỹ thuật trong nước.

Mục tiêu cụ thể là đến năm 2030, 15% giảng viên có học hàm GS-PGS, hơn 40% giảng viên có bằng tiến sĩ; trên 90% cán bộ giảng viên, trên 60% cán bộ chuyên viên sử dụng tốt một ngoại ngữ (tối thiểu đạt trình độ B2 chuẩn khung năng lực châu Âu hoặc tương đương) và thành thạo tin học trong công việc.

Để thực hiện được kế hoạch này, các đơn vị trong Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực phục vụ cho tương lai của đơn vị; xác định hệ thống vị trí việc làm và đưa ra tiêu chuẩn nhân sự phù hợp với từng vị trí, báo cáo Nhà trường để tuyển dụng và bố trí nhân sự thích hợp. Trường đang trong quá trình xây dựng chế

độ lương theo vị trí việc làm và chất lượng công tác để thu hút, tuyển chọn được đội ngũ có trình độ cao.

Nhà trường có tiêu chí rõ ràng về việc tuyển dụng giảng viên [H15.15.2.7], nhiều ThS được cử đi làm NCS ở nước ngoài, nhận học vị Tiến sĩ và quay trở về Trường công tác, góp phần tăng tỷ lệ CB-GV là tiến sĩ của Trường.

Trường đang hoàn thiện xây dựng “Đề án vị trí việc làm” [H15.15.2.8]. Đây là một quy chế toàn diện về chức năng, trách nhiệm và nhiệm vụ của CB, GV làm căn cứ đánh giá và sàng lọc các giảng viên. Trường có một hệ thống quản lý, hoạt động chặt chẽ từ cấp đơn vị, cấp khoa, đến cấp trường được quy định trong "*Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đại học Giao thông vận tải*" [H15.15.2.9].

Hệ thống phân công giảng dạy hiện nay của Nhà trường được thực hiện qua hệ thống văn bản [H15.15.2.3] và phần mềm Quản lý đào tạo [H15.15.2.6]. Các bên liên quan đến phân công giảng dạy sẽ thực hiện các công việc thông qua hệ thống này theo cấp độ quản lý tương ứng. Quy định về trách nhiệm phân công giảng dạy và kiểm tra kết quả phân công giảng dạy được Nhà trường quy định rõ ràng, chi tiết [H15.15.2.10]. Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn theo quy định của Trường [H15.15.2.5] và căn cứ vào khối lượng giảng dạy trong bộ môn. Nhà trường có quy chế quy định về khối lượng và nhiệm vụ giảng dạy cho các giảng viên theo trình độ [H15.15.2.4].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Kiến thức và kỹ năng làm việc luôn phát triển cùng với sự tiến bộ của xã hội và các ngành kỹ thuật, điều đó đòi hỏi mỗi cá nhân phải tự thích ứng và học hỏi thêm để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của công việc cũng như cuộc sống. Hoạt động dạy-học đã cung cấp cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng để sau này có thể vận dụng trong công việc, nghiên cứu, học tiếp lên bậc học cao hơn, quá trình này sẽ theo suốt cuộc đời hay có thể gọi là *học tập suốt đời*.

Quá trình giảng dạy và học tập phải mang ý nghĩa tích cực khi SV chủ động tìm hiểu và thực hiện chứ không chỉ là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp. Quá trình nghiên cứu, làm các bài tập, đồ án môn học, thực hành, thí nghiệm đóng vai trò quan trọng giúp SV tích lũy kinh nghiệm, tạo ra những kỹ năng tự học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, học đi đôi với hành; kỹ năng phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng môn học. Hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên được thể hiện rõ trong đề cương các học phần, đặc biệt là đối với đề cương theo cách tiếp cận CDIO mà nhà

trường đang triển khai.

Từ cách tiếp cận đã được xác định rõ ở trên, GV cần tạo ra một môi trường dạy-học sao cho mỗi SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức. Giảng viên chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động [H15.15.3.1], thu hút với nhiều câu hỏi gợi mở để SV tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học. Đưa ra những phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp cho từng loại đối tượng.

Ý kiến phản hồi của SV trong những năm gần nhất [H15.15.3.2] được gửi cho GV, trưởng các bộ môn, lãnh đạo các phòng ban có liên quan để kịp thời điều chỉnh những hạn chế và cải thiện chất lượng giảng dạy.

Bảng 15.3.1 Kết quả khảo sát phản hồi của SV về hoạt động dạy - học

TT	Nội dung khảo sát	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập	11,88	22,31	18,14	22,47	25,20
2	Phòng thí nghiệm, phòng máy tính, Xưởng thực tập đảm bảo đầy đủ điều kiện và trang thiết bị.	10,75	22,47	21,83	22,47	22,47
3	Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	15,57	21,19	12,04	21,67	29,53
4	Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	13,64	20,39	15,73	24,56	25,68
5	Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	16,37	20,39	11,88	19,74	31,62
6	Phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo vận dụng kiến thức vào thực tiễn của SV	13,32	21,03	15,89	24,24	25,52
7	Nội dung Chương trình dạy học hiện đại phù hợp với Ngành đào tạo và phân tầng hệ thống giáo dục	13,32	22,31	15,89	22,31	26,16

TT	Nội dung khảo sát	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
	hiện đại.					
8	Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá trong toàn bộ quá trình học tập	13,64	22,15	15,09	20,71	28,41
9	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	14,77	20,71	12,52	21,99	30,02
10	Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	14,45	19,42	15,57	21,03	29,53
11	Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	13,80	21,83	13,48	20,71	30,18

Trường đã có Quy định thỉnh giảng **[H15.15.3.3]** và thường xuyên mời các giảng viên, chuyên gia ở ngoài trường và các giảng viên người nước ngoài từ các trường đối tác đến giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án tốt nghiệp cho một số chương trình nhằm tăng thêm tính trao đổi quốc tế cho hoạt động dạy và học **[H.15.15.3.10]**.

Nhà trường đã tiến hành rà soát và điều chỉnh chương trình dạy học theo hướng tăng kỹ năng thực hành, tăng tỉ lệ bài tập và các môn thí nghiệm, thực tập, đồ án...**[H15.15.3.4]**. Giảng viên được khuyến khích sử dụng các công cụ hiện đại như CNTT, mô hình hóa, mô phỏng số...để cung cấp thông tin tối đa tới người học. Các Khoa đã liên kết với doanh nghiệp để trang bị phòng thực hành, phòng lab, để tăng thời lượng thực hành cho sinh viên **[H15.15.3.9]**, **[H15.15.3.10]** hoặc tăng cường trang thiết bị và số giờ thực hành tại xưởng cho các môn học chuyên ngành **[H15.15.3.11]**, **[H15.15.3.12]**.

Các sinh viên yêu thích sáng tạo, nghiên cứu có thể tham gia công tác nghiên cứu khoa học và hàng năm nhà trường đều tổ chức Hội nghị khoa học SV và được làm từ các cấp Khoa đến Trường và các đề tài đạt giải cao được gửi đi dự thi ở cấp Bộ **[H15.15.3.5]**, **[H15.15.3.6]**. Nhà trường khuyến khích các em sinh viên tham gia các kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp quốc gia **[H15.15.3.7]**, **[H15.15.3.8]**. Các câu lạc bộ Tiếng Anh hay câu lạc bộ khoa học kỹ thuật cũng là những yếu tố khuyến khích và môi trường thuận lợi để nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4 Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Hoạt động dạy và học của nhà trường được cụ thể hóa tại Quy định về tổ chức giảng dạy trên lớp và được giám sát bởi nhiều bên có liên quan như Phòng Đào tạo đại học, Phòng Thanh Tra- Pháp chế, Khoa; Bộ môn [H15.15.4.1].

Phòng Đào tạo đại học xếp thời khóa biểu cho lớp học phần, sau đó giảng viên các lớp phụ trách học phần đó phải lên lớp theo đúng thời khóa biểu [H15.15.4.2]. Mọi thay đổi trong kế hoạch giảng dạy được quản lý thông qua Ban quản lý giảng đường và Phòng Thanh tra - Pháp chế. Phòng Thanh tra - Pháp chế chịu trách nhiệm giám sát việc lên lớp của các giảng viên. Việc lên lớp muộn, kết thúc giờ sớm sẽ bị ghi vào sổ theo dõi của Thanh tra và sẽ được sử dụng để chấm thu nhập tăng thêm hàng tháng và đánh giá giảng viên vào cuối năm học [H15.15.4.3].

Mỗi một lớp học có email group, facebook group riêng. Việc trao đổi giữa giảng viên và sinh viên ngoài giờ có thể thực hiện qua các trang cá nhân của giảng viên, tại đây giảng viên, cố vấn học tập có thể đăng bài tập, giải thích các vướng mắc cho nhiều sinh viên cùng một lúc.

Hàng năm, thư viện của trường báo cáo về hiệu quả hoạt động và thống kê số lượng sinh viên ra vào thư viện bằng thẻ sinh viên, thống kê số lượng sinh viên ,giảng viên được phục vụ mượn sách và các dịch vụ tiện ích của thư viện thông qua mã sinh viên, để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cũng như nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV cũng được thực hiện nhờ công cụ đánh giá trực tiếp và gián tiếp.

Trong quá trình giảng dạy cũng như khi kết thúc chương trình học của một học phần, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy chuẩn đầu ra của SV. Kết quả đánh giá mức độ tích lũy của người học dựa trên chuẩn đầu ra được dùng để giám sát chất lượng và cải tiến CTĐT [H15.15.4.5], [H15.15.4.6].

Khi kết thúc một học kỳ, Nhà trường sẽ tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của SV về nội dung môn học, phương pháp giảng dạy của GV, các hoạt động khác liên quan đến hoạt động dạy và học của lớp học, kể cả sự hài lòng của SV sau khi học xong lớp học phần [H15.15.4.7].

Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học [H15.15.4.8].

Kết quả của sự giám sát nghiêm túc các hoạt động giảng dạy của giảng viên được thể hiện ở tỷ lệ sinh viên bị Cảnh báo học vụ giảm dần theo các năm, số lượng các ý kiến phản ánh trực tiếp từ sinh viên đến Nhà trường tại các buổi Đối thoại sinh viên về chất lượng dạy học giảm, nhiều bộ môn trong nhiều kỳ không có bất cứ

phản ánh gì của sinh viên về hoạt động giảng dạy. Tuy nhiên, hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất và số lượng giảng viên còn thiếu khiến sỹ số các lớp học bị đẩy lên cao khiến chất lượng của buổi học không được đồng đều với tất cả sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5 Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Triết lý giáo dục của nhà trường [H15.15.1.1] được công bố và hiện thực hóa trong “Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” [H15.15.1.2]. Để đảm bảo việc dạy và học được cải tiến liên tục, đạt được chuẩn đầu ra, các Khoa thường xuyên rà soát và điều chỉnh CTĐT, bổ sung các môn học chuyên ngành mới [H15.15.5.1] phù hợp với chuẩn đầu ra và Triết lý giáo dục.

Bên cạnh các môn học cơ bản, cơ sở và môn học chuyên ngành nhằm giúp cho người học có hiểu biết toàn diện làm cơ sở cho việc học tập suốt đời, các môn xã hội nhằm tăng khả năng tư duy như các môn lý luận chính trị, ngoại ngữ giúp cho người học tự tìm hiểu và tự học từ các tài liệu nước ngoài; tin học giúp cho người học tự tìm kiếm thông tin và tiếp cận với nguồn tri thức mới tiên tiến của thế giới. Cách thức giảng dạy, cách đặt câu hỏi, cho bài tập hay thảo luận nhóm đều đòi hỏi và khuyến khích SV nâng cao khả năng tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, chủ động trong học tập cũng như cách thức để xử lý các vấn đề kỹ thuật cũng như trong cuộc sống. Nhà trường chú trọng và khuyến khích các GV thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường các kỹ năng mềm cho SV [H15.15.3.4].

Các kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan đến chuyên ngành được tích lũy trong quá trình học, làm bài tập, làm đồ án môn học, thí nghiệm cung cấp công cụ cho việc học tập suốt đời. Nhà trường có chính sách khuyến khích các bộ môn điều chỉnh nội dung môn học theo hướng tăng giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập, làm bài tập và làm đồ án môn học [H15.15.5.2].

Ngoài ra, các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc theo nhóm được lồng ghép trong từng môn học, nhất là các môn tiếng Anh, môn có thí nghiệm, môn chuyên môn hay nhóm đồ án tốt nghiệp, nhóm NCKH [H15.15.5.3]. Các kỹ năng này giúp cho người học nhanh chóng thích ứng với công việc mới sau khi ra trường cũng như đáp ứng nhiều loại hình tổ chức công việc trong tương lai. Đây là những kỹ năng cần thiết thúc đẩy việc học hỏi lẫn nhau.

Hàng năm, Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của người học, của giảng viên, đội ngũ Cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng bằng phiếu khảo sát và khảo sát online để phân tích đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan [H15.15.3.2], [H15.15.5.4],

và sử dụng ý kiến phản hồi này như một kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học [H15.15.5.5], [H15.15.5.6], [H15.15.5.7], [H15.15.5.8].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra phù hợp với chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2030.

Đội ngũ GV thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy tích cực, có quy chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV, có kế hoạch phát triển nhân lực của Trường, thu hút được đội ngũ GV có trình độ cao, có kinh nghiệm và tâm huyết với công tác giảng dạy. Quy trình phân công giảng dạy, mở lớp học phân chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan. Mặt khác, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến...giúp người dạy, người học và các đơn vị quản lý có thể triển khai, theo dõi, giám sát việc dạy và học một cách thuận tiện.

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV và được công khai, phổ biến cụ thể tới người học.

Nhà trường đã tạo được môi trường dạy-học đa dạng để SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, nhiều hình thức học tập được tổ chức trong quá trình đào tạo đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra cho CTĐT. Đồng thời SV được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các Hội thảo, Seminar chuyên ngành, tham gia hoạt động NCKH sinh viên cấp Trường và cấp Bộ, tham gia các hoạt động thi Olympic và các câu lạc bộ tiếng Anh và khoa học kỹ thuật.

Các hoạt động dạy vào học có sự giám sát góp ý kịp thời của các bên có liên quan; Nhà trường đã tổ chức việc khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, mức độ hài lòng của SV, cựu SV và các Nhà tuyển dụng về hoạt động dạy và học.

Nội dung CTĐT, đề cương các môn học chuyên ngành thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa căn cứ vào ý kiến khảo sát, đánh giá của các bên liên quan để đảm bảo chất lượng dạy và học. Nhà trường có chính sách khuyến khích các bộ môn điều chỉnh nội dung môn học theo hướng tăng giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập,... để nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo sự chủ động cho SV và cung cấp công cụ cho việc học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Hệ thống tương tác, trao đổi giữa GV và SV cần được cải tiến và nâng cấp để

đáp ứng nhu cầu của người học trong tương lai và giảm tải cho đội ngũ GV trong quá trình dạy và học.

Phương pháp giảng dạy tích cực theo chuẩn CDIO cần được sớm đưa vào thực hiện trên quy mô toàn trường; các hệ thống hỗ trợ giảng dạy như CSVC, trang thiết bị, PTN được đồng bộ... Nhà trường cần có chính sách và cơ chế linh hoạt hơn để SV có thể tiếp cận và sử dụng các PTN, trang thiết bị phục vụ cho các NCKH của SV.

Chất lượng giảng viên chưa đồng đều về kiến thức và kỹ năng; Việc đánh giá kỹ năng giảng dạy của GV còn mang định tính.

Việc khảo sát ý kiến của SV, nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên cần được tổ chức đa dạng và thường xuyên hơn để thu thập được nhiều thông tin đa chiều và khách quan về chất lượng giảng dạy và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống E-learning và hỗ trợ tốt hơn việc tương tác giữa GV và SV trong việc dạy và học.	Trung tâm Đào tạo trực tuyến	
2		Xem xét tích hợp việc phân công giảng dạy ở cấp Khoa và Bộ môn vào hệ thống quản lý đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý, giám sát và hiệu quả trong điều hành.	Phòng Đào tạo Đại học	
3		Cải tiến và đa dạng hóa hình thức khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan	Phòng KT và KĐCLĐT	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

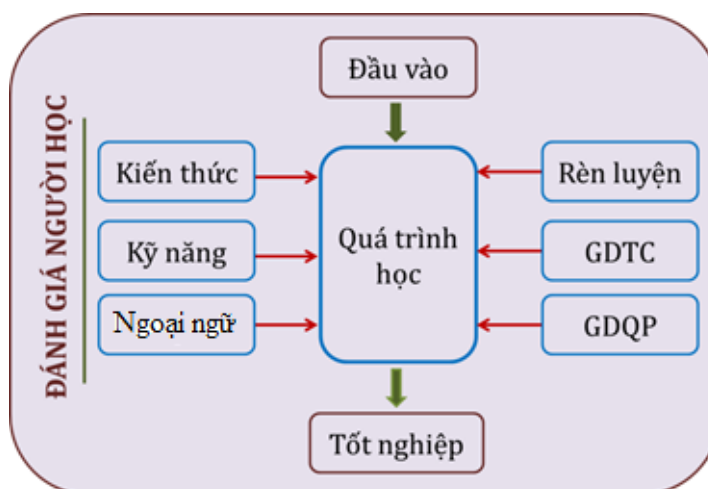
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, căn cứ vào các quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo tại quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT) [H16.16.1.1], Nhà Trường thiết lập quy trình đánh giá người học chung cho tất cả các CTĐT và phổ biến cho các khoa, bộ môn đồng thời để bộ môn chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành đào tạo. Theo quyết định số 300/QĐ –ĐHGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2014 [H16.16.1.2], và quyết định 1578/QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H16.16.1.3].

Với hệ đào tạo sau đại học, Nhà trường đã áp dụng thông tư số 15/2014/TT – BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ [H16.16.1.4], và Thông tư 08/2017/TT - BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sỹ [H16.16.1.5]. Với hệ đào tạo liên thông, bằng đại học thứ 2, hệ vừa học vừa làm.

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phòng KT và BĐCLĐT[H16.16.1.6] là đơn vị đầu mối thực hiện việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh và lựa chọn phương thức kiểm tra, đánh giá người học đầu vào theo ngưỡng đảm bảo chất lượng các bậc, các hệ đào tạo [H16.16.1.7]. Phòng đào tạo đại học [H16.16.1.8], Phòng đào tạo sau đại học [H16.16.1.9] là 02 đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì lên kế hoạch tổ chức các kỳ thi đánh giá như thi kết môn, thực hành, thực tập, thí nghiệm, tốt nghiệp và các kế hoạch này được triển khai đến các bộ môn [H16.16.1.10], giảng viên và người học. Với hệ thống thống nhất như trên, Nhà trường đã cụ thể hóa các quy định của Bộ GD và ĐT và quy định hoạt động đánh giá người học, chi tiết thể hiện như hình 16.1.1



Hình 16.1.1. Mô tả các nội dung đánh giá người học tại trường ĐH GTVT

Quá trình đánh giá được thiết lập cho toàn bộ quá trình học của người học tại trường ĐH GTVT, từ đánh giá đầu vào, đánh giá xuyên suốt quá trình đào tạo cho tới khi tốt nghiệp. Cụ thể:

Ngay từ khâu xét tuyển đầu vào, căn cứ vào chỉ tiêu của mỗi ngành đào tạo và kết quả của thí sinh, điều kiện xét tuyển của mỗi ngành của tất cả các hệ đào tạo (ĐH chính quy, liên thông, VHVL, cao học, TS) được thiết lập và công bố công khai **[H16.16.1.7]**.

Xuyên suốt quá trình học tập tại trường, kiến thức của người học được đánh giá toàn diện thông qua hệ thống các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các bài tập lớn, đồ án môn học với nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, vấn đáp, thuyết trình... Hình thức đánh giá mỗi môn học được thể hiện rõ trong đề cương môn học và được phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học. Kết quả tổng hợp của mỗi môn học bao gồm điểm đánh giá kiến thức và điểm đánh giá quá trình. Tỷ lệ giữa hai đầu điểm này thay đổi tùy theo đặc thù từng môn học **[H16.16.1.11]**. Điểm đánh giá môn học được thể hiện theo hệ chữ bao gồm A, B, C, D, F (Theo thang điểm 10, A cho tương ứng từ 8.5 trở lên; B từ 7 ÷ 8.4; C từ 5.5 ÷ 6.9; D từ 4 ÷ 5.4 và F nhỏ hơn 3.9) **[H16.16.1.12]**

Kỹ năng của người học bao gồm kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm... được đánh giá thông qua điểm đánh giá thực hành (tin học ứng dụng, trắc địa...), điểm chấm sản phẩm hoàn thành (báo cáo thực tập, sản phẩm thực tập...), các điểm thành phần khi thuyết trình báo cáo... **[H16.16.1.13]**

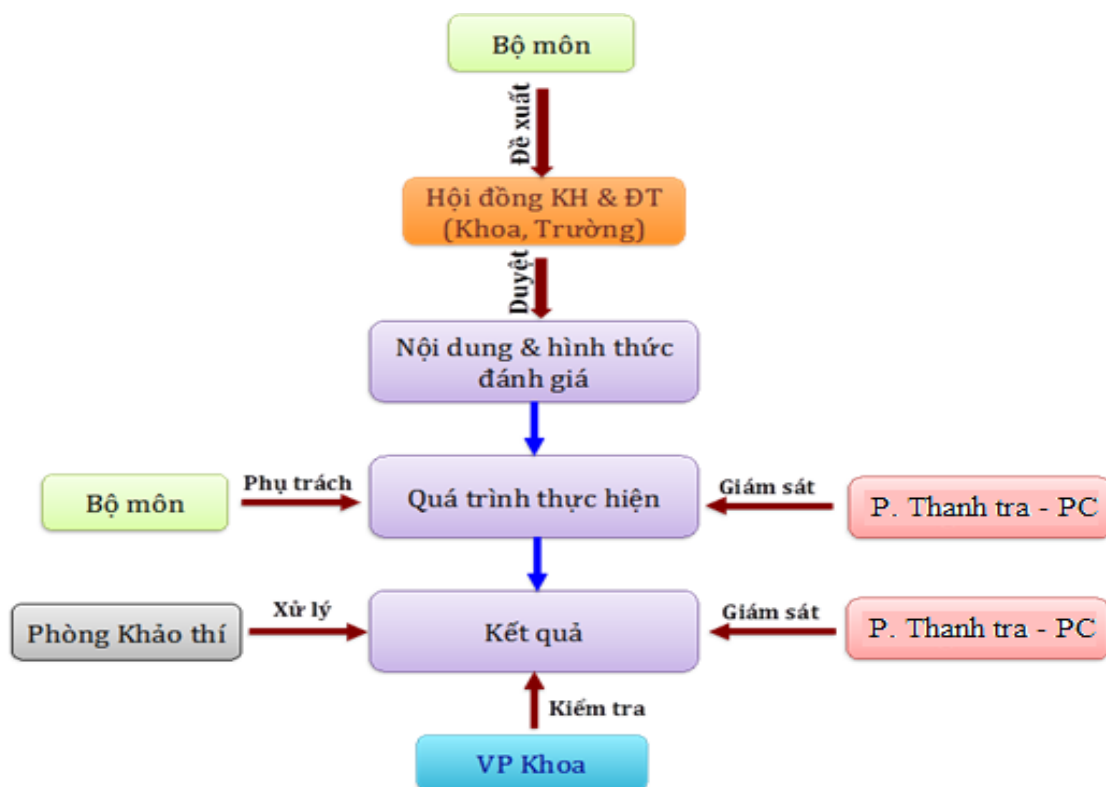
Một nội dung quan trọng trong đánh giá sinh viên mỗi học kỳ và năm học, đó là công tác đánh giá rèn luyện sinh viên **[H16.16.1.14]**. Hoạt động đánh giá rèn luyện sinh viên được xây dựng kế hoạch hàng năm và theo từng kỳ học **[H16.16.1.15]**. Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ của người học, cố vấn học tập, bộ môn, Hội đồng rèn luyện sinh viên cấp Khoa, cấp Trường và các đơn vị chức năng **[H16.16.1.15]**. Nội dung đánh giá bao gồm: ý thức của người học về việc tham gia học tập, tham gia các phong trào của trường, của cộng đồng, tuân thủ các nội quy, quy chế, quy định của Nhà Trường, tuân thủ pháp luật... cũng được đánh giá thường xuyên sau mỗi học kỳ, năm học và toàn khoá học.

Bên cạnh việc hoàn thành đủ số tiến chỉ theo quy định, để công nhận tốt nghiệp là người học phải có chứng chỉ GDTC và GDQP. Một điều kiện quan trọng khác để

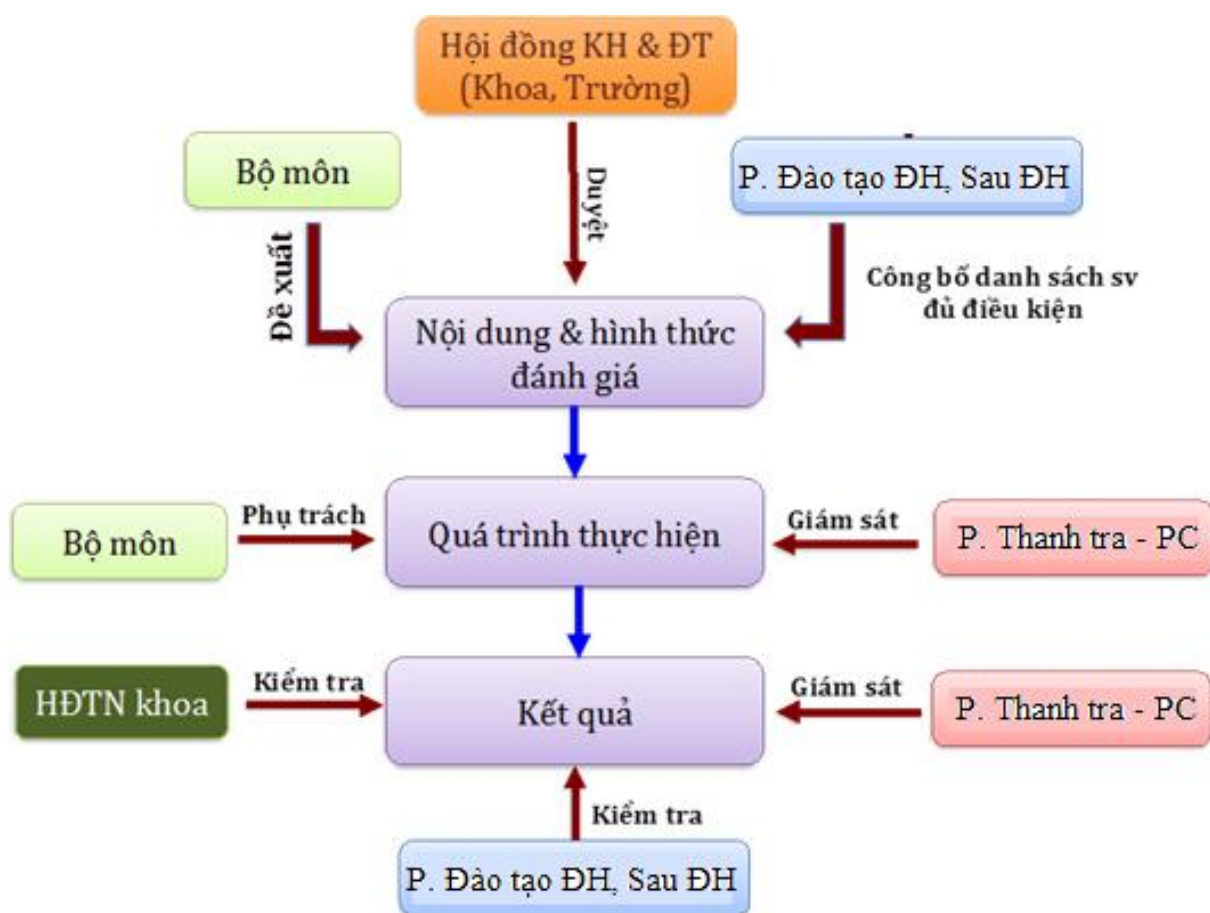
công nhận tốt nghiệp là người học phải đạt chuẩn tiếng anh A2 theo khung Châu Âu [H16.16.1.2]. Riêng với SV hệ CTTT, trình độ tiếng anh được kiểm tra từng năm với mức độ yêu cầu tăng dần [H16.16.1.16]

Kết thúc quá trình học, SV phải thực hiện học phần tốt nghiệp theo đúng quy định của Nhà Trường [H16.16.1.3]

Quy trình đánh giá người học trong quá trình học và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện rõ như trên hình 16.1.2 [H16.16.1.17]. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá các môn học do mình phụ trách. Toàn bộ các vấn đề này sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt trước khi áp dụng chính thức trên quy mô toàn trường. Sau khi ban hành phương thức đánh giá cho môn học, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do bộ môn phụ trách. Toàn bộ công tác khảo thí sẽ do Phòng Khảo thí và BDCLĐT đảm nhiệm. Kết quả này cũng sẽ được Văn phòng khoa kiểm tra lại, phòng Thanh tra-pháp chế có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả [H16.16.1.18]. Mặt khác, tất cả các quy định, quy trình, các hình thức xử lý, trách nhiệm của tất cả các bên liên quan cũng được quy định chặt chẽ trong quy định của Nhà Trường về tổ chức thi kết thúc học phần môn học [H16.16.1.17]



Hình 16.1.2 Quy trình đánh giá người học và trách nhiệm các bên liên quan



Hình 16.1.3. Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học và trách nhiệm các bên liên quan

Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học được thực hiện theo các quy định hiện hành [H16.16.1.1; H16.16.1.2; H16.16.1.3; H16.16.1.4; H16.16.1.5] và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện rõ như trên hình 16.1.3. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá học phần tốt nghiệp. Toàn bộ các nội dung này sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt trước khi áp dụng chính thức trên quy mô toàn trường. Sau khi ban hành phương thức đánh giá tốt nghiệp, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do bộ môn và Hội đồng tốt nghiệp khoa phụ trách. Kết quả này cũng sẽ được Hội đồng tốt nghiệp khoa và phòng ĐT Đại học kiểm tra và công bố chính thức. Phòng Thanh tra-pháp chế có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả [H16.16.1.18].

Kết quả việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về các hình thức kiểm tra đánh giá cho thấy: khoảng 70% sinh viên cho rằng, các hình thức đánh giá là đa dạng, phù hợp và kết quả thu được là công bằng, khách quan [H16.16.1.19], [H16.16.1.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2 Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo đại học, bằng 2, hệ vừa làm vừa học tại Trường ĐH GTVT đều được xác định rõ ràng và được công bố công khai tới các bên liên quan trên website của trường tại mục chuẩn đầu ra với từng ngành đào tạo [H16.16.2.1]. Với nhóm ngành đào tạo chất lượng cao và chương trình tiên tiến [H16.16.2.2], Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cao hơn các chương trình đào tạo đại trà, trong đó yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ [H16.16.2.3], theo đó, sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng ngoại ngữ theo yêu cầu. Với các chương trình đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ, nhà trường thực hiện theo chuẩn đầu ra phù hợp với quy định hiện hành [H16.16.1.4; H16.16.1.5].

Căn cứ vào chuẩn đầu ra của từng CTĐT, chuẩn đầu ra của từng môn học thành phần được xác định và hoạt động đánh giá người học tương ứng được thiết kế để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra [H16.16.2.4], [H16.16.2.5]. Những thông tin này được công bố một cách chính thống tới người học thông qua website của trường các Khoa phụ trách CTĐT.

Với những môn học mang tính nền tảng cơ bản như toán, lý, triết học...việc đánh giá SV có thể thực hiện qua các câu hỏi tương ứng trong bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong kỳ thi cuối kỳ. Hình thức đánh giá chủ yếu là thi viết, với đề thi được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom, giúp người học biết, hiểu và bắt đầu vận dụng được kiến thức. Trong một số môn học, hình thức trắc nghiệm khách quan có thể áp dụng đối với các chuẩn đầu ra này [H16.16.2.6]

Với những môn học cơ sở chuyên ngành, yêu cầu SV có thể vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề đơn giản, việc đánh giá SV có thể qua các câu hỏi kiểm tra/thi dạng viết hoặc vấn đáp. SV phải thực hiện giải quyết vấn đề trong thời gian kiểm tra/thi với yêu cầu nhất định [H16.16.1.2]. Với các môn chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá SV qua quá trình thực hiện các bài tập lớn trong môn học, đồ án môn học...hình thức đánh giá chủ yếu là vấn đáp, thuyết trình đồ án [H16.16.1.2; H16.16.2.5].

Cuối quá trình học, SV phải thực hiện học phần tốt nghiệp, đây là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu SV vận dụng toàn bộ kỹ năng đã được

học tại trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo. Do vậy hình thức đánh giá chủ yếu là bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước Hội đồng tốt nghiệp [H16.16.1.2]

Không chỉ đánh giá về mặt chuyên môn, việc thiết kế CTĐT và cách đánh giá cũng giúp người học đáp ứng được đầy đủ các mục tiêu của chuẩn đầu ra như kỹ năng mềm, ý thức kỷ luật [H16.16.1.14].

Trong tất cả các môn học, kết quả đánh giá chung bao giờ cũng có phần kết quả rèn luyện, thể hiện đánh giá về ý thức, kỹ năng của người học thông qua có 02 đầu điểm, gồm điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần, được quy định cụ thể trong quy định về đề cương môn học [H16.16.2.5] và được phổ biến rộng rãi cho người học trong sổ tay sinh viên [H16.16.2.6].

Việc đánh giá ý thức kỷ luật, ý thức tham gia các phong trào đoàn thể, trách nhiệm với cộng đồng... của người học cũng được đánh giá chặt chẽ thông qua sự đồng thuận giữa người học, tập thể lớp và CVHT, kết quả chính là điểm rèn luyện mỗi kỳ của người học. [H16.16.1.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3 Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Ngay từ khi nhập học, người học đã nhận “sổ tay SV” trong đó có giới thiệu chi tiết quy trình đánh giá kết quả học tập. Sổ tay SV cũng được công bố rộng rãi trên website của Nhà Trường [H16.16.3.1]. Hàng năm, Sổ tay sinh viên được rà soát và ban hành ứng với từng khóa tuyển sinh, trong đó luôn cập nhật và bổ sung về đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá [H16.16.1.1; H16.16.1.2; H16.16.1.3; H16.16.1.4; H16.16.1.5] về quy định đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công khai, công bằng và khách quan. Phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá SV được rà soát bởi Bộ môn phụ trách môn học và bởi Khoa phụ trách CTĐT. Phương pháp đánh giá cho môn học được thảo luận thống nhất giữa các GV giảng dạy môn học đó và các GV trong Bộ môn phụ trách môn học để thể hiện trong đề cương môn học. Đề cương môn học được lấy ý kiến phản hồi từ chuyên gia và Hội đồng Khoa học đào tạo của Khoa trước khi được Trường Khoa phê duyệt

[H16.16.2.5].

Trước kỳ thi 02 tuần, các Bộ môn nộp đề thi cho Nhà Trường (qua Phòng KT&BĐCLĐT) theo đúng thời gian đã được quy định về xây dựng Ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi. Trưởng Bộ môn phải chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&BĐCLĐT. CB phòng KT&BĐCLĐT thực hiện in sao đề thi phải tuyệt đối bảo mật đề thi. Trưởng/Phó Bộ môn lập kế hoạch bố trí CBCT (ít nhất 02 CBCT/phòng thi) **[H16.16.3.2; H16.16.3.3].**

Sau khi thi, bài thi sẽ được niêm phong và chuyển về phòng KT & BĐCLĐT để tiến hành công tác rọc phách. Bộ môn phải tổ chức chấm bài tại phòng bộ môn. Tất cả các bài đi đều phải có được chấm và có chữ ký của 2 CB chấm thi. Phiếu báo điểm phải có chữ ký của 2 CBCT và trưởng bộ môn **[H16.16.1.3].**

Theo quy trình khảo thí, các Bộ môn phải hoàn thành công tác chấm thi và chuyển điểm về cho Phòng ĐT ĐH, Văn phòng khoa, Phòng Khảo thí và BĐCLĐT trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận túi bài thi về chấm **[H16.16.1.3]..**

Sau khi nhận được kết quả thi, người học có quyền phúc khảo bài thi nếu cảm thấy kết quả chưa phù hợp. Đối với các môn thi vấn đáp, ĐAMH, làm bài thi trên máy tính, SV liên hệ với GV giảng dạy hoặc bộ môn phụ trách nếu có khiếu nại. Trong trường hợp thay đổi điểm, Bộ môn phải giải trình và được Phòng Thanh tra-pháp chế xác nhận trước khi công nhận điểm cho người học. Đối với môn thi tự luận, bộ môn bố trí GV chấm phúc khảo đảm bảo không trùng với các GV đã chấm bài trước đó **[H16.16.3.4], [H16.16.3.5].** Các bài thi có sự thay đổi điểm sẽ được dán công khai tại phòng Khảo thí và BĐCLĐT và trên Website của Nhà Trường sau 15 ngày tính từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo. Riêng với bài thi có sự thay đổi điểm GV phải có giải trình lý do thay đổi điểm với Phòng Thanh tra-pháp chế.

Sau khi kết thúc công tác chấm và lên điểm, Phòng ĐT ĐH kết hợp với các Khoa/Bộ môn kiểm tra, đối chiếu điểm thi của người học trên phần mềm tác nghiệp so với phiếu báo điểm thi.

Phòng Thanh tra-pháp chế có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình học tập của người học, quy trình tác nghiệp của GV, công tác tổ chức thi, công tác phúc khảo và có thống kê vi phạm quy chế thi, các thay đổi điểm thi sau khi phúc khảo **[H16.16.3.6], [H16.16.3.7]**

Với CTĐT đại học hệ chính quy, kết thúc môn học, phòng Khảo thí và BĐCLĐT

sẽ phối hợp cùng phòng ĐT ĐH tiến hành thu thập phản hồi của người học về một số nội dung liên quan đến đánh giá môn học, cụ thể như sau **[H16.16.3.8]; [H16.16.3.9], [H16.16.3.10]**: Hình thức kiểm tra đánh giá phổ biến ngay đầu môn học; Hình thức đánh giá kết quả học tập phù hợp với đặc thù môn học; Nội dung kiểm tra đánh giá bao trùm toàn bộ nội dung và mục tiêu môn học (trên 80% đánh giá tốt và rất tốt); GV sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá (70% đánh giá tốt và rất tốt); Thang điểm đánh giá cho từng nội dung kiểm tra rõ ràng (70% đánh giá tốt và rất tốt); Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng (70% đánh giá tốt và rất tốt).

Riêng với hệ đào tạo ĐH chương trình tiên tiến, SV cũng được khảo sát ý kiến phản hồi sau khi kết thúc môn học với những tiêu chí rất cụ thể về đánh giá GV **[H16.16.3.11]**, cụ thể như sau: Sự nhiệt tình của GV; Kỹ năng sư phạm của GV; Khả năng giải đáp thắc mắc của SV; Chuẩn bị và tổ chức bài giảng...

Kết thúc mỗi giai đoạn thi, Phòng Khảo thí & BĐCLĐT tổng hợp kết quả, phân tích phổ điểm và gửi về cho các Bộ môn, làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá, cải tiến nội dung, hình thức, quá trình giảng dạy, đánh giá **[H16.16.3.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.4 Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Các loại hình và phương pháp đánh giá được rà soát, cải tiến cùng với các đợt rà soát CTĐT của các Khoa/bộ môn **[H.16.16.4.1], [H16.16.4.2]**. Bên cạnh đó, Nhà Trường cũng đề ra các biện pháp nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá. Hàng năm, Phòng đào tạo đại học tổng kết công tác đào tạo **[H16.16.4.3]** để phân tích, đánh giá về hoạt động kiểm tra và đánh giá nhằm không ngừng hoàn thiện các hình thức kiểm tra đánh giá cũng như đảm bảo độ tin cậy, chính xác và khách quan.

Để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có công tác kiểm tra đánh giá người học, từ năm 2019, Nhà trường đã tiến hành đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, trên cơ sở đó, các đề cương môn học đã được điều chỉnh về phương pháp đánh giá theo chuẩn CDIO **[H16.16.4.4; H16.16.4.5]** từ khóa k60, gồm đánh giá theo chuẩn về kiến thức, kỹ năng... ở các mức bloom khác nhau, tùy theo từng học phần và khối kiến thức **[H16.16.4.6]**.

Ban hành quy định kiểm tra chéo giữa các phòng, khoa **[H16.16.4.7]**,

[H16.16.4.8] Để đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng và giảm thiểu sai sót trong công tác khảo thí, Nhà Trường yêu cầu các đơn vị sau: Phòng ĐT ĐH, các Khoa, phòng Thanh tra-pháp chế phối hợp kiểm tra chéo kết quả học tập của SV, cụ thể như sau: Phòng ĐT ĐH: cung cấp bảng điểm quá trình, điểm thi do bộ môn cung cấp và kết quả tác nghiệp trên phần mềm khảo thí; Các Khoa cử CB rà soát, kiểm tra lại toàn bộ điểm quá trình và điểm thi do Phòng Khảo thí và BĐCLĐT cung cấp; Phòng Thanh tra-pháp chế giám sát toàn bộ quá trình trên và lập biên bản tổng hợp. Kết quả của quy trình kiểm tra, Thanh tra-pháp chế, giám sát chặt chẽ là không có bất cứ khiếu nại, phản nản gì về sự công bằng, minh bạch của sinh viên về các phương pháp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; Thay đổi từ thi tự luận sang trắc nghiệm **[H16.16.4.9], [H16.16.4.10]**.

Kế hoạch thiết lập ngân hàng đề thi: Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác đánh giá SV. Phòng Khảo thí và BĐCLĐT phối hợp với các bộ môn thiết lập ngân hàng đề thi với số lượng đề đủ lớn, đồng thời ngân hàng đề thi liên tục được cập nhật, bổ sung để tránh sự trùng lặp giữa các kỳ, các năm **[H16.16.4.11]**. Sau khi kết thúc môn học, phòng Khảo thí và BĐCLĐT tiến hành thu thập phản hồi của người học về một số nội dung liên quan đến đánh giá môn học, kết quả thu được như sau **[H16.16.4.12]; [H16.16.4.13], [H16.16.4.14]**: Nội dung kiểm tra đánh giá bao trùm toàn bộ nội dung và mục tiêu môn học (trên 80% đánh giá tốt và rất tốt); Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng (70% đánh giá tốt và rất tốt). Định kỳ, Nhà trường tổ chức giao ban đào tạo theo học kỳ **[H16.16.4.15]** để tổng kết công tác đào tạo và triển khai kế hoạch đào tạo cho kỳ tiếp theo, trong đó có tổng kết công tác kiểm tra, đánh giá.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trường có hệ thống đánh giá toàn diện người học từ kiến thức, kỹ năng, thể chất, ngoại ngữ...giúp người học luôn không ngừng hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập tại trường
- Việc đánh giá người học được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ lúc nhập học tới khi ra trường. Quy trình đánh giá chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan. Các hình thức đánh giá đa dạng, giúp người học phát triển bản thân một cách toàn

diện. Mặt khác, hình thức đánh giá được công khai và phổ biến cụ thể tới người học.

- Các hình thức đánh giá được xây dựng, kiểm tra, phê duyệt theo trình tự chặt chẽ, đảm bảo tính phù hợp, khách quan. Phân rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình đánh giá.
- Có quy trình phức khảo rõ ràng, biện pháp kiểm tra đảm bảo tính chính xác, công bằng của quá trình đánh giá một cách chặt chẽ.
- Có quy định rõ ràng về chu kỳ rà soát đề cương chi tiết môn học nói chung và phương pháp, nội dung đánh giá môn học nói riêng.
- Các hình thức thi được cải tiến, đảm bảo tính chính xác, công bằng và tiết kiệm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa ban hành quy trình, hướng dẫn việc rà soát, cải tiến đề cương chi tiết từng môn học ở quy mô toàn trường.
- Kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng anh chỉ mang tính chất thời điểm, chưa khuyến khích được người học rèn luyện ngoại ngữ trong suốt quá trình học.
- Một số môn học chưa thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung và hình thức đánh giá một cách thường xuyên.
- Chưa thiết lập được ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học với số lượng đề thi đảm bảo đủ, tránh trùng lặp. Do vậy một số bộ môn đến trước kỳ thi mới nộp đề, gây khó khăn cho công tác kiểm tra nội dung và rà soát định kỳ

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét áp dụng chuẩn yêu cầu tiếng anh cho từng năm học để biến việc học ngoại ngữ là quá trình thường xuyên, liên tục của người học.	Phòng Đào tạo ĐH và Sau ĐH, bộ môn Tiếng Anh	Từ 8/2018
2		Cần sớm ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn về việc rà soát đề cương chi tiết các môn học ở quy mô toàn trường	Phòng Đào tạo ĐH và Sau ĐH	Từ 8/2018

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3		Cần thiết lập ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học trong trường với số lượng đề của mỗi môn thi đảm bảo tính đa dạng, ít trùng lặp.	Phòng KT và BĐCLĐT, các bộ môn	Từ 6/2018

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1 Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hiểu người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Với phương châm lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo và công tác sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục hình thành nhân cách, phẩm chất, năng lực công dân; góp phần đào tạo những cán bộ giỏi nghiệp vụ, có kỷ luật, giàu lòng nhân ái, yêu nước, có lối sống lành mạnh, trong những năm vừa qua, công tác sinh viên của Trường ĐH GTVT luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các đơn vị có liên quan. Có thể khẳng định công tác SV của nhà trường đã đi vào nề nếp, theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của chính phủ. Trong suốt quá trình học tập tại trường, SV được hỗ trợ và cung cấp nhiều dịch vụ trong học tập, tài chính, nhà ở, y tế, việc làm... Sự hỗ trợ của nhà trường đối với SV bao gồm các hoạt động, dịch vụ được mô tả trên hình 17.1.1.



Hình 17.1.1. Sơ đồ các hoạt động phục vụ hỗ trợ SV

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, để triển khai các hoạt động hỗ trợ SV [H17.17.01.01]. Trong điều kiện quy mô đào tạo của trường lớn và ngày càng tăng, Nhà trường đang tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV bằng cách: thành lập Văn phòng Hỗ trợ SV (thuộc Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên); phát triển đội ngũ cộng tác viên; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên... có mục tiêu và kế hoạch cho từng giai đoạn cụ thể. Trên cơ sở kế hoạch của Nhà trường, các đơn vị lập kế hoạch triển khai như sau:

- Các Khoa phân công Giảng viên làm cố vấn học học các lớp, có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ SV trong các hoạt động. Đội ngũ này được nhà trường tập huấn công tác hỗ trợ SV về chương trình đào tạo, logic môn học, chế độ chính sách... [H17.17.01.02].

- Các đơn vị như: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác Chính trị & Sinh viên, các Khoa quản lý sinh viên phân công các chuyên viên hỗ trợ thủ tục cho SV trong quá trình học tập học tập, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kết nối sinh viên và doanh nghiệp, hỗ trợ về tài chính (học bổng...), chế độ chính sách [H17.17.01.03], Hệ thống quản lý đào tạo [H17.17.01.04].

- Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên phân công các Câu lạc bộ, các cán bộ tham gia, tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hoạt động ngoại khóa cho SV [H17.17.01.05].

- Trạm Y tế quản lý, chăm sóc sức khỏe, đồng thời là đơn vị tổ chức thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ sức khỏe cho học sinh, sinh viên. Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh, sinh viên nhập học và trước khi tốt nghiệp ra trường, quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết; Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe; Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh tật học đường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích [H17.17.01.06].

Tất cả các sinh viên đều được theo dõi, đánh giá sát sao và được phổ biến về mục tiêu đào tạo, các quy định và quy chế giảng dạy, học tập, thi, kiểm tra đánh giá, xét tốt nghiệp cho SV. Thông qua các hoạt động nói trên, đại đa số người học đã hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo thông qua đội ngũ Cố vấn học tập trong cả quá trình theo học tại Trường [H17.17.01.07]. Nhà trường có bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên qua mỗi học kỳ để đảm bảo chất lượng giáo dục [H17.17.01.08].

Trên cơ sở kế hoạch các đơn vị xây dựng vào đầu mỗi năm, các đơn vị sẽ phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của SV.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 17.2 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã thực hiện được các hoạt động trên cơ sở kế hoạch được lập đầu năm học, nhằm cung cấp nhiều nhất các dịch vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ

thông giám sát ngồi học được triển khai đáp ứng nhu cầu của SV trong suốt thời gian học tại trường.

Đầu các khóa học và năm học, SV được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV thông qua tuần sinh hoạt công dân-sinh viên **[H17.17.02.01]**. Để đảm bảo cho người học hiểu, nắm được các thông tin, trường đã tiến hành kiểm tra thông qua bài thu hoạch sinh hoạt công dân-sinh viên đầu khóa **[H17.17.02.02]**. Khi nhập học và đăng ký ngành học, sinh viên còn được cung cấp tài liệu giới thiệu về các chuyên ngành đào tạo của trường, nội dung đào tạo, trong đó chỉ rõ nơi đào tạo, nơi làm việc sau khi ra trường **[H17.17.02.03]**. Để tăng cường thêm thông tin và nhận thức của SV về vấn đề học tập, Nhà trường đã biên soạn các tài liệu hướng dẫn như sổ tay sinh viên, sổ tay cố vấn học tập, niên giám đào tạo... **[H17.17.02.04]** phát cho mỗi SV mới nhập học để giúp người học nắm vững các quy định, thủ tục trong quá trình học tập, các chế độ chính sách của Nhà nước và của Trường đối với người học.

Để SV học tập tốt hơn các thầy cô ngoài các giờ giảng trên lớp còn bố trí thêm một số buổi để giải đáp thắc mắc cho SV. Ngoài ra, sinh viên được tư vấn tận tình tại Văn phòng Hỗ trợ sinh viên hoặc thông qua kênh Facebook của Nhà trường để giải đáp thắc mắc của sinh viên **[H17.17.02.05]**.

Ngoài ra, Nhà trường bố trí các buổi sinh hoạt lớp cho các lớp SV **[H17.17.02.06]**. SV sẽ được GV kiêm cố vấn học tập đưa ra các lời khuyên giúp SV xây dựng và quản lý kế hoạch học tập tốt hơn (lựa chọn môn học, đăng ký học...), giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của SV. Đối với những SV có học lực yếu sau khi có kết quả xét học vụ cuối mỗi kỳ, các Khoa đều bố trí một buổi để gặp gỡ trực tiếp các em để tư vấn, động viên và đưa ra các giải pháp để SV cải thiện kết quả học tập của mình.

Nhà trường thường xuyên rà soát và ra thông báo các đối tượng SV được xem xét vào ở Ký túc xá **[H17.17.02.07]**. Ký túc xá của Trường đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu chỗ ở nội trú của SV, với quy mô gồm các khối nhà vĩnh cửu từ 4 – 5 tầng với các phòng hoàn toàn có công trình phụ khép kín. Trong khu nội trú còn có khu giảng đường phục vụ cho việc học tập và tự học của sinh viên; câu lạc bộ văn hoá thể thao, sân tập thể thao, các quầy dịch vụ phục vụ ăn, uống; điện, nước ... đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên nội trú. Đội ngũ cán bộ công nhân viên ký túc xá thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà trường giao, triển khai công việc 24/24 giờ trong ngày .

Dịch vụ tiện ích SV nhập học vào trường sẽ được cấp 1 thẻ ATM, 1 tài khoản cá nhân khi nhập học. Với tài khoản này, SV có thể truy cập các tiện ích của nhà trường: đăng ký môn học, thanh toán học phí, Email (gmail với dung lượng không giới

hạn), ... Trong trường và KTX đều được trang bị căng tin, cửa hàng tiện ích phục vụ SV, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh và đảm bảo sức khỏe **[H17.17.02.08]**.

Thư viện của trường có đủ các đầu sách đáp ứng đầy đủ nhu cầu tự học của sinh viên với nhiều nguồn tài nguyên sách trong nước và cả nước ngoài, ngoài ra sinh viên còn có thể tham khảo trực tuyến qua đường link: <http://lib.utc.edu.vn>. **[H17.17.02.09]**.

Khu thể thao sân bóng đá, sân tennis, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ luôn đáp ứng được nhu cầu chơi thể thao của sinh viên **[H17.17.02.10]**.

SV được hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập **[H17.17.02.11]**, học bổng tài trợ **[H17.17.02.12]**, miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội **[H17.17.02.13]**, hỗ trợ khi khó khăn đột xuất, hướng dẫn SV thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng **[H17.17.02.14]**. Ngoài ra, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí hoạt động SV theo kế hoạch năm học (kinh phí hoạt động đoàn - hội, tài trợ từ các đối tác chiến lược...).

Bảng 17.2.1. Các loại học bổng hỗ trợ SV

STT	Tên học bổng	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 - 2020	2020 – 2021
1	Đăng kiểm	10 suất x 3 triệu vnd	10 suất x 3 triệu vnd	10 suất x 3 triệu vnd		
2	Denso	10 suất x 200 USD	10 suất x 4,5 triệu vnd	5 suất x 8,8 triệu vnd		
3	GSS	6 suất x 10 triệu vnd 20 suất x 5 triệu vnd 14 suất x 4 triệu vnd		2 suất x 10 triệu 20 suất x 5 triệu		
4	Kumho Asiana	5 suất x 2 triệu vnd	5 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd
5	TT SVGTVN	36 suất	36 suất	36 suất	36 suất	18 suất
6	Kawakin		9 suất	14 suất	18 suất	18 suất
7	Toyota	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd

8	Vietel	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd		
9	Mitshubishi			50 triệu vnd		
10	Him Lam			25 suất x 2 triệu vnd		
11	Tân Hiệp Phát			10 suất x 1 triệu vnd		
12	Liên Việt PostBank			5 suất		
13	Nitori			10 suất x 13 triệu vnd	10 suất x 13 triệu vnd	10 suất x 13 triệu vnd
14	Agribank				10 suất x 2 triệu vnd	
15	TTS Group				5 suất x 2 triệu vnd	
16	Yoyo Foundation				10 suất x 2 triệu vnd	

Trạm Y tế của Nhà trường thường xuyên hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khám khi SV nhập học và ra trường **[H17.17.02.15]**, SV được nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể cho SV. Bên cạnh đó, SV được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu.

Nhà trường có mối liên hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho SV và tạo cơ hội để SV làm quen với công việc sau khi ra trường, luôn chú trọng đến việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho SV và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các SV năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên cả nước. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty tổ chức chương trình tư vấn kỹ năng nghề nghiệp và ngày hội việc làm cho SV mới nhập trường và chuẩn bị tốt nghiệp **[H17.17.02.16]**. Ký

thỏa thuận hợp tác với nhiều DN trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho SV [H17.17.02.17]. Sinh viên được tham gia sinh hoạt cuối khóa là buổi sinh hoạt về giới thiệu việc làm, các lớp huấn luyện kỹ năng, định hướng nghề nghiệp, ngày hội việc làm.

Nhà trường tạo ra nhiều kênh để SV có thể trao đổi trực tiếp với CB-GV, các Phòng ban, Khoa để giải đáp, xử lý các thắc mắc vào thời gian làm việc của Nhà trường. Bên cạnh đó, SV có thể được tư vấn khi gặp các vấn đề về học tập và sinh hoạt thông qua hệ thống cố vấn học tập [H17.17.01.02-DC]. Văn phòng hỗ trợ sinh viên tiếp SV vào tất cả các ngày làm việc trong tuần để giải quyết các thủ tục hành chính và thắc mắc của SV [H17.17.02.05-DC]. Hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học đã đạt được hiệu quả nhất định, góp phần giúp sinh viên, đặc biệt là sinh viên mới vào trường, giảm bớt khó khăn và vướng mắc trong học tập và sinh hoạt.

Dựa trên kế hoạch đầu năm học Nhà trường luôn tạo điều kiện, triển khai các hoạt động chính trong năm học, các đội tuyển Sinh viên tham gia các cuộc thi các cấp [H17.17.02.18], các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn .. hiện có trên 15 câu lạc bộ trực tiếp được ĐTN và HSV quản lý [H17.17.02.19] tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo SV tham gia. SV được tham gia các cuộc thi trong nước và quốc tế [H17.17.02.20].

Nhà trường đã quy định về xét khen thưởng SV: Khen thưởng đối với cá nhân theo từng lĩnh vực (Đạt giải Olympic; NCKH...) hoặc khen thưởng định kỳ cuối mỗi năm học cho các SV có thành tích tốt trong năm học và khen thưởng toàn khóa...[H17.17.02.21].

Ngoài ra, Nhà trường hỗ trợ cho SV các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp SV hoàn thiện các kỹ năng bên cạnh kiến thức chuyên môn, tạo điều kiện cho SV dễ dàng hội nhập với môi trường DN trong nước và quốc tế sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thường xuyên có các chương trình trao đổi SV quốc tế ngắn hạn và dài hạn cho SV của trường [H17.17.02.22]. Bên cạnh đó, các SV quốc tế hiện đang học tại nhà trường luôn được sự quan tâm, hỗ trợ về chỗ ở, sinh hoạt...

Bảng 17.2.2 Bảng thống kê số lượng SV tham gia chương trình trao đổi SV

STT	Năm học	2016 – 2017	2017– 2018	2018– 2019	2019- 2020
1	SV nước ngoài đến học tập tại trường theo chương trình trao đổi	13	24	26	20
2	SV của Trường được cử đi học tập theo chương trình			09	15

	trao đổi				
3	Lưu học sinh quốc tế học dài hạn tại trường	49	70	89	86
4	Giao lưu sinh viên quốc tế	1	2	3	1

Trên cơ sở các hoạt động hỗ trợ người học, Nhà trường phân công các khoa quản lý sinh viên, các đơn vị phòng, ban tham mưu giám sát, đặt biệt qua hệ thống Cố vấn học tập để hỗ trợ phục vụ tốt hơn cho người học.

Về giám sát tiến trình học tập, rèn luyện hiệu quả học tập của người học được Nhà trường triển khai bằng các quy chế, quy định trong hoạt động học tập và rèn luyện của người học, kiểm tra/giám sát của hệ thống CVHT. Giám sát hiệu quả học tập và rèn luyện của người học được thực hiện thông qua đánh giá kết quả rèn luyện SV vào cuối học kỳ/năm học với các tiêu chí cụ thể có tổng điểm là 100; tập thể lớp tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại rèn luyện cho từng sinh viên và báo cáo gửi phòng CTCT&SV.

Bảng 17.2.3. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm RLSV qua các năm học:

Xếp loại	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
<i>Xuất sắc</i>	1356	1229	1559	1625	1273	1302	1690	1411
<i>Tốt</i>	6668	5796	6122	5140	5677	5244	6089	5768
<i>Khá</i>	4005	3159	3441	2760	4038	3267	4100	3453
<i>TB</i>	267	298	365	316	648	324	652	381
<i>Yếu</i>	164	174	272	118	137	42	58	23
<i>Kém</i>	86	51	109	82	34	82	83	50
Tổng số SV	12546	10707	11868	10041	11807	10261	12672	11086

Đánh giá kết quả rèn luyện của SV đại học chính quy đã giúp cho mỗi người học nhìn nhận lại bản thân sau mỗi kỳ học tập và tu dưỡng, tập thể các lớp SV thấy được mình đang đứng ở vị trí nào trong toàn Trường để từ đó có kế hoạch phấn đấu

vươn lên đạt kết quả cao hơn ở những kỳ học tiếp theo. Hoạt động này tại Trường ĐH GTVT đã thực sự là kênh giám sát đối với mỗi người học và tập thể các lớp SV.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 17.3 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Công tác hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho SV luôn được kiểm tra, đánh giá từ các đối tượng liên quan. Từ năm 2015, nhà trường đều có các phiếu khảo sát gửi tới SV trước khi tốt nghiệp để lấy ý kiến phản hồi để từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch phục vụ hỗ trợ SV được tốt hơn **[H17.17.03.01]**. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng và rất hài lòng của người học về hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học qua các năm học 2017-2018 là 79.9% và năm học 2018 – 2019 là 76.6%. Tiêu chí cụ thể có trong bảng sau:

STT	Các tiêu chí đánh giá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học	Mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)	
		Năm học 2017 – 2018	Năm học 2018 - 2019
1	Chương trình học của khoá học có mục tiêu rõ ràng, cập nhật, phù hợp với nhu cầu xã hội	76.9	76.4
2	Bản đặc tả chương trình chi rõ: những kiến thức và sự hiểu biết mà người học sẽ đạt được sau khi kết thúc khóa học; các kỹ năng then chốt; các kỹ năng nhận thức; các kỹ năng cụ thể liên quan đến môn học.	79.2	71
3	Bản đặc tả chương trình đào tạo được cung cấp đầy đủ tới người học từ khi đăng ký nhập học và được công bố trên Website của Trường.	80.6	69.8
4	Chương trình học của năm đầu giúp người học tiếp cận và nắm bắt được phần còn lại của chương trình đào tạo, có sự cân bằng giữa các môn học đại cương và các môn học thuộc khối chuyên ngành	79	80.3

STT	Các tiêu chí đánh giá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học	Mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)	
		Năm học 2017 – 2018	Năm học 2018 - 2019
5	Chương trình học có sự kết hợp tốt giữa kiến thức cơ bản, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, có tính thực tiễn cao và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động	78.1	73.6
6	Chuẩn đầu ra của chương trình là rõ ràng. Đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, được công bố đầy đủ cho người học và được thể hiện rõ ràng ở trong các học phần đã được học	77.5	77.6
7	Thời gian tốt nghiệp theo thiết kế là hợp lý	81.5	76.3
8	Nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát nội dung chương trình	79.8	77.6
9	Phương pháp giảng dạy các môn học trong chương trình phù hợp với yêu cầu đặt ra	79.8	78.9
10	Khóa học giúp người học nắm vững nền tảng kiến thức cơ bản và chuyên ngành, giúp người học tự tin về khả năng đáp ứng, phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp	81.7	81.6
11	Anh/chị cảm thấy hài lòng về mức học phí	79.4	73.6
12	Anh/chị cảm thấy hài lòng về môi trường học tập tại trường ĐHGTVT	80.3	77.7
13	Anh/chị cảm thấy hài lòng về chất lượng chương trình đào tạo	80.9	78.9

STT	Các tiêu chí đánh giá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học	Mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)	
		Năm học 2017 – 2018	Năm học 2018 - 2019
14	Anh/chị cảm thấy hài lòng về chất lượng đội ngũ giảng viên	83.1	75
15	Anh /chị cảm thấy hài lòng về việc tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả người học	79.7	72.4
16	Anh/chị cảm thấy hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ học tập	78.5	79
17	Anh/chị cảm thấy hài lòng về toàn bộ khóa học nói chung	81.6	81.85

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của nhà trường với SV, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm **[H17.17.03.02]**. Các forum, hotline, email lãnh đạo là các kênh để SV thực hiện việc giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ, hỗ trợ SV của nhà trường thường xuyên được cập nhật. Nội dung của Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cũng được rà soát, cập nhật và đổi mới qua từng năm học đã giúp cho người học nắm được tình hình thời sự trong nước và quốc tế, các chế độ chính sách mới ban hành, các thủ tục thực hiện trong quá trình học tập tại Trường.

Nhà trường giao cho các Khoa, Cổ vấn học tập nhắc nhở và cảnh báo, gặp trực tiếp SV bị cảnh báo học tập để tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học. Số lượng sinh viên bị cảnh cáo học vụ giảm những năm gần đây **[H17.17.03.03]; [H17.17.03.04]**. Tỷ lệ SV tốt nghiệp/đầu vào: Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV trong các năm vừa qua của cả trường trong khoảng $75 \div 80\%$.

Nhà trường cũng triển khai lấy ý kiến đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, cụ thể là kết quả đánh giá đội ngũ cố vấn học tập của người học. Qua rà soát cho thấy, đội ngũ CVHT của Nhà trường đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời Nhà trường đã đổi mới các tiêu chí đánh giá CVHT phù hợp với thực tế để đánh giá thực chất công tác CVHT, giúp cho sinh viên có được môi trường, điều kiện hỗ trợ tốt nhất.

Bảng 17.3.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm CVHT qua các năm học

Xếp loại CVHT	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
A	207	196	95	81	85	82	130	143
B	87	78	213	191	219	190	183	137
C	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số CVHT	294	274	308	272	304	272	313	280

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được rà soát thông qua sinh hoạt định kỳ của SV. Những kiến nghị của SV trong các kỳ đối thoại giữa SV với Nhà trường để Ban giám hiệu lắng nghe những phản hồi từ phía SV về công tác phục vụ và hỗ trợ người học được tổng hợp và báo cáo BGH để có ý kiến chỉ đạo giải quyết. Năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành sửa chữa, làm mới, nhiều phòng ở cùng các thiết bị điện nước cho người học. Hiện nay KTX của Trường tại số 99 Nguyễn Chí Thanh đáp ứng được 3039 chỗ, trong đó có thêm các dịch vụ: canteen, phòng tập Gym, sân tập... **[H17.17.03.05]**.

Về phục vụ người học trong các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, Nhà trường đã rà soát, cải cách các thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm như các loại xác nhận SV, giấy xác nhận SV để vay vốn, giấy xác nhận SV để nhận trợ cấp giáo dục, đăng ký vé xe bus... đều có thể đăng ký trực tuyến qua kênh thông tin sinh viên [<http://sis.utc.edu.vn>]. Thư viện của nhà trường đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho SV nhất là vào các đợt thi học kỳ của nhà trường **[H17.17.03.06]**. Các phòng học của nhà trường đã được lắp điều hòa và các thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập (máy tính, máy chiếu,...) Từ tháng 2018, nhà trường đã mở rộng nhà để xe, lắp camera, bố trí thêm các bình lọc nước để cung cấp nước miễn phí cho SV **[H17.17.03.07]**. Ngoài ra, để việc học tập và nghiên cứu của sinh viên được thuận tiện hơn, Nhà trường đã triển khai mạng lưới wifi trong khuôn viên toàn trường hoàn toàn miễn phí đối với sinh viên.

Hiện nay Nhà trường có Quỹ học bổng Truyền thống Sinh viên Giao thông Việt Nam do cựu sinh viên của trường ủng hộ (trị giá ban đầu 1 tỷ đồng). Kinh phí học bổng khuyến khích hàng năm nhà trường đều bố trí 8% kinh phí đào tạo để cấp cho

SV. Ngoài ra hàng năm nhà trường còn tiếp tục nhận được rất nhiều các nguồn học bổng do các DN và hiệp hội ủng hộ như Học bổng Kawakin, Denso, Nitori, Kumho, Toyota,... [H17.17.03.08].

Về chế độ miễn giảm, trợ cấp cho các sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định, Nhà trường luôn hỗ trợ, hướng dẫn, thường xuyên rà soát thông tin người học để kịp thời hỗ trợ và tránh tình trạng bỏ sót vì sinh viên chưa nắm rõ quy định. Số tiền miễn giảm/ trợ cấp: mỗi năm nhà trường miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho nhiều sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định [H17.17.03.09].

Bảng 17.3.2 Thông kê số lượng SV được miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội

Đối tượng	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Miễn giảm học phí	1173	1145	846	815	331 (Học kỳ I)
Trợ cấp xã hội	380	333	231	200	

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sinh viên, Nhà trường phối hợp với ngân hàng VietinBank và ngân hàng Agribank lắp đặt 02 cây nạp tiền tự động đối diện sảnh nhà A1 [H17.17.3.10].

Bảng 17.3.3 Thông kê các hoạt động hỗ trợ SV vay vốn

STT	Hoạt động	Số lượng	Thời gian
1	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2016	628	Đầu năm học
2	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2017	671	Đầu năm học
3	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2018	688	Đầu năm học
4	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2019	716	Đầu năm học
5	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2020	523	Đầu năm học

Về hỗ trợ người học khởi nghiệp, việc làm, sau khi rà soát đánh giá tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, những yêu cầu của thực tế thị trường lao động. Năm 2019, Nhà trường đã phối hợp cùng Báo Lao động Thủ đô, TT Việc làm Hà Nội tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Việc làm, thu hút gần 3000 lượt sinh viên và người

lao động tham gia với khoảng 2.000 người được tư vấn việc làm, hướng nghiệp, phổ biến chính sách pháp luật và cung cấp thông tin tuyển dụng lao động. Trong đó có 70 đơn vị tham gia Ngày hội với nhu cầu tuyển dụng 1.934 chỉ tiêu. Số người lao động được tham gia phỏng vấn tuyển dụng: 936 lượt người; Số lao động được tuyển dụng: 341 người; Số lao động hẹn phỏng vấn lần 2: 128 người **[H17.17.03.11]**.

Khảo sát số lượng SV tốt nghiệp sau khi ra trường: Hiện nay theo số lượng khảo sát của Nhà trường sau 1 năm tốt nghiệp tỷ lệ SV có việc làm là từ 92%-95% **[H17.17.03.12]**.

Ngoài ra, có nhiều CLB để các sinh viên tham gia như: CLB Kỹ sư tương lai; Tiếng Anh, Tin học, Phát triển kỹ năng, số lượng hoạt động ngoại khóa. Hàng năm, ĐTN cùng với các Khoa lên kế hoạch tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp cho sinh viên được trang bị đầy đủ hơn ngoài kiến thức về chuyên môn, nhà trường đã ký hợp tác với các trường để tăng cường việc trao đổi SV giữa các trường trong khu vực.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 17.4 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cho SV thông qua các kết quả khảo sát sự hài lòng từ các bên liên quan như:

- Cải tiến về điều phối về đối tượng SV, tỷ lệ nam/nữ đăng ký chỗ ở. Phân bổ tỷ lệ SV theo đối tượng, khóa, ngành và giới tính.
- Tăng số lượng chỗ cho SV, tiến đến 50% SV có chỗ ở nội trú.
- Cải tiến, thêm các dịch vụ tiện ích cho SV: phòng ở theo nhu cầu, các dịch vụ giặt ủi, siêu thị hoạt động 24/24 trong ký túc xá...
- Tăng số lượng căng teen, chất lượng dịch vụ phục vụ ăn uống cho SV. Hệ thống bán hàng tự động phục vụ 24/7 đã được triển khai. Duy trì hoặc tăng nguồn kinh phí học bổng tài trợ qua các năm. Điều chỉnh đối tượng và tiêu chí đối với SV nhận học bổng (SV tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, xem xét điểm rèn luyện, hoàn cảnh gia đình,...).
- Cải thiện quy trình khám sức khỏe đầu khóa và định kỳ nhằm tăng tính tiện ích và thoải mái cho SV.
- Tăng số lượng DN kết nối, phù hợp với chuyên môn SV.

- Tăng tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp: Việc áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh (chứng chỉ B1), tăng cường các lớp kỹ năng mềm đã giúp SV có cơ hội tìm việc làm được tốt hơn thể hiện rõ qua kết quả khảo sát SV có việc làm sau 1 năm đã tăng dần **[H17.17.04.01]**.

- Đa dạng hóa loại hình, địa chỉ thực tập cho sinh viên (theo CTĐT, theo nhóm, theo nhu cầu...) **[17.17.04.02]**.

- Nhà trường đã thành lập Văn phòng Hỗ trợ sinh viên làm việc tất cả các ngày trong tuần để hỗ trợ, giải quyết các thủ tục hành chính và thắc mắc trực tiếp cũng như hỗ trợ online, hướng dẫn cho SV.

- Tiến hành tin học hóa: in bảng điểm, cơ sở dữ liệu, hoạt động SV... nhằm cải thiện dịch vụ và chất lượng trong quá trình hỗ trợ học vụ. Từ năm học 2016-2017, Nhà trường đã tiến hành sử dụng phần mềm xác nhận SV Online **[17.17.04.03]**. Các hoạt động văn thể mỹ, học thuật Tăng số lượng sân chơi và CSVC phục vụ sinh hoạt văn thể mỹ cho SV tại KTX. Trong năm 2017, Nhà trường đã lắp đặt thêm các dụng cụ tập thể dục, thể thao tại các sân trong KTX **[H17.17.04.04]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức : 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể cho các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách.

- Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ SV, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ SV theo đúng kế hoạch được phê duyệt đầu năm học.

- Nhà trường luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các công tác đánh giá, kiểm tra hoạt động hỗ trợ, dịch vụ, phục vụ SV.

- Nhà trường nhận được sự quan tâm từ các cấp, sự hỗ trợ từ các DN, đơn vị hợp tác trong công tác kiểm tra, đôn đốc các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ SV.

- Nhà trường luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Còn một bộ phận nhỏ SV vì lý do cá nhân chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường.

- Nhà trường chưa đánh giá chi tiết và chỉ đánh giá cho từng hoạt động hỗ trợ và dịch vụ của SV, cho từng hoạt động hỗ trợ SV.

- Do điều kiện hạn chế về diện tích nên các cải tiến đã thực hiện thường xuyên nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của tất cả các sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Đề khắc phục điểm yếu về đánh giá các hoạt động, Nhà trường phân công đơn vị thường trực về công tác sinh viên xây dựng hệ thống phần mềm, khảo sát để đánh giá từng hoạt động. Đồng thời thông qua hệ thống quản lý sinh viên, ĐTN và HSV tiếp tục phổ biến và huy động sinh viên trong hoạt động hỗ trợ sinh viên.	P.CTCT&SV, ĐTN, HSV, Các khoa QLSV, CVHT	Năm học 2020-2021

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	6.2
Tiêu chí 17.1	6
Tiêu chí 17.2	6
Tiêu chí 17.3	6
Tiêu chí 17.4	7

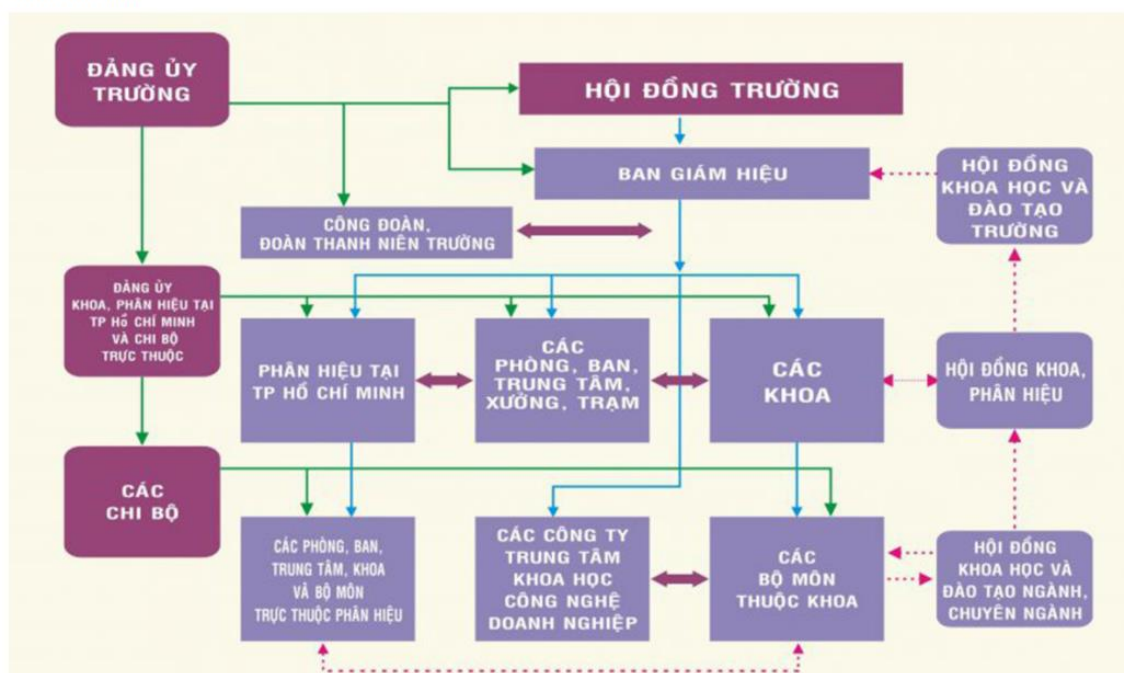
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

1. Mô tả

Phòng KHCN được thành lập ngày 5/4/1968, tiền thân là Ban nghiên cứu khoa học, là đơn vị hành chính trong sơ đồ tổ chức của Trường đại học Giao thông Vận tải, có chức năng tham mưu cho Nhà trường trong các hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Hình 18.1. Sơ đồ tổ chức và hoạt động của Trường ĐHGTVT

Việc thiết lập hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu của Trường được thực hiện chủ động và hiệu quả. Nhà trường có chiến lược phát triển KHCN dài hạn như là một chiến lược bộ phận trong chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu là hướng tới xây dựng Trường ĐHGTVT trở thành một trung tâm mạnh hàng đầu ở Việt Nam và tương đương khu vực về NCKH và CGCN; tập trung phát triển KHCN của một số ngành mũi nhọn, là thế mạnh của Trường như: xây dựng công trình giao thông, có khí GTVT, vận tải – kinh tế, công nghệ thông tin, tự động hóa phục vụ GTVT; quốc tế hóa Tạp chí Khoa học GTVT của Trường, xuất bản các số tiếng Việt và tiếng Anh; nâng cao số lượng các bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín. [H18.18.1.01]. Hiện nay, trong sự phát triển chung, Nhà trường đang xây

dựng các chiến lược bộ phận thành các chiến lược riêng, trong đó có Chiến lược phát triển KHCN. Hiện tại Trường ĐHGTVT đã là cơ sở đào tạo, NCKH hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực GTVT, hợp tác về NCKH với nhiều trường đại học trong khu vực và trên thế giới; đã có nhiều công trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường. Tạp chí Khoa học GTVT của Trường đã được quốc tế hóa, thực hiện phản biện online và xuất bản bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Hàng năm số lượng bài báo quốc tế có uy tín của Nhà trường đều tăng từ 30-50%.

Trên cơ sở chiến lược dài hạn, Nhà trường xây dựng kế hoạch trung hạn **[H18.18.1.02]**. Trên cơ sở chiến lược dài hạn và trung hạn, Nhà trường xây dựng kế hoạch KHCN hàng năm. Quy trình xây dựng kế hoạch KHCN hàng năm của trường như sau: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn tổng kết tình hình thực hiện hoạt động NCKH, UD, PT & CGCN và xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN cho năm tiếp theo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã chủ động gửi thông báo về việc tổng kết các hoạt động của năm trước, xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN của năm tiếp theo tới các khoa, các đơn vị trực thuộc để các đơn vị chủ động triển khai công việc nêu trên ở đơn vị mình, sau đó tổng hợp gửi lên Trường **[H18.18.1.03]**. Phòng KHCN tổng hợp thành kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN của toàn trường trình Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo trình Bộ GD&ĐT **[H18.18.1.04]**.

Trường đã thực hiện một loạt các cơ chế chính sách cho các hoạt động NCKH như: cơ chế tự chủ cho các Khoa trong xét duyệt, thực hiện đề tài cấp Trường, đề tài NCKHSV; chủ trương đề tài cấp Trường trọng điểm; chính sách khen thưởng các bài báo ISI/WoS, Scopus và hỗ trợ báo cáo hội thảo trong nước và quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích), hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH ngoài Trường; khuyến khích các giảng viên đề xuất đề tài các cấp khác ngoài Trường (cấp quốc gia/quốc tế, cấp Bộ khác, cấp tỉnh/thành phố, ...); thống nhất cách viết tên, địa chỉ Trường và email liên hệ của đơn vị và cá nhân là tác giả trong các công trình khoa học. Các cơ chế chính sách này được thể hiện trong các quy định về tính giờ NCKH quy đổi, quy chế chi tiêu nội bộ, các thông báo xét duyệt đề tài các cấp của Nhà trường, ... Hàng năm mỗi giảng viên phải thực hiện đủ số giờ chuẩn NCKH theo quy định tùy theo cấp độ, chất lượng của hoạt động, công trình nghiên cứu cũng như mức độ tham gia của giảng viên trong hoạt động, công trình đó.

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động KHCN trong trường bao gồm: Quy chế quản lý chung **[H18.18.1.05]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H18.18.1.06]**, Quy định tính giờ NCKH quy đổi **[H18.18.1.07]** và các văn bản quản lý các hoạt động riêng như: đề tài cấp Trường **[H18.18.1.08]**, NCKH của sinh viên **[H18.18.1.09]**, tổ chức hội nghị hội thảo khoa học **[H18.18.1.10]**, quản lý hoạt

động sở hữu trí tuệ [H18.18.1.11] và triển khai thực hiện theo các kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn.

Các hướng nghiên cứu, nội dung các đề tài, dự án được xét duyệt, theo quy định phải phù hợp với sứ mạng, với định hướng phát triển KHCN của Trường là ứng dụng và CGCN, phù hợp với mục tiêu phát triển Trường ĐH GTVT thành một cơ sở GDDH có vị thế hàng đầu ở Việt Nam về NCKH và CGCN [H18.18.1.12], [H18.18.1.13].

Các kế hoạch đã duyệt được triển khai phù hợp (bao gồm các đề tài, dự án, chương trình, các hoạt động KHCN cấp cơ sở), được cấp đủ kinh phí [H18.18.1.14]. Trường tổ chức các hoạt động để thực hiện quản lý đề tài theo phân công: phòng KHCN quản lý về nội dung, phòng Tài chính – Kế toán quản lý về các thủ tục tài chính hướng dẫn các chủ nhiệm triển khai thực hiện đề tài và cứ 6 tháng 1 lần tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở, giúp đỡ [H.18.18.1.15]

Cuối mỗi năm học Nhà trường đều kiểm tra rà soát lại các hoạt động KHCN của các giảng viên phù hợp với quy định [H.18.18.1.16]. Kết quả hoạt động NCKH, CGCN và LDSX trong năm học và phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm học tiếp theo được trình bày trong các Báo cáo tổng kết tại hội nghị CBVC toàn Trường hàng năm [H18.18.1.17]. Kết quả các hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường được trình bày trong [Phụ lục 01,02]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Năm 2017 Nhà trường đã ban hành quy chế mới quy định tỉ lệ thu từ hoạt động KHCN, CGCN, LDSX triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Nguồn thu từ hoạt động NCKH chủ yếu dựa trên các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu từ ngân sách nhà nước, địa phương và các nguồn từ nước ngoài và doanh nghiệp. Nguồn thu từ chuyển giao công nghệ chủ yếu sẽ dựa trên doanh thu của các công ty, trung tâm KHCN thuộc Trường. Tỉ lệ đóng góp của các hoạt động dao động từ 0,5% đến 10% doanh thu tùy theo loại hoạt động [H18.18.2.01]. Định hướng đến năm 2025 nguồn thu từ NCKH và CGCN sẽ đạt tỷ lệ 15% tổng thu của Trường. Nhà trường cũng đã ký kết hợp tác với nhiều tổ chức tài trợ cho NCKH như Bộ GTVT, Sở KHCN và Sở GTVT thành phố Hà Nội, Hội đồng Anh, Tập đoàn Vingroup, Sở GTVT Quảng Ninh, Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh, ... để thúc đẩy hoạt động NCKH theo tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Kết quả là nguồn thu từ NCKH đã tăng lên rất nhanh theo từng năm [H18.18.2.02]. Số lượng và kinh phí cấp mới cho các đề tài

từ nguồn vốn bên ngoài (nước ngoài, Nghị định thư, song phương, cấp Nhà nước, cấp Bộ, tỉnh, thành phố và tương đương) tăng lên mạnh mẽ qua từng năm. Từ năm 2016 tới 2019, số lượng đề tài cấp mới đã tăng từ 10 lên 20 đề tài (tăng gấp 2 lần) và kinh phí cấp mới tăng từ hơn 4 tỉ đồng lên hơn 32 tỉ đồng (tăng gấp 8 lần). **[Phụ lục 13]**

Từ năm 2019 Nhà trường đã triển khai chủ trương đề tài cấp Trường trọng điểm nhằm từng bước thiết lập các nhóm nghiên cứu, đầu tư cho công bố quốc tế có uy tín, đăng ký sở hữu trí tuệ và sản phẩm chuyển giao công nghệ. Các nhóm nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường là đường sắt và đường bộ, đặc biệt là về đường sắt đô thị, đường bộ cao tốc và công nghệ 4.0 trong lĩnh vực GTVT. Kinh phí cho mỗi đề tài đạt được các sản phẩm trên dao động từ 80 triệu đến 120 triệu VND **[H.18.18.2.03]**. Năm 2020 đã có 08 đề tài cấp Trường trọng điểm đầu tiên được bảo vệ đúng hạn với sản phẩm là các bài báo quốc tế có uy tín, bằng sáng chế được cấp và sản phẩm chuyển giao công nghệ. Ngoài các quy định cụ thể về loại hình hoạt động NCKH hàng năm mà giảng viên phải tham gia, các quy định về thi đua khen thưởng hàng năm và định kỳ cũng xét đến số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và người học. Ngoài ra Nhà trường cũng thường xuyên cập nhật quy chế quy tiêu nội bộ, khen thưởng cho các bài báo ISI/WoS, Scopus và hỗ trợ báo cáo hội thảo trong nước và quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích), hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH ngoài Trường nhằm khuyến khích cán bộ, GV và người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu **[H18.18.2.04]**.

Các hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước thường xuyên được triển khai. Nhiều cựu sinh viên của Nhà trường sau khi ra trường đã giữ những vị trí chủ chốt trong ngành GTVT và luôn ủng hộ Nhà trường trong mọi mặt hoạt động. Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước trong việc cùng hợp tác nghiên cứu, trao đổi sinh viên, giảng viên và tổ chức các hội nghị hội thảo khoa học. Hàng năm đều có các hội nghị hội thảo quốc tế được tổ chức và các sản phẩm nghiên cứu được thương mại hóa **[Phụ lục 15]**. Các nhà khoa học của Trường đã góp phần trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra của ngành và của xã hội: như vệt hằn bánh xe, mặt cầu Thăng Long, cầu treo dân sinh, vật liệu xây dựng ở vùng biển và hải đảo, máy móc thiết bị xây dựng nội địa hóa, tự động hóa giao thông, cơ khí chế tạo, điện tử bán dẫn, ...

Hàng năm các hoạt động KHCN đều được triển khai theo kế hoạch. Cuối mỗi năm học Nhà trường đều tiến hành hội nghị giao ban KHCN-LĐSX và tổng kết các kết quả đã đạt được và đề ra phương hướng cho năm học tiếp theo **[H18.18.2.06]**. Các hoạt động KHCN hàng năm được triển khai theo kế hoạch tập trung vào các hoạt

động: đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp; công bố khoa học trong nước và quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ; đổi mới và nâng cao chất lượng các Tạp chí khoa học của Trường; tổ chức các hội nghị hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; truyền thông, quảng bá thành tựu KHCN; tổ chức các hoạt động NCKH của sinh viên; thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ và dịch vụ kỹ thuật; xây dựng các giải pháp đổi mới hoạt động KHCN trong Trường và các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí KHCN. Việc tăng nguồn thu hàng năm từ các hoạt động KHCN đã góp phần giúp các giảng viên có cơ hội nghiên cứu và công bố các công trình khoa học có uy tín, đăng ký sở hữu trí tuệ, dần hình thành các hướng nghiên cứu mũi nhọn trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao hướng tới trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Ngoài việc đề ra chiến lược phát triển theo giai đoạn, theo chu kỳ 5 năm và từng năm Nhà trường thường xuyên đề ra các chỉ số cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu cho giai đoạn hoặc năm tiếp theo như: số lượng các nhiệm vụ KHCN các cấp, đề tài NCKH của sinh viên; số lượng các bài báo, các báo cáo hội nghị hội thảo trong nước và quốc tế, doanh thu và đóng góp từ các hoạt động CGCN và dịch vụ KHCN [H18.18.3.01]

Sau mỗi chu kỳ Nhà trường lại tiến hành tổng kết đánh giá lại các hoạt động đã thực hiện, bao gồm các cuộc họp giao ban về KHCN-LĐSX hàng năm, các hội nghị KHCN 2 lần/5 năm, các cuộc họp về kế hoạch KHCN giai đoạn 5 năm tiếp theo. Các kết quả đã đạt được đánh giá theo các tiêu chí như: số lượng các nhiệm vụ KHCN các cấp, kinh phí nghiên cứu và tài trợ được cấp mới, số các giải thưởng, các ấn phẩm, công bố khoa học trong nước và quốc tế, các sáng chế và giải pháp hữu ích, các hội nghị hội thảo khoa học được tổ chức, các sản phẩm chuyển giao công nghệ, ... [H18.18.3.02]. Số lượng và kinh phí cấp mới cho các đề tài từ nguồn vốn bên ngoài (nước ngoài, Nghị định thư, song phương, cấp Nhà nước, cấp Bộ, tỉnh, thành phố và tương đương) tăng lên mạnh mẽ qua từng năm. Từ năm 2016 tới 2019, số lượng đề tài cấp mới đã tăng từ 10 lên 20 đề tài (tăng gấp 2 lần) và kinh phí cấp mới tăng từ hơn 4 tỉ đồng lên hơn 32 tỉ đồng (tăng gấp 8 lần). Số lượng các đề tài cấp cơ sở cấp mới đã tăng lên gần 2 lần và giữ ổn định mỗi năm trên 130 đề tài bao gồm cả đề tài cấp Trường và cấp Trường trọng điểm [Phụ lục 13]. Thứ hạng về công bố khoa học của Trường được nâng cao góp phần trực tiếp vào truyền thông tuyển sinh của Nhà Trường. Số lượng

bài báo ISI/WoS và bài báo khoa học trong nước đều tăng hơn 2,5 lần. Năm 2019 Trường đứng thứ 14 trong Bộ Giáo dục và Đào tạo về số lượng bài báo ISI/WoS được khen thưởng, đứng thứ 19 cơ sở giáo dục Đại học cả nước (gồm các Đại học và Trường Đại học) về công bố quốc tế trong Cơ sở dữ liệu Scopus, trong đó nếu tính riêng các Trường Đại học thì thuộc top 10. Từ chỗ gần như không có bằng sở hữu trí tuệ nào được cấp, năm 2019 và 2020 đã có 02 bằng sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp và 02 sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. Nhiều công trình NCKH của sinh viên đã đạt được giải cao trong các cuộc thi cấp quốc gia và quốc tế. Số lượng công trình đạt giải đã tăng gần gấp đôi sau 5 năm, trung bình hàng năm có 3-4 giải thưởng NCKHSV cấp bộ **[Phụ lục 11]**.; nhiều giải thưởng tại các cuộc thi khác như lái xe sinh thái, tiết kiệm năng lượng, Olympic tin học, Cơ học, Tin học, Vật lý, Toán, Ý tưởng sáng tạo trẻ,...

Cuối mỗi năm học và theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường tiến hành đánh giá lại kết quả hoạt động của các cá nhân và từng đơn vị, trên cơ sở đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét danh hiệu thi đua, khen thưởng KHCN đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao **[H18.18.3.03]**. Nhà trường luôn chú trọng các hoạt động NCKH gắn liền với thực tiễn, trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra của ngành và của xã hội, cụ thể đã tiến hành các nghiên cứu và ứng dụng trong thực tiễn như: xử lý vệt hằn bánh xe trên mặt đường bê tông nhựa, sửa chữa mặt cầu Thăng Long theo công nghệ liên hợp dầm thép với bản mặt cầu bằng bê tông cường độ siêu cao UHPC, thiết kế và xây dựng cầu treo dân sinh phục vụ giáo dục cho các tỉnh vùng sâu vùng xa khu vực phía Bắc, ứng dụng giải pháp kết cấu và vật liệu cho các công trình vùng biển và hải đảo, thiết kế chế tạo máy móc và thiết bị xây dựng nội địa hóa giảm giá thành so với nhập khẩu, ứng dụng các giải pháp tự động hóa điều khiển, giám sát trong giao thông, ...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Hàng tháng Nhà trường đều tiến hành các cuộc họp giao ban cán bộ, hàng năm thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban KHCN-LĐSX, họp tổng kết năm học tại các đơn vị và trong toàn Trường, họp các Hội đồng Khoa và Hội đồng Trường để lấy ý kiến các cá nhân và đơn vị trong và ngoài Trường về công tác quản lý nghiên cứu. Theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tổ chức Hội nghị KHCN nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng NCKH **[H18.18.4.01]**. Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến cuối năm đối với các cán bộ, giảng viên trong Trường do phòng KHCN thực hiện thông qua đánh giá và góp ý trực tuyến. Theo khảo sát về mức độ hài lòng của các cán bộ, giảng viên trong Trường

về hoạt động KHCN thì chất lượng công tác quản lý nghiên cứu của Trường được đánh giá đạt điểm 4,2/5, xếp loại Tốt đến Rất tốt. Ngoài ra tất cả các ý kiến trực tiếp từ các tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên trong các cuộc họp tổng kết hàng năm cũng được ghi lại và chuyển cho Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để Nhà trường đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến công tác quản lý nghiên cứu trong năm tới.

Các năm gần đây công tác quản lý NCKH của Nhà trường đã được cải tiến rất nhiều và được các đơn vị trong và ngoài Trường đánh giá cao. Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản quản lý KHCN quan trọng như: Định hướng nghiên cứu khoa học ưu tiên của Trường ĐH GTVT giai đoạn 2016 – 2025; quy định về quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, NCKH và CGCN; kế hoạch hoạt động KHCN của trường ĐH GTVT giai đoạn 2016 – 2020; Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐH GTVT; Quy chế quản lý hoạt động KHCN, LDSX của Trường ĐH GTVT; hướng dẫn thủ tục nghiệm thu và thanh quyết toán đề tài NCKH cấp Trường và cấp Trường trọng điểm; hướng dẫn đăng ký và tổ chức hội nghị, hội thảo/seminar khoa học trong nước và quốc tế; Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của trường ĐH GTVT; thống nhất cách viết tên, địa chỉ Trường và email liên hệ của đơn vị và cá nhân là tác giả trong các công trình khoa học; điều kiện khen thưởng cho CB, VC, NCS, HVCH, SV có bài báo khoa học quốc tế uy tín, trích dẫn Tạp chí Khoa học GTVT online, sở hữu trí tuệ, hỗ trợ báo cáo hội nghị hội thảo khoa học. Trường cũng đã đưa vào thực hiện nhiều giải pháp đổi mới hoạt động KHCN của CBGV trong Trường như: xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN điện tử và ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác quản lý NCKH; đổi mới quy trình xét duyệt đề tài NCKH cấp Trường; thực hiện chủ trương đề tài cấp Trường trọng điểm nhằm tăng cường các công bố quốc tế có uy tín, bằng độc quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm CGCN; thực hiện phân bổ kinh phí tổ chức hội thảo khoa học cấp khoa; đổi mới quy trình xét duyệt đề tài NCKH của sinh viên và xét chọn đề tài NCKHSV xuất sắc cấp Trường cử đi dự giải ở các cấp cao hơn, ... **[H.18.18.4.02]**

Phòng KHCN, đơn vị phụ trách quản lý NCKH của Nhà trường liên tục được đánh giá là tập thể Lao động xuất sắc và được nhận Bằng khen của Bộ trưởng năm 2020. Năm 2019 Trường ĐH GTVT cũng được xếp hạng thứ 19 trong các cơ sở GDĐH có nhiều công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam theo công bố trên <https://www.tienphong.vn/> ngày 25/4/2020 **[H18.18.4.03]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt những điểm mạnh

Nhà trường có một hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát đầy đủ, luôn chủ động trong xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN dựa trên chiến lược phát triển KHCN trung và dài hạn, phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường.

Hoạt động triển khai các hoạt động NCKH, UD, PT & CGCN của trường có nề nếp, đúng kế hoạch.

Nhà trường có một lực lượng đông đảo các cựu sinh viên hoạt động trong ngành GTVT luôn ủng hộ Nhà trường trong mọi mặt hoạt động. Các giải pháp thúc đẩy NCKH và CGCN của Nhà trường được triển khai đồng bộ trên các mặt giúp tạo ra một môi trường thuận lợi, khuyến khích CBGV tham gia để đạt được các tiêu chí mang tính quốc tế.

Các chỉ số thực hiện được áp dụng cho hầu hết hoạt động NCKH bao gồm cả số lượng và chất lượng nghiên cứu. Việc rà soát, đánh giá được thực hiện theo các chu kỳ khác nhau từ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn.

Công tác quản lý NCKH của Trường được cải tiến thường xuyên, toàn diện, tận dụng triệt để quy trình phân cấp tự chủ cho các đơn vị, ứng dụng CNTT trong quản lý, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong ban hành các quy định về quản lý NCKH của Nhà trường.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

Nhà trường mới đánh giá được từng hoạt động NCKH của các đơn vị, chưa đánh giá được năng lực NCKH chung của từng đơn vị.

Nguồn thu từ NCKH và CGCN vẫn chiếm tỷ trọng chưa lớn trong tổng thu của Nhà trường, chưa xứng với tiềm năng của trường. Trường chưa có nhiều các hợp đồng đặt hàng có giá trị lớn từ các doanh nghiệp trong nước.

Các chỉ số được đề ra luôn trong quá trình phát triển và hoàn thiện và mới chỉ mang tính định hướng tổng thể và khuyến khích khen thưởng, chưa mang nhiều tính chế tài với từng đơn vị trong Trường.

Một số chính sách về quản lý NCKH theo xu hướng tự chủ chưa được đưa vào một cách đầy đủ do Nhà trường đang trong quá trình chuyển đổi từ mô hình cũ sang mô hình đại học tự chủ theo định hướng nghiên cứu.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực NCKH chung của từng đơn vị - Tăng cường quảng bá hình ảnh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm... để có thể thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật có giá trị lớn. - Hoàn thiện các chỉ số theo hướng trung bình hóa cho từng GV, đơn vị, trên cơ sở đó xác định được năng lực NCKH của từng đơn vị làm căn cứ đưa ra các chế tài và đầu tư cho các đơn vị hoạt động NCKH có hiệu quả. - Bổ sung các chính sách theo xu hướng đại học tự chủ theo định hướng nghiên cứu như hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.	Phòng KHCN	2021-2025	
			Phòng TCCB		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục xây dựng hệ thống và triển khai chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát đầy đủ. - Tiếp tục tăng cường quan hệ với các cựu sinh viên của Trường và hoàn thiện các cơ chế tập trung nguồn lực NCKH và CGCN. - Thường xuyên cập nhật các chỉ số giúp các đơn vị đánh giá và định hướng được các hoạt động của mình. - Tăng cường phân cấp tự chủ đến từng đơn vị, hoàn thiện các quy chế quản lý NCKH, xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN toàn Trường phục vụ công tác dự báo và xây dựng chiến lược KHCN.	Phòng KHCN Phòng CTCT&SV Phòng KHCN	2021-2025	

4. Đánh giá chung

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	6
Tiêu chí 18.1	6
Tiêu chí 18.2	6
Tiêu chí 18.3	6
Tiêu chí 18.4	6

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

- Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ 217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017. Quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế, văn bản quy định rõ về bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của Nhà Trường, quốc gia theo văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH 2019 Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội [H.19.19.1.01]. Văn bản về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các sản phẩm SHTT, các đề tài nghiên cứu được phê duyệt: Nhà Trường hỗ trợ khi phí đóng nộp làm thủ tục hồ sơ, kinh phí duy trì sở hữu trí tuệ, và thưởng khi sở hữu trí tuệ được cấp bằng bảo hộ theo thông báo số: . [H.19.19.1.02].

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng
1	Tạp chí khoa học thuộc top 100 thế giới theo Scopus	100.000.000 đ/bài.
2	Tạp chí khoa học thuộc danh mục SCIE/A&HCI/SSCI	35.000.000 đ/bài
3	Tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI (Emerging Sources Citation Index)	15.000.000 đ/bài
4	Tạp chí khoa học Scopus	10.000.000 đ/bài
5	Bài báo hội nghị thuộc CPCI-S (Conference Proceedings Citation Index- Science)	5.000.000 đ/bài
6	Bài báo hội nghị thuộc Scopus	3.000.000 đ/bài

- Phòng KHCN dưới sự chỉ đạo của Nhà trường đã phối hợp cùng các đơn vị ra Quyết định thành lập Tổ sở hữu

trí tuệ 2294/QĐ-ĐHGTVT, ngày 27/10/2016, Phòng KHCN là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức chủ trì tập hợp và quản lý, cùng các cá nhân phụ trách các đơn vị quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu (Phân công trách nhiệm và hướng dẫn cho các bộ phận/cá nhân quản lý/hỗ trợ khai báo

đăng ký bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu trong trường [H.19.19.1.03].

- Nhằm hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu Nhà trường đã thành lập Ban phát triển các sản phẩm KHCN bao gồm đại diện các phòng ban trong Trường. Ban sẽ có nhiệm vụ hướng dẫn cho các tác giả khai thác tài sản trí tuệ thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn. Chính sách khen thưởng cho các tác giả có các phát minh, sáng chế, bản quyền và giải pháp hữu ích cũng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường quy chế đã nêu rõ các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan khi có các sản phẩm SHTT nói chung và các sáng chế, giải pháp hữu ích [H.19.19.1.03], Quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu được quy định trong Quy chế chung về quản lý hoạt động KHCN của Trường Quy định tính giờ NCKH quy đổi. Văn bản đã nêu rõ các danh mục được tính giờ cũng như giờ NCKH của giảng viên được quy đổi sang giờ giảng dạy và ngược lại. Cách tính giờ đối với các bài báo các công trình khoa học được cập nhật hàng năm nhằm đảm bảo quyền lợi cho giảng viên: Công bố sở hữu trí tuệ trực tuyến tại trang web: <http://iplib.noip.gov.vn/> và kcn.utc.edu.vn; Nhà Trường giao PKHCN lưu kết bằng sở hữu trí tuệ đã được cấp. Khai thác tài sản sở hữu trí tuệ: Nhà Trường kết hợp cùng các tác giả khai thác tài sản sở hữu trí tuệ theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, lao động sản xuất của trường ĐH GTVT, số 1942/QĐ-ĐHGTVT, năm 2017. [H.19.19.1.04].

Quy trình đăng ký các sáng kiến và sở hữu trí tuệ đã được đưa lên phần mềm quản lý KHCN của Trường. Việc đưa lên phần mềm quản lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho CB-GV đăng ký cũng như phản hồi chỉnh sửa Tờ khai hoặc Bản mô tả được rút gọn và kịp thời hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ 217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017. Quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế, văn bản quy định rõ về bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của Nhà Trường, quốc gia. Văn bản về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các sản phẩm SHTT, các đề tài nghiên cứu được phê duyệt Quy chế về quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường được dựa trên các văn bản cấp trên đảm bảo các tài sản trí tuệ phải

được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế nên rõ các quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tác giả cũng đối với tài sản trí tuệ, công trình khoa học. **[H.19.19.2.01]**. Định kỳ Nhà trường cử cán bộ đi học hoặc tổ chức các buổi tập huấn về sở hữu trí tuệ và công bố các công trình khoa học nhằm phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của CB-GV thuộc CSGD).

Các công trình nghiên cứu khoa học các sáng chế đăng ký SHTT đã được đăng ký và cấp **Bằng độc quyền sáng chế: 23872** “Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu Polyme để theo dõi sức khỏe công trình xây dựng và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng bằng cảm biến này” số: 3999w/QĐ-SHTT, ngày 24/02/2020 **[H.19.19.2.02]**.

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: 2259 “Phương pháp tạo ra hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng phụ gia trộn trực tiếp tại trạm bê tông” số: 13238w/QĐ-SHTT, ngày 03/09/2020 **[H.19.19.2.03]**.

Nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ Phòng KHCN sắp xếp nguồn nhân lực và nhận được sự hỗ trợ tốt của Nhà Trường cũng như Cục SHTT và các đơn vị liên qua cử các CV phụ trách đi tham gia tập huấn các lớp kỹ năng về SHTT do Cục SHTT cũng như Tổ chức SHTT thế giới WIBO tổ chức. trường cũng là một trong những thành viên tích cực mạng lưới TISC/IP-HUB. Ví dụ như: Công văn “V/v đăng ký tham gia đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các thành viên mạng lưới TISC/IP-HUB” 101/ĐHGTVT-KHCN ngày 12/03/2019 **[H.19.19.2.04]**.

Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN cũng như đào tạo và quản lý cho hầu hết các đầu mục công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả CB-CNV trong toàn Trường cũng như bên ngoài làm việc thuận tiện nhanh gọn dễ dàng. Như: vpd.etc.edu.vn, khcn.etc.edu.vn tiến tới liên kết với hệ cơ sở dữ liệu bên ngoài trường, đưa vào kế hoạch sử dụng các phần mềm chống đạo văn nhằm rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ. Phần mềm VPĐT đã hoạt động tốt và hiệu quả trong những năm học vừa qua. Trong năm 2020 đã dần hoàn thiện và tiến tới quản lý Nhà Trường điện tử <http://usmart.etc.edu.vn/>

Những sản phẩm NCKH ngày càng được chú trọng đầu tư nhằm phát triển sản phẩm tiến tới thương mại hoá với việc ra QĐ thành lập Ban phát triển sản phẩm KHCN QĐ số 1342/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/8/2020. Tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được đăng tải công khai tại trang web: khcn.etc.edu.vn, Giảng viên/nhà khoa học điền vào các bảng mẫu, gửi

phòng KHCN thực hiện các thủ tục còn lại và kinh phí đăng ký do Nhà Trường hỗ trợ. Việc rà soát được thực hiện sơ bộ bởi PKHCN để đảm bảo giảm thiểu các hành vi vi phạm trong phạm vi Nhà Trường, còn phạm vi quốc gia, quốc tế được thực hiện bởi Cục Sở hữu Trí tuệ theo quy định [H.19.19.2.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Định kỳ hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ trong năm học, các tài sản trí tuệ của đội ngũ CB-GV Nhà Trường luôn được rà soát và kê khai đầy đủ, tạo lập danh mục để quản lý và báo cáo định kỳ đều đặn hàng năm cũng như có các cơ chế khen thưởng hỗ trợ đầy đủ tạo điều kiện khích lệ CB-GN Nhà Trường trong nghiên cứu khoa học. Cùng với đó việc tổng kết năm học cũng đưa ra được phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới cũng như kế hoạch tiếp theo, mục tiêu phấn đấu. Việc định kỳ tổng kết cũng góp phần khích lệ CB-CNV của Nhà Trường hăng say nghiên cứu khoa học cũng như công tác giảng dạy được hoàn thiện tốt hơn nữa. Những kinh nghiệm cũng được chia sẻ và rút kinh nghiệm để công tác giảng dạy và quản lý chung của Nhà Trường ngày càng hoàn thiện hơn, công tác quản lý các Công ty, trung tâm cũng dẫn đi vào quy củ. [H.19.19.3.01]

Theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá lại công tác quản lý tài sản trí tuệ trong giai đoạn vừa qua và đưa ra kế hoạch thực hiện cho giai đoạn tiếp theo, theo xu thế các văn bản quản lý tài sản trí tuệ cần ban hành [H.19.19.3.02]

Phòng Khoa học Công nghệ là đơn vị đầu mối quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường cũng thường xuyên phải thống kê, báo cáo về công tác quản lý tài sản của Trường với cấp cao hơn. Việc thống kê báo cáo tài sản SHTT được trú trọng và thường xuyên cũng giúp cho Nhà Trường nhìn nhận và nắm bắt được các xu thế định hướng mới của KHCN cũng như sự phát triển của các ngành, các hướng nghiên cứu cần ưu tiên. Qua đó những hướng ưu tiên mũi nhọn sẽ được đầu tư quan tâm hơn nữa tạo điều kiện cho CB-GV nghiên cứu và phát triển sản phẩm KHCN cũng như đăng ký SHTT [H.19.19.3.03].

Từ năm 2019 và đặc biệt từ năm 2020 các sản phẩm khoa học của đề tài cấp cơ sở đều yêu cầu chủ nhiệm đề tài là tác giả chính và ghi lời cảm ơn hoặc thể hiện Trường Đại học GTVT là cơ quan tài trợ cho nghiên cứu. [H.19.19.3.04] thông báo v/v xét duyệt đề tài cấp trường. Số 495/TB-ĐHGTVT cấp ngày 03/07/2020. [H.19.19.3.04]

Đầu sách, giáo trình cũng như tài liệu tham khảo cũng được các nhà khoa học

biên soạn và xuất bản đều đặn hàng năm và ngày càng hoàn chỉnh. (Bảng phụ lục: 4, 5)

Các công trình khoa học của tác giả công tác trong Nhà Trường nếu là tác giả liên hệ đều lấy địa chỉ email liên hệ theo thông báo và cách thống nhất ghi tên Trường, email liên hệ đúng quy định. Số 634/TB-ĐHGTVT ngày 18/8/2020. **[H19.19.3.05]**

Những năm gần đây số lượng bài báo của Trường ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, số lượng bài báo thuộc danh mục SCIE và Scopus của CB-GV ngày càng được đăng đều đặn qua từng năm tăng dần về số lượng cũng như chất lượng. Các con số bài báo đã phần nào thể hiện điều đó. (Bảng phụ lục: 6, 7). Nhìn chung quả đạt được chưa tương xứng so với tiềm lực của Nhà trường nhưng đạt kế hoạch, bên cạnh đó so với bối cảnh chung các CSGD ĐH khác trong nước, thì thống kê cho thấy Trường ĐH GTVT là một trong các đơn vị đạt kết quả tốt nhất về số lượng và chất lượng công bố.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Báo cáo tổng kết được định kỳ tổ chức hàng năm cũng như đưa ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tới đều được thực hiện đầy đủ và đều đặn. **[H19.19.4.01].**

- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016)
- Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐH GTVT 25/07/2017)
- Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018)
- Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐH GTVT ngày 28/06/2019)
- Năm học 2019-2020 (623/BC- DDHGTVT ngày 19/10/2020)

Những báo cáo này đã chỉ ra những kết quả đạt được trong năm của đơn vị trong năm học vừa qua, những kết quả hoạt động KHCN đạt được và phương hướng nhiệm vụ trong năm học tới cũng như định hướng cho những năm học tiếp theo của đơn vị giáo dục.

Hàng năm Nhà trường đều tiến hành các cuộc họp giao ban KHCN-LĐSX, họp tổng kết năm học toàn Trường và theo chu kỳ 2 lần/5 năm tiến hành các Hội nghị KHCN để lấy ý kiến các cá nhân và đơn vị, đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ Nhà trường, tại buổi họp giao ban Nhà Trường đã nêu các nhiệm vụ đã làm hoàn thành trong năm vừa qua cũng như các công tác quản lý các Công ty, Trung tâm cần làm tốt hơn nữa. Tại buổi họp giao ban các đơn vị đã đóng góp ý kiến xây dựng cũng như hoàn thiện công tác quản lý hoàn thiện hơn nữa các đơn vị cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng. Nhà trường cũng thường xuyên

phải thống kê, báo cáo về công tác quản lý tài sản của Trường với cấp cao hơn. Việc thống kê báo cáo tài sản SHTT được cấp bằng bảo hộ và thường xuyên cũng giúp cho Nhà Trường nhìn nhận và nắm bắt được các xu thế định hướng mới của KHCN cũng như sự phát triển của các ngành, các hướng nghiên cứu cần ưu tiên. Qua đó những hướng ưu tiên mũi nhọn sẽ được đầu tư quan tâm hơn nữa tạo điều kiện cho CB-GV nghiên cứu và phát triển sản phẩm KHCN, chuyển giao công nghệ, lao động sản xuất. **[H19.19.4.02]**

Số lượng đề tài các cấp của Trường trong giai đoạn 2016-2020 đã được nghiệm thu và số lượng đề tài, dự án đưa vào triển khai ứng dụng. Các đề tài hợp tác song phương cũng được triển khai tốt. (Bảng phụ lục: 1)

Bên cạnh đó hoạt động NCKH của Sinh viên cũng đều đặn được Nhà Trường tổ chức triển khai hàng năm với chất lượng cũng như số lượng ngày càng tăng. Các đề tài đạt giải tại các tiểu ban được lựa chọn tham gia cấp Bộ và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Chất lượng đề tài NCKH của SV ngày càng tăng về chất cũng như cách tiếp cận nghiên cứu có nhiều bước tiến đáng kể. (Bảng phụ lục; 11)

Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường. 90% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường. Việc khảo sát sự hài lòng của CB-GV đã thể hiện công tác quản lý, tổ chức của Nhà Trường đã dần hoàn thiện và nhận được sự ủng hộ quan tâm từ lãnh đạo Nhà Trường cũng như sự ủng hộ của các CB-GV trong công tác SHTT. Cụ thể, tại quyết định 1293/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/8/2020, tăng 30% giờ Khoa học quy đổi cho các hoạt động sở hữu trí tuệ [new 4]. Tại thông báo 786/TB-ĐHGTVT, ngày 14/10/2020 khen thưởng cho cán bộ, giảng viên, người học có Bằng độc quyền sở hữu trí tuệ là 40 triệu đồng/bằng, và giải pháp hữu ích là 20 triệu đồng/bằng. **[H19.19.4.03]**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt những điểm mạnh

- Nhà trường có một hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát đầy đủ, luôn chủ động trong việc tạo cơ chế thuận lợi, khuyến khích các tác giả công bố quốc tế và đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Có khen thưởng bài báo quốc tế và hỗ trợ báo cáo HNHT cho CB-GV để động viên khuyến khích nghiên cứu khoa học cũng như tính giờ quy đổi cho các GV. Phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí

- Nhà trường đã nhận thức việc đăng ký, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ là quan trọng nên đã đưa ra các quy định và tập huấn về sở hữu trí tuệ từ sớm, đồng thời từng bước số hóa cơ sở dữ liệu KHCN để có thể lưu trữ, tra cứu và khai thác tài sản trí

tuệ được thuận tiện.

- Nhà Trường thực hiện việc rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo chu kỳ đồng thời với công tác quản lý KHCN nói chung. Các văn bản quy định về sở hữu trí tuệ cũng được đưa ra từ đầu tạo cơ sở cho việc triển khai thực hiện sớm. Nhà trường cũng có một đơn vị đầu mối và có cá nhân phụ trách riêng về công tác sở hữu trí tuệ trong Trường.

- Công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường được cải tiến thường xuyên qua việc ứng dụng Nhà Trường Điện tử trong quản lý tại trang web usmart.utc.edu.vn.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

- Cũng giống như các Trường ĐH khối kỹ thuật trong nước khác, Trường ĐH GTVT chưa có nhiều đề tài/nghiên cứu có đăng ký sản phẩm là sở hữu trí tuệ nên việc tiến hành đăng ký bảo hộ không được làm thường xuyên, chủ yếu theo yêu cầu của tác giả khi có nhu cầu.

- Do hành lang pháp luật trong nước chưa được quy định rõ ràng, hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ tại Việt Nam chưa được trú trọng, cho nên việc khai thác, bảo hộ tài sản trí tuệ còn hạn chế, nhất là khi xảy ra tranh chấp sau khi được bảo hộ.

- Ý thức về đăng ký sở hữu trí tuệ của một số bộ phận cán bộ, giảng viên, sinh viên chưa thực sự cao, cho nên thường đăng ký sau khi có công bố khoa học, điều này làm giảm khả năng được cấp bằng SHTT.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động đề nghị các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ ngay từ đầu khi thấy sản phẩm có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ. Tăng cường hỗ trợ tác giả sử dụng cả các nguồn kinh phí từ bên ngoài nhằm giảm áp lực về kinh phí đăng ký ban đầu.	Phòng KHCN/Các Khoa, Phân hiệu	2020-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, rà soát, tư vấn, định hướng, theo dõi thực hiện, giám sát và hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ.	Phòng KHCN/Các đơn vị liên quan	2020-2025	
3	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng đăng ký sở hữu trí tuệ để tăng khả năng khai thác tài sản trí tuệ. Hoàn thiện việc số hóa tất cả các tài sản trí tuệ và kết nối với lĩnh vực đào tạo thông qua thư viện điện tử.	Phòng KHCN/TTUD CNTT	2020-2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đưa ra các hướng dẫn và tập huấn về sở hữu trí tuệ; kết nối với các cơ sở dữ liệu bên ngoài.	Phòng KHCN/TTUD CNTT	2020-2025	
5	Khắc phục tồn tại	Luôn hoàn thiện quy định và thực hiện việc rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ phù hợp với tình hình thực tế	Phòng KHCN	2020-2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ thường xuyên hàng năm và theo chu kỳ 2 lần/5 năm. Tận dụng các nhóm phụ trách về công tác sở hữu trí tuệ trong Trường để triển khai.	Phòng KHCN/Phòng TCCB/Phòng TCKT	2020-2025	
7	Khắc phục tồn tại	Thực hiện kịp thời việc đăng ký tài sản trí tuệ để tránh nguy cơ bị mất bản quyền.	Phòng KHCN/tác giả	2020-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên hoàn thiện các quy định về quản lý tài sản trí tuệ của Trường, ứng dụng CNTT trong quản lý.	Phòng KHCN/Phòng TCCB/Phòng TCKT	2020-2025	

4. Đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Trường Đại học Giao thông vận tải đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển KHCN phù hợp với Chiến lược phát triển của ngành GTVT và chiến lược phát triển KHCN Quốc gia. Nhà trường xác định việc tăng cường mở rộng các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế, xây dựng các quan hệ hợp tác về nghiên cứu thực chất, hiệu quả nhằm nâng cao vị thế của Trường Đại học Giao thông vận tải là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến 2030 [H20.20.01.01] đã chỉ rõ mục tiêu: “*Xây dựng Trường Đại học GTVT trở thành một trung tâm mạnh hàng đầu ở Việt Nam và tương đương khu vực về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ*” và đưa ra một số giải pháp thực hiện bao gồm “*Ký các thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chính thức giữa nhà trường với các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp*”, “*Hình thành mô hình hợp tác Nhà trường-Doanh nghiệp-Nhà nước trong quá trình nghiên cứu và ứng dụng các đề tài khoa học*”. Dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của khoa học công nghệ trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước; tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động tham gia các mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu [H20.20.01.02].

Để hiện thực hóa mục tiêu đã nêu ra trong chiến lược, ngay từ đầu giai đoạn 2016-2020, Trường đã ban hành Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 [H20.20.01.03], nêu rõ một trong những mục tiêu chính của hoạt động KHCN là *mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về KHCN, các lĩnh vực nghiên cứu thông qua nhiệm vụ Nghị định thư; có nhiều hợp tác nghiên cứu với các Bộ, địa phương và doanh nghiệp trong nước*. Đồng thời, Trường cũng ban hành Kế hoạch phát triển hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2020 [H20.20.01.04] nhằm đưa ra các hoạt động dự kiến và phân công tổ chức thực hiện. Các chỉ tiêu thực hiện chủ yếu cũng được nêu ra trong kế hoạch (Bảng 20.1.1, Bảng 20.1.2, Bảng 20.1.3).

Bảng 20.1.1. Số lượng bài báo khoa học trong nước và quốc tế

Năm	Trong nước			Quốc tế		
	Tổng cộng	Trong trường	Ngoài trường	Tổng cộng	Trong danh mục ISI	Ngoài danh mục ISI
2016	200	120	80	35	15	20
2017	210	126	84	38	16	22
2018	220	132	88	41	17	24
2019	230	138	92	44	18	26
2020	240	144	96	47	19	28
Tổng	1100	660	540	205	85	120

Bảng 20.1.2. Số lượng hội thảo và báo cáo hội thảo khoa học trong nước và quốc tế

Năm	Số lượng hội thảo			Số lượng báo cáo			
	Tổng cộng	Do đơn vị tổ chức	Đồng tổ chức	Hội thảo trong nước			Hội thảo quốc tế
				Tổng cộng	Trong trường	Ngoài trường	
2016	30	20	10	50	30	20	15
2017	32	21	11	53	32	21	16
2018	33	22	11	55	33	22	17
2019	35	23	12	58	35	23	18
2020	37	24	13	61	37	24	19
Tổng	167	110	57	277	167	110	85

Bảng 20.1.3. Số lượng thỏa thuận hợp tác ký mới

Năm	Thỏa thuận ký kết với các đối tác trong nước	Thỏa thuận ký kết với các đối tác nước ngoài
2016	2	5
2017	3	8
2018	4	11
2019	5	14
2020	6	17
Tổng	20	55

Hàng năm, Trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động KHCN, hoạt động đối ngoại và phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo, trong đó có nhiệm vụ tăng cường hợp tác trong KHCN **[H20.20.01.05; H20.20.01.06]**.

Để hướng dẫn thực hiện cho các cá nhân, đơn vị trong trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, lao động sản xuất và Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, phân cấp cụ thể tới từng đơn vị và cá nhân trách nhiệm xây dựng, triển khai, quản lý các chương trình, dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong nước và quốc tế **[H20.20.01.07; H20.20.01.08]**.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng HTQT&NCPT và Phòng KHCN phối hợp các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm và các cá nhân trong Trường triển khai thực hiện phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu, sứ mạng đã đặt ra trong chiến lược **[H20.20.01.09; H20.20.01.10]**. Trong đó, Phòng HTQT&NCPT chịu trách nhiệm tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ với các đối tác quốc tế; tham gia quản lý, hỗ trợ triển khai các hoạt động của chương trình, dự án HTQT. Phòng KHCN chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ; quản lý các đề tài nghiên cứu hợp tác trong nước; phối hợp quản lý các đề tài nghiên cứu hợp tác với các đối tác quốc tế. Các Khoa, trung tâm trong trường có vai trò phối hợp, xây dựng kế hoạch, đề xuất các hoạt động HTQT và NCKH theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và theo các Thông báo hàng năm của Nhà trường gửi các đơn vị về việc tổng kết và xây dựng kế hoạch NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, Thông báo về kế hoạch công tác của các Trung tâm có chức năng triển khai các hoạt động HTQT **[H20.20.01.09; H20.20.01.11; H20.20.01.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Nội dung mở rộng quan hệ hợp tác về KHCN là một trong các nội dung được đặt ra trong kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và hàng năm của Trường **[H20.20.01.01; H20.20.01.03; H20.20.01.04; H20.20.01.05; H20.20.01.06]**. Trên cơ sở đó, Nhà trường lựa chọn các đối tác phù hợp, theo đúng tiêu chí đã đặt ra. Các đối tác hợp tác nghiên cứu của Trường là những cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp có thế mạnh về các lĩnh vực xây dựng công trình, cơ khí, điện - điện tử, công

nghe thông tin, kinh tế, vận tải,... có năng lực và nguồn lực phù hợp để thực hiện các hoạt động hợp tác nghiên cứu chung **[H20.20.02.01; H20.20.02.02]** theo các định hướng nghiên cứu ưu tiên Trường đã đề ra **[H20.20.02.03]**.

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường đã có nhiều đóng góp nhất định cho lĩnh vực nghiên cứu về giao thông vận tải và kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có giá trị ứng dụng thực tế; các đề tài được xét duyệt hàng năm, các đề tài đã triển khai thể hiện sự phù hợp với sứ mạng của Nhà trường **[H20.20.02.04; H20.20.02.05]**.

Thông qua quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục và các viện nghiên cứu, giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã ký kết, triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác dưới các hình thức đa dạng như: phối hợp xuất bản tạp chí khoa học quốc tế; phối hợp thực hiện dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu quốc tế; thực hiện chuyển giao công nghệ; công bố chung các kết quả nghiên cứu; phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học; đưa CB, GV, SV đi học tập, thăm quan, thỉnh giảng, tham dự hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài. Cụ thể:

- Phối hợp xuất bản tạp chí quốc tế 3 trường: Bắt đầu từ tháng 4/2009, Trường Đại học GTVT, Trường Đại học Giao thông Tây Nam - SWJTU (Trung Quốc) và Trường Đại học Giao thông đường bộ Matxcova - MADU (LB Nga) cùng nhau xuất bản tạp chí Khoa học Giao thông. Bắt đầu từ năm 2016, tạp chí 3 trường có chỉ số ISSN 2410-9088. Đến nay, tạp chí đã xuất bản được 10 số **[H20.20.02.06]**.
- Triển khai hơn 20 dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu quốc tế, mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường **[H20.20.02.07]**.
- Thực hiện nhiều hoạt động hợp tác nghiên cứu chuyển giao công nghệ **[H20.20.02.08]**.
- Chủ trì và phối hợp công bố hơn 700 bài báo trên các tạp chí quốc tế, trong đó gần 500 bài được công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI/Scopus và các tạp chí quốc tế uy tín khác **[H20.20.02.09]**.
- Chủ trì và phối hợp tổ chức gần 60 hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế **[H20.20.02.10]**.
- Tiếp nhận gần 40 lượt giảng viên, chuyên gia nước ngoài đến trường tham gia giảng dạy, nghiên cứu **[H20.20.02.11]**.

- Cử gần 160 lượt cán bộ lãnh đạo quản lý và giảng viên đi nước ngoài tham quan, khảo sát và trao đổi kinh nghiệm về quản lý, đào tạo và nghiên cứu với các trường đại học nước ngoài, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế [H20.20.02.12]; đón gần 260 đoàn CB, GV, SV đến Trường làm việc, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu, tham dự hội nghị, hội thảo, ký kết thỏa thuận hợp tác về đào tạo và nghiên cứu,... [H20.20.02.13].

Trong những năm qua, nhằm thúc đẩy mở rộng mạng lưới hợp tác, Nhà trường đã tích cực đầu tư vào các công tác đoàn ra/đoàn vào, hội nghị/hội thảo (Bảng 20.2.1); có chính sách động viên và hỗ trợ để khuyến khích các cán bộ, giảng viên tìm tòi, nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí quốc tế; hỗ trợ kinh phí cho nhiều cán bộ, giảng viên đi dự hội nghị, hội thảo và trao đổi chuyên môn ở nước ngoài để mở rộng mạng lưới quan hệ trong nghiên cứu [H20.20.02.14]. Đối với các Dự án hợp tác có nguồn tài trợ nước ngoài, Nhà trường cung cấp vốn đối ứng 10% theo quy định của Chính phủ Việt Nam và yêu cầu của đơn vị tài trợ [H20.20.02.15].

Bảng 20.2.1. Thống kê kinh phí chi cho các hoạt động hợp tác đối ngoại

Đơn vị: Triệu đồng

<i>Năm</i>	<i>Đoàn ra</i>	<i>Đoàn vào</i>	<i>Hội nghị/Hội thảo</i>	<i>Tổng cộng</i>
2016	426	112	2.132	2.670
2017	414	180	2.185	2.779
2018	1.035	163	979	2.177
2019	332		775	1.107
2020	68		842	910
Tổng cộng	2.275	455	6.913	9.643

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Theo phân công của Nhà trường, Phòng KHCN và Phòng HTQT&NCPT chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu [H20.20.01.09; H20.20.01.10].

Hoạt động hợp tác và đối tác trong NCKH của Nhà trường được rà soát chung trong hệ thống rà soát hoạt động hợp tác đối ngoại và NCKH thông qua việc đánh giá

định kỳ tiến độ và hiệu quả các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu. Cụ thể Phòng KHCN tiến hành kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần, kiểm tra nghiệm thu kế hoạch năm căn cứ vào các quy chế đã ban hành **[H20.20.01.07]**. Các dự án HTQT lớn, đề tài hợp tác cấp Bộ và cấp Nhà nước được Nhà trường phối hợp với các cơ quan chủ quản và nhà tài trợ rà soát, kiểm tra tiến độ, thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm và theo giai đoạn đến Bộ chủ quản **[H20.20.01.05; H20.20.03.01; H20.20.03.02]**. Ngoài ra, hàng tháng Nhà trường đều tiến hành các cuộc họp giao ban cán bộ; hàng năm thường xuyên tổ chức hội nghị giao ban KHCN-LĐSX, họp tổng kết năm học tại các đơn vị và trong toàn Trường, họp các Hội đồng Khoa và Hội đồng Trường để lấy ý kiến các cá nhân và đơn vị trong và ngoài Trường về công tác quản lý nghiên cứu **[H20.20.03.03; H20.20.03.04]**. Theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tổ chức Hội nghị KHCN nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng NCKH **[H20.20.03.05]**.

Nhà trường cũng rất quan tâm đến việc khảo sát cán bộ, giảng viên và sinh viên về các mặt hoạt động của Trường, bao gồm cả hoạt động đối ngoại và NCKH để từ đó có phương hướng cải thiện những hợp tác chưa hiệu quả, đồng thời làm căn cứ điều chỉnh các hoạt động và xây dựng đối tác chiến lược **[H20.20.03.06]**.

Nhờ thực hiện rà soát hoạt động hợp tác, từ đó điều chỉnh kế hoạch hoạt động phù hợp, Nhà trường đã thu được một số thành quả đáng khích lệ. Ví dụ như trong báo cáo tổng kết năm học 2015-2016, Nhà trường nhận thấy các hoạt động hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Pháp, Đức mang lại nhiều lợi ích nên phương hướng kế hoạch trong năm học tiếp theo, Nhà trường tập trung tăng cường hợp tác với các đối tác nói trên để phát huy tối đa hiệu quả hợp tác **[H20.20.01.06]**. Nhiều trang thiết bị/máy móc đã được cung cấp; trình độ chuyên môn của cán bộ, giảng viên, sinh viên được nâng lên thông qua các chuyên thực tập/học tập trao đổi ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí từ các dự án, đề tài mà Trường tham gia **[H20.20.02.07]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu của Trường Đại học GTVT được mở rộng và đạt được những thành tựu nhất định **[H20.20.01.05; H20.20.01.06]**.

Nhiều thỏa thuận hợp tác được ký mới [H20.20.02.01; H20.20.02.02]; trong đó, Nhà trường đẩy mạnh việc phát triển hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và CGCN [H20.20.04.01]. Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 diễn ra trên toàn cầu, nhận thấy những khó khăn, hạn chế trong việc phát triển hợp tác với các đối tác ở nước ngoài, Nhà trường tăng cường hợp tác với các đối tác Việt Nam và quốc tế ở trong nước. Riêng năm 2020, 11 thỏa thuận hợp tác với các đối tác ở trong nước đã được ký kết [H20.20.04.02].

Hoạt động hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong giai đoạn 2016-2020 đã được các kết quả đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đề ra [H20.20.01.05]. CB, GV Nhà trường đã công bố hơn 2.500 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước (Bảng 20.4.1), trong đó nhiều bài báo được phối hợp thực hiện với các tác giả ngoài trường [H20.20.02.09]. Hàng trăm đề tài NCKH các cấp đã được thực hiện (Bảng 20.4.2) [H20.20.02.04; H20.20.02.05].

Bảng 20.4.1. Số lượng bài báo của các CB, GV giai đoạn 2016-2020

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	49	106	105	226	238	724
	Danh mục ISI	28	45	43	59	79	254
	Danh mục Scopus	7	24	18	79	79	207
	Khác	14	37	44	88	80	263
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	141	362	379	340	236	1,118
	Tổng cộng						2,566

Bảng 20.4.2. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Trường giai đoạn 2016-2020

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	4	5	4	2	17
2	Đề tài cấp Bộ*	13	32	16	20	14	95
3	Đề tài cấp trường	62	92	132	177	133	596

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
	Tổng cộng	48	86	92	201	149	576

Năm 2019 Trường ĐHGTVT đã được xếp hạng thứ 19 trong các cơ sở GDĐH có nhiều công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam theo công bố trên <https://www.tienphong.vn/> ngày 25/4/2020 [H20.20.04.03].

Các hoạt động hợp tác và đối tác đã mang lại và làm phong phú thêm nguồn lực cho Nhà trường. Thông qua các hoạt động hợp tác, nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu được đầu tư mới; nhiều cán bộ, giảng viên, sinh viên được nhận học bổng đi học tập, thực tập giảng dạy, trao đổi học thuật ở nước ngoài [H20.20.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có chiến lược, kế hoạch dài hạn và trung hạn trong phát triển hợp tác trong NCKH; có quy chế, quy định về quản lý các công trình hợp tác nghiên cứu.
- Nhà trường đã triển khai được đa dạng hình thức hợp tác NCKH và có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hợp tác.
- Các đề tài, dự án, chương trình hợp tác được theo dõi, rà soát định kỳ.
- Nhà trường đã tăng cường được các mối quan hệ hợp tác và đối tác, thúc đẩy các hoạt động hợp tác nhằm gia tăng các nguồn lực cho trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Các chỉ số KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH còn chưa cụ thể.
- Nguồn thu từ hợp tác nghiên cứu còn hạn chế.
- Nhà trường đã có chính sách khuyến khích các cá nhân, đơn vị xây dựng và mở rộng hợp tác trong NCKH nhưng chưa rõ ràng, cụ thể.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hợp tác NCKH và Lập cơ chế khuyến khích hoạt động hợp tác NCKH cụ thể hơn.	Phòng KHCN phối hợp với Phòng HTQT & NCPT	Trong năm 2021
		Tăng nguồn thu tài chính và trang thiết bị cho Nhà trường từ các hoạt động hợp tác và đối tác NCKH thông qua triển khai hợp tác với các đối tác nước ngoài.	Phòng HTQT & NCPT chịu trách nhiệm làm đầu mối	2021-2025
		Xây dựng và triển khai các biện pháp hiệu quả hơn để cải thiện quan hệ với các đối tác.	Phòng HTQT & NCPT	2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5.5
Tiêu chuẩn 20.1	6.0
Tiêu chuẩn 20.2	6.0
Tiêu chuẩn 20.3	5.0
Tiêu chuẩn 20.4	5.0

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Kết nối và phục vụ cộng đồng là một trong các lĩnh vực hoạt động quan trọng của Trường Đại học Giao thông vận tải. Trong dự thảo chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 đã xác định sứ mạng của Trường là “đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước” [H21.21.01.01]. Như vậy, có thể thấy Nhà trường đã nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, từ đó có các kế hoạch cụ thể trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ở những lĩnh vực mà Nhà trường có thế mạnh (Công trình giao thông, công trình thủy, môi trường, quy hoạch, phát triển đô thị bền vững...). Để hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai bài bản và hiệu quả, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học GTVT theo quyết định số 1433B/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/9/2020 [H21.21.01.02]. Đây là văn bản chính thức của Nhà trường quy định tổng thể về phạm vi, mục đích, nội dung kết nối, phân công nhiệm vụ/trách nhiệm cho các đơn vị và cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Theo quy định này, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, triển khai kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị, chỉ đạo thực hiện và đánh giá việc thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo kế hoạch được phê duyệt. Để đảm bảo thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng một cách thống nhất, hiệu quả, Phòng Công tác chính trị và Sinh viên (P.CTCT&SV) [H21.21.01.03] được giao nhiệm vụ phụ trách chính, là đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; chủ trì và theo dõi việc triển khai, tổ chức hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường; báo cáo việc kết quả thực hiện cho Ban Giám hiệu. Các đơn vị phối hợp khác trong trường như Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khoa học công nghệ, Phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu phát triển, các khoa, Công đoàn, Đoàn thanh niên... có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và phối hợp với Phòng CTCT&SV trong việc triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực mà đơn vị mình phụ trách. Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cũng đưa ra hệ thống đo lường và các chỉ số tác động của hoạt động này làm cơ sở đánh giá kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng cho từng năm học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Trên cơ sở Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường, các hoạt động này đã được Nhà trường triển khai với các kết quả cụ thể như sau:

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong đào tạo, bồi dưỡng

Về đào tạo chính quy, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số lĩnh vực, Nhà trường đã liên tục nghiên cứu, xây dựng và đưa ra một số ngành đào tạo mới. Năm 2016, Nhà trường triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo bậc đại học 15 ngành là kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; kỹ thuật cơ khí; kinh tế xây dựng; kinh tế vận tải; khai thác vận tải; kế toán; kinh tế; quản trị kinh doanh, kỹ thuật điện tử, truyền thông; kỹ thuật điện, điện tử; kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; công nghệ thông tin; kỹ thuật xây dựng; công nghệ kỹ thuật giao thông; kỹ thuật môi trường. **[H21.21.02.01]**. Năm 2017, chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành kỹ thuật nhiệt được chính thức ban hành **[H21.21.02.02]**. Năm 2018, Nhà trường triển khai 23 chương trình đào tạo mới các ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật ô tô; kỹ thuật cơ điện tử; kiến trúc; kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; kỹ thuật xây dựng công trình thủy; toán ứng dụng... **[H21.21.02.03, H21.21.02.04, H21.21.02.05]**. Năm 2019, Nhà trường triển khai tuyển sinh 3 ngành mới là: logistics và quản lý chuỗi cung ứng; hệ thống giao thông thông minh; công nghệ chế tạo cơ khí **[H21.21.02.06, H21.21.02.07, H21.21.02.08]**. Năm 2020, Nhà trường được Bộ GD&ĐT cho phép ban hành chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành tự động hoá thuộc Khoa Điện-Điện tử **[H21.21.02.09]**.

Theo xu hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục, Nhà trường cũng đẩy mạnh hoạt động liên kết với các trường đại học nước ngoài. Năm 2016, theo yêu cầu thực tiễn của ngành giao thông, Nhà trường đã hợp tác với Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden (CHLB Đức) đào tạo ngành kỹ thuật hệ thống đường sắt bậc thạc sỹ **[H21.21.02.10]**. Chương trình này cũng nhận được sự ủng hộ và tài trợ của Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức (DAAD). Năm 2017, Nhà trường đã phối hợp với Trường Đại học Bedfordshire (Vương quốc Anh) triển khai chương trình liên kết đào tạo cấp bằng đại học ngành quản lý xây dựng **[H21.21.02.11]**. Năm 2020, Khoa Đào tạo Quốc tế đã tổ chức lễ khai giảng Chương trình Liên kết Quốc tế, ngành Quản trị Kinh doanh với Trường Đại học Quản trị Normandie - Cộng hòa Pháp **[H21.21.02.12]** và triển khai chương trình dự bị du học Pháp trình độ thạc sỹ ngành xây dựng, cơ học, vật liệu **[H21.21.02.13]**.

Ngoài việc phát triển các chương trình đào tạo mới hệ chính quy để kịp thời đáp ứng nhu cầu của người học, Nhà trường cũng triển khai nhiều khoá đào tạo, bồi dưỡng

ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho các sinh viên cũng như các cán bộ đang công tác ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường. Từ năm 2015 đến 2017, Nhà trường đã hợp tác với Công ty Công nghệ giao thông IVU (CHLB Đức) triển khai 11 khoá đào tạo “Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng” với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia đến từ CHLB Đức. Các khoá học cấp chứng chỉ cho 113 giảng viên, sinh viên và cán bộ ngành giao thông vận tải **[H21.21.02.14, H21.21.02.15]**. Từ năm 2010 đến 2018, Trường ĐHGTVT đã phối hợp với Trường Đại học Kyoto (Nhật Bản) tổ chức các khoá học quốc tế thường niên với chủ đề “Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ” và “Qui hoạch giao thông vận tải”. Tham gia giảng dạy cho khoá học là các giáo sư, chuyên gia trong và ngoài nước đến từ ĐH Kyoto, ĐH Osaka, ĐH Gifu, Tổng công ty Pasco, Jica (Nhật Bản), Bộ GTVT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trường đại học Giao thông Vận tải... Khóa học đã thu hút nhiều học viên là cán bộ đang công tác tại các cơ quan, doanh nghiệp như: Tổng công ty công trình giao thông 2, Sở GTVT các tỉnh, Tổng cục đường bộ Việt Nam, Tổng công ty tư vấn thiết kế GTVT..., và cả các học viên cao học Nhật Bản **[H21.21.02.16, H21.21.02.17, H21.21.02.18]**. Đặc biệt, năm 2016, khoá học “Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ” còn được tổ chức tại Lào cho các cán bộ ngành công chính và vận tải Lào **[H21.21.02.19]**.

Bên cạnh đó, với mục tiêu tìm hiểu, điều tra và dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội và hỗ trợ người học được tốt hơn, Nhà trường đã thực hiện các cuộc khảo sát về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp **[H21.21.02.20]**, cũng như chất lượng đào tạo của Nhà trường **[H21.21.02.21]** và nhận được nhiều phản hồi tốt.

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Phát triển khoa học công nghệ (KHCN) là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển chung của Nhà trường. Trong những năm qua, Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ gồm những chuyên gia hàng đầu với các phòng thí nghiệm trọng điểm được trang bị các thiết bị thí nghiệm tiên tiến, có khả năng triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu phức tạp, khó khăn của ngành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phù hợp với chiến lược của ngành GTVT và chiến lược phát triển KHCN Quốc gia **[H21.21.01.03, H21.21.02.22]**. Giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động KHCN phục vụ cộng đồng. Nhiều dự án, đề tài, sản phẩm nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) hữu ích đã giải quyết được những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra của ngành và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội **[H21.21.02.23]**. Từ năm 2017 đến nay, đã có 23 đề tài, dự án, sản phẩm khoa học được thực hiện và chuyển giao, áp dụng vào thực tiễn. Một số sản phẩm, dự án nghiên

cứu được chuyển giao nổi bật như:

Năm 2017, Nhà trường đã thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị đo tốc độ cho trường tàu HTT-03 với Công ty Cổ phần Vận tải đường Sắt Sài Gòn **[H21.21.02.24]**, nghiên cứu, chế tạo mới, cung cấp, lắp đặt bộ đồng hồ tốc độ ghi thẻ nhớ SD card đọc được trên máy tính để lắp cho đầu máy D10H với Xí nghiệp đầu máy Yên Viên-Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam **[H21.21.02.25]**.

Công nghệ bê tông hạt nhỏ do TS. Lê Thanh Hà, Khoa Kỹ thuật xây dựng nghiên cứu đã được chuyển giao cho nhiều công ty xây dựng vào năm 2018. Ưu điểm của sản phẩm là sử dụng nguyên liệu cát sẵn có tại địa phương, thân thiện với môi trường do có thể tận dụng cả các chất thải phẩm công nghiệp, như tro bay, xỉ nghiền, tro trấu,... và đem lại hiệu quả kinh tế bởi yếu tố tại chỗ và dễ dàng khai thác, vận chuyển **[H21.21.02.26]**. Cũng trong năm 2018, máy kiểm tra các khuyết tật bên dưới lòng cầu phù hợp với đặc điểm của cầu đường bộ và điều kiện thời tiết ở VN với tên gọi máy kiểm tra cầu BIM 6.6 được nghiên cứu chế tạo thành công tại Trường ĐHGTVT. Loại máy này đã đáp ứng nhu cầu bức thiết từ các công ty quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường bộ với lợi thế hơn nhiều so với các loại máy nhập ngoại như tận dụng, tìm kiếm những vật tư, vật liệu sẵn có, dễ dùng, dễ thay thế và sửa chữa trên thị trường của Việt Nam với giá thành rẻ hơn rất nhiều **[H21.21.02.27]**. Ngoài ra cũng phải kể đến dự án Khảo sát ứng dụng công nghệ trộn nhựa nóng asphalt vào đường giao thông Việt Nam do Trung tâm Hợp tác Cơ sở Hạ tầng Giao thông Việt-Hàn hợp tác thực hiện với Viện Giao thông Hàn Quốc **[H21.21.02.28, H21.21.02.29]**.

Năm 2019, Trung tâm Khoa học công nghệ Giao thông vận tải **[H21.21.01.03]** đã thực hiện một số hợp đồng kinh tế về cung cấp, lắp đặt đồng hồ tốc độ DT04.4 cho đầu máy D12E **[H21.21.02.30]** và hợp đồng cung cấp, sửa chữa, chế tạo các thiết bị, modul điện tử trên đầu máy phục vụ công tác sửa chữa đầu máy năm 2019 **[H21.21.02.31]** cho Xí nghiệp đầu máy HN; hợp đồng thiết kế, chế tạo, lắp đặt và hướng dẫn vận hành hệ thống phễu cấp phụ gia cho trạm trộn bê tông nhựa với Công ty TNHH Taiyu Việt Nam **[H21.21.02.32]**

Năm 2020, Trung tâm Khoa học công nghệ Giao thông vận tải đã triển khai hợp đồng chế tạo, lắp đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị cấp phụ gia Tough Fix Hyper cho trạm trộn bê tông nhựa **[H21.21.02.33]**. Bên cạnh đó, phải kể đến dự án nghiên cứu, đề xuất giải pháp sửa chữa mặt cầu Thăng Long do nhóm chuyên gia của Trường ĐHGTVT phối hợp thực hiện với Tổng Cục đường bộ Việt Nam **[H21.21.02.34, H21.21.02.35]**. Dự án xây dựng tuyến đường vành đai 3 trên cao từ cầu Thanh Trì đến cầu Thăng Long đang được triển khai thi công và gấp rút hoàn thành. Ngay sau khi đoạn tuyến này được hoàn thành, lưu lượng giao thông qua cầu Thăng Long sẽ tăng nhanh – trong đó có nhiều xe tải nặng phục vụ vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh đồng

bằng phía Bắc lên các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam. Sau khi dự án sửa chữa mặt cầu Thăng Long được hoàn thành, vận tốc xe chạy qua cầu đạt 80km/h, lưu lượng xe qua cầu cùng với việc hoàn thiện đường vành đai 3 trên cầu sẽ ước đạt khoảng 95.000 lượt xe/ ngày đêm; tức là gấp khoảng 2 lần trước khi sửa chữa. Đồng thời giúp giảm được tai nạn và ùn tắc trên cầu; thúc đẩy sự phát triển kinh tế, kỹ thuật của huyện Đông Anh và các khu công nghiệp ở phía Bắc cầu Thăng Long của thành phố Hà Nội. So sánh với giá trị đầu tư dự án là 269 tỷ đồng; thì các hiệu quả kinh tế - xã hội thu được sẽ đạt điểm hòa vốn sau khoảng 3 đến 4 năm dự án được đưa vào khai thác, sử dụng. Đồng thời tạo được hiệu quả tốt về đồng bộ hóa giao thông trên toàn bộ thành phố Hà Nội. Dự án sửa chữa cầu Thăng Long bắt đầu thi công từ ngày 16/8, dự kiến, dự án sẽ hoàn thành vào cuối quý 4/2020.

Hoạt động chuyển giao công nghệ thông qua hoạt động của các công ty, trung tâm dịch vụ thuộc Trường, là cầu nối giữa quá trình đào tạo của Nhà trường với thực tế sản xuất. Hàng năm doanh thu của các đơn vị đạt khoảng 95 tỉ đồng, đóng góp cho Trường khoảng 2,2 tỉ đồng. **[H21.21.02.36]**

Ngoài nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ lợi ích cộng đồng. Từ năm 2016 đến tháng 11/2020, Nhà trường đã tổ chức hơn 50 hội thảo, báo cáo chuyên đề về các vấn đề nóng trong các lĩnh vực thế mạnh **[H21.21.02.37]**, có thể kể đến như các hội thảo: Hội thảo “Các chính sách vận tải trước thách thức của biến đổi khí hậu” tổ chức năm 2016 phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ Giao thông, Quy hoạch và Mạng lưới Pháp **[H21.21.02.38]**; Hội thảo "Thành phố tương lai 2017: Phát triển Đô thị và Giao thông bền vững" hợp tác với Trường Đại học THKT Darmstadt, CHLB Đức **[H21.21.02.39]**; Hội thảo "Vận tải xanh và quản lý giao thông thân thiện môi trường: Kinh nghiệm từ Đức, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam" hợp tác với Cơ quan Hợp tác và Phát triển Đức GIZ; Trường Đại học THKT Darmstadt, CHLB Đức **[H21.21.02.40]**; Hội thảo “Xây dựng thành phố thông minh ở Việt Nam– tầm nhìn và giải pháp” hợp tác với Trường ĐH Fenchia (Đài Loan) năm 2018 **[H21.21.02.41]**; Hội thảo quốc tế về “Công nghệ không dây tiên tiến 5G cho hệ thống giám sát hạ tầng giao thông và điều khiển giao thông đường bộ thông minh” do Quỹ Newton Fund, Hội đồng Anh và trường Đại học Middlesex (VQ Anh) **[H21.21.02.42]**; Hội thảo chuyên đề "Những nghiên cứu thú vị liên quan đến thị giác máy tính và Robotics" phối hợp với Viện Robotics, Trường Đại học Carnegie Mellon (Mỹ) năm 2019 **[H21.21.02.43]**; Hội thảo "Chiến lược và chính sách phát triển cơ sở hạ tầng GTVT - kinh nghiệm của Hàn quốc và khả năng áp dụng tại Việt Nam" hợp tác với Viện Giao thông Hàn Quốc **[H21.21.02.44]**; Hội thảo khoa học quốc tế về Phát triển bền vững trong Kỹ thuật xây dựng “ICSCE 2020” phối hợp

với các đối tác là các công ty trong nước và nước ngoài như Tập đoàn thép Nippon Nhật Bản, Công ty Freyssinet (CH Pháp), Tập đoàn Đèo Cả... năm 2020 [H21.21.02.45].

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong hỗ trợ người học

Nhà trường đã hoàn thành tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng trong hỗ trợ người học. Từ sứ mạng của Nhà trường trong chiến lược, có thể thấy sự đa dạng trong các loại hình và khối lượng tham gia kết nối phục vụ cộng đồng về hỗ trợ người học. Với quan điểm coi sinh viên là nhân vật trung tâm của quá trình đào tạo, vào đầu năm học, Lãnh đạo nhà trường và các đơn vị chức năng tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tiếp nhận các ý kiến thắc mắc, các kiến nghị, đề xuất của sinh viên thông qua Hội sinh viên và Tổ thăm dò dư luận sinh viên. Đã quản lý và hướng dẫn tổ thăm dò dư luận sinh viên, thực sự là một kênh thông tin phản ánh với Nhà trường. Trong năm học đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể tổ thăm dò dư luận và các cộng tác viên, đã nhận được trên 30 ý kiến phản ánh của các sinh viên và hầu hết các ý kiến đã được giải đáp.

Nhà trường đã xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động website hotrosinhvien.utc.edu.vn/ và trang facebook của trường www.facebook.com/dhgtvtcaugiai nhằm cung cấp cho sinh viên và xã hội các thông tin chính thức của Nhà trường. Hai trang thông tin này được đưa vào hoạt động chính thức và nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng, nhiều lượt tương tác của sinh viên. Những vấn đề phát sinh trong việc học tập, sinh hoạt của sinh viên được phản ánh tới các cấp có trách nhiệm và được quan tâm giải quyết kịp thời, tránh không để xảy ra phản ứng tiêu cực.

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo thông qua các buổi tư vấn hướng nghiệp. Nhằm góp phần khơi dậy tiềm lực trong mỗi sinh viên, kết nối, khám phá và kiến tạo cơ hội, giúp người lao động tiếp cận xu hướng, nâng cao kỹ năng để tìm kiếm công việc phù hợp đáp ứng được nhu cầu việc làm cho sinh viên và người lao động, Trường Đại học Giao thông vận tải đã phối hợp với báo Lao động Thủ đô và Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Nội tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Việc làm năm 2019, với chủ đề “Khơi nguồn lực, đón thành công” [H21.21.02.46]. Nhà trường cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và địa phương trong việc thực hiện học bổng chính sách, miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm, tín dụng đào tạo và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến SV theo đúng các quy định của Nhà nước. Ngoài học bổng chính sách, Nhà trường cũng tích cực phối hợp với các đơn vị ngoài trường để khai thác, tìm kiếm các nguồn học bổng cho sinh viên. Từ năm 2016 đến nay, đã có hơn 560 suất học bổng được trao cho sinh viên trong Trường [H21.21.02.47, H21.21.02.48]

Bảng 21.2.1. Các loại học bổng hỗ trợ SV

STT	Tên học bổng	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 - 2020	2020 – 2021
1	Đăng kiểm	10 suất x 3 triệu vnd	10 suất x 3 triệu vnd	10 suất x 3 triệu vnd		
2	Denso	10 suất x 200 USD	10 suất x 4,5 triệu vnd	5 suất x 8,8 triệu vnd		
3	GSS	6 suất x 10 triệu vnd 20 suất x 5 triệu vnd 14 suất x 4 triệu vnd		2 suất x 10 triệu 20 suất x 5 triệu		
4	Kumho Asiana	5 suất x 2 triệu vnd	5 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd
5	TT SVGTVN	36 suất	36 suất	36 suất	36 suất	18 suất
6	Kawakin		9 suất	14 suất	18 suất	18 suất
7	Toyota	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd	9 suất x 6 triệu vnd
8	Vietel	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd	10 suất x 2 triệu vnd		
9	Mitshubishi			50 triệu vnd		
10	Him Lam			25 suất x 2 triệu vnd		
11	Tân Hiệp Phát			10 suất x 1 triệu vnd		
12	Liên Việt PostBank			5 suất		
13	Nitori			10 suất x 13 triệu vnd	10 suất x 13 triệu vnd	10 suất x 13 triệu vnd
14	Agribank				10 suất x 2 triệu vnd	
15	TTS Group				5 suất x 2 triệu vnd	
16	Yoyo Foundation				10 suất x 2 triệu vnd	

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng hợp tác với các doanh nghiệp để tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, tiêu biểu như buổi Seminar về kỹ năng viết CV và

trả lời phỏng vấn cho sinh viên phối hợp với Công ty Sekisho Nhật Bản [H21.21.02.49]. Bài thuyết trình của các diễn giả Nhật Bản đã thu hút sinh viên không chỉ ở tính nguyên tắc, tính khái quát đối với cách viết CV, đối sách phỏng vấn mà còn chỉ cho sinh viên thấy những chi tiết dù là nhỏ nhất trong giao tiếp ứng xử mà sinh viên nên tránh, cho các em thấy những đặc điểm của văn hóa giao tiếp ứng xử và văn hóa công sở Nhật Bản, thấy được tính nguyên tắc, tính kế hoạch cao trong công sở của người Nhật. Nhà trường cũng phối hợp với một số doanh nghiệp nước ngoài để mở các khoá đào tạo tiếng Nhật miễn phí cho sinh viên. Từ năm học 2016-2017 đến nay, Nhà trường đã ký kết với Công ty Pasonatech và Công ty Nissan Techno Việt Nam về đào tạo tiếng Nhật miễn phí và các kỹ năng mềm cho sinh viên [H21.21.02.50, H21.21.02.51]. Đến nay, đã có 125 sinh viên các khoá tham gia chương trình này. Từ năm học 2018-2019, Nhà trường cũng phối hợp với Tổ chức Hỗ trợ Việc làm & Phát triển nguồn nhân lực HUREDEE - Nhật Bản (Human Resources Development and Employment Organization) khai giảng khóa học tiếng Nhật và kỹ năng làm việc trong môi trường Nhật Bản [H21.21.02.52, H21.21.02.53]. Đến nay khóa học đã đào tạo kỹ năng và tiếng nhật cho hơn 50 sinh viên của Trường.

Nhằm nâng cao tinh thần học hỏi sáng tạo, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm khơi gợi niềm ham mê, hứng thú đối với học tập trong sinh viên, giúp sinh viên tìm tòi, xây dựng cho mình phương pháp học tập hiệu quả cũng như hứng thú nghiên cứu khoa học. Trong năm học, Nhà trường thường xuyên phát động các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học thông qua các cuộc thi học thuật, Olympic các môn học: Các cấp bộ Đoàn trường tổ chức Lễ ra quân và tặng quà đội tuyển Olympic sinh viên, đội tuyển thi các sân chơi khoa học kỹ thuật toàn quốc, sáng tạo khởi nghiệp, chuyên ngành, tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, tọa đàm về đổi mới phương pháp học tập; thành lập mới và duy trì hiệu quả các câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm học thuật, nghiên cứu khoa học trong sinh viên; hỗ trợ tài liệu nghiên cứu học tập cho sinh viên qua hệ thống tài liệu mở, thư viện trực tuyến tại địa chỉ <http://lib.utc.edu.vn/>; thành lập CLB Bạn yêu sách và tổ chức “Lễ phát động Phong trào phát triển văn hóa đọc trong sinh viên trường ĐHGTVT và Khai mạc tuần trưng bày sách - báo chí”, trao đổi sách trong sinh viên và tặng sách cho thư viện thu hút 10.000 lượt sinh viên tham gia [H21.21.02.54].

Bên cạnh việc bồi dưỡng, hỗ trợ người học về kiến thức, kỹ năng mềm, Nhà trường đã quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động ngoại khoá. Do đặc thù của một trường đại học kỹ thuật, nhiều sinh viên nam nên việc tổ chức các giải thể thao cho sinh viên đã trở thành hoạt động truyền thống của Trường ĐH GTVT. Các giải đều được tổ chức với qui mô lớn, chất lượng cao như: Giải bóng đá nam sinh viên của trường được tổ chức thường niên [H21.21.02.55]; Giải bóng đá

nam sinh viên dành riêng cho sinh viên năm thứ nhất với mục tiêu giúp cho các bạn sinh viên mau chóng hòa nhập với các hoạt động tập thể ở môi trường Đại học và qua đó nhằm tăng cường sự đoàn kết giữa các sinh viên mới; Giải bóng đá nữ sinh viên tiếp tục được duy trì **[H21.21.02.56]**; Giải bóng chuyền nam và giải bóng chuyền nữ sinh viên **[H21.21.02.57]**; Đội bóng đá Futsal **[H21.21.02.58]**.... Năm 2019, Với mục đích tạo sân chơi lành mạnh, thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất trong sinh viên Nhà trường đã tổ chức Hội thao sinh viên năm 2019 lần thứ nhất. Nhà trường đã đổi mới cách thức tổ chức các giải thể thao sinh viên với quy mô như một ngày hội thể thao của sinh viên toàn trường với các môn thi đấu: co tay xà đơn với nam - treo tay tính thời gian với nữ, bật xa không đà; chạy 1000m và 500m; Nhảy cao nam nữ; Bóng bàn; Cầu lông **[H21.21.02.59]**.

Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức văn hoá và hội nhập quốc tế, Nhà trường đã đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên quốc tế. Từ năm 2009 đến nay, hoạt động giao lưu sinh viên thường niên giữa Trường ĐH GTVT và Trường ĐH Maizuru Nhật Bản đã được tổ chức thành công tại Hà Nội với hàng chục lượt sinh viên trao đổi hàng năm. Bên cạnh hoạt động giao lưu văn hoá nghệ thuật, cùng chơi các trò chơi dân gian và tìm hiểu văn hoá Việt Nam, Nhật Bản, hoạt động giao lưu thể thao cũng được các bạn sinh viên hai nước tham gia nhiệt tình và sôi nổi. **[H21.21.02.60]**. Mặt khác, trong những năm gần đây, Nhà trường cũng đẩy mạnh các chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác là các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế thông qua việc tìm kiếm, khai thác các học bổng từ các nguồn khác nhau. Từ năm học 2018-2019 đến nay đã có 24 sinh viên của trường có cơ hội học tập, nghiên cứu, thực tập tại Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Quốc lập Cao Hùng, Trường ĐH Quốc lập Chung Cheng, (Đài Loan), ĐH Quốc lập Chonnam (Hàn Quốc), Trường ĐH Khoa học ứng dụng Biberach (Đức), Trường Bách khoa Grenoble (CH Pháp), ĐH Bách khoa Bucharest (Rumani)...**[H21.21.02.61, H21.21.02.62]**

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động thiện nguyện

Bên cạnh các nhiệm vụ chuyên môn, Nhà trường cũng thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động tình nguyện, từ thiện. Một số hoạt động nổi bật đã được triển khai với sự tham gia của đông đảo cán bộ, viên chức và sinh viên Trường:

Nhà trường chỉ đạo, tổ chức phong trào sinh viên tình nguyện (SVTN) và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong SV. Câu lạc bộ sinh viên tình nguyện (CLB SVTN) được duy trì hoạt động thường kỳ và sẵn sàng tham gia các hoạt động theo yêu cầu của nhà trường **[H21.21.02.63]**. Thông qua các hoạt động tình nguyện, đoàn viên sinh viên thể hiện được ý thức trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng và xã hội, được chung tay giải quyết những vấn đề mà cả xã hội quan tâm như: giữ gìn trật tự an toàn

giao thông, vệ sinh môi trường, tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... Trong những năm qua CLB SVTN của Nhà trường đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của Đoàn trường và Thành Đoàn Hà Nội, có thể kể đến các hoạt động như: tổ chức “Đội hình Hà Nội xanh” tham gia chương trình đảm bảo vệ sinh môi trường tại Công viên Thủ Lệ; chọn cử đoàn viên tham gia đội “Phản ứng nhanh giao thông” của Thành đoàn, lựa chọn sinh viên tham gia chiến dịch “Tiếp sức mùa thi” của Thành đoàn và của Nhà trường tại nhiều tỉnh thành; tổ chức đội “Tình nguyện xanh” làm vệ sinh tại ký túc xá và khu vực sân trường, giữ gìn vệ sinh tại khu vực hồ Hoàn Kiếm vào sáng Chủ Nhật hàng tuần,... **[H21.21.02.64, H21.21.02.65]**. Phong trào hiến máu tình nguyện cũng được đoàn viên, sinh viên nhiệt liệt hưởng ứng, những chương trình có thể kể đến như: “Khoảnh khắc”, “Lễ hội Xuân Hồng”, “Ngày Chủ Nhật đỏ”, ... được thực hiện hàng năm đã thu được hàng chục nghìn đơn vị máu. **[H21.21.02.66]**.

Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa giáo dục cho đoàn viên tinh thần tương thân tương ái, đạo lý uống nước nhớ nguồn; ý thức trách nhiệm của đoàn viên đối với bản thân, gia đình và xã hội; ý thức chấp hành pháp luật,... Các hoạt động nổi bật có thể kể đến như: Tổ chức tốt các hoạt động xã hội, chăm lo đến các đối tượng chính sách, người có công. Diễn hình trong các hoạt động này nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thương binh liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2017), Công đoàn trường đã về thăm và tặng quà cho Trung tâm thương binh nặng quốc gia Duy Tiên, Hà Nam 15.000.000 VND, chuyển quà của Nhà trường đến từng thương bệnh binh đang điều trị tại đây **[H21.21.02.67]**. Năm 2018, Công đoàn trường đã về thăm và tặng quà Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Phú Thọ 15.000.000 VND **[H21.21.02.68]** ; thăm hỏi các mẹ Việt Nam anh hùng và các thương binh nặng, thấp nển tri ân nhân ngày Thương binh liệt sỹ tại Quốc Oai, Hà Nội; tổ chức đội sinh viên tình nguyện chăm sóc trẻ em bị khuyết tật ở Trung tâm phục hồi chức năng Việt-Hàn;quyên góp ủng hộ cho trẻ em ở Trung tâm bảo trợ trẻ em Tam Bình – Quận Thủ Đức **[H21.21.02.69]**; tổ chức chương trình "Ngày hội giảng sinh yêu thương" tại Bệnh viện Nhi Trung Ương **[H21.21.02.70]** tổ chức chương trình Trung thu cho em ở trung tâm bảo trợ xã hội Hoài Đức, Hà Nội; Chương trình “Trung thu cho em” ở Làng trẻ Hữu Nghị Việt Nam**[H21.21.02.71]**; hướng dẫn học tập và vui chơi cho các em ở Làng trẻ SOS; chương trình Đông ấm các năm 2018, 2019, 2020 quyên góp các đồ dùng, thiết bị học tập, thực phẩm cho đồng bào gặp khó khăn tại Sơn La, Phú Thọ**[H21.21.02.72, H21.21.02.73]**; tổ chức chương trình “Tết ấm vùng cao” quyên góp quần áo, sách vở, nhu yếu phẩm,... tặng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại xã Tự Do, Lạc Sơn, Hòa Bình **[H21.21.02.74]**; đóng góp kinh phí ủng hộ Quỹ “Vì Biển, Đảo Việt Nam” của Đảng bộ Khối các Trường Đại học, Cao Đẳng Hà Nội và trích một

phần kinh phí xây dựng 02 cột cờ trên Huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh [H21.21.02.75]; ủng hộ xây nhà công vụ, bể nước sạch cho giáo viên tại tỉnh Quảng Bình 120.000.000 VND; tặng quà cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn dịp tết Nguyên đán tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang là 16.000.000VND; ủng hộ quỹ Mái ấm công đoàn là 30.000.000 VND; ủng hộ giáo viên, học sinh tại các vùng núi phía Bắc gặp thiên tai, lũ lụt là 50.000.000 VND; ủng hộ giáo viên và học sinh các tỉnh miền trung bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 10 là 52.900.000VND; quyên góp ủng hộ các tỉnh miền Trung khắc phục hậu quả thiệt hại do bão số 12 là 50.000.000 VND [H21.21.02.76]; ủng hộ xây dựng nhà công vụ cho giáo viên Trường Phan Kiệt, tỉnh Quảng Ngãi là 100.000.000 VND; tặng quà cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết nguyên đán tại tỉnh Hoà Bình là 31.000.000 VND; ủng hộ xây dựng nhà công vụ cho giáo viên mầm non Yên Khương, tỉnh Thanh Hoá là 100.000.000 VND [H21.21.02.77]; tặng quà tết cho giáo viên nhân dịp tết nguyên đán của chương trình tết sum vầy là 20.000.000 VND; Nhằm phát huy tinh thần tương thân, tương ái, sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp, học sinh các tỉnh bị thiệt hại do mưa lũ, Nhà trường đã tặng 1990 bộ bàn ghế cho các trường khó khăn của các huyện Chương Mỹ, Phú Xuyên và Sóc Sơn của TP. Hà Nội [H21.21.02.78]. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường đã có nhiều hoạt động thiết thực phục vụ cộng đồng phòng chống dịch và hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh: Bộ môn Hóa học - Khoa Khoa học cơ bản đã nghiên cứu và pha chế dung dịch rửa tay khô phục vụ toàn thể cán bộ, giảng viên và người lao động trong Trường khi nguồn cung cấp sản phẩm dung dịch rửa tay diệt khuẩn ngoài thị trường khan hiếm [H21.21.02.79]; Sinh viên năm 2 ngành Cơ khí và ngành Điện-Điện tử của Phân hiệu đã thiết kế, chế tạo ra máy rửa tay sát khuẩn tự động sử dụng cảm biến để phát hiện tay người và tự động phun dung dịch sát khuẩn giúp phòng chống dịch Covid-19 một cách tiện lợi, hiệu quả [H21.21.02.80] và thiết kế, chế tạo thiết bị bảo vệ tai khi đeo khẩu trang, trao tặng cho các đội ngũ y tế của các bệnh viện tuyến đầu phòng dịch, và lực lượng hỗ trợ tại các chốt kiểm dịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh [H21.21.02.81]; Đoàn trường Đại học Giao thông Vận tải - Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng Quận đoàn Thủ Đức trao 30 phần quà, mỗi phần quà gồm 05 kg gạo và 01 chai nước mắm cho những người có hoàn cảnh khó khăn, những người yếu thế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 [H21.21.02.82].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Để đảm bảo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai hiệu quả, bài bản và thống nhất, các hoạt động phục vụ cộng đồng được giám sát chặt chẽ

bởi các đơn vị phụ trách theo từng lĩnh vực cụ thể: Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng nói chung và hoạt động liên quan đến người học do Phòng Công tác chính trị & Sinh viên giám sát; Các hoạt động về đào tạo do Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học giám sát; NCKH, chuyển giao công nghệ do Phòng Khoa học công nghệ giám sát; các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có yếu tố nước ngoài do Phòng Hợp tác quốc tế & Nghiên cứu phát triển tế giám sát; các hoạt động thiện nguyện do Công đoàn, Đoàn Thanh niên giám sát. Nhằm đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống đo lường và các chỉ số tác động trong Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHGTVT [H21.21.01.02]. Tuy nhiên, do Quy định này mới được xây dựng vào cuối năm 2020 nên chưa có báo cáo trên cơ sở hệ thống đo lường và chỉ số tác động đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường. Trước đó, kết quả hoạt động này đều được tổng kết, thống kê và đánh giá thông qua báo cáo cuối năm học của các đơn vị có liên quan trong Trường theo lĩnh vực mà đơn vị được phân công phụ trách. Vì vậy, cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được tổng hợp trong các báo cáo này. Cơ sở dữ liệu dưới dạng văn bản được lưu trữ tổng hợp tại phòng Hành chính tổng hợp và các đơn vị có liên quan, cụ thể: Cơ sở dữ liệu mở ngành được lưu tại Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học; dữ liệu về hoạt động NCKH được lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ; dữ liệu về hoạt động giao lưu/trao đổi sinh viên quốc tế, hội thảo, khoá học quốc tế được lưu tại Phòng Hợp tác quốc tế & Nghiên cứu phát triển, các hoạt động thiện nguyện được lưu tại Văn phòng Đoàn Thanh niên và Công đoàn trường. Bên cạnh đó, một số cơ sở dữ liệu cũng thể hiện dưới dạng số liệu trên các phần mềm quản lý sinh viên, phần mềm quản lý điểm, phần mềm kế toán và các bài đăng trên website trường. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã thực hiện khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019 với kết quả tỷ lệ hài lòng chung là 87% [H21.21.03.01, H21.21.03.02]. Năm học 2019-2020, Nhà trường cũng đã thực hiện khảo sát các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động là cựu sinh viên Trường [H21.21.03.03]. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên trường được các nhà tuyển dụng đánh giá cao (trên 90%) về năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm, các kỹ năng làm việc và sự phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu của đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên cơ sở đánh giá các kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong các báo cáo tổng kết năm học, phiếu khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên đối với hoạt động của Nhà trường, phiếu khảo sát ý kiến người học về mọi mặt

hoạt động của Trường, Nhà trường đã có kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng từng lĩnh vực hoạt động, trong đó có hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cụ thể.

Về đào tạo

Nhà trường thường xuyên tiến hành rà soát chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn với sự thay đổi của thực tiễn **[H21.21.04.01]**, thay đổi nội dung giáo trình, tài liệu, các phương pháp giảng dạy, kết hợp giảng dạy tại chỗ và online **[H21.21.04.02, H21.21.04.03, H21.21.04.04, H21.21.04.05, H21.21.04.06]**, có kế hoạch tập huấn và triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO **[H21.21.04.07, H21.21.04.08]**, mở thêm các ngành đào tạo mới ở trình độ đại học và sau đại học, chương trình liên kết quốc tế **[H21.21.02.01, H21.21.02.02, H21.21.02.03, H21.21.02.04, H21.21.02.05, H21.21.02.06, H21.21.02.07, H21.21.02.08, H21.21.02.09, H21.21.02.10, H21.21.02.11, H21.21.02.12, H21.21.02.13]**, phối hợp với các đơn vị ngoài để mở các khoá đào tạo tiếng, kỹ năng mềm cho người học **[H21.21.02.14, H21.21.02.47, H21.21.02.49]**.

Về KHCN

Nhà trường khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học thông qua việc tổ chức các Hội nghị nghiên cứu khoa học dành cho giảng viên và sinh viên **[H21.21.04.09, H21.21.04.10]**, ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học **[H21.21.04.11, H21.21.04.12]**, thực hiện chuyển giao các đề tài nghiên cứu theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, đơn vị ngoài trường **[H21.21.02.28, H21.21.02.29, H21.21.02.30]**.

Về hợp tác quốc tế

Nhà trường đẩy mạnh việc tìm kiếm và khai các học bổng cho sinh viên **[H21.21.02.44, H21.21.02.45]**, đa dạng hoá phương thức trao đổi sinh viên (cả học tập và nghiên cứu, giao lưu văn hoá) **[H21.21.02.58]**.

Về hoạt động thiện nguyện

Ngoài các hoạt động thiện nguyện thường niên ban đầu là “ Mùa hè xanh”, hiến máu nhân đạo, quyên góp ủng hộ đồng bào khó khăn, Đoàn Thanh niên và Công đoàn trường đã phát động thêm nhiều chương trình có ý nghĩa và lan tỏa tới cộng đồng với sự tham gia của nhiều sinh viên, cán bộ, giảng viên trong trường như: tham gia đảm bảo trật tự An toàn giao thông cùng đội “Phản ứng nhanh giao thông” của Thành đoàn; tổ chức các chương trình tập huấn kỹ năng lái xe an toàn tại Trường; “Hội thi sinh viên Thủ đô sử dụng xe bus và phương tiện giao thông công cộng” trong Ngày hội “Thanh niên với văn hóa giao thông” năm 2019; huy động được kinh phí xã hội hóa trên 300 triệu đồng để triển khai có hiệu quả các hoạt động như tổ chức hoạt động

khảo sát hơn 80 điểm dừng đỗ nhà chờ xe buýt trên địa bàn Hà Nội [H21.21.04.13]; phối hợp với tổ chức Plan International tổ chức cuộc thi “Thiết kế mô hình nhà chờ xe bus an toàn, thông minh, thân thiện” [H21.21.04.14]; chương trình “Xuân tình nguyện” [H21.21.04.15]; gửi tặng giường, bàn tủ cho một số trường học tại Hoàng Su Phì, Hà Giang; chiến dịch “Tình nguyện mùa đông”; thăm hỏi, tặng tổng cộng 60 suất quà mỗi suất 500.000đ tới các gia đình chính sách và gia đình thương bệnh binh, thân nhân liệt sĩ; đóng góp kinh phí và nhiều ngày công tác để xây dựng 01 “Nhà vệ sinh thân thiện” cho điểm trường Tiểu học tại bản Vua Bà xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, Bắc Giang, 03 “Điểm vui chơi thiếu nhi” tại thôn Đông, thôn Chăm, thôn Trại Ổi xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, Bắc Giang.... [H21.21.02.61, H21.21.02.62].

Việc cung cấp các dịch vụ cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được liên tục cải tiến hằng năm đã nhận được phản hồi tích cực của cả sinh viên, cán bộ, giảng viên và được các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động ghi nhận, đánh giá cao [H21.21.04.16, H21.21.04.17, H21.21.04.18, H21.21.04.19, H21.21.04.20, H21.21.04.21, H21.21.04.22, H21.21.04.23, H21.21.04.24, H21.21.04.25, H21.21.04.26, H21.21.04.27, H21.21.04.28, H21.21.04.29, H21.21.04.30, H21.21.04.31, H21.21.04.32, H21.21.04.33]. Sau khi kết thúc mỗi hoạt động, Nhà trường cũng chủ động liên hệ với các địa phương, các đối tác và các bên liên quan đến hoạt động để lấy ý kiến, tiếp thu và có những điều chỉnh, thay đổi cần thiết để đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường luôn nhận thức được vai trò và trách nhiệm xã hội của mình với cộng đồng, tích cực tham gia các phong trào NCKH, CGCN phục vụ sản xuất gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Có văn bản quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị.

- Trường có cơ sở chính tại Hà Nội và Phân hiệu tại TP. HCM nên các hoạt động phục vụ cộng đồng được triển khai với các loại hình đa dạng, phong phú và số lượng sinh viên tham gia đông đảo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Trường chưa khai thác hết thế mạnh của Trường trong liên kết nghiên cứu khoa học với thực tiễn kinh doanh của các tổ chức và doanh nghiệp đối tác để phục vụ cộng đồng.

- Trường chưa chuyên nghiệp trong việc thu thập thông tin phản hồi từ cộng

động khi tiếp nhận các dịch vụ.

- Chưa thực hiện khảo sát đầy đủ đối với người tham gia từng loại hoạt động.
- Chưa có hệ thống thu thập cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chuyên nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến

- Phòng Công tác chính trị và Sinh viên lên kế hoạch cụ thể về việc thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng từ các đơn vị có liên quan trong trường và phối hợp với Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin để lập phần mềm/cơ sở dữ liệu thu thập thông tin.

- Từ tháng 1/2021, Các đơn vị phụ trách khi tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chủ động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 21.1	4/7
Tiêu chí 21.2	6/7
Tiêu chí 21.3	4/7
Tiêu chí 21.4	5/7

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1 Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, học kỳ và theo năm học. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình học cụ thể. Thời gian của một khoá học, được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo. Thời gian thực hiện các CTĐT của Nhà trường được quy định và thông báo cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học [H22.22.1.1], cụ thể như bảng 22.1.1

Bảng 22.1.1. Thời gian đào tạo các bậc, hệ của Trường Đại học GTVT

Trình độ đào tạo	Khối ngành đào tạo	Thời gian đào tạo thiết kế (năm)	Thời gian học tập tối đa (năm)
Đại học chính quy	Kỹ thuật	4,5 năm ÷ 5 năm	9 năm ÷ 10 năm
	Kinh tế, CNTT	4,0 năm ÷ 4,5 năm	8 năm ÷ 9 năm
Bằng hai chính quy	Kỹ thuật, Kinh tế	2,0 năm ÷ 2,5 năm	4 năm ÷ 5 năm
Liên thông chính quy	Kỹ thuật, Kinh tế	2,0 năm ÷ 2,5 năm	4 năm ÷ 5 năm
Hệ vừa làm vừa học	Kỹ thuật, Kinh tế	4,0 năm ÷ 5 năm	9 năm ÷ 10 năm
Cao học	Kỹ thuật, Kinh tế	1,5 năm	3,5 năm
NCS	Kỹ thuật, Kinh tế	4,0 năm ÷ 5,0 năm	7 năm

Nhà trường tổ chức mỗi năm hai đợt xét công nhận tốt nghiệp cho SV (tháng 2 và tháng 6 hàng năm). Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, báo cáo về tỷ lệ SV tốt nghiệp được thực hiện và trình cho Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Trường [H22.22.1.2]. Các giải pháp khắc phục cũng được đề xuất để tăng tỷ lệ tốt nghiệp [H22.22.1.3].

Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV trong các năm vừa qua của cả trường trong khoảng 75÷80% đối với khối kỹ thuật; 80 ÷ 85% đối với khối kinh tế [H22.22.1.4]. Tỷ lệ này khá cao so với một số trường khối kỹ thuật trong khu vực và trên thế giới (ví dụ Trường Đại học Bang Arizona, Mỹ khoảng 55 ÷ 67).

Tuy nhiên, đối với khoá đầu vào năm 2014 (K55) là khoá đầu tiên bắt buộc phải đạt chuẩn tiếng Anh B1 theo tiêu chuẩn châu Âu để được tốt nghiệp [H22.22.1.1], nên

tỉ lệ tốt nghiệp khối kỹ thuật có thấp xuống nhưng sẽ tăng lên khi sinh viên hoàn thành chứng chỉ tiếng Anh theo quy định. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt khoảng $60 \div 65\%$ đối với khối kỹ thuật, $70 \div 75\%$ đối với khối kinh tế [H22.22.1.4].

Đề sinh viên tốt nghiệp có tỷ lệ cao, trong quá trình đào tạo Nhà trường luôn quan tâm và thông báo cho SV, đặc biệt là SV có học lực yếu trong diện bị cảnh báo học tập hoặc bị buộc thôi học [H22.22.1.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao cho các Khoa, Cố vấn học tập gặp trực tiếp SV bị cảnh báo kết quả học tập để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học...giúp SV có KQHT kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H22.22.1.6], [H22.22.1.7]. Sau 03 lần được nhà trường cảnh báo học tập, nếu không cải thiện được kết quả học tập mới bị buộc thôi học [H22.22.1.8]. Số liệu thống kê, điều kiện SV bị cảnh báo kết quả học tập hoặc buộc thôi học được báo cáo cho Hội đồng xét học vụ thông qua đơn vị thường trực là phòng ĐTĐH [H22.22.1.9]. Hội đồng sẽ nghiên cứu số liệu thống kê, căn cứ vào quy chế đào tạo, cho phép SV có thêm cơ hội cải thiện kết quả học tập của mình hoặc cho phép SV đại học chính quy tập trung được chuyển sang học hệ vừa làm vừa học [H22.22.1.10] để kéo dài thời hạn đào tạo.

Tỷ lệ phần trăm SV không đạt các môn học cũng được báo cáo tại Hội đồng xét học vụ của Trường theo từng học kỳ [H22.22.1.11], cũng như gửi về khoa, bộ môn để các thầy các cô trao đổi tìm ra biện pháp nâng cao kết quả học tập ở mỗi môn học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của sinh viên, mỗi học kỳ Nhà trường đều có bộ phận thống kê số sinh viên thi đạt ngay từ vòng đầu, số sinh viên đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp, số sinh viên bảo vệ đồ án tốt nghiệp đúng hạn, số sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp...Số liệu này được báo cáo tại các cuộc họp của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp [H22.22.2.1].

So với chương trình đào tạo của Trường [H22.22.2.2], thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khối kỹ thuật cao hơn so với thời gian tốt nghiệp trung bình của khối kinh tế. Số sinh viên khối ngành kỹ thuật không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo thời gian thiết kế chủ yếu do chưa đạt chuẩn ngoại ngữ là cao so với sinh

viên khối ngành kinh tế [H22.22.2.3]. Cuối mỗi học kỳ, tại hội nghị giao ban đào tạo, số liệu thống kê tỷ lệ sinh viên được nhận đồ án tốt nghiệp, bảo vệ đồ án tốt nghiệp và tỷ lệ được công nhận tốt nghiệp được báo cáo chi tiết. Trên cơ sở phân tích số liệu thống kê, các đơn vị liên quan sẽ nắm bắt được tình hình sinh viên tốt nghiệp và có phương án giám sát, so sánh để cải tiến.

Nhà trường nỗ lực để hỗ trợ sinh viên, cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp, cụ thể là, Trường đã mở các lớp học song song cùng với kỳ chính để giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn [H22.22.2.4]; mở liên tục các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ để tạo điều kiện cho SV đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ [H22.22.2.5]. Các hoạt động này góp phần giảm số thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên ra trường đúng hạn.

Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn một số ngành có thời gian tốt nghiệp trung bình tương đối cao, như một số ngành thuộc khoa Cơ khí, khoa Công trình, khoa Kỹ thuật xây dựng,...Đó có thể do sinh viên học theo tín chỉ, các em vừa bố trí vừa đi học vừa đi làm nên thời gian ra trường cũng chậm hơn so với một số sinh viên khác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3 Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường luôn quan tâm tới tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp. Từ năm 2016, Nhà trường đã ban hành quy định về việc khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H22.22.3.1]. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác khảo sát, nhà trường thực hiện trên phiếu khảo sát online đặt tại website của cựu sinh viên và bổ sung thêm các hình thức như phiếu hỏi, gọi qua điện thoại, email, phỏng vấn...; các báo cáo đánh giá được công bố công khai [H22.22.3.2].

Có thể thấy rằng, tỉ lệ có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của SV là rất tốt và tăng dần, tỷ lệ này được Nhà trường duy trì trên 90%. Cụ thể, năm 2018, tỷ lệ có việc làm là 91.58%; năm 2019 là 95.34% và năm 2020 là 98.42% [H22.22.3.3]. Tỷ lệ này cũng tương đối cao so với một số trường, như Học viện Nông nghiệp Việt nam, năm học 2016-2017 là 89.26% [H22.22.3.4], ngành Cảng – Đường thủy của Trường Đại học Xây dựng là 88% [H22.22.3.5]. Hàng năm, Nhà trường đều triển khai công tác khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát được công bố công khai, thực hiện báo cáo Bộ giáo dục và Đào tạo đúng quy định theo công văn số

3973/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H22.22.3.3].

Kết quả này một lần nữa minh chứng cho các hoạt động liên tục nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường, Doanh nghiệp và Sinh viên, tức là một phần của công tác quản lý và đảm bảo chất lượng. Việc ký kết các Hợp đồng hợp tác, các biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp [H22.22.3.7], lập cổng thông tin giới thiệu về các hoạt động của mạng lưới cựu sinh viên trên website trường tại: <http://alumni.utc.edu.vn/>. Ngoài ra Nhà trường cũng luôn tổ chức các chương trình hỗ trợ tìm việc và hướng nghiệp cho sinh viên như tổ chức Ngày hội việc làm [H22.22.3.8]. Nhà trường luôn đăng tải trên các bảng thông báo và trên website của trường, của các khoa về thông tin tuyển dụng của các đơn vị để hỗ trợ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4 Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chất lượng SV tốt nghiệp là một vấn đề rất quan trọng được Nhà trường quan tâm. Định kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan: Cán bộ viên chức, Sinh viên, Cựu sinh viên, Nhà tuyển dụng và coi đó là cơ sở quan trọng để Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động và làm hài lòng các bên liên quan

a. Về mức độ hài lòng của cán bộ viên chức

Ý kiến đánh giá từ cán bộ viên chức được thu thập thông qua các Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm và được phản hồi đầy đủ [H22.22.4.1]. Nhìn chung, đa số cán bộ viên chức của Nhà trường đều hài lòng về chất lượng của sinh viên tốt nghiệp.

b. Về mức độ hài lòng từ phía sinh viên

Đánh giá mức độ hài lòng từ phía sinh viên đối với giảng viên là việc làm thường xuyên của Trường và được công bố công khai tại đường link <http://sis.utc.edu.vn/khao-sat/dich-vu-giao-duc-cong>. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên trên hệ thống online [H22.22.4.2].

Thông tin phản hồi từ sinh viên sau mỗi học kỳ [H22.22.4.3] là đặc biệt hữu ích cho mục đích cải thiện việc giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng sinh viên. Đa số sinh viên hài lòng với phương pháp giảng dạy, liên hệ giữa lý thuyết và

thực tế trong quá trình giảng dạy của giảng viên.

Đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau tốt nghiệp được Nhà trường chú trọng. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch khảo sát Cựu sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm và giao cho các khoa, phòng ban chức năng triển khai [H22.22.4.5]. Các đơn vị tiến hành lập mẫu phiếu khảo sát [H22.22.4.6] và khảo sát dưới nhiều hình thức khác nhau, như gửi qua bưu điện, hỏi qua điện thoại, thông qua zalo, viber, skype, tin nhắn facebook và online. Các ý kiến đánh giá của người học sau tốt nghiệp [H22.22.4.7] về CTĐT, CSVC, đội ngũ GV... là một trong những cơ sở để hàng năm Nhà trường chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

c. Về mức độ hài lòng của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các kỹ năng đều được đáp ứng ở mức độ cao [H22.22.4.5]. Đánh giá chất lượng đào tạo của các đơn vị tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp là vấn đề được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường [H22.22.4.12] và giao cho các khoa liên tục tổ chức triển khai. Mẫu phiếu khảo sát [H22.22.4.13] được gửi đến các nhà tuyển dụng qua nhiều kênh khác nhau: qua bưu điện, qua các buổi hội nghị, hội thảo. Các ý kiến đánh giá của các đơn vị tuyển dụng [H22.22.4.14] đối với SV của trường sau khi tốt nghiệp là một trong những cơ sở để hàng năm Nhà trường chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Nhìn chung mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến theo quy trình. Kết quả của việc cải tiến đã được ghi nhận thông qua tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan ngày càng tăng trong những năm gần đây, những ý kiến này được tiếp thu và giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng của Trường ĐH GTVT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV trong suốt quá trình học tập, có các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo tính công bằng, tin cậy và được công bố công khai cho SV vào đầu khóa học, năm học.

Nhà trường có đơn vị quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có đơn vị chuyên trách hỗ trợ SV và có hệ thống lưu trữ dữ liệu về tình hình SV tốt nghiệp.

Trường đã thiết lập nhiều kênh thông tin để lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Các phiếu điều tra được làm thường xuyên, bài bản và được đăng tải công khai trên website Trường.

Ý kiến phản hồi của SV thực hiện cuối mỗi học kỳ và được tổng hợp, phân tích và đánh giá để cải thiện chất lượng dạy và học. Ý kiến phản hồi của Cựu sinh viên được thực hiện sau mỗi khóa tốt nghiệp và đã đóng góp rất nhiều vào việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp. Hệ thống lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và GV cũng được thiết lập và triển khai thực hiện và là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số ngành có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn chưa cao.
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của một số ngành còn thấp.
- Việc thu thập dữ liệu đánh giá SV tốt nghiệp của trường ở các Doanh nghiệp và ý kiến Cựu sinh viên đã được triển khai trong vài năm trở lại đây, tuy nhiên kết quả thu lại còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đội ngũ tư vấn viên (là CB các phòng Đào tạo Đại học, Phòng CTCT và QLSV, Văn phòng các khoa, SV có học lực khá giỏi) thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Phòng ĐTĐH	
2		Phòng Đào tạo Đại học cùng các Khoa cần nghiên cứu, phân tích tình hình việc làm của SV để có đề xuất hợp lý về chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành.	Phòng ĐTĐH	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3		Tăng cường các biện pháp hướng nghiệp, hỗ trợ tìm việc làm cho SV; làm việc với các doanh nghiệp, các đơn vị đã ký hợp tác với Trường để đưa sinh viên đến thực tập trong quá trình học tập từ đó kết nối việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp	Phòng CTCT&SV	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	<i>5.00/7.00</i>
Tiêu chí 22.1	5/7
Tiêu chí 22.2	5/7
Tiêu chí 22.3	5/7
Tiêu chí 22.4	5/7

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã ban hành quy định chung về quản lý các hoạt động KHCN trong trường [H23.23.1.01] và kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 và thường xuyên cập nhật Quy định tính giờ NCKH quy đổi, trong đó có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà GV phải thực hiện theo định mức ứng với mỗi chức danh giảng viên khác nhau theo quy định hiện hành [H23.23.1.02]. Hàng năm Nhà trường đều ra các quyết định tuyển chọn đề xuất, giao nhiệm vụ thực hiện, kiểm tra tiến độ thực hiện, nghiệm thu cấp cơ sở, gia hạn và thanh lý đề tài các cấp, đề tài cấp Trường và cấp Trường trọng điểm theo tiến độ.

Cuối mỗi năm học và định kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tiến hành thẩm định lại khối lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và biểu dương khen thưởng kịp thời [H23.23.01.03]. Các quy định, hướng dẫn đề xuất, nghiệm thu, thanh quyết toán đề tài nghiên cứu cấp cơ sở cũng được hoàn thiện dần [H23.23.1.04]; tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV được ghi rõ ràng, cụ thể trong các Thông báo hàng năm [H23.23.1.5]. Tất cả dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của từng GV sau khi thẩm định được cập nhật lên CSDL trên phần mềm giúp cho việc truy xuất, đối sánh được dễ dàng.

Hàng tháng Nhà trường đều tiến hành các cuộc họp giao ban cán bộ, hàng năm thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban KHCN-LĐSX, họp tổng kết năm học tại các đơn vị và trong toàn Trường, họp các Hội đồng Khoa và Hội đồng Trường để lấy ý kiến các cá nhân và đơn vị trong và ngoài Trường về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV. Theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tổ chức các Hội nghị KHCN, rà soát lại chiến lược phát triển, đối sánh các hoạt động KHCN nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến để nâng cao số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV [H23.23.1.06]. Kết quả về loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên đều đạt và vượt yêu cầu. Số lượng và kinh phí cấp mới cho các đề tài từ nguồn vốn bên ngoài (nước ngoài, Nghị định thư, song phương, cấp Nhà nước, cấp Bộ, tỉnh, thành phố và tương đương) tăng lên mạnh mẽ qua từng năm. Từ năm 2016 tới 2019, số lượng đề tài cấp mới đã tăng từ 10 lên 20 đề tài (tăng gấp 2 lần) và kinh phí cấp mới tăng từ hơn 4 tỉ đồng lên hơn 32 tỉ đồng (tăng gấp 8 lần). Số lượng các đề tài cấp cơ sở cấp mới đã tăng lên gần 2 lần và giữ ổn định mỗi năm trên 130 đề tài bao gồm cả đề tài cấp Trường và cấp Trường trọng điểm [Phụ lục 3]. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được lấy ý kiến cuối năm đối với các cán bộ, giảng viên trong Trường do phòng KHCN thực hiện thông qua đánh giá và

góp ý trực tuyến. Theo khảo sát về mức độ hài lòng của các cán bộ, giảng viên trong Trường về hoạt động KHCN thì chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được đánh giá đạt điểm 4,1/5, xếp loại Tốt đến Rất tốt. Ngoài ra tất cả các ý kiến trực tiếp từ các tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên trong các cuộc họp tổng kết hàng năm cũng được ghi lại và chuyển cho Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để Nhà trường đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu trong năm tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã ban hành quy định chung về quản lý các hoạt động KHCN trong trường [H23.23.2.01] và quy định riêng về quản lý NCKH của người học [H23.23.2.02], trong đó có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà người học phải thực hiện. Nhà trường cũng đã ban hành kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 và ra thông báo hàng năm về việc đăng ký thực hiện, tham gia các hoạt động NCKH của người học [H23.23.2.03].

Hàng năm Nhà trường đều ra các thông báo đăng ký, các quyết định giao nhiệm vụ thực hiện, thông báo kiểm tra tiến độ thực hiện, nghiệm thu đề tài, tuyển chọn các đề tài xuất sắc cử đi dự thi ở các cấp cao hơn theo tiến độ. Cuối mỗi học kỳ Nhà trường đều tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện và cuối mỗi năm học thực hiện nghiệm thu các đề tài NCKH của sinh viên. Quy định đánh giá và nghiệm thu đề tài của sinh viên được cụ thể hóa rõ ràng thành các mẫu biểu như hình thức và nội dung của báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học, mẫu nhận xét đánh giá đề tài của các thành viên hội đồng, biên bản họp hội đồng đánh giá, ... [H23.23.2.04]. Dữ liệu về các hoạt động NCKH của sinh viên đều được số hóa và quản lý trên phần mềm giúp cho việc truy xuất và đối sánh được dễ dàng. Hàng năm đều có khoảng 500 đề tài NCKH của sinh viên được nghiệm thu theo các tiểu ban chuyên môn khác nhau. Các đề tài đạt giải cao cấp Trường sau đó được tuyển chọn trao 7-8 giải Xuất sắc để cử đi dự thi ở các cấp cao hơn. [Phụ lục 11].

Hàng năm và định kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tiến hành tổng kết lại công tác NCKH nói chung và của người học nói riêng để đánh giá, biểu dương khen thưởng kịp thời. Hoạt động NCKH của người học được đối sánh với các trường đại học cùng khối ngành để đưa ra các kế hoạch cải tiến. Các năm gần đây Nhà trường luôn có chủ trương giữ quy mô, số lượng hoạt động NCKH của người học ổn định và tập trung cho các đề tài và hoạt động có các công bố khoa học, được đi dự thi các giải thưởng trong và ngoài nước đem lại thương hiệu cho Nhà trường [H23.23.2.05]. Nhiều công trình

NCKH của sinh viên đã đạt được giải cao trong các cuộc thi cấp quốc gia và quốc tế. Số lượng công trình đạt giải đã tăng gần gấp đôi sau 5 năm, trung bình hàng năm có 3-4 giải thưởng NCKHSV cấp bộ; nhiều giải thưởng tại các cuộc thi khác như lái xe sinh thái, tiết kiệm năng lượng, Olympic tin học, Cơ học, Tin học, Vật lý, Toán, Ý tưởng sáng tạo trẻ. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học được lấy ý kiến cuối năm do phòng KHCN thực hiện thông qua đánh giá và góp ý trực tuyến. Theo khảo sát về mức độ hài lòng về hoạt động KHCN thì chất lượng nghiên cứu của người học được đánh giá đạt điểm 4, xếp loại Tốt. Ngoài ra tất cả các ý kiến trực tiếp từ các tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên trong các cuộc họp tổng kết hàng năm cũng được ghi lại và chuyển cho Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để Nhà trường đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học trong năm học tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong chiến lược phát triển 2008-2020, kế hoạch hoạt động KHCN 2016-2020 và từng năm Nhà trường thường xuyên đề ra cụ thể các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các chương trình, đề tài NCKH các cấp được nghiệm thu; các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế; các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; các đăng ký sở hữu trí tuệ được cấp bằng chứng nhận, ... [H23.23.3.01]

Hàng năm và 2 lần/5 năm Nhà trường đều tiến hành tổng kết đánh giá lại các loại hình và số lượng các công bố khoa học đã thực hiện, đối sánh với các trường đại học trong nước, trong và ngoài Bộ giáo dục và đào tạo. Các kết quả đã công bố này đều được tra cứu theo cơ sở dữ liệu Scopus để đảm bảo tính khách quan. [H23.23.3.02]. Hàng tháng Nhà trường tiến hành tập hợp các công bố quốc tế có uy tín, các báo cáo khoa học được trình bày tại các hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế để kịp thời khen thưởng, động viên các CBGV công bố khoa học trong nước và quốc tế.

Cuối mỗi năm học và theo chu kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường tiến hành đánh giá lại loại hình và số lượng các công bố khoa học của các cá nhân và đơn vị, trên cơ sở đó xét danh hiệu thi đua, khen thưởng KHCN đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao, đưa ra kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học trong giai đoạn tiếp theo [H23.23.3.03]. Thứ hạng về công bố khoa học của Trường được nâng cao góp phần trực tiếp vào truyền thông tuyển sinh của Nhà Trường. Số lượng bài báo ISI/WoS và bài báo khoa học trong nước đều tăng hơn 2,5 lần. Năm 2019 Trường đứng thứ 14 trong Bộ Giáo dục và Đào

tạo về số lượng bài báo ISI/WoS được khen thưởng, đứng thứ 19 cơ sở giáo dục Đại học cả nước (gồm các Đại học và Trường Đại học) về công bố quốc tế trong Cơ sở dữ liệu Scopus, trong đó nếu tính riêng các Trường Đại học thì thuộc top 10. Kế hoạch cải tiến số lượng và chất lượng các công bố khoa học của Nhà trường đã được đưa vào chủ trương đề tài cấp Trường trọng điểm hàng năm **[H.23.23.3.04]**. Chất lượng các công bố khoa học được lấy ý kiến cuối năm đối với các cán bộ, giảng viên trong Trường do phòng KHCN thực hiện thông qua đánh giá và góp ý trực tuyến. Theo khảo sát về mức độ hài lòng của các cán bộ, giảng viên trong Trường về hoạt động KHCN thì chất lượng các công bố khoa học được đánh giá đạt điểm 4,1/5, xếp loại Tốt đến Rất tốt. Ngoài ra tất cả các ý kiến trực tiếp từ các tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên trong các cuộc họp tổng kết hàng năm cũng được ghi lại và chuyển cho Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để Nhà trường đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến chất lượng các công bố khoa học trong năm tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ bao gồm như: hệ thống nhận diện thương hiệu Trường, sản phẩm của đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ (sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng), chương trình đào tạo, bộ tiêu chí đánh giá môn học, giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng kiến, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, quy trình quản lý, quy định, quy chế, ... trong đó có quy định, hướng dẫn hỗ trợ các tài sản trí tuệ; tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ **[H23.23.4.01]**.

Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Giao thông vận tải trong đó có quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Sáng kiến cơ sở và Hội đồng Sáng kiến Trường trong việc xét công nhận sáng kiến **[H23.23.4.02]**. Quy trình đăng ký các sáng kiến và sở hữu trí tuệ đã được đưa lên phần mềm quản lý KHCN của Trường.

Hàng năm Nhà trường đều có thông báo đăng ký và xét duyệt công nhận các sáng kiến theo quy định **[H23.23.4.03]**. Các dữ liệu này cùng với các tài sản trí tuệ khác như sản phẩm của đề tài, dự án NCKH (sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng), giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài báo khoa học, báo cáo khoa học, quy định, quy chế, ... đều được lưu trữ trên phần mềm quản lý KHCN của Trường

phục vụ cho công tác quản lý và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường luôn tạo cơ chế thuận lợi, khuyến khích các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ, có một đơn vị đầu mối là Phòng KHCN và có cá nhân phụ trách riêng về công tác sở hữu trí tuệ trong Trường, ứng dụng CNTT trong quản lý. Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN của Trường phục vụ cho việc rà soát hàng năm và định kỳ 2 lần/5 năm loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, bao gồm cả các công bố khoa học để có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động cho giai đoạn tiếp theo [H23.23.4.04]. Từ chỗ gần như không có bằng sở hữu trí tuệ nào được cấp, năm 2019 và 2020 đã có 02 bằng sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp và 02 sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. Các tài sản trí tuệ khác của Nhà trường cũng được tăng lên hàng năm [Phụ lục 10]. Chất lượng các tài sản trí tuệ của Nhà trường được lấy ý kiến cuối năm đối với các cán bộ, giảng viên trong Trường do phòng KHCN thực hiện thông qua đánh giá và góp ý trực tuyến. Theo khảo sát về mức độ hài lòng của các cán bộ, giảng viên trong Trường về hoạt động KHCN thì chất lượng tài sản trí tuệ của Trường được đánh giá đạt điểm 4/5, xếp loại Tốt. Ngoài ra tất cả các ý kiến trực tiếp từ các tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên trong các cuộc họp tổng kết hàng năm cũng được ghi lại và chuyển cho Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để Nhà trường đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến chất lượng tài sản trí tuệ của Trường trong năm tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học Giao thông Vận tải là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác lập kế hoạch ngân sách hàng năm được đơn vị lập từ rất sớm. Đơn vị luôn bám sát các hoạt động đào tạo, NCKH hàng năm làm căn cứ lập dự toán nên từ kế hoạch đến triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao. Đặc biệt kế hoạch dự toán về tài chính cho đầu tư, phát triển được hoạch định rõ ràng theo lộ trình từ ngắn hạn đến trung hạn, dài hạn. Đây là một trong những chiến lược trọng điểm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025.

Là một trường Đại học kỹ thuật nên đa số các nhà nghiên cứu khoa học chú trọng tập trung nhiều về chuyên môn nên công tác dự toán tài chính cho đề tài còn nhiều lúng túng. Chính vì thế Trường Đại học Giao thông vận tải đã nghiên cứu các văn bản, thông tư hướng dẫn quản lý, các hạng mục chi cho hoạt động KHCN. Qua đó đã xây dựng thành một văn bản hệ thống hướng dẫn về định mức chi, các mục chi giúp các nhà nghiên cứu xây dựng dự toán đề tài được chính xác, sát với thuyết minh khoa học

[H.23.23.05.01].

Thuyết minh chi tiết các đề tài dự án, tổng hợp kinh phí chi hàng năm là minh chứng để xây dựng kế hoạch tài chính của đơn vị. Nguồn kinh phí dành cho KHCN từ Bộ Giáo dục và Đào tạo chiếm khoảng 40% tổng kinh phí chi cho KHCN. Nguồn kinh phí trích theo ND99/2014 chiếm khoảng 50%. Nguồn kinh phí được các Sở KHCN; Quỹ Nafosted, các Bộ tài trợ chiếm 10% trên tổng chi cho KHCN **[H.23.23.5.02].**

Kế hoạch dự toán chi cho KHCN từ Nghị định 99/2014 được đơn vị lập trên kế hoạch phân bổ kinh cho từng đơn vị, từng hạng mục được Hội đồng Trường thông qua. Do đó đã bám sát với nhu cầu thực tế của từng giảng viên, từng bộ môn, từng khoa. **[H.23.23.5.03].**

Thực hiện chi cho KHCN từ Bộ Giáo dục và Đào tạo được xác định rõ ràng theo đúng lộ trình nguồn kinh phí được phê duyệt từ Cơ quan chủ quản cấp kinh phí. Căn cứ vào kinh phí được cấp đơn vị sẽ lập hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài và thực hiện giải ngân theo đúng mục chi, nguồn chi được cấp trong năm. Năm 2016: Kinh phí từ Bộ GD&ĐT là: 7.310.000.000 đồng chiếm 41,1% trên tổng chi cho KHCN; Năm 2017: Kinh phí từ Bộ GD&ĐT là: 4.065.000.000 đồng chiếm 28,4% trên tổng chi cho KHCN; Năm 2018: Kinh phí từ Bộ GD&ĐT là: 8.268.000.000 đồng chiếm 50,64% trên tổng chi cho KHCN; Năm 2019: Kinh phí từ Bộ GD&ĐT là: 12.498.700.000 đồng chiếm 52,3% trên tổng chi cho KHCN **[23.23.5.04];[23.23.5.05];**

Thực hiện chi cho KHCN từ Nghị định 99/2014. Kinh phí này chiếm khoảng 50% tổng kinh phí chi cho KHCN. Năm 2016 Nhà trường dành 14.800.000.000 đồng cho hoạt động KHCN chiếm 60,1% tổng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN; Năm 2017 Nhà trường dành 14.156.000.000 đồng cho hoạt động KHCN chiếm 67,5% tổng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN; Năm 2018 Nhà trường dành 15.000.000.000 đồng cho hoạt động KHCN chiếm 60,02% tổng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN; Năm 2019 Nhà trường dành 14.156.000.000 đồng cho hoạt động KHCN chiếm 44,2% tổng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN **[H.23.23.05.06]**

Định hướng, hỗ trợ các đơn vị, cá nhân tiếp cận với các nguồn kinh phí được tài trợ luôn được Nhà trường quan tâm đặc biệt. Bởi đây chính là bước đệm then chốt để thành quả nghiên cứu khoa học được áp dụng triển khai thực tế vào lao động sản xuất. Kinh phí này chiếm 10% tổng kinh phí chi cho KHCN và liên tục tăng trưởng theo hàng năm. Năm 2016 được tài trợ 1.857.700.000đ; năm 2019 là 4.475.000.000đồng **[H.23.23.05.07].**

Nhằm hỗ trợ các nhà khoa học nghiên cứu nhưng vẫn tuân thủ đúng các quy định

về tài chính, Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ [H.23.23.05.08]; quy định hướng dẫn về quy đổi giờ NCKH sang giờ giảng [H.23.23.05.09]; các mẫu hồ sơ thanh toán theo hạng mục chi tiết cụ thể tới từng cán bộ, giảng viên trong toàn trường.[H.23.23.05.10]. Quy định về tài chính được quy định rõ ràng cập nhật thường xuyên theo đúng quy định của Nhà nước.

Công tác hướng dẫn, đôn đốc các nhà khoa học thực hiện nghiên cứu và thanh quyết toán đề tài được Lãnh đạo trường, phòng KHCN, phòng TCKT.. hỗ trợ nhiệt tình do vậy công tác thanh quyết toán đề tài được nhanh chóng, thuận lợi chính xác. Bám sát được tiến độ nghiên cứu cũng như giải ngân nguồn kinh phí này kịp thời, đúng tiến độ.

Hoạt động NCKH dành cho người học được Nhà trường quan tâm chú trọng. Phong trào NCKH của sinh viên hoạt động sôi nổi, phong phú đã truyền thêm nhiệt huyết và đam mê nghiên cứu trong toàn trường. Các cuộc thi sáng tạo tiết kiệm nhiên liệu do Sell tổ chức, thi robocon toàn quốc, olympic cơ học toàn quốc, thi tái chế vật liệu, ứng dụng vật liệu trong xây dựng được thầy và trò trong nhà trường hưởng ứng tích cực mang lại nhiều giải thưởng cho Nhà trường[H.23.23.05.11];[H.23.23.05.12].

Nhằm tăng cường hội nhập quốc tế và thúc đẩy trao đổi kinh nghiệm trong nước, các hội nghị Khoa học Công nghệ và hội thảo quốc tế được Nhà trường tổ chức thường niên. Thông qua các Hội nghị này đã khẳng định được rõ vai trò, vị thế của Nhà trường trong hoạt động NCKH [H.23.23.05.13].

Kinh phí dành cho KHCN được báo cáo quyết toán hàng năm theo các mục chi chi đánh giá kịp thời chính xác hoạt động KHCN trong Nhà trường [H.23.23.05.14]

Biểu 23.1 : Thu từ các hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020

Các năm học	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thu các HĐ KHCN	24.608	20.986	24.917	32.064	24.304
<i>Trong đó:</i>					
- Thu từ NSNN cấp	7.310	4.065	8.268	12.499	8.009
- Trích lập theo ND99	14.800	14.156	15.000	14.156	14.500
- Thu từ các HĐ KHCN khác	2.499	2.766	1.649	5.410	1.795

Biểu 23.2 : Chi cho các hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020

Các năm học	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng chi các HĐ KHCN	17.806	14.359	16.327	23.814	24.304

<i>Trong đó:</i>					
- Đề tài KHCN cấp Bộ	7.310	4.065	8.159	12.383	8.009
- Đề tài Quỹ Nafosted,	1.780	2.803	1.710	3.204	3.671
- Đề tài cấp cơ sở	3.090	3.690	2.137	3.332	5.360
- Nghiên cứu KH SV	3.727	1.512	1.618	1.718	1.572
- Thuởng bài báo KH	161	432	876	1.016	1.431
- Chi các HĐ KHCN khác	1.738	1.857	1.827	2.161	4.261

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Năm 2017 Nhà trường đã ban hành quy chế mới về quản lý các hoạt động KHCN, bao gồm cả hoạt động CGCN và LDSX triển khai chiến lược và kế hoạch KHCN của Trường giai đoạn đến năm 2020 nhằm phát triển các kết quả nghiên cứu và sáng tạo từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và thành lập các đơn vị khởi nghiệp **[H23.23.6.01]**. Nhà trường đang soạn thảo quy chế quản lý các trung tâm, công ty KHCN trong Trường, dự kiến sẽ ban hành trong năm học 2020-2021 nhằm đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động này. Nhà trường cũng đã ký kết hợp tác với nhiều tổ chức tài trợ như Bộ GTVT, Sở KHCN và Sở GTVT thành phố Hà Nội, Sở GTVT Quảng Ninh, Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh, ... để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ chiến lược và kế hoạch phát triển KHCN của Trường. Trong giai đoạn 2016-2020 đã có 07 đơn vị khởi nghiệp được hình thành **[H23.23.6.02]**. Nhà trường đã thành lập Ban phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ, từng bước tạo điều kiện cho các cán bộ giảng viên quảng cáo các sản phẩm nghiên cứu của mình, chuyển kết quả nghiên cứu thành các tiêu chuẩn cơ sở cũng như ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu **[H.23.23.6.03]**

Từ năm 2019 Nhà trường đã triển khai chủ trương đề tài cấp Trường trọng điểm nhằm từng bước thiết lập các nhóm nghiên cứu, đầu tư cho công bố quốc tế có uy tín, đăng ký sở hữu trí tuệ và phát triển sản phẩm chuyển giao công nghệ có khả năng thương mại hóa **[H23.23.6.04]**. Năm 2020 đã có 08 đề tài cấp Trường trọng điểm đầu tiên được bảo vệ đúng hạn với sản phẩm là các bài báo quốc tế có uy tín, bằng sáng

chế được cấp và sản phẩm chuyển giao công nghệ.

Các hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước thường xuyên được triển khai. Giai đoạn 2016-2020 có nhiều hợp đồng hợp tác và các dự án nghiên cứu chuyển giao được ký kết [H23.23.6.05]. Các nhà khoa học của Trường đã góp phần trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra của ngành và của xã hội: như vệt hằn bánh xe, mặt cầu Thăng Long, cầu treo dân sinh, vật liệu xây dựng ở vùng biển và hải đảo, máy móc thiết bị xây dựng nội địa hóa, tự động hóa giao thông, cơ khí chế tạo, điện tử bán dẫn, ... Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo được các đơn vị đối tác của Trường ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở các hợp đồng ký kết với các đơn vị KHCN của Trường [Phụ lục 2].

Cuối mỗi năm học và định kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tiến hành hội nghị giao ban KHCN-LĐSX và Hội nghị KHCN để tổng kết, đánh giá, xét danh hiệu thi đua, khen thưởng KHCN đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao, lấy ý kiến các bên liên quan về các kết quả nghiên cứu và sáng tạo đã đạt được và đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo [H23.23.6.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt những điểm mạnh

Nhà trường đã hình thành hệ thống văn bản quy định tương đối đầy đủ, giúp các cá nhân và đơn vị chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch KHCN hàng năm và theo chu kỳ 5 năm. Các dữ liệu đã được lưu trữ và quản lý trên phần mềm giúp cho việc truy xuất và đánh giá được dễ dàng và thuận tiện.

Hoạt động NCKH của sinh viên của Trường đã có phong trào và truyền thống, đã phát triển và giữ ổn định trong những năm gần đây. Nhà trường luôn đưa ra các chính sách khuyến khích giảng viên, người học tham gia phong trào NCKH, tham dự giải thưởng, công bố khoa học cũng như một thành viên của Nhà trường.

Loại hình và số lượng các công bố khoa học được xác định theo đúng tiêu chuẩn quốc tế. Việc rà soát, đánh giá các công bố khoa học được thực hiện theo các chu kỳ khác nhau từ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn kèm theo các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kịp thời.

Nhà trường có một đơn vị đầu mối và có cá nhân phụ trách riêng về công tác sở hữu trí tuệ trong Trường, ứng dụng CNTT trong quản lý.

Công tác lập kế hoạch tài chính được Nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng hàng năm kèm theo kế hoạch dài hạn đã giúp cho nguồn kinh phí dành cho KHCN được duy trì ổn định và liên tục tăng nhanh.

Nhà trường đặc biệt ưu tiên nguồn kinh phí trích từ Nghị định 99/2014 cho các hoạt động KHCN nhất là đối với người học. Nguồn kinh phí này tăng đều hàng năm do vậy giúp các nhà nghiên cứu và người học tiếp cận nhanh và nhiều với các cuộc thi sáng tạo, các bài báo quốc tế tăng mạnh.

Nhà trường đã xây dựng được quy trình từ công tác lập dự toán, xây dựng thuyết minh đến hồ sơ thanh quyết toán là công cụ giúp các nhà khoa học lập đề tài dự toán các đề tài từ đó kêu gọi được nguồn tài trợ cho hoạt động KHCN.

Nhà trường có truyền thống về nghiên cứu ứng dụng từ thời kỳ kháng chiến, kết hợp với đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước giúp các kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường rất đa dạng, từ công bố khoa học đến đăng ký sở hữu trí tuệ và nghiên cứu CGCN.

Các giải pháp thúc đẩy NCKH và CGCN của Nhà trường được triển khai đồng bộ trên các mặt giúp tạo ra một môi trường thuận lợi, khuyến khích CBGV tham gia để đạt được các tiêu chí mang tính quốc tế.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

Nhà trường mới đưa ra được chính sách phát triển KHCN chung cho tất cả các đơn vị, chưa cụ thể hóa được loại hình và khối lượng nghiên cứu tùy theo đặc thù của từng đơn vị.

Số lượng giải thưởng NCKH ngoài trường của sinh viên còn thấp, chưa tương xứng với số lượng đề tài thực hiện. Hoạt động NCKH của sinh viên chủ yếu vẫn dựa vào kinh phí của Nhà trường, chưa huy động được nhiều nguồn lực từ bên ngoài.

Việc khuyến khích công bố khoa học chưa xét đến các chỉ số chi tiết như H-index, chỉ số IF. Chưa có chế tài cụ thể với các cá nhân và đơn vị không đăng ký hay không có các công bố quốc tế có uy tín.

Do số lượng đăng ký sở hữu trí tuệ còn ít nên việc khai thác sở hữu trí tuệ còn hạn chế. Việc số hóa tất cả các tài sản trí tuệ cũng mất nhiều thời gian do các tài sản trí tuệ đã được hình thành từ nhiều năm nay và bao gồm cả trong lĩnh vực đào tạo đại học và sau đại học.

Một số các nhà nghiên cứu còn vướng mắc trong quyết toán được nguồn kinh do các bài báo quốc tế chưa được duyệt đăng đúng theo kế hoạch, tiến độ đặt ra.

Kết quả nghiên cứu chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của trường. Trường chưa có nhiều đơn vị khởi nghiệp lớn mang lại thương hiệu cho Nhà trường.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu, thống kê được năng lực của từng đơn vị để cụ thể hóa được loại hình và khối lượng nghiên cứu tùy theo đặc thù của từng đơn vị. - Tăng cường khuyến khích, quảng bá để thu hút nguồn lực bên ngoài xã hội cho các hoạt động NCKH của người học, tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường có được cơ hội việc làm cao hơn nhờ các thành tích hoạt động NCKH trong trường. - Đưa dần việc khuyến khích công bố khoa học có xét đến các chỉ số chi tiết như H-index, chỉ số IF. Hoàn thiện các chỉ số theo hướng trung bình hóa cho từng GV, đơn vị, làm căn cứ đưa ra các chế tài đối với các đơn vị không có hoặc có ít các công bố khoa học. - Tăng cường số lượng đăng ký sở hữu trí tuệ để tăng khả năng khai thác sở hữu trí tuệ. Hoàn thiện việc số hóa tất cả các tài sản trí tuệ và kết nối với lĩnh vực đào tạo thông qua thư viện điện tử. - Tăng cường quảng bá hình ảnh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, đổi mới sáng tạo, ... để có thể nhiều đơn vị khởi nghiệp, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật có giá trị lớn	Phòng KHCN Phòng CTCT&SV Phòng KHCN Phòng CTCT&SV	2021-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản thiết lập, hướng dẫn thực hiện, giám sát và cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV. - Tiếp tục duy trì phong trào NCKH của sinh viên đã có truyền thống từ	Phòng KHCN	2021-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		lâu. - Tiếp tục cập nhật các quy định, chính sách mới khuyến khích giảng viên, người học tham gia phong trào NCKH. - Thường xuyên cập nhật các chỉ số, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị đánh giá và định hướng được các hoạt động của mình. - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, rà soát, tư vấn, định hướng, theo dõi thực hiện, giám sát và hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ. - Luôn cập nhật hoàn thiện các quy định về tài chính. - Phát huy và luôn đồng hành trong việc kêu gọi nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức, đơn vị... - Tăng cường quan hệ với các cựu sinh viên của Trường và hoàn thiện các cơ chế tập trung nguồn lực NCKH và CGCN	Phòng TCKT Phòng HTQT &NCPT		

4. Đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	6
Tiêu chí 23.1	6
Tiêu chí 23.2	6
Tiêu chí 23.3	6
Tiêu chí 23.4	6
Tiêu chí 23.5	6
Tiêu chí 23.6	6

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐH GTVT là trường đại học công lập với bề dày truyền thống 75 năm xây dựng và phát triển, với quy mô đào tạo trên 20.000 người học các hệ. Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, NCKH, CGCN chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành GTVT và đất nước **[H24.24.01.01]**. Hoạt động đào tạo, NCKH, CGCN và các hoạt động của khác của NT nhằm mang lại những lợi ích với chất lượng tốt nhất cho cộng đồng và xã hội.

Nhà trường đã ban hành Quy chế Phục vụ cộng đồng **[H21.21.01.02-DC]**, trong quy chế đã quy định cụ thể về loại hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chức năng, tổ chức đoàn thể trực thuộc về công tác phục vụ cộng đồng, đồng thời nêu rõ quy trình thực hiện các công tác phục vụ cộng đồng, chỉ rõ trách nhiệm giám sát, tổng hợp kết quả phục vụ cộng đồng, nguồn lực huy động để thực hiện các nhiệm vụ. Trong suốt 75 năm qua, Nhà trường luôn coi trách nhiệm xã hội là mục tiêu quan trọng hàng đầu để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, góp phần tích cực vào hội nhập quốc tế, khẳng định được vai trò và vị thế về con người, KHCN trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã có những hành động rất cụ thể đối với việc triển khai đa dạng các loại hình, khối lượng công việc tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm, từ năm học 2020-2021, Nhà trường đã ban hành kế hoạch Về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng **[H21.21.01.04-DC]**. Các loại hình, khối lượng tham gia vào kết nối cộng đồng luôn được thể hiện rõ nét trong hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, phòng Công tác chính trị và sinh viên, phòng KHCN, các Khoa, trung tâm nghiên cứu của Nhà trường. Ngoài ra, các giảng viên, các nhà khoa học, cựu sinh viên và SV đã tích cực tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

Các sinh viên theo học tại trường ngoài việc tham gia các buổi học chính khóa còn được Nhà trường quan tâm đến các kỹ năng mềm nhằm trang bị các kỹ năng để đáp ứng được nhu cầu của xã hội như các lớp đào tạo tiếng Nhật miễn phí **[H24.24.01.04]**; Chia sẻ kỹ năng, cơ hội, kinh nghiệm học tập và làm việc tại Nhật Bản; Hội thảo hướng nghiệp cho sinh viên **[H24.24.01.05]**. Ngoài ra, hàng năm sinh viên được cung cấp thông tin nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp bởi các doanh nghiệp là đối tác của Nhà trường, đặc biệt trong năm 2019, Trường Đại học Giao thông vận tải đã phối hợp với báo Lao động Thủ đô và Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Nội tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Việc làm năm 2019, với chủ đề “Khơi nguồn lực, đón thành công” thu hút nhiều doanh nghiệp và hàng ngàn sinh viên tham dự, tạo cơ hội nghề nghiệp cho hàng trăm sinh viên trước khi ra trường

[H24.24.01.04-DC]. Ngoài ra, các sinh viên được hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập **[H17.17.02.12-DC]**, học bổng tài trợ **[H17.17.02.13-DC]**, miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội,... **[H17.17.02.14-DC]**, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí hoạt động SV (kinh phí hoạt động đoàn - hội, tài trợ từ các đối tác chiến lược...).

Trường Đại học Giao thông vận tải đã và đang đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành giao thông vận tải và đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín về Giao thông vận tải và một số lĩnh vực khác; có đẳng cấp trong khu vực và hội nhập Quốc tế; là địa chỉ tin cậy của người học, nhà đầu tư và toàn xã hội. Nhà trường đã trực tiếp tổ chức hoặc phối hợp tổ chức mở nhiều khóa đào tạo nhiều khóa học cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các cán bộ trong ngành giao thông vận tải nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng mới giải quyết những vấn đề hết sức thực tiễn ở Việt Nam như: kết cấu hạ tầng đường bộ, quy hoạch và quản lý đô thị,... **[H24.24.01.06]** giúp cho các nhà quản lý, các chuyên gia nhận biết sâu sắc hơn về các vấn đề kết cấu hạ tầng, quy hoạch đô thị, tìm ra các giải pháp để phát triển bền vững.

Đội ngũ giảng viên của Nhà trường đã trực tiếp tham gia nhiều đề tài NCKH có ý nghĩa thực tiễn,... Nhà trường đã triển khai hoạt động hợp tác với các đơn vị ngoài trường như Bộ GTVT, các Sở KHCN và Sở GTVT các tỉnh, Bộ KH và CN, Hội đồng Anh, Tập đoàn Vingroup, Quỹ nghiên cứu Asean-Nhật Bản, Tập đoàn Phenikka, các công ty trong và ngoài nước,... như: Hợp tác với Sở Giao thông vận tải và Sở Khoa học Công nghệ (TP HN) trong việc tham gia toàn diện vào các vấn đề liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý hệ thống giao thông của thành phố; Hợp tác với Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh trong đào tạo theo chuyên đề cho cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành trong thiết kế quy hoạch, kỹ thuật xây dựng, giám sát, quản lý khai thác công trình; Phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung vào đề tài mang tính ứng dụng cao, những đề tài nghiên cứu sử dụng vật liệu tại chỗ cho các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường đã thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị đo tốc độ cho trường tàu HTT-03 với Công ty Cổ phần Vận tải đường Sắt Sài Gòn, nghiên cứu, chế tạo mới, cung cấp, lắp đặt bộ đồng hồ tốc độ ghi thẻ nhớ SD card đọc được trên máy tính để lắp cho đầu máy D10H với Xí nghiệp đầu máy Yên Viên-Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam....**[H24.24.01.06]**, **[H21.21.02.23-DC]**, **[H21.21.02.24-DC]**, thiết bị đo tốc độ mang tính hỗ trợ, tăng cường biện pháp giám sát, còn cơ chế an toàn của đầu máy phụ thuộc chính vào lái tàu, thể hiện rõ tốc độ đoàn tàu, ngoài việc giám sát đoàn tàu chạy đúng tốc độ đảm bảo an toàn, thiết bị cũng giúp trường tàu giám sát, nhắc nhở lái tàu điều khiển đầu máy kéo tàu bám sát biểu đồ, kế hoạch chạy tàu để đưa tàu về đúng giờ.

Bảng 24.1.1 Hợp tác với các đối tác trong đào tạo, nghiên cứu

TT	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Biên bản hợp tác	1	7	7	2	8

Các nhà khoa học của Nhà trường đã góp phần trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra như: phối hợp với Bộ GTVT, Tổng cục Đường Bộ VN đề xuất giải pháp công nghệ xử lý mặt cầu Thăng Long [H24.24.01.07] dự kiến giữa tháng 01/2021 hoàn thành sửa chữa, cầu Thăng Long sẽ kết nối đồng bộ với tuyến đường Vành đai 3 trên cao, đoạn Mai Dịch – Nam Thăng Long vừa được Bộ Giao thông – Vận tải đầu tư xây dựng, khơi thông tuyến đường huyết mạch kết nối trung tâm Hà Nội đến sân bay Nội Bài và các tỉnh lân cận, góp phần giảm ùn tắc cho các khu vực nội đô; Ngoài ra nhiều nghiên cứu chuyên giao công nghệ khác như: vật liệu xây dựng công nghệ bê tông hạt nhỏ; máy kiểm tra cầu BIM 6.6; máy móc thiết bị xây dựng nội địa hóa, tự động hóa giao thông, cơ khí chế tạo, điện tử bán dẫn, thiết kế, chế tạo, lắp đặt và hướng dẫn vận hành hệ thống phễu cấp phụ gia cho trạm trộn bê tông nhựa với Công ty TNHH Taiyu Việt Nam ... Các nhà khoa học của Nhà trường cũng đã góp phần trực tiếp xây dựng các tiêu chuẩn ngành phục vụ cho ngành Giao thông vận tải.

Bảng 24.1.2 Đề tài, dự án NCKH

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	4	5	2	1
2	Đề tài cấp Bộ	13	32	16	23	5
3	Đề tài cấp trường	62	92	132	184	53

Bảng 24.1.3 Phát minh, sáng chế phục vụ cộng đồng

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020	- Sáng chế “Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu Polyme để theo dõi sức khỏe công trình xây dựng và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng bằng cảm biến này”, Khổng Đức Chiến, Hoàng Văn Phúc, Đào Thanh Toàn, 06/2020, Cục SHTT - GPHI “Phương pháp tạo ra hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng phụ gia trộn trực tiếp tại trạm bê tông”, Lương Xuân Chiêu, Lã Văn Chăm, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Văn Hùng, 09/2020, Cục SHTT.

Các giảng viên của Nhà trường luôn tích cực tham gia các hội thảo trong và ngoài nước. Và để tạo điều kiện phát triển học thuật, nghiên cứu, Nhà trường đã trực tiếp, phối hợp hoặc tham gia tổ chức nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Bảng 24.1.4 Các hội thảo khoa học

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	126	99	161	119	15	520
2	Hội thảo trong nước	84	107	156	102	143	592
3	Hội thảo của trường	137	396	229	265	153	1180

Công đoàn trường đã đổi mới phương thức hoạt động theo phương châm hướng về cơ sở, đáp ứng nguyện vọng của đoàn viên và người lao động. Cùng với việc chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, Công đoàn trường còn tích cực tham gia xây dựng cơ chế, chính sách nội bộ nhằm đảm bảo mọi chế độ, chính sách cho cán bộ, viên chức và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của Nhà trường. Công đoàn Trường lồng ghép các kế hoạch với cuộc vận động “Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” với mục tiêu trọng tâm là xây dựng nhà công vụ giáo viên (Quảng Bình, Quảng Ngãi), Công đoàn trường tiếp tục hưởng ứng chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa; tặng bàn ghế cho các trường học ở khu vực miền núi khó khăn,... **[H24.24.01.08]**. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nguồn cung cấp sản phẩm dung dịch rửa tay diệt khuẩn ngoài thị trường khan hiếm; Được sự ủng hộ của Nhà trường, các thầy cô giáo Bộ môn Hóa học - Khoa Khoa học Cơ bản đã nghiên cứu và pha chế dung dịch rửa tay khô phục vụ toàn thể cán bộ, giảng viên và người lao động trong Trường **[H21.21.02.76-DC]**. Để nâng cao nhận thức của SV về trách nhiệm xã hội, Đoàn TN và Hội SV đã tích cực tổ chức một số chiến dịch tình nguyện quy mô lớn như "Mùa hè xanh", "Tình nguyện mùa đông", “Tiếp sức mùa thi”, “Tiếp sức đến trường”, “Bánh chưng cho em”, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương **[H24.24.01.09]**. Nhà trường đã phát động thêm nhiều chương trình có ý nghĩa và lan tỏa tới cộng đồng với sự tham gia của nhiều sinh viên, cán bộ, giảng viên trong trường như: tham gia đảm bảo trật tự An toàn giao thông cùng đội “Phản ứng nhanh giao thông” của Thành đoàn; tổ chức các chương trình tập huấn kỹ năng lái xe an toàn tại Trường; “Hội thi sinh viên Thủ đô sử dụng xe bus và phương tiện giao thông công cộng” trong Ngày hội “Thanh niên với văn hóa giao thông” năm 2019; huy động được kinh phí xã hội hóa trên 300 triệu đồng để triển khai có hiệu quả các hoạt động như tổ chức hoạt động khảo sát hơn 80 điểm dừng đỗ nhà chờ xe buýt trên địa bàn Hà Nội; phối hợp với tổ chức Plan International tổ chức cuộc thi “Thiết kế mô hình nhà chờ xe bus an toàn, thông minh, thân thiện”... **[H24.24.01.10]**. Với tinh thần lá lành đùm lá rách, Nhà trường đã kịp thời hỗ trợ kinh phí cho các sinh viên có

gia đình khó khăn, bị ảnh hưởng nặng nề do thiên tai [H24.24.01.11].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường phát huy những giá trị tốt đối với xã hội. Bên cạnh đó các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cũng thường xuyên thay đổi theo sự phát triển của đất nước với yêu cầu ngày càng cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5.5/7

Tiêu chí 24.2 Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Với quan điểm mỗi sản phẩm đầu ra đến với xã hội là một sản phẩm thật sự chất lượng, được xã hội đánh giá cao, nhà trường xây dựng những kênh đánh giá, khảo sát để biết được tác động xã hội đối với các hoạt động của trường trong việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được các cơ quan đơn vị đánh giá cao, thông qua việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm chiếm hơn 92%, đóng góp cho cộng đồng nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển của đất nước [H24.24.02.01], [H21.21.02.02-DC]. Nhà trường đã khẳng định vị thế là trường đại học kỹ thuật đi đầu trong đào tạo nhân lực cho ngành giao thông vận tải, đóng góp cho quá trình xây dựng hạ tầng giao thông của đất nước, nhiều cựu sinh viên của Nhà trường đã và đang nắm giữ những vị trí quan trọng ở các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước cấp Bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương trên toàn quốc và lãnh đạo các doanh nghiệp trực tiếp trong quá trình hiện đại hóa hạ tầng giao thông vận tải.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, có hơn 18 sản phẩm nghiên cứu khoa học mang thương hiệu của trường đã được thương mại hóa, các sản phẩm khoa học công nghệ của trường đều chứng minh được hiệu quả và được nhân dân địa phương và các cấp bộ ngành đánh giá cao, đặc biệt là các đề tài ứng dụng trong lĩnh vực cơ khí và xây dựng đường bộ và đường sắt, nghiên cứu các thiết bị và vật liệu nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn [H24.24.02.02-DC]: Thiết bị tự động cấp phụ gia dạng hạt có định lượng cho trạm trộn bê tông đã được đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ- Bộ KH-CN đăng trên công báo sở hữu công nghiệp số 339 tập A (06.2016) [H24.24.02.03]. Hiện nay đã áp dụng được hơn 60 trạm trộn bê tông nhựa phục vụ cho các dự án xây dựng, nâng cấp cải tạo mặt đường; Tiết kiệm 10.000 giờ nhân công thủ công; Góp phần đưa ra giải pháp nâng cao tính năng của bê tông nhựa chống hằn lún vệt bánh xe; Thiết bị đo ghi tốc độ và một số tham số vận hành đầu máy nhằm nội địa hóa giảm giá thành khoảng 50%, thay thế các thiết bị ngoại nhập (Dự án SXTN cấp Bộ: B2015-04-03DA); sản xuất bê tông từ cát biển; máy kiểm tra cầu

BIM 6.6 được nghiên cứu chế tạo thành công tại Trường ĐHGTVT, đã đáp ứng nhu cầu bức thiết từ các công ty quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường bộ với lợi thế hơn nhiều so với các loại máy nhập ngoại như tận dụng, tìm kiếm những vật tư, vật liệu sẵn có, dễ dùng, dễ thay thế và sửa chữa trên thị trường của Việt Nam với giá thành rẻ hơn rất nhiều [H21.21.02.26-DC].

Với tinh thần tương thân, tương ái, Công đoàn trường tiếp tục hưởng ứng chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa. Các hoạt động của Công Đoàn trường hàng năm đã góp phần động viên rất kịp thời đối với bà con đồng bào các địa phương không may gặp phải những hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ kịp thời trang thiết bị học tập cho học sinh vùng cao; hỗ trợ xây nhà công vụ cho giáo viên tại các khu vực khó khăn; Nhà trường đã tặng 1990 bộ bàn ghế cho các trường khó khăn của các huyện Chương Mỹ, Phú Xuyên và Sóc Sơn của TP. Hà Nội, kịp thời giúp đảm bảo cơ sở vật chất dạy và học của các trường còn khó khăn [H24.24.02.04].

Bảng 24.2.1 Số tiền quyên góp ủng hộ đồng bào (triệu đồng)

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Số tiền quyên góp</i>	166	201	181	120	250

Hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của Nhà trường đã tích cực chủ động tổ chức các chương trình, đội hình cho các SV tình nguyện tham gia vào chiến dịch “Mùa hè xanh”, đến các địa phương, vùng sâu vùng xa để xây dựng đường xá, cầu qua kênh rạch, công trình thanh niên ngôi nhà nhân ái, sân chơi cho trẻ em, nhà vệ sinh thân thiện.... [H24.24.02.05], [H24.24.01.09]. Các hoạt động nổi bật có thể kể đến như: thăm hỏi các mẹ Việt Nam anh hùng và các thương binh nặng, thấp nển tri ân nhân ngày Thương binh liệt sĩ tại Quốc Oai, Sóc Sơn, Mỹ Đức - Hà Nội; Thuận Thành - Bắc Ninh; Phú Lương - Thái Nguyên; Mai Sơn, Mộc Châu - Sơn La; Lục Nam - Bắc Giang; Lộc Bình - Lạng Sơn; Thanh Sơn - Phú Thọ; Kim Bôi - Hòa Bình; Hưng Nguyên - Nghệ An; Quận 9, Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh,... tổ chức đội sinh viên tình nguyện chăm sóc trẻ em bị khuyết tật ở Trung tâm phục hồi chức năng Việt- Hàn; tổ chức chương trình Trung Thu cho em ở trung tâm bảo trợ xã hội Hoài Đức, Hà Nội; hướng dẫn học tập và vui chơi cho các em ở Làng trẻ SOS; tổ chức chương trình “Tết ấm vùng cao”, “Đông ấm”,... quyên góp quần áo, chăn đông ấm, sách vở, nhu yếu phẩm,... tặng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại các địa phương nơi đội hình SVTN đến; tổ chức đội tham gia hội thi “Tôi yêu Hà Nội”; tham gia đảm bảo trật tự An toàn giao thông cùng đội “Phản ứng nhanh giao thông” của Thành đoàn [H.24.24.02.06].

**Bảng 24.2.2 Các công trình, phần việc qua các chiến dịch Thanh niên tình nguyện
Mùa hè xanh (triệu VNĐ)**

Năm	2017	2018	2019	2020
<i>Công việc</i>		- Xây dựng 01 con đường thanh niên, 01 sân chơi thiếu nhi, 01 tuyến đường điện, 01 tuyến đường hoa. - Tổ chức 02 đội hình Tiếp sức mùa thi tại 02 điểm thi THPT Quốc gia với nhiều hoạt động thiết thực ý nghĩa. - Tổ chức 03 đội hình Tiếp sức đến trường hỗ trợ Tân sinh viên K59 - Tổ chức 02 đội hình Giao thông xanh cấp trường - Tổ chức 03 đội SVTN tới các vùng sâu vùng xa.	- Xây dựng 01 Ngôi nhà nhân ái, 02 sân chơi thiếu nhi, 01 tuyến đường điện. - Tổ chức 03 đội hình Tiếp sức mùa thi tại 03 điểm thi THPT Quốc gia với nhiều hoạt động thiết thực ý nghĩa. - Tổ chức 03 đội hình Tiếp sức đến trường hỗ trợ Tân sinh viên K60 - Tổ chức 02 đội hình Giao thông xanh cấp trường - Tổ chức 04 đội SVTN tới các vùng sâu vùng xa.	- Xây dựng 01 Nhà vệ sinh thân thiện, 03 sân chơi thiếu nhi, 01 tuyến đường điện, 01 Ngôi nhà nhân ái. - Tổ chức 06 đội hình Tiếp sức mùa thi tại 06 điểm thi THPT Quốc gia với nhiều hoạt động thiết thực ý nghĩa. - Tổ chức 03 đội hình Tiếp sức đến trường hỗ trợ Tân sinh viên K61 - Tổ chức 02 đội hình Giao thông xanh cấp trường - Tổ chức 02 đội hình phòng chống Covid19. - Tổ chức 05 đội SVTN tới các vùng sâu vùng xa.
<i>Tổng giá trị</i>		250 triệu đồng	350 triệu đồng	400 triệu đồng
<i>Số ngày công quy đổi</i>		350 ngày công	500 ngày công	650 ngày công
<i>Nguồn huy động xã hội hóa</i>		170 triệu đồng	200 triệu đồng	250 triệu đồng

**Bảng 24.2.3 Các hoạt động, phần việc qua các chiến dịch Tình nguyện
Mùa đông (triệu VNĐ)**

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Công việc</i>	- Giao lưu văn hóa, văn nghệ - Gói bánh chưng - Tu sửa nhà cửa - Dạy học - Tặng quà tết, quần áo, sách vở, xe đạp	- Giao lưu văn hóa, văn nghệ - Gói bánh chưng - Tu sửa nhà cửa - Dạy học - Tặng quà tết, quần áo, sách vở, xe đạp	- Giao lưu văn hóa, văn nghệ - Gói bánh chưng - Tu sửa nhà cửa - Dạy học - Tặng quà tết, quần áo, sách vở, xe đạp	- Giao lưu văn hóa, văn nghệ - Gói bánh chưng - Tu sửa nhà cửa - Dạy học - Tặng quà tết, quần áo, sách vở, xe đạp	- Giao lưu văn hóa, văn nghệ - Gói bánh chưng - Tu sửa nhà cửa - Dạy học - Tặng quà tết, quần áo, sách vở, xe đạp
<i>Số ngày công quy đổi ra tiền</i>	152 triệu	170 triệu	184 triệu	186 triệu	198 triệu
<i>Nguồn xã hội hóa</i>	100 triệu	110 triệu	120 triệu	120 triệu	130 triệu

Phong trào hiến máu tình nguyện cũng được đoàn viên, sinh viên nhiệt liệt hưởng ứng, những chương trình có thể kể đến như: “Khoảnh khắc”, “Lễ hội Xuân Hồng”, “Ngày Chủ Nhật đỏ”, ... qua các chương trình trên đã thu được hơn 1000 đơn vị máu. Có thể nói, những sinh viên tình nguyện đã góp phần xây dựng hình ảnh đẹp của người đoàn viên sinh viên trường Đại học Giao thông vận tải luôn sẵn sàng xung kích, tình nguyện và chung sức vì sự phát triển của cộng đồng xã hội, góp phần đáp ứng nhu cầu về máu phục vụ công tác cấp cứu và điều trị tại các cơ sở y tế, cứu sống hàng ngàn bệnh nhân mắc những căn bệnh hiểm nghèo **[H.24.24.02.07]**.

Bảng 24.2.4. Số đơn vị máu thu được hàng năm

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Số đơn vị máu</i>	1676	1528	1445	1568	1109

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4.5/7

Tiêu chí 24.3 Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Nhà trường luôn tiến hành lấy phiếu khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên đối với hoạt động của trường, phiếu khảo sát ý kiến người học về mọi mặt hoạt động của trường **[H24.24.03.01]**, **[H24.24.03.02]**. Các mặt hoạt động của Nhà trường trong đó có các hoạt động NCKH, CGCN phục vụ sản xuất

chính là những cơ hội để cho GV và SV của Nhà trường hiện thực hóa tri thức phục vụ thực tiễn. Hiện nay, số giảng viên đạt học vị tiến sĩ là 37,8%; chức danh giáo sư, phó giáo sư là 10,87%, đây là nguồn chuyên gia tốt cho các hoạt động NCKH và CGCN. Các hoạt động này vừa giúp GV và SV trong trường tìm tòi những cái mới, áp dụng những thành tựu khoa học tiên tiến trên thế giới và trong nước, giúp nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tạo thêm nguồn thu nhập đáng kể cho GV và SV trong Nhà trường. Để có cơ sở xác định nhu cầu, nguyện vọng của người dân để có những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn, Nhà trường đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công năm 2019 [H24.24.03.03].

Bảng 24.3.1 Sự hài lòng của CB, GV đối hoạt động KHCN, CGCN

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Mức độ hài lòng			76.5%	80.3%	

Bảng 24.3.2 Sự hài lòng của SV đối với các mặt hoạt động của Nhà trường

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Mức độ hài lòng		80.3%	81.5%	78.05%	

Bảng 24.3.3 Sự hài lòng của CB, GV về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Mức độ hài lòng				4.8	4.8

Bảng 24.3.4 Sự hài lòng của SV về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Mức độ hài lòng				4.7	4.8

Qua những hoạt động của Công đoàn trường và Đoàn TN trường, GV và SV trong trường thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm ssssxã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Chung tay xóa đói giảm nghèo, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn không may bị bão lũ, thiên tai, dịch họa.

Bảng 24.3.5 Tổng kết “Mùa hè xanh”

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng tham gia	350	320	330	360	400

Bảng 24.3.6 Các phong trào tình nguyện khác

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng SV tham gia	11600	12200	13700	14500	15200
Số ngày bình quân trong năm/SV	1,5	2,1	2,8	3,2	3,5

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4.5/7

Tiêu chí 24.4 Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Ý thức được trách nhiệm xã hội, là trường đại học có bề dày truyền thống 75 năm xây dựng và phát triển, Công đoàn trường luôn tổ chức các đợt quyên góp ủng hộ đồng bào tại khắp mọi miền Tổ quốc không may phải hứng chịu thiên tai, dịch họa. Bên cạnh đó công tác đền ơn đáp nghĩa cũng được Công đoàn trường triển khai thường xuyên, định kỳ. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Nhà trường được các bộ, ban, ngành từ trung ương đến địa phương ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các bằng khen, giấy khen các cấp, thư cảm ơn của các đơn vị tiếp nhận...[H24.24.04.01], [H24.24.04.02]. Sau mỗi hoạt động, Nhà trường và địa phương tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả của hoạt động để rút ra bài học cho các hoạt động tiếp theo. Trường cũng tiến hành khảo sát sự hài lòng của người thụ hưởng các hoạt động nhằm điều chỉnh và cải tiến các hoạt động tiếp theo. Khảo sát được thực hiện với những người hưởng lợi trực tiếp được đánh giá theo mức độ hài lòng 5 điểm: từ 01 (rất không hài lòng) đến 05 (rất hài lòng) [H24.24.04.03].

Bảng 24.4.1 Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Mức độ hài lòng				4.8	4.8

Với các chiến dịch và hoạt động tình nguyện mạnh mẽ, hầu hết người hưởng lợi và địa phương đánh giá cao sự đóng góp của đại học vào sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của các địa phương [H24.24.04.04]. Các cá nhân, tập thể tham gia vào công tác phục vụ cộng đồng, các đơn vị tiếp nhận ngày càng đánh giá cao chất lượng của các công tác phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Với phương châm các hoạt động phục vụ cộng đồng càng ngày càng đi vào thực chất, chuyên nghiệp, nguồn vốn huy động được ngày càng lớn hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, toàn thể Đảng bộ, BGH, tập thể CBVC và sinh viên Trường ĐH GTVT, với trách nhiệm là đầu ngành về lĩnh vực giao thông vận tải, quyết tâm phấn đấu trở thành một ngôi trường đại học vị nhân sinh, đóng góp tích cực cho phát triển xã hội bền vững trong tương lai.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4.5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường luôn nhận thức được vai trò và thức trách nhiệm xã hội của mình với cộng đồng, tích cực tham gia các phong trào NCKH, CGCN phục vụ sản xuất gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xác định công tác phục vụ cộng đồng hết sức quan trọng.
- Nhà trường đã triển khai các loại hình, khối lượng tham gia kết nối phục vụ cộng đồng đa dạng, phong phú.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Khó khăn về kinh phí: Mặc dù Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc kết nối và phục vụ cộng đồng, tuy nhiên với mô hình của một trường công lập, kinh phí vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp nên các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng còn chưa xứng tầm, chưa theo kịp đòi hỏi của xã hội đang phát triển và hội nhập rất nhanh.
- Khó khăn về thời gian: Hiện nay áp lực giảng dạy, chuẩn GV, tính giản biên chế, thời gian đào tạo theo học chế tín chỉ rút ngắn nên GV, CB nhân viên và SV Nhà trường thường xuyên trong tình trạng eo hẹp về thời gian để tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Những công việc về kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường có thể nói là rất nhiều, tuy nhiên việc nghiên cứu có bài bản hiệu quả lâu dài của các công việc, cũng tác động xã hội còn hạn chế. Đây là vấn đề chung của xã hội hiện nay vì hầu hết trong quy trình còn thiếu việc lấy phản hồi của xã hội cũng như việc phân bổ các nguồn lực cũng không có đề thực hiện công việc này.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục các điểm tồn tại	Đề khắc phục điểm yếu về kinh phí Nhà trường đã và đang chủ động tìm các nguồn xã hội hóa các hoạt động, các đơn vị chức năng luôn chủ động tìm các nguồn từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, cựu sinh viên,..., tham mưu thành lập quỹ phát triển KHCN của trường để chủ động hơn nữa trong công tác này. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn từ các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển KHCN phục vụ cộng đồng...	P.CTCT&SV, P.KHCN, ĐTN	Từ 01/2021
2		Nhà trường sẽ phân công đơn vị	BGH	Năm học

		thường trực về hoạt động kết nối cộng đồng, một trong những chức năng của đơn vị này là theo dõi các hoạt động phục vụ cộng đồng để triển khai có quy mô, bài bản hơn trong thời gian tới.		2020-2021
--	--	--	--	-----------

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4.75
Tiêu chí 24.1	5.5
Tiêu chí 24.2	4.5
Tiêu chí 24.3	4.5
Tiêu chí 24.4	4.5

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã thiết lập hệ thống giám sát, đối sánh kết quả việc thực hiện các chỉ số tài chính để cải tiến bao gồm các báo cáo quyết toán tài chính [H25.25.01.01]. Báo cáo tài chính tại hội nghị tổng kết năm học [H25.25.01.02], Báo cáo tài chính tại Hội nghị Cán bộ viên chức [H25.25.01.03].

Trong các năm gần đây, Nhà trường chú trọng chi cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao CSVC trong trường, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... Khi các hoạt động này ổn định, xu hướng tài chính của Nhà trường là đầu tư cho hoạt động KHCN, và ưu tiên cho hoạt động phục vụ cộng đồng một cách có hệ thống. Đây là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô sinh viên ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Nhà trường, xứng đáng với vị thế của Nhà trường, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay.

Nhà trường cũng đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên trong đó có hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cơ cấu các nguồn kinh phí chi thường xuyên trung bình trong 5 năm lần lượt là: NSNN chiếm 22% ; nguồn thu từ người học chiếm 68% và nguồn thu dịch vụ chiếm 8%. Các nguồn kinh phí có xu hướng ổn định, tăng đều qua từng năm, năm 2020, tổng kinh phí tăng gấp 1,3 lần so với năm 2016

Tỷ lệ phát triển nguồn thu của Trường đã tăng dần hàng năm, năm sau cao hơn năm trước (Bảng 25.1.1).

Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu của trường trong 5 năm 2016 - 2020

Năm học	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thu (triệu đồng)	300.785	315.188	320.739	359.648	375.910
Tỷ lệ phát triển (% so năm trước)	107	105	102	112	105

Ngoài ra, Bảng 25.1.2, Đối sánh tổng doanh thu với chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác cho thấy tỷ lệ này tăng dần qua các năm. Các chỉ số tài chính luôn được giám sát, được rà soát, điều chỉnh, thay đổi từng năm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H25.25.01.04].

Bảng 25.1.2. Thống kê tổng chi cho đào tạo, NCKH, con người và đầu tư giai đoạn 2016-2020

DVT: Triệu đồng

Các năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tổng thu	300.785	315.188	320.739	359.648	375.910
1. Chi đào tạo	60.511	60.687	61.728	62.957	65.000
<i>% so với tổng thu</i>	<i>20,1</i>	<i>19,3</i>	<i>19,2</i>	<i>17,5</i>	<i>17,3</i>
2. Chi hoạt động NCKH	17.806	14.359	16.327	23.814	24.304
<i>% so với tổng thu</i>	<i>5,9</i>	<i>4,6</i>	<i>5,1</i>	<i>6,6</i>	<i>6,5</i>
3. Chi con người	169.539	178.071	188.936	202.714	214.000
<i>% so với tổng thu</i>	<i>56,4</i>	<i>56,5</i>	<i>58,9</i>	<i>56,4</i>	<i>56,9</i>
4. Chi CSVC	29.960	30.846	34.154	35.704	40.000
<i>% so với tổng thu</i>	<i>10,0</i>	<i>9,8</i>	<i>10,6</i>	<i>9,9</i>	<i>10,6</i>

Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho CBVC, Năm 2019, thu nhập của cán bộ cao hơn 1,24 lần so với năm 2016. Nguồn thu của trường đã đáp ứng được các hoạt động đào tạo, NCKH và chi đầu tư phát triển và các hoạt động khác. Qua các cuộc Hội nghị CBVC hàng năm và Hội nghị tổng kết năm học, đều nhận được ý kiến phản hồi tốt, các đơn vị đánh giá cao việc lập kế hoạch và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính **[H25.25.01.05]** .

Đối với kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ, căn cứ kế hoạch trung hạn và hàng năm, căn cứ khả năng và nhu cầu đăng ký thực hiện đề tài cũng như kết quả thẩm định và phê duyệt của các cấp mà nguồn kinh phí này được Trường quản lý và sử dụng theo đúng quy định cho từng loại hoạt động khoa học và công nghệ. Ngoài ra, thực hiện Nghị định 99/2015, trường còn trích lập quỹ phát triển tiềm lực KH-CN và triển khai thực hiện các hoạt động với tổng kinh phí hàng chục tỷ đồng **[H25.25.01.06]**.

Hàng năm Trường đều được Vụ Kế hoạch Tài chính của Bộ GD-ĐT kiểm tra xét duyệt quyết toán**[H25.25.01.07]**. Công tác quản lý tài chính của trường được các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước tiến hành kiểm toán, thanh tra theo kế hoạch và đều được đánh giá tốt **[H25.25.01.08]**.

Trường luôn đảm bảo được số chi học bổng cho sinh viên luôn đạt tỷ lệ trên 8% tổng nguồn thu học phí theo quy định thông tư 31/TT-BTC năm 2013. Sau mỗi kỳ học, Phòng Đào tạo Đại học phối hợp với các Khoa để phân bổ hợp lý và chính xác số lượng học bổng cho sinh viên toàn trường.

Bảng 25.1.3. Tỷ lệ Chi học bổng hàng năm

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Học phí CQ	147,714	166,195	175,104	182,879	202,000
<i>Cho học bổng sinh viên</i>	14,109	15,376	16,011	17,269	17,000
Tỷ lệ %	9.6	9.3	9.1	9.4	8.4

Việc chi trả thu nhập cho CBVC và chi trả học bổng cho sinh viên được thực hiện qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng và hệ thống ViettelPay. Trường thực hiện nhờ thu học phí qua tài khoản cá nhân của người học tại các ngân hàng và năm 2019 đã cải tiến thu qua hệ thống ví điện tử ViettelPay. Việc thực hiện các phương thức thanh toán điện tử qua ngân hàng một cách chính xác đã mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho cán bộ viên chức và người học.

Trường đã đề ra kế hoạch hành động nhằm khai thác thế mạnh của Trường trong việc đem lại các nguồn kinh phí để đầu tư phát triển Trường, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ viên chức, hiện đại hoá cơ sở vật chất, nâng cao hơn nữa thu nhập cho CBVC, hướng đến một kết quả hoạt động tài chính ngày một tốt hơn **[H25.25.01.09]**.

Tổng nguồn thu tăng ổn định trong giai đoạn 2016 -2019. Sự chênh lệch thu chi tăng đều qua các năm là do thực hiện tốt việc quản lý chi phí và tiết kiệm trong chi tiêu. Thu nhập bình quân của CB nhân viên tăng ổn định vì vậy đời sống CB nhân viên được cải thiện. Học phí hàng năm của một SV thực hiện theo đúng định mức quy định tại Nghị định 86 **[H25.25.01.10]**. Ngoài việc quan tâm đến nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức và đảm bảo chi trả học bổng theo đúng quy định, hàng năm Nhà trường còn dành một khoản kinh phí không nhỏ cho việc chăm sóc sức khỏe và tổ chức khám chữa bệnh cho CB, GV và sinh viên.

Bảng 25.1.4. Đối sánh các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Cho hoạt động đào tạo</i>	169.539	178.071	188.936	202.714	214.000

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Cho bằng sinh viên</i>	14.109	15.376	16.011	17.269	17.000
<i>Cho hoạt động NCKH</i>	17.806	14.359	16.327	23.814	24.304
<i>Cho phục vụ cộng đồng</i>	7.125	7.577	8.150	8.580	10.390

Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thể hiện đầy đủ trong báo cáo tài chính và được công khai lấy ý kiến đóng góp và phản hồi tại hội nghị tổng kết năm học và hội nghị cán bộ viên chức hàng năm. [MC - báo cáo HNCB VC] dùng chung TC7.1. Đồng thời, sau mỗi năm học, Nhà trường có tổ chức các cuộc họp tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính đối với các hoạt động của các khoa cũng như các đơn vị có liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Xu hướng kết quả hoạt động thị trường của Nhà trường là xây dựng một trường ĐHGTVT vững mạnh về trí lực, nhân lực và vật lực đáp ứng chiến lược mà Nhà trường đã đề ra, tăng tỷ lệ đóng góp của Nhà trường cho xã hội, khẳng định thương hiệu và vị thế của trường ĐHGTVT trong hệ thống GDĐH Việt Nam.

Nhà trường đã ban hành các văn bản, các quy định, kế hoạch cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo, NCKH và PVCD như: Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp dự đoán, các chỉ số về hoạt động KHCN, tăng cường nguồn lực, sự phát triển CSVC, các kế hoạch về hoạt động kết nối và PVCD, ... **[H25.25.02.01]**

Giám sát đề rà soát công tác tuyển sinh, đào tạo, NCKH, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, ... được Nhà trường theo dõi qua các cuộc họp (họp xem xét của lãnh đạo, họp giao ban công tác SV, giao ban đào tạo, họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động tuyển sinh, PVCD, ...) hàng tháng. Các đơn vị làm báo cáo tổng kết công tác tháng, công tác năm học, qua đó giúp các đơn vị rà soát lại các kết quả và chỉ số về thị trường.

Chiến lược của nhà trường đã được xây dựng, công bố và thực hiện từ năm 2008 gồm nhiều giai đoạn phát triển để thực hiện trở thành Trường hàng đầu cả nước về lĩnh vực Giao thông vận tải. Đảng bộ Trường liên tục đạt danh hiệu “Đảng bộ trong sạch,

vững mạnh”, Công đoàn luôn luôn được công nhận là “Công đoàn cơ sở xuất sắc”, Đoàn Thanh niên cộng sản của Trường cũng luôn luôn là “Đoàn cơ sở xuất sắc” của thành phố Hà Nội. **[H25.25.02.02]**.

Trường Đại học GTVT hàng năm đều thu hút số thí sinh đăng ký khá cao so với các trường cùng khối kỹ thuật.

Về CTĐT nhà trường đã triển khai tự đánh giá 07 CTĐT **[H25.25.02.03]**. Trong những năm qua, Nhà trường đã mở mới các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng tổng số ngành đào tạo từ 19 lên 22 ngành **[H25.25.02.04]**. và đang tiếp tục triển khai mở mới thêm 3 ngành đào tạo nữa. Bên cạnh đó, Trường cũng chú trọng vào việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Các hoạt động phục vụ công đồng của Nhà trường rất được quan tâm, công Đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức rất nhiều các hoạt động như quyên góp ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, tham gia chương trình tình nguyện mùa hè và mùa đông. Hàng năm Đoàn thanh niên nhà trường tham gia vào chiến dịch "Mùa hè xanh", đến các địa phương nghèo để xây dựng đường xá, cầu qua kênh rạch, nhà công trình, sân chơi cho trẻ em. Chiến dịch tình nguyện mùa xuân đưa SV đến những vùng địa phương khó khăn hỗ trợ người dân xây dựng nhà tình thương, sân chơi cho trẻ em, tặng quà cho người nghèo. Trường Đại học GTVT cũng thành lập một đội hiến máu tình nguyện của khoảng 40-50 SV hiến máu trong trường hợp khẩn cấp. SV trong nhóm sẽ được xét nghiệm máu trước và khi cần thiết, học sinh sẽ đi hiến máu tại các bệnh viện. **[25.25.02.05]**.

Những hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã được xã hội và các đơn vị cấp trên ghi nhận đánh giá rất cao cụ thể như sau: Hội sinh viên Nhà trường nhiều năm được tặng bằng khen và Cơ thi đua trong công tác Hội và phong trào SV thành phố Hà Nội của Ban chấp hành trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Đoàn thanh niên cũng nhận được nhiều bằng khen của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh về chương trình tiếp sức mùa thi, chiến dịch mùa hè thanh niên tình nguyện trong nhiều năm liền Ngoài ra còn nhận được bằng khen của Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam trong công tác hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu tình nguyện **[25.25.02.06]**.

Đối với hoạt động KHCN Nhà trường có cơ chế khuyến khích các nhà khoa học tạo ra các sản phẩm khoa học mới, có ý nghĩa khoa học và có đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội ở các địa phương bằng việc khen thưởng các nhà khoa học có bằng phát minh, sáng chế, có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín nằm trong danh mục ISI. Nhiều CB khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp khoa học mới có tầm quốc tế **[H25.25.02.07]**. Nhà trường có chính sách khen thưởng, động viên với các

giảng viên công bố các sản phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế vào dịp tổng kết hoạt động công tác năm của Nhà trường; hình thức khen tuyên dương có thành tích cao trong NCKH **[MC- 25.25.02.08]**. Kinh phí chi Thưởng cho các cá nhân có bài báo quốc tế tăng đáng kể.

Bảng 25.2.1. Chi thưởng bài báo quốc tế từng năm

Đơn vị: nghìn đồng

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Chi thưởng	146.680	502.231	582.895	710.698	1.137.185

Những đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và thực tiễn của các đề tài, nhiệm vụ khoa học còn được thể hiện ở các nhận xét trong các biên bản nghiệm thu đề tài các cấp Nhà nước, bộ, cấp cơ sở. 100% các đề tài đã thực hiện khi nghiệm thu đều được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn.

ĐT NCKH sinh viên cũng được nhà trường chú trọng, nhiều đề tài NCKH SV có ý nghĩa và ứng dụng thực tế cao, đạt giải cao cấp Bộ và cấp quốc gia. **[MC25.25.02.09]** Có sự hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên ngoài chính sách cộng điểm cho sinh viên, có phần thưởng dành cho sinh viên đạt các giải thưởng.

Trường luôn Có chính sách thu hút cán bộ trẻ có trình độ tiến sĩ về làm việc tại trường và tận dụng tài năng của các nhà khoa học uy tín sau tuổi nghỉ hưu dưới hình thức ký hợp đồng làm việc **[MC.25.25.02.10]**

Có chính sách phục vụ đào tạo theo nhu cầu của người học như hoạt động trao đổi sinh viên của Trường với các Trường Đại học trên thế giới. **[MC.25.25.02.11]**. Có chính sách tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh THPT khi tiếp cận lựa chọn ngành đào tạo ở trình độ đại học **[MC.25.25.02.12]**. Đặc biệt, Nhà trường hàng năm tổ chức các cuộc họp “Đối thoại sinh viên” lắng nghe những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học phản hồi để kịp thời điều chỉnh **[MC.25.25.02.13]**;

Về hiệu quả hoạt động thị trường của Trường trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ được đo lường dựa trên các chỉ số:

Nguồn nhân lực do Nhà trường đào tạo cung cấp cho thị trường lao động.

Sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Các chỉ số này được theo dõi hàng năm để đánh giá xu thế về hiệu quả hoạt động thị trường của Nhà trường, đồng thời cũng được đối sánh với một số trường đại học khác để giúp định vị sự đóng góp của Nhà trường cho xã hội.

Kết quả đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường trong giai đoạn 2016-2020 được tổng hợp trong biểu dưới đây.

**Bảng 25.2.2. Kết quả đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường
trong năm 2016 - 2020**

Năm	Số sinh viên nhập học	Quy mô sinh viên hệ chính quy	Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp
2016	3.574	20.768	
2017	3.265	20.138	
2018	3.512	19.377	
2019	4.208	16.544	92%
2020	4.799	17.144	82%

Kết quả phản hồi cho thấy các nhà tuyển dụng hài lòng với sản phẩm đào tạo của Nhà trường [MC.25.25.02.14] .

Là một trường đại học chuyên ngành trong lĩnh vực GTVT, với những nỗ lực không ngừng trong đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục, Trường Đại học GTVT đã có nhiều đóng góp cho thị trường lao động thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao lĩnh vực giao thông vận tải đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên cùng Hội sinh viên Nhà trường tổ chức cho sinh viên toàn trường tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như tham gia xây dựng các công trình Thanh niên, các điểm trường, Mùa hè xanh tình nguyện tại các tỉnh vùng sâu vùng xa... nhằm nâng cao trách nhiệm và ý thức của Thế hệ Đoàn viên, sinh viên Nhà trường đối với cộng đồng [MC.25.25.02.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã trích lập các quỹ phục vụ cho các hoạt động đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng ngày càng tăng.

Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng đã được thiết lập và theo dõi thường xuyên, có các biện pháp để cải thiện các chỉ số này.

2. Tóm tắt các tồn tại

Trường hiện nay chưa sử dụng kết quả từ báo cáo tài chính của trường để thiết lập, giám sát và làm chuẩn để cải thiện các hoạt động chung và thiếu một thể thống các chỉ số đánh giá hoàn chỉnh về hiệu quả công tác giáo dục, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các chỉ số thị trường về giáo dục chưa được thiết lập.

3. Kế hoạch Cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Trường hiện nay chưa sử dụng kết quả từ báo cáo tài chính của trường	Các đơn vị	Thường xuyên cập nhật	
	Khắc phục tồn tại 2	Các chỉ số thị trường về giáo dục chưa được thiết lập	Các đơn vị	2021	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường đã trích lập các quỹ phục vụ cho các hoạt động đầu tư CSVN, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng ngày càng tăng	Phòng TCKT	Thường xuyên cập nhật	
	Phát huy điểm mạnh 2	Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng đã được thiết lập và theo dõi thường xuyên, có các biện pháp để cải thiện các chỉ số này	Phòng NCKH	2021	

Đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	2/2
Tiêu chí 25.1	6/7
Tiêu chí 25.2	6/7

DANH MỤC MINH CHỨNG

1. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn sứ mạng và văn hóa

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Tiêu chuẩn 1			
	Tiêu chí 1.1			
[H1.01.01.01]	Chiến lược phát triển trường ĐHGTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030	Quyết định số 1999/QĐ-ĐHGTVT ngày 4/12/2008	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.02]	Quyết định thành lập Trường ĐHGTVT	số 42-CP ngày 24/3/1962		
[H1.01.01.03]	Báo cáo tổng kết năm học	Từ 2015-2016 Đến 2019-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.04]	Báo cáo tổng kết giai đoạn 2013-2018	Báo cáo số 205/BC-ĐHGTVT Ngày 8/5/2018	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.05]	Xin ý kiến góp ý của các đơn vị về báo cáo tổng kết	Từ 2015-2016 Đến 2019-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.06]	Kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2016	2016	Đoàn đánh giá ngoài	
[H1.01.01.07]	Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017	Bộ GD&ĐT	
[H1.01.01.08]	Quyết định thành lập ban rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030	Quyết định số 2011/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/10/2017	Trường ĐH GTVT	

[H1.01.01.09]	Tờ trình báo cáo về hoàn thiện chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT	Tờ trình ngày 25/9/2020	Phòng HTQT&NCPT	
[H1.01.01.10]	Quyển chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.11]	Các nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế xã hội, dân số, giáo dục	1) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Đại hội XI và Đại hội XII của Đảng; 2) Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo; 3) Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; 4) Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về công tác dân số trong	Đảng	

		tình hình mới”;		
[H1.01.01.12]	Các chiến lược ngành Giao thông vận tải, khoa học công nghệ	1) Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; 2) Quyết định số 2490/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ ngành GTVT giai đoạn 2014-2020 và định hướng đến năm 2030; 3) Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 – 2020;	Chính phủ Bộ GTVT	
[H1.01.01.13]	Kế hoạch xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi	2017	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.14]	Biên bản họp rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển trường ĐHGTVT giai đoạn	2017 -2020	Trường ĐH GTVT	

	2018/2021-2025, tầm nhìn 2030			
[H1.01.01.15]	Lấy ý kiến góp ý về dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường của các bên liên quan	Công văn số 236 ngày 18/5/2018 Thông báo số 339 ngày 17/5/2018 Bản tổng hợp ý kiến	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.16]	Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13	Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội	
[H1.01.01.17]	Hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học sửa đổi (Luật số 34)	Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc		
[H1.01.01.18]	Công văn thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD	Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019	Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo	
[H1.01.01.19]	Rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng tiếp cận CDIO	Thông báo số 30/TB-ĐHGTVT ngày 10/1/2020 Kế hoạch số 169/KH-ĐHGTVT ngày 06/3/2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.20]	Cơ chế khuyến khích GV đăng bài báo quốc tế	Quyết định số 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 9/11/2017	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.21]	Tổ chức xét chọn đề tài KHCN cấp trường trọng điểm	Thông báo số 908/TB-ĐHGTVT ngày 5/12/2018	Trường ĐH GTVT	

	từ năm 2019			
[H1.01.01.22]	Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học	Quyết định số 2056/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/10/2018	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.23]	Thành lập nhiều TT hợp tác quốc tế	Quyết định số 1231/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/6/2017 Quyết định số 513/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/3/2018 Quyết định số 514/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/3/2018 Quyết định số 892/QĐ-ĐHGTVT ngày 3/5/20219	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.01.24]	Kết quả khảo sát cán bộ, viên chức hằng năm	2018-2019 2019-2020	Trường ĐH GTVT	
	Tiêu chí 1.2			
[H1.01.02.01]	Kế hoạch phổ biến, truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi	2018	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.02]	Hình ảnh Tuyên bố về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trên website của Trường	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.03]	Quyển giới thiệu Trường ĐHGTVT	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.04]	Ấn phẩm giới thiệu về Trường ĐHGTVT	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.05]	Tờ rơi quảng bá	2020	Trường ĐH	

	thông tin tuyển sinh của Trường ĐHGTVT		GTVT	
[H1.01.02.06]	Sổ tay sinh viên	2019,2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.07]	Bài viết về nghiên cứu của Trường ĐHGTVT trong việc chế tạo phụ gia cho các trạm trộn bê tông nhựa nóng tại VN	2016	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.08]	Bài viết về hội thảo nghiên cứu công nghệ sửa chữa mặt cầu Thăng Long của Trường ĐHGTVT	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.09]	Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Trường ĐHGTVT lần thứ XXX, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 555 – BC/ĐU ngày 12/6/2020	Đảng uỷ Trường ĐHGTVT	
[H1.01.02.10]	Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo hàng năm	Kế hoạch số 547/KH- ĐHGTVT ngày 22/10/2019	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.11]	Báo cáo tình hình chi kinh phí tại Hội nghị cán bộ công chức	2018-2019 2019-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.12]	CSVC hiện đại của trường: phòng học, phòng làm việc, thư viện	2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.13]	Báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn thanh niên, HSV	2016-2020	Trường ĐH GTVT	

[H1.01.02.14]	Một số quyết định trao học bổng cho sinh viên	2018-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.15]	Cơ hội việc làm cho sinh viên của Trường ĐHGTVT	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.16]	Quyết định sinh viên lưu học sinh Lào, Campuchia hằng năm	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.17]	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018	2018	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.18]	Thành lập Trung tâm Đào tạo trực tuyến và phát triển học trực tuyến	Quyết định số 1458/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/07/2019 Thông báo số 154/TB-ĐHGTVT ngày 03/03/2020	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.19]	Xây dựng nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh	Báo cáo cuộc họp	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.20]	Thông báo mở lớp văn bằng 2 cho cán bộ của trường	TB số 271/TB-ĐHGTVT ngày 30/3/2021	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.02.21]	Khai trương Nhà trường điện tử	2021	Báo mới	
	Tiêu chí 1.3			
[H1.01.03.01]	Hình ảnh băng/ biểu ngữ trong khuôn viên trường về sứ mạng của Trường		Trường ĐH GTVT	
[H1.01.03.02]	Báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách nhiệm vụ Hiệu trưởng, giai đoạn 2018-2020 và	2020	Trường ĐH GTVT	

	chương trình công tác nhiệm kỳ 2020-2025			
	Tiêu chí 1.4			
[H1.01.04.01]	Thành lập phòng Nghiên cứu phát triển	QĐ số 968/QĐ-DHGTVT ngày 29/5/2017	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.04.02]	Đào tạo cán bộ, chuyên viên am hiểu về việc xây dựng chiến lược	Chứng nhận tham gia Thư xác nhận tham gia Hội thảo	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.04.03]	Tổ chức tọa đàm về kinh nghiệm xây dựng chiến lược tại trường ĐH GTVT	Tờ trình Hình ảnh bài viết về sự kiện trên website	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.04.04]	Đảng uỷ thông qua chiến lược	Số 42-TB/ĐU ngày 2/3/2021	Đảng uỷ Trường ĐH GTVT	
	Tiêu chí 1.5			
[H1.01.05.01]	Trường ĐHGTVT đăng ký tham gia kiểm định AUN	Email xác nhận 2021	Trường ĐH GTVT	
[H1.01.05.02]	Trường ĐHGTVT thành lập ban chỉ đạo, tiểu ban thực hiện việc tham gia bảng xếp hạng QS by Subject	QĐ số 227/QĐ-DHGTVT ngày 21/1/2021 QĐ số 228/QĐ-DHGTVT ngày 21/1/2021	Trường ĐH GTVT	

2. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H2.2.1.1	Các quyết định thành lập HĐT	2467/QĐ-BGDĐT ngày 20/07/2019 1605/QĐ-BGDĐT ngày 07/06/2019 3205/QĐ-BGDĐT ngày	Bộ GD&ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		26/10/2020		
H2.2.1.2	Quy chế làm việc của Hội đồng trường	12/QĐ-HĐT ngày 06/04/2018	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.3	Các chương trình công tác của HĐT	01/KH-HĐT ngày 30/08/2019	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.4	Các nghị quyết của HĐT về các vấn đề lớn của nhà trường (tổ chức, tài chính, chuyên môn...)	02/NQ-HĐT ngày 30/08/2019 03/NQ-HĐT ngày 22/11/2019 16/NQ-HĐT ngày 24/04/2019	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.5	Các quyết định công nhận BCH Đảng bộ Trường	4088/QĐ/ĐUK ngày 08/05/2015 4042-QĐ/ĐUK ngày 02/07/2020	ĐU Khối, các Trường CĐ, ĐH Hà Nội	
H2.2.1.6	Quy chế làm việc của Đảng ủy	36/QĐ-ĐU29 ngày 08/01/2016 19-QĐ/ĐU ngày 23/09/2020	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.7	Chương trình công tác toàn khóa của Đảng ủy	Chương trình làm việc của BCH Đảng bộ Trường khóa 29 nhiệm kỳ 2015 – 2020 ngày 08/04/2016	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.8	Các quyết định công nhận BCH Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên	26/QĐ-CDN ngày 15/01/2018 41QĐ/SVHN ngày 01/07/2015 264-QĐ/SVHN ngày 18/06/2018 55-QĐ/SVHN ngày 13/11/2020 19/-QĐ/SVHN ngày 16/07/2019 1317-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 03/02/2020 2054-QĐ/TĐTN-BTC ngày 19/01/2015 4463-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 28/08/2017	Công đoàn Giáo dục Việt Nam Hội sinh viên Thành phố Hà Nội Ban Chấp hành Đoàn thành phố Hà Nội	
H2.2.1.10	Các chương trình, kế hoạch công tác của Công đoàn, Đoàn	Chương trình công tác Công Đoàn năm học 2016-2017	Công đoàn Giáo dục Việt	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	TNCSHCM, Hội sinh viên	Chương trình công tác Công Đoàn năm học 2019-2020 26/QĐ-CD27 ngày 19/07/2018 342/QĐ-QĐ-CD26 ngày 28/07/2017 01-CT/HSV ngày 30/08/2018 Chương trình công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2016-2017 Chương trình công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2017-2018	Nam Hội sinh viên Thành phố Hà Nội Ban Chấp hành Đoàn thành phố Hà Nội	
H2.2.1.11	Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo	35/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/01/2014 797/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/04/2019	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.12	Các quyết định kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo	2585/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/12/2016 1205/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/06/2018	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.13	Các nghị quyết của ĐU về việc ban hành các văn bản thể chế (Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở...)		Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.14	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường và các quy chế khác	1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018 2255/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/10/2016 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.15	Nghị quyết của HĐT và Nghị quyết của ĐU về kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Trường	03/NQ-HĐT ngày 22/11/2019 16/NQ-HĐT ngày 24/04/2019 (thiếu NQ của ĐU)	Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.16	Nghị quyết của HĐT và Nghị quyết của ĐU về việc rà soát nhu cầu		Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	kéo dài thời gian công tác của các giảng viên đến tuổi và quá tuổi nghỉ hưu			
H2.2.1.17	Nghị quyết của HĐT và Nghị quyết của ĐU về việc hỗ trợ các công bố quốc tế, lập Quỹ KHCN và quy định thu từ hoạt động KHCN theo bậc thang		Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.18	Nghị quyết của HĐT về việc mở các ngành mới theo nhu cầu xã hội		Trường ĐH GTVT	
H2.2.1.19	Các QĐ thành lập HĐT nhiệm kỳ 2020 - 2025 và HSV nhiệm kỳ 2020-2023	3205/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/10/2020 41QĐ/SVHN ngày 01/07/2015 264-QĐ/SVHN ngày 18/06/2018 55-QĐ/SVHN ngày 13/11/2020 19/-QĐ/SVHN ngày 16/07/2019	Bộ GD&ĐT Hội Sinh viên TP Hà Nội	
H2.2.2.1	Các biên bản họp HĐT theo định kỳ và đột xuất về việc ban hành các chủ trương lớn của nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H2.2.2.2	Các biên bản họp ĐU theo định kỳ và đột xuất về việc ban hành các chủ trương lớn của nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H2.2.2.3	Các kế hoạch công tác tháng, quý, năm của ĐU		Trường ĐH GTVT	
H2.2.2.4	Các đề án của ĐU		Trường ĐH GTVT	
H2.2.2.5	Các chương trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn công tác của Công đoàn, Đoàn		Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thanh niên CSHCM, Hội sinh viên,... về công tác chuyên môn			
H2.2.2.6	Các biên bản họp Hội đồng KH và ĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng lương, Hội đồng đánh giá giảng viên,...	Các QĐ từ năm 2016- 2020		
H2.2.2.7	Các nghị quyết của ĐU, HĐT về chiến lược phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn và các chủ trương chính sách lớn			
H2.2.2.8	<i>Các nghị quyết của ĐU, HĐT triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW</i>			
H2.2.3.1	Các quyết định công nhận HĐT và bổ sung thay thế thành viên của HĐT	2467/QĐ-BGDĐT ngày 20/07/2019 1605/QĐ-BGDĐT ngày 07/06/2019 3205/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2020	Bộ GD&ĐT	
H2.2.3.2	Các báo cáo giám sát của HĐT			
H2.2.3.3	Các quyết định phân công nhiệm vụ các ĐUV và thành lập các ban giúp việc	204-TB/ĐU29 ngày 28/09/2017		
H2.2.3.4	Các quyết định bổ sung, thay thế ĐUV, phân công lại nhiệm vụ các ĐUV và kiện toàn các ban giúp việc	1895/QĐ-ĐUK ngày 23/08/2017	Đảng ủy Khối các Trường Đại học	
H2.2.3.5	Các báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá và phân loại chi bộ, đảng bộ và đảng viên hàng năm	140/QĐ-ĐU29 ngày 25/01/2017 362/QĐ-ĐU29 ngày 18/12/2018 443/QĐ-ĐU29 ngày 18/12/2019 313/QĐ-DU29 ngày 10/05/2018	Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.6	Các quy chế làm việc	04/QĐ-CD27 ngày	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	của Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên	15/01/2018 01/QĐ-BCH ngày 31/10/2020	ĐH GTVT	
H2.2.3.7	Các quyết định bổ sung, thay thế các ủy viên BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên, phân công lại nhiệm vụ các ủy viên BCH và kiện toàn các		Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.8	Các chương trình, kế hoạch công tác của Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên		Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.9	Các quyết định khen thưởng của ĐU, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên	159/QĐ-ĐU29 ngày 25/04/2017 314/QĐ-ĐU29 ngày 10/05/2018 370/QĐ-ĐU29 ngày 14/01/2019 444/QĐ-ĐU29 ngày 18/12/2019	Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.10	Các quyết định kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng	1118/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/06/2017 2164/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/10/2019 1485/QĐ-ĐHGTVT ngày 31/10/2018 2585/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/12/2016 1205/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/06/2018	Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.11	Các kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo tại các điểm liên kết đào tạo vừa làm vừa học, kiểm tra hoạt động của các đơn vị KHCN		Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.12	Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Trường		Trường ĐH GTVT	
H2.2.3.13	Các phiên bản của Quy		Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Quy chế chi tiêu nội bộ, ...		ĐH GTVT	
H2.2.3.14	Các quyết định thành lập và rà soát, kiện toàn hội đồng khoa, viện	Các QĐ từ 2016- 2019	Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.1	Quyết định phê duyệt Danh sách thành viên Hội đồng trường		Bộ GD&ĐT	
H2.2.4.2	Quyết định thành lập các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy khóa 29 và khóa 30		Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.3	Quyết định kiện toàn nhân sự các ban tham mưu, giúp việc Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội sinh viên		Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.4	Quyết định kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng		Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.5	Quy chế làm việc của Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên		Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.6	Minh chứng tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, các đợt tham quan thực tế, học tập kinh nghiệm của Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên			
H2.2.4.7	Mô hình quản trị nhà trường điện tử: một số	https://www.utc.edu.vn/ https://vanphongdientu.utc.	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý và đào tạo của trường	edu.vn/#UTC https://qltd.utc.edu.vn https://www.isu.utc.edu.vn	GTVT	
H2.2.4.8	Đề án Kien toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường	473/CV-TCCB ngày 11/08/2020 Dự thảo đề án vị trí việc làm	Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.9	QĐ thành lập phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP. Hồ Chí Minh	2419/QĐ-BGDĐT ngày 15/07/2016	Bộ GD&ĐT	
H2.2.4.10	Các quyết định phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị KHCN2		Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.11	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm (Quỹ KHCN và Quỹ ổn định thu nhập)	2616/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/12/2015 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H2.2.4.12	Các biên bản và báo cáo kiểm tra chuyên đề tại đơn vị			

3. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1				
H3.03.01.01	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt - Trung thuộc Trường ĐH GTVT	Số 892/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Phòng Phát triển dự án của Trường ĐH GTVT	Số 1215/ QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Thành lập Văn phòng khoa thuộc khoa Đào tạo quốc tế	Số 1475/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.02	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	tháng 09 năm 2020	GTVT	
	Luật Giáo Dục	Năm 2019	Quốc Hội	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “ Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” của Trường Đại học GTVT	Số 1319/QĐ – ĐHGTVT ngày 26 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “ Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” của Trường Đại học GTVT	Số 426/BC – ĐHGTVT ngày 25 tháng 08 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc triển khai rà	Số 602/TB –	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	soát các kênh truyền thông liên quan đến Trường Đại học GTVT	ĐHGTVT ngày 25 tháng 09 năm 2017	ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Số 717/TB – ĐHGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 339/TB – ĐHGTVT ngày 17 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 193/TB – ĐHGTVT ngày 04 tháng 03 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức Hội thảo về xây dựng Kế hoạch hành động chi tiết thực hiện chiến lược KH và CN của Trường Đại học GTVT	Số 1269/QĐ – ĐHGTVT ngày 13 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát,	Năm 2018	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030		GTVT	
H3.03.01.03	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT	Số 1087/QĐ - ĐH GTVT ngày 01 tháng 06 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT	Số 01/QĐ - ĐH GTVT ngày 03 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường ĐH GTVT	Số 12/QĐ - ĐH GTVT ngày 06 tháng 04 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/QĐ - ĐH GTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Giao thông vận tải khóa XXIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020	Số 36/QĐ – ĐU29 ngày 08 tháng 01 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải, nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 2402/QĐ – ĐHGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1396/QĐ – ĐHGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2011	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc ban hành Quy định về chế độ công tác và	Số 2265/QĐ – ĐHGTVT ngày 23	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H3.03.01.04	phân công trách nhiệm của Ban giám hiệu Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2018-2023	tháng 11 năm 2018	GTVT	
	Thông báo về việc phân công và ủy quyền điều hành Nhà trường trong thời gian Hiệu trưởng đi công tác nước ngoài	Số 357/QĐ – ĐHGTVT ngày 22 tháng 05 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc Tổ chức Lễ công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, nhiệm kỳ 2018-2023	Số 360/TB – ĐHGTVT ngày 23 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc phân công và ủy quyền điều hành Nhà trường trong thời gian Hiệu trưởng đi công tác nước ngoài	Số 407/TB – HCTH ngày 04 tháng 06 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2020 - 2025	Số 17/NQ – HĐT ngày 09 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2020 - 2025	Số 18/NQ – HĐT ngày 09 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT đến thời điểm hết tuổi làm công tác quản lý theo quy định của Nhà nước	Số 19/NQ – HĐT ngày 09 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2018-2023	Số 517/TB – ĐHGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc Tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập Hội đồng trường và Quyết định	Số 496/TB – ĐHGTVT ngày 13 tháng 6 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H3.03.01.05	bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2018-2023			
	Quyết định về việc bổ nhiệm Thư ký Hội đồng trường Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2018-2023	Số 1846/QĐ – ĐHGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Danh sách các đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng bộ Trường Đại học GTVT lần thứ XXX, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 553/TB – ĐHGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập tổ phục vụ Đại hội Đảng bộ Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 790/QĐ – ĐHGTVT ngày 17 tháng 6 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch và thực hiện về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 400/QĐ – ĐHGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy phiếu giới thiệu thành viên đại diện giảng viên, viên chức, người lao động tham gia Hội đồng trường Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 612/QĐ – ĐHGTVT ngày 11 tháng 8 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Đề án thành lập hội đồng trường, nhiệm kỳ 2020-2025	Ngày 12 tháng 8 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc Tổ chức Hội nghị đại biểu bầu thành viên Hội đồng trường Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 618/TB – ĐHGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định thành lập Tổ công tác, Tổ phục vụ giúp việc cho	Số 1267/QĐ – ĐHGTVT ngày 13	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu thực hiện Kế hoạch bầu các thành viên Hội đồng trường, Trường Đại học GTVT, nhiệm kỳ 2020-2025	tháng 8 năm 2020	GTVT	
H3.03.01.06	Thông báo kế hoạch bổ nhiệm lại Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025	Số 836/TB – ĐHGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 02/NQ – HĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về việc bầu Thư ký Hội đồng trường Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 03/NQ – HĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết về nhiệm kỳ của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 04/NQ – HĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2013-2018	Số 701/TB – ĐH GTVT ngày 21 tháng 09 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn giữ chức vụ Hiệu trưởng; danh sách sản bộ chủ chốt mở rộng lấy thư giới thiệu Hiệu trưởng; danh sách cán bộ chủ chốt lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm Hiệu trưởng tiếp tục nhiệm kỳ 2013-2018	Số 733/TB – ĐH GTVT ngày 30 tháng 09 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc giới thiệu chức danh và chữ ký	Số 801/TB – ĐH GTVT ngày 01 tháng	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		11 năm 2016	GTVT	
	Thông báo về việc tổ chức Lễ công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng tiếp tục nhiệm kỳ 2013-2018	Số 818/TB – ĐH GTVT ngày 02 tháng 11 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Danh sách cán bộ chủ chốt lấy ý kiến bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2018-2023	Số 517/TB – ĐH GTVT ngày 31 tháng 07 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả thực hiện Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên Ban giám hiệu Trường ĐH GTVT	Số 50/BC – ĐH GTVT ngày 28 tháng 01 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018-2023	Số 250/TB – ĐH GTVT ngày 22 tháng 3 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định thành lập Tổ công tác, Tổ phục vụ giúp việc cho Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu thực hiện Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, xây dựng quy hoạch chức danh chủ tịch Hội đồng trường, Tổ chức bầu các thành viên Hội đồng Trường	Số 648/QĐ – ĐH GTVT ngày 27 tháng 3 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Đại học GTVT nhiệm kỳ 2018-2023; Vụ trưởng, phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị thuộc Bộ giáo dục và	Số 192/TT – ĐH GTVT ngày 24 tháng 4 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	đào tạo giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026			
H3.03.01.07	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 09/2017	Số 199/TB – ĐU29 ngày 07 tháng 9 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 09/2017	Số 211/TB – ĐU29 ngày 29 tháng 9 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 10/2017	Số 214/TB – ĐU29 ngày 4 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 10/2017	Số 276/TB – ĐU29 ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 11/2017	Số 280/TB – ĐU29 ngày 10 tháng 11 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 12/2017	Số 283/TB – ĐU29 ngày 06 tháng 12 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 12/2017	Số 285/TB – ĐU29 ngày 25 tháng 12 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 1/2018	Số 290/TB – ĐU29 ngày 8 tháng 01 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 3/2018	Số 299/TB – ĐU29 ngày 12 tháng 03 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 4/2018	Số 310/TB – ĐU29 ngày 03 tháng 04 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng	Số 321/TB – ĐU29 ngày 04 tháng 06	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	6/2018	năm 2018	GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 6/2018	Số 321/TB – ĐU29 ngày 04 tháng 06 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 8/2018	Số 330/TB – ĐU29 ngày 03 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 10/2018	Số 347/TB – ĐU29 ngày 09 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận cuộc họp BCH Đảng bộ Trường tháng 1/2019	Số 371/TB – ĐU29 ngày 08 tháng 01 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy trường trong năm 2018	Số 359/BC – ĐU29 ngày 17 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc khen thưởng cho cán bộ quản lý	Số 308/QĐ – ĐHGTVT ngày 31 tháng 01 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của Hiệu trưởng tại Hội nghị Giao ban đào tạo học kỳ I năm 2017-2018	Số 103/TB – ĐHGTVT ngày 31 tháng 04 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của Hiệu trưởng về việc giải quyết các chế độ chính sách	Số 489/TB – ĐHGTVT ngày 10 tháng 06 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết phiên họp hội nghị thứ hai của Hội đồng trường	Số 02/NQ – HĐT ngày 30 tháng 08 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết phiên họp hội nghị thứ ba của Hội đồng trường	Số 03/NQ – HĐT ngày 22 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết phiên họp hội nghị thứ tư của Hội đồng trường	Số 04/NQ – HĐT ngày 11 tháng 08	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H3.03.01.08		năm 2020	GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2711/QĐ – ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2718/QĐ – ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2728/QĐ – ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2729/QĐ – ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2736/QĐ – ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm Bổ nhiệm lại Phó trưởng các phòng, ban, xưởng, trạm, trung tâm trực thuộc Trường nhiệm kỳ 2018-2023	Số 36/KH – ĐHGTVT ngày 15 tháng 01 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 699/QĐ – ĐHGTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 705/QĐ – ĐHGTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 711/QĐ – ĐHGTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 745/QĐ – ĐHGTVT ngày 05 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại	Số 919/QĐ –	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	cán bộ	ĐHGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019	ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 425/QĐ – ĐHGTVT ngày 25 tháng 03 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch công tác của Hội đồng trường, năm học 2019-2020	Số 01/KH – HĐT ngày 30 tháng 08 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của Ban giám hiệu về cuộc họp nhà công vụ ngày 25/10/2019	Số 986/KH – HĐT ngày 25 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.09	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/QĐ – ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.10	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	đến năm 2030			
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “ Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” của Trường Đại học GTVT	Số 1319/QĐ – ĐHGTVT ngày 26 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “ Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” của Trường Đại học GTVT	Số 426/BC – ĐHGTVT ngày 25 tháng 08 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc triển khai rà soát các kênh truyền thông liên quan đến Trường Đại học GTVT	Số 602/TB – ĐHGTVT ngày 25 tháng 09 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Số 717/TB – ĐHGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 339/TB – ĐHGTVT ngày 17 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 193/TB – ĐHGTVT ngày 04 tháng 03 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức Hội thảo về xây	Số 1269/QĐ – ĐHGTVT ngày 13	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	dựng Kế hoạch hành động chi tiết thực hiện chiến lược KH và CN của Trường Đại học GTVT	tháng 08 năm 2020	GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.11	Thông báo xây dựng kế hoạch năm học 2017-2018	Số 218/TB – ĐHGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo tổng kết công tác năm học 2016-2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018	Năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc rà soát giáo trình giảng dạy đại học	Số 677/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2012	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc rà soát đổi chiều và góp ý kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019	Số 308/TB – ĐHGTVT ngày 08 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kế hoạch Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm	Số 482/TB – ĐHGTVT ngày 11	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H3.03.01.11	học 2018	tháng 07 năm 2018	GTVT	
	Thông báo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 6+7 năm học 2018 và giao nhiệm vụ công tác tháng 8 năm học 2018	Số 525/TB – ĐHGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo thực hiện công tác lấy ý kiến CB,GV,NV trường ĐH GTVT tại Hà Nội về các mặt hoạt động của Nhà trường	Số 817/TB – ĐHGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đào tạo năm học 2017-2018	Số 1262/QĐ – ĐHGTVT ngày 21 tháng 06 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kế hoạch Tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2019	Số 262/TB – ĐHGTVT ngày 28 tháng 03 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và cấp bộ GD&ĐT thực hiện từ năm 2020	Số 310/TB – ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc rà soát đối chiếu và góp ý kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020	Số 383/TB – ĐHGTVT ngày 07 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Tổng kết năm học 2018-2019 và xây dựng kế hoạch năm 2019-2020	Số 263/ ĐHGTVT-HCTH ngày 23 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học	Số 258/ ĐHGTVT-CTCT SV ngày 22 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Tổng kết năm học 2018-2019 và xây dựng kế hoạch năm 2019-2020	Số 263/ ĐHGTVT-HCTH ngày 23 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.11	Tổng kết về việc đăng tải kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020 trên Văn phòng điện tử	Số 462/ TB-ĐHGTVT ngày 04 tháng 06 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT	Số 574/ TB-ĐHGTVT ngày 12 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo xây dựng kế hoạch công tác năm học 2019-2020	Số 613/ TB-ĐHGTVT ngày 31 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo thực hiện công tác lấy ý kiến CB, GV, CNV trường ĐH GTVT tại Hà Nội về các hoạt động của Nhà trường	Số 633/ TB-ĐHGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Xin ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 và Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2019-2020	Số 443/ ĐHGTVT ngày 23 tháng 08 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Kế hoạch Tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2020	Số 922/ TB-ĐHGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Triển khai rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký học đợt học chính khóa (đợt học 1) học kỳ I năm học 2019-2020 cho sinh viên đại học chính quy khóa 60	Số 1018/ TB-ĐHGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Triển khai kế hoạch giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp đối với sinh viên, học viên các bậc, hệ đào tạo sau nghỉ phòng tránh dịch COVID-19	Số 313/ TB-ĐHGTVT ngày 29 tháng 04 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Chuẩn bị cho Hội nghị KHCN lần thứ XXII	Số 385/ TB-ĐHGTVT ngày 25	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tháng 05 năm 2020	GTVT	
	Thông báo Xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 từ nguồn kinh phí dự nghiệp BVMT	Số 391/ TB-ĐHGTVT ngày 27 tháng 05 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Tổ chức Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ XXII năm 2020	Số 437/ TB-ĐHGTVT ngày 10 tháng 06 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Rà soát đối chiếu và góp ý kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021	Số 460/ TB-ĐHGTVT ngày 19 tháng 06 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Tổng kết năm học 2019 - 2020 và xây dựng kế hoạch năm học 2020-2021	Số 408/ ĐHGTVT-HCTH ngày 10 tháng 07 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch duyệt đề cương và giao đề tài tốt nghiệp cao học k27.1	Số 653/ ĐHGTVT-HCTH ngày 28 tháng 10 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Thực hiện công tác lấy ý kiến CB,GV,NV trường ĐH GTVT tại Hà Nội về các mặt hoạt động của nhà Trường	Số 850/ TB-ĐHGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.12	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Ảnh chụp trên website công bố chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.01.13	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	2025, tầm nhìn 2030			
Tiêu chí 3.2				
H3.03.02.01	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “ Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” của Trường Đại học GTVT	Số 1319/QĐ – ĐHGTVT ngày 26 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.02	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.03	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.04	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.05	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Số 717/TB – ĐHGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Dự thảo sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 339/TB – ĐHGTVT ngày 17 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường	Số 193/TB – ĐHGTVT ngày 04 tháng 03 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức Hội thảo về xây dựng Kế hoạch hành động chi tiết thực hiện chiến lược KH và CN của Trường Đại học GTVT	Số 1269/QĐ – ĐHGTVT ngày 13 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.06	Ảnh chụp trên website về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.07	Ảnh chụp poster về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.02.08	Sổ tay sinh viên về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Nhà trường	Năm 2017	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 3.3				
H3.03.03.01	Đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017-2018	Số 239/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường	Số 12/QĐ - HDT ngày 06 tháng 04 năm 2018	Hội đồng Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Trường ĐH GTVT		GTVT	
	Thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018-2023 của Trường ĐH GTVT	Số 135/KH-ĐHGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2018-2023	Số 250/TB-ĐHGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập Hội đồng trường và quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2018-2023	Số 496/TB-ĐHGTVT ngày 13 tháng 06 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết phiên họp thứ II Hội đồng Trường	Số 02/NQ - HĐT ngày 30 tháng 08 năm 2019	Hội đồng Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch công tác của Hội đồng Trường	Số 01/KH - HĐT ngày 30 tháng 08 năm 2019	Hội đồng Trường ĐH GTVT	
	Bổ nhiệm TS. Mai Nam Phong giữ chức vụ Thư ký Hội đồng trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2018-2023	Số 1846/QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết phiên họp thứ III Hội đồng Trường	Số 03/NQ - HĐT ngày 22 tháng 11 năm 2019	Hội đồng Trường ĐH GTVT	
	Phê duyệt quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2018-2023	Số 2436/QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2019	Hội đồng Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch và thực hiện việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 của Trường ĐH GTVT	Số 400B/ĐHGTVT-TCCB ngày 06 tháng 07 năm 2020	Hội đồng Trường ĐH GTVT	
	Lấy phiếu giới thiệu thành viên đại diện giảng viên, viên chức, người lao động tham gia Hội đồng Trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 612/TB-ĐHGTVT ngày 11 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Tổ chức hội nghị đại biểu bầu thành viên Hội đồng trường Trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 618/TB-ĐHGTVT ngày 12 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Đề án thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025	Đề án ngày 12 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Tổ công tác, tổ phục vụ giúp việc cho Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban giám hiệu thực hiện Kế hoạch bầu các thành viên Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2020-2025	Số 1267/QĐ-ĐHGTVT ngày 13 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết bầu Thư ký Hội đồng Trường ĐH GTVT nhiệm kỳ 2020-2025	Số 03/NQ-HĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020	Hội đồng Trường ĐH GTVT	
	Ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường ĐH GTVT	Số 12/QĐ - ĐH GTVT ngày 06 tháng 04 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 592/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá	Số 146/ ĐHGTVT-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	phân loại VC và người lao động năm học 2017	TCCB ngày 02 tháng 03 năm 2018	Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017-2018	Số 695/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 09 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2018-2019	Số 931/ ĐHGTVT-TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý Trường ĐH GTVT	Số 231/ ĐHGTVT-TCCB ngày 22 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H3.03.03.02	Thông báo liên tịch: Tổ chức Hội nghị CB-VC các đơn vị tiến tới Hội Nghị đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 45.	Số 413/ TBLT-ĐHGTVT ngày 24 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.03	Hồ sơ bổ nhiệm CC lãnh đạo và VC quản lý		Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.04	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng TNCK đến thời điểm hết tuổi làm công tác quản lý	Số 876/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 877/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			thông vận tải	
	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó trưởng bộ môn Đường bộ đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ 2009-2014	Số 876/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H3.03.03.05	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Số 2011/ QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo Kết luận của Thường trực Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường tại buổi họp xét danh mục đề tài NCKH cấp trường năm 2019	Số 341/ QĐ-ĐHGTVT ngày 17 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm 2018	Số 961/ TB-ĐHGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm 2018	Số 359/ TB-ĐHGTVT ngày 02 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm 2018	Số 335/ TB-ĐHGTVT ngày 07 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm 2020	Số 584/ TB-ĐHGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm 2020	Số 721/ TB-ĐHGTVT ngày 24 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường năm	Số 459/ TB-ĐHGTVT ngày 25	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	2020	tháng 06 năm 2020	GTVT	
H3.03.03.06	Thông báo liên tịch về việc tổ chức Hội nghị Cán bộ- Viên chức các đơn vị tiến tới Hội nghị đại biểu Cán bộ- Viên chức trường lần thứ 43 (2015-2016)	Số 505/ TB-LT ngày 30 tháng 07 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo liên tịch về Tổ chức Hội nghị Cán bộ - Viên chức csc đơn vị tiến tới Hội nghị đại biểu Cán bộ - Viên chức lần thứ 46 (năm học 2018-2019)	Số 401/ TB-LT ngày 31 tháng 05 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo liên tịch về việc tổ chức Hội nghị Cán bộ - Viên chức các đơn vị tiến tới Hội nghị đại biểu Cán Bộ - Viên chức lần thứ 47 (Năm học 2019 - 2020)	Số 438/ TB-LT ngày 27 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về việc Hội nghị Cán bộ - Viên chức Trường lần thứ 47 năm học 2019-2020	Số 786/ TB-LT ngày 16 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo liên tịch về việc tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức các đơn vị tiến tới Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức lần thứ 48 (Năm học 2020-2021)	Số 548/ TB-LT ngày 24 tháng 07 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.07	Thông báo liên tịch: Tổ chức Hội nghị CB-VC các đơn vị tiến tới Hội Nghị đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 45.	Số 413/ TBLT-ĐHGTVT ngày 24 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết Hội nghị Đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 44.	Năm học 2016 - 2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Nghị quyết Hội nghị Đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 45.	Năm học 2017 - 2018	Trường ĐH GTVT	
	Nghị quyết Hội nghị Đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 46.	Năm học 2018 - 2019	Trường ĐH GTVT	
	Tham luận “Xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập” của phòng Tổ chức cán bộ	Năm học 2016 - 2017	Trường ĐH GTVT	
	Tham luận của phòng Tổ chức cán bộ: “Xây dựng Đề án vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản trị của Nhà trường”	Năm học 2017 - 2018	Trường ĐH GTVT	
	Tham luận của phòng Hành chính tổng hợp: “Xây dựng hệ thống quản trị hành chính điện tử”	Năm học 2017 - 2018	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.08	Thông báo liên tịch: Tổ chức Hội nghị CB-VC các đơn vị tiến tới Hội Nghị đại biểu CB-VC Trường Đh GTVT lần thứ 45.	Số 413/ TBLT-ĐHGTVT ngày 24 tháng 07 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.09	Kế hoạch Thanh tra năm học 2017-2018	Số 468/ KH-ĐHGTVT ngày 26 tháng 09 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định phê duyệt Kế hoạch Thanh tra năm học 2017-2018	Số 1824/ QĐ-ĐHGTVT ngày 26 tháng 09 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	BÁO CÁO Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Đảng ủy trường năm 2017	Năm học 2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	BÁO CÁO Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Đảng ủy trường năm 2018	Năm học 2018	Trường ĐH GTVT	
	BÁO CÁO Tổng kết công tác Đảng của Đảng bộ Trường Đại học Giao thông vận tải năm 2016	Năm học 2016	Trường ĐH GTVT	
	BÁO CÁO Tổng kết công tác Đảng của Đảng bộ Trường Đại học Giao thông vận tải năm 2017	Năm học 2017	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.10	Quyết định về việc thành lập Phòng Thanh tra – Pháp chế	Số 1220/ QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị: Phòng Thanh tra – Pháp chế thuộc Trường Đại học GTVT	Số 1270/ QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 07 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Hình ảnh chụp trên website về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị: Phòng Thanh tra – Pháp chế thuộc Trường Đại học GTVT	Năm 2013	Trường ĐH GTVT	
H3.03.03.11	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan về việc cơ cấu tổ chức lãnh đạo và quản lý của nhà trường trong 4 năm	Năm 2017, 2018, 2019, 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H3.03.03.12	Kế hoạch Thanh tra năm học 2017-2018	Số 468/ KH-ĐHGTVT ngày 26 tháng 09 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Luật Giáo Dục	Năm 2019	Quốc Hội	
	Quyết định Ban hành Quy định	Số 1733/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở II và các đơn vị thuộc Cơ sở II - Trường Đại học Giao thông Vận tải	ĐHGTVT ngày 15 tháng 07 năm 2009	ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1270/ QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 07 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 442/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn Kê khai các phụ lục Đề án xác định vị trí việc làm	Số 443/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo đề án vị trí việc làm của trường ĐH GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐH GTVT	Số 301/ CV-TTCB ngày 15 tháng 06 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 3.4				
H3.03.04.01	Thông báo kết luận của buổi họp Ban chỉ đạo với các trung tâm, công ty thuộc trường đang trong giai đoạn chuyển đổi, giải thể	Số 209/ TB-ĐHGTVT ngày 16 tháng 03 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quy chế làm việc của các Khoa trong Trường Đại học GTVT	Năm 2015	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H3.03.04.01	Góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐH GTVT	Số 301/ CV-TTCB ngày 15 tháng 06 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Chuyển địa điểm văn phòng làm việc tạm thời của Phòng ĐTDH	Số 240/ TB-ĐTDH ngày 02 tháng 04 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quy chế làm việc của các Bộ môn trong Trường Đại học GTVT	Năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Chuyển đổi Viện MT&ATGT thành khoa MT&ATGT	Số 2328/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Chuyển đổi Viện KTXD thành khoa KTXD	Số 2329/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định điều động nhân sự	Số 120/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 01 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc chuyển đổi Trung tâm ĐTQT thành Khoa ĐTQT	Số 882/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc sát nhập Ban QLDA vào Phòng TBQT	Số 520/ QĐ-ĐHGTVT ngày 01 tháng 03 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc sát nhập Khoa Đại học Tại chức vào Phòng Đào tạo Đại học	Số 256/ QĐ-ĐHGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.02	Thành lập bộ môn Kinh tế thuộc Khoa Đào tạo quốc tế và điều động viên chức giảng dạy	Số 1474/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Thành lập BM. Kế toán - kiểm toán thuộc K.VTKT của trường ĐH GTVT	Số 122/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 01 năm 2020	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định Thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển của trường ĐH GTVT	Số 1225/ QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Thành lập Phòng Thanh tra - Pháp chế của Trường ĐH GTVT	Số 1220/ QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập bộ môn Kỹ thuật thuộc Khoa Đào tạo quốc tế và điều động viên chức giảng dạy	Số 1473/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.03	Quyết định Thành lập Văn phòng khoa thuộc khoa Đào tạo quốc tế	Số 1475/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Ảnh chụp Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học GTVT trên trang website của ĐH GTVT		Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo	Số 2228/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở II và các đơn vị thuộc Cơ sở II - Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1733/ QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 07 năm 2009	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.04	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt - Trung thuộc Trường ĐH GTVT	Số 892/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Phòng Phát triển dự án của Trường ĐH GTVT	Số 1215/ QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Thành lập Văn phòng khoa thuộc khoa Đào tạo	Số 1475/ QĐ-ĐHGTVT ngày 14	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	quốc tế	tháng 07 năm 2016	GTVT	
H3.03.04.05	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, lao động sản xuất của trường ĐH GTVT	Số 1942/ QĐ-ĐHGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của trường ĐH GTVT	Số 1293/ QĐ-ĐHGTVT ngày 18 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp 6 tháng đầu năm 2020	Số 685/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo	Số 2228/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải	Số 446/ QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 03 năm 2010	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1270/ QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 07 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở II và các đơn vị thuộc Cơ sở II - Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1733/ QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 07 năm 2009	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.06	Quyết định về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt Trung	Số 892/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Giao nhiệm vụ cho các cán bộ tại Khoa Giáo dục quốc phòng	Số 382/ĐHGTVT-TCCB ngày 01 tháng	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		07 năm 2020	GTVT	
	Bổ nhiệm lại Đại tá Đồng Văn Thảo giữ chức vụ Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng nhiệm kỳ 2019-2024	Số 685/QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 05 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Bổ nhiệm lại Thượng tá Vũ Xuân Vịnh giữ chức vụ Phó trưởng khoa Giáo dục quốc phòng nhiệm kỳ 2019-2024	Số 1288/QĐ-ĐHGTVT ngày 17 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc thành lập Trung tâm đào tạo trực tuyến UTC	Số 1458/ QĐ-ĐHGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Cơ sở hạ tầng Đường sắt thuộc K.CT - Trường ĐH GTVT	Số 137/ QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 01 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.07	Quyết định về việc Thành lập Khoa Quản lý xây dựng của Trường ĐH GTVT	Số 1211/ QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 06 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển của trường ĐH GTVT	Số 1225/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Điều động TS. Trịnh Quang Khải TP. Nghiên cứu phát triển sang làm việc và giữ chức vụ Trưởng phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển	Số 1226/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Phòng Phát triển dự án của Trường ĐH GTVT	Số 1215/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Điều động PGS.TS. Đỗ Quốc Cường sang giữ chức vụ Phó trưởng phòng Phát triển dự án	Số 1218/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định về việc Thành lập Khoa Quản lý xây dựng của Trường ĐH GTVT	Số 1518/ QĐ-ĐHGTVT ngày 02 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.08	Xin ý kiến về hồ sơ Đề án thành lập Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 2121/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 05 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 7610/ QĐ-ĐHGTVT ngày 6 tháng 06 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Thành lập Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 2419/ QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cho phép Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tổ chức hoạt động đào tạo	Số 4956/ QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở II và các đơn vị thuộc Cơ sở II - Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1733/ QĐ-ĐH GTVT ngày 15 tháng 07 năm 2009	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.09	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1211/ QĐ-ĐH GTVT ngày 05 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1202/ QĐ-ĐH GTVT ngày 05 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1286/ QĐ-ĐH GTVT ngày 17 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1288/ QĐ-ĐH GTVT ngày 17 tháng	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		08 năm 2020	GTVT	
H3.03.04.10	Quyết định về công tác cán bộ “Thôi giữ chức vụ”	Số 2687/ QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 12 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về công tác cán bộ “Thôi giữ chức vụ”	Số 1395/ QĐ-ĐH GTVT ngày 31 tháng 8 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về công tác cán bộ “Thôi giữ chức vụ”	Số 1873/ QĐ-ĐH GTVT ngày 12 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về công tác cán bộ “Thôi giữ chức vụ”	Số 1872/ QĐ-ĐH GTVT ngày 12 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về công tác cán bộ “Thôi giữ chức vụ”	Số 1874/ QĐ-ĐH GTVT ngày 12 tháng 11 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm Bổ nhiệm lại Phó trưởng các phòng, ban, xưởng, trạm, trung tâm trực thuộc Trường nhiệm kỳ 2018-2023	Số 30/ KH-ĐH GTVT ngày 15 tháng 01 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.10	Quyết định về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị của Trường ĐH GTVT ngày 20/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH GTVT	Số 1542/ QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2711/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại	Số 2718/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	cán bộ	12 năm 2018	GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2728/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2729/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 2736/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 699/ QĐ-ĐH GTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 705/ QĐ-ĐH GTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 711/ QĐ-ĐH GTVT ngày 01 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 1167/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 745/ QĐ-ĐH GTVT ngày 05 tháng 04 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 919/ QĐ-ĐH GTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1165/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1166/ QĐ-ĐH GTVT ngày 27 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ	Số 1798/ QĐ-ĐH GTVT ngày 29 tháng 08 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.11	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học Giao thông Vận tải	Số 1348/ QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Ảnh chụp hội nghị kiện toàn Hội đồng Khoa học Công nghệ Trường Đại học Giao thông Vận tải	Năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H3.03.04.12	Ảnh chụp và clip về hoạt động của cán bộ lãnh đạo trường	Năm 2017, Năm 2018, Năm 2019, Năm 2020	Trường ĐH GTVT	

4. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H4.4.1.1	Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1999/QĐ-ĐH GTVT ngày 04/12/2008	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.2	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	2011/QĐ-ĐH GTVT ngày 23/10/2017	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.3	Quyết định thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển	1225/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/05/2019	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.4	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	1270/QĐ-ĐH GTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.5	Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Hợp tác quốc tế và	- Đề án Thành lập phòng	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	nghiên cứu phát triển	HTQT&NCPT		
H4.4.1.6	Dự thảo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	- 339/TB-ĐH GTVT ngày 17/05/2018 - Dự thảo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.7	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	2016- 2020	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.8	Chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy, chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ	1847/QĐ-ĐH GTVT ngày 19/09/2018 1943/QĐ-ĐH GTVT ngày 28/09/2018 2773/QĐ-ĐH GTVT ngày 26/12/2019 2774/QĐ-ĐH GTVT ngày 26/12/2019 2775/QĐ-ĐH GTVT ngày 26/12/2018 1995/QĐ-BGDĐT ngày 04/06/2014 1096/QĐ-BGDĐT ngày 05/04/2016 3778/QĐ-BGDĐT ngày 19/09/2012 3827/QĐ-BGDĐT ngày 21/09/2012 5637/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2016 4929/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2017	Trường ĐH GTVT Bộ GD&ĐT	
H4.4.1.9	Quy định về quản lý công	964/TB-ĐH GTVT	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	tác nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên nhà trường Một số thành tích của công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên nhà trường	ngày 18/11/2019 217/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/02/2017 1265/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2014 1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	GTVT	
H4.4.1.10	Một số dự án đã thực hiện nhằm tăng cường năng lực hạ tầng CNTT và CSVC phục vụ công tác quản lý và đào tạo Trường ĐH GTVT hướng tới Nhà trường điện tử	2016- 2020	Bộ GD&ĐT Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.11	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	2011/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/10/2017	Trường ĐH GTVT	Dùng chung H4.4.1.2
H4.4.1.12	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	342/BC-ĐHGTVT ngày 29/07/2016 369/BC-ĐHGTVT ngày 25/07/2017 454/BC-ĐHGTVT ngày 08/05/2018 336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019 623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H4.4.1.13	Trường Đại học Giao thông vận tải đạt chuẩn đại học nghiên cứu 4 sao theo bảng xếp hạng đối sánh chất lượng - UPM		Trường ĐH GTVT	
H4.4.2.1	Chiến lược phát triển		Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030		GTVT	
H4.4.2.2	Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nhà trường	342/BC-ĐH GTVT ngày 29/07/2016 369/BC-ĐH GTVT ngày 25/07/2017 454/BC-ĐH GTVT ngày 08/05/2018 336/BC-ĐH GTVT ngày 28/06/2019 623/BC-ĐH GTVT ngày 19/10/2020 205/BC-ĐH GTVT ngày 08/05/2018	Trường ĐH GTVT	
H4.4.2.3	Biên bản làm việc của BGH, Trưởng các đơn vị hàng tuần		Trường ĐH GTVT	
H4.4.2.4	Báo cáo công tác tháng của Trường và Đảng ủy	Từ năm 2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H.4.4.2.7	Báo cáo tổng kết năm học cấp Khoa, Phòng trực thuộc trường từ năm học 2016-2020	Báo cáo tổng kết năm học năm học 2019-2020 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2020-2021 của Khoa CNTT, Khoa Cơ Khí, Khoa Công trình, Khoa Đ-ĐT, ... và các phòng ban khác	Báo cáo các Khoa, phòng, ban trực thuộc trường	
H4.4.2.8	Báo cáo tổng kết năm học từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019-2020			
H4.4.2.9	Biên bản Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường	- Hội nghị đại biểu cán bộ, viên	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2019-2020	chức Trường lần 44 ngày 25/10/2016 - Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường lần 45 ngày 10/10/2017 - Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường lần 46 ngày 02/11/2018		
H4.4.2.10	Báo cáo Tổng kết công tác nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2013-2018	205/BC-ĐHGTVT ngày 08/05/2018 415/BC-ĐHGTVT ngày 31/08/2016	Trường ĐH GTVT	
H4.4.2.11	Báo cáo tổng kết năm học từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019-2020		Trường ĐH GTVT	
H4.4.3.1	Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030		Trường ĐH GTVT	
H4.4.3.2	Báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Tổng kết công tác nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2013-2018		Trường ĐH GTVT	
H4.4.3.3	Quyết định về Quy trình thực hiện chiến lược phát triển nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H4.4.3.4	Cơ chế giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H4.4.4.1	Báo cáo tổng kết các giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H4.4.4.2	Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2013-2018	205/BC-ĐHGTVT ngày 08/05/2018	Trường ĐH GTVT	
H4.4.4.3	Dự thảo rà soát, điều chỉnh		Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030		GTVT	
H4.4.4.4	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức tại các Khoa, phòng, ban trực thuộc trường	Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2019-2020 của Khoa CNTT, BM, GDTC, Khoa VTKT, Đ-ĐT, Giáo dục QP, MT&ATGT, Khoa KHCB, khoa Cơ khí, Khoa ĐTQT, Khoa KTXD, Khoa CT, Phòng TCCB, TCKT,... và các phòng ban khác thuộc trường	Trường ĐH GTVT	
H4.4.4.5	Tài liệu phục vụ Hội nghị cán bộ viên chức Trường	Tài liệu Hội nghị Đại biểu Cán bộ - Viên chức Trường ĐH GTVT lần thứ 43, 44, 45, 47	Trường ĐH GTVT	

5. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H5.5.1.1	Các quyết định thành lập HĐT	Luật Giáo dục sửa đổi số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 43//2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 1087/QĐ ngày 01/06/2018 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014	Thủ tướng chính phủ Quốc Hội Bộ GD &ĐT Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.2	Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường về		Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chính sách đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng			
H5.5.1.3	Quyết định phân công nhiệm vụ, chức năng các phòng ban trực thuộc trường	1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.4	Các quyết định ban hành các chính về đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng	300/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/02/2014 1578/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/08/2018 970/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/05/2015 461/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/03/2010 636/QĐ-ĐHGTVT 637/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/04/2012 1265/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2014 964/TB-ĐHGTVT ngày 18/11/2019 1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.5	-Báo cáo tổng kết năm học từ 2015-2016 đến 2019-2020 -Tài liệu Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2015-2016 đến 2019-2020 -Biên bản Hội thảo xin ý kiến góp ý vào Chiến lược, định hướng phát triển Nhà trường	- Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường lần 44 ngày 25/10/2016 - Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường lần 45 ngày 10/10/2017 - Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường lần 46 ngày 02/11/2018 - Biên bản Hội thảo xin ý kiến góp ý vào Chiến lược, định hướng phát triển Nhà trường ngày 02/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.6	Quyết định ban hành các quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học,	300/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/02/2014 1578/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/08/2018 970/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	thạc sĩ, tiến sĩ	21/05/2015 461/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/03/2010 636/QĐ-ĐHGTVT 637/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/04/2012		
H5.5.1.7	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (được rà soát định kỳ) và mở mới	1847/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/09/2018 1943/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/09/2018 2773/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/12/2019 2774/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/12/2019 2775/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/12/2018 1995/QĐ-BGDĐT ngày 04/06/2014 1096/QĐ-BGDĐT ngày 05/04/2016 3778/QĐ-BGDĐT ngày 19/09/2012 3827/QĐ-BGDĐT ngày 21/09/2012 5637/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2016 4929/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.8	Quyết định của Hiệu trưởng ban hành các quy định về quản lý hoạt động KHCN, PVSX	1265/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2014 964/TB-ĐHGTVT ngày 18/11/2019 1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017 217/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/12/2017	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.9	Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy định về quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đăng báo quốc tế	2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017 445/TB-TCKT ngày 19/06/2018	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.10	Quyết định Ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế	2496/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/12/2015	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy			
H5.5.1.11	Một số quy trình , hoạt động trong công tác đào tạo, NCKH, Phục vụ cộng đồng	263/TB-ĐHGTVT ngày 07/04/2016 218/TB-ĐHGTVT ngày 14/04/2017 255/TB-ĐHGTVT ngày 28/04/2017 308/TB-ĐHGTVT ngày 08/05/2018 434/CV-ĐHGTVT ngày 06/09/2018 383/TB-ĐHGTVT ngày 07/05/2019 929/TB-ĐHGTVT ngày 01/11/2019 460/TB-ĐHGTVT ngày 19/06/2020 522/TB-ĐHGTVT ngày 13/07/2020 82/ĐHGTVT-KHCN ngày 05/03/2015 317/ĐHGTVT-KHCN ngày 25/06/2015 187B/TB-ĐHGTVT11/03/2016 157/ĐHGTVT-KHCN ngày 14/04/2016 240/TB-ĐHGTVT ngày 25/05/2016 1288/QĐĐHGTVT ngày 13/06/2016 217/ĐHGTVT-KHCN ngày 26/04/2017 224/ĐHGTVT-KHCN ngày 09/05/2019 292/TB-ĐHGTVT ngày 27/04/2020 889/TB-ĐHGTVT ngày 27/11/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.1.12	Phản hồi của các Khoa, phòng, ban về các chính sách của nhà trường trong công tác	Báo cáo tổng kết năm học năm học 2019-2020 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2020-2021 của Khoa CNTT, Khoa Cơ Khí,	Các Khoa	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	đào tạo, NVKH và phục vụ cộng đồng	Khoa Công trình, Khoa Đ-ĐT, ... và các phòng ban khác Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2019-2020 của Khoa CNTT, BM, GDTC, Khoa VTKT, Đ-ĐT, Giáo dục QP, MT&ATGT, Khoa KHCB, khoa Cơ khí, Khoa ĐTQT, Khoa KTXD, Khoa CT, Phòng TCCB, TCKT,... và các phòng ban khác thuộc trường		
H5.5.2.1	Quyết định ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT, Quy chế dân chủ ở cơ sở Trường ĐH GTVT	1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018	Trường ĐH GTVT	
H5.5.2.2	Chức năng, nhiệm vụ Phòng Thanh tra pháp chế Trường ĐHGTVT	Đề án Thành lập Phòng Thanh tra pháp chế Trường ĐHGTVT	Trường ĐH GTVT	
H5.5.2.3	Báo cáo của Hiệu trưởng và Chủ tịch Hội đồng trường về kết quả triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng		Trường ĐH GTVT	
H5.5.2.4	Báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường của Ban thanh tra nhân dân		Trường ĐH GTVT	
H5.5.2.5	Cơ cấu tổ chức Trường Đại học	https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Giao thông vận tải			
H5.5.3.1	Quyết định ban hành Quy định về rà soát các chính sách định kỳ hàng năm		Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.2	Thông báo của Phòng Đào tạo đại học về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo	250/TB-ĐTĐH ngày 31/03/2016 664B/ĐHGTVT ngày 08/09/2016 702/TB-ĐHGTVT ngày 22/09/2016 803/TB-ĐHGTVT ngày 28/10/2016 307/TB-ĐHGTVT ngày 30/05/2017 608/KH-ĐHGTVT ngày 20/12/2017 200/TB-ĐHGTVT ngày 06/03/2019 30/TB-ĐHGTVT ngày 10/01/2020 103/TB-ĐHGTVT ngày 14/02/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.3	Quyết định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	970/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/05/2015 461/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/03/2010 636/QĐ-ĐHGTVT 637/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/04/2012	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.4	Quyết định ban hành Quy định hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ sản xuất	1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.5	Quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên	1265/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2014	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.6	Hội thảo khoa học hè các năm học	555/TB-ĐHGTVT ngày 16/08/2018 419/TB-ĐHGTVT ngày	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		31/07/2017 576/TB-ĐHGTVT ngày 16/08/2016 514/TB-ĐHGTVT ngày 03/08/2015		
H5.5.3.7	Quy trình quản lý đề tài	964/TB-ĐHGTVT ngày 18/11/2019	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.8	Quyết định ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công của Trường	926/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/05/2013	Trường ĐH GTVT	
H5.5.3.9	Quyết định ban hành quy định về sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế	217/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/02/2017	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.1	Thông báo xin ý kiến các bên liên quan khi thay đổi chính sách đào tạo	566/CV-ĐHGTVT ngày 03/11/2015 458/CV-ĐHGTVT ngày 23/09/2016	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.2	Thông báo xin ý kiến của người học về công tác đào tạo	236/CV-ĐHGTVT ngày 20/05/2015 349B/TB-ĐHGTVT ngày 20/05/2015 999/TB-ĐHGTVT ngày 10/12/2015 787/TB-ĐHGTVT ngày 20/10/2016 237/TB-ĐHGTVT ngày 21/04/2017 664/TB-ĐHGTVT ngày 12/10/2017 135/TB-ĐHGTVT ngày 28/02/2018 330/TB-ĐHGTVT ngày 22/04/2019 971/TB-ĐHGTVT ngày 03/12/2019 445/TB-ĐHGTVT ngày 15/06/2020 903/TB-ĐHGTVT ngày 02/12/2020 457/KH-ĐHGTVT ngày 25/09/2018	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H5.5.4.3	Thông báo tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2015-2016 đến 2019-2020	505/TB-LT ngày 30/07/2015 676/TB-ĐH GTVT ngày 17/09/2015 510/TB-LT ngày 29/07/2016 591/TB-ĐH GTVT ngày 21/09/2017 401/TB-LT ngày 31/05/2018 438/TB-LT ngày 27/05/2019 548/TB-LT ngày 24/07/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.4	Thông báo điều chỉnh chính sách khuyến khích các GV, các nhà khoa học công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước,	786/TB-ĐH GTVT ngày 14/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.5	Thông báo quy định về đổi giờ viết bài báo khoa học sang giờ giảng dạy từ năm học 2018-2019	705/TB-ĐH GTVT ngày 25/09/2018	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.6	chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài cơ sở sử dụng quỹ KHCN		Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.7	Thông báo của Công Đoàn trường về các chương trình thiện nguyện	42/CĐ27 ngày 16/10/2020 43/CĐ27 ngày 28/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.8	Các hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H5.5.4.9	Các đề tài NCKH của cán bộ, giảng viên được ứng dụng trong đời sống nhân dân		Trường ĐH GTVT	

6. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 6: quản lý nguồn nhân lực

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 6.1				
H6.06.01.01	Báo cáo kết quả tự kiểm tra rà soát thực hiện công tác cán bộ	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 9 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo việc triển khai thực hiện NQ số 19 – NQ/TW	Số 495/ĐH GTVT-TCCB ngày 19 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng giai đoạn 2013-2018 và 2018 - 2023	Số 615/BC - ĐH GTVT ngày 23 tháng 12 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 250/TB - ĐH GTVT ngày 22 tháng 3 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch thực hiện quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 949/TB - ĐH GTVT ngày 11 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Giao thông vận tải khóa XXIX, Nhiệm kỳ 2015 - 2020	Số 36/QĐ – ĐU29 ngày 08 tháng 01 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải, Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 2402/QĐ – ĐHGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Ban hành	Số 1396/QĐ –	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quy chế làm việc của Trường Đại học Giao thông vận tải	ĐHGTVT ngày 11 tháng 7 năm 2011	ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 12/QĐ – HĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.02	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1087/QĐ – ĐHGTVT ngày 01 tháng 6 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế về chế độ công tác và phân công trách nhiệm của Ban Giám hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải, nhiệm kỳ 2018-2023	Số 2265/QĐ – ĐHGTVT ngày 23 tháng 11 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.03	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1270/QĐ – ĐHGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở II và các đơn vị thuộc Cơ sở II - Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1733/QĐ – ĐHGTVT ngày 15 tháng 7 năm 2009	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của phòng TCCB thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1270/QĐ – ĐHGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo	Số 2228/QĐ – ĐHGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Số 446/QĐ – ĐHGTVT ngày 24	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	của Trung tâm Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải	tháng 03 năm 2010		
H6.06.01.04	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng CVHT và Hội đồng đánh giá RLSV cấp Trường	Số 272/QĐ – ĐHGTVT ngày 14 tháng 02 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng lương về việc nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên nhà giáo và nâng bậc lương trước thời hạn năm 2019	Số 1051/TB-ĐHGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng lương về việc nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên nhà giáo 6 tháng cuối năm và nâng bậc lương trước thời hạn năm 2020	Số 966/TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng CVHT và Hội đồng đánh giá RLSV của Khoa Vận tải – Kinh tế	Số 1447/QĐ – ĐHGTVT ngày 10 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng Trường ĐH GTVT	Số 1348/QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường	Số 359/QĐ – ĐHGTVT ngày 02 tháng 05 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.05	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.06	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.07	Báo cáo năng lực và nhu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ/thạc sĩ	Hà nội, 11/2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định ban hành kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ	Số 1288/QĐ - ĐH GTVT ngày 13 tháng 06 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo dữ liệu đội ngũ nguồn nhân lực trường năm 2020	Hà nội, 11/2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2012 - 2016	Số 378/ĐH GTVT-TCCB ngày 16 tháng 08 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của Hiệu trưởng tại cuộc họp xét chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2015	Số 372/TB - ĐHGTVT ngày 27 tháng 05 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kết luận của cuộc họp xét phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2016	Số 487/TB - ĐHGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2016	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.01.08	Thông báo kết quả thi tuyển viên chức năm 2014 tại Cơ sở II	Số 746/TB - ĐHGTVT ngày 25 tháng 08 năm 2014	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử người hướng dẫn tập sự	Số 143/QĐ - ĐHGTVT ngày 16 tháng 01 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên	Số 2090/QĐ - ĐHGTVT ngày 26 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên viên	Số 260/QĐ - ĐHGTVT ngày 29 tháng 01 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên	Số 2117/QĐ - ĐHGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2015	Số 407/TB - ĐHGTVT ngày 12 tháng 06 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2016	Số 526/TB - ĐHGTVT ngày 03 tháng 08 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2015 tại Cơ sở II	Số 462/TB - ĐHGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2015	Cơ sở II - Trường ĐH GTVT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2016 tại Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 559/TB - ĐHGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2016	Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh	
	Thông báo Trúng tuyển viên chức năm 2016	Số 870/TB - ĐHGTVT ngày 23	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tháng 11 năm 2016		
H6.06.01.09	Thông báo Kết luận của Hội đồng xét chọn ứng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2019	Số 604/TB - ĐHGTVT ngày 26 tháng 07 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc nghiệm thu Dự án hỗ trợ triển khai Khung giảng dạy và học tập CDIO	Số 812/TB - ĐHGTVT ngày 22 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Công văn Cử giảng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên lên giảng viên chính năm 2016	Số 322/ĐHGTVT - TCCB ngày 13 tháng 7 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc chỉ định đơn vị đào tạo Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2017	Số 413/QĐ- ĐHGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc chỉ định đơn vị đào tạo Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2019	Số 1471/QĐ- ĐHGTVT ngày 11 tháng 7 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo tổ chức lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên	Số 75/TB- TTHTĐT BD ngày 8 tháng 8 năm 2018	Trường Đại học Giáo Dục	
	Quyết định về việc cử viên chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	Số 2530/QĐ- ĐHGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 1016/QĐ- ĐHGTVT ngày 11	Trường Đại học	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.01.09		tháng 5 năm 2016	Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Hội đồng sơ tuyển thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II) năm 2016	Số 1446/QĐ-ĐHGTVT ngày 6 tháng 7 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 412/QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký tham gia khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch chuyên viên chính	Số 689/TB-ĐHGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm năm 2016	Số 391/TB-ĐHGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo lịch học lớp bồi dưỡng giảng viên chính năm 2019	Số 565/TB-ĐHGTVT ngày 8 tháng 7 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo mở lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2017	Số 115/TB-ĐHGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng giảng viên chính năm 2019	Số 517/TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 06 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xét chọn giảng viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng CDNN giảng viên	Số 516/TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 06 năm 2019	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chính, giảng viên cao cấp năm 2019		vận tải	
	Thông báo xét chọn giảng viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính, giảng viên cao cấp năm 2019	Số 516/TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 06 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết luận của Hội đồng xét chọn ứng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2019	Số 604/TB-ĐHGTVT ngày 26 tháng 07 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.01.10	Thông báo điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 442/ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn kê khai các phụ lục Đề án xác định vị trí việc làm	Số 443/ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc tại các đơn vị khối Hành chính	Số 627/ĐHGTVT - TCCB ngày 21 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo Bộ GDDT về đề án vị	Số 455/ĐHGTVT	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	trí việc làm	- TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2015	Đại học Giao thông vận tải	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo đề án vị trí việc làm của trường ĐH GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường đại học GTVT	Số 519/ ĐHGTVT - TCCB ngày 08 tháng 10 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tổng hợp bản mô tả vị trí việc làm nhóm gián tiếp của Trường đại học GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.01.11	Đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động năm 2017	Số 586/ ĐHGTVT - TCCB ngày 05 tháng 12 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm 2017 - 2018	Số 239/ ĐHGTVT - TCCB ngày 21 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc Hướng dẫn xét thi đua năm học 2019 - 2020	Số 520/ TC – CTCT và SV ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm 2019 - 2020	Số 411/ ĐHGTVT - TCCB ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Biên bản họp đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm 2019 - 2020		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm 2017	Số 146/ ĐHGTVT - TCCB ngày 02 tháng 03 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kết quả đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm học 2017-2018	Số 695/ ĐHGTVT - TCCB ngày 21 tháng 09 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kết quả đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm học 2018-2019	Số 931/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng	Số 2227/QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động	Số 956/QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 05 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy định chấm công bằng máy quét vân tay	Số 2201/QĐ-ĐHGTVT ngày 23 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 231/QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức và cán bộ quản lý để hưởng thu nhập tăng thêm của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 571/QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo Kết quả đánh giá phân loại viên chức và người lao động năm học 2019-2020	Số 800/ĐHGTVT - TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.01.12	Báo cáo kết quả tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo việc triển khai thực hiện NQ số 19 –NQ/TW thành lập hội đồng trường	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch rà soát, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các chức danh: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch thực hiện quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 949/TB-ĐH GTVT ngày 11 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.13	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tháng 11 năm 2017	vận tải	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2616/QĐ-ĐHGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc điều chỉnh một số điều trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm	Số 888/TB-ĐH GTVT ngày 18 tháng 10 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 10 năm 2019	Số 2212/TB-ĐH GTVT ngày 22 tháng 10 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả thực hiện nâng bậc lương năm 2019	Số 657/ĐH GTVT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.14	Thông báo chuẩn bị cho Hội nghị KHCN lần thứ XXI	Số 683/TB - ĐH GTVT ngày 17 tháng 09 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 1480/QĐ - ĐH GTVT ngày 12 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử người hướng dẫn tập sự	Số 143/QĐ - ĐH GTVT ngày 16 tháng 01 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên	Số 2090/QĐ - ĐH GTVT ngày 26 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng	Số 260/QĐ - ĐH	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên viên	GTVT ngày 29 tháng 01 năm 2018	ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên (TS. Nguyễn Đăng Hanh)	Số 2117/QĐ - ĐH GTVT ngày 31 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.01.15	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2019 - 2020	Số 323/TB - ĐH GTVT ngày 05 tháng 05 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm học 2019 - 2020	Số 411/ĐH GTVT-TCCB ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Nhà Trường	Số 592/TB-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1348/QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 6.2				
H6.06.02.01	Thông báo điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 442/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn Kê khai các phụ lục Đề án xác định vị trí việc làm	Số 443/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch xác định vị trí việc làm	Số 627/ ĐHGTVT	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	và số lượng người làm việc tại các đơn vị khối Hành chính	- TCCB ngày 21 tháng 10 năm 2020	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo Bộ GDDT về đề án vị trí việc làm	Số 455/ĐHGTVT - TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo đề án vị trí việc làm của trường ĐH GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường đại học GTVT	Số 519/ĐHGTVT - TCCB ngày 08 tháng 10 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tổng hợp bản mô tả vị trí việc làm nhóm gián tiếp của Trường đại học GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.02.02	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/QĐ – ĐHGTVT ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo cấp trên về Đề án vị trí việc làm	Số 455/BC – ĐHGTVT ngày 15	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tháng 09 năm 2015		
	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường đại học GTVT	Số 519/ĐHGTVT-TCCB ngày 08 tháng 10 năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Bản mô tả công việc nhóm gián tiếp vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.03	Thông báo về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2013	Số 543/TB-ĐHGTVT ngày 02 tháng 08 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.04	Thông báo chuẩn bị cho Hội nghị KHCV lần thứ XXI	Số 683/TB - ĐH GTVT ngày 17 tháng 09 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 1480/QĐ - ĐH GTVT ngày 12 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử người hướng dẫn tập sự	Số 143/QĐ - ĐH GTVT ngày 16 tháng 01 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên	Số 2090/QĐ - ĐH GTVT ngày 26 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên viên	Số 260/QĐ - ĐH GTVT ngày 29 tháng 01 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên (TS. Nguyễn Đăng Hanh)	Số 2117/QĐ - ĐH GTVT ngày 31 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.05	Hình ảnh Thông báo về tuyển dụng viên chức trên hệ thống website của Trường năm 2015	Năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Hình ảnh Thông báo về tuyển	Năm 2016	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	dụng viên chức trên hệ thống website của Trường năm 2016		ĐH GTVT	
	Hình ảnh Thông báo về tuyển dụng viên chức trên hệ thống website của Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại TP HCM năm 2018	Năm 2018	Phân hiệu Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.06	Hình ảnh Thông báo về tuyển dụng viên chức 2015 trên Trang tuyển công chức	Năm 2015	Trường ĐH GTVT	
	Hình ảnh Thông báo về tuyển dụng viên chức 2016 trên Trang Đại học Quốc gia	Năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.07	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2019 - 2020	Số 323/TB - ĐH GTVT ngày 05 tháng 05 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm học 2019 - 2020	Số 411/ĐH GTVT-TCCB ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Nhà Trường	Số 592/TB-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1348/QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.08	Hình ảnh kế hoạch đánh giá giảng viên, CVHT trên website	Năm 2018	Phân hiệu Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.09	Quyết định Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao	Số 1593/QĐ-ĐH GTVT ngày 09 tháng 09 năm 2013	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	thông vận tải			
	Quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Tháng 03 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 2584/QĐ-ĐHGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.02.10	Hình chụp sửa đổi Ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Năm 2020	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 6.3				
H6.06.03.01	Thông báo điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 442/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn Kê khai các phụ lục Đề án xác định vị trí việc làm	Số 443/ ĐHGTVT - TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc tại các đơn vị khối Hành chính	Số 627/ ĐHGTVT - TCCB ngày 21 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị khối hành chính năm 2017	Số 1893/ ĐHGTVT - TCCB ngày 06 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo Bộ GDDT về đề án vị trí việc làm	Số 455/ ĐHGTVT - TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo đề án vị trí việc làm của trường ĐH GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường đại học GTVT	Số 519/ ĐHGTVT - TCCB ngày 08 tháng 10 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tổng hợp bản mô tả vị trí việc làm nhóm gián tiếp của Trường đại học GTVT		Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.03.02	Thông báo chuẩn bị cho Hội nghị KHCN lần thứ XXI	Số 683/TB - ĐH GTVT ngày 17 tháng 09 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 1480/QĐ - ĐH GTVT ngày 12 tháng 07 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc cử người hướng dẫn tập sự	Số 143/QĐ - ĐH GTVT ngày 16 tháng 01 năm 2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên	Số 2090/QĐ - ĐH GTVT ngày 26 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên viên	Số 260/QĐ - ĐH GTVT ngày 29 tháng 01 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên (TS. Nguyễn Đăng Hanh)	Số 2117/QĐ - ĐH GTVT ngày 31 tháng 10 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.03.03	Quyết định Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1593/QĐ-ĐH GTVT ngày 09 tháng 09 năm 2013	Trường ĐH GTVT	
	Quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Tháng 03 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 2584/QĐ-ĐH GTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.03.04	Báo cáo kết quả tự kiểm tra rà soát thực hiện công tác cán bộ	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 9 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo việc triển khai thực hiện NQ số 19 – NQ/TW	Số 495/ĐH GTVT-TCCB ngày 19 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng giai đoạn 2013-2018 và 2018 - 2023	Số 615/BC - ĐH GTVT ngày 23 tháng 12 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 250/TB - ĐH GTVT ngày 22 tháng 3 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch thực hiện quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 949/TB - ĐH GTVT ngày 11 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Giao thông vận tải khóa XXIX, Nhiệm kỳ 2015 - 2020	Số 36/QĐ – ĐU29 ngày 08 tháng 01 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải, Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 2402/QĐ – ĐH GTVT ngày 25 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1396/QĐ – ĐH GTVT ngày 11 tháng 7 năm 2011	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 12/QĐ – HĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 6.4				
	Thông báo lấy ý kiến góp ý	Số 736/TB –	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.04.01	Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	ĐH GTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
H6.06.04.02	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	Số 736/TB – ĐH GTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Hà nội, 3/2016	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2008	Trường ĐH GTVT	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Hà nội, 11/2018	Trường ĐH GTVT	
H6.06.04.03	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1087/QĐ – ĐH GTVT ngày 01 tháng 6 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về lịch học lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2017	Số 123/ TB-ĐH GTVT ngày 01 tháng 03 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Triệu tập ứng viên dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính năm 2019	Số 574/ĐH GTVT-TCCB ngày 04 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.04.04			vận tải	
	Kế hoạch tổ chức xét tặng danh hiệu NGND-NGUT lần thứ 15 năm 2020	Số 669/ ĐHGTVT-TCCB ngày 31 tháng 12 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc nộp hồ sơ để xét chọn viên chức dự thi thăng hạng từ thư viện lên thư viện viên chính năm 2020	Số 189/ ĐHGTVT-TCCB ngày 10 tháng 03 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử giảng viên đi công tác biệt phái đến VIASM	Số 1316/ QĐ-ĐHGTVT ngày 26 tháng 06 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử giảng viên đi học tập ở nước ngoài	Số 2559/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử giảng viên đi công tác – hội thảo ở nước ngoài	Số 2470/ QĐ-ĐHGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức Trường Đại học GTVT giai đoạn 2019-2023	Số 51/ ĐHGTVT-TCCB ngày 28 tháng 01 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo tổ chức lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên	Số 75/ TB-TTHTĐT và BD ngày 08 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo tuyển sinh cán bộ đi bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc, tiếng Lào, tiếng Khmer năm 2018	Số 2175/ BGDĐT-TCCB ngày 28 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.05	Thông báo về việc đăng ký danh	Số 323/TB - ĐH	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	hiệu thi đua năm học 2019 - 2020	GTVT ngày 05 tháng 05 năm 2020	ĐH GTVT	
	Đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm học 2019 - 2020	Số 411/ĐH GTVT-TCCB ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Nhà Trường	Số 592/TB-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1348/QĐ-ĐH GTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường ĐH GTVT	
H6.06.04.06	Thông báo kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Học kỳ I năm học 2015-2016	Số 173/ TB-ĐHGTVT ngày 07 tháng 03 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Học kỳ 2 năm học 2015-2016	Số 208/ TB-ĐHGTVT ngày 15 tháng 03 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1785/ QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 08 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc khen thưởng	Số 1786/ QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 08 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm học 2018-2019	Số 931/ TB-ĐHGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao	Số 800/ TB-ĐHGTVT ngày 16	Trường Đại học	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	động năm học 2019-2020	tháng 10 năm 2020	Giao thông vận tải	
	Kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm 2017	Số 146/ TB-ĐHGTVT ngày 02 tháng 03 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm 2017-2018	Số 695/ TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 09 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động năm 2018-2019	Số 931/ TB-ĐHGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.07	Thông báo tuyển sinh đi học Rumania năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 307/ TB-ĐHGTVT ngày 04 tháng 05 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ dự tuyển bổ sung đi học sau đại học tại LB Nga diện Hiệp định năm 2015	Số 418/ TB-ĐHGTVT ngày 16 tháng 06 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo học bổng chương trình đào tạo sau đại học tại trường Đại học Giao thông Tây Nam (Trung Quốc)	Số 133/ TB-ĐHGTVT ngày 08 tháng 03 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo cử cán bộ đi dự tuyển Tiến sỹ tại CH Pháp	Số 188/ ĐHGTVT-TCCB ngày 26 tháng 04 năm 2010	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo cử cán bộ đi dự tuyển Tiến sỹ tại CH Pháp	Số 190/ ĐHGTVT-TCCB ngày 26 tháng 04 năm 2010	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo các chương trình học bổng thạc sĩ và tiến sĩ năm 2020	Số 191/ TB-ĐHGTVT ngày 10 tháng 03 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.08	Cử giảng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên lên giảng viên chính năm 2016	Số 322/ ĐHGTVT-TCCB ngày 13 tháng 7 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc chỉ định đơn vị đào tạo Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2017	Số 413/ ĐHGTVT-TCCB ngày 10 tháng 3 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc chỉ định đơn vị đào tạo Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2019	Số 1471/ ĐHGTVT-TCCB ngày 11 tháng 7 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo lịch học lớp bồi dưỡng giảng viên chính năm 2019	Số 565/ ĐHGTVT-TCCB ngày 08 tháng 7 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo tổ chức lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên	Số 75/ TB-TTHTĐT ngày 08 tháng 8 năm 2018	Trường Đại học Giáo Dục	
	Quyết định về việc cử viên chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	Số 2530/ ĐHGTVT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 1016/ QĐ - ĐHGTVT ngày 11 tháng 5 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	Số 412/ QĐ - ĐHGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			vận tải	
	Quyết định về việc thành lập Hội đồng sơ tuyển thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng 1), giảng viên chính (hạng 2) năm 2016	Số 1446/ ĐHGTVT-TCCB ngày 06 tháng 7 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký tham gia khóa học Bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch chuyên viên chính	Số 689/ QĐ - ĐHGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo lịch học Bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch chuyên viên chính	Số 878/ QĐ - ĐHGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm năm 2016	Số 391/ QĐ - ĐHGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng 1) , giảng viên chính (hạng 2) năm 2016	Số 375/ QĐ - ĐHGTVT ngày 30 tháng 05 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xét chọn giảng viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng 1), giảng viên chính (hạng 2) năm 2019	Số 516/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết luận của Hội đồng xét chọn ứng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng 1), giảng viên chính (hạng 2) năm 2019	Số 604/ ĐHGTVT-TCCB ngày 26 tháng 7 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.04.09	Thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm năm 2016	Số 391/ TB-ĐHGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử CCVC tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2	Số 1372/ QĐ-BGDDĐT ngày 23 tháng 04 năm 2021	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo Lập danh sách cán bộ các đối tượng 2,3,4 trong diện bồi dưỡng kiến thức QP-AN	Số 632/ CV-ĐHGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo Kết quả thực hiện bồi dưỡng kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng từ năm 2011 đến nay	Số 457/ BC-ĐHGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đăng ký danh sách cán bộ đối tượng 2 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP – AN năm 2016	Số 128/ CV- ĐH GTVT ngày 31 tháng 03 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đăng ký danh sách cán bộ đối tượng 2 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP – AN năm 2017	Số 41/ CV- ĐH GTVT ngày 23 tháng 01 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đăng ký danh sách cán bộ đối tượng 4 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP – AN năm 2015	Số 1901/ QĐ- ĐH GTVT ngày 29 tháng 09 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đăng ký danh sách cán bộ đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP – AN năm 2021		Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về lịch học lớp nghiệp vụ sư phạm đại học năm	Số 420/ TB-ĐHGTVT ngày 09	Trường Đại học	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	2016	tháng 06 năm 2016	Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính năm 2017	Số 115/ TB-ĐHGTVT ngày 23 tháng 06 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính năm 2017	Số 441/ ĐHGTVT-TCCB ngày 01 tháng 09 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học cao học trong nước	Số 172/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 01 năm 2011	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học cao học trong nước	Số 2186/ QĐ-ĐHGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2010	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xét chọn giảng viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính, giảng viên cao cấp năm 2019	Số 516/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 06 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính năm 2019	Số 517/ TB-ĐHGTVT ngày 21 tháng 06 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về lịch học lớp bồi dưỡng giảng viên chính năm 2019	Số 565/ TB-ĐHGTVT ngày 08 tháng 07 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo Khóa đào tạo về quản lý dự án trong mối tương quan với qui trình quản lý chất lượng	Số 780/ TB-ĐHGTVT ngày 13 tháng 09 năm 2019	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	và Hội thảo		vận tải	
	Thông báo về việc nộp hồ sơ để xét chọn viên chức dự thi thăng hạng lên chuyên viên chính năm 2019	Số 803/ TB-ĐHGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết luận của Hội đồng xét chọn ứng viên dự thi thăng hạng lên chuyên viên chính năm 2019	Số 814/ TB-ĐHGTVT ngày 25 tháng 09 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc xét tặng danh hiệu NGND – NGUT lần thứ 15 năm 2020	Số 45/ TB-ĐHGTVT ngày 14 tháng 01 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết luận của Hội đồng xét chọn ứng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp, giảng viên chính năm 2020	Số 484/ TB-ĐHGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức Trường Đại học GTVT giai đoạn 2019-2023	Số 51/ ĐHGTVT-TCCB ngày 28 tháng 01 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử giảng viên đi học tập ở nước ngoài	Số 2559/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử giảng viên đi công tác - hội thảo ở nước ngoài	Số 2470/ QĐ-ĐHGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.10	Trích chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.04.11	Thông báo nộp bản sao các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ, tin học	Số 251/ TB-ĐHGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định quy định quy đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên Trường Đại học GTVT	Số 1399/ TB-ĐHGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo cử CCVC tham gia dự tuyển bồi dưỡng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc năm 2020	Số 461/ TB-ĐHGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.12	Thông báo về việc bổ nhiệm chức danh phó giáo sư năm 2019	Số 1025/ TB-ĐHGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc thăm dò dư luận đối với các ứng viên đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú lần thứ 15 năm 2020	Số 134/ TB-ĐHGTVT ngày 24 tháng 02 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS,PGS năm 2020	Số 153/ TB-ĐHGTVT ngày 03 tháng 3 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo cơ cấu, chất lượng đội ngũ, số lượng người làm việc	Số 340/ TB-ĐHGTVT ngày 11 tháng 7 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành KHCN	Số 81/ TB-ĐHGTVT ngày 28 tháng 2 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo thống kê danh sách GS,	Số 86/ TB-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	PGS đang công tác tại Trường	ĐHGTVT ngày 04 tháng 3 năm 2019	Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.13	Quyết định về việc cử cán bộ đi học tập ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước	Số 292/ TB-ĐHGTVT ngày 12 tháng 2 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài về Trường	Số 208/ TB-ĐHGTVT ngày 31 tháng 1 năm 2013	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Xin hoãn thời gian học NCS	Số 738/ CV-ĐHGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2013	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cho phép cán bộ được gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài	Số 1221/ QĐ-ĐHGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2012	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cho phép cán bộ được gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài	Số 2167/ QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2012	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài về Trường	Số 1600/ TB-ĐHGTVT ngày 07 tháng 8 năm 2012	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học tập ở nước ngoài	Số 1795/ ĐHGTVT-TCCB ngày 13 tháng 9 năm 2011	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học tập ở nước ngoài	Số 2453/ ĐHGTVT-TCCB ngày 22 tháng 11	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		năm 2011	vận tải	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học tập ở nước ngoài	Số 2559/ ĐHGTVT-TCCB ngày 19 tháng 12 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.04.14	Số liệu, bảng điều tra khảo sát, ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên về chế độ chính sách, các mặt hoạt động của nhà trường trong 4 năm	Năm 2017, 2018, 2019, 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
Tiêu chí 6.5				
H6.06.05.01	Hình ảnh phần mềm văn phòng điện tử và phần mềm quản lý đào tạo của Trường	Năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.02	Quyết định ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường ĐH GTVT (Phòng TCCB)	Số 1270/ QĐ- ĐHGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2013	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.03	Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng	Số 2227/ QĐ- ĐHGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.04	Quyết định về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động	Số 956/ QĐ- ĐHGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc rà soát thông tin thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2020	Số 922/ QĐ- ĐHGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc điều chỉnh	Số 1744/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	tăng, giảm phụ cấp thâm niên nhà giáo tháng 10 năm 2020	ĐHGTVT ngày 26 tháng 10 năm 2020	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 10 năm 2020	Số 1743/ QĐ-ĐHGTVT ngày 26 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo hết thời hạn nghỉ việc riêng không hưởng lương của viên chức	Số 868/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.05	Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xin ý kiến đóng góp hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 784/ TB-TCKT ngày 16 tháng 9 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.06	Quyết định Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng	Số 2227/ QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.07	Thông báo điều kiện khen thưởng cho CB, VC có bài báo quốc tế và hỗ trợ thực hiện báo cáo tại HNHT khoa học	Số 754/ QĐ-ĐHGTVT ngày 20 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học GTVT	Số 217/ QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 02 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo danh sách khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích cao trong hoạt động	Số 816/ TB-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	KHCN giai đoạn 2018-2020		vận tải	
	Thông báo quy định khen thưởng hỗ trợ công bố quốc tế trong quy chế Chi tiêu nội bộ	Năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.08	Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 6 tháng cuối năm 2013	Số 2440/ QĐ - ĐHGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2013	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc nâng bậc lương trước thời hạn năm 2019	Số 54/ QĐ - ĐHGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 02 năm 2020	Số 305/ QĐ - ĐHGTVT ngày 20 tháng 02 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.09	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải	Số 1087/QĐ – ĐHGTVT ngày 01 tháng 6 năm 2018	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2116/ QĐ- ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động	Số 956/ QĐ- ĐHGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.05.10	Thông báo cử CCVC tham gia dự tuyển bồi dưỡng tiếng Anh năm 2020	Số 461/ TB - ĐHGTVT ngày 22 tháng 06 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định về việc cử cán bộ, viên chức đi học lớp văn bằng 2 ngành tiếng Anh	Số 511/ QĐ - ĐHGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc mở lớp đào tạo đại học văn bằng 2 ngành tiếng Anh	Số 1040/ TB - ĐHGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
Tiêu chí 6.6				
H6.06.06.01	Thông báo đính chính Quy chế chi tiêu Nội bộ 2017	Số 445/ TB-TCKT ngày 19 tháng 6 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 784/ TB-TCKT ngày 16 tháng 9 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 526/ TB-TCKT ngày 15 tháng 7 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Dự thảo Quy chế chi tiêu Nội bộ của Trường ĐH GTVT	Năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Phụ lục Quy chế chi tiêu Nội bộ của Trường ĐH GTVT	Năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 2116/ QĐ- ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.02	Quyết định về việc ban hành	Số 358/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động	ĐHGTVT ngày 03 tháng 3 năm 2017	Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.03	Hướng dẫn xét thi đua năm học các danh hiệu hình thức khen cao	Số 237/ QĐ-ĐHGTVT ngày 18 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng	Số 2729/ QĐ-ĐHGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2009	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc Hướng dẫn xét thi đua năm học 2019-2020	Số 520/ QĐ-ĐHGTVT ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học GTVT	Số 1348/ QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1651/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1584/ QĐ-ĐHGTVT ngày 11 tháng 08 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1609/ QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận	Số 1669/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.06.04	danh hiệu thi đua năm học	ĐHGTVT ngày 24 tháng 08 năm 2018	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1785/QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 08 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc khen thưởng	Số 1652/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc khen thưởng	Số 2129/QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1653/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo kết quả đánh giá phân loại CC VC năm 2019	Số 89/ĐHGTVT-TCCB ngày 15 tháng 01 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019	Số 765/QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tờ trình về việc đề nghị công nhận danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc và Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm học 2017 - 2018	Số 419/TTr-ĐHGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 239/ĐHGTVT-CTCTSV ngày 25 tháng 05 năm 2016	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 242/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 11 tháng 05 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 237/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 18 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc thay đổi tổng khối lượng quy đổi của viết hoặc tham gia viết bài báo khoa học trong tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua	Số 404/ TB-ĐHGTVT ngày 01 tháng 06 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học	Số 258/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 22 tháng 05 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017- 2018	Số 239/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 592/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017	Số 146/ ĐHGTVT-TCCB ngày 02 tháng 03 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017-2018	Số 695/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 09 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2018-2019	Số 931/ ĐHGTVT-TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý Trường ĐH GTVT	Số 231/ ĐHGTVT-TCCB ngày 22 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức và cán bộ quản lý để hưởng thu nhập tăng thêm của Trường ĐH GTVT	Số 571/ ĐHGTVT-TCCB ngày 30 tháng 03 năm 2012	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 551/ ĐHGTVT-TCCB ngày 08 tháng 08 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2016 - 2017	Số 735/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018	Số 672/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2019 - 2020	Số 1013/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 592/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.06.05	Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I năm học 2020-2021	Số 903/ ĐHGTVT-TCCB ngày 02 tháng 12 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc điều chỉnh quy trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm	Số 574/ ĐHGTVT-TCCB ngày 31 tháng 08 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.06	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức Phó trưởng khoa Công trình đến tuổi nghỉ hưu	Số 98/ QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về công tác cán bộ	Số 359/ QĐ-ĐHGTVT ngày 20 tháng 02 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định Ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng tại Trường ĐH GTVT	Số 1821/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 09 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng TNCK đến thời điểm hết tuổi làm công tác quản lý	Số 876/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 877/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó trưởng bộ môn Đường bộ đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ 2009-2014	Số 876/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo điều kiện khen	Số 754/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.06.07	thường cho CB, VC có bài báo quốc tế và hỗ trợ thực hiện báo cáo tại HNHT khoa học	ĐHGTVT ngày 20 tháng 11 năm 2017	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học GTVT	Số 217/ QĐ- ĐHGTVT ngày 10 tháng 02 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo danh sách khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích cao trong hoạt động KHCN giai đoạn 2018-2020	Số 816/ TB- ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo quy định khen thưởng hỗ trợ công bố quốc tế trong quy chế Chi tiêu nội bộ	Năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.08	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/ TB- ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030	Năm 2008	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.09	Báo cáo năng lực và nhu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ/thạc sĩ	Hà nội, 11/2019	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định ban hành kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ	Số 1288/QĐ - ĐH GTVT ngày 13 tháng 06 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo dữ liệu đội ngũ nguồn nhân lực trường năm 2020	Hà nội, 11/2020	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2012 - 2016	Số 378/ĐH GTVT-TCCB ngày 16 tháng 08 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H6.06.06.10	Báo cáo kết quả tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo việc triển khai thực hiện NQ số 19 –NQ/TW thành lập hội đồng trường	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch rà soát, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các chức danh: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng và xây dựng quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 475/ĐH GTVT-TCCB ngày 11 tháng 09 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
	Thông báo kế hoạch thực hiện quy hoạch chức danh: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Số 949/TB-ĐH GTVT ngày 11 tháng 11 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
Tiêu chí 6.7				
H6.06.07.01	Thông báo đính chính Quy chế chi tiêu Nội bộ 2017	Số 445/ TB-TCKT ngày 19 tháng 6 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 784/ TB-TCKT ngày 16 tháng 9 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 526/ TB-TCKT ngày 15 tháng 7 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Dự thảo Quy chế chi tiêu Nội bộ	Năm 2020	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	của Trường ĐH GTVT		Đại học Giao thông vận tải	
	Phụ lục Quy chế chi tiêu Nội bộ của Trường ĐH GTVT	Năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu Nội bộ	Số 2116/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.02	Quyết định về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động	Số 358/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 3 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.03	Hướng dẫn xét thi đua năm học các danh hiệu hình thức khen cao	Số 237/ QĐ-ĐHGTVT ngày 18 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng	Số 2729/ QĐ-ĐHGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2009	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc Hướng dẫn xét thi đua năm học 2019-2020	Số 520/ QĐ-ĐHGTVT ngày 13 tháng 07 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Đại học GTVT	Số 1348/ QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 08 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.04	Quyết định về việc công nhận	Số 1651/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	danh hiệu thi đua năm học	ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1584/ QĐ-ĐHGTVT ngày 11 tháng 08 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1609/ QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1669/ QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1785 QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 08 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc khen thưởng	Số 1652/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc khen thưởng	Số 2129/ QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học	Số 1653/ QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo kết quả đánh giá phân loại CC VC năm 2019	Số 89/ ĐHGTVT-TCCB ngày 15 tháng 01 năm 2020	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019	Số 765/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Tờ trình về việc đề nghị công nhận danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc và Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm học 2017 - 2018	Số 419/ TTr-ĐHGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 239/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 25 tháng 05 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 242/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 11 tháng 05 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học, các danh hiệu, hình thức khen cao	Số 237/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 18 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc thay đổi tổng khối lượng quy đổi của viết hoặc tham gia viết bài báo khoa học trong tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua	Số 404/ TB-ĐHGTVT ngày 01 tháng 06 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Hướng dẫn xét thi đua năm học	Số 258/ ĐHGTVT-CTCTSV ngày 22 tháng 05 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017- 2018	Số 239/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 05 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 592/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017	Số 146/ ĐHGTVT-TCCB ngày 02 tháng 03 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2017-2018	Số 695/ ĐHGTVT-TCCB ngày 21 tháng 09 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo kết quả đánh giá phân loại VC và người lao động năm học 2018-2019	Số 931/ ĐHGTVT-TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý Trường ĐH GTVT	Số 231/ ĐHGTVT-TCCB ngày 22 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức và cán bộ quản lý để hưởng thu nhập tăng thêm của Trường ĐH GTVT	Số 571/ ĐHGTVT-TCCB ngày 30 tháng 03 năm 2012	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 551/ ĐHGTVT-TCCB ngày 08 tháng 08 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2016 - 2017	Số 735/ QĐ-ĐHGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2016	Trường Đại học Giao thông vận tải	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018	Số 672/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2019 - 2020	Số 1013/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2019	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về kết luận của cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường	Số 592/ ĐHGTVT-TCCB ngày 24 tháng 08 năm 2018	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.05	Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I năm học 2020-2021	Số 903/ ĐHGTVT-TCCB ngày 02 tháng 12 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo về việc điều chỉnh quy trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm	Số 574/ ĐHGTVT-TCCB ngày 31 tháng 08 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.06	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức Phó trưởng khoa Công trình đến tuổi nghỉ hưu	Số 98/ QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về công tác cán bộ	Số 359/ QĐ-ĐHGTVT ngày 20 tháng 02 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định Ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng tại Trường ĐH GTVT	Số 1821/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 09 năm 2015	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kéo dài thời	Số 876/ QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	gian giữ chức vụ Trưởng phòng TNCK đến thời điểm hết tuổi làm công tác quản lý	ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	Số 877/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó trưởng bộ môn Đường bộ đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ 2009-2014	Số 876/ QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 04 năm 2014	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.06.07	Thông báo lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030	Số 736/ TB-ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	Số 736/ TB-ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030	Số 736/ TB-ĐHGTVT ngày 29 tháng 09 năm 2020	Trường Đại học Giao thông vận tải	
H6.06.07.08	Thông báo điều kiện khen thưởng cho CB, VC có bài báo quốc tế và hỗ trợ thực hiện báo cáo tại HNHT khoa học	Số 754/ QĐ-ĐHGTVT ngày 20 tháng 11 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học GTVT	Số 217/ QĐ-ĐHGTVT ngày 10 tháng 02 năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	
	Thông báo danh sách khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích cao trong hoạt động	Số 816/ TB-ĐHGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2020	Trường Đại học Giao thông	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	KHCN giai đoạn 2018-2020		vận tải	
	Thông báo quy định khen thưởng hỗ trợ công bố quốc tế trong quy chế Chi tiêu nội bộ	Năm 2017	Trường Đại học Giao thông vận tải	

7. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TIÊU CHUẨN 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất					
Tiêu chí 7.1	H7.07.01.01	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016	Số 342/BC-HCTH ngày 29/07/2016	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.01.02	Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017	Số 369/BC-HCTH ngày 25/07/2017	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.01.03	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018	Số 454/BC-HCTH ngày 20/09/2018	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.01.04	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019	Số 336/BC-HCTH ngày 28/06/2019	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.01.05	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	Số 623/BC-HCTH ngày 19/10/2020	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.01.06	Quyết định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	QĐ số 2466/QĐ-BGDĐT ngày 27/08/2020	Bộ Giáo dục Đào tạo	
Tiêu chí 7.2	H7.07.02.01	Quyết định về ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐH GTVT	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐHGTVT	
		Chức năng nhiệm vụ phòng TBQT tại Phân hiệu	...	...	File Word
	H7.07.02.02	Hợp đồng bảo trì thang máy_5528_92	Số 92/TBQT ngày 26/01/2016	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng nâng cấp sửa chữa thiết bị_5621_183	Số 183/TBQT ngày 11/03/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định cung cấp máy tính, máy	Số 1795/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		in_11635_QD1795	11/09/2016		
		Quyết định cung cấp máy tính, máy in_11635_QD2080	Số 2080/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/09/2016	Trường ĐHGTVT	
		Công văn cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất_20733_CVD158	Công văn số 158/CV-ĐHGTVT ngày 22/03/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt quyết toán nhà thí nghiệm_21201_QD518	QĐ số 518/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/3/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định cải tạo nâng cấp tầng 5 nhà A2_21862_QD636	QĐ số 636/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/4/2017	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng bảo trì thang máy_23472_284	Số 92/TBQT ngày 16/05/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, cải tạo tầng 4 nhà A2_32164_qd1992	QĐ số 1992/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/10/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_32971_qd2073	QĐ số 2073/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/11/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_34034_qd2205	QĐ số 2205/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/11/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_36861_qd2343	QĐ số 2343/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/12/2017	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng bảo trì thang máy_41526_344	Số 344/TBQT ngày 18/05/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_41947_qd972	QĐ số 972/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/05/2018	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020 TTTTTV		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_46104_qd2586	QĐ số 2586/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/12/2017	Trường ĐHGTVT	
		Trường ĐHGTVT, TTUDCNTT	QĐ số 734/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/04/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_50214_qd1675	QĐ số 1675/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/08/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_54972_qd2556	QĐ số 2556/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_54973_qd2557	QĐ số 2557/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_55092_qd2558	QĐ số 2558/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_55103_qd1187	QĐ số 1187/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng bảo trì thang máy_67183_454	Số 454/TBQT ngày 30/05/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_76952_qd458	QĐ số 458/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/04/2020	Trường ĐHGTVT	
		Kế hoạch bảo dưỡng máy điều hòa không khí_79167_421	TB số 421/TB-TBQT ngày 04/06/2020	Phòng TBQT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_80591_qd965	QĐ số 965/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/07/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà	QĐ số 1161/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		thầu_85060_qd1161	30/07/2020		
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_87265_qd1217	QĐ số 1217/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/082020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_89738_qd1646	QĐ số 1646/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/10/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_90176_qd1736	QĐ số 1736/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/10/2020	Trường ĐHGTVT	
		Các Quyết định, hợp đồng bảo trì, đầu tư nâng cấp CSVC của Phân hiệu	Từ năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo giám sát thực hiện đầu tư	Số 407a/BC-PTDA-GSDGĐT	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo giám sát thực hiện đầu tư	Số 407b/BC-PTDA-GSDGĐT	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo đánh giá thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 và kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Số 354/ĐHGTVT-TBQT	Trường ĐHGTVT	
		Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	11/2008	Trường ĐHGTVT	
		Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2009 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	4/2009	Trường ĐHGTVT	
				Trường ĐHGTVT	
		Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030	10/2020	Trường ĐHGTVT	
		Đề án tuyển sinh 2017	Số 51/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Đề án tuyển sinh 2018_01	Số 44/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT	Trường ĐHGTVT	
		Đề án tuyển sinh 2018_02	Số 307/ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Đề án tuyển sinh 2019	Số 94/ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Đề án tuyển sinh 2020	Số 579/ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT	Số 1087/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐH GTVT	Số 1270/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy định hoạt động kết nối cộng đồng của Trường ĐH GTVT	Số 1433b/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy định quản lý và sử dụng tài sản công	Số 2355/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường ĐH GTVT	Số 1001/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định ban hành Quy định quản lý và sử dụng tài sản công	Số 926/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
		Tờ trình về việc rà soát, cập nhật hiện trạng và bổ sung chương trình hành động chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030	11/2020	Trường ĐHGTVT, Phòng HTQT&NCPT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Ý kiến của đoàn đánh giá ngoài sau kiểm định chất lượng giáo dục	12/2016	Trường ĐHGTVT, Phòng HTQT&NCPT	
		Kế hoạch đầu tư CSVC	05/6/2019	Trường ĐHGTVT, phòng PTDA	
		Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	20/5/2013	Trường ĐHGTVT	
		Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị	10/5/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị	22/7/2013	Trường ĐHGTVT	
		Quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị	13/11/2020	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.02.03	Báo cáo tiến độ giải ngân và đề xuất kế hoạch vốn năm 2017_18768_CVD59	Báo cáo số 59/BC-ĐHGTVT ngày 13/02/2017	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng khảo sát, đánh giá phụ tải điện tại trường ĐHGTVT_52961_777	HĐ số 777/10/2018/HĐ-VAE ngày 23/10/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định Chỉ định đơn vị khảo sát, đánh giá phụ tải điện tại trường ĐHGTVT_52964_qd2065	QĐ số 2065/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/10/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định Chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát tầng mái nhà A7_82173_qd1051	QĐ số 1051/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/02/2020	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo đánh giá đầu tư đường dây trung thế 90846_cvd407a	Báo cáo số 407a/BC-PTDA_GSĐGĐT ngày 10/07/2020	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo đánh giá, giám sát đầu tư điều hòa giảng đường 90847_cvd407b	Báo cáo số 407b/BC-PTDA_GSĐGĐT ngày 10/07/2020	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo sử dụng trang		Trường	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		TB phòng học Phân hiệu		ĐHGTVT	
	H7.07.02.04	Bao cao danh gia dau tu co so dao tao tai Hung Yen_8913_CVD162	Số 162/ĐHGTVT ngày 15/04/2016	Trường ĐHGTVT	
		Bao cao dau tu mo rong co so dao tao truong tai Hung Yen_9025_CVD211	Số 211/ĐHGTVT ngày 10/05/2016	Trường ĐHGTVT	
		Ke hoach thuc hien de an ngoai ngu_28523_CVD293	Số 2933/ĐHGTVT-TBQT ngày 14/06/2017	Trường ĐHGTVT	
		Thong bao lap ke hoach dau tu, bo sung, thay the trang thiet bi_30665_923	Số 923/TB-ĐHGTVT ngày 14/12/2016	Phòng TBQT	
		Bao cao ke hoach dau tu cong_40067_cvd308	Số 308/ĐHGTVT-TBQT ngày 06/07/2016	Trường ĐHGTVT	
		Thong bao lap ke hoach dau tu, bo sung, thay the trang thiet bi_46735_427	Số 427/TB-TBQT ngày 12/06/2018	Phòng TBQT	
		To trình, thong bao dau tu TB, CSVN Phân hiệu		Trường ĐHGTVT	
	H7.07.02.05	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_11866_QD1807	QĐ số 1807/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/09/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị thi công lắp đặt đèn_16687_QD2749	QĐ số 2749/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/12/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt dự toán_27222_QD1136	QĐ số 1136/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/06/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định đầu tư nâng cấp đường ống cấp nước_27225_QD1141	QĐ số 1141/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/06/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị thi công đường ống cấp nước_27226_QD1142	QĐ số 1142/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/06/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà	QĐ số 1833/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		thầu_29752_QD1833	08/09/2016		
		Quyết định phê duyệt quyết toan_33320_qd2086	QĐ số 2086/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/11/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị thi công lắp đặt mạng đèn led_33936_qd2184	QĐ số 2184/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/11/2017	Trường ĐHGTVT	
		Trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu_40064_cvd312	Số 312/TT-ĐHGTVT ngày 06/07/2016	Trường ĐHGTVT	
		Trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu_40065_cvd311	Số 311/TT-ĐHGTVT ngày 06/07/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_48393_qd1186	QĐ số 1186/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_48627_qd1442	QĐ số 1442/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/07/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_54641_qd2404	QĐ số 2404/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_57190_qd605	QĐ số 605/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/05/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_57195_qd606	QĐ số 606/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/03/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy_60080_qd990	QĐ số 990/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/05/2019	Trường ĐHGTVT	
		Thông báo kế hoạch bố trí phương tiện_67318_547	TB số 547/TB-ĐHGTVT ngày 02/07/2019	Phòng TBQT	
		Thông báo kế hoạch thi công lắp đặt thiết bị chiếu sáng KTX_78711_386	TB số 386/TB-TBQT ngày 26/05/2020	Phòng TBQT	
		Thông báo kế hoạch thi công hệ thống đường ống trên mái nhà A4	QĐ số 416/TB-TBQT ngày 03/06/2020	Phòng TBQT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		KTX_79074_416			
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tưới cây tự động 80117_qd867	QĐ số 867/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/06/2020	Trường ĐHGTVT	
		Thông báo lắp đặt hệ thống đường ống trên mái nhà A1, A4 KTX_91429_908	TB số 908/TB-TBQT ngày 02/12/2020	Phòng TBQT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu lắp đặt biển hiệu 91949_qd2079	QĐ số 2079/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/12/2020	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.02.06	Quyết định chỉ định tư vấn tham tra hồ sơ nhà thi nghiệm 11653_QD1801	QĐ số 1801/QĐ-ĐHGTVT ngày 1/9/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 12323_QD2011	QĐ số 2011/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/09/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định đầu tư nâng cấp nhà thi nghiệm 12325_QD1958	QĐ số 1958/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/09/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật nhà TN_12327_QD1957	QĐ số 1957/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/09/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định đầu tư cải tạo tầng 6 nhà A2_15560_QD2560	QĐ số 2560/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/12/2016	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng cải tạo tầng 6 nhà A2_16338_905	HĐ số 905/HĐXD/ĐHGTVT ngày 06/12/2016	Trường ĐHGTVT	
		Thông báo kế hoạch lắp đặt bảng nội quy PTN_16558_970	TB số 970/TB-ĐHGTVT ngày 16/12/2016	Phòng TBQT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 20125_QD402	QĐ số 402/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/03/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 47716_qd1044	QĐ số 1044/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/05/2018	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cải tạo sửa chữa chống xuống cấp_36886_qd2397	QĐ số 2397/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/12/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành_40074_qd2577	QĐ số 2577/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/12/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_49807_cvd394	QĐ số 394/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/08/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_57441_qd2375	QĐ số 2375/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/12/2017	Trường ĐHGTVT	
		Trình phê duyệt dự tư, sửa chữa, nâng cấp CSVC TT TN_61150_cvd249	CV số 249/ĐHGTVT-TBQT ngày 20/05/2019	Trường ĐHGTVT	
		QĐ phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu_79159_qd680	QĐ số 680/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/05/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_79252_qd508	QĐ số 508/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/04/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt dự toán_79937_qd861	QĐ số 861/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_89542_qd1608	QĐ số 1608/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/10/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu_91106_qd1948	QĐ số 1948/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/11/2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.02.07	Báo cáo hiệu quả đầu tư 2 dự án 2020	06/7/2020	Trường ĐH GTVT, phòng PTDA	
		Báo cáo đánh giá thực hiện đầu tư xây dựng cơ	15/7/2014	Trường ĐHGTVT,	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		bản		phòng TBQT	
		Báo cáo hiệu quả dự án sau đầu tư năm 2019 - 2020	24/7/2020	Trường ĐH GTVT, phòng PTDA	
		Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đã được giao quản lý, sử dụng	09/10/2020	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
		Báo cáo đánh giá về công tác XD CSVC, thiết bị đào tạo, thư viện	04/7/2014	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
		Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư	10/7/2020	Trường ĐH GTVT, phòng PTDA	
		Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư	10/7/2020	Trường ĐH GTVT, phòng PTDA	
		Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư	28/02/2017	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
		Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công 2019	28/02/2020	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
		Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án	23/02/2016	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
		Rà soát thực trạng PTN	20/4/2018	Trường ĐH GTVT, phòng TBQT	
	H7.07.02.09	Chiến lược phát triển trường	29/9/2020	Trường ĐH GTVT, phòng HTQT&NCPT	
		Triển khai đề án tăng cường CSVC	09/4/2018	Bộ GD&ĐT	
		Đề án tăng cường năng lực hạ tầng CNTT và CSVC	2018	Trường ĐH GTVT, TTUDCNTT	
		Đề xuất danh mục chương trình, đề án, dự	04/5/2018	Bộ GD&ĐT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		án đầu tư CSVN			
		Triển khai gói mua sắm trang thiết bị phòng học thông minh	16/12/2019	Trường ĐH GTVT, phòng PTDA	
		Kế hoạch ngân sách nhà nước năm 2020	12/7/2019	Trường ĐH GTVT, phòng KHCN	
		Kế hoạch ngân sách nhà nước năm 2021	27/5/2020	Trường ĐH GTVT, phòng KHCN	
		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn	14/5/2015	Trường ĐHTVT, phòng TBQT	
		Phê duyệt dự án tăng cường CSVN phòng học thông minh	08/11/2019	Bộ GD&ĐT	
		Danh mục hàng hóa gói thầu đầu tư tăng cường hạ tầng CNTT	03/8/2018	Ban QLDA, Bộ GD&ĐT	
		Trình đề án sử dụng tài sản công	31/3/2020	Trường ĐHTVT, phòng TBQT	
		Công văn bổ sung đề án sử dụng tài sản công	07/12/2020	Bộ GD&ĐT	
		Trình đề xuất danh mục chương trình, đề án, dự án đầu tư CSVN 2019	17/5/2018	Trường ĐHTVT, phòng TBQT	
		Triển khai đề án tăng cường CSVN	26/4/2018	Trường ĐHTVT, phòng TBQT	
	H7.07.02.09	Báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018 TTTT	21/6/2018	Trường ĐHTVT, TTTT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019 TTTT	2019	Trường ĐHTVT, TTTT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020 TTTT	2020	Trường ĐHTVT, TTTT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019 TTUDCNTT	25/6/2019	Trường ĐHTVT, TTUDCNTT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020 TTUDCNTT	24/8/2020	Trường ĐHGTVT, TTUDCNTT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020 PTDA	28/7/2020	Trường ĐHGTVT, phòng PTDA	
		Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2020 TTĐTTT	20/4/2021	Trường ĐHGTVT, TTĐTTT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020 TTĐTTT	06/8/2020	Trường ĐHGTVT, TTĐTTT	
		Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ trạm y tế 2018 - 2020 TTĐTTT	22/4/2021	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Đề xuất phòng Studio phục vụ đào tạo trực tuyến	8/2020	Trường ĐHGTVT, TTĐTTT	
Tiêu chí 7.3	H7.07.03.01	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHGTVT	QĐ số 1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định vv Đổi tên ban Quản lý Mạng và Máy tính thành Trung tâm Ứng dụng CNTT	QĐ số 794/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/04/2011	Trường ĐHGTVT	
		Thông báo bao tri phan mem quan ly dao tao_23475_286	TB số 286/TB-ĐHGTVT ngày 16/05/2017	Phòng TBQT	
		Báo cáo thi đua đẩy mạnh ứng dụng CNTT	21/8/2020	Trường ĐHGTVT, TTUDCNTT	
		Diệt và kiểm soát chuột, diệt muỗi, côn trùng có hại, xử lý vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý chất thải y tế	2015 - 2020	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Cung cấp dịch vụ thuê cây xanh	02/01/2015	Trường ĐHGTVT, phòng TBQT	
		Khám chữa bệnh, bảo	2015 - 2020	Trường	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		hiểm y tế		ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế	2015 - 2020	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Khám sức khỏe định kỳ cho CBVC	2015 - 2020	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Quyết định chỉ định đơn vị khám sức khỏe định kỳ cho CBVC	2015 - 2020	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
		Ban điều hành dự án hoàn thiện và đánh giá tác động môi trường	14/2/2019	Trường ĐHGTVT, phòng KHCN	
		Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	08/9/2020	Trường ĐHGTVT, phòng HTQT&NCPT	
		Quy định sử dụng thư viện	24/12/2019	Trường ĐHGTVT, TTTTTV	
		Đảm bảo vệ sinh các PTN	25/3/2019	Trường ĐHGTVT, phòng TBQT	
		Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường	19/02/2016	Trường ĐHGTVT, phòng TBQT	
		Sử dụng thư viện số	29/8/2019	Trường ĐHGTVT, TTTTTV	
		Sử dụng website và module tra cứu thư viện	19/02/2019	Trường ĐHGTVT, TTTTTV	
		Thu phí BHYT 2021 đối với SV	25/11/2020	Trường ĐHGTVT, Trạm Y tế	
	H7.07.03.02	Thanh toán hợp đồng bảo trì_32639_cvd516	TB số 516/ĐHGTVT-TBQT ngày 30/10/2017	Trường ĐHGTVT	
		Trình xin phê duyệt thiết bị công nghệ thông tin_91736_cvd357	CV số 357/TBQT	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Ke hoạch đầu tư TB CNTT Phan hieu	Từ năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	QĐ số 2466/QĐ-BGDĐT ngày 27/08/2020	Bộ Giáo dục Đào tạo	Dùng chung minh chứng 7.1
	H7.07.03.03	Quyết định phê duyệt dự toán_4234_QD42	QĐ số 42/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/01/2016	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.03.04	Quyết định phê duyệt đầu tư_4235_QD43	QĐ số 42/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/01/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định thầu_4246_QD52	QĐ số 52/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/01/2016	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng kinh tế nâng cấp, sửa chữa, máy tính, máy in_4264_HDKT14	HĐ số 14/UTC-MTECH ngày 07/01/2160	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng cải tạo phòng máy tính tầng 5 A4_5472_39	HĐ số 39/HĐXD/ĐHGTVT ngày 15/01/2016	Trường ĐHGTVT	
				Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy tính, máy in_6042_QD105	QĐ số 105/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/01/2015	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu_9106_QD962	QĐ số 962/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/04/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt dự toán phòng máy tính tầng 5 A4_9107_QD963	QĐ số 963/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/04/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy tính, máy in_25977_QD647B	QĐ số 647B/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/04/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy in, scan_29719_QD1433	QĐ số 1433/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/04/2016	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy tính, may in_29722_QD2458	QĐ số 2458/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/11/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy tính, may in_29724_QD2865	QĐ số 2865/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/12/2016	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp máy tính, may in_34001_qd2215	QĐ số 2215/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/11/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cấp quang_36714_qd1821	QĐ số 1821/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/09/2017	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định tư vấn khảo sát, nâng cấp phòng máy chu_55582_qd2739	QĐ số 2739/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		HĐ dịch vụ tư vấn thẩm tra đề cương phòng máy chủ_55735_20	HĐ số 20/TBQT ngày 07/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật phòng máy chu_55879_qd114	QĐ số 114/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu máy trạm ao_56025_qd197	QĐ số 197/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu camera_56026_qd198	QĐ số 198/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định chỉ định đơn vị thi công phòng máy chu_56054_qd147	QĐ số 147/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu máy trạm ao_56796_qd495	QĐ số 495/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/03/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu camera_56798_qd497	QĐ số 497/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/03/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế	QĐ số 1832/QĐ-	Trường	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		hoach lua chon nha thau khung kien truc_68830_qd1832	ĐHGTVT ngày 03/09/2019	ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu camera KTX_69029_qd1845	QĐ số 1845/QĐ-ĐHGTVT ngày 04/09/2019	Trường ĐHGTVT	
		Hợp đồng mua bán máy bơm dam_71495_923	HĐ số 923/TBQT-ĐHGTVT ngày 31/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê phân mem quan lý đào tạo_73010_qd2529	QĐ số 2529/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/12/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phân mem quan lý đào tạo_73517_qd2784	QĐ số 2784/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/12/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu khung kien truc_74467_qd184	QĐ số 184/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/01/2020	Trường ĐHGTVT	
		Thống kê đầu tư cho CNTT Phân hiệu		Trường ĐHGTVT	
		H7.07.03.05 (1)88041_cvd516 BÁO CÁO THI ĐUA NHIỆM VỤ 5 ĐẦY MẠNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ	CV số 516/CV-ĐHGTVT ngày 21/08/2020	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.03.05	Bao cao cong tac Xay dung CSVC gui TBQT chot		TT UDCNTT	Bản Word
		BC bao tri sua chua may chieu-10052016	BC số 14/BC-TTĐTTH ngày 10/05/2016	TTĐTTH và CGCN GTVT Phân hiệu	
		Quyết định Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐHGTVT	Dùng chung mc 7.2

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 7.4	H7.07.04.01	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHGTVT	QĐ số 1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018	Trường ĐHGTVT	Dùng chung mc 7.3
		Nội quy thư viện phân hiệu	QĐ số 1929/QĐ-ĐHGTVT-PH.HCM ngày 13/11/20137	Trường ĐHGTVT	
		Tờ trình về việc mua sách 2016	21/11/2016	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.04.02	Tờ trình về việc mua tài liệu phục vụ sv 2020	25/09/2020	Trường ĐHGTVT	
		Kế hoạch đầu tư của Phân hiệu	Từ 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	QĐ số 2466/QĐ-BGDDT ngày 27/08/2020	Bộ Giáo dục Đào tạo	Dùng chung minh chứng 7.1
	H7.07.04.03	Quyết định chỉ định đơn vị lập đạt thiết bị phòng chạy đua chạy nhà A8_10245_QD1362	QĐ số 1362/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/08/2016		
	H7.07.04.04	Hợp đồng trang thiết bị nghiệp vụ thu vien_12886_704	HĐ số 704/TB-ĐHGTVT ngày 23/09/2016		
		Quyết định phê duyệt chu trương cải tạo nơi thất tang 6 thu vien_49290_qd1535	QĐ số 1535/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/08/2018		
		Quyết định phê duyệt du toan cải tạo nơi thất tang 6 thu vien_49348_qd1572	QĐ số 1572/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/08/2018		
		Quyết định chỉ định đơn vị tư vấn thiết kế nơi thất tang 6 thu vien_49544_qd1537	QĐ số 1537/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/08/2018		
		Quyết định phê duyệt du toan nơi thất tang 6 thu vien_50261_qd1687	QĐ số 1687/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/08/2018		
		Quyết định phê duyệt	QĐ số 1688/QĐ-		

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		dau tu tang 6 thu vien_50265_qd1688	ĐHGTVT ngày 27/08/2018		
		Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu nội thất tang 6 thu vien_50267_qd1689	QĐ số 1689/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/08/2018		
		Quyết định chỉ định nhà thầu cải tạo nội thất tang 6 thu vien_50869_qd1743	QĐ số 1743/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/09/2018		
		Hợp đồng tư vấn thiết kế cải tạo nội thất tang 6 thu vien_50874_526	HĐ số 526/HĐTV/ĐHGTVT ngày 06/08/2018		
		Hợp đồng cải tạo và lắp đặt nội thất tang 6 thu vien_50880_624	HĐ số 624/2018/HĐKT ngày 05/09/2018		
		Hợp đồng mua bán trang thiết bị thu vien_56167_130	HĐ số 130/Thư viện ngày 28/01/2019		
		Quyết định phê duyệt dự toán phân mềm thu vien dien tu_73766_qd31	QĐ số 31/QĐ-ĐHGTVT ngày 03/01/2020		
		Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phân mềm thu vien dien tu_73917_qd45	QĐ số 45/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/01/2020		
		Quyết định chỉ định đơn vị cung cấp phân mềm thu vien dien tu_74031_qd92	QĐ số 92/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/01/2020		
		Thống kê đầu tư nguồn học liệu Phân hiệu	Từ năm 2016-2020		
		Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016	Số 342/BC-HCTH ngày 29/07/2016	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.04.05	Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017	Số 369/BC-HCTH ngày 25/07/2017	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018	Số 454/BC-HCTH ngày 20/09/2018	Trường ĐHGTVT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019	Số 336/BC-HCTH ngày 28/06/2019	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	Số 623/BC-HCTH ngày 19/10/2020	Trường ĐHGTVT	
		Đề án xây dựng Thư viện số tại Trung tâm TT - TV Phân hiệu	Số 191/Ttr-ĐHGTVT-PH.HCM ngày 11/01/2019	Trường ĐHGTVT	
		Quyết định Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2013	Trường ĐHGTVT	Dùng chung mc 7.2
Tiêu chí 7.5	H7.07.05.01	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHGTVT	QĐ số 1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018	Trường ĐHGTVT	Dùng chung mc 7.3
		QĐ Thành lập Trạm Y tế	QĐ số 4198/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 17/09/2002	Bộ Giáo dục Đào tạo	
		Ke hoạch công tác phong chay chùa chay_CVD61	KH số 61/KH-ĐHGTVT ngày 25/02/2016	Trường ĐHGTVT	
	H7.07.05.02	Ke hoạch tập huấn nghiệp vụ phong chay chùa chay_CVD211	KH số 211/KH-ĐHGTVT ngày 24/04/2017	Trường ĐHGTVT	
		Ke hoạch tập huấn cuu ho chùa chay_CV 598	KH số 598/KH-TTPACC ngày 27/11/2018	Trường ĐHGTVT	
		Ke hoạch tập huấn nghiệp vụ phong chay chùa chay_CVD409	KH số 409/KH-ĐHGTVT ngày 07/08/2019	Trường ĐHGTVT	
		Ke hoạch công tác phong chay chùa chay_CVD659	KH số 659/KH-ĐHGTVT ngày 28/12/2018	Trường ĐHGTVT	
		Thông báo khám sức khỏe định kỳ CB-GV-CNV	Từ năm 2017-2020	Trường ĐHGTVT	
		Kế hoạch môi trường sức khỏe của Phân hiệu	Từ năm 2017-2020	Trường ĐHGTVT	
		HD khám chữa bệnh, bảo hiểm 2016-2020	Từ năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H7.07.05.03	QĐ-HĐ diet chuot 2017-2020	Từ năm 2017-2020	Trường ĐHGTVT	
		QĐ-HĐ diet muoi, con trung 2017-2020	Từ năm 2017-2020	Trường ĐHGTVT	
		QĐ-HĐ don vi kham suc khoe dinh ky 2016-2020	Từ năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
		HĐ xu ly chat thai y te 2020	HĐ Số 23/ Y tế ngày 09/01/2020	Trường ĐHGTVT	
		HĐ phun hóa chất 2020	HĐ Số 79/2020-HDDVMT	Trường ĐHGTVT	
		Thống kê đầu tư môi trường sức khỏe an toàn của Phân hiệu	Từ 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
		Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thang máy 2016	Giấy chứng nhận KQ		
	H7.07.05.04	Giay Chung nhan Bao hiem chay no bat buoc 01 nam nam 2017_28112017	Giấy chứng nhận KQ		
		QĐ Phê duyệt De an bao ve moi truong KTX 7 tang_19122017	Số 3155/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 19/12/2017	Sở TNMT TPHCM	
		Giay phep xe nuoc thai_12022018	Số 215/GP-STNMT-TNNKS ngày 19/02/2018	Sở TNMT TPHCM	
		BC ket qua quan trac M.Truong dot 2-2018		Cty Môi trường	
		Kêt quả kiểm nghiệm máy lọc nước 16-4-2019		Viện Paster HCM	
		Kiểm định hệ thống chôt sét 23-12-2019	Giấy Chứng nhận KQ	Cty TNHH Dịch vụ kiểm định an toàn KV1	

8. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 8.1					
1.	H8.08.01.01	Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	QĐ số 1999/QĐ-ĐHGTVT ngày 04/12/2008	Trường ĐHGTVT	
2.	H8.08.01.02	Dự thảo Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030			Đang xin ý kiến Hội đồng trường để ban hành
3.	H8.08.01.03	Quyết định số 1270/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng Trường đại học GTVT về ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường đại học GTVT	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/7/2013	Trường ĐHGTVT	Trích phần liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng Đối ngoại
4.	H8.08.01.04	Quyết định v/v thành lập phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển	QĐ số 1225/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/5/2019	Trường ĐHGTVT	
5.	H8.08.01.05	Quyết định v/v thành lập phòng Nghiên cứu phát triển	QĐ số 968/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/5/2017	Trường ĐHGTVT	
6.	H8.08.01.06	Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại nhiệm kỳ 2013-2018 và kế hoạch hoạt động cho nhiệm kỳ 2018-2023	Ngày 29/10/2018	Trường ĐHGTVT	
7.	H8.08.01.07	Báo cáo tổng kết hoạt động giai đoạn 2018-2020 và phương hướng, kế hoạch giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&NCPT	Ngày 20/4/2021	Phòng HTQT&NCPT	
8.	H8.08.01.08	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		ngoại và phòng HTQT&NCPT		NCPT	
9.	H8.08.01.09	Báo cáo công tác HTQT/hội nhập quốc tế của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (Số 315/BC-ĐHGTVT ngày 11/7/2016) - Năm học 2016-2017 (Số 386/BC-ĐHGTVT ngày 28/7/2017) - Năm học 2017-2018 (Số 342/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2018) - Năm học 2018-2019 (Số 395/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2019) - Năm học 2019-2020 (Số 485/CV-ĐHGTVT ngày 14/8/2020)	Trường ĐHGTVT	
10.	H8.08.01.10	Dự kiến kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài	Từ năm 2017 đến năm 2020	Trường ĐHGTVT	
11.	H8.08.01.11	Quyết định v/v thành lập Trung tâm Hợp tác cơ sở hạ tầng giao thông Việt - Hàn	QĐ số 514/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/3/2018	Trường ĐHGTVT	
12.	H8.08.01.12	Quyết định v/v thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Việt - Nhật	QĐ số 1231/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/6/2017	Trường ĐHGTVT	
13.	H8.08.01.13	Quyết định v/v thành lập Trung tâm nghiên cứu giao thông Việt - Trung	QĐ số 892/QĐ-ĐHGTVT ngày 03/5/2019	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
14.	H8.08.01.14	Quyết định v/v thành lập Trung tâm nghiên cứu giao thông Việt - Đức	QĐ số 513/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/3/2018	Trường ĐHGTVT	
15.	H8.08.01.15	Quyết định v/v đổi tên Trung tâm Hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu thành Trung tâm đào tạo quốc tế	QĐ số 1803/QĐ-ĐHGTVT ngày 4/10/2013	Trường ĐHGTVT	
16.	H8.08.01.16	Quyết định v/v chuyển đổi Trung tâm đào tạo quốc tế thành Khoa đào tạo quốc tế	QĐ số 882/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/4/2016	Trường ĐHGTVT	
17.	H8.08.01.17	Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1475B/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/9/2020	Trường ĐHGTVT	
18.	H8.08.01.18	Quy định về việc quản lý và sử dụng hộ chiếu công vụ	QĐ số 2527/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/12/2017	Trường ĐHGTVT	
19.	H8.08.01.19	Quy chế quản lý người nước ngoài đến trường học tập	QĐ số 2873/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/12/2016	Trường ĐHGTVT	
20.	H8.08.01.20	Thông báo về báo cáo kết quả công tác nước ngoài của cán bộ, giảng viên	TB số 616/TB-ĐHGTVT ngày 30/8/2016	Phòng Đối ngoại	
21.	H8.08.01.21	Báo cáo công tác năm học của Trường ĐHGTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017)	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			- Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020)		
22.	H8.08.01.22	Thông tin đối ngoại được phổ biến qua văn phòng điện tử của Trường			
23.	H8.08.01.23	Trang thông tin điện tử tiếng Việt của Trường ĐHGTVT		Trường ĐHGTVT	Mục Hợp tác và Tin tức-sự kiện
24.	H8.08.01.24	Trang thông tin điện tử tiếng Anh của Trường ĐHGTVT		Trường ĐHGTVT	Mục Hợp tác và Tin tức-sự kiện
25.	H8.08.01.25	Trang thông tin điện tử của phòng HTQT&NCPT		Phòng HTQT&NCPT	
26.	H8.08.01.26	Giới thiệu trường ĐHGTVT bằng tiếng Việt và tiếng Anh		Trường ĐHGTVT	
27.	H.8.08.01.27	Văn bản hướng dẫn phổ biến đến cán bộ, giảng viên qua email		Phòng HTQT&NCPT	
28.	H8.08.01.06	Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại nhiệm kỳ 2013-2018 và kế hoạch hoạt động cho nhiệm kỳ 2018-2023	Ngày 29/10/2018	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
29.	H8.08.01.07	Báo cáo tổng kết hoạt động giai đoạn 2018-2020 và phương hướng, kế hoạch giai đoạn 2020-2025 của Phòng HTQT&NCPT	Ngày 20/4/2021	Phòng HTQT&NCPT	
30.	H8.08.01.08	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
31.	H8.08.01.09	Báo cáo công tác HTQT/hội nhập quốc tế của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (Số 315/BC-ĐHGTVT ngày 11/7/2016) - Năm học 2016-2017 (Số 386/BC-ĐHGTVT ngày 28/7/2017) - Năm học 2017-2018 (Số 342/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2018) - Năm học 2018-2019 (Số 395/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2019) - Năm học 2019-2020 (Số 485/CV-ĐHGTVT ngày 14/8/2020)	Trường ĐHGTVT	
Tiêu chí 8.2					
	H8.08.02.01	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài giai đoạn 2016-		Phòng HTQT&NCPT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2020			
	H8.08.02.02	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.03	Danh sách các tổ chức và mạng lưới quốc tế Trường ĐHGTVT tham gia		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.04	Thống kê các chương trình liên kết đào tạo		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.05	Thống kê các khóa đào tạo ngắn hạn giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.06	Thống kê số lượng sinh viên Lào và Campuchia học tập tại trường giai đoạn 2016-2020	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.07	Danh sách lưu học sinh Lào và Campuchia đang học tập tại Trường		Trường ĐHGTVT	
	H8.08.02.08	Danh sách cán bộ, giảng viên đi công tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.09	Danh sách cán bộ, giảng viên đi học ở nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.10	Danh sách giảng viên, chuyên gia nước ngoài đến trường giảng dạy/nghiên cứu/tham dự hội nghị, hội thảo giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.11	Danh sách sinh viên nước ngoài đến học tập, thực tập ngắn hạn, trao đổi tại trường giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H8.08.02.12	Danh sách sinh viên của trường tham gia các chương trình trao đổi giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.13	Ý kiến phản hồi và báo cáo của sinh viên tham gia các chương trình trao đổi		Sinh viên	
	H8.08.02.14	Danh sách các hội nghị, hội thảo, seminar trong nước và quốc tế giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.15	Danh sách các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.01.17	Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1475B/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/9/2020	Trường ĐHGTVT	
	H8.08.01.08	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.01.21	Báo cáo công tác năm học của Trường ĐHGTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày	Trường Đại học GTVT	Trích phần liên quan đến công tác đối ngoại

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐH GTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-DDHGTVT ngày 19/10/2020)		
	H8.08.02.01	Thông kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.02	Thông kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
Tiêu chí 8.3					
	H8.08.03.01	Khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, người học về mọi mặt hoạt động của Trường	2019	Phòng KT&BDCLĐT	
	H8.08.02.13	Ý kiến phản hồi và báo cáo của sinh viên tham gia các chương trình trao đổi		Sinh viên	
	H8.08.03.02	Báo cáo kết quả công tác nước ngoài	Từ 2016 đến 2020	Đoàn/cá nhân đi công tác	
	H8.08.03.03	Lịch họp giao ban tháng (Hội nghị công tác tháng)	Từ 2016 đến 2020		Lấy trên VPĐT
	H8.08.01.18	Quy định về việc quản lý và sử dụng hộ chiếu công vụ	QĐ số 2527/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/12/2017	Trường ĐHGTVT	
	H8.08.01.19	Quy chế quản lý người nước ngoài đến trường	QĐ số 2873/QĐ-	Trường	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		học tập	ĐHGTVT ngày 28/12/2016	ĐHGTVT	
	H8.08.01.20	Thông báo về báo cáo kết quả công tác nước ngoài của cán bộ, giảng viên	TB số 616/TB-ĐHGTVT ngày 30/8/2016	Phòng Đối ngoại	
	H8.08.03.04	Quy chế về quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ số 3767/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	H8.08.03.05	Văn phòng điện tử Trường		Trường ĐHGTVT	
	H8.08.01.27	Văn bản hướng dẫn phổ biến đến cán bộ, giảng viên qua email		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.01.09	Báo cáo công tác HTQT/hội nhập quốc tế của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (Số 315/BC-ĐHGTVT ngày 11/7/2016) - Năm học 2016-2017 (Số 386/BC-ĐHGTVT ngày 28/7/2017) - Năm học 2017-2018 (Số 342/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2018) - Năm học 2018-2019 (Số 395/BC-ĐHGTVT ngày 31/7/2019) - Năm học 2019-2020 (Số 485/CV-ĐHGTVT ngày 14/8/2020)	Trường ĐHGTVT	
	H8.08.01.01	Chiến lược phát triển	QĐ số	Trường	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1999/QĐ-ĐHGTVT ngày 04/12/2008	ĐHGTVT	
	H8.08.02.01	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.02	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.14	Danh sách các hội nghị, hội thảo, seminar trong nước và quốc tế giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
Tiêu chí 8.4					
	H8.08.04.01	Quyết định phê duyệt Chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng với Trường ĐH Bedfordshire – VQ Anh; Chương trình Liên kết Quốc tế ngành Quản trị kinh doanh với Trường Đại học EM Normandie (CH.Pháp)	QĐ số 1980/QĐ-BGDĐT ngày 12/7/2019; QĐ số 2914/QĐ- BGDĐT ngày 06/10/2020	Bộ GD và ĐT	
	H8.08.04.02	Thống kê các đoàn Lãnh đạo đi công tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.04.03	Thống kê các đoàn vào làm việc với Trường giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.11	Danh sách sinh viên nước ngoài đến học tập, thực tập ngắn hạn, trao đổi tại trường giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.02.12	Danh sách sinh viên đi		Phòng	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		học hoặc thực tập ở nước ngoài giai đoạn 2016-2020		HTQT&NCPT	
	H8.08.02.03	Danh sách các tổ chức và mạng lưới quốc tế Trường ĐHGTVT tham gia		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.04.04	Danh sách các chương trình, dự án quốc tế Trường tham gia giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.03.02	Báo cáo kết quả công tác nước ngoài	Từ 2016 đến 2020	Đoàn/cá nhân đi công tác	
	H8.08.04.05	Một số hoạt động hợp tác diễn hình với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.04.06	Danh sách các khóa đào tạo, hội thảo kỹ năng mềm và giới thiệu việc làm do Trường ĐHGTVT phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc tổ chức giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.04.07	Thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước năm 2020		Phòng HTQT&NCPT	
	H8.08.01.23	Trang thông tin điện tử tiếng Việt của Trường ĐHGTVT		Trường ĐHGTVT	Mục Hợp tác và Tin tức-sự kiện
	H8.08.01.24	Trang thông tin điện tử tiếng Anh của Trường ĐHGTVT		Trường ĐHGTVT	Mục Hợp tác và Tin tức-sự kiện

9. Danh mục minh chứng tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.9.1.1	Quyết định Về việc thành lập phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo Trường ĐHGTVT	QĐ số 2227/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/10/2012.	Trường ĐHGTVT	
H9.9.1.2	Ban hành quy định về chức năng, nv của phòng Khảo thí & BĐCLĐT	QĐ số 2228/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/10/2012	Trường ĐHGTVT	
H9.9.1.3	QĐ tham gia các khóa Đào tạo của Bộ GD &ĐT. AUN	- QĐ 1717/QĐ ĐHGTVT ngày 21/10/2020	Trường Đại học GTVT	
H9.9.1.4	Giấy chứng nhận KĐV, các chứng chỉ		AUN, Bộ GDĐT	
H9.9.1.5	Kế hoạch BĐCL hàng năm	- KH 509b KH-ĐHGTVT ngày 15/10/2018 - KH 547 KH-ĐHGTVT ngày 22/10/2019	Trường Đại học GTVT	
H9.9.1.6	Báo cáo giao ban các cuộc họp	Giao ban Tháng từ năm 2016-2020	Trường Đại học GTVT	
H9.9.1.7	QĐ thành lập mạng lưới BĐCL	- QĐ 1014 /QĐ-ĐHGTVT ngày 14/5/2019. - QĐ 579 /QĐ-ĐHGTVT ngày 13/8/2020.	Trường Đại học GTVT	
H9.9.1.8	Kế học Tập huấn Công tác BĐCLGD Trường ĐHGTVT	- QĐ 579/QĐ-ĐHGTVT ngày 03/8/2020	Trường Đại học GTVT	
H9.9.2.1	Dự thảo chiến lược trường 2018		Trường ĐHGTVT	
H9.9.2.3	Kế hoạch BĐCL hàng năm	KH 509b KH-ĐHGTVT ngày 15/10/2018 - KH 547 KH-ĐHGTVT ngày 22/10/2019	Trường ĐHGTVT	
H9.9.2.4	Đăng ký thành viên AUN	mail	Trường ĐHGTVT	
H9.9.2.6	Chứng chỉ tập huấn	Các chứng chỉ tập huấn các khóa BĐCL	Bộ GD&ĐT,	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			AUN	
H9.9.3.1	Kế hoạch BĐCL hàng năm	KH 509b KH-ĐHGTVT ngày 15/10/2018 - KH 547 KH-ĐHGTVT ngày 22/10/2019	Trường ĐHGTVT	
H9.9.3.2	KL họp giao ban tháng	Chỗ Huy	Trường ĐHGTVT	
H9.9.3.3	Báo cáo tháng của đơn vị	Bản báo cáo công tác hàng tháng	Trường ĐHGTVT	
H9.9.3.4	Bảng khảo sát MC		Trường ĐHGTVT	
H9.9.3.5	TB, kết quả khảo sát về các mặt hoạt động của Nhà trường		Trường ĐHGTVT	
H9.9.3.6	Kế hoạch tập huấn TĐG Trường 2020	Kế học Tập huấn Công tác BĐCLGD Trường ĐH GTVT số 699 ngày 10/9/2020 Thông báo 604 ngày 28/11/2018 QĐ 1014 ngày 14/5/2019	Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.1	Các TB về khảo sát	- Báo cáo về Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ công 164/BC-ĐHGTVT ngày 28.2.2020 - Báo cáo Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 470/BC ĐHGTVT ngày 10.8.2020.	Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.2	Các văn bản về BĐCL	Các quy định, thông báo của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng - Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Bộ GD&ĐT - Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Bộ GD&ĐT		
H9.9.4.3	Văn bản đăng trên website phòng	Ảnh chụp	Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.4	BC 3 công khai và bản chụp màn hình	Anh chụp	Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.5	QĐ sử dụng VPĐT		Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.6	CSDL của Phòng KH trên VPĐT		Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.7	Ảnh chụp trang web	Ảnh chụp	Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.8	Tập huấn công tác quản lý hành chính 11/2020		Trường ĐHGTVT	
H9.9.4.9	KQ lấy ý kiến các bên liên quan	- TB kết quả lấy ý kiến hàng năm	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.1	KL họp giao ban, tổng kết năm học	Kết luận tổng kết năm học các năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.2	Báo cáo công tác tháng của các đơn vị		Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.3	Chiến lược phát triển trường	Năm 2018-2020	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.4	Quy định về giờ chuẩn, giờ NCKH của GV	Phòng NCKH	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.5	Quy định về mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Các Quyết định về Quy trình đánh giá hoàn thành công việc của gv	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.6	Quy định về công tác khen thưởng/ Kỷ luật	QĐ 2227 ngày 29/11/2017	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.7	Quy chế chi tiêu nội bộ	- Các quy chế chi tiêu nội bộ từ 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.8	Quy định về công tác Khảo thí, công tác BDCL		Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.9	Kết quả khảo sát về các hoạt động của Nhà trường	Bảng kết quả khảo sát hàng năm	Trường ĐHGTVT	
H9.9.5.10	Danh sách khen thưởng CB, GV hàng năm	Danh sách khen thưởng từ năm 2016-2020	Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.1	Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ	Báo cáo TK nhiệm	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	của phòng KT&BDCLĐT	ký 2013-2018 và Phương hướng NV 2016-2023 phòng KT&BDCLĐT	ĐHGTVT	
H9.9.6.2	Các biên bản họp về BDCL	Biên bản họp	Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.3	Biên bản cuộc họp về lựa chọn CTĐT đánh giá AUN	Kết luận về lựa chọn CTĐT	Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.4	Thành lập mạng lưới BDCL	- QĐ 1014 /QĐ- ĐHGTVT ngày 14/5/2019. - QĐ 579 /QĐ- ĐHGTVT ngày 13/8/2020.	Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.5	Bảng khảo sát hệ thống BDCL		Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.6	Bảng tổng hợp giải pháp của UPM		Trường ĐHGTVT	
H9.9.6.7	Kết quả lấy ý kiến	- Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học hàng năm	Trường ĐHGTVT	

10. Danh mục minh chứng tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H10.10.1.01	Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2008- 2020, tầm nhìn 2030		Trường ĐH GTVT	
H10.10.1.02	Quyết định thành lập phòng KT&BDCLĐT	2227/QĐ- ĐHGTVT ngày 19/10/2012	Trường ĐH GTVT	
H10.10.1.03	Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường ĐHGTVT	1270/ QĐ ĐHGTVT ngày 22/7/2013	Trường ĐH GTVT	
H10.10.1.04	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	QĐ 12/QĐKĐCL ngày 23/3/2016	Trường ĐH GTVT	

H10.10.1.05	TB kết luận cuộc họp thực hiện kế hoạch BĐCL sau khuyến nghị của chuyên gia ĐGN	939/ TB ĐHGTVT ngày 14/12/2016	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.06	TB cuộc họp giao ban 4/2016 và nhiệm vụ 5/2016	338/TB-ĐHGTVT ngày 12/5/2016	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.07	QĐ thành lập hội đồng tự đánh giá các CTĐT	1036/QĐĐHGTVT 1037/QĐĐHGTVT 1039/QĐĐHGTVT 1040/QĐĐHGTVT ngày 13/5/2016	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.08	Thành lập các nhóm công tác giúp việc cho hội đồng TĐG chất lượng các CTĐT	1043/QQD ĐHGTVT ngày 13/5/2016	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.09	Công văn đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT	235/ CV-ĐHGTVT ngày 23/5/2016	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.10	QĐ thành lập mạng lưới BĐCL	1014/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/5/2019	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.11	Thông báo và kế hoạch tập tập huấn mạng lưới BĐCL	TB 400/ĐH GTVT ngày 17/5/2019	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.12	Thành lập hội đồng TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN- QA	TB 51/TB ĐHGTVT QĐ 161, 162, 163/QĐ ĐHGTVT ngày 16/1/2020	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.13	Thư trả lời của tổ chức AUN về việc đăng ký kiểm định CTĐT theo AUN	4/2020	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.14	QĐ thành lập hội đồng, các nhóm công tác và kế hoạch tập huấn công tác tự đánh giá	QĐ 1443, 1444/ĐH GTVT ngày 9/9/2020 TB 699/ TB ĐHGTVT ngày 10/9/2020	Trưởng ĐH GTVT	
H10.10.1.15	Kế hoạch tự đánh giá Trường ĐH GTVT giai đoạn 2016- 2020	601/ ĐHGTVT KH- ngày 7/10/2020	Trưởng ĐH GTVT	

H10.10.1.16	Chỉ định đơn vị thẩm định báo cáo TĐG	2275/ ĐHGTVT ngày 24/10/ 2016	Trường ĐH GTVT	
H10.10.1.17	Hợp đồng ký kết đánh giá ngoài		Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.01	Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015, phương hướng nhiệm vụ năm học 2015-2016	10- 2015	Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.02	Thẻ KĐ		Bộ GDĐT	
H10.10.2.03	QĐ cử cán bộ đi đào tạo kiểm định viên	QĐ 1861/ĐH GTVT ngày 19/9/2018 QĐ 1719/ĐH GTVT ngày 21/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.04	Giấy chứng nhận kiểm định viên		Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.05	QĐ và danh sách thành viên đoàn ĐGN	QĐ 46/ QĐKĐCL ngày 16/11/2015 QĐ 54/ QĐKĐCL ngày 25/12/2015	Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.06	Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục trường		Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.07	QĐ thành lập hội đồng tự đánh giá các CTĐT	1036/QĐĐHGTVT 1037/QĐĐHGTVT 1039/QĐĐHGTVT 1040/QĐĐHGTVT ngày 13/5/2016	Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.08	QĐ thành thành lập đoàn chuyên gia ĐGN đối với 05 CTĐT	93/QĐ-KĐCL 94/QĐ-KĐCL 95/QĐ-KĐCL 96/QĐ-KĐCL 97/QĐ-KĐCL Ngày 14/12/2016	Trường ĐH GTVT	
H10.10.2.09	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT đối với 05 CTĐT của Nhà trường		Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.01	BC TĐG chất lượng GD Trường	2015	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.02	BC TĐG CTĐT	2017	Trường ĐH GTVT	

H10.10.3.03	BC ĐGN đối với kiểm định CLGD Trường	2015	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.04	BC ĐGN đối với CTĐT	2017	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.05	TB kết luận cuộc họp thực hiện kế hoạch BĐCL sau khuyến nghị của chuyên gia ĐGN	939/ TB ĐHGTVT ngày 14/12/2016	Trường ĐH GTVT	H10.10.1.05
H10.10.3.06	Góp ý kế hoạch triển khai sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia ĐGN đối với CTĐT	206/CV-ĐHGTVT ngày 20/4/2017	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.07	TB áp dụng CTĐT chính qui sau khi rà soát	307/TB ĐHGTVT ngày 30/5/2017	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.08	Thành lập BCD xây dựng CTĐT theo CDIO	1124/QĐ ĐHGTVT ngày 23/5/2019	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.09	Kế hoạch tập huấn, sà soát xây dựng CTĐT theo CDIO	169/TB ĐHGTVT ngày 16/3/2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.10	Quy chế quản lý KHCN	1942/QĐ ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.11	Ban hành QĐ giờ chuẩn đối với hoạt động KHCN	1293/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/8/2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.12	Các QĐ phê duyệt xây dựng, nâng cấp đầu tư	2678/QĐ ĐHGTVT ngày 23/12/2018	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.13	Nâng cấp phòng học thông minh		Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.14	Các quy định về thư viện, thư viện số	910/TB ĐHGTVT 2706/QĐ ĐHGTVT 693/QĐ ĐHGTVT	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.15	Các TB về vị trí việc làm	2018, 2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.16	Kết luận hội thảo	555/TB ĐHGTVT ngày 16/8/2018	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.17	Các TB về lấy ý kiến người học tốt	2018, 2019, 2020	Trường ĐH GTVT	

	nghiệp, CB/GV/NV trong toàn trường			
H10.10.3.18	TB về lấy ý kiến người học	2016- 2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.19	Báo cáo tổng kết năm học của P. KT&BDCLĐT	2016- 2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.20	Công văn và BC giữa chu kỳ kiểm định CLGD Trường	2017	Trường ĐH GTVT	
H10.10.3.21	Công văn và BC giữa chu kỳ kiểm định CTĐT	2018	Trường ĐH GTVT	
H10.10.4.1	QĐ thành lập mạng lưới BDCL	1014/QĐ- ĐHGTVT ngày 14/5/2019	Trường ĐH GTVT	
H10.10.4.2	Thông báo và kế hoạch tập tập huấn mạng lưới BDCL	TB 400/ĐH GTVT ngày 17/5/2019	Trường ĐH GTVT	
H10.10.4.3	TB khảo sát hệ thống BDCL CTĐT	900/TB-ĐHGTVT ngày 25/10/2019	Trường ĐH GTVT	
H10.10.4.4	Tập huấn công tác BDCL	699/TB ĐHGTVT ngày 10/9/2020	Trường ĐH GTVT	
H10.10.4.5	Biên bản họp báo cáo tiến độ TĐG trường giai đoạn 2016- 2020	2020	Trường ĐH GTVT	

11. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 11.1					
1.	H11.11.1.1	Chiến lược phát triển của Trường ĐHGTVT		HĐT	
2.	H11.11.1.2	<u>Tổng kết năm học 2019 - 2020 và xây dựng kế hoạch năm học 2020-2021</u>		Trường ĐHGTVT	
3.	H11.11.1.3	Lịch công tác tuần đầu hàng		Trường	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tháng		ĐHGTVT	
4.	H11.11.1.4	Triển khai phần mềm quản lý công việc trên Văn phòng điện tử	TB số 115, ngày 5 tháng 2 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
5.	H11.11.1.5	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường	QĐ 1270 ngày 22 tháng 7 năm 2013	Trường ĐHGTVT	
6.	H11.11.1.6	Quyết định thành lập TT ứng dụng CNTT	Quyết định số 794/QĐ-ĐHGTVT, ngày 29/04/2011	Trường ĐHGTVT	
7.	H11.11.01.7	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của P KT và BDCLĐT	Quyết định số 2228 ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐHGTVT	
8.	H11.11.1.8	Hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	255B ngày 2 tháng 6 năm 2016	Trường ĐHGTVT	
9.	H11.11.1.9	Kế hoạch công tác BDCL năm học	Số 509B, ngày 19 tháng 10 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
10.	H11.11.1.10	Thực hiện công tác lấy ý kiến CB, GV, CNV trường ĐH GTVT tại Hà Nội về các hoạt động của Nhà trường	633 ngày 6 tháng 8 năm 2019	Trường ĐHGTVT	
11.	H11.11.1.11	khảo sát ý kiến của người học về GV	445 ngày 15 tháng 6 năm 2020	Trường ĐHGTVT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
12.	H11.11.1.12	khảo sát ý kiến của người học về CVHT	619 ngày 12 tháng 8 năm 2020	Trường ĐHGTVT	
13.	H11.11.1.13	khảo sát ý kiến của người học về CTĐT	100 ngày 30 tháng 1 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
14.	H11.11.1.14	khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng		Trường ĐHGTVT	
15.	H11.11.1.15	Thực hiện công tác văn thư	TB số 66 ngày 13 tháng 3 năm 2020	Trường ĐHGTVT	
16.	H11.11.1.16	Triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến	TB số 66 ngày 18 tháng 1 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
17.	H11.11.1.17	Tổ chức triển khai và hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo	TB số 276 ngày 13 tháng 5 năm 2010	Trường ĐHGTVT	
18.	H11.11.1.18	<u>Nhập và thẩm định giờ NCKH năm học 2018-2019 trên VPĐT</u>	<u>401/TB-ĐHGTVT</u> Ngày 17 tháng 5 năm 2019	Trường ĐHGTVT	
19.	H11.11.1.19	Kế hoạch đăng ký NCKH sinh viên		Trường ĐHGTVT	
20.	H11.11.1.20	Kế hoạch đăng ký NCKH của giảng viên hàng năm (cấp bộ, cấp cơ sở)	Tuyển chọn cá nhân chủ trì đề tài KHCN cấp bộ năm	Trường ĐHGTVT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			2016		
21.	H11.11.1.21	Kế hoạch triển khai cài đặt phần mềm phòng chống và diệt Virus bản quyền cho máy tính của các đơn vị trong toàn trường	441/TB-ĐHGTVT, ngày 19 tháng 6 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
Tiêu chí 11.2					
22.	H11.11.02.01	Chiến lược phát triển của Trường ĐHGTVT		Trường ĐHGTVT	
23.	H11.11.02.02	Ban hành quy định về hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐH GTVT	Ngày 26 tháng 2 năm 2016	Trường ĐHGTVT	
24.	H11.11.02.03	Sử dụng Văn phòng điện tử Trường đại học GTVT	Ngày 15 tháng 6 năm 2016	Trường ĐHGTVT	
25.	H11.11.02.04	Quy định quản lý và sử dụng Hệ thống văn phòng điện tử trường ĐH GTVT	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	Trường ĐHGTVT	
26.	H11.11.02.05	Thông báo sử dụng phần mềm quản lý đào tạo	TB số 276 ngày 13 tháng 5 năm 2010	Trường ĐHGTVT	
27.	H11.11.02.06	Quyết định về việc <u>Xây dựng khung kiến trúc Trường đại học điện tử hướng đến mô hình đại học thông minh và một số phần mềm quản trị điều hành công việc của Nhà trường</u>	Quyết định số 2678 Ngày 26 tháng 12 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
28.	H11.11.02.07	Tập huấn sử dụng phần mềm chữ ký số và bàn giao eToken, mã pin cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường		Trường ĐHGTVT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
29.	H11.11.02.08	Xác định thời hạn bảo quản tài liệu lưu trữ	Ngày 6 tháng 11 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
30.	H11.11.02.09	Báo cáo tổng kết năm học của TT UDCNTT		Trường ĐHGTVT	
31.	H11.11.02.10	Báo cáo tổng kết năm học của Phòng HCTH		Trường ĐHGTVT	
32.	H11.11.02.11	Báo cáo tổng kết năm học của Phòng ĐTDH		Trường ĐHGTVT	
33.	H11.11.02.12	Báo cáo tổng kết năm học của Phòng KT và BDCLĐT		Trường ĐHGTVT	
34.	H11.11.02.13	Cập nhập dữ liệu phục vụ công tác báo cáo thống kê năm học	Ngày 29 tháng 3 năm 2019	Trường ĐHGTVT	
Tiêu chí 11.3					
35.	H11.11.03.01	Cập nhập thông tin giới thiệu các đơn vị trên Website Trường	Thông báo số 899 ngày 27 tháng 12 năm 2017	Trường ĐHGTVT	
36.	H11.11.03.02	Triển khai phần mềm quản lý công việc trên Văn phòng điện tử		Trường ĐHGTVT	
37.	H11.11.03.03	<u>Thông báo về việc kê khai công việc trên Hệ thống Văn phòng điện tử</u>	Thông báo số 672 ngày 14 tháng 9 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
38.	H11.11.03.04	Quyết định về việc <u>Xây dựng khung kiến trúc Trường đại học điện tử hướng đến mô hình đại học thông minh và một số phần mềm quản trị điều hành</u>	Quyết định số 2678 Ngày 26 tháng 12 năm 2018	Trường ĐHGTVT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<u>công việc của Nhà trường</u>			
39.	H11.11.03.05	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 28 6 2019	Ngày 28 tháng 6 năm 2019	Trường ĐHGTVT	
40.	H11.11.03.06	Báo cáo tổng kết hàng năm của phòng KT và ĐCCLĐT		KT và ĐCCLĐT	
41.	H11.11.03.07	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của P KT và ĐCCLĐT	Quyết định số 2228 ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐHGTVT	
42.	H11.11.03.08	Kiểm toàn mạng lưới đảm bảo chất lượng 3 8 2020	Thông báo số 579 ngày 3 tháng 8 năm 2020	Trường ĐHGTVT	
43.	H11.11.03.09	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc 14 6 2016	Ngày 14 tháng 6 năm 2016	Trường ĐHGTVT	
44.	H11.11.03.10	Phiếu khảo sát CB, GV CNV năm 2020		Trường ĐHGTVT	
Tiêu chí 11.4					
45.	H11.11.04.01	Chiến lược giai đoạn 2008 – 2020, tầm nhìn 2030; Dự thảo chiến lược giai đoạn 2020 - 2025		Trường ĐHGTVT	
46.	H11.11.04.02	Kế hoạch năm học hàng năm		Trường ĐHGTVT	
47.	H11.11.04.03	Cập nhập thông tin giới thiệu các đơn vị trên website Trường	Ngày 28 tháng 8 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
48.	H11.11.04.04	Sử dụng website và modul tra cứu thư viện	Ngày 19 tháng 12	Trường ĐHGTVT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			năm 2019		
49.	H11.11.04.05	Quyết định về việc <u>Xây dựng khung kiến trúc Trường đại học điện tử hướng đến mô hình đại học thông minh và một số phần mềm quản trị điều hành công việc của Nhà trường</u>	Quyết định số 2681 ngày 26 tháng 12 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
50.	H11.11.04.06	<u>Hỗ trợ kỹ thuật sau khi chuyển đổi hệ thống mạng theo dự án CNTT của Bộ GD&ĐT tại Trường ĐH GTVT</u>	Ngày 21 tháng 12 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
51.	H11.11.04.07	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT	Ngày 1 tháng 6 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
52.	H11.11.04.08	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của P KT và BDCLĐT	Quyết định số 2228 ngày 19 tháng 10 năm 2012	Trường ĐHGTVT	
53.	H11.11.04.09	Báo cáo tổng kết tháng, học kỳ, năm của Phòng KT &BDCLĐT		KT &BDCLĐT	
54.	H11.11.04.10	Báo cáo khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm		KT &BDCLĐT	

12. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.01.01	Luật Giáo dục đại học (Chương VII)	08/2012/QH13 ngày 18/ 6/2012	Quốc hội	
H12.12.01.02	Website mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH GTVT	Năm 2020	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			GTVT	
H12.12.01.03	Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030	Quyết định số 1999/QĐ-ĐH GTVT ngày 04/12/2008	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.04	Dự thảo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.05	Lấy ý kiến góp ý Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030	Thông báo số 736/TB-ĐH GTVT ngày 29/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nhà Trường	Thông báo 193/TB-ĐH GTVT ngày 04/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến góp ý dự thảo chiến lược phát triển của Nhà Trường	Thông báo 339/TB-ĐH GTVT ngày 17/05/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.06	Quyết định thành lập Phòng KT&BDCLĐT	Quyết định 2227/QĐ-ĐH GTVT ngày 19/10/2012	Trường ĐH GTVT	
	Quy định chức năng nhiệm vụ của phòng KT&BDCLĐT	Quyết định 2228/QĐ-ĐH GTVT ngày 19/10/2012	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.07	Ban hành Đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế năm 2016.	Đề án 1662/ĐH GTVT ngày 15/08/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.08	Thành lập Phòng Phát triển dự án của Trường ĐH GTVT	Quyết định 1215/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/05/2019	Trường ĐH GTVT	
	Quy định về lập kế hoạch mua sắm, lựa chọn nhà thầu và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện đề tài/dự án có mua sắm vật tư, trang thiết bị.	Quyết định số 94/TB-ĐH GTVT ngày 27/01/2016	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Hỗ trợ kỹ thuật sau khi chuyển đổi hệ thống mạng theo dự án CNTT của Bộ GD&ĐT tại Trường ĐH GTVT	Thông báo số 964/TB-ĐHGTVT ngày 21/12/2018	Trường ĐH GTVT	
	Khóa đào tạo về quản lý dự án trong mối tương quan với quy trình quản lý chất lượng và Hội thảo về thiết lập quy trình thực hiện các hoạt động khoa học tại Trường ĐH GTVT	Số 780/TB-HTQT&NCPT ngày 13/09/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.09	Kế hoạch thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo năm học 2016-2017 và các năm tiếp theo	Số 187B/TB-ĐHGTVT ngày 11/03/2016	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo năm học 2016-2017 và các năm tiếp theo	Số 170B/TB-ĐHGTVT ngày 04/03/2016	Trường ĐH GTVT	
	Xây dựng chương trình đào tạo theo nghị định 99/2019/NĐ-CP	637/CV-ĐHGTVT 26/10/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.10	Rà soát đối chiếu và góp ý kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021	460/TB-ĐHGTVT 19/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	103/TB-ĐHGTVT 14/02/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	30/TB-ĐHGTVT 10/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo rà soát điều kiện đảm bảo chất lượng xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TS, ThS, ĐH năm 2019	297/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT 14/06/2019	Trường ĐH GTVT	
	Rà soát đề cương các môn thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ	540/TB-ĐHGTVT 08/08/2018	Trường ĐH GTVT	
	Kết quả rà soát và triển khai thực hiện thuyết minh đề tài KHCN cấp trường năm 2019	362/TB-ĐHGTVT 23/05/2018	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Rà soát mã số, tên ngành, chuyên ngành đúng (phù hợp), gần, khác; Chương trình học bổ sung kiến thức; Đề cương các môn thi trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ	78/TB-ĐH GTVT 23/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai rà soát các kênh truyền thông liên quan đến Nhà Trường	602/TB-ĐH GTVT 25/09/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.11	Ban hành Quy trình tự đánh giá các chương trình đào tạo của Trường ĐH GTVT	2267/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/10/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.12	Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học	Thông tư số 12/2017/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2017	Trường ĐH GTVT	
	Về hướng dẫn TĐG CSGD đại học	Số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.13	Thành lập Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật ô tô theo tiêu chuẩn AUN	162/QĐ-ĐH GTVT ngày 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa theo tiêu chuẩn AUN	161/QĐ-ĐH GTVT ngày 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông theo tiêu chuẩn AUN	163/QĐ-ĐH GTVT ngày 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.14	Ban hành mạng lưới BDCL	Quyết định 1014 ngày 14 tháng 5 năm 2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.15	Việc áp dụng chương trình đào tạo đại học chính quy sau khi rà soát điều chỉnh năm 2016	307/TB-ĐTĐH ngày 30/05/2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.01.16	Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	2005B/QĐ-ĐHGTVT 10/09/2009	Trường ĐH GTVT	
	Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	1578/QĐ-ĐHGTVT 10/08/2018	Trường ĐH GTVT	
	Hoàn thành chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	204/QĐ-ĐHGTVT 21/01/2019	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	1707/QĐ-ĐHGTVT 19/08/2019	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Chương trình đào tạo bậc đại học hệ liên thông chính quy chuyên ngành Kỹ thuật Nhiệt lạnh theo hệ thống tín chỉ	1785B/QĐ-ĐHGTVT 11/09/2018	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	1882/QĐ-ĐHGTVT 21/09/2018	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ các ngành Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ điện tử	1943/QĐ-ĐHGTVT 28/09/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.16	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy ngành Kiến trúc theo hệ thống tín chỉ	2214/QĐ-ĐHGTVT 12/11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Quy định kết cấu tín chỉ và mã của các học phần ngoại ngữ	92/TB-ĐHGTVT 21/01/2019	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ liên thông chính quy chuyên ngành Công nghệ chế tạo cơ khí theo hệ thống tín chỉ	1815/QĐ-ĐHGTVT 30/08/2019	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ liên thông chính quy theo hệ thống tín chỉ chuyên	1551/QĐ-ĐHGTVT 24/09/2020	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ngành Cơ điện tử			
	Góp ý cho Quy chế đào tạo hệ VLVH trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ (Dự thảo lần 2)	629/TB-ĐHTC 04/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	Góp ý cho Quy chế đào tạo hệ VLVH trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ (Dự thảo lần 3)	704/TB-ĐHTC 31/10/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.17	Sổ tay sinh viên	Năm 2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.18	Xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ	266/TB-TCKT 08/05/2017	Trường ĐH GTVT	
	Đóng góp ý kiến Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017	712/TB-TCKT 03/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH GTVT	2116/QĐ-ĐHGTVT 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	Đính chính Quy chế chi tiêu Nội bộ năm 2017	445/TB-TCKT ngày 19/06/2018	Trường ĐH GTVT	
	Xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế Chi tiêu nội bộ	784/TB-ĐHGTVT 15/09/2019	Trường ĐH GTVT	
	Xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ	526/TB-TCKT 15/07/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.19	Quy định học phí hệ đào tạo chính quy các lớp chất lượng cao các khóa 60 trở về trước năm học 2020-2021	1464/QĐ-ĐHGTVT 14/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2020-2021 của trường ĐH GTVT	1430/QĐ-ĐHGTVT 07/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Quy định học phí các hệ đào tạo năm học 2019-2020	1613/QĐ-ĐHGTVT 06/08/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.20	Ban hành Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học	1293/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	công nghệ của trường ĐH GTVT	18/08/2020	GTVT	
	Quy định mẫu và nội dung ghi trên văn bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng của Trường ĐH GTVT	1140/QĐ-ĐHGTVT 28/07/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.21	Quy định thời gian mượn trả và xử lý mượn quá hạn, đền sách mất tại Thư viện	910/TB-ĐHGTVT 29/10/2019	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Quy định sử dụng thư viện	2706/QĐ-ĐHGTVT 24/12/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.22	Ban hành Quy định Quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số của Trường ĐH GTVT	1146/QĐ-ĐHGTVT 27/05/2019	Trường ĐH GTVT	
	Góp ý Quy định về quản lý và sử dụng chữ ký số của Trường Đại học GTVT	132/ĐHGTVT-HCTH 22/03/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.23	Ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ đào tạo của Trường ĐH GTVT	653/QĐ-ĐHGTVT 28/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Hoàn thiện, ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ	115/ĐHGTVT-HCTH 15/03/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.24	Quy định chấm công bằng máy quét vân tay	2201/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.25	Quy định mức thu học phí học kỳ phụ đối với hệ đào tạo liên thông và bằng hai theo hệ thống tín chỉ năm học 2019-2020	1748/QĐ-ĐHGTVT 22/08/2019	Trường ĐH GTVT	
	Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2020-2021 của trường ĐH GTVT	1430/QĐ-ĐHGTVT 07/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Quy định học phí hệ đào tạo chính quy các lớp chất lượng cao các khóa 60 trở về trước năm học 2020-2021	1464/QĐ-ĐHGTVT 14/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Quy định học phí các hệ đào tạo năm học 2019-2020	1613/QĐ-ĐHGTVT 06/08/2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.01.26	Kết luận của cuộc họp về kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tháng 01/2016.	939/TB-ĐHGTVT 14/12/2016	Trường ĐH GTVT	
	Góp ý kiến về kế hoạch triển khai sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia ĐGN đối với 05 CTĐT	206/CV-KTBĐCLĐT 20/04/2017	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của cuộc họp triển khai công tác đảm bảo chất lượng sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia ĐGN đối với 05 CTĐT của nhà trường.	290/TB-ĐHGTVT 18/05/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.27	Quy định về đánh giá học phần	2004/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/10/2015	Trường ĐH GTVT	
	Quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi; đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần	1944B/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/10/2015	Trường ĐH GTVT	
	Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho sinh viên đại học hệ chính quy	2234/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.28	Quy chế quản lý KHCN	1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	Quy định sở hữu trí tuệ	217/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/02/2017	Trường ĐH GTVT	
	Quy định về công tác thi đua khen thưởng	2227/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	Góp ý dự thảo Quy định đổi giờ chuẩn các hoạt động KHCN của Giảng viên Trường Đh GTVT áp dụng từ năm học 2020-2021	469/TB-ĐHGTVT 23/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi	469/QĐ-ĐHGTVT 06/03/2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.01.29	cung ứng (Mã Ngành 7.51.06.05)			
	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy ngành Kiến trúc theo hệ thống tín chỉ	2214/QĐ-ĐHGTVT 12/11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ các ngành Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ điện tử	1943/QĐ-ĐHGTVT 28/09/2018	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	1882/QĐ-ĐHGTVT 21/09/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.30	Ảnh chụp phòng học đa năng ở các khu GĐ	Năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Ảnh chụp phòng học hiện đại của các lớp CLC và CTTT của Khoa ĐTQT	Năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Sử dụng website và modul tra cứu thư viện số	156/TB-ĐHGTVT ngày 19/02/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.31	Quy định đóng góp kinh phí sử dụng trang thiết bị thí nghiệm	511/TB-ĐHGTVT ngày 26/07/2018	Trường ĐH GTVT	
	Quy chế chi tiêu nội bộ 2017	2116/QĐ-ĐHGTVT 09/11/2017 ngày	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.32	Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT	Năm 2020	Trường ĐH GTVT	
	Xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 từ nguồn kinh phí dự nghiệp BVMT	Năm 2021	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.01.33	Đề án vị trí việc làm	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.34	Ban hành kế hoạch hoạt động KHCN của Trường ĐH GTVT giai đoạn 2016-2020	1288/QĐ-ĐHGV 13/06/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.35	Báo cáo năng lực và nhu cầu đào tạo trình độ Tiến sĩ/Thạc sĩ giai đoạn 2019-2024	Báo cáo	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.36	Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với CC-VC-NLĐ	956/QĐ-ĐHGV ngày 29/05/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.37	Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB-VC và CBQL để hưởng thu nhập tăng thêm	57/1/QĐ-ĐHGV ngày 30/03/2012	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.38	Đăng kí kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.	235/CV-ĐHGV 23/05/2016	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch đánh giá ngoài chương trình đào tạo các ngành KTXDCTGT,KTXD,KTVT,KT VT,CTTT	904/TB-ĐHGV 05/12/2016	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch tập huấn công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	699/TB-ĐHGV 10/09/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.01.39	Kế hoạch tự đánh giá Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2016-2020	601/KH-ĐHGV 07/10/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tập huấn mạng lưới BDCL của Trường ĐH GTVT	400/TB-ĐHGV 17/05/2019	Trường ĐH GTVT	
	Kế hoạch tập huấn công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	699/TB-ĐHGV 10/09/2020	Trường ĐH GTVT	
	Hình ảnh chụp buổi tập huấn công tác BDCLĐT	Ảnh chụp	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.01	Chiến lược phát triển trường ĐH	QĐ số 1999/QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030	ĐH GTVT ngày 04/12/2008	ĐH GTVT	
	Dự thảo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Năm 2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.02	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm về công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐH GTVT	604/ĐHGTVT-KT&BDCL 28/11/2018	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai Thỏa thuận hợp tác phát triển khoa học và công nghệ	363/TB-ĐHGTVT 04/05/2019	Trường ĐH GTVT	
	Đề xuất nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu thuộc Chương trình nghiên cứu chung Đông Á (e-ASIA JRP) thực hiện từ năm 2020	253/TB-ĐHGTVT 25/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai hợp tác với Trường Cao đẳng Đường sắt	391/TB-ĐHGTVT 29/05/2018	Trường ĐH GTVT	
	Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH MTV truyền thông VIETPICTURES.	388/2017/HĐHT/V P-ĐHGTVT 04/07/2017	Trường ĐH GTVT	
	Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH MTV truyền thông VIETPICTURES.	387/TV-ĐHGTVT 03/07/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.03	Thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển của trường ĐH GTVT	1225/QĐ-ĐHGTVT 30/05/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.04	Thành lập Trung Tâm Hợp tác cơ sở hạ tầng giao thông Việt-Hàn trực thuộc Trường ĐH GTVT	514/QĐ-ĐHGTVT 15/03/2018	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Trung tâm Hợp tác Việt-Đức trường ĐH GTVT	513/QĐ-ĐHGTVT 15/03/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.05	Biên bản Hội nghị Tổng kết năm học	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.06	Biên bản Hội nghị CBVC Trường	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.07	Báo cáo quy chế công khai năm học và kế hoạch thực hiện quy	2018-2019	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chế công khai năm học		ĐH GTVT	
H12.12.02.08	Báo cáo Cơ sở dữ liệu (Phụ lục 8 – KĐ CLCSGD)	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.09	Thành lập Ban quản lý và điều hành Dự án Đổi mới quản trị đại học tại Đông Nam Á - PURSEA	512/QĐ-ĐHGTVT 28/04/2020	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai dự án “Đổi mới quản trị đại học tại Đông Nam Á - PURSEA	381/TB-ĐHGTVT 22/05/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tiếp tục triển khai dự án Đổi mới quản trị đại học tại Đông Nam Á - PURSEA	477/TB-ĐHGTVT 25/06/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.02.10	Báo cáo dự án Đổi mới quản trị đại học tại Đông Nam Á (PURSEA)	Báo cáo theo giai đoạn năm học	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.01	Cung cấp thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy 2017	51/ĐHGTVT-KT&BĐCLĐT 09/02/2017	Trường ĐH GTVT	
	Cung cấp thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy 2019	94/ĐHGTVT-KT&BĐCLĐT 08/03/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.02	Báo cáo đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy 2018	44/ĐHGTVT-KT&BĐCLĐT 25/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2018 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019	93/ĐHGTVT-KT&BĐCLĐT 08/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy 2020	324/ĐHGTVT-KT&BĐCLĐT 29/05/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.03	Báo cáo kết quả thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học	371/BC-ĐHGTVT 12/08/2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo kết quả thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học và việc cập nhật danh sách lên hệ thống	415/BC-ĐHGTVT 27/08/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.04	Điều chỉnh đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	307/ĐHGTVT 6/7/2018	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			GVTVT	
	Điều chỉnh đề án tuyển sinh trình độ đại học 2020	579/ĐHGTVT-KT&BDCLĐT 25/09/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.05	Ảnh chụp 3 công khai của Trường ĐH Mở địa chất, Thủy Lợi	Ảnh chụp	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.06	Việc áp dụng chương trình đào tạo đại học chính quy sau khi rà soát điều chỉnh năm 2016	307/TB-ĐTĐH 30/05/2017	Trường ĐH GTVT	
	Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	30/TB-ĐHGTVT 10/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	103/TB-ĐHGTVT 14/02/2020	Trường ĐH GTVT	
	Xây dựng chương trình đào tạo theo nghị định 99/2019/NĐ-CP	637/CV-ĐHGTVT 26/10/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập các tiểu ban chỉ đạo - giám sát, tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo theo nghị định 99/NĐ-CP	875/TB-ĐHGTVT 23/11/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.07	Rà soát mã số, tên ngành, chuyên ngành đúng (phù hợp), gần, khác; Chương trình học bổ sung kiến thức; Đề cương các môn thi trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ	78/TB-ĐHGTVT 23/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Rà soát đề cương các môn thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ	362/TB-ĐHGTVT 23/05/2018	Trường ĐH GTVT	
	Rà soát đề cương các môn thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ	540/TB-ĐHGTVT 08/08/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.08	Liên kết đào tạo đại học với trường Cao đẳng Nghề Đường Sắt.	547/ĐHGTVT 16/11/2016	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Ban xây dựng Chương trình liên kết đào tạo thạc	1934/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	sĩ;Quản lý đô thị thông minh; giữa Trường ĐH GTVT và trường ĐH Feng Chia	23/11/2020	GTVT	
	Chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học ngành QLXD với trường ĐH Bedfordshire	346/TB-ĐHGTVT 13/05/2020	Trường ĐH GTVT	
	Công nhận thí sinh trúng tuyển chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh giữa Trường ĐH GTVT và Trường ĐH Quản trị Normandie - Cộng hòa Pháp năm 2020	1811/QĐ-ĐHGTVT	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.09	Niên giám đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.10	Bản mô tả CTĐT trình độ đại học	Trang thông tin điện tử utc.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
	Đề cương chi tiết các học phần	Trang thông tin điện tử utc.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
	Ma trận tích hợp CĐT của các môn trong CTĐT	Trang thông tin điện tử utc.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.11	Liên kết đào tạo Đại học.	169/ĐHGTVT-ĐHTC 20/04/2016	Trường ĐH GTVT	
	Liên kết đào tạo đại học với trường Cao đẳng Nghề Đường Sắt.	547/ĐHGTVT 16/11/2016	Trường ĐH GTVT	
	Liên kết đào tạo đại học với trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Hà Nội	124/ĐHGTVT-ĐHTC 15/03/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.11	Liên kết đào tạo đại học với trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Á Châu.	125/ĐHGTVT-ĐHTC 15/03/2017	Trường ĐH GTVT	
	Liên kết đào tạo với trường CĐ Kinh tế-Kỹ thuật Lâm Đồng.	176/ĐHGTVT-KT 04/04/2017	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Tuyển sinh đại học bằng 2 chuyên ngành xây dựng đường sắt liên kết đào tạo với Viện KH&CN GTVT	277/TB-ĐHGTVT 12/05/2017	Trường ĐH GTVT	
	Liên kết tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ với trường Đại học Lương Thế Vinh	72/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT 09/02/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.12	Báo cáo giữa kỳ 5 CTĐT: ngành KTXDCTGT, CTTT-KTXDCTGT chuyên sâu KTXD, Kinh tế XD, Khai thác Vận tải, Kinh tế Vận tải	2015-2017	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo giữa kỳ CLGD Trường	2016-2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.13	Kế hoạch chuẩn bị báo cáo tự đánh giá phục vụ đăng ký kiểm định chương trình theo chuẩn AUN-QA	51/TB-ĐHGTVT 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông theo tiêu chuẩn AUN	163/QĐ-ĐHGTVT 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa theo tiêu chuẩn AUN	161/QĐ-ĐHGTVT 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật ô tô theo tiêu chuẩn AUN	162/QĐ-ĐHGTVT 16/01/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.14	Báo cáo đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2018	21/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT 12/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	44/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT 25/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Điều chỉnh đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	307/ĐHGTVT 06/07/2018	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo Đề án tuyển sinh trình	324/ĐHGTVT-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	độ đại học năm 2020	KTBDCLĐT 29/05/2020	ĐH GTVT	
	Điều chỉnh Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2020	579/ĐHGTVT- KTBDCLĐT 25/09/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.15	Ban hành đề án Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập	1827/QĐ- ĐHGTVT 07/09/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.16	Báo cáo công tác tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần thuộc trình độ đại học hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2015-2016.	802/TB-ĐHGTVT 26/10/2016	Trường ĐH GTVT	
	Đánh giá kết quả thi kết thúc học phần học kỳ I năm học 2017-2018	150/TB-ĐHGTVT 05/03/2018	Trường ĐH GTVT	
	Triển khai kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập	929/TB-ĐHGTVT 01/11/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.17	Quy định về đánh giá học phần	2004/QĐ- ĐHGTVT ngày 13/10/2015	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.18	Quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi; đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần	1944B/QĐ- ĐHGTVT ngày 08/10/2015	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.19	Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho sinh viên đại học hệ chính quy	2234/QĐ- ĐHGTVT ngày 29/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	Quy trình Tổ chức thi lại, học kì phụ, cho sinh viên các hệ Liên thông, B2, VLVH	312/TB-ĐHTC 31/05/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.20	Ban hành Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên tại Cơ sở II	253/QĐ-ĐHGTVT 16/02/2012	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường ĐH GTVT	403/QĐ-ĐHGTVT 15/03/2013	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Ban hành quy định Khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp	153B/QĐ-ĐHGTVT 19/01/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.21	Hướng dẫn Tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	255B/HD-ĐHGTVT 02/06/2016	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	787/TB-ĐHGTVT 20/10/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.21	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kì II năm học 2016-2017	237/TB-ĐHGTVT 21/04/2017	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kì I năm học 2017-2018	664/TB-ĐHGTVT 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên	135/TB-ĐHGTVT 28/02/2018	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II năm học 2017-2018	274/TB-ĐHGTVT 18/04/2018	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I năm học 2018-2019	809/TB-ĐHGTVT 31/10/2018	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I năm học 2018-2019	220/TB-ĐHGTVT 12/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II năm học 2018-2019	330/TB-ĐHGTVT 22/04/2019	Trường ĐH GTVT	
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I năm học 2019-2020	971/TB-ĐHGTVT 03/12/2019	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ 2 năm học 2019-2020	445/TB-ĐHGTVT 15/06/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.22	Tổ chức hội nghị tổng kết công tác sinh viên năm học 2017-2018 và đối thoại giữa lãnh đạo Nhà Trường với đại diện sinh viên	457/KH-ĐHGTVT 25/09/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.23	Kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và Hội đồng Cố vấn học tập cấp trường năm học 2015-2016.	728/TB-ĐHGTVT 26/10/2016	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo công tác tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần thuộc trình độ đại học hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2015-2016.	802/TB-ĐHGTVT 26/10/2016	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.23	Điều chỉnh kế hoạch đánh giá CVHT, đánh giá RLSV và tổ chức sinh hoạt lớp cho sinh viên K.60 học kỳ I năm học 2019-2020	458/TB-CTCT&SV 18/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	Tổ chức họp cố vấn học tập với các lớp sinh viên hệ chính quy K56 đợt 2 năm học 2015-2016.	188/TB-ĐHGTVT 14/03/2016	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và Hội đồng Cố vấn học tập cấp Trường năm học 2016-2017.	163/TB-ĐHGTVT 21/03/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.24	Triển khai khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp.	349/QĐ-ĐHGTVT 12/06/2017	Trường ĐH GTVT	
	Khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp K.54 các khoa	100/TB-ĐHGTVT 30/01/2018	Trường ĐH GTVT	
	Khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp năm 2020	878/TB-ĐHGTVT 25/11/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.25	Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm	Báo cáo	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.26	Kết luận buổi họp lần thứ 1	186/TB-ĐHGTVT	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chuẩn bị cho Hội nghị sinh viên NCKH lần thứ 31 năm học 2015-2016.	11/03/2016	ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 2 chuẩn bị cho Hội nghị NCKH của sinh viên lần thứ 31 năm học 2015-2016.	266/TB-ĐHGTVT	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 1 chuẩn bị cho Hội nghị sinh viên NCKH lần thứ 32 năm học 2016-2017.	143/TB-ĐHGTVT 14/03/2017	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 2 chuẩn bị cho Hội nghị NCKH của sinh viên lần thứ 32 năm học 2016-2017.	201/TB-ĐHGTVT 10/04/2017	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 1 chuẩn bị cho HN tổng kết NCKH của sinh viên năm học 2017-2018	163/TB-ĐHGTVT 08/03/2018	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 2 chuẩn bị cho HN tổng kết NCKH của SV năm học 2017-2018	241/TB-ĐHGTVT 04/04/2018	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.26	Kết luận của buổi họp lần 1 chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết NCKH của sinh viên năm học 2018-2019	221/TB-ĐHGTVT 12/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 2 chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết NCKH của sinh viên năm học 2018-2019	289/TB-ĐHGTVT 09/04/2019	Trường ĐH GTVT	
	Kết luận của buổi họp lần 1 chuẩn bị cho HN tổng kết NCKH của sinh viên năm học 2019-2020	471/TB-ĐHGTVT 24/06/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.27	Báo cáo cơ sở dữ liệu	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.03.28	Xác định giờ NCKH quy đổi của báo cáo Hội nghị khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus trong tiêu chuẩn thi đua năm học 2019-	537/TB-ĐHGTVT 21/07/2020	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	2020			
H12.12.03.29	Quy định đổi giờ chuẩn hoạt động KHCN của Giảng viên áp dụng từ năm học 2020-2021	469/TB-ĐHGTVT ngày 23/06/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.01	Biên bản họp Hội đồng khoa	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.02	Biên bản hội nghị CBVC Trường, Khoa	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.03	Báo cáo tổng kết công tác sinh viên	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.04	Biên bản ký kết hợp tác đào tạo, NCKH, CGCN...với 5 trường kỹ thuật (thực hiện theo hướng tiếp cận CDIO)	Báo cáo, Ảnh chụp trên uct.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.05	Biên bản ký kết hợp tác đào tạo, NCKH, CGCN...với 7 trường kỹ thuật (thực hiện theo nghị định 99/2019NĐ-CP)	Báo cáo, Ảnh chụp trên utc.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.06	QĐ phê duyệt chương trình liên kết đào tạo Bedfordshire – Vương Quốc Anh	1980/QĐ-BGDĐT 12/07/2019	Trường ĐH GTVT	
	Chương trình tiên tiến-Kỹ thuật xây dựng CTGT phối hợp với Trường Leeds - UK	2008	Trường ĐH GTVT	
	Quyết định của Bộ GDĐT phê duyệt chương trình tiên tiến KTXDCTGT	8646/QĐ-BGDĐT 24/12/2008	Trường ĐH GTVT	
	Chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng với Trường ĐH Bedfordshire - Vương quốc Anh năm 2020	346/TB-ĐHGTVT 13/5/2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.06	Công văn phê duyệt chương trình thạc sĩ ngành Kỹ thuật hệ thống đường sắt (liên kết với trường Đại học THKT Dresden, CHLB Đức)	5637/BGDĐT-GDĐH 16/11/2016	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H12.12.04.07	Hướng dẫn rà soát điều chỉnh CTĐT trình độ đại học hệ chính quy	609/HD-ĐHGTVT 20/12/2017	Trường ĐH GTVT	
	Rà soát điều chỉnh và ban hành CDR của CTĐT các ngành đào tạo bậc đại học chính quy	803/TB-ĐHGTVT 28/10/2016	Trường ĐH GTVT	
	Ảnh chụp màn hình link công bố CDR	utc.edu.vn	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.08	Thành lập Phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển của trường ĐH GTVT	221/TB-ĐHGTVT 12/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	Phê duyệt đề án phát triển Khoa ĐTQT	1459/QĐ-ĐHGTVT 05/07/2017	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.09	Hình ảnh SV đi thực tập, đi thực tế, tham quan tại doanh nghiệp, cầu, đường...	Ảnh chụp	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.10	Đề án thành lập phòng NCPT	Tháng 3/2017	Trường ĐH GTVT	
	Đề án sát nhập phòng Đối ngoại và NCPT	2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.11	Triển khai Thỏa thuận hợp tác phát triển khoa học và công nghệ	363/TB-ĐHGTVT 04/05/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.04.12	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.01	Ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy	1847/QĐ-ĐHGTVT 19/9/2018	Trường ĐH GTVT	
	Bản mô tả CTĐT trình độ ĐH	2018	Trường ĐH GTVT	
	Đề cương chi tiết các học phần	2018	Trường ĐH GTVT	
	Ma trận tích hợp CDR của các	2018	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	môn trong CTĐT		ĐH GTVT	
H12.12.05.02	Rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ Đại học CTTT và CLC của Trường ĐH GTVT	112/TB-ĐHGTVT ngày 15/3/2018	Trường ĐH GTVT	
	Ban hành CTĐT chương trình CLC, CTTT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	1882/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/9/2018	Trường ĐH GTVT	
	Rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần CTĐT trình độ Đại học CTTT và CLC của Trường ĐH GTVT	254/TB-ĐHGTVT ngày 25/3/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.02	Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO	268/TB-ĐHGTVT ngày 29/3/2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập ban chỉ đạo xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO	1124/QĐ-ĐHGTVT ngày 23/5/2019	Trường ĐH GTVT	
	Tổ chức đợt tập huấn CDIO do chuyên gia Singapore giảng dạy tại trường ĐH GTVT	462/KH-ĐHGTVT ngày 4/9/2019	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập tiểu ban xây dựng CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận CDIO	760/TB-ĐHGTVT ngày 9/9/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.04	Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên	330/TB-ĐHGTVT ngày 24/4/2019 971/TB-ĐHGTVT ngày 19/11/2019	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.05	Niên giám đào tạo năm học theo hệ thống tín chỉ	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.06	Sổ tay sinh viên	2016-2020	Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.07	Bài giảng E-learning		Trường ĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			GTVT	
H12.12.05.07	Thành lập TT đào tạo từ xa		Trường ĐH GTVT	
H12.12.05.08	Thành lập CLB Tiếng Anh	05/03/2018	Trường ĐH GTVT	
	Thành lập CLB Hướng nghiệp	08/04/2018	Trường ĐH GTVT	

13. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H13.13.1.1	Thông tư về ban hành quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ chính quy năm 2016 - 2019	2012- 2019/TT BGDĐT	BGD&ĐT	
	H13.13.1.2	Biên bản cuộc họp xây dựng kế hoạch tuyển sinh	File ảnh chụp các biên bản cuộc họp	ĐHGTVT	
	H13.13.1.3	Thông báo về kế hoạch công tác tuyển sinh 2017 -2020	Số 235/TB-KTBĐCL ngày 20/4/2017 901/TB-ĐHGTVT ngày 29/12/2017 262/TB-ĐHGTVT ngày 28/3/2019 922/TB-ĐHGTVT ngày 31/10/2019	ĐHGTVT	
	H13.13.1.4	Về kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2016 -2020	80/TB-ĐHGTVT ngày 22/01/2016 502/TB-ĐHGTVT ngày 28/7/2016 64/TB-ĐHGTVT ngày 18/01/2017 622/TB-ĐHGTVT ngày 4/9/2018 46/TB-ĐHGTVT ngày 14/01/2020	ĐHGTVT	
	H13.13.1.5	Thông báo phân công nhiệm vụ tuyển sinh năm 2017 -2020	235/TB-KT&BĐCL ngày 20/4/2017 482/TB-ĐHGTVT ngày 11/7/2018 262/TB-ĐHGTVT ngày 28/3/2019 292/TB-ĐHGTVT ngày 31/10/2019	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H13.13.1.6	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2016 -2020	986/QĐ-ĐHGTVT ngày 6/5/2016 590/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/5/2017 795/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/4/2018 973/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/5/2019 1610/QĐ-ĐHGTVT ngày 5/8/2019 984/QĐ-ĐHGTVT ngày 9/7/2020 1151/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/7/2020	ĐHGTVT	
	H13.13.1.7	Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học, cao đẳng năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Cẩm nang tuyển sinh	BGD&ĐT	
	H13.13.1.8	Đề án tuyển sinh năm 2020	324/ĐHGTVT-KTBĐCL ngày 29/5/2020	ĐHGTVT	
		Đề án tuyển sinh năm 2020 điều chỉnh	579/ĐHGTVT-KTBĐCL ngày 25/9/2020	ĐHGTVT	
	H13.13.1.9	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ và tiến sĩ từ năm 2016 đến năm 2020	80/TB-ĐHGTVT ngày 22/01/2016 64/TB-ĐHGTVT ngày 18/01/2017 353/TB-ĐHGTVT ngày 21/5/2018 762/TB-ĐHGTVT ngày 31/8/2020	ĐHGTVT	
	H13.13.1.10	Hợp đồng+ thư mời tham gia ngày hội tư vấn	Các thông báo trên trang Facebook của trường	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tuyển sinh năm 2016-2017			
	H13.13.1.11	Câu hỏi thường gặp về tuyển sinh năm 2016,17,18,19,20	Cẩm nang tuyển sinh	ĐHGTVT	
	H13.13.1.12	Kế hoạch triển khai công tác quảng bá tuyển sinh năm 2016 - 2020	File ảnh và các bài báo trên website của trường	ĐHGTVT	
	H13.13.1.13	Lịch từ năm 2016 -2020	Bản cứng	ĐHGTVT	
	H13.13.1.14	Ảnh các bài báo về tuyển sinh, các clip	File ảnh và ảnh trên website	ĐHGTVT	
	H13.13.1.15	Ảnh website trường, ảnh fanpage	https://www.utc.edu.vn/ https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiy/		
	H13.13.1.16	Báo cáo thống kê TS các năm học 2016-2020	292/ĐHGT-HCTH ngày 14/6/2017 454/CV-ĐHGTVT ngày 20/9/2018 336/BC-ĐHGTVT ngày 28/6/2019	ĐHGTVT	
	H13.13.1.17	Báo cáo đánh giá tuyển sinh các năm 2016 - 2020	342/CV-ĐHGTVT ngày 29/7/2016 292/ĐHGT-HCTH ngày 14/6/2017 454/CV-ĐHGTVT ngày 20/9/2018 336/BC-ĐHGTVT ngày 28/6/2019	ĐHGTVT	
	H13.13.2.1	Quyết định về Ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ + phụ lục kèm theo	970/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/5/2015	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quyết định về Ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ	636/QĐ-ĐHGTVT ngày 9/4/2012	ĐHGTVT	
	H13.13.2.2	Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học	Báo cáo tổng kết năm học (2016-2020)	ĐHGTVT	
	H13.13.3.1	Cẩm nang hướng dẫn coi thi, quy trình coi thi năm 2016 - 2020	Cẩm nang tóm tắt	ĐHGTVT	
		Cẩm nang hướng dẫn coi thi, quy trình coi thi năm 2017-2020	Cẩm nang tóm tắt	ĐHGTVT	
	H13.13.3.2	Quy trình chấm thi tuyển sinh năm 2016 - 2020	Chấm thi tập chung theo bộ	ĐHGTVT	
	H13.13.3.3	Các biên bản giám sát các kỳ thi tuyển sinh của các năm	612/TB-ĐHGTVT Ngày 26/8/2016	ĐHGTVT	
	H13.13.3.4	Kế hoạch tổ chức đón sinh viên K57,58,59,60,61 hệ đại học chính quy nhập học	446/TB-ĐHGTVT Ngày 10/8/2017	ĐHGTVT	
			537/TB-ĐHGTVT Ngày 8/8/2018		
			670/TB-ĐHGTVT Ngày 20/8/2019		
			577/TB-ĐHGTVT Ngày 25/9/2020		
	H13.13.3.5	Quy trình nhập học sinh viên K57,58,59,60,61 tại hội trường lớn	612/TB-ĐHGTVT Ngày 26/8/2016 446/TB-ĐHGTVT Ngày 10/8/2017 537/TB-ĐHGTVT Ngày 8/8/2018 670/TB-ĐHGTVT Ngày 20/8/2019	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			577/TB-ĐHGTVT Ngày 25/9/2020		
	H13.13.3.6	Đường link bài báo về tổ chức các cụm thi THPTQG	Moet.gov.vn	BGD&ĐT	
	H13.13.3.7	Quyết định về chức năng nhiệm vụ của phòng thanh tra	Dự thảo chuyển đổi phòng thanh tra 01/2019	ĐHGTVT	
	H13.13.4.1	Kế hoạch về thanh tra năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020	428/ĐHGTVT-TTr ngày 9/9/2016 468/KH-ĐHGTVT ngày 26/9/2017 378/KH-ĐHGTVT ngày 15/8/2018 514/KH-ĐHGTVT ngày 03/10/2019	ĐHGTVT	
	H13.13.5.1	Kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên năm 2016 - 2020	2016-2020 Ảnh chụp màn hình, trên website.	ĐHGTVT	
	H13.13.5.2	Lịch sinh hoạt công dân sinh viên tuần đầu khóa các khóa K57,58,59,60,61 hệ đại học chính quy	399/KH-ĐHGTVT 30/8/2016 410/KH-ĐHGTVT 15/8/2017 369/KH-ĐHGTVT 10/8/2018 438/KH-ĐHGTVT 22/8/2019 588/KH-ĐHGTVT 01/10/2020	ĐHGTVT	
	H13.13.5.3	Mẫu khảo sát tân sinh viên		ĐHGTVT	

14. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H14.14.1.1	Chiến lược phát triển Đào tạo Đại học Giao thông vận tải	Chiến lược phát triển Đào tạo Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030	ĐH GTVT	
	H14.14.1.2	QĐ về kế hoạch xây dựng và rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra	ĐH GTVT	
	H14.14.1.3	QĐ về kế hoạch xây dựng và rà soát Đề cương môn học	609/HD-ĐH GTVT ngày 20/12/2017	ĐH GTVT	
	H14.14.1.4	Biên bản họp Khoa rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	Số 803/TB-ĐH GTVT ngày 28/10/2016 Số 103/TB-ĐH GTVT ngày 14/02/2020		
	H14.14.1.5	Tổ chức tập huấn CDIO do chuyên gia Singapo giảng dạy tại đại học GTVT	462/KH-ĐH GTVT ngày 4/9/2019	ĐH GTVT	
	H14.14.1.6	Thông báo tiếp tục rà soát chương trình đào tạo ĐH theo chuẩn CDIO	30/TB ĐH GTVT ngày 10/01/2020	ĐH GTVT	
	H14.14.1.7	Biên bản họp Khoa thông qua Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	File ảnh chụp	ĐH GTVT	
	H14.14.1.8	Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp	Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tn năm 2018 (ngày 21/7/2020)	ĐH GTVT	
Tiêu chí 14.2					
	H14.14.2.1	Kế hoạch xây dựng và	803TB/ĐH GTVT Ngày	ĐH GTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	28/10/2016		
	H14.14.2.2	Quan hệ (Ma trận) giữa mô-đun kiến thức/kỹ năng và chuẩn đầu ra các Ngành	Chương trình đào tạo cho hệ đại học chính quy các khóa	ĐHGTVT	
	H14.14.2.3	Biên bản họp rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	Số 803/TB-ĐHGTVT ngày 28/10/2016 Số 103/TB-ĐHGTVT ngày 14/02/2020	ĐHGTVT	
	H14.14.2.4	Phiếu khảo sát Đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H14.14.2.5	QĐ về kế hoạch xây dựng và rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra	ĐHGTVT	
Tiêu chí 14.3					
	H14.14.3.1	Đề cương môn học của các Bộ môn	Đề cương chi tiết	ĐHGTVT	
	H14.14.3.2	Đường link công bố đề cương trên website của các khoa	Utc.edu.vn	ĐHGTVT	
	H14.14.3.3	Kế hoạch đào tạo tổng thể, logic môn học trong CTĐT	Chương trình đào tạo chi tiết cho hệ đại học chính quy	ĐHGTVT	
	H14.14.3.4	Các thông báo đăng ký học và Thời khóa biểu dự kiến mở tại học kỳ các năm	1027/TB-ĐHGTVT 6/12/2019 604/TB-ĐHGTVT 7/8/2020	ĐHGTVT	
	H14.14.3.5	Thông báo kế hoạch học kỳ tăng cường và học kỳ hè	585/TB-ĐHGTVT 22/8/2019 302/TB-ĐHGTVT	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			11/4/2019		
	H14.14.3.6	Những điều cần biết	Cẩm nang sinh viên	ĐHGTVT	
	H14.14.3.7	Phương hướng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo ĐH&SĐH năm học 2017-2018	Báo cáo tổng kết năm học		
	H14.14.3.8	QĐ 1578/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi về sửa đổi bổ sung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	QĐ 1578/QĐ-ĐHGTVT 10/8/2018	ĐHGTVT	
	H14.14.3.9	Lịch trình giảng dạy	TKB các kỳ học	ĐHGTVT	
	H14.14.3.10	Giấy tờ triển khai lắp đặt hệ thống Camera giám sát giảng đường	Các hình ảnh chụp hóa đơn	ĐHGTVT	
	H14.14.4.1	Hướng dẫn ra soát điều chỉnh chương trình ĐTDH	609/HD-ĐHGTVT 20/12/2017	ĐHGTVT	
	H14.14.4.2	Kế hoạch về việc Tổ chức đợt tập huấn CDIO do chuyên gia Singapore giảng dạy tại trường ĐH GTVT - tháng 9 2019	462/KH-ĐHGTVT 4/9/2019	ĐHGTVT	
	H14.14.4.3	Thông báo số 30 về việc Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	30/TB-ĐHGTVT 10/01/2020	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thông báo số 30 về việc Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	103/TB-ĐHGTVT 14/02/2020	ĐHGTVT	
		Kế hoạch tập huấn và triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO	169/KH-ĐHGTVT 6/3/2020	ĐHGTVT	
	H14.14.4.4	Thông báo về việc rà soát chuẩn đầu ra	803/TB-ĐHGTVT 28/10/2016	ĐHGTVT	
	H14.14.4.5	Phiếu khảo sát sinh viên đang theo học tại Trường	Bản excel	ĐHGTVT	
	H14.14.4.6	Phiếu khảo sát Đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp	Bản excel	ĐHGTVT	
	H14.14.4.7	Phiếu khảo sát cựu sinh viên tốt nghiệp trường	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H14.14.5.1	Rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy	609/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/12/2017	ĐHGTVT	
	H14.14.5.2	Các văn bản liên quan đến Hội chợ việc làm; Các báo tổng kết năm học của các khoa	Ảnh chụp màn hình	ĐHGTVT	
	H14.14.5.3	Các biên bản ký kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp	Ảnh chụp màn hình	ĐHGTVT	
	H14.14.5.4	Kế hoạch tập huấn và triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần	169/KH-ĐHGTVT ngày 6/3/2020	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		theo tiếp cận CDIO			
	H14.14.5.5	Quyết định ban hành các môn học tự chọn vào CTĐT	1847/QĐ-ĐHGTVT 19/9/2018	ĐHGTVT	
	H14.14.5.6	QĐ về kế hoạch xây dựng và rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	609/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/12/2017	ĐHGTVT	
	H14.14.5.7	QĐ về kế hoạch xây dựng và rà soát Đề cương môn học	608/KH-ĐHGTVT 20/12/2017 609/HD/ĐHGTVT 20/12/2017 622/HD-ĐHGTVT 28/12/2017	ĐHGTVT	
	H14.14.5.8	Phiếu khảo sát sinh viên đang theo học tại Trường	Bản excel	ĐHGTVT	

15. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H15.15.1.1	Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	ĐHGTVT 3/2016	ĐHGTVT	
	H15.15.1.2	Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2019 - 2023, tầm nhìn 2030	Dự thảo chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 Cv 736/CV-ĐHGTVT ngày 29/9/2020	ĐHGTVT	
	H15.15.1.3	Tổng hợp giải pháp và kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	Đề án năm năm 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.1.4	Hướng dẫn 609 rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo áp dụng cho khoá 59	609/HD/ĐHGTVT 20/12/2017	ĐHGTVT	
		Quyết định số 4470/QĐ-BGD&ĐT ngày 20/10/2017 vv cho phép trường ĐH GTVT đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy ngành Toán ứng dụng	4470/QĐ-BGD&ĐT 20/10/2017	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quyết định số 13/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/1/2019 vv cho phép trường ĐH GTVT đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật ô tô, kỹ thuật cơ điện tử	13/QĐ-BGD&ĐT 5/11/2019	ĐH GTVT	
		Chương trình đào tạo ngành CNTT_2018081	File excel	ĐH GTVT	
		Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra chuyên ngành giao thông thông minh (ITS)	File excel	ĐH GTVT	
	H15.15.1.5	Rà soát điều chỉnh và ban hành chuẩn đầu ra của các chuyên ngành của hệ đại học chính quy của Trường ĐH GTVT	803/TB-ĐH GTVT ngày 28/10/2016	ĐH GTVT	
	H15.15.1.6	Ma trận các chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo chi tiết	ĐH GTVT	
	H15.15.1.8	Hồ sơ tổ chức tập huấn phương pháp giảng dạy tích cực cho các giáo viên trong trường (các lớp Nghiệp vụ sư phạm)	239/TB-ĐH GTVT 26/2/2014	ĐH GTVT	
	H15.15.2.1	Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ĐH GTVT	57/TB-ĐH GTVT 16/01/2017	ĐH GTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H15.15.2.3	Quy định về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên của Trường ĐHGTVT	526/TB-ĐHGTVT 3/8/2016	ĐHGTVT	
	H15.15.2.4	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường	2116/QĐ-ĐHGTVT 9/11/2017	ĐHGTVT	
	H15.15.2.5	Bảng phân công giảng dạy của Bộ môn, Khoa gửi về phòng Đào tạo	Các biên bản phân công giảng viên (bản cứng)	ĐHGTVT	
	H15.15.2.6	Hệ thống quản lý đào tạo trên web của Trường <i>Web</i>	http://qltd.utc.edu.vn	ĐHGTVT	
	H15.15.2.7	Quyết định tuyển dụng giảng viên Trường ĐHGTVT một số năm gần đây	2161/QĐ-ĐHGTVT 15/10/19 445/QĐ-ĐHGTVT 30/3/2020	ĐHGTVT	
	H15.15.2.8	Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học GTVT	1893/QĐ-ĐHGTVT 6/10/2017	ĐHGTVT	
	H15.15.2.9	Quy chế tổ chức hoạt động Trường ĐHGTVT	1087/QĐ-ĐHGTVT 2255/QĐ-ĐHGTVT 2116/QĐ-ĐHGTVT	ĐHGTVT	
	H15.15.2.10	Quy chế đào tạo Đại học chính qui - Liên thông - Cao đẳng	17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15/8/2014	BGD&ĐT ĐHGTVT	
	H15.15.3.1	Ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy	Khảo sát năm 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.3.2	Quy định thỉnh giảng tại Trường Đại học GTVT	1821/QĐ-ĐHGTVT 16/9/2015	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H15.15.3.3	Quyết định khen thưởng NCKHSV Trường ĐHGTVT 3 năm 2018, 2019 và 2020	726/QĐ-ĐHGTVT 18/4/2018 830/QĐ-ĐHGTVT 19/4/2019 1060/QĐ-ĐHGTVT 17/7/2020	ĐHGTVT	
	H15.15.3.4	Thống kê kết quả NCKHSV cấp Trường_Bộ các năm	5391/QĐ-BGD&ĐT 13/12/17 4501/QĐ-BGD&ĐT 20/11/19 4603 QĐ-BGD&ĐT 29/11/19 4241 QĐ-BGD&ĐT 9/12/20	BGD&ĐT ĐHGTVT	
	H15.15.3.5	Quyết định lập đội tuyển_khen thưởng Olympic các môn học Trường ĐHGTVT 3 năm 2018, 2016 và 2017	-857/QĐ-ĐHGTVT Thành lập đội tuyển Olympic cơ học Trường ĐH GTVT 2016. + 1585/QĐ-ĐHGTVT Khen thưởng đội tuyển 2016. -601/QĐ-ĐHGTVT Thành lập đội tuyển dự thi Olympic cơ học toàn quốc lần thứ 19 năm 2017. + 1385/QĐ-ĐHGTVT Khen thưởng đội tuyển 2017. -681/QĐ-ĐHGTVT Thành lập đội tuyển Olympic Cơ học toàn quốc 2018. + 1227/QĐ-ĐHGTVT Khen thưởng đội tuyển 2018.	ĐHGTVT	
	H15.15.3.6	Thống kê kết quả	Các Báo cáo tổng	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Olympic cấp Trường- Cấp Quốc gia 5 năm từ 2016 đến 2020	kết Sinh viên các năm		
	H15.15.3.7	MC về việc doanh nghiệp Samsung tài trợ phòng lab để tăng giờ thực hành, thực tập cho Khoa Công nghệ thông tin	File ảnh chụp	ĐHGTVT	
	H15.15.3.8	Đề cương 3 môn học có sử dụng phòng Lab samsung của Khoa công nghệ thông tin	File excel	ĐHGTVT	
	H15.15.4.1	Quy định quản lý giảng dạy trên lớp	Quy định của từng giảng viên	ĐHGTVT	
	H15.15.4.2	Lịch trình giảng dạy	TKB các kỳ	ĐHGTVT	
	H15.15.4.3	Sổ theo dõi giảng dạy của phòng Thanh tra GD	File ảnh chụp báo cáo thanh tra	ĐHGTVT	
	H15.15.4.4	Ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy	Phiếu Đánh giá giảng viên hàng năm	ĐHGTVT	
	H15.15.4.5	Các phiếu khảo sát sinh viên	Phiếu khảo sát sinh viên hàng năm	ĐHGTVT	
	H15.15.4.6	Phiếu khảo sát cựu sinh viên tốt nghiệp	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.5.1	Kế hoạch xây dựng và rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra	664B/ĐHGTVT 8/9/2012 803/TB-ĐHGTVT 28/10/2016	ĐHGTVT	
	H15.15.5.2	Tờ trình và biên bản của Khoa về việc bổ	Các tờ trình của các	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		sung môn học tự chọn bổ sung vào chương trình đào tạo	khoa chuyên môn		
	H15.15.5.3	QĐ của Trường về việc bổ sung môn học tự chọn bổ sung vào chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo chi tiết các khóa	ĐHGTVT	
	H15.15.5.4	Ý kiến phản hồi của Doanh nghiệp, Cựu SV về điều chỉnh chương trình đào tạo (mới), kèm theo các phiếu phản hồi	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.5.5	Phiếu điều tra ý kiến của Doanh nghiệp về chất lượng và chương trình đào tạo	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.5.6	Phiếu điều tra ý kiến của Cựu sinh viên về chất lượng và chương trình đào tạo	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.5.7	Phiếu điều tra mức độ hài lòng của Sinh viên về chất lượng và chương trình đào tạo	Khảo sát cựu sv và các doanh nghiệp 2018	ĐHGTVT	
	H15.15.5.8	Phiếu điều tra mức độ hài lòng của Giảng viên về chất lượng và chương trình đào tạo	Phiếu khảo sát ý kiến người học về mọi mặt hoạt động của nhà trường 2019 (KS 07)	ĐHGTVT	

16. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

Mã minh chứng	Tên Minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H16.16.1.1	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H16.16.1.2	Hướng dẫn thực hiện Quy chế Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	300/QĐ-ĐHGVTVT ngày 12 tháng 4 năm 2014	Trường ĐHGTVT	
H16.16.1.3	Quyết định về sửa đổi, bổ sung quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 1578/QĐ-ĐHGVTVT ngày 10 tháng 8 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
H16.16.1.4	Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ	Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H16.16.1.5	Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sỹ	Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H16.16.1.6	Chức năng, nhiệm vụ của phòng KT và BĐCLĐT	Quyết định số 2228 ngày 19 tháng 10 năm 2012	ĐHGTVT	
H16.16.1.7	Đề án tuyển sinh các năm			
	Đề án tuyển sinh năm 2018	44/ĐHGTVT-KTBĐCLĐT ngày 25 tháng 1 năm 2018		
	Đề án tuyển sinh năm 2020	579/ĐHGTVT-KTBĐCL ngày 25/9/2020	ĐHGTVT	
H16.16.1.8	Chức năng, nhiệm vụ của phòng đào tạo đại học	1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/06/2018 2255/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/10/2016 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017	Trường ĐHGTVT	

Mã minh chứng	Tên Minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H16.16.1.9	Chức năng, nhiệm vụ của phòng đào tạo sau đại học	1087/QĐ-ĐH GTVT ngày 01/06/2018 2255/QĐ-ĐH GTVT ngày 21/10/2016 2116/QĐ-ĐH GTVT ngày 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
H16.16.1.10	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường / Quy định chức năng nhiệm vụ của Bộ môn	1087/QĐ-ĐH GTVT 2255/QĐ-ĐH GTVT 2116/QĐ-ĐH GTVT	Trường ĐH GTVT	
H16.16.1.11	Đề cương chi tiết một số môn học (Đường link công bố đề cương trên website của các khoa)	Ảnh chụp màn hình trang web các Khoa công bố đề cương chi tiết các học phần	Các Bộ môn và các Khoa	
H16.16.1.12	Quy định về thang điểm đánh giá	1827/QĐ-ĐH GTVT ngày 29/11/2017	Đại học GTVT	
H16.16.1.13	Rà soát, điều chỉnh đề cương học phần	Thông báo số 702 ngày 22 tháng 9 năm 2016	Trường ĐH GTVT	
H16.16.1.14	Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện (Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá rèn luyện sinh viên hệ chính quy)	2496/QĐ-CTCT&SV ngày 17/12/2015	Đại học GTVT	
H16.16.1.15	Kế hoạch đánh giá RLSV			
H16.16.1.16	Đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học chính quy (chương trình tiên tiến và chất lượng cao)	1913/QĐ-ĐH GTVT ngày 02/10/2015	Đại học GTVT	
H16.16.1.17	Thực hiện quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho sinh viên đại học hệ chính quy	TB số 814 ngày 6 tháng 12 năm 2017	Trường ĐH GTVT	
H16.16.1.18	Thành lập Phòng Thanh tra - Pháp chế của Trường	Quyết định số 1220/QĐ-	Trường ĐH GTVT	

Mã minh chứng	Tên Minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	<u>ĐH GTVT</u>	<u>ĐH GTVT</u> ngày 30 tháng 5 năm 2019		
H16.16.1.19	Mẫu phiếu thu thập phản hồi của sinh viên		Trường ĐHGTVT	
H16.16.1.120	Kết quả thu thập phản hồi của sinh viên		Trường ĐHGTVT	
H16.16.2.1	Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của 19 ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo (http://utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra)	Quyết định số 1847/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/9/2018	Trường ĐHGTVT	
H16.16.2.2	Ban hành chương trình đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	1882/QĐ- Quyết định số ĐHGTVT ngày 21/9/2018	Trường ĐHGTVT	
H16.16.2.3	Xây dựng Đề án Chương trình Đào tạo đại học Chất lượng cao	324/TB- <u>ĐHGTVT</u> Ngày 11 tháng 5 năm 2015	Trường ĐHGTVT	
	Ban hành chương trình đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến trình độ đại	1882/QĐ- <u>ĐHGTVT</u> Ngày 21 tháng 9 năm 2018	Trường ĐHGTVT	
H16.16.2.4	Ma trận chuẩn đầu ra của các CTĐT	Ma trận tích hợp CDR	Các Khoa và bộ môn phụ trách ngành	
H16.16.2.5	Đề cương chi tiết các môn học	Ảnh chụp màn hình trang web các Khoa công bố đề cương chi tiết các học phần	Các Bộ môn và các Khoa	
H16.16.2.6	Sổ tay sinh viên các năm	Bản cứng	Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.1	Thực hiện biên soạn sổ tay	Thông báo số	Trường ĐHGTVT	

Mã minh chứng	Tên Minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	sinh viên	585/TB-ĐHGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2019		
H16.16.3.2	Kế hoạch tổ chức thi các kỳ thi chung			
H16.16.3.3	Thông báo cử cán bộ coi thi các kỳ thi			
H16.16.3.4	Mẫu đơn phúc tra		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.5	Mẫu phiếu chấm phúc tra		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.6	Mẫu thông kê vi phạm		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.7	Mẫu tổng hợp thay đổi điểm thi		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.8	Mẫu phiếu đánh giá môn học		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.9	Mẫu phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.10	Kết quả khảo sát sinh viên 2018		Trường ĐHGTVT	
H16.16.3.11	Mẫu phiếu đánh giá môn học hệ CTTT		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.1	Biên bản họp Khoa rà soát Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra		Các Khoa	
H16.16.4.2	Các biên bản họp Khoa, họp Bộ Môn rà soát nâng cao chất lượng đào tạo theo Chuẩn đầu ra		Các Khoa/bộ môn	
H16.16.4.3	Báo cáo tổng kết hàng năm		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.4	Tập huấn CDIO	KH số 462 ngày 4 tháng 9 năm 2019	Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.5	Thông báo số 30 về việc Tiếp tục thực hiện rà soát chương trình đào tạo trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO	30/TB-ĐHGTVT 10/01/2020	Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.6	Đề cương môn học theo CDIO			
H16.16.4.7	Quy định về phối hợp kiểm tra kết quả học tập	477/HD-ĐHGTVT	Đại học GTVT	

Mã minh chứng	Tên Minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	của sinh viên giữa các phòng, ban, Khoa	03/10/2012		
H16.16.4.8	Biên bản, kết luận các đợt đối chiếu điểm giữa Phòng, ban, Khoa		Phòng ĐT ĐH	
H16.16.4.9	Danh sách các môn thi trắc nghiệm		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.10	Một số đề thi trắc nghiệm		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.11	Minh chứng về ngân hàng đề thi một số môn		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.12	Mẫu phiếu đánh giá môn học		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.13	Mẫu phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.14	Kết quả khảo sát sinh viên các năm		Trường ĐHGTVT	
H16.16.4.15	Kết luận giao ban đào tạo theo học kỳ		Trường ĐHGTVT	

17. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 17: các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H17.17.01.01	Kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên	350/TB-HCTH ngày 13/06/2017 687/KH-ĐHGTVT ngày 17/09/2018 262/TB-ĐHGTVT ngày 28/03/2019 408/ĐHGTVT-HCTH ngày 10/07/2020 704/KH-ĐHGTVT-GDQPAN ngày 18/11/2020	ĐH GTVT	
2	H17.17.01.02	QĐ cử GV làm CVHT	1930/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/10/2015	ĐH GTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			2138/QĐ-ĐHGTVT ngày 03/10/2016 1689/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/09/2017 1765/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/09/2018 1878/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/09/2019		
3	H17.17.01.03	Quy định về Chức năng nhiệm vụ của P.CTCT&SV	Ảnh chụp	ĐH GTVT	
4	H17.17.01.04	Hệ thống quản lý đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo	Ảnh chụp		
5	H17.17.01.05	Các kế hoạch, minh chứng về tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho NH	Ảnh chụp		
6	H17.17.01.06	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế	1270/ QĐ ĐHGTVT ngày 22/7/2013	ĐH GTVT	
7	H17.17.01.07	Các quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá rèn luyện SV hệ chính quy	521/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/3/2017 1224/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 735/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/04/2018 944/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/05/2019 385/QĐ-ĐHGTVT	ĐH GTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			13/03/2020		
8	H17.17.01.08	Đánh giá hoạt động của Cố vấn học tập	2197/QĐ-ĐH GTVT 13/10/2016 1920/QĐ-ĐH GTVT 10/10/2017 878/TB-ĐH GTVT ngày 27/11/2018 484/QĐ-ĐH GTVT 07/03/2019	ĐH GTVT	
9	H17.17.02.01	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa	363/KH-ĐH GTVT ngày 20/07/2017 318/KH-ĐH GTVT ngày 18/07/2018	ĐH GTVT	
10	H17.17.02.02	Hệ thống làm bài thu hoạch chính trị	Ảnh chụp		
11	H17.17.02.03	Giới thiệu chuyên ngành (Niên giám)		ĐH GTVT	
12	H17.17.02.04	Sổ tay sinh viên			
13	H17.17.02.05	Văn phòng HTSV	Ảnh chụp		
14	H17.17.02.06	Kế hoạch họp lớp	699/TB-ĐH GTVT ngày 28/08/2020	ĐH GTVT	
15	H17.17.02.07	Thông báo thủ tục nội trú cho sinh viên	587/TB-QLKTX ngày 07/08/2020	ĐH GTVT	
16	H17.17.02.08	Hình ảnh Cổng tin	Ảnh chụp		
17	H17.17.02.09	Thư viện	693/TB-ĐH GTVT ngày 29/08/2019 156/TB-ĐH GTVT ngày	ĐH GTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			19/02/2019 2706/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/12/2019		
18	H17.17.02.10	Hình ảnh Khu GDTC	Ảnh chụp		
19	H17.17.02.11	QĐ Học bổng KK học tập	520/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/04/2020 2077/QĐ-ĐHGTVT 02/10/2019 1279/QĐ-ĐHGTVT 22/06/2018 933/QĐ-ĐHGTVT 25/05/2017 2236/QĐ-ĐHGTVT 19/10/2016	ĐH GTVT	
20	H17.17.02.12	QĐ cấp học bổng ngoài ngân sách	407/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/03/2020 2249/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/10/2019 2254/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/11/2018 1711/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/09/2017	ĐH GTVT	
21	H17.17.02.13	QĐ Miễn giảm học phí, Trợ cấp XH	2208/ QĐ-ĐHGTVT ngày 22/10/2019 577/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19/03/2019 2106/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/10/2018 2224/ QĐ-ĐHGTVT ngày 28/11/2017	ĐH GTVT	
22	H17.17.02.14	TB Hướng dẫn SV làm thủ tục vay vốn	448/QB-CTCT&SV ngày 11/08/2017 541/TB-ĐHGTVT ngày	ĐH GTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			09/08/2018 635/TB-ĐHGTVT ngày 07/08/2019 841/TB-CTCT&SV ngày 03/11/2020		
23	H17.17.02.15	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế	1270/ QĐ ĐHGTVT ngày 22/7/2013	ĐH GTVT	
24	H17.17.02.16	Hỗ trợ sv, tư vấn kỹ năng	Ảnh chụp		
25	H17.17.02.17	Hội thảo tuyển dụng	Ảnh chụp		
26	H17.17.02.18	QĐ đội tuyển SV	775/QĐ-ĐHGTVT 08/04/2016 600/QĐ-ĐHGTVT 12/04/2017 682//QĐ-ĐHGTVT 09/04/2018 728//QĐ-ĐHGTVT 05/04/2019 1492/QĐ-ĐHGTVT 17/09/2020	ĐH GTVT	
27	H17.17.02.19	CLB	Ảnh chụp		
28	H17.17.02.20	QĐ đội tuyển toàn quốc và quốc tế	1956/QĐ-ĐHGTVT 26/11/2020 2604//QĐ-ĐHGTVT 18/12/2019 776//QĐ-ĐHGTVT 12/04/2019 681/QĐ-ĐHGTVT	ĐH GTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			09/04/2018 834/QĐ-ĐHGTVT 12/05/2017 2449/QĐ-ĐHGTVT 16/11/2016		
29	H17.17.02.21	Quy chế chi tiêu nội bộ	2616/QĐ-ĐHTVT ngày 25/12/2015	ĐH GTVT	
30	H17.17.02.22	Quyết định trao đổi sinh viên	2655/QĐ-ĐHGTVT 13/12/2016 1243/QĐ-ĐHGTVT 29/06/2017 1627/QĐ-ĐHGTVT 20/08/2018 2092/QĐ-ĐHGTVT 03/10/2019	ĐH GTVT	
31	H17.17.03.01	Phiếu khảo sát ý kiến của người học về mọi mặt hoạt động của Nhà trường			
20	H17.17.03.02	Kế hoạch đối thoại với sinh viên	457/KH-ĐHGTVT 25/09/2018		
32	H17.17.03.03	Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên bị cảnh cáo kết quả học tập			
33	H17.17.03.04	Báo cáo tổng kết năm học công tác đào tạo			
34	H17.17.03.05	Hình ảnh KTX	Ảnh chụp		

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
35	H17.17.03.06	Ảnh chụp màn hình trang Sis.utc.edu.vn	Ảnh chụp		
36	H17.17.03.07	Ảnh các phòng học và cây lọc nước, nhà để xe.	Ảnh chụp		
37	H17.17.03.08	QĐ cấp học bổng ngoài ngân sách	934/QĐ-ĐHGTVT 26/04/2016 1711/QĐ-ĐHGTVT 11/09/2017 43/QĐ-ĐHGTVT 05/01/2018 904/QĐ-ĐHGTVT 03/05/2019 407/QĐ_ĐHGTVT 20/03/2020	ĐH GTVT	
38	H17.17.03.09	Các QĐ miễn giảm học phí và Cấp trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập	737/QĐ-ĐHGTVT 05/06/2020 2545/QĐ-ĐHGTVT 13/12/2019 2106/QĐ-DDHGTVT 29/10/2018 2221/QĐ-ĐHGTVT 28/11/2017	ĐH GTVT	
39	H17.17.03.10	Hình ảnh cây ATM trong trường	Ảnh chụp		
40	H17.17.03.11	Ngày hội việc làm	Ảnh chụp		
41	H17.17.03.12	Khảo sát sinh	01/BC-ĐHGTVT	ĐH	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		viên tốt nghiệp	02/01/2018 523/ĐHGTVT 23/10/2018	GTVT	
42	H17.17.04.01	Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp	01/BC-ĐHGTVT 02/01/2018 523/ĐHGTVT 23/10/2018	ĐH GTVT	
43	H17.17.04.02	QĐ thực tập của sinh viên	57/QĐ-ĐHGTVT 06/01/2021 1810/QĐ-ĐHGTVT 05/11/2020 2605/QĐ-ĐHGTVT 18/12/2019 1123/QĐ-ĐHGTVT 07/06/2018 1300/QĐ-ĐHGTVT 21/07/2017	ĐH GTVT	
44	H17.17.04.03	Trang sis.utc.edu.vn (Đăng ký giấy xác nhận sinh viên)	Ảnh chụp		
45	H17.17.04.04	Hình ảnh về các dụng cụ tập thể dục cho sinh viên	Ảnh chụp		

18. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H.18.18.1.0 1	Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2008- 2020, tầm	1999/QĐ-ĐHGTVT, 04/12/2008	Trường ĐH GTVT	

		nhìn 2030			
	H.18.18.1.0 2	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KHCN 5 năm 2016-2020 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KHCN chủ yếu giai đoạn 2021-2025	359/BC-ĐH GTVT ngày 15/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 3	Thông báo hàng năm của Nhà trường gửi các đơn vị về việc tổng kết và xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN	224/TB-ĐH GTVT ngày 25/03/2016 124/TB-ĐH GTVT ngày 01/03/2017 203/TB-ĐH GTVT ngày 23/03/2018 252/TB-ĐH GTVT ngày 25/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 4	Báo cáo hàng năm của Nhà trường gửi Bộ về việc tổng kết và xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN	358/CV-ĐH GTVT, 15/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 5	Quy chế quản lý KH và CN, LDSX của Trường ĐH GTVT	1942/QĐ-ĐH GTVT, 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 6	Quy chế chi tiêu nội bộ	2116/QĐ-ĐH GTVT, 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 7	Quy định quy đổi giờ chuẩn KHCN của giảng viên Trường ĐH GTVT	1399/QĐ-ĐH GTVT- 04/08/2017, 1293/QĐ-ĐH GTVT, 18/08/2020, 1917/QĐ-ĐH GTVT ngày 17/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.0 8	Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục nghiệm thu và thanh	612/TB-ĐH GTVT, 30/07/2019	Trường ĐH GTVT	

		quyết toán đề tài NCKH cấp Trường			
	H.18.18.1.09	Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên	1265/QĐ-ĐHGTVT, 6/6/2014	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.10	Thông báo về việc hướng dẫn đăng ký và tổ chức hội nghị, hội thảo/seminar khoa học trong nước và quốc tế.	945/TB-ĐHGTVT, 08/11/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.11	Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHGTVT	217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.12	Quyết định phê duyệt đề tài cấp trường hàng năm.	- 1239/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2015 - 1386/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/06/2016 - 2444/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/12/2017 - 2628/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/12/2018 - 2766/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/11/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.13	Quyết định giao nhiệm vụ chủ trì đề tài cấp bộ hàng năm	- 1432/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/06/2016 - 1557/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/08/2017 - 1190/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018 - ngày 1562/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/07/2019 - ngày 864/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.14	Quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV hàng	- 1905/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/09/2015	Trường ĐH	

		năm	- 2120/QĐ- ĐH GTVT ngày 30/09/2016 - 1853B/QĐ- ĐH GTVT ngày 29/09/2017 - 1949/QĐ-ĐH GTVT ngày 28/09/2018 - 2061/QĐ- ĐH GTVT ngày 30/09/2019	GTVT	
	H.18.18.1.1 5	Thông báo kiểm tra tình hình thực hiện tiến độ đề tài	-81/TB-ĐHGTVT ngày 16/01/2019 -48/TB-ĐHGTVT ngày 15/01/2020 -685/ TB-ĐHGTVT ngày 04/09/2020 -831/ TB-ĐHGTVT ngày 08/12/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.1.1 6	Thông báo kiểm tra giờ NCKH hàng năm	536/TB-ĐHGTVT ngày 20/07/2020 401/TB-ĐHGTVT ngày 17/05/2019 364/TB-ĐHGTVT ngày 23/05/2018 306/ TB-ĐHGTVT ngày 30/05/2017 367/ TB-ĐHGTVT ngày 26/05/2016		
	H.18.18.1.1 7	Báo cáo tổng kết công tác và phương hướng nhiệm vụ mỗi năm học	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐH GTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐH GTVT ngày	Trường ĐH GTVT	

			28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC- ĐHGTVT ngày 19/10/2020)		
	H.18.18.2.0 1	Quy chế quản lý KH và CN, LDSX của Trường ĐH GTVT	1942/QĐ-ĐHGTVT, 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	Chư a có
	H.18.18.2.0 2	Báo cáo tổng kết công tác và phương hướng nhiệm vụ mỗi năm học	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐH GTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐH GTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC- ĐHGTVT ngày 19/10/2020)		
	H.18.18.2.0 3	Thông báo đề xuất đề tài TĐ 2019	908/TB- ĐHGTVT ngày 05/12/2018		
	H.18.18.2.0 4	Quy chế chi tiêu nội bộ	2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.2.0 5	Báo cáo hoạt động hợp tác NCKH, hội nghị hội thảo hàng năm	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐH GTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018)	Trường ĐH GTVT	

			- Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐH GTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC- ĐHGTVT ngày 19/10/2020)		
	H.18.18.2.0 6	Hội nghị giao ban KHCN-LĐSX	-29/01/2016 -25/02/2017 -12/11/2018 -15/07/2020 -10/04/2018	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.3.0 1	Kế hoạch hoạt động KHCN 2016-2020	101/ĐHGTVT-KHCN ngày 14/03/2016	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.3.0 2	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020	11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.3.0 3	Quyết định khen thưởng HN KHCN 2018,2020	2166/ QĐ-ĐH GTVT ngày 06/11/2018 1832/QĐ-ĐH GTVT ngày 06/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.4.0 1	Hội nghị giao ban KHCN-LĐSX	29/01/2016 -25/02/2017 -12/11/2018 -15/07/2020 -10/04/2018		
	H.18.18.4.0 2	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020	11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.18.18.4.0 3	https://www.tienphong.vn/giao-duc/top-50-co-so-giao-duc-dai-hoc-co-cong-bo-quoc-te-tot-nhat-viet-nam-2019-1648283.tpo	Báo Tiền Phong	Báo Tiền Phong	

19. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H.19.19.1.01	Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHGTVT	217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.1.02	QĐ thành lập tổ quản lý SHTT	2294/QĐ-ĐHGTVT Ngày 27/10/2016	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.1.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	2116/QĐ-ĐHGTVT Ngày 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.1.04	Quy định quy đổi giờ các hoạt động KHCN của Trường ĐH GTVT	1917/QĐ-ĐHGTVT Ngày 17/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.2.01	Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHGTVT	217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.2.02	Bằng độc quyền sáng chế: 23872 “Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu Polyme để theo dõi sức khỏe công trình xây dựng và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng bằng cảm biến này”	3999w/QĐ-SHTT, ngày 24/02/2020	Cục SHTT	
	H.19.19.2.03	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: 2259 “Phương pháp tạo ra	13238w/QĐ-SHTT, ngày 03/09/2020	Cục SHTT	

		hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng phụ gia trộn trực tiếp tại trạm bê tông”			
	H.19.19.2.04	Công văn “V/v đăng ký tham gia đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các thành viên mạng lưới TISC/IP-HUB”	101/ĐHGTVT-KHCN ngày 12/03/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.2.05	QĐ thành lập Ban phát triển sản phẩm	1342/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/8/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.01	Báo cáo Hội nghị giao ban KHCN-LĐSX		Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.02	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020		Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.03	Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHGTVT	217/QĐ-ĐHGTVT, 10/2/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.04	Thông báo v/v xét duyệt đề tài cấp trường	495/TB-ĐHGTVT cấp ngày 03/07/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.05	TB điều kiện khen thưởng cho CB-CNV có bài báo quốc tế và hỗ trợ báo cáo tại HNHT	754/TB-ĐHGTVT ngày 20/11/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.3.06	TB v/v thống nhất cách viết tên, địa chỉ Trường và email liên hệ của đơn vị và các nhân là tác giả trong công trình khoa học	634/TB-ĐHGTVT ngày 18/8/2020	Trường ĐH GTVT	

	H.19.19.4.01	Báo cáo tổng kết công tác và phương hướng nhiệm vụ mỗi năm học	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-DDHGTVT ngày 19/10/2020)	Trường ĐH GTVT	
	H.19.19.4.02	Báo cáo Hội nghị KHCCN 2018,2020			
	H.19.19.4.03	Bảng thống kê khảo sát về công tác quản lý tài sản trí tuệ Nhà trường			

20. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 20.1					
1.	H20.20.01.01	Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	QĐ số 1999/QĐ-ĐHGTVT ngày 04/12/2008	Trường ĐHGTVT	
2.	H20.20.01.02	Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030			Đang xin ý kiến
3.	H20.20.01.03	Kế hoạch hoạt động KHCN của Trường ĐHGTVT giai đoạn 2016-2020	QĐ số 1288/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/6/2016	Trường ĐHGTVT	
4.	H20.20.01.04	Tờ trình Kế hoạch phát triển hợp tác và đối tác trong NCKH giai đoạn 2016-2020	Ngày 20/7/2016	Phòng HTQT& NCPT	
5.	H20.20.01.05	Báo cáo công tác năm học của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020)	Trường ĐHGTVT	
6.	H20.20.01.06	Báo cáo tổng kết năm học và	Năm học 2015-	Phòng	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	2016 đến năm học 2019-2020	Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
7.	H20.20.01.07	Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, lao động sản xuất của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐHGTVT	
8.	H20.20.01.08	Quy chế quản lý hoạt động HTQT của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1475B/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/9/2020	Trường ĐHGTVT	
9.	H20.20.01.09	Quyết định số 1270/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng Trường đại học GTVT về ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường đại học GTVT	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/7/2013	Trường ĐHGTVT	
10	H20.20.01.10	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/6/2018	Trường ĐHGTVT	
11	H20.20.01.11	Thông báo hàng năm của Nhà trường gửi các đơn vị về việc tổng kết và xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN	Số 224/TB-ĐHGTVT ngày 25/03/2016 Số 124/TB-ĐHGTVT ngày 01/03/2017 Số 203/TB-ĐHGTVT ngày 23/03/2018 Số 252/TB-ĐHGTVT ngày 25/03/2019	Trường ĐH GTVT	
12	H20.20.01.12	Thông báo về kế hoạch công tác của các Trung tâm có chức năng triển khai các hoạt động HTQT	Số 380/TB-ĐN ngày 29/5/2018	Phòng Đối ngoại	
13	H20.20.01.01	Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-	QĐ số 1999/QĐ-	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2020 và tầm nhìn đến năm 2030	ĐHGTVT ngày 04/12/2008		
14	H20.20.01.03	Kế hoạch hoạt động KHCN của Trường ĐHGTVT giai đoạn 2016-2020	QĐ số 1288/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/6/2016	Trường ĐHGTVT	
15	H20.20.01.04	Tờ trình Kế hoạch phát triển hợp tác và đối tác trong NCKH giai đoạn 2016-2020	Ngày 20/7/2016	Phòng HTQT&NCPT	
16	H20.20.01.05	Báo cáo công tác năm học của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020)	Trường ĐHGTVT	
17	H20.20.01.06	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
Tiêu chí 20.2					
1.	H20.20.02.01	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
2.	H20.20.02.02	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	
3.	H20.20.02.03	Định hướng NCKH ưu tiên của Trường Đại học GTVT giai đoạn 2016-2025	QĐ số 749/QĐ-ĐHGTVT ngày 5/4/2016	Trường ĐHGTVT	
4.	H20.20.02.04	Quyết định phê duyệt đề tài cấp Trường hàng năm.	- Số 1239/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2015 - Số 1386/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/06/2016 - Số 2444/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/12/2017 - Số 2628/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/12/2018 - Số 2766/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/11/2019	Trường ĐH GTVT	
5.	H20.20.02.05	Quyết định giao nhiệm vụ chủ trì đề tài cấp Bộ hàng năm	- Số 1432/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/06/2016 - Số 1557/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/08/2017 - Số 1190/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018 - Số 1562/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/07/2019 - Số 864/QĐ-		

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			ĐHGTVT ngày 25/06/2020		
6.	H20.20.02.06	Tạp chí quốc tế 3 trường SWJTU-MADI-UTC			Trang web: http://lib.madi.ru/sjt/
7.	H20.20.02.07	Thống kê các nguồn lực đạt được từ các dự án, đề tài, chương trình hợp tác giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	
8.	H20.20.02.08	Danh sách các dự án/sản phẩm khoa học chuyển giao giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	
9.	H20.20.02.09	Thống kê bài báo khoa học quốc tế công bố trên các tạp chí ISI/Scopus và các tạp chí quốc tế uy tín khác giai đoạn 2016-2020		Phòng KHCN	
10	H20.20.02.10	Danh sách các hội nghị, hội thảo, seminar trong nước và quốc tế giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	
11	H20.20.02.11	Danh sách các giảng viên, chuyên gia nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	
12	H20.20.02.12	Danh sách cán bộ, giảng viên đi công tác nước ngoài		Phòng TCCB	
13	H20.20.02.13	Thống kê các đoàn khách vào làm việc với Trường từ năm học 2015-2016 đến T10/2020		Phòng HTQT& NCPT	
14	H20.20.02.14	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH GTVT	Quyết định số 2116/QĐ-ĐHGTVT, 09/11/2017	Trường ĐH GTVT	
15	H20.20.02.15	Các thỏa thuận dự án quốc tế có đối ứng		Phòng HTQT& NCPT	
16	H20.20.01.09	Quyết định số 1270/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng Trường đại học GTVT về ban	QĐ số 1270/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐHGTVT	Trích phần thông tin về chức năng, nhiệm vụ của phòng

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường đại học GTVT	22/7/2013		KHCN và Phòng Đối ngoại
17	H20.20.01.10	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1087/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/6/2018	Trường ĐHGTVT	Trích phần thông tin về hoạt động KHCN và HTQT
18	H20.20.01.07	Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, lao động sản xuất của Trường Đại học GTVT	QĐ số 1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/10/2017	Trường ĐHGTVT	
19	H20.20.01.05	Báo cáo công tác năm học của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT ngày 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019) - Năm học 2019-2020 (623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020)	Trường ĐHGTVT	
Tiêu chí 20.3					
1.	H20.20.03.01	Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KHCN 2018-2019 và kế hoạch 2020	Số 287/ĐHGTVT-KHCN ngày 10/6/2019	Trường ĐHGTVT	
2.	H20.20.03.02	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KHCN 5 năm 2016-2020 và phương hướng,	Số 359/BC-ĐHGTVT ngày	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		mục tiêu, nhiệm vụ KHCN chủ yếu giai đoạn 2021-2025	15/06/2020		
3.	H20.20.03.03	Lịch họp giao ban cán bộ			Đăng trên VPĐT hoặc website Trường
4.	H20.20.03.04	Lịch hội nghị giao ban KHCN-LDSX			Đăng trên VPĐT hoặc website Trường
5.	H20.20.03.05	Hội nghị KHCN 2018, 2020		Phòng KHCN	
6.	H20.20.03.06	Khảo sát cán bộ, giảng viên và sinh viên về các mảng hoạt động của Nhà trường		Phòng KT & BDCLĐT	
7.	H20.20.01.06	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
8.	H20.20.02.07	Thống kê các nguồn lực đạt được từ các dự án, đề tài, chương trình hợp tác giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
9.	H20.20.01.05	Báo cáo công tác năm học của Trường Đại học GTVT	- Năm học 2015-2016 (342/CV-ĐHGTVT ngày 29/07/2016) - Năm học 2016-2017 (369/BC-ĐHGTVT 25/07/2017) - Năm học 2017-2018 (454/CV-ĐHGTVT ngày 20/09/2018) - Năm học 2018-2019 (336/BC-ĐHGTVT ngày 28/06/2019)	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			- Năm học 2019-2020 (623/BC-ĐHGTVT ngày 19/10/2020)		
10	H20.20.01.06	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo của phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Đối ngoại và phòng HTQT&NCPT	
11	H20.20.02.01	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
12	H20.20.02.02	Thống kê các thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT&NCPT	
Tiêu chí 20.4					
1.	H20.20.04.01	Biên bản hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài		Trường ĐHGTVT	
2.	H20.20.04.02	Thống kê thỏa thuận hợp tác trong nước năm 2020		Phòng HTQT&NCPT	
3.	H20.20.02.09	Thống kê bài báo khoa học quốc tế công bố trên các tạp chí ISI/Scopus và các tạp chí quốc tế uy tín khác giai đoạn 2016-2020		Phòng KHCN	
4.	H20.20.02.04	Quyết định phê duyệt đề tài cấp Trường hàng năm.	- Số 1239/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2015 - Số 1386/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/06/2016 - Số 2444/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/12/2017 - Số 2628/QĐ-	Trường ĐHGTVT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			ĐHGTVT ngày 24/12/2018 - Số 2766/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/11/2019		
5.	H20.20.02.05	Quyết định giao nhiệm vụ chủ trì đề tài cấp Bộ hàng năm	- Số 1432/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/06/2016 - Số 1557/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/08/2017 - Số 1190/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018 - Số 1562/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/07/2019 - Số 864/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2020		
6.	H20.20.04.03	https://www.tienphong.vn/giao-duc/top-50-co-so-giao-duc-dai-hoc-co-cong-bo-quoc-te-tot-nhat-viet-nam-2019-1648283.tpo		Báo Tiền Phong	
7.	H20.20.02.07	Thống kê các nguồn lực đạt được từ các dự án, đề tài, chương trình hợp tác giai đoạn 2016-2020		Phòng HTQT& NCPT	

22. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H22.22.1.1	Quy định về thực hiện Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của ĐH GTVT Quy định về sửa đổi bổ xung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ.	300/QĐ ĐHGTVT ngày 12/02/2014 1578/QĐ ĐHGTVT ngày 10/8/2018	ĐHGTVT	
		3/ Quy chế đào tạo hệ VLVH của bộ giáo dục và đào tạo năm 2007	36/QĐ BGD&ĐT ngày 28/6/2007	ĐHGTVT	
		Quyết định về Ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ + phụ lục kèm theo	970/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/5/2015	ĐHGTVT	
		Quyết định về Ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ	636/QĐ-ĐHGTVT ngày 9/4/2012	ĐHGTVT	
	H22.22.1.2	Báo cáo tình hình tốt nghiệp của sinh viên	Báo cáo tổng kết năm học (2016-2019)	ĐHGTVT	
	H22.22.1.3	Biên bản họp HĐ xét tốt nghiệp cho sinh viên	File ảnh chụp sổ họp	ĐHGTVT	
	H22.22.1.4	Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp	Báo cáo tổng kết năm học	ĐHGTVT	
	H22.22.1.5	Thông báo về việc xử lý học vụ cho sinh viên	688/TB-ĐHGTVT 7/9/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.1.6	Kế hoạch hỗ trợ, tư vấn sinh viên	Ảnh chụp màn hình CTCT	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H22.22.1.7	Bảng thống kê kết quả xử lý học vụ và hạ mức xử lý học vụ	Tờ trình của các khoa	ĐHGTVT	
	H22.22.1.8	Bảng thống kê kết quả thôi học	Báo cáo tổng kết năm học 2016-2020	ĐHGTVT	
	H22.22.1.9	Báo cáo tình hình xét học vụ cho sinh viên	Báo cáo tổng kết năm học 2016-2020	ĐHGTVT	
	H22.22.1.1 0	Biên bản họp HĐ xét học vụ cho sinh viên	Ảnh chụp sổ gốc	ĐHGTVT	
	H22.22.1.1 1	Bảng thống kê kết quả một số môn học	Báo cáo tổng kết năm học 2016-2020	ĐHGTVT	
	H22.22.1.1 2	Biên bản họp của các Bộ môn	File ảnh	ĐHGTVT	
	H22.22.2.1	Báo cáo tình hình tốt nghiệp của sinh viên	01/BC-ĐHGTVT. Báo cáo tình hình tốt nghiệp của sinh	ĐHGTVT	
	H22.22.2.2	Chương trình đào tạo của trường Đại học GTVT tại đường	http://utc.edu.vn	ĐHGTVT	
	H22.22.2.3	Các TB tổ chức kỳ song song cho SV	Các thông báo của phòng ĐTDH (2016-2020)	ĐHGTVT	
	H22.22.2.4	Các TB tổ chức thi tiếng Anh A1, A2 cho SV ĐHCQ cho K57, K58, K59, K60, K61	Các thông báo tổ chức thi đánh giá trình độ ngoại ngữ A1, A2 (2016-2020)	ĐHGTVT	
	H22.22.3.1	Các KH triển khai điều tra SV TN	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.3.2	Báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H22.22.3.3	Bảng thống kê tỷ lệ có việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.3.4	Báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai năm học 2016 - 2017 của Học viện Nông nghiệp Việt nam trên website tại đường link: <u>http://www.vnua.edu.vn/</u> DATA/0/DOCUMENTS/ 2017/09/host/ Bao-cao-3-cong-khai-nam-hoc-2016-2017.pdf	386/BC-HVN ngày 6/6/2016	HVN	
	H22.22.3.5	Báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai năm học 2016 - 2017 của Đại học Xây dựng trên website tại đường link: <u>http://www.nuce.edu.vn/vi/gioi-thieu/cong-khai-cam-ket-dam-bao-chat-luong-giao-duc.html</u>		ĐH XD	
	H22.22.3.6	Bảng thống kê mức thu nhập của SV sau 1 năm tốt nghiệp	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H22.22.3.7	Các HĐ hợp tác với các doanh nghiệp	Các file ảnh chụp màn hình	ĐHGTVT	
	H22.22.3.8	KH tổ chức Ngày hội việc làm	Các file ảnh chụp màn hình	ĐHGTVT	
	H22.22.4.1	Biên bản Hội nghị CBVC	Các biên bản hội nghị CBVC 2016-2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.2	Phiếu điều tra môn học từ phía SV	Phiếu điều tra sinh viên hàng năm	ĐHGTVT	
	H22.22.4.3	Bảng thống kê kết quả điều tra SV	Báo cáo điều tra sinh viên	ĐHGTVT	
	H22.22.4.4	QĐ bổ sung môn học tự chọn vào chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy	Chương trình đào tạo chi tiết các khóa	ĐHGTVT	
	H22.22.4.5	KH khảo sát sinh viên TN	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.6	Phiếu điều tra SV tốt nghiệp	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.7	Bảng thống kê kết quả điều tra SV tốt nghiệp	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.8	Danh sách Quyết định đi thực tập một số môn học	1389/QĐ-ĐHGTVT 31/8/2020 1580/QĐ-ĐHGTVT 01/8/2019	ĐHGTVT	
	H22.22.4.9	- Các TB tổ chức thi	Các thông báo 2016-2020	ĐHGTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tiếng Anh A2 cho SV ĐHCQ cho K56,K57,K58, K59,K60;- Bảng thống kê số lượng các lớp Tiếng Anh nâng cao			
	H22.22.4.10	Số liệu về cơ sở vật chất	Báo cáo tổng kết nam học	ĐHGTVT	
	H22.22.4.11	Số liệu về tài liệu giáo trình	Báo cáo tổng kết nam học	ĐHGTVT	
	H22.22.4.12	KH khảo sát đơn vị tuyển dụng	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.13	Phiếu điều tra đơn vị tuyển dụng	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	
	H22.22.4.14	Bảng thống kê kết quả điều tra đơn vị tuyển dụng	646/BC-ĐHGTVT 26/12/2018 781/BC-CTCCSV 28/12/2020	ĐHGTVT	

23. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H23.23.1.01	Quy chế hoạt động KHCN	1942/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/12/2017	Trường ĐH GTVT	
	H23.23.1.02	Quy định tính giờ NCKH quy	1399/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04/08/2017 1917/ QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐH GTVT	

		đổi	17/11/2020		
	H23.23.01.03	Quyết định khen thưởng thành tích cao 2018,2020	-2166/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/11/2018 -1832/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H23.23.01.04	Hướng dẫn nghiệm thu cấp trường,	612/TB-ĐHGTVT ngày 30/07/2019	Trường ĐH GTVT	
	H23.23.01.05	Thông báo quy đổi giờ hàng năm	364/TB-ĐHGTVT ngày 23/05/2018, 306/TB-ĐHGTVT ngày 30/05/2017, 401/TB- ĐHGTVT ngày 17/05/2019, 601/ĐHGTVT-KHCN ngày 27/08/2020	Trường ĐH GTVT	
	H23.23.01.06	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020	11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.2.01	Quy chế quản lý KH và CN, LĐSX của Trường ĐH GTVT	1942/QĐ-ĐHGTVT, 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.2.02	Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên	1265/QĐ-ĐHGTVT, 6/6/2014	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.2.03	Thông báo đăng ký đề tài NCKH sinh viên	528/TB-ĐH GTVT ngày 11/08/2015 543/TB-ĐHGTVT ngày 05/08/2016 439/TB-ĐHGTVT ngày 09/08/2017 520/TB-ĐHGTVT ngày 01/08/2018	Trường ĐH GTVT	

			676/ TB-ĐH GTVT ngày 22/08/2019		
	H.23.23.2.04	Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên	1265/QĐ-ĐHGTVT, 6/6/2014	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.2.05	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020	11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.3.01	Kế hoạch hoạt động KHCN 2016-2020	101/ĐHGTVT-KHCN ngày 14/03/2016	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.3.02	Báo cáo Hội nghị KHCN 2018,2020	11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.3.03	Quyết định khen thưởng thành tích cao 2018,2020	1832/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.3.04	Thông báo đề xuất đề tài trọng điểm 2019, 2020, 2021	908/TB-ĐHGTVT ngày 05/12/2018 239/TB-ĐHGTVT ngày 19/03/2019 (đợt 1) và 403/ TB- ĐHGTVT ngày 17/05/2019 (đợt 2) 312/ TB-ĐHGTVT ngày 29/04/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.4.01	Quy chế về hoạt động Sở hữu trí tuệ	217/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/12/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.4.02	Quy định	374/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường	

		tiêu chuẩn sáng kiến	23/2/2021	ĐH GTVT	
	H.23.23.4.03	Thông báo đăng ký và xét duyệt công nhận sáng kiến	190/TB-ĐHGTVT ngày 04/04/2017 -239/ TB-ĐHGTVT ngày 02/04/2018 -494/ TB-ĐHGTVT ngày 02/07/2020		
	H.23.23.5.01	Thông báo về định mức Xây dựng thuyết minh và chi thực hiện nhiệm vụ NCKH	Số 358/TB-ĐHGTVT ngày 14/06/2017 Số 485A/TB-ĐHGTVT, 12/06/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.02	Cơ sở tính chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học	P.KHCN	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.03	Kế hoạch chi hoạt động khoa học công nghệ theo NĐ 99/2014	Kế hoạch được phê duyệt năm 2016; 2017; 2018; 2019; 2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.04	Quyết định phê duyệt danh mục khoa học công nghệ thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.	5612/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2018 5652/ QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2018 994/ QĐ-BGDĐT ngày 16/04/2019 1518/ QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2019 103/ QĐ-BGDĐT ngày 13/01/2020	Trường ĐH GTVT	

	H.23.23.5.05	Quyết định giao dự toán ngân sách từ Bộ Giáo dục & Đào tạo	Số 480/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2016; Số 5848/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2016 Số 1508/QĐ-BGDĐT ngày 28/4/2017; Số 5031/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2017; Số 309/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2018; Số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2018 Số 2981/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2018 Số 2355/QĐ-BGDĐT ngày 29/06/2018 Số 5658/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2018 Số 1020/QĐ-BGDĐT ngày 16/04/2019; Số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 13/6/2019; Số 1817/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2019; Số 905/QĐ-BGDĐT ngày 31/03/2020; Số 1379/QĐ-BGDĐT ngày 28/5/2020;	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.06	Quyết định phê duyệt đề tài cấp trường hàng năm. Quyết định giao nhiệm vụ chủ trì đề tài cấp bộ hàng năm	- 1239/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2015 - 1386/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/06/2016 - 2444/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/12/2017 - 2628/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/12/2018 - 2766/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/11/2019 - 1432/QĐ-ĐHGTVT ngày	Trường ĐH GTVT	

			29/06/2016 - 1557/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/08/2017 - 1190/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/06/2018 - ngày 1562/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/07/2019 - ngày 864/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/06/2020		
	H.23.23.5.07	Hợp đồng nghiên cứu khoa học công nghệ được tài trợ từ các Tổ chức, Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ Quốc gia, Sở KHCN...	740/Nafosted ngày 07/08/2020 146/ Nafosted ngày 10/03/2020	Đơn vị tài trợ và Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.08	Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 2616/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/12/2015; Số 2116/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/11/2017;	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.09	Quy định quy đổi giờ chuẩn KHCN của giảng viên Trường ĐHGTVT	1399/ QĐ-ĐHGTVT ngày 04/08/2017 1917/ QĐ-ĐHGTVT ngày 17/11/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.10	Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục	612/TB-ĐHGTVT, 30/07/2019	Trường ĐH GTVT	

		nghiệm thu và thanh quyết toán đề tài NCKH cấp Trường			
	H.23.23.5.11	Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên	1265/QĐ-ĐHGTVT, 6/6/2014	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.12	Quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV hàng năm; Quyết toán kinh phí NCKH SV	- 1905/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/09/2015 - 2120/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/09/2016 - 1853B/QĐ-ĐH GTVT ngày 29/09/2017 - 1949/QĐ-ĐH GTVT ngày 28/09/2018 - 2061/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/09/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.13	Thông báo về việc hướng dẫn đăng ký và tổ chức hội nghị, hội thảo/seminar khoa học trong nước và quốc tế.	945/TB-ĐHGTVT, 08/11/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.5.14	Báo cáo tổng kết, quyết toán kinh phí KHCN hàng năm có chi tiết phân bổ	Báo cáo tổng kết HNKH các năm 2016; 2017; 2018; 2019.	Trường ĐH GTVT	

		cho các hạng mục chi.			
	H.23.23.6.01	Quy chế quản lý KH và CN, LDSX của Trường ĐH GTVT	1942/QĐ-ĐH GTVT, 12/10/2017	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.6.02	Quyết định thành lập công ty thuộc trường	2007/QĐ-ĐH GTVT ngày 13/10/2015 1231/QĐ-ĐH GTVT ngày 29/06/2017 513/QĐ-ĐH GTVT ngày 15/03/2018 514/ QĐ-ĐH GTVT ngày 15/03/2018 352/QĐ-ĐH GTVT 04/03/2011 892/QĐ-ĐH GTVT 03/05/2019	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.6.03	QĐ thành lập Ban PT các SPKHCN	1342/QĐ-ĐH GTVT ngày 24/08/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.6.04	Thông báo đăng ký đề tài cấp trường trọng điểm 2019, 2020, 2021	908/TB-ĐH GTVT ngày 05/12/2018, 239/ TB-ĐH GTVT ngày 19/03/2019 (đợt 1), 403/TB-ĐH GTVT ngày 17/05/2019 (đợt 2), 312/TB-QĐ ĐH GTVT ngày 29/04/2020	Trường ĐH GTVT	
	H.23.23.6.05	Hợp đồng hợp tác Quốc tế và TT KHCN	HĐ nước ngoài k có số 08218/ĐMHN/TT GTVT ngày 08/02/2018 239/ĐMYV-TT KHCN ngày 08/03/2017	Trường ĐH GTVT	

			03/CTTN/TTCNGTVT 1/1/2018 1008/2017/HĐKT ngày 10/08/2017 02/2017/ĐTVPN/TTKHCNGTVT Ngày 25/06/2017 002/HĐKT/TOTC-201811 ngày 23/11/2018 007/HĐKT/TOTC-201902 ngày 15/02/2019 03119/ĐMHN/TTGTVT ngày 03/1/2019 009/HĐKT/TOTC-202002 ngày 17/02/2020		
	H.23.23.6.06	Hội nghị giao ban và Hội nghị KHCN 2018,2020	29/01/2016 -25/02/2017 -12/11/2018 -15/07/2020 -10/04/2018	Trưởng ĐH GTVT	

24. Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	[H24.24.01.01]	Chiến lược phát triển ĐH GTVT	11/2008	ĐH GTVT	
2	[H24.24.01.02]	Khóa đào tạo tiếng Nhật và kỹ năng làm việc trong môi trường Nhật Bản HureDee 2019, 2020	2019, 2020	ĐH GTVT	
3	[H24.24.01.03]	- Talkshow Chia sẻ kỹ năng, cơ hội, kinh nghiệm học tập và làm việc tại Nhật Bản 2018	2018, 2019	ĐH GTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		- Hội thảo hướng nghiệp ngành vận tải-logistics 2019 - Ngày việc làm Logistic 2019			
4	[H24.24.01.04]	Kế hoạch tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và việc làm năm 2019	220/KHLT-LĐTĐ-ĐHGTVT, 17/4/2019	Báo LĐTĐ/ĐH GTVT	
5	[H24.24.01.05]	Các khóa đào tạo quốc tế: - Khóa đào tạo Quốc tế về Quy hoạch và Quản lý Đô thị 2016; 2017; 2018 - Khóa học Quốc tế về Quản lý tài sản Kết cấu hạ tầng đường bộ 2016; 2017		ĐH GTVT	
6	[H24.24.01.06]	Các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác: - BB ghi nhớ hợp tác phát triển với TTNC và ĐT TK vi mạch-2016 - BB Ghi nhớ hợp tác với CT CP Đầu tư thương mại G9 VN-2017 - BB ghi nhớ hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp Dịch vụ Logistics VN-2017 - TTHT hỗ trợ hoạt động đào tạo với CT TNHH Mitsubishi VN-2017 - TTHT hướng nghiệp đào tạo với Cty TNHH phần mềm FPT-		ĐH GTVT và các đối tác	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2017 - TTHT phối hợp đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với Công ty cổ phần FPT-2017 - TTHT phối hợp đào tạo, NCKH, CGCN với Công ty TNHH nhựa đường Puma Energy VN-2017 - TTHT với Ban Quản lý đường sắt đô thị HN-2017 - TTHT với Sở GTVT tỉnh Quảng Ninh-2018 - BB thỏa thuận với trường CDGT vận tải TỰ 1-2018 - TTHT với Công ty TNHH phần mềm Baezeni-2018 - Thỏa thuận tài trợ với công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex-2018 - Biên bản ghi nhớ HT với Sở KHCN HN-2019 - TTHT với ĐH HN-2019 - TTHT với Trường Cao đẳng Đường sắt-2018 - TTHT với trường ĐH Thủy Lợi-2018 - TTHT với Cao đẳng cơ điện và XD Bắc Ninh-2020 - BB ghi nhớ với công ty SIKA hữu hạn Việt Nam-2020			

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		- BB ghi nhớ với công ty CoAsia Semi Vietnam-2020 - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Shineray VN-2020 - TTHT với Trường Cao đẳng nghề công nghiệp HN-2020 - TTHT với trường CĐ Giao thông TU 1-2020 - TTHT với trường CĐ nghề CNC HN-2020 - TTHT với trường Đại học Đà Lạt-2020			
7	[H24.24.01.07]	Quyết định nhóm chuyên gia đề xuất giải pháp công nghệ xử lý mặt cầu Thăng Long	1940/QĐ-ĐHGTVT, 16/9/2019	ĐH GTVT	
8	[H24.24.01.08]	Các Báo cáo tổng kết của Công đoàn trường: - Năm học 2016-2017 - Năm học 2017-2018 - Năm học 2018-2019 - Năm học 2019-2020		CĐT	
9	[H24.24.01.09]	Các báo cáo tổng kết năm học của ĐTN: - Năm học 2017-2018 - Năm học 2018-2019 - Năm học 2019-2020 Báo cáo thành tích ĐTN đề nghị Cờ thi đua TW		ĐTN	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Đoàn			
10	[H24.24.01.10]	Tổ chức Cuộc thi Thiết kế nhà chờ xe buýt An toàn- Thông Minh- Thân Thiện	371/CV-ĐHGTVT, 24/6/2020	ĐH GTVT	
11	[H24.24.01.11]	- Hỗ trợ 31 sv đang học tập tại Trường bị ảnh hưởng nặng nề do mưa lũ xảy ra tại các tỉnh Miền Trung - Hỗ trợ 33 sv đang học tập tại Trường có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh Miền Trung bị ảnh hưởng nặng nề do mưa lũ	2241/QĐ-ĐHGTVT, 24/12/2020; 1772/QĐ-ĐHGTVT 22/10/2020		
12	[H24.24.02.01]	Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp: - Năm học 2017-2018 - Năm học 2018-2019 - Năm học 2019-2020 - Năm học 2020-2021	01/CV-ĐHGTVT, 02/01/2018 646/CV-ĐHGTVT, 16/12/2018 668/CV-ĐHGTVT, 31/12/2019 781/CV-CTCTSV, 28/12/2020	ĐH GTVT	
13	[H24.24.02.02]	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất	596/BC-CTCTSV, 06/10/2020		
14	[H24.24.02.03]	Các sáng chế được công nhận: - PP tạo ra hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng	107454/QĐ-SHTT, 28/11/2019	Cục SHTT (Bộ KH-CN)	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		phụ gia trộn trực tiếp tại trạm trộn bê tông 2019 - Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu Polyme để theo dõi sức khỏe công trình xây dựng và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng bằng cảm biến này	3999w/QĐ- SHTT, 24/4/2020		
15	[H24.24.02.04]	Ủng hộ xây nhà công vụ cho giáo viên Ủng hộ bàn ghế cho học sinh ở HN			Hình ảnh/Tin bài trên web của CĐGDVN
16	[H24.24.02.05]	Báo cáo tổng kết công tác HSV: - Năm học 2015- 2016 - Năm học 2016- 2017 - Năm học 2017- 2018 - Năm học 2018- 2019 - Năm học 2019- 2020		HSV	
17	[H24.24.02.06]	Báo cáo tổng kết tình nguyên hè 2018; 2019; 2020		ĐTN	
18	[H24.24.02.07]	Số đơn vị máu do ĐH GTVT huy động		HSV	Hình ảnh
19	[H24.24.03.01]	-Phiếu khảo sát ý kiến của người học về mọi mặt hoạt động của Nhà trường -Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh		ĐH GTVT	

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		viên về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng			
20	[H24.24.03.02]	- Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của toàn thể CB, GV, NV về các mặt hoạt động của Nhà trường-2018; 2019 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của toàn thể CB, GV, NV về các mặt hoạt động của Nhà trường - Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng		ĐH GTVT	
21	[H24.24.03.03]	Khảo sát sự hài lòng của người dân với dịch vụ giao dục công năm 2019	577/KH- ĐHGTVT, 16/11/2019 164/BC- ĐHGTVT, 28/02/2020	ĐH GTVT	
22	[H24.24.04.01]	Thư cảm ơn của các cơ quan về hoạt động nghiên cứu, đào tạo - Huyện Hoàng Su Phì, 2019 - Thư cảm ơn của Bộ GTVT Nguyễn Văn Thế, 2020 - Thư cảm ơn của công ty Taiyu VN-Phụ gia, 2020			
23	[H24.24.04.02]	Thư cảm ơn của các đơn vị về hoạt động thiện nguyện: - Thư cảm ơn của			

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Công Đoàn GDVN, 2019; 2020			
24	[H24.24.04.03]	Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của Quý doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các tổ chức bên ngoài trường về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng		ĐH GTVT	
25	[H24.24.04.04]	Bảng khen, giấy khen, đánh giá, ghi nhận của các cơ quan, đơn vị, địa phương với các hoạt động phục vụ cộng đồng của ĐTN, HSV: - Bảng khen của LHH TNVN cho đội máu (giai đoạn 2014- 2019) - Bảng khen của TW Đoàn 2018; 2020 - Bảng khen của Thành Đoàn TP HN 2018; 2019; 2020 - Giấy khen của UBND xã Yên Trạch 2018		ĐTN/HSV	

25. Danh mục Minh chứng Tiêu chuẩn 25: kết quả tài chính và thị trường

TT	Mã MC	Tên MC	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H25.25.01.01	Báo cáo Quyết toán Tài chính	2016;2017;2018; 2019;2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.02	Báo cáo Tài chính tại HN Tổng kết năm học	QĐ 342 ngày 29/7/2016 QĐ 369 ngày 25/7/2017 QĐ 454 ngày 20/9/2018 QĐ 336 ngày 28/6/2019 QĐ 623 ngày 19/10/2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.03	Báo cáo Tài chính tại HN Cán bộ viên chức	2016;2017;2018; 2019;2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.04	Chiến lược Phát triển của Trường Đại học GTVT	Trường ĐHGTVT	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.05	Biên bản Hội nghị CNVC hàng năm		Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.06	Danh mục các bài báo quốc tế			
	H25.25.01.07	Biên bản duyệt quyết toán	2016;2017;2018; 2019;2020	Bộ GDDT	
	H25.25.01.08	Kết luận kiểm toán		Kiểm toán NN	
	H25.25.01.09	QĐ trách nhiệm Giảng viên	QĐ230 ngày 22/1/2014	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.01.10	QĐ học phí theo năm học	QĐ 1562 ngày 8/8/2016 QĐ 1398 ngày 4/8/2017 QĐ 1597 ngày 15/8/2018 QĐ 1613 ngày 6/8/2019 QĐ 1430 ngày 7/9/2020 QĐ 1464 ngày 14/9/2020	Trường ĐHGTVT	

	H25.25.01.11	BC Tài chính			
	H25.25.02.01	QĐ Quỹ Văn thể	QĐ 241 ngày 7/1/2016 QĐ 310 ngày 28/2/2017 QĐ 402 ngày 12/2/2018 QĐ 228 ngày 24/1/2019 QĐ 417 ngày 24/3/2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.02.02	QĐ Khen thưởng		Trường ĐHGTVT	
	H25.25.02.03	Kiểm định 7 chương trình đào tạo	QĐ 1882 ngày 21/09/2018	Bộ GDDT	
	H25.25.02.04	Công nhận ngành đào tạo	QĐ 13	Bộ GDĐT	
	H25.25.02.05	Báo cáo hoạt động Sinh viên	Theo năm học	Trường Đại học GTVT	
	H25.25.02.06	Bằng khen Giấy khen của Đoàn TN và Hội SV		Thành Đoàn, Hội SV	
	H25.25.02.07	Danh mục bài báo quốc tế		Tư liệu khoa học	
	H25.25.02.08	QĐ khen thưởng NCKH	QĐ 1831 ngày 6/11/2020 QĐ 1832 ngày 6/11/2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.02.09	QĐ khen thưởng sinh viên NCKH	QĐ 677 ngày 14/4/2017 QĐ 820 ngày 4/5/2018 QĐ 1217 ngày 30/5/2019 QĐ 2062 ngày 9/12/2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.02.10	Hợp đồng công việc	QĐ 300 ngày 27/4/2020 QĐ 768 ngày 6/10/2020 QĐ 769 ngày 6/10/2020	Trường ĐHGTVT	
	H25.25.02.11	Trao đổi sinh viên quốc tế	QĐ 858 ngày 25/4/2019 QĐ 1192 ngày 28/5/2019 QĐ 1450 ngày 4/7/2019 QĐ 2174 ngày 17/10/2019	Trường ĐHGTVT	

	H25.25.02.12	Tư vấn tuyển sinh và các hoạt động hướng nghiệp			
	H25.25.02.13	Biên bản Đối thoại giữa Lãnh đạo Trường và sinh viên			
	H25.25.02.14	Phản hồi của các Nhà tuyển dụng			
	H25.25.02.15	Các báo cáo hoạt động của Đoàn TN, Hội SV		Đoàn TN, Hội SV	

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12 /2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: **Trường Đại học Giao thông vận tải**
Tiếng Anh:
UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS
- Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:
Tiếng Việt: Không có
Tiếng Anh: **UTC**
- Tên trước đây: Không có
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo Dục và Đào tạo
- Địa chỉ: Số 3 Phố Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Thông tin liên hệ: Điện thoại: +84(24)37663311 Số fax: +84(24)37669613
E-mail: dhgtvt@utc.edu.vn; Website: http://www.utc.edu.vn
- Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 1962
- Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 12, năm 1960
- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Tháng 6 năm 1962
- Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

- Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

- Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hội đồng Trường	Nguyễn Văn Long	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Chủ tịch Hội đồng Trường	0933819869	nvlongdt@utc.edu.vn
2. Hiệu trưởng	Nguyễn Ngọc Long	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu Trưởng	0913381128	nguyenngoclong@utc.edu.vn
3. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Duy Việt	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu Trưởng	0987169279	ndviet@utc.edu.vn
	Nguyễn Thanh Chương	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu Trưởng	0913348701	ntchuong@utc.edu.vn
	Nguyễn Văn Hùng	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu Trưởng	0989505377	nvhung@utc2.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
4. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn	Nguyễn Thanh Chương	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Bí thư Đảng ủy	0913348701	ntchuong@utc.edu.vn
	Hồ Sỹ Diệp	Thạc sỹ, Chủ tịch Công Đoàn	0936561936	hosydiep@utc.edu.vn
	Nguyễn Văn Khởi	Thạc sỹ, Bí thư Đoàn Thanh Niên	0977868525	nvkhoi@utc.edu.vn
5. Các phòng, ban chức năng	Vũ Đức Sỹ	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	0946195885	vuducsy@utc.edu.vn
	Nguyễn Văn Hải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Hành Chính Tổng hợp	0912551517	haiktd@utc.edu.vn
	Nguyễn Duy Tiến	Phó Giáo Sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Khoa học công nghệ	0912840678	ngduytien@utc.edu.vn
	Phạm Thanh hà	Tiến sĩ, Trưởng phòng Đào tạo đại học	0904763604	hapt@utc.edu.vn
	Trịnh Quang Khải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế và Nghiên cứu phát triển	0986913179	khaitq@utc.edu.vn
	Lê Hoài Đức	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Công tác chính trị và sinh viên	0983361568	lhduc@utc.edu.vn
	Lê Hải Hà	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Đào tạo sau đại học	0912485540	lehaiha@utc.edu.vn
	Vũ Tiến Sỹ	Thạc sỹ, Trưởng phòng Thanh tra pháp chế	0913081613	sydoingoai@utc.edu.vn
	Nguyễn Thị Hòa	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	0904463246	nthoaly@utc.edu.vn
	Nguyễn Thị Mai Anh	Thạc sỹ, Trưởng phòng Tài chính kế toán	0912001297	hoaianhle@utc.edu.vn
	Hồ Sỹ Diệp	Thạc sỹ, Trưởng phòng Thiết bị quản trị	0936561936	hosydiep@utc.edu.vn
	Ngô Thanh Tùng	Thạc sỹ, Trưởng phòng Bảo vệ	0983098968	ngothanhtung@utc.edu.vn
	Mai Đức Anh	Thạc sỹ, Trưởng ban Quản lý Ký túc xá	0942222882	ducanh84@utc.edu.vn
	Đỗ Quốc Cường	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Phát triển dự án	0986680301	dqcuongdb@utc.edu.vn
	Cao Thanh Nam	Thạc sỹ, Trưởng ban Quản lý giảng đường	0913300759	namct@utc.edu.vn
	Nguyễn Lương Bình	Bác sĩ, Trám trưởng Trám y tế	0912343680	binhnl@utc.edu.vn
	Nguyễn Viết Cường	Thạc sỹ, Trưởng Xưởng in	0913378393	vietcuongutc@utc.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
6. Các trung tâm trực thuộc trường	Hồ Thị Lan Hương	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Đào tạo trực tuyến	0983750705	huonghl@utc.edu.vn
	Nguyễn Trung Việt	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng CNTT	0979891319	vietit@utc.edu.vn
	Nguyễn Thanh Thủy	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm thông tin thư viện	0912424955	ntthuy@utc.edu.vn
	Trương Mạnh Hùng	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm dịch vụ	0983761018	tmhung@utc.edu.vn
	Bùi Thanh Danh	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Đào tạo thực hành và Chuyển giao công nghệ GTVT	0913060946	danhdaiduong@utc.edu.vn
	Lương Xuân Chiêu	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ GTVT	0913399337	chieu1256@utc.edu.vn
7. Các khoa, viện đào tạo	Bùi Tiến Thành	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Công trình	0945096555	btthanh@utc.edu.vn
	Trần Ngọc Hiền	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Cơ khí	0904194293	tranhien.tkm@utc.edu.vn
	Nguyễn Thị Mai	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Khoa học cơ bản	0989977674	maint@utc.edu.vn
	Hoàng Văn Thông	Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin	0988113679	thonghv@utc.edu.vn
	Nguyễn Thanh Hải	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Điện – Điện tử	0913233209	nguyenthanhhai@utc.edu.vn
	Vũ Trọng Tích	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Vận tải kinh tế	0988823968	vtich@utc.edu.vn
	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Đào tạo quốc tế	0912150012	tuyettrinh@utc.edu.vn
	Lã Quý Đô	Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	0912031641	do_lq@utc.edu.vn
	Đồng Văn Thảo	Đại tá, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Quốc Phòng	0983653846	dvthao@utc.edu.vn
	Bùi Ngọc Toàn	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Quản lý xây dựng	0979686239	bntoan@utc.edu.vn
	Nguyễn Tuấn Anh	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Khoa Môi trường và An toàn Giao Thông	0984023818	nguyentuananh@utc.edu.vn
	Ngô Đăng Quang	Phó giáo sư, Tiến sĩ,	0904220058	ngodangquang@utc.

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
		Trưởng khoa Khoa Kỹ thuật Xây dựng		edu.vn
	Phạm Tiến Dũng	Thạc sĩ, Trưởng bộ môn Giáo dục thể chất	0989304515	ptdung@utc.edu.vn
8. Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại TP Hồ Chí Minh				
8.1. Giám đốc Phân hiệu	Nguyễn Văn Hùng	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc Phân hiệu	0989505377	nvhung@utc2.edu.vn
8.2. Phó Giám đốc phân hiệu	Võ Trường Sơn	Tiến sĩ, Phó Giám đốc Phân hiệu	0939251175	vtson@utc2.edu.vn
8.3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn thuộc Phân hiệu	Nguyễn Văn Hùng	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Bí thư Đảng ủy Phân hiệu	0989505377	nvhung@utc2.edu.vn
	Nông Hải Yên	Thạc sĩ, Chủ tịch Công đoàn Phân hiệu	0949787362	nhyen@utc2.edu.vn
	Vũ Văn Định	Thạc sĩ, Bí thư Đoàn thanh niên Phân hiệu	0932379033	vvding@utc2.edu.vn
8.4. Các phòng ban chức năng tại Phân hiệu	Trần Phong Nhã	Thạc sĩ, Phó trưởng Phòng Đào tạo Phân hiệu	0906761014	tpnha@utc2.edu.vn
	Trần Xuân Trường	Tiến sĩ, Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Phân hiệu	0908578074	truongtx@utc2.edu.vn
	Nông Hải Yên	Thạc sĩ, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Phân hiệu	0949787362	nhyen@utc2.edu.vn
	Đặng Văn Ôn	Thạc sĩ, Trưởng Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên Phân hiệu	0978032126	dvon@utc2.edu.vn
	Ngô Châu Phương	Tiến sĩ, Trưởng Phòng Khoa học và Công nghệ Phân hiệu	0903678290	ncphuong@utc2.edu.vn
	Nguyễn Thạc Quang	Tiến sĩ, Trưởng Phòng Thiết bị quản trị Phân hiệu	0946272828	ntquang@utc2.edu.vn
	Nguyễn Văn Du	Tiến sĩ, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo Phân hiệu	0903994008	nvdu@utc2.edu.vn
	Nguyễn Hữu Phước Long	Thạc sĩ, Trưởng Ban Quản lý Ký túc xá Phân hiệu	0933056285	nhplong@utc2.edu.vn
	Lê Gia Khuyến	Thạc sĩ, Trưởng Ban Thanh tra Phân hiệu	0909642233	lgkhuyen@utc2.edu.vn
	Hoàng Thị Nữ	Trung cấp y sĩ, Phụ trách Trạm Y tế tại Phân hiệu	0984624369	tnu.utc2.edu.vn
8.5. Các trung tâm tại Phân	Võ Xuân Lý	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm Đào tạo	0903641441	vxly@utc2.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Hiệu		thực hành và CGCN GTVT Phân hiệu		
	Nguyễn Mạnh Hùng	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Thông tin thư viện Phân hiệu	0912021329	nmhung@utc2.edu.vn
8.6. Các khoa tại Phân hiệu	Lê Văn Bách	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng Khoa Công trình tại Phân hiệu	0903635899	lvbach@utc2.edu.vn
	Phạm Phú Cường	Tiến sĩ, Trưởng Khoa Vận tải kinh tế Phân hiệu	0903787362	ppcuong@utc2.edu.vn
	Vũ Hồng Vân	Tiến sĩ, Trưởng Khoa Khoa học cơ bản Phân hiệu	0919737577	vhvan@utc2.edu.vn
	Mai Vinh Dự	Tiến sĩ, Trưởng BM. Điện – Điện tử Phân hiệu	0917831668	mvdu@utc2.edu.vn
	Trần Văn Lợi	Tiến sĩ, Trưởng BM. Cơ khí Phân hiệu	0977519038	tvloi@utc2.edu.vn
	Trần Phong Nhã	Thạc sĩ, Trưởng BM. Công nghệ thông tin Phân hiệu	0906761014	tpnha@utc2.edu.vn

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT (theo ngành)	Số sinh viên (đến ngày 05/11/2020)	Số CTĐT	Số người học (đến ngày 05/11/2020)	Số CTĐT	Số người học (đến ngày 05/11/2020)
Khoa Công trình	2	3.917	2	617		
Khoa Cơ Khí	5	3.870	1	47		
Khoa Vận tải kinh tế	7	5.185	3	545		
Khoa Công nghệ thông tin	1	1.882	1	50		
Khoa Điện – Điện tử	3	3.630	3	70		
Khoa Kỹ thuật xây dựng	2	1.780	1	75		
Khoa Môi trường và ATGT	2	237				
Khoa Quản lý xây dựng	2	1.014	1	578		
Khoa Đào tạo Quốc tế		981				
Khoa Khoa học cơ bản	1	93				

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi ánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên (đến ngày 05/11/2020)	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Phân hiệu trường Đại học GTVT tại TP Hồ Chí Minh	-CSII thành lập năm 1990 -Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại TP Hồ Chí Minh thành lập năm 2016	Đào tạo	6488	193

15. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
I - CÁC CÔNG TY, TRUNG TÂM THUỘC TRƯỜNG:					
1	Công ty TNHH TV và XD ĐHGTVT	06/01/2015	Tư vấn, dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm định, thí nghiệm		5
2	Công ty cổ phần UTC2	24/12/2015	Tư vấn, xây dựng, đấu thầu, đánh giá TĐ MT, thí nghiệm; Quy hoạch GTVT		26
3	Chi nhánh Công ty TNHH TV và Xây dựng ĐHGTVT	28/05/2001	Tư vấn, dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm định, thí nghiệm.		12
4	Trung tâm nghiên cứu viễn thông-tín hiệu - điện (Đã chuyển đổi sang 115)	01/02/1996	Tư vấn, thông tin, tín hiệu,		3
5	Trung tâm tư vấn phát triển GTVT (Đã chuyển đổi sang 115)	18/8/1995	NCKH, Tư vấn chuyển giao CN, đào tạo		5
6	Trung tâm nghiên cứu cốpki đường	26/09/1998			15

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/ nhân viên
	sắt (Đã chuyển đổi sang 115)				
7	Trung tâm nghiên cứu CN thông tin và tự động hóa (Đã chuyển đổi sang 115)	21/12/2001	Dịch vụ NCKH, phát triển CN lĩnh vực điện, điện tử, CNTTĐH; thiết kế, lắp ráp...		4
8	Trung tâm KHCN môi trường giao thông (Đã chuyển đổi sang 115)	24/04/1995 (30/5/2014)	Tư vấn thiết kế, chuyển giao CN về an toàn GT&MT		8
10	TT Khoa học công nghệ Giao thông vận tải	29/12/06 23/3/2010 (đổi tên)	Tư vấn kiểm định đánh giá chất lượng CT; Chuyển giao CN; Đào tạo ngắn hạn		13
11	TT Đào tạo thực hành và chuyển giao CN GTVT	12/08/2016	Đào tạo ngắn hạn; Bồi dưỡng, Dịch vụ LDSX; NCKH, CGCN		9
12	Trung tâm nghiên cứu, tư vấn và thực nghiệm CT (Đang chờ giải thể)	09/04/1993			6
13	Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật công trình	21/05/1990	Tư vấn triển khai CNKHKT; lao động, SX, khảo sát		2
14	Trung tâm dạy nghề và ứng dụng kỹ thuật GTVT (Đang chờ giải thể)	31/01/1995	Đào tạo nghề, ứng dụng và chuyển giao CN		8
15	Trung tâm nghiên cứu, thiết kế, SC và thực nghiệm ô tô (Đang chờ giải thể)	26/09/1988			10

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/ nhân viên
16	Trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm máy XD	22/5/1996	Nghiên cứu chế thử, thử nghiệm máy XD		5
17	Trung tâm công nghệ CAD/CAM (Đang chờ giải thể)	01/02/1995	Nghiên cứu, tư vấn chuyên giao CAD-CAM		1
18	Trung tâm bồi dưỡng ngoại ngữ ngoại ngữ	20/5/1989			1
19	Trung tâm công nghệ Trắc địa	04/3/2011			5
20	Trung tâm đào tạo kỹ năng bằng Tiếng Pháp				2
21	Trung tâm nghiên cứu & ứng dụng công nghệ XD	13/10/2015			9
22	Trung tâm nghiên cứu và phát triển Việt - Nhật	29/06/2017			3
23	Trung tâm Hợp tác cơ sở giao thông Việt - Hàn	15/3/2018	Nghiên cứu, ĐT và CGCN trong các lĩnh vực XD và Quy hoạch GTVT		4
24	Trung tâm hợp tác Việt - Đức	15/3/2018			
25	Trung tâm NC và PT Việt - Trung	03/05/2019			
26	Trung tâm kiểm định và ĐTKTAT UTC				
27	Trung tâm NC&PT CSHT Đường sắt				

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
----	------------	---------------	--------------------	--------------------------	---------------------------

II - CÁC CÔNG TY ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN CỦA TRƯỜNG:

1	Công ty TNHH GTVT	01/12/1994	Tư vấn, thẩm tra, thiết kế kiểm định, lập dự toán...		31
2	Công ty cổ phần NCCN & XDGT Á Châu				
3	Công ty cổ phần Giao thông công chính				
4	Công ty cổ phần tư vấn chuyển giao CNXDGT				
5	Công TNHH Kết Cấu & Nền Móng Việt Nam				
6	Công ty cổ phần tư vấn XD Cầu và Kết cấu				
7	Công ty cổ phần CN Tiên tiến Việt Nhật				
8	Trung tâm Đồng hành ECE				
9	Công ty cổ phần Tư vấn &XD Cầu giấy				9
10	Công ty CP Phát triển Bền vững				8
11	Cty TNHH Điện Giao thông				7
12	Công ty CP cơ khí và XD GTVT				3
13	Cty CP CTN công nghệ cao QT				

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên¹, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

16. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Năm	Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
		Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
2017	Giảng viên	821	32,03%	30	51,35%
	Nghiên cứu viên	0		0	
	Tổng	821		37	
2018	Giảng viên	822	35,40%	32	78,12%
	Nghiên cứu viên	0		0	
	Tổng	822		32	
2019	Giảng viên	809	38,56%	30	57,57%
	Nghiên cứu viên	0		0	
	Tổng	809		33	
2020	Giảng viên	791	40,07%	44	34,09%
	Nghiên cứu viên	0		0	
	Tổng	791		44	

17. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Năm	Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
		Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng/ bán thời gian	Tổng số
2017	Cán bộ quản lý	190	1	191
	Nhân viên	894	53	947
	Tổng cộng	1084	54	1138
2018	Cán bộ quản lý	192	1	193

¹Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Năm	Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
		Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng/ bán thời gian	Tổng số
	Nhân viên	913	52	965
	Tổng cộng	1105	53	1158
2019	Cán bộ quản lý	201	1	202
	Nhân viên	841	53	894
	Tổng cộng	1042	54	1096
2020	Cán bộ quản lý	200	1	201
	Nhân viên	813	66	879
	Tổng cộng	1013	67	1080

18. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

Năm	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
2017	Cán bộ cơ hữu, trong đó:	658	440	1098
	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	614	431	1045
	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	44	9	53
	Các cán bộ khác:	14	16	30
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	14	16	
	Tổng cộng	672	456	1128
2018	Cán bộ cơ hữu, trong đó:	643	432	1075
	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	599	424	1023

Năm	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	44	8	52
	Các cán bộ khác:	41	33	74
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	41	33	
	Tổng cộng	684	465	1149
2019	Cán bộ cơ hữu, trong đó:	639	411	1050
	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	596	405	1001
	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	43	6	49
	Các cán bộ khác	42	24	66
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	42	24	
	Tổng cộng	681	435	1116
2020	Cán bộ cơ hữu, trong đó:	621	403	1024
	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	577	397	974
	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	44	6	50
	Các cán bộ khác	44	35	79
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	44	35	
	Tổng cộng	665	438	1103

19. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
2017	Giáo sư, viện sĩ	6			3		9
	Phó Giáo sư	47		30	11		88
	Tiến sĩ khoa học						0
	Tiến sĩ	210	1	77	5		293
	Thạc sĩ	489	3	66	7		565
	Đại học	69	3	5	4		81
	Tổng cộng	821	7	178	30	0	1036
2018	Giáo sư, viện sĩ	7			3		10
	Phó Giáo sư	71		48	11		130
	Tiến sĩ khoa học						0
	Tiến sĩ	213		48	11		272
	Thạc sĩ	473	6	55	7		541
	Đại học	58	3	1	4		66
	Tổng cộng	822	9	152	36	0	1019
2019	Giáo sư, viện sĩ	7			3		10
	Phó Giáo sư	71		46	11		128
	Tiến sĩ khoa học						0
	Tiến sĩ	234		78	5		317

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
	Thạc sĩ	456	6	58	7		527
	Đại học	41	4		4		49
	Tổng cộng	809	10	182	30	0	1031
2020	Giáo sư,	7			2		9
	Phó Giáo sư	82		53	7		142
	Tiến sĩ khoa học						0
	Tiến sĩ	228		77	6		311
	Thạc sĩ	445	12	50	6		513
	Đại học	29	6				35
	Tổng cộng	791	18	180	21	0	1010

Tổng số giảng viên cơ hữu: 791 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 78,31%

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
			(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2017	Giáo sư, Viện sĩ	6	0,73	6	0	0	0	0	0	6
	Phó Giáo sư	47	5,72	39	8		5	16	18	8
	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tiến sĩ	210	25,57	158	52		135	53	19	3
	Thạc sĩ	489	59,56	284	205	75	326	64	24	0
	Đại học	69	8,4	47	22	42	18	3	6	0

Năm	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
			(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Tổng cộng	821	99,98	534	287	117	484	136	67	17
2018	Giáo sư, Viện sĩ	7	0,85	7	0	0	0	0	0	7
	Phó Giáo sư	71	8,64	57	14		8	34	21	8
	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tiến sĩ	213	25,91	155	58	0	139	57	12	5
	Thạc sĩ	473	57,54	273	200	56	324	74	19	0
	Đại học	58	7,06	39	19	32	18	3	5	
	Tổng cộng	822	100	531	291	88	489	168	57	20
2019	Giáo sư, Viện sĩ	7	0,86	7	0	0	0	0	0	7
	Phó Giáo sư	71	8,77	57	14	0	5	34	24	8
	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tiến sĩ	234	28,92	169	65	1	140	78	10	5
	Thạc sĩ	456	56,36	269	187	36	319	82	19	0
	Đại học	41	5,07	27	14	18	17	2	4	0
	Tổng cộng	809	99,98	529	280	55	481	196	57	20
2020	Giáo sư, Viện sĩ	7	0,88	7					1	6
	Phó Giáo sư	82	10,37	66	16	0	13	35	23	11
	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tiến sĩ	228	28,82	162	66	0	105	108	7	8
	Thạc sĩ	445	56,26	260	185	29	292	102	22	0
	Đại học	29	3,67	19	10	12	9	5	3	0
	Tổng cộng	791	100	514	277	41	419	250	56	25

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 28,82%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD:
56.26%

21. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	80%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây

A. Hệ chính quy tại Hà Nội

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2016	45	42		41			
2017	57	57		51			
2018	16	16		8			
2019	5	5		3			
2020	2	2		2			
2. Học viên cao học							
2016	690	617	89%	615	10.00	15.34	0
2017	530	509	96%	502	11.00	15.94	8
2018	380	366	96%	355	11.25	15.03	7
2019	383	368	96%	362	11.75	15.13	2
2020	146	169	95%	168	10.75	15.55	1
3. Đại học							
2016		3679		3574	16.38	20.36	15

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017		3215		3265	15.50	21.20	28
2018		3624		3512	14.00	18.12	28
2019		4313		4208	14.50	20.00	18
2020		4805		4799	16.05	22.92	15

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: **16592** người.

23. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2016	23	18	78%	16	17.00	20.71	
2017							
2018		13		13			
2019		23		23			
2020							

B. Hệ Chính quy Tại Phân hiệu TP HCM

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
4. Học viên cao học							
2016	205	166	0.8	161	Đợt 1: 10-13.5 Đợt 2: 10-12	Đợt 1: 13.65 Đợt 2: 13.57	
2017	117	113	0.96	108	Đợt 1: 10.5-13 Đợt 2: 12-13.5	Đợt 1: 13.79 Đợt 2: 14.8	
2018	208	202	0.97	184	Đợt 1: 10.5-14.5	Đợt 1: 14.57	

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
					Đợt 2: 10.25–14.5 BS Đợt 2: 10-15	Đợt 2: 13.11 BS Đợt 2: 14.45	
2019	139	125	0.9	121	Đợt 1: 13 Đợt 2: 13 – 13.5 BS Đợt 2: 13 - 16	Đợt 1: 14.86 Đợt 2: 15.70 BS Đợt 2: 15.28	
2020	46	40	0.9	39	Đợt 1: 10-14	Đợt 1: 14.31	
5. Đại học							
2016	ĐHCQ:403 5 LTCQ: 156	ĐHCQ:152 6 LTCQ:28	ĐHCQ:0.3 8 LTCQ:0.1 8	1510	ĐHCQ:15-20.75 LTCQ: 15 - 18	ĐHCQ:19.4 3 LTCQ:18.5 7	
2017	ĐHCQ:472 1 LTCQ:94	ĐHCQ:140 5 LTCQ: 65	ĐHCQ:0.3 LTCQ:0.7	1453	ĐHCQ:15.5-20.25 LTCQ:19-19.5	ĐHCQ:19.8 8 LTCQ:22	
2018	ĐHCQ:688 2 LTCQ:67 B2CQ:14	ĐHCQ:140 7 LTCQ:61 B2CQ: 11	ĐHCQ:0.2 LTCQ:0.9 B2CQ:0.8	1469	ĐHCQ:14-19.15 LTCQ:16.5-19.5 B2CQ: 8	ĐHCQ: 17.76 LTCQ:19.9 9 B2CQ: 9.4	
2019	ĐHCQ:562 9 LTCQ:35	ĐHCQ:144 4 LTCQ:28	ĐHCQ:0.2 6 LTCQ:0.8	1455	ĐHCQ:14.1-20.8 LTCQ:16-18	ĐHCQ:19.3 LTCQ:18.6 8	
2020	ĐHCQ: -Học bạ:1675 -ĐGNL: 45 -Điểm thi THPT: 5498 LTCQ:20	ĐHCQ: - Học bạ:457 - ĐGNL17 - Điểm thi THPT: 1070 LTCQ:16	ĐHCQ: - Học bạ:0.27 -ĐGNL 0.37 - Điểm thi THPT:0.2 LTCQ:0.8	1533	ĐHCQ: - Học bạ:18-25.97 - ĐGNL619-722 - Điểm thi THPT: 16.1-23.65 LTCQ:19.5	ĐHCQ: - Học bạ:22.68 - ĐGNL: 720.88 - Điểm thi THPT: 22.22 LTCQ:20.1 4	

Hệ không chính qui

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2. Đại học							
2016	29	28		24	20.25	23.69	
2017							
2018	61	55		55	Xét tuyển	Xét tuyển	
2019							
2020							

24. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2016	2017	2018	2019	2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	12273	12273	12273	12273	12273
2. Số lượng sinh viên	19866	19156	18127	18747	21259
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	3973	3831	3625	3749	4251
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	2812	2734	2785	3016	3039
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	4.36	4.48	4.40	4.06	4.03

25. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng (người)	246	220	185	136	193
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	4,8%	4,1%	3,3%	2,5%	3,5%

26. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	12	14	22	14	10
2. Học viên tốt nghiệp cao học	1199	621	625	799	378
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	2940	2723	3169	2567	2466
Hệ không chính quy	414	358	167	112	64

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	2940	2723	3169	2567	2466
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so	82%	84%	90%	61%	51%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
với số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		94%	94,6%	94,83%	
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		6%	5,4%	5,1%	
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp			79,27%	78.66%	80.93%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp			80.43%	77.66%	98.14%
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)			16.01%	16%	16%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)				4%	2%
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	70%	72%	70%	75%	70%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	30%	28%	30%	25%	30%
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

28. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: Trường không đào tạo hệ Cao đẳng

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	4	5	4	2	17
2	Đề tài cấp Bộ*	13	32	16	20	14	95
3	Đề tài cấp trường	62	92	132	177	133	596

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0.54

30. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	24.608,7	8,3%	22,6
2	2016	20.986,6	6,6%	19,3
3	2017	24.917,4	7,8%	23,2
4	2018	32.064,3	8,7%	29,5
5	2019	24.304	6,5%	22,9

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	29	141	415	
Từ 4 đến 6 đề tài	1	31	84	
Trên 6 đề tài	0	17	20	
Tổng số cán bộ tham gia	30	189	519	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

32. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	3	5	5	5	4	22
2	Sách giáo trình	5	21	7	4	5	42

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
3	Sách tham khảo	15	6	4	12	10	47
4	Sách hướng dẫn	23	32	16	21	19	111

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,1

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	38	90	94	
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	1	
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	38	90	95	

34. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	49	106	105	226	238	724
	Danh mục ISI	28	45	43	59	79	254
	Danh mục Scopus	7	24	18	79	79	207
	Khác	14	37	44	88	80	263
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	141	362	379	340	236	1,118
3	Tạp chí / tập san của cấp trường						
	Tổng						2,566

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.4

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	196	481	
Từ 6 đến 10 bài báo	24	61	
Từ 11 đến 15 bài báo	5	20	
Trên 15 bài báo	3	10	
Tổng số cán bộ tham gia	228	572	

36. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	126	99	161	119	15	520
2	Hội thảo trong nước	84	107	156	102	143	592
3	Hội thảo của trường	137	396	229	265	153	1180
	Tổng cộng	347	602	546	486	311	2292

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 2.14

37. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	234	309	272
Từ 6 đến 10 báo cáo	27	22	65
Từ 11 đến 15 báo cáo	7	3	4
Trên 15 báo cáo	3	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	271	335	341

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

38. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	- Sáng chế “Cảm biến áp lực hữu cơ bằng vật liệu Polyme để theo dõi sức khỏe công trình xây dựng và hệ thống tự động theo dõi sức khỏe công trình xây dựng bằng cảm biến này”, Khổng Đức Chiến, Hoàng Văn Phúc, Đào Thanh Toàn, 06/2020, Cục SHTT - GPHI “Phương pháp tạo ra hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng phụ gia trộn trực tiếp tại trạm bê tông”, Lương Xuân Chiêu, Lã Văn Chăm, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Văn Hùng, 09/2020, Cục SHTT.

39. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

- 35.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

35.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	4	4	3	4	7
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	5	1	5	7	7

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

40. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích(m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	216.940	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	59.162	x		
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	41.865	x		
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	4.566	x		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	12.731	x		

41. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành III	454.262	
Khối ngành V	616.273	
Khối ngành VII	519.455	
Các môn chung	15.002	
Tổng cộng:	1.604.992	

42. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng	229	Máy chiếu, âm thanh, bảng tương tác, bàn ghế..	Sinh viên, giảng viên	32170	x		
2	Phòng Thí nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Điện tử Phòng 206 Nhà A4	1	Đồng hồ vạn năng	Sinh viên, giảng viên	75	x		
			Máy phát âm tần và đếm tần EZ			x		
			Máy hiện sóng AG 5020-EZ			x		
			Máy phát chức năng TG 120			x		
			Bộ xử lý tín hiệu với họ TMS320			x		
			Bộ xử lý tín hiệu TMS 320C6711			x		
			Hệ vi điều khiển mạch trong KTS số			x		
			Mạch mô phỏng cho họ ST 62			x		
			Máy phát TGA 1230			x		
			Bộ nạp EEPROM P301			x		
			Bộ nguồn biến đổi điện áp 030V			x		
			Máy kiểm tra chất lượng IC số			x		
			Hệ phát triển cho ChipGPS của Sirf			x		
			Thiết bị đặt dán linh kiện SMD của APS			x		
			Thiết bị hàn linh kiện SMD của APS			x		
			Bộ thực hành các mạch khuếch đại MCM-5E			x		
			Bộ khuếch đại thuật toánMCM 7/EV			x		
			Bộ thực hành truyền thôngMCM 20/EV			x		
			Bộ thực hành truyền thôngMCM 21/EV			x		
			Bộ thực hành về Đ/C xungMCM 30/EV			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Bộ thực hành về Đ/C xung MCM 31/EV			x		
			Máy đếm tần FC-758			x		
			Máy phát hàm FG 275			x		
			Bộ Thí nghiệm về xử lý tín hiệu số Z10/EV			x		
			CC phát triển hệ vi điều khiển			x		
3	Phòng TN cơ khí thuộc TT KHCN GTVT	4	Hệ thống thủy lực	Sinh viên, giảng viên	240	x		
			Máy dò lưu lượng siêu âm sách			x		
			Máy dò khuyết tật bằng siêu âm			x		
			Máy đo độ cứng cầm tay			x		
			Máy đo độ rung và cân bằng			x		
			Máy phân tích rung			x		
			Máy đo độ nhớt ENGLER			x		
			Máy đo hàm lượng nước trong dầu			x		
			Máy điều khiển đo ghi độ ẩm			x		
			Đồng hồ điện tự đo lưu lượng dầu			x		
			Đồng hồ đo áp lực dầu			x		
			Thiết bị đo ghi áp suất dầu trong hệ thống			x		
			Panme hiện số			x		
			Máy đo độ bóng bề mặt hiện số			x		
			Máy đo lỗ hiện số			x		
			Máy kéo hiện số			x		
			Máy đo dao động tần số thấp 16 kênh			x		
			Bộ đo tiêu hao nhiên liệu			x		
			Hệ thống thu thập số liệu nhiều kênh			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Cảm biến đo gia tốc			x		
			Cảm biến đo lực nén			x		
			Cảm biến đo lực kéo			x		
			Cảm biến đo chuyển vị			x		
			Máy đo ba chiều + máy tính			x		
			Máy Phay dọc trục			x		
			Máy phân tích HT phổ KL bằng KTS + máy tính			x		
			Máy phay CNC			x		
			Máy tiện			x		
			Máy sấy khí			x		
			Chân đế phụ			x		
			Mát Scan 3D FARO			x		
			Máy phân tích khí thải			x		
			Máy nhiệt kế hồng ngoại			x		
			Máy đo độ ồn tích phân			x		
			Hệ thống sản xuất 5 trạm được tích hợp máy tính			x		
			Máy phay vạn năng			x		
			Dao cắt và các tùy chọn thay đổi			x		
			Máy cắt đa năng			x		
			Máy khoan và ta rô dạng cần			x		
			Đồng hồ bức xạ mặt trời			x		
			Đồng hồ đo điện vạn năng			x		
4	Phòng thí nghiệm Công trình thuộc Trung tâm KHCNGTVT	12	Mô hình thí nghiệm Đường sắt	Sinh viên, giảng viên	1446	x		
			Súng bắn Bê tông Smicht			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy đo biên dạng 500 điểmTDS302			x		
			Máy đo biên dạng R3413			x		
			Máy đo vết nứt trên bề mặt			x		
			Máy đo nhiệt hóa mềm			x		
			Dụng cụ xác định hàm lượngAS			x		
			Máy nén uốn ADR			x		
			Máy Masrshall và bộ ghi			x		
			Thiết bị đo độ cứngALSPHALT			x		
			Dụng cụ đo độ thấm bê tông			x		
			Thiết bị đo độ dẫn dài vật liệu bitum			x		
			Dụng cụ xác định độ dính quánh			x		
			Khuôn đúc mẫu			x		
			Mác lắc sàng			x		
			Dụng cụ xác định giới hạn chảy của đất			x		
			Dụng cụ xác định độ thấm của đất			x		
			Dụng cụ thí nghiệm cắt đất			x		
			Dụng cụ thí nghiệm nén 3 trục			x		
			Máy phát chạy dầu YANMAR IF9			x		
			Cân SATORUIS 6100g			x		
			Máy nén khí HS-1/150m3			x		
			Bơm hút chân không khuếch tán HD1			x		
			Tủ sấy 53l			x		
			Dụng cụ nén cố kết			x		
			Lò nung VMK 1600			x		
			Máy đo động 8 kênh tần số cao			x		
			Máy xác định độ mài mòn			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Sàng theo tiêu chuẩn 8 inch			x		
			Máy cắt cánh ngoài hiện trường			x		
			Phụ kiện để nâng cấp máy nén 3 trục			x		
			Bộ thí nghiệm xác định độ co ngót của đất			x		
			Bộ thí nghiệm CBR trong PTN			x		
			Bộ thí nghiệm CBR ngoài hiện trường			x		
			Máy đo dao động 8 kênh			x		
			Máy kiểm tra khuyết tật trong thép			x		
			Máy kiểm tra khuyết tật trong bê tông			x		
			Máy toàn đặc điện tử VM- TC800			x		
			Máy kinh vĩ điện tử			x		
			Máy chiếu đứng T100			x		
			Máy thủy bình điện tử NA3003			x		
			Máy đo tốc độ dòng chảy			x		
			Bộ tổ hợp cối CBR			x		
			Thiết bị xác định hàm lượng ATPHALT			x		
			Cân kỹ thuật 470-36			x		
			Máy đo biến dạng tĩnh 30 kênh			x		
			Máy đo bụi theo phương pháp Laser			x		
			Máy đo ồn đa năng			x		
			Máy nén mẫu 200 tấn			x		
			Sàng tiêu chuẩn			x		
			Tủ sấy Binder			x		
			Súng bắn bê tông			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy trộn bê tông 150L			x		
			Máy trộn vữa 2 tốc độ JJ5			x		
			Cần Benkenman kiểu Ele					
			Đầu đo chuyển vị 10mm					
			Car NI thu thập số liệu					
			Máy nén CBR/ Marsan 3 tốc độ					
			Cân điện tử 1500					
			Con lắc xác định độ nhám mặt đường			x		
			Máy trộn nhựa 10 lít			x		
			Đầm Marshall tự động			x		
			Máy xác định độ thấm bê tông			x		
			Cân điện tử			x		
			Đồng hồ so			x		
			Máy thiết kế cấu trúc phòng thí nghiệm			x		
			Hệ thống kiểm tra kết cấu công trình giả động			x		
			Hệ thống đo và phân mềm			x		
			Hệ thống bơm dầu trung tâm			x		
			Tường phản lực			x		
			Thiết bị thử độ kéo vụn năng			x		
			Hệ thống mô phỏng động đất			x		
5	Phòng TN BM Vật liệu xây dựng và kết cấu xây dựng	2	Súng bắn bê tông	Sinh viên, giảng viên	175	x		
			Tủ sấy 53L Mennet			x		
			Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi			x		
			Máy trộn cường bức 180L			x		
			Thiết bị thử độ nén mẫu (B1.1)			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Khuôn đúc mẫu thử BT (B1.1)			x		
			Thiết bị thử độ ổn định theo PP Marshall			x		
			TB dò KT vết nứt BT (B1.1)					
			Hệ thống kiểm tra siêu âm bằng cọc sung			x		
			Máy trộn vữa xi măng			x		
			Súng thử bê tông			x		
			TB hiệu chỉnh súng thử cường độ bê tông			x		
			TB đo hàm lượng khí			x		
			TB hoàn thiện mẫu thử bê tông			x		
			Giá thử cường độ kéo bửa của mẫu bê tông			x		
			TB đo mô đun đàn hồi			x		
			TB vạn năng TN xác định cường độ chịu kéo nén, biến dạng Cooper			x		
			Máy trộn bê tông ATPHAN			x		
			Khuôn đặc biệt thích hợp cho đầm mẫu ĐK100			x		
			Khuôn đặc biệt thích hợp cho đầm mẫu ĐK 150			x		
			Buồng điều chỉnh nhiệt độ			x		
			Hệ thống máy đo biến dạng tĩnh và động nhiều kênh			x		
			Các đầu đo phụ thêm			x		
			Máy kéo vạn năng STH 4306			x		
			Máy đầm mẫu bê tông ATPHAL			x		
			Máy tạo dao động kết cấu công trình			x		
			Bộ đo gia tốc nhiều kênh bằng Máy tính			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Hệ thống máy đo dao động tần số thấp			x		
			Kính thủy lực kéo nhả tự do			x		
			Thiết bị dao động mô phỏng động đất			x		
			Bộ thí nghiệm xác định độ thấm CLO của bê tông xi măng			x		
			Thiết bị đo nhiệt độ			x		
6	Phòng thí nghiệm Trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ	1	Máy tiện T 630-10K-W	Sinh viên, giảng viên	750	x		
			Máy tiện C 620-4KW			x		
			Máy tiện T616-3.8KW			x		
			Máy khoan đứng 3.8KW			x		
			Máy phay vạn năng 6T 80 LK			x		
			Máy đột dập 63T			x		
			Động cơ 7,5 KW			x		
			Máy trộn bê tông 165L			x		
			Máy búa hơi Mai động			x		
			Máy cắt Plasma zip 2.0			x		
			Máy tiện Model CW 6280N			x		
			Máy doa Model 600			x		
			Máy đánh bóng VH			x		
			Máy phay lăn răng Y3150			x		
			Máy khoan cần Z3725			x		
			Máy khoan bàn LX động cơ 3 pha			x		
			Lò rèn			x		
			Bàn nguội			x		
			Máy hàn bán tự động MIG 350-18 KVA			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
7	Phòng thí nghiệm bộ môn Công nghệ Giao thông	2	Máy đo độ cứng HB-300	Sinh viên, giảng viên	115	x		
			Máy đo độ cứng Rôcsen HR 150			x		
			Kính hiển vi sinh vật			x		
			Kính hiển vi kim tương XJB1			x		
			Tủ sấy quạt gió DL-101-2			x		
8	Phòng thí nghiệm bộ môn Cơ khí ô tô	1	Thiết bị kiểm tra phanh, tốc độ	Sinh viên, giảng viên	125	x		
			Thiết bị kiểm tra độ chụm xe trượt ngang			x		
			Thiết bị kiểm tra khí xả động cơ xăng			x		
			Thiết bị kiểm tra động cơ Diezen			x		
			Bảng thử tốc độ xe tải			x		
			Dụng cụ đo độ ồn			x		
			Bảng thử phanh xe tải			x		
			Thiết bị kiểm tra độ trượt ngang			x		
			Thiết bị kiểm tra đèn pha			x		
			Cân điện tử			x		
			Kích nâng 2 trục			x		
			Hệ thống phân tích điện động cơ			x		
			Thiết bị thí nghiệm chống hàm cứng bánh xe			x		
			Thiết bị đo tiêu hao nhiên liệu			x		
			Đèn soi trong loại công nghệ			x		
			Cảm biến đo biến dạng			x		
			Động cơ tổng thành có hộp số TDD			x		
			Thiết bị kiểm tra hộp đen			x		
			Động cơ TOYOTA CAMRY			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Động cơ TOYOTA VOIS			x		
			Cầu sau Xe TOYOTA			x		
			Xe tải Hino			x		
9	Phòng thí nghiệm bộ môn Thủy lực - Thủy văn	1	Máy kinh vĩ THEO-20	Sinh viên, giảng viên	87	x		
			Máy thủy bình N1030			x		
			Hệ thống TN Thủy lực đại cương			x		
			Máy đo sâu hồi âm tự ghi F480			x		
10	Phòng thí nghiệm bộ môn Địa kỹ thuật	1	Máy nén cố kết WG-1B Tam liên	Sinh viên, giảng viên	87	x		
			Máy cắt đất SDJ-1 Ứng biến			x		
			Máy nén 3 trục của đất			x		
			Thiết bị lấy mẫu đất (B1.1)			x		
			TB đo độ lún của đất theo PP CBR			x		
			Cân kỹ thuật điện tử			x		
11	Phòng thí nghiệm bộ môn Trắc địa	2	Máy toàn đạc điện tử TCR 703	Sinh viên, giảng viên	141	x		
			Máy toàn đạc điện tử TC 705			x		
			Máy kinh vĩ điện tử hiện số			x		
			Máy thủy chuẩn 3600			x		
			Máy kinh vĩ điện tử DT-209			x		
			Máy thủy bình tự động AT-G4			x		
			Máy kinh vĩ điện tử NE-100			x		
			Máy thủy bình tự động			x		
			Máy thủy chuẩn C32			x		
			Máy kinh vĩ Glun ED T 05			x		
			Máy GPS Ruide R70			x		
			Máy thủy bình AT B4 Topcon			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy toàn đạc Nikon			x		
			Máy định vị vệ tinh			x		
12	Phòng thí nghiệm bộ môn Sức bền vật liệu	3	Máy kéo nén vạn năng DL-Y10	Sinh viên, giảng viên	258	x		
			Máy thí nghiệm kéo nén			x		
			Máy đo dao động Tactograp			x		
			Máy kéo vạn năng GMC-50			x		
			Bộ đo dao động			x		
			Máy đo biến dạng động hiện số SDA 830			x		
			Bộ chuyển đổi điện DCC 544			x		
			Đầu đo gia tốc			x		
			Đầu đo chuyển vị CDP-25,50DP 50A			x		
			Đầu đo chuyển vị CDP-25,50,DP50A			x		
			Phần mềm đo và PT tự động SDA-79			x		
			Bộ thiết bị TN Sức bền Vật liệu			x		
			Máy thử độ kéo vạn năng 300 Tấn (B1.1)			x		
13	Phòng thí nghiệm Điện điện tử, Trung tâm KHCNGTVT	3	Hệ phát triển xử lý tín hiệu số DPS	Sinh viên, giảng viên	108	x		
			Bộ phát triển FPGA			x		
			Anten RF A09HASM			x		
			Hệ thống dạy học và Phát triển nâng cao			x		
			ĐO RLC			x		
			Bộ nguồn thí nghiệm chuẩn			x		
			Đồng hồ đo Ampe			x		
			Hệ phát triển chế tạo chip chuyên dụng			x		
			Máy phân tích phổ			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy tạo dao động			x		
			TB Phòng Thí nghiệm công nghệ xử lý ảnh			x		
			TB thí nghiệm dự án tin học			x		
			Bộ TN thiết bị TN KTDĐT - Phòng TN ảo gói thầu EEC1.3.2			x		
			TB TN điện nguồn và điều khiển vị trí			x		
			Nguồn và các phụ kiện thí nghiệm máy điện tử			x		
			Mô hình đào tạo về về chuyển mạch và biến đổi tĩnh EPE10			x		
			Mô hình đào tạo về về chuyển mạch và biến đổi tĩnh EPE20			x		
			Rô bốt di chuyển cơ bản Pioneer-MiaBot			x		
			Thiết bị cảm biến trong dây chuyền tự động hóa			x		
			Thiết bị đo khuếch đại chuyên dùng			x		
			Bộ điều khiển Logic khả trình			x		
			Biến tần và động cơ CS nhỏ 1.5KW			x		
			Biến tần 2.2KW			x		
			Bộ điều khiển cơ Servo 750W			x		
			Bộ điều khiển lập trình PC			x		
			Mô hình đào tạo NLCB Mạch điện			x		
			Mô hình đào tạo NLCB Máy điện xoay chiều			x		
			Mô hình đào tạo máy điện đồng bộ và hòa đồng bộ			x		
			Bộ robot CN và hệ điều khiển			x		
			Máy đo chuyên dụng và cân động			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
14	Phòng Thí nghiệm Bộ môn Điều khiển học	2	Bộ nguồn 20A/0-250V	Sinh viên, giảng viên	75	x		
			Bộ TN GD cơ sở KT điều khiển			x		
			Bộ GD KT V xử lý máy			x		
			Thiết bị đo và phụ kiện đồng			x		
			Bộ điều khiển lập trình PLC			x		
			Hệ thống ĐKPLC với mạng PR			x		
			Máy hiện sóng công nghiệp xách tay			x		
			Hệ thống thu thập số liệu tự động			x		
			Thiết bị đào tạo điều khiển quá trình			x		
			Bộ thí nghiệm giảng dạy điều khiển tay máy			x		
			Bộ thí nghiệm giảng dạy điều khiển khí nén			x		
			TB TN Simatic S7-300 các loại			x		
			Modul S7-200 6ES&235			x		
			Bộ lập trình cho PC XELTEK Super			x		
			Camers AXI 211-AC			x		
			6ES7412-2XG04-0AB0			x		
			6ES7405-0DA01-0AA0			x		
			6ES7421-1FH20-0AA0			x		
			6ES7412-1BH11-0AA0			x		
15	Phòng thí nghiệm bộ môn Kỹ thuật Viễn thông	1	Dao động ký 2 chùm 20Mhg	Sinh viên, giảng viên	75	x		
			Bộ điều chế và biến đổi E/O			x		
			Bộ thí nghiệm cơ sở KTTT liên lạc			x		
			Bộ giảng dạy kỹ thuật chuyên			x		
			Bộ thí nghiệm kỹ thuật vi ba số			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			MWT					
			Bộ t/hành đ. Thoại kiểu tế bào			X		
			Bộ TN kỹ thuật thông tin quang TPS			X		
			Máy hiện sóng có nhớ KIKUSUI			X		
			Máy đo công suất quang			X		
			Kính hiển vi soi đầu cáp quang			X		
			Thiết bị vi dịch chuyển đầu cáp quang			X		
			Bộ TN tổng hợp đa dịch vụ ISDN			X		
			Bộ TN ti vi màu đa hệ			X		
			Máy hút âm NOVITA			X		
			Bộ công cụ nghiên cứu chuyên sâu các loại ăng ten siêu cao tần			X		
			Phần mềm mô phỏng và tương tác hệ thống quản lý PTN (PTN. VT)			X		
			Máy phân tích mạng cao tần (P.TN Điện tử -VT)			X		
			Hệ thống mô phỏng, thực nghiệm đường truyền siêu cao tần			X		
			Hệ thống công cụ thí nghiệm tổng hợp viễn thông			X		
			Bộ thí nghiệm hệ thống chuyển mạch số			X		
			Máy phân tích tín hiệu N9000A (P.TN Điện tử -VT)			X		
			Máy phát tín hiệu N5172B-506 (P.TN Điện tử -VT)			X		
			Hệ thống nghiên cứu phần mềm thiết bị nhúng và xử lý DSP			X		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy hiện sóng DPO3052 (P.TN Điện tử -VT)			x		
			Máy chiếu PT LB90EA (P.TN Điện tử -VT)			x		
16	Phòng thí nghiệm bộ môn Tự động hóa Điều khiển Giao thông	1	Máy hiện sóng 20MHZ-AL- 210	Sinh viên, giảng viên	50	x		
			Máy phát xung ED 5Mhz, FG- 7005C			x		
			Biến tần 1 pha 3A-6SE6420UC155AAO			x		
			Cảm biến điện tử			x		
			TB điều khiển hệ thống tín hiệu đường sắt			x		
			Hệ thống mô phỏng và ĐK TH đường sắt			x		
			Bộ thí nghiệm cảm biến + các linh kiện			x		
17	Phòng thí nghiệm bộ môn Hóa	4	Lò nung cacbua silic	Sinh viên, giảng viên	162	x		
			Máy đo PH			x		
			Cân phân tích điện tử			x		
			Xác định trọng lượng phân tử			x		
			Thiết bị đo suất điện động			x		
			Thiết bị điện phân nước			x		
			Thiết bị xác định nhiệt phản ứng			x		
			Xác định khối lượng nguyên tử			x		
			Bài TN điện phân nước			x		
			Bài TN xác định khối lượng phân tử			x		
			TB xác định nhiệt hóa hơi			x		
			Bộ thiết bị điện phân nước			x		
			Bộ TB điện phân tinh lọc đồng			x		
			TB xác định đương lượng KL			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			TB xác định nhiệt hóa hơi			x		
			TB đo PH để bàn			x		
			Cân phân tích điện tử			x		
			TB phân tích ăn mòn điện hóaAU			x		
			PK đo tổng trở kháng điện rung			x		
			Điện cực Platin			x		
			Điện cực Bạc			x		
			Điện cực Au			x		
			Đổi điện đổi cực Pt			x		
			Phụ kiện N/c ăn mònD.Corr.Cell			x		
18	Phòng thí nghiệm bộ môn Vật lý	3	K/S các ĐL động lực học trên máy At	Sinh viên, giảng viên	175	x		
			K/S C/đ tịnh tiến quay x/đ mômen quay			x		
			K/S con lắc VL xác định gia tốc TT			x		
			K/S các ĐL động lực học trên đệm KK			x		
			K/S sóng dừng trên dây			x		
			K/S cộng hưởng sóng dừng, xác định vận tốc			x		
			K/S trao đổi nhiệt, x/đ nhiệt dung			x		
			K/S chuyển pha rắn lỏng của thiếc			x		
			K/S mạch điện 1 chiều, xoay chiều			x		
			Đo điện trở bằng cầu 1 chiều, đo sơ			x		
			Nguồn phát laser bán dẫn			x		
			Hộp điện trở thập phân			x		
			K/S đặc tính của diot&tranito			x		
			K/S mạch cộng hưởng RLC			x		
			K/S các ĐL quang hình dùng laser			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			K/S giao thoa qua khe Young			x		
			K/S nhiễu xạ qua khe hẹp			x		
			K/S hiện tượng quang điện ngoài			x		
			K/S phóng xạ dùng máy đếm geigher-m			x		
			Giao diện ghép nối máy tính IF-1			x		
19	Phòng thí nghiệm bộ môn Kỹ thuật thông tin	1	Máy hiện sóng 2 tia	Sinh viên, giảng viên	25	x		
			Máy phát tín hiệu số LW 1641			x		
20	Phòng thí nghiệm bộ môn Kỹ thuật điện	3	Bộ thí nghiệm Cơ sở về máy điện-bàn Feedback	Sinh viên, giảng viên	87	x		
			Hệ T đào tạo về CN khí nén			x		
			Bộ biến tần 3G3 MV A4075			x		
			HT Đt về điều khiển PLC S7-300			x		
			Bộ điều khiển động cơ SERVO R7D-AP 08H			x		
			Động cơ SERVO xoay chiều R7M-A 7530			x		
			Bộ điều khiển lập trình PLC CPM2A 20			x		
21	Thiết bị PTN bộ môn Môi trường và An toàn Giao thông	2	Thiết bị xác định chì SA-5000	Sinh viên, giảng viên	190	x		
			Máy đo nồng độ bụi 8520-1			x		
			Thiết bị đo độ ồn rung VM 5112/3			x		
			Thiết bị quang phổ kế UV 220			x		
			Máy kiểm tra chất lượng nước 7000			x		
			Thiết bị lấy mẫu khí GS 312			x		
			Máy đo khói thải động cơ DIEZEN DX			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Thiết bị đo khí độc cầm tay Multilo			x		
			Máy đo độ ồn âm thanh 1800			x		
			Máy hút ẩm National			x		
			Hệ thống đo nồng độ khí thải			x		
			Cân phân tích			x		
			Máy chưng cất nước 2 lần			x		
			Thiết bị đo khí thải động cơ xăng			x		
			Thiết bị lấy mẫu bụi			x		
			Bộ TB phân tích COD/BOD			x		
			Thiết bị đo độ ẩm			x		
			Thiết bị đo áp suất không khí			x		
			Thiết bị đo PH			x		
			Cảm biến điện hóa cho các đầu đo			x		
			Bộ ghi thu thập tín hiệu 3 kênh			x		
			TB phụ trợ dùng cho máy đo khí độc			x		
			TB quang phổ kế & d cụ TN			x		
			TB đo tốc độ gió và hướng gió			x		
			TB đo cường độ ánh sáng			x		
			Thiết bị kiểm tra độ lắng			x		
			Máy xác định hàm lượng dầu trong nước			x		
			Máy đo PH cầm tay			x		
			Máy đo độ dẫn			x		
			Máy đo độ đục			x		
			Máy lấy mẫu khí			x		
			Máy đo DO			x		
			Tủ sấy			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Tủ hút khí độc			x		
			Máy gia nhiệt			x		
			Máy đếm khuẩn lạc			x		
			TB bị hấp tiệt trùng			x		
			TB đo lưu lượng dòng chảy			x		
			TB lấy mẫu nước theo phương đứng			x		
			TB lấy mẫu nước theo phương ngang			x		
			Bộ ống sục cho TB lấy mẫu			x		
			Quang phổ UV-VI			x		
			Bể ôn nhiệt			x		
			Tủ ẩm			x		
			Kính hiển vi KTS			x		
			Tủ sấy			x		
			Bộ ống sục dùng cho thiết bị lấy mẫu			x		
			Máy đo nhiệt độ độ ẩm			x		
			Máy đo độ ồn			x		
			Máy đo độ rung			x		
22	Phòng thí nghiệm bộ môn Kỹ thuật nhiệt	2	Mô hình điều hòa không khí ô tô	Sinh viên, giảng viên	100	x		
			Điều hòa tủ đứng 3 pha 2 chiều			x		
			Blôc 3 pha Hp			x		
			Máy cắt cầm tay P100			x		
			Máy mài 2 đá			x		
			Đồng hồ vạn năng KTS			x		
			Bơm chân không			x		
23	Phòng thí nghiệm bộ môn Quy hoạch & Quản lý GTVT	1	Máy định vị	Sinh viên, giảng viên	18.52	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Bàn số hóa			x		
			Bộ thu phát tín hiệu radio			x		
			Nguồn điện ngoài cho GPS			x		
			Máy định vị vệ tinh GPS GeoxT Trimb			x		
			Camera cầm tay Sonny MVC CD 400			x		
24	Phòng thí nghiệm Công nghệ thông tin	3	Máy tính Core I3-3220	Sinh viên, giảng viên	138	x		
			Máy tính xách tay			x		
			Máy in đơn sắc Samsung			x		
			Ti vi KTS			x		
	Tổng hợp các phòng thí nghiệm của Phân hiệu thành phố Hồ Chí Minh					x		
1	PTN Vật lý		Khảo sát thiết bị đồng lực	Sinh viên, giảng viên	55.6	x		
			Khảo sát dao động con lắc vật lý. Xác định gia tốc trọng trường			x		
			Khảo sát hệ chuyển động tịnh tiến			x		
			Khảo sát quá trình động lực			x		
			Khảo sát dừng trên sợi dây			x		
			Khảo sát quá trình trao đổi nhiệt			x		
			Khảo sát chuyển pha rắn - lỏng (Bếp điện)			x		
			Khảo sát đặc tính của diode + Transistor			x		
			Khảo sát mạch cộng hưởng RLC			x		
			Khảo sát các định luật quang học			x		
			Đo nguồn điện			x		
			Xác định bước sóng tia laser (Khe Young)			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Kính hiển vi			x		
			Đồng hồ bấm giây			x		
2	PTN. Viễn thông		Bộ thiết bị thực tập cơ sở CN	Sinh viên, giảng viên	46.4	x		
			Máy vi tính CMS 2Ghz (P4)			x		
			Máy hiện sóng Pintek 25Mhz			x		
			Bộ tổng đài DTS			x		
			Bộ tổng đài TOCA 256 + Hộp cầu chì			x		
			Bảng Mica			x		
			Bàn gỗ			x		
			Các thiết bị hàn điện tử			x		
			Đồng hồ VOM			x		
			Đồng hồ số VOM			x		
			Bộ thí nghiệm cáp quang			x		
			Teknikit control 92-300			x		
			Kit DSK 6711			x		
			Kit Z8S18000ZCO			x		
			Kit Digital Signal Processing TMS320C5X			x		
			Điện thoại bàn			x		
			Máy đo luồng E1			x		
			Bộ định tuyến Gateway cho VoIP			x		
3	P.Tin học 1 (202E7)	1	Máy tính	Sinh viên, giảng viên	103	x		
4	P.Tin học 2 (203E7)	1	Máy tính	nt	81	x		
5	P.Tin học 3 (205E7)	1	Máy tính	nt	81	x		
6	P.Tin học 4 (Thư viện)	1	Máy tính	nt	90	x		
7	P. Tin học 5 (204E7)	1	Máy tính	nt	120	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
						x		
8	PTH.Điện điện tử	1	KIT thực hành LOGO 1213	Sinh viên, giảng viên	91.8	x		
			KIT thực hành PLC 1201			x		
			Bộ thực hành PLC S7-300			x		
			Máy chiếu 3M Overhead			x		
			Máy vi tính			x		
			Máy hiện sóng Kenwood 40Mhz CS-4135			x		
			Bộ thực hành đo lường điện			x		
			Bộ thực hành điện tử công suất			x		
			Bộ thực hành đo lường cảm biến			x		
			Bộ thực hành vi xử lý MPE-300-V5			x		
			Đồng hồ vạn năng			x		
			Máy dao động ký số DS 1102E			x		
			Máy tạo hàm DG 1022			x		
			Máy phân tích phổ DSA 1030			x		
			Bộ thí nghiệm Thủy lực Đại cương			x		
			Máy đo độ nhớt			x		
9	PTN.Thủy lực	1	Bộ thí nghiệm thủy tĩnh	Sinh viên, giảng viên	40.8	x		
			Nhiệt kế			x		
			Đồng hồ bấm giây			x		
			Chân không kế			x		
10	PTN. Địa kỹ thuật 1		Máy nén CBR điện tử	Sinh viên, giảng viên	61.2	x		
			Máy thử cắt đất tự động			x		
			Máy nén cố kết đất			x		
			Máy nén ba trục			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Cân phân tích 210g			x		
			Cân kỹ thuật 30Kg			x		
			Cân bàn điện tử 150Kg			x		
			Bếp điện phẳng			x		
			Bếp cách cát			x		
			Máy vi tính			x		
11	PTN. An toàn môi trường		Máy lấy mẫu khí	Sinh viên, giảng viên	51	x		
			Máy quang phổ UV-VIS			x		
			Máy đo bụi hiện số			x		
			Máy xác định hàm lượng dầu trong nước			x		
			Máy đo DO			x		
			Máy đo độ dẫn			x		
			Máy đo độ đục			x		
			Máy đo PH cầm tay			x		
			Thiết bị xác định BOD			x		
			Tủ âm BOD			x		
			Bộ micropipet			x		
			Bếp phá mẫu BOD			x		
			Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm và tốc độ gió			x		
			Đồng hồ đo áp suất không khí			x		
			Thiết bị lấy mẫu nước theo phương đứng			x		
			Thiết bị lấy mẫu nước theo phương ngang			x		
			Máy quay kỹ thuật số			x		
			Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử			x		
12	PTN. Hiện trường		Máy siêu âm bê tông TICO	Sinh viên, giảng viên	40.8	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Kính lúp đo vết nứt C399			x		
			Máy đo tiếng ồn 6224			x		
			Máy định vị cốt thép (Profometer 5)			x		
			Phễu rót cát GRY-2			x		
			Súng bột nảy M99961			x		
			Máy thủy bình NI030			x		
			Máy thủy bình SLOM			x		
			Máy thủy bình N11263			x		
			Máy kinh vĩ THEO020			x		
			Máy toàn đạc			x		
			Máy kinh vĩ điện tử EDT 02 (Glunz)			x		
			Máy Thủy bình Jogger 28 của Leica			x		
			Máy Thủy chuẩn Pentax			x		
			Máy kinh vĩ điện tử Pentax			x		
			Con lắc Anh			x		
			Đồng hồ đo chuyển vị 5cm			x		
			Đầu đo chuyển vị			x		
			Bộ cần Benkeman B102			x		
			Máy đo dao động tần số thấp			x		
			Thước đo độ bằng phẳng 3m			x		
			Thiết bị phân tích khí thải động cơ ô tô			x		
			Thiết bị đo rung động			x		
			Hệ thống đo độ nhám mặt đường			x		
			Súng bắn tốc độ			x		
			Máy định vị GPS			x		
			Máy đếm lưu lượng xe			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Thiết bị đo độ gồ ghề mặt đường			x		
			Thiết bị đo độ bằng phẳng			x		
			Máy phân tích xóc nảy			x		
13	PTN. Hóa học		Thiết bị điện phân nước	Sinh viên, giảng viên	51	x		
			Thiết bị xác định khối lượng phân tử			x		
			Thiết bị xác định nhiệt hóa hơi, nhiệt trung hòa, nhiệt hòa tan và nhiệt phản ứng			x		
			Thiết bị xác định đương lượng			x		
			Thiết bị đo PH để bàn			x		
			Cân phân tích điện tử			x		
			Bếp điện LX			x		
			Bình Oxy			x		
			Cân Roberval + hộp quả cân			x		
			Đồng hồ đo VDC 15V			x		
			Đồng hồ VOM			x		
			Đồng hồ bấm giây điện tử			x		
			Nhiệt kế 0-100 độ C đỏ (TQ)			x		
			Nhiệt kế 0-200 độ C đỏ (TQ)			x		
14	PTN. Sức bền vật liệu		Máy kéo nén vạn năng 10 tấn TQ	Sinh viên, giảng viên	56	x		
			Máy đo biến dạng tĩnh và động nhiều kênh DRA-30A			x		
			Tengo met đòn TQ			x		
			Ten go mét đòn Liên Xô			x		
			Bách phân kế			x		
			Dụng cụ đo biến dạng			x		
			Thước kẹp 0-200mm			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Thước kẹp từ 0 - 300mm			x		
			Pan me 0-25mm			x		
			Đồng hồ đo điện DE 360TRE			x		
			Máy Tính			x		
			Dầm thép 640x20x10			x		
			Dầm thép 640x20x6			x		
			Ống thép 870, D30, d26			x		
			Thanh thép U 820x80x2			x		
15	P. Thực tập xưởng		Máy phay nằm WaKly		168	x		
			Máy tiện (TSL - DX)			x		
			TKCT-01017			x		
			Máy tiện Takisawa TSL-800			x		
			Máy tiện T6M1			x		
			Máy tiện Tashing 1000B			x		
			Máy khoan bàn loại nhỏ			x		
			Máy khoan Constan			x		
			Máy hàn bấm VN			x		
			Máy hàn điện 1 chiều			x		
			Máy hàn điện xoay chiều			x		
			Quạt công nghiệp VN			x		
			Êtô gắn trên bàn nguội			x		
			Máy cắt sắt Hồng ký			x		
			Máy mài 2 đá nhỏ di động			x		
			Thước cặp 150			x		
			Thước êke vuông			x		
			Máy trộn bê tông 135 lít B-180			x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Bàn máy			x		
			Bàn vạm			x		
			Kìm cắt sắt lớn			x		
			Máy cưa Captain			x		
			Kìm cắt sắt loại nhỏ					
16	P.Mô hình cơ khí ô tô		Thiết bị chuẩn đoán ô tô	Sinh viên, giảng viên	88	x		
			Động cơ DIEZEL RV95					
			Mô hình điện thân xe (Hệ thống điện tổng hợp)					
			Mô hình giảng dạy hộp số tự động					
			Mô hình hệ thống phanh ABS					
			Mô hình giảng dạy động cơ phun xăng trực tiếp					
			Mô hình phun xăng điều khiển bằng điện tử và đánh lửa trực tiếp Bobile đơn có VVT-I Táp lô hiển thị					
			Mô hình hệ thống điều hòa tự động					
			Mô hình động cơ phun dầu trực điện tử ComMon rail					
			Mô hình động cơ DIEZEL điều khiển điện tử (EDC)					
			Mô hình 3 lăng 5 tạ					
			Mô hình động cơ tàu thủy					
			Thước cặp cơ					
			Thước cặp hiện số					
			Pame cơ					
			pame hiện số					
			Đồng hồ so cơ					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Đồng hồ so điện tử					
			Bộ nguồn một chiều					
			Card giao tiếp màn hình máy tính					
			Cảm biến đo tải					
			Máy in Cannon					
			Đồng hồ đo áp suất động cơ diesel và động cơ xăng					
			Máy nén khí					
			Tủ đựng dụng cụ					
			Súng hơi tháo đai ốc					
			Cần siết lực					
			Cào 3 châu thủy lực					
			Dụng cụ lắp pittông					
			Đồng hồ VOM hiển thị số					
			Cầu kích nâng thủy lực 2T					
			Kích đội cá sấu					
			Bộ dụng cụ tháo lắp					
17	P.Mô hình cơ khí		Hệ thống thiết bị thủy lực cắt bỏ 1	Sinh viên, giảng viên	40	x		
			Hệ thống thiết bị thủy lực cắt bỏ 1					
			Hệ thống thiết bị thủy lực cắt bỏ 1					
			Các thiết bị khí nén					
			Các thiết bị cơ khí và điện					
			Trạm nguồn thủy lực I					
			Trạm nguồn thủy lực II					
18	PTN. Địa kỹ thuật 2		Máy cắt đất TQ ZJ	Sinh viên, giảng viên	57.6	x		
			Máy nén đất TQ					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Tủ sấy TQ 300 độ					
			Cân đồng hồ Nhơn Hòa					
			Cân kỹ thuật 0,01g USA					
			Bếp điện Liên.xô					
			Cốc sắt Vasiliev					
			Bộ dụng cụ thí nghiệm hiện trường					
			Cối Casagrande					
			Hydrometer					
19	PTN.Bê tông nhựa		Máy kéo dài nhựa có hệ thống lạnh LY-20A	Sinh viên, giảng viên	57.6	x		
			Độ kim lún					
			Bếp ga					
			Máy gia nhiệt					
			Bộ sàng					
			Máy nén mẫu Marshall 30kN					
			Máy trộn BT nhựa 20 lít (BF-20)					
			Khuôn marshall (BMT-30)					
			Máy đầm mẫu Marshall (HND-1)					
			Bê điều nhiệt Marshall (DHC-57)					
			Kích tháo mẫu (TYT-3)					
			Máy lắc đương lượng cát (S160)					
			Xác định độ chặt bằng bong bóng nước (S230)					
			Máy đầm CBR					
			Máy đầm mẫu Marshall					
			Thí nghiệm khối lượng riêng của bê tông nhựa					
			Thí nghiệm nhiệt độ					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			hóa mềm của bitum					
			Thí nghiệm kim lún					
			Xác định khối lượng riêng của bitum					
			Bộ dụng cụ lọc xác định độ hòa tan trong Tricloetylen					
			Nhớt kế Brookfield					
			Dụng cụ thử thấm bê tông nhựa					
			Bộ sàng Bê tông nhựa					
			Bộ thí nghiệm chớp cháy					
20	PTN. Bê tông xi măng		Bộ Vica: x/đ lượng nước TC của XM	Sinh viên, giảng viên	57.6	x		
			Độ sụt Bê tông					
			Máy rung mẫu					
			Máy lắc sàn					
			Cân nhơn hòa					
			Khuôn mẫu BTXM					
			15x15x15					
			7,07x7,07x7,07					
			15x15x60					
			10x10x10					
			4x4x4					
			15x30 trụ					
			Máy thử mài mòn Los angele (MH-II)					
			Máy lắc sàng (YS-2) Trung Quốc					
			Cân hiện trường (BC-15)					
			Cân kỹ thuật					
			Máy nén 200T Italia					
			Bộ thí nghiệm đo khối lượng thể tích,					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			khối lượng riêng của vật liệu cát, đá.					
			Sàng 0.08mm					
			Máy thử uốn bê tông					
			Máy thử thấm bê tông xi măng					
			Máy thử mài mòn bê tông xi măng					
			Nhớt kế Vêbe					
			Máy nén xi măng					

43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây: (đơn vị: Triệu đồng)
- Năm 2016: 294.902
 - Năm 2017: 307.643
 - Năm 2018: 314.502
 - Năm 2019: 359.616
 - Năm 2020: 365.910 (dự kiến)
44. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:
- Năm 2016: 147.714
 - Năm 2017: 166.195
 - Năm 2018: 175.104
 - Năm 2019: 182.879
 - Năm 2020: 202.000 (dự kiến)
45. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:
- Năm 2016: 17.806
 - Năm 2017: 14.359
 - Năm 2018: 16.327
 - Năm 2019: 23.814
 - Năm 2020: 24.304 (dự kiến)
46. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng
- Năm 2016: 24.608
 - Năm 2017: 20.987
 - Năm 2018: 24.917
 - Năm 2019: 32.064
 - Năm 2020: 35.000 (dự kiến)
47. Tổng chi cho hoạt động đào tạo
- Năm 2016: 95.760
 - Năm 2017: 98.530
 - Năm 2018: 101.915
 - Năm 2019: 103.395

- Năm 2020: 110.000 (dự kiến)
- 48. Tổng chi cho phát triển đội ngũ
 - Năm 2016: 3.075
 - Năm 2017: 3.473
 - Năm 2018: 4.201
 - Năm 2019: 4.388
 - Năm 2020: 4.500 (dự kiến)
- 49. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm
 - Năm 2016: 1.350
 - Năm 2017: 1.500
 - Năm 2018: 1.800
 - Năm 2019: 2.415
 - Năm 2020: 2.650 (dự kiến)

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2009	2015	VNU -CEA	3//2016	82%	23/3/2016	23/3/2021
2	CTĐT ngành Kinh tế xây dựng	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2016		VNU -CEA	1/2017	86%	3/2017	3/2022
3	CTĐT ngành Kinh tế vận tải	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2016		VNU -CEA	1/2017	88%	3/2017	3/2022
4	CTĐT ngành Khảo thác vận tải	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2016		VNU -CEA	1/2017	86%	3/2017	3/2022
5	CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2016		VNU -CEA	1/2017	86%	3/2017	3/2022
6	CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2016		VNU -CEA	1/2017	88%	3/2017	3/2022

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 791

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 78,31%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 28,8%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 56,29%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 16592

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi):

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 94%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 6%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (79,62%):

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (16%):

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (3%)

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (71,4%):

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (28,6%):

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0,35

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 23,5

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,1

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 2,3

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 2,14

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 3,1

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0,15

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Giấy Chứng nhận kiểm định Chất lượng cơ sở giáo dục: Số 02 ngày 23/3/2016

Cấp chương trình đào tạo: Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng CTĐT đối với 05 CTĐT: ngày 23/3/2017

Phụ lục 02. Các quyết định, kế hoạch TĐG

1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá giai đoạn 2016 - 2020
2. Quyết định thành lập Nhóm công tác
3. Quyết định thành lập Ban thư ký
4. Thông báo kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường giai đoạn 2016 - 2020

Số: 1443/QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét Tờ trình của Phòng KT&ĐBCLĐT ngày 10/9/2020;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục có trách nhiệm hoàn thành tốt công tác được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị: TCCB, HCTH, TC-KT, TT-PC, ĐTĐH, ĐTSĐH, KT&ĐBCLĐT; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: HCTH, TCCB.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số: **1443** /QĐ-ĐHGTVT ngày **09** tháng **9** năm 2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ TT
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	Chủ tịch HĐ Trường	Phó CTHĐ
4	PGS.TS. Nguyễn Duy Việt	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
5	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ
6	PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa	TP. KT & ĐBCKĐT	Ủy viên TT- Trưởng ban Thư ký
7	TS. Trịnh Quang Khải	TP. HTQT & NCPT	Ủy viên - Trưởng nhóm 1
8	TS. Nguyễn Văn Hải	TP. HCTH	Ủy viên - Trưởng nhóm 2
9	TS. Nguyễn Đình Tứ	PTP. TCCB	Ủy viên - Trưởng nhóm 3
10	TS. Phạm Thanh Hà	TP. Đào tạo đại học	Ủy viên - Trưởng nhóm 4
11	ThS. Nguyễn Thị Mai Anh	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên - Trưởng nhóm 5
12	TS. Dương Hữu Tuyền	Phó TP. KT & ĐBCLĐT	Ủy viên - Trưởng nhóm 6
13	PGS.TS. Lê Hoài Đức	Trưởng phòng CTCT&SV	Ủy viên - Trưởng nhóm 7
14	PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến	Trưởng phòng KHCN	Ủy viên - Trưởng nhóm 8
15	TS. Nguyễn Văn Du	TP. KT&ĐBCLĐT - PH	Ủy viên - Trưởng nhóm 9
16	ThS. Hồ Sỹ Diệp	Trưởng phòng TBQT	Ủy viên
17	PGS.TS. Lê Hải Hà	Trưởng phòng ĐTSĐH	Ủy viên
18	ThS. Vũ Tiến Sỹ	Trưởng phòng TT-PC	Ủy viên
19	PGS.TS. Bùi Tiến Thành	Trưởng khoa Công trình	Ủy viên
20	PGS.TS. Trần Ngọc Hiền	Trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên
21	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải	TK. Điện – Điện tử	Ủy viên
22	PGS.TS. Vũ Trọng Tích	Trưởng khoa VT-KT	Ủy viên

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
23	PGS.TS. Ngô Đăng Quang	Trưởng khoa KTXD	Ủy viên
24	TS. Hoàng Văn Thông	Trưởng khoa CNTT	Ủy viên
25	PGS.TS. Bùi Ngọc Toàn	Trưởng khoa Quản lý XD	Ủy viên
26	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng khoa MT & ATGT	Ủy viên
27	PGS.TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng khoa ĐTQT	Ủy viên
28	PGS.TS. Nguyễn Thị Mai	TK. Khoa học cơ bản	Ủy viên
29	ThS. Ngô Thị Thanh Huyền	CV. Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên –Thư ký HĐ

2



Số: 1624 /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng
Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét Tờ trình của Phòng KT&ĐBCLĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục có trách nhiệm hoàn thành tốt công tác được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị: TCCB, HCTH, TC-KT, TT-PC, ĐTDH, ĐTSĐH, KT&ĐBCLĐT; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: HCTH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Ngọc Long

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1624 /QĐ-ĐHGTVT ngày 06 tháng 10 năm 2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa	TP. KT&ĐBCKĐT	Trưởng ban
2	TS. Dương Hữu Tuyền	PTP. KT&ĐBCKĐT	Phó Trưởng ban
3	ThS. Ngô Thùy Linh	CV.P.HTQT&NCPT	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Nga Hằng	CV. P.HCTH	Thành viên
5	TS. Nguyễn Cao Ý	TBM. QTKD	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thanh Bình	CV. P.ĐTĐH	Thành viên
7	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	CV. P.TCKT	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Quốc Huy	CV. P.KT&ĐBCLĐT	Thành viên
9	CN. Triệu Hải Hà	CV. P.CTCT và SV	Thành viên
10	CN. Nguyễn Thị Mai Hương	CV.P.KHCN	Thành viên
11	CN. Đặng Nguyễn Quang Huy	CV.P.TBQT	Thành viên
12	CN. Nông Hải Châu	CV.P.KT&ĐBCLĐT - PH	Thành viên

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm tiếp tục thực hiện công tác đảm bảo chất lượng nói chung, nâng cao chất lượng trong đào tạo của trường Đại học Giao thông Vận tải và đảm bảo các điều kiện để nhà trường được tiến hành kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường, ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Thông qua công tác tự đánh giá, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng mọi mặt hoạt động của Trường để từ đó xây dựng các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

Xây dựng hệ thống minh chứng đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chức năng, các bên liên quan và với xã hội về thực trạng chất lượng cơ sở giáo dục và để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu

Công tác tự đánh giá phải được thực hiện một cách công khai và minh bạch, gắn liền với việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường.

Kế hoạch thực hiện được công khai trên phương tiện thông tin của nhà trường, kết quả tự đánh giá phải được lấy ý kiến của các bên liên quan.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của trường Đại học Giao thông vận tải trên tất cả các mặt công tác theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GDĐT, ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Thời gian đánh giá, trong giai đoạn từ 2016 - 2020

III. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số

12/2017/TT-BGDDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT .

2. Công văn 766/QLCL – KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 về hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học và Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng.

IV. Nội dung đánh giá

Thực hiện theo các nội dung tự đánh giá ban hành kèm theo 12/2017/TT-BGDDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng về thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768 QLCL-KĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2018, gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí.

Tổ chức tiến hành tự đánh giá: Chia thành các nhóm thực hiện với các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

- Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng
- Nhóm 2: Tiêu chuẩn 2. Quản trị
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng
- Nhóm 3: Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực
- Nhóm 4: Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo
- Nhóm 5: Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường
- Nhóm 6: Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Nhóm 7: Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Nhóm 8: Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Nhóm 9: Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và Cơ sở vật chất

Nhóm 10: Các nội dung liên quan các tiêu chuẩn tại Phân hiệu

V. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường ĐH GTVT được thành lập theo Quyết định số 1443/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Trường Đại học Giao thông vận tải bao gồm 29 thành viên, do Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng (gửi kèm theo kế hoạch - phụ lục 1)

2. Ban thư ký và các nhóm công tác

a) Nhiệm vụ của Ban thư ký

- Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng trong nhà trường, xem xét và hỗ trợ về mặt kỹ thuật trong quá trình hoàn thiện báo cáo.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá yêu cầu.
- Chủ động giải quyết công việc phát sinh và báo cáo Hội đồng đánh giá khi cần thiết.
- Chịu trách nhiệm hoàn thiện báo cáo TĐG từ các báo cáo của các nhóm công tác
- Chịu trách nhiệm viết và hoàn thiện các nội dung chung, CSDL, phụ lục của báo cáo TĐG.

Danh sách nhóm thư ký kèm theo kế hoạch này (phụ lục 2)

b) Nhóm công tác

- Thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng đánh giá phân công.

- Hoàn thiện báo cáo theo nội dung Hội đồng tự đánh giá phân công.
- Thu thập, hoàn thiện các minh chứng phục vụ cho báo cáo do nhóm phụ trách.
- Tập hợp cơ sở dữ liệu theo các phụ lục, các bảng tổng hợp theo quy định.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo tự đánh giá do nhóm mình phụ trách.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá yêu cầu.
- Chủ động báo cáo Hội đồng tự đánh giá công việc phát sinh khi cần thiết.
- Có kế hoạch phối hợp thực hiện với các đơn vị trong nhà trường và các nhóm liên quan.

Danh sách nhóm công tác kèm theo kế hoạch này - phụ lục 3

VI. Kế hoạch huy động các nguồn lực

1. Về nhân lực tham gia quá trình tự đánh giá

- Nhân lực tham gia quá trình tự đánh giá là các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và thành viên các nhóm tự đánh giá.

- Trường hợp khi các nhóm công tác chuyên trách có kế hoạch yêu cầu huy động bổ sung nguồn nhân lực, Nhà trường có thể huy động các cán bộ, giảng viên và nhân viên từ các đơn vị trong trường. Trường các đơn vị trong trường có trách nhiệm tạo điều kiện để đáp ứng các yêu cầu liên quan đến công tác tự đánh giá.

2. Cơ sở vật chất

Các nhóm công tác chuyên trách có thể sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị. Việc mua sắm các trang thiết bị cần thiết cho công tác tự đánh giá được xem xét trên cơ sở đề xuất của các nhóm công tác chuyên trách, tổ xử lý dữ liệu gửi về Ban thư ký để tổng hợp trình Chủ tịch hội đồng xét duyệt.

3. Thuê chuyên gia ngoài

Thuê 02 chuyên gia về tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục tư vấn trong suốt quá trình tự đánh giá. Nội dung công việc cụ thể được quy định trong hợp đồng làm việc và kế hoạch tư vấn chi tiết được phê duyệt.

4. Về kinh phí

Kinh phí tự đánh giá gồm các nội dung chi cơ bản sau:

- Chi tập huấn, hội nghị, hội thảo, thuê chuyên gia tư vấn;
- Chi thu thập tài liệu và xử lý minh chứng;
- Chi khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; phỏng vấn, điều tra các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên;

- Chi viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn;
- Chi vật tư, văn phòng phẩm và các khoản chi khác.
- Chi phí điều hành và triển khai thực hiện của Hội đồng, Ban Thư ký, các Nhóm công tác chuyên trách;

Mức chi phí theo quy định hiện hành.

VII. Tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Chủ trì
1	Thành lập Hội đồng Tự đánh giá (TĐG)	31/8-4/9/2020	Hiệu trưởng
2	Thành lập Nhóm công tác Tự đánh giá và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác	4/9-10/9/2020	Hiệu trưởng
3	Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn TĐG.	10/9-18/9/2020	Chủ tịch HĐTĐG
4	Gửi bản hướng dẫn, thống nhất cách trình bày báo cáo TĐG.	15/9-20/9/2020	Ban thư ký
5	Hội đồng TĐG phân công nhiệm vụ cho Ban thư ký, Nhóm công tác; Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan; Công bố kế hoạch TĐG.	20/9-25/9/2020	Hội đồng TĐG
6	Các nhóm công tác : - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí. - Đề xuất các biện pháp (nếu có) để hoàn thiện, bổ sung minh chứng theo mốc chuẩn.	18/9-15/10/2020	Nhóm công tác
7	Các nhóm công tác viết các báo cáo TĐG của từng tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết); Phối hợp với Ban thư ký hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo các phụ lục.	15/10-31/11/2020	Nhóm công tác
8	Ban thư ký: 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin	1/12-8/12/2020	Ban thư ký

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Chủ trì
	và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung.		
9	Ban thư ký tập hợp các báo cáo của các nhóm công tác, hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá, báo cáo Hội đồng TĐG.	9/12-19/12/2020	Ban Thư ký
10	Hội đồng TĐG xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)	21/12-25/12/2021	Hội đồng TĐG
11	Hội đồng TĐG công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá; Lấy ý kiến của các bên liên quan.	28/12/2020-8/1/2021	Hội đồng TĐG
12	Họp Hội đồng TĐG hoàn thiện, bổ sung báo cáo theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. - Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. - Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối.	11/1-15/1/2021	Hội đồng TĐG
13	Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GDĐT.	18/1-18/2/2021	Phòng Khảo thí & ĐBCCLĐT
14	Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).	18/2 – 18/3/2021	Hội đồng TĐG
15	Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần)	18/3/2021	Hội đồng TĐG, Ban thư ký, nhóm công tác

Nơi nhận:

- Cục QLCL – Bộ GD và ĐT
- Hội đồng trường
- BGH
- Hội đồng TĐG
- Các đơn vị trong trường
- Lưu : KT&ĐBCCLĐT - HCTH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ 
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.Nguyễn Ngọc Long

Phụ lục 01**Danh sách thành viên hội đồng TĐG**

(Theo Kế hoạch số **604**/KH- ĐHGTVT ngày **07** tháng **10** năm 2020)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long	Hiệu Trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương	Phó Hiệu Trưởng	Phó CTHĐ, Thường trực
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	Chủ tịch HĐ Trường	Phó CTHĐ
4	PGS.TS. Nguyễn Duy Việt	Phó Hiệu Trưởng	Phó CTHĐ
5	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Phó Hiệu Trưởng – Giám đốc Phân hiệu	Phó CTHĐ
6	PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa	Trưởng Phòng KT & ĐBCKĐT	Thành viên Trưởng Ban thư ký
7	TS. Trịnh Quang Khải	Trưởng Phòng HTQT và NCPT	Thành viên - Trưởng nhóm 1
8	TS. Nguyễn Văn Hải	Trưởng Phòng HCTH	Thành viên - Trưởng nhóm 2
9	TS. Nguyễn Đình Tứ	Phó Trưởng Phòng TCCB	Thành viên - Trưởng nhóm 3
10	TS. Phạm Thanh Hà	Trưởng Phòng Đào tạo ĐH	Thành viên - Trưởng nhóm 4
11	Ths. Nguyễn Thị Mai Anh	Trưởng phòng TCKT	Thành viên - Trưởng nhóm 5
12	TS. Dương Hữu Tuyển	Phó TP. KT & ĐBCKĐT	Thành viên – Trưởng nhóm 6
13	PGS.TS. Lê Hoài Đức	Trưởng Phòng CTCT&SV	Thành viên - Trưởng nhóm 7
14	PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến	Trưởng Phòng KHCN	Thành viên - Trưởng nhóm 8
15	ThS.Hồ Sỹ Diệp	Trưởng phòng TBQT	Thành viên Trưởng nhóm 9
16	TS. Nguyễn Văn Du	Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT - PH	Thành viên - Trưởng nhóm 10
17	PGS.TS. Lê Hải Hà	Trưởng Phòng SDH	Thành viên
18	Ths. Vũ Tiến Sỹ	Trưởng phòng TTPC	Thành viên
19	PGS.TS. Bùi Tiến Thành	Trưởng Khoa Công trình	Thành viên
20	PGS.TS. Trần Ngọc Hiền	Trưởng Khoa Cơ Khí	Thành viên
21	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Khoa Điện-Điện tử	Thành viên
22	PGS.TS. Vũ Trọng Tích	Trưởng Khoa VT-KT	Thành viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
23	PGS.TS. Ngô Đăng Quang	Trưởng Khoa KTXD	Thành viên
24	TS. Hoàng Văn Thông	Trưởng Khoa CNTT	Thành viên
25	PGS.TS. Bùi Ngọc Toàn	Trưởng Khoa Quản lý XD	Thành viên
26	TS. Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng Khoa MT & ATGT	Thành viên
27	PGS.TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng Khoa ĐTQT	Thành viên
28	PGS.TS. Nguyễn Thị Mai	Trưởng Khoa Khoa học CB	Thành viên
29	ThS. Ngô Thị Thanh Huyền	CV. Phòng KT&ĐBCLĐT	Thành viên –Thư ký HĐ

(Danh sách này gồm 29 người)



Phụ lục 02

Danh sách thành viên Ban thư ký

(Theo Kế hoạch số **601**/KH- ĐHGTVT ngày **17** tháng **10** năm 2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa	Trưởng P. KT&ĐBCKĐT	Trưởng ban
2.	TS. Dương Hữu Tuyền	PTP. KT&ĐBCKĐT	Phó Trưởng ban
3.	Ths. Ngô Thùy Linh	CV.P. HTQT&NCPT	Thành viên
4.	Ths. Nguyễn Thị Nga Hằng	CV. P. HCTH	Thành viên
5.	TS. Nguyễn Cao Ý	TBM. QTKD	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	CV. P.ĐTĐH	Thành viên
7.	Ths. Vũ Thị Hoàng Yến	CV. P. TCKT	Thành viên
8.	Ths. Nguyễn Quốc Huy	CV. P.KT&ĐBCLĐT	Thành viên
9.	Ths. Triệu Hải Hà	CV. P CTCT và SV	Thành viên
10	Ths. Nguyễn Thị Mai Hương	CV.P.KHCN	Thành viên
11	CN. Đặng Nguyễn Quang Huy	CV.P TBQT	Thành viên
12	CN. Nông Hải Châu	CV.P.KT&ĐBCLĐT - PH	Thành viên

(Danh sách này gồm 12 người)



Phụ lục 03
Danh sách thành viên Nhóm công tác
(Theo Kế hoạch số 601/KH- ĐHGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2020)

Nhóm	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	- TS. Trịnh Quang Khải	Trưởng P.HTQT & NCPT	Trưởng nhóm
		- Ths. Bùi Thị Giang	PTP.HTQT & NCPT	Phó trưởng nhóm
	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại			
	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	- Ths. Ngô Thùy Linh	CV. P HTQT & NCPT	Thư ký
		- Ths. Nguyễn Phương Ngân	CV. P HTQT & NCPT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	- Ths. Nguyễn Đỗ Minh Hằng	CV. P HTQT & NCPT	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	- TS. Nguyễn Văn Hải	Trưởng P. HCTH	Trưởng nhóm
		- Ths. Nguyễn Thị Nga Hằng	CV. P.HCTH	Thư ký
	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	- Ths. Nguyễn Trung Việt	Giám đốc TT. UĐ CNTT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	- Ths. Phạm Thị Thanh Hoa	CV.TT. UĐCNTT	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	- TS. Nguyễn Đình Tứ	Phó TP. P.TCCB	Trưởng nhóm
		- TS Nguyễn Cao Ý	TBM. QTKD	Thư ký
	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	- Ths. Trần Thị Hồng Thúy	CV.P.KT&ĐBCLĐT	Thành viên
		- ThS Ng. Thị Bích Thúy	CV. P. TCCB	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	- TS. Phạm Thanh Hà	Trưởng P. ĐTDH	Trưởng nhóm
		- TS. Nguyễn Thanh Bình	CV. P ĐTĐT	Thư ký
		- TS. Lê Vĩnh An	Phó TP.ĐTDH	Thành viên
	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	- Ths. Lê Quang Vượng	CV. P ĐTĐT	Thành viên
		- Ths. Phạm Thị Thanh Tâm	CV. P ĐTĐT	Thành viên
		- Ths. Tạ Thị Hồng Vân	CV. P ĐTĐT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	- TS. Đỗ Tiến Vượng	CV. Khoa ĐTQT	Thành viên
		- Ths. Trần Thị Hạnh Hương	CV.PKT&ĐBCLĐT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 22. Kết	- Ths. Nguyễn Sỹ Hùng	CV. P ĐT SDH	Thành viên

Nhóm	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
	quả đào tạo			
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	- Ths. Nguyễn Thị Mai Anh - Ths. Vũ Thị Hoàng Yến - Ths. Nguyễn Thị Huệ	Trưởng P TCKT CV. P TCKT CV. P TCKT	Trưởng nhóm Thư ký Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	- TS. Dương Hữu Tuyển - Ths. Nguyễn Quốc Huy	PTP. KT&ĐBCLĐT CV KT&ĐBCLĐT PTP..PKT&ĐBC	Trưởng nhóm Thư ký Thành viên
	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	- PGS.TS. Phạm Duy Anh - Ths. Ngô Thị Thanh Huyền - Ths. Trần Thị Hồng Thúy	LĐT CV.PKT&ĐBCLĐT CV.PKT&ĐBCLĐT	Thành viên Thành viên Thành viên
	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong			
	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng			
	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học			
Nhóm 7	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học	- PGS.TS. Lê Hoài Đức - Ths. Triệu Hải Hà - PGS.TS. Hồ Xuân Nam	Trưởng Phòng CTCT & SV CV.P.CTCT&SV PTP. P.CTCT&SV CV.P.CTCT&SV	Trưởng nhóm Thư ký Thành viên Thành viên
	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	- Ths. Bùi Quỳnh Như		
Nhóm 8	Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	- PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến - Ths. Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng P. KHCN CV. P.KHCN	Trưởng nhóm Thư ký
	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	- CN. Phạm Anh Linh - CV. Phạm Thị Hồng Thoa	CV. P.KHCN CV. P TCKT	Thành viên Thành viên
	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	- ThS. Ngô Thùy Linh	CV. P HTQT &NCPT	Thành viên
Nhóm 9	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và	- Ths. Hồ Sỹ Diệp	Trưởng P.TBQT	Trưởng nhóm

Nhóm	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
	Cơ sở vật chất	- CN. Đặng Nguyễn Quang Huy - TS. Tống Anh Tuấn - Ths. Nguyễn Thanh Thủy	CV. P TBQT CV. P TBQT PGD. TTTT Thư viện	Thư ký Thành viên Thành viên
Nhóm 10	Các nội dung liên quan các tiêu chuẩn tại Phân hiệu	- TS. Nguyễn Văn Du - CN. Nông Hải Châu - TS. Dương Hữu Tuyền - ThS Đặng Ngọc Thương - CN. Huỳnh Thị Thanh Phương - ThS. Nguyễn Văn Tường	Trưởng P. KT&ĐBCLĐT - PH CV.P.KT&ĐBCLĐT-PH Phó TP. P. KT&ĐBCLĐT Phó TP. P. CTCT&SV - PH Phó TP. P. TCHC - PH CV. Ph.Đào tạo – PH	Trưởng nhóm Thư ký Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên

Handwritten signature/initials